Trích chọn các Kinh theo các Chủ đề Giáo lý (Bhikkhu Bodhi; Lê Kim Kha dịch)

Nikaya — bài lẻ & đối chiếu

Lời Người Dịch

Kính gửi các Tăng, Ni, Phật tử và các độc giả:

(A) Quyển sách này gồm đoạn-kinh và bài-kinh được trích chọn theo những chủ-đề giáo lý bởi nhà sư học giả Tỳ Kheo Bồ-Đề trong thời gian thầy đã dịch lại các bộ kinh Nikaya Pali. Đây là một công trình rất hữu ích cho nhiều Phật tử và độc giả trên khắp thế giới. Cũng như vậy, tôi dịch tập tuyển kinh này vì hy vọng nó sẽ rất hữu ích và thuận tiện cho nhiều người Việt Nam như:

- Các sư thầy có thể dùng để trích dẫn và giảng rộng các lời kinh theo các chủ-đề cho các Phật tử.

- Các tăng sinh, sinh viên đang theo học ở các trường Phật giáo. Những người nghiên cứu cần tìm hiểu và trích dẫn các kinh.

- Các Phật tử và những người bắt đầu tìm hiểu Phật giáo muốn tìm đọc những lời dạy của Phật theo những chủ-đề mình muốn đọc nhưng họ chắc chắn gặp khó khăn vì những bài kinh đó nằm rải khắp trong Tàng Kinh lớn của Phật giáo.

- Và những người đọc thời nay không thể đọc hiểu được các bản dịch có dùng tiếng Hán Việt của các vị sư thầy trước kia.

(B) Bản dịch tiếng Việt phổ thông này đã cố gắng dịch đúng và chính xác lời và ý nghĩa của những kinh gốc. Hy vọng quý độc giả dễ dàng đọc hiểu được hầu hết những lời dạy của Phật. Khi đang đọc hiểu ý nghĩa của lời kinh, nếu không quá cần thiết thì không cần phải ngưng lại để đọc các chú thích, bởi vì những chú thích và luận giảng thường giải thích sâu xa, và lúc đó người đọc có thể bị lạc khỏi ý-nghĩa đơn thuần của bài kinh đang đọc. Trừ một số câu hay đặc ngữ khó hiểu khi mới đọc lần đầu thì quý vị nên đọc phần chú thích chỗ đó. Quý vị cũng nên đọc từ đầu đến cuối như một "CÂU CHUYỆN LỚN" của Phật giáo. Những người đã học hiểu nhiều kinh sách hoặc những sư thầy đang giảng các kinh thì có thể tìm đọc theo những chủ-đề trong phần mục lục chi tiết ở đầu sách.

ii

Đối với những người muốn đọc lại hết những bài kinh được trích dẫn, thì tôi nghĩ họ nên đọc hết một Chương, rồi sau đó có thể đọc phần Giới Thiệu về Chương đó ở phần PHỤ LỤC sau sách, sau đó quay lại đối chiếu các ý nghĩa của từng bài kinh hay đoạn kinh. Sau khi đọc phần Giới Thiệu được dẫn dắt bởi thầy TKBĐ, quý vị không nên nắm giữ những lời giới thiệu đó vì chúng có thể làm xao lãng sự nhớ những lời kinh. Vì sự ghi nhớ lời kinh và chủ-đề giáo lý của nó mới là quan trọng!

(C) Các độc giả có điều-kiện đọc trên máy tính hoặc các thiết bị vi tính cầm tay, quý vị có thể bấm vào các đường dẫn trong cột MỤC LỤC tự động bên trái, phần các nội dung chủ đề, phần chú giải, và phần các danh mục cuối sách để lập tức nhảy tới ngay chỗ quý vị muốn tìm đọc. Bản dịch có trên trang daophatnguyenthuy.com.

(D) Mỗi chương sách gồm các Phần 1, 2, 3…; và trong mỗi Phần có thể có các Mục (1), (2), (3)…; và trong một số Mục lại có thể có những Chi Mục (a), (b), (c)… Theo thứ tự đó quý vị có thể tìm ra nhanh một đoạn kinh hay một bài kinh trong quyển tuyển tập này.

Trong phần PHỤ LỤC "Giới Thiệu Về Các Chương", vị trí các đoạn kinh hay bài kinh cũng được ghi theo thứ tự đó. Ví dụ ghi: đoạn kinh I,1(1) có nghĩa nó nằm ở: Chương I, phần 1, mục (1); hoặc ghi: đoạn kinh IX,4(2)(b) có nghĩa nó nằm ở: Chương IX, phần 4, mục (2), chi mục (b).

(E) Xin lưu ý trước khi đọc: trong toàn bộ tập sách (nội dung các kinh, các chú thích và chú giải, phần phụ lục …) các chữ giải thích trong các ngoặc vuông […] là của thầy TKBĐ; một số giải thích trong ngoặc tròn (…) là của người dịch chỉ để làm rõ nghĩa của câu chữ ở đó mà thôi (quý vị có thể bỏ qua nếu thấy không cần thiết).

(F) Những chú-thích đã được để trong ngoặc […] là những chú-thích được trích dẫn từ bản dịch các Bộ Kinh. Cuối những chú-thích có đánh các số trong ngoặc ví dụ như (19), (380), (446), (1021) … đó là số của những chú-thích trong các BỘ KINH, và nhờ đó quý vị có thể tra đọc các chú-thích trong các BỘ KINH một cách dễ dàng.

iii

(G) Những số chú-thích trong bản gốc của tập trích-chọn này đã khác đi ít nhiều, bởi vì người dịch khi trích chọn các kinh đã để thêm nhiều chú-thích có trong những kinh gốc thuộc các BỘ KINH, để cho người đọc được thêm nhiều chú-thích quan trọng của những đoạn trích đó.

(H) Bản dịch tiếng Việt phổ thông của Bộ Kinh Liên Kết (SN), Bộ Kinh Tăng Chi (AN), Bộ Kinh Trung (MN) cũng đã được dịch và hiệu đính hoàn thiện bởi cùng người dịch, và được in để ấn tống lần đầu vào đầu năm 2022.

Quý vị nếu tìm thấy những từ ngữ hay câu chữ nào trong bản dịch có thể làm lệch ý-nghĩa của những kinh gốc, quý vị có thể góp ý kiến, người dịch sẽ rất cảm ơn. Email: lekimkha@gmail.com, hoặc ĐT: 0909503993. Cuối cùng, cầu chúc cho mọi người đọc được dễ dàng, hoặc ôn đọc, tìm hiểu lại, hoặc những người mới có thể dễ dàng tiếp cận đọc hiểu những lời Phật đã dạy. Rồi cầu mong nhiều người nhìn ra những lẽ-thực của sự-sống và những hướng-dẫn tu tập hiệu quả mà Đức Phật lịch sử đã cố nói cho những Phật tử và dân chúng khác nhau suốt 45 năm cách đây gần 26 thế kỷ. Đó cũng là hy-vọng chân thành khi tôi dịch các Bộ Kinh và tập sách này.

Nhà Bè, những ngày cuối năm 2016 (PL 2560) (hiệu đính và in 2022)

iv

MỤC LỤC

Lời Người Dịch ..... i TÊN VIẾT TẮT (của các Luận giảng và các Bộ Kinh) .....xv Chương I. TÌNH TRẠNG CON NGƯỜI ..... 1 1. GIÀ, BỆNH VÀ CHẾT ..... 3 (1) Già và Chết ..... 3 (2) Ví Dụ Khối Núi ..... 3 (3) Ba Vị Thiên Sứ Đưa Tin ..... 6 2. NHỮNG KHỔ ĐAU DO SỐNG THIẾU SUY XÉT ..... 9 (1) Mũi Tên Đau Khổ ..... 9 (2) Tám Sự Thăng Trầm của Cuộc Sống (Tám Sự Đời) ..... 12 (3) Sự Âu Lo & Khích Động Vì Mọi Thứ Đổi Thay ..... 14 3. MỘT THẾ GIAN HỖN LOẠN .....16 (1) Nguyên Nhân Của Sự Xung Khắc ..... 16 (2) Tại Sao Những Chúng Sinh Sống Trong Thù Hận? ..... 17 (3) Chuỗi Nhân Duyên Mịt Mùng ..... 18 (4) Những Gốc Rễ của sự Tàn Bạo và Áp Bức ..... 19 4. KHÔNG BIẾT ĐƯỢC KHỞI ĐẦU .....19 (1) Cỏ, Cây, Cành, Lá..... 19 (2) Những Hòn Đất ..... 20 (3) Khối Núi ..... 21 (4) Sông Hằng..... 21 (5) Con Chó Bị Xích Cột 22

Chương II NGƯỜI MANG LẠI ÁNH SÁNG .....25 1. MỘT NGƯỜI .....27 2. SỰ NHẬP THAI VÀ ĐẢN SINH CỦA ĐỨC PHẬT .....28 3. ĐI TÌM SỰ GIÁC-NGỘ .....34 (1) Tìm Trạng Thái Cao Nhất của sự Bình An Siêu Phàm ..... 34 (2) Chứng Ngộ Ba Loại Trí-Biết Đích Thực ..... 40 (3) Kinh Thành Cổ ..... 49 4. QUYẾT ĐỊNH TRUYỀN DẠY .....53 5. BÀI THUYẾT GIẢNG ĐẦU TIÊN 60

Chương III. TIẾP CẬN GIÁO PHÁP .....65 1. KHÔNG PHẢI LÀ MỘT GIÁO LÝ BÍ MẬT .....67 2. KHÔNG PHẢI LÀ NHỮNG GIÁO ĐIỀU HAY ĐỨC TIN MÙ QUÁNG .....67 3. NHÌN THẤY SỰ KHỞI SINH VÀ BIẾN MẤT CỦA SỰ KHỔ 74 4. ĐIỀU TRA TÌM HIỂU VỀ CHÍNH NGƯỜI THẦY.....77 5. NHỮNG BƯỚC ĐI TỚI SỰ CHỨNG NGỘ CHÂN LÝ 81

Chương IV. HẠNH PHÚC THẤY ĐƯỢC TRONG KIẾP NÀY .....93 1. TUYÊN DƯƠNG GIÁO PHÁP TRONG XÃ HỘI .....95 (1) Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe Giáo Pháp..... 95 (2) Thờ Kính Sáu Phương ..... 96 2. GIA ĐÌNH .....99 (1) Cha Mẹ và Con Cái ..... 100 (2) Vợ Chồng 101

vii

3. PHÚC LỢI HIỆN TẠI, PHÚC LỢI TƯƠNG LAI ..... 106 4. CÔNG VIỆC NGHỀ NGHIỆP ĐÚNG ĐẮN ..... 110 (1) Tránh Bỏ Nghề Nghiệp Sai Trái ..... 110 (2) Sử Dụng Tài Sản Một Cách Đúng Đắn ..... 110 (3) Niềm Hạnh Phúc Của Một Người Tại Gia ..... 112 5. NGƯỜI PHỤ NỮ TẠI GIA ..... 113 6. CỘNG ĐỒNG..... 116 (1) Sáu Gốc Rễ Gây Ra Tranh Chấp ..... 116 (2) Sáu Nguyên Tắc Để Sống Hòa Hợp ..... 117 (3) Sự Thanh Lọc Bản Thân Là Dành Cho Mọi Giai Cấp ..... 118 (4) Bảy Nguyên Tắc Ổn Định Xã Hội ..... 126 (5) Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe Báu ..... 130 (6) Mang Lại Sự Bình Yên Cho Xứ Sở ..... 133 Chương V. CON ĐƯỜNG DẪN TỚI SỰ TÁI SINH PHÚC LÀNH .....135 1. QUY LUẬT NGHIỆP (Kamma) ..... 137 (1) Bốn Loại Nghiệp ..... 137 (2) Tại Sao Chúng Sinh Tái Sinh Vào Những Cảnh Giới Khác Nhau Sau Khi Chết ..... 138 (3) Nghiệp và Nghiệp Quả ..... 146 2. CÔNG ĐỨC: CHÌA KHÓA DẪN TỚI SỰ TÁI SINH PHÚC LÀNH..... 152 (1) Những Việc Công Đức ..... 152 (2) Ba Cơ Sở Của Công Đức..... 153 (3) Bốn Loại Niềm-tin Bậc Nhất 156

viii

3. CHO, TẶNG, CÚNG DƯỜNG, CHIA SẺ, GIÚP ĐỠ… ..... 158 (1) Nếu Người Ta Hiểu Biết Kết Quả Của Sự Bố-Thí … ..... 158 (2) Tám Lý Do Để Bố Thí, Cho, Tặng, Cúng Dường ..... 158 (3) Cúng Dường Thức Ăn ..... 159 (4) Những Món Quà Tặng Bởi Một Người Tốt ..... 160 (5) Hỗ Trợ Lẫn Nhau ..... 161 (6) Sự Tái Sinh Nhờ Công Đức Bố Thí ..... 161 4. GIỚI HẠNH ..... 163 (1) Năm Giới Hạnh ..... 163 (2) Kiêng Giữ Tám Giới Trong Ngày Lễ Bồ-Tát..... 165 5. THIỀN TẬP..... 170 (1) Tu Dưỡng Tâm Từ..... 170 (2) Bốn Cảnh Giới An Trú Cõi Trời (bốn phạm trú) ..... 171 (3) Trí-Tuệ Là Vượt Trên Tất Cả ..... 173 Chương VI. LÀM SÂU SẮC TẦM NHÌN VÀO THẾ GIỚI ...175 1. BỐN ĐIỀU KỲ DIỆU ..... 177 2. SỰ THỎA THÍCH, SỰ NGUY HẠI & SỰ THOÁT KHỎI ..... 177 (1) Trước Khi Phật Giác Ngộ..... 178 (2) Phật Đã Quyết Tâm Đi Tìm ..... 178 (3) Nếu Không Có Thỏa-thích ..... 179 3. ĐÁNH GIÁ ĐÚNG NHỮNG ĐỐI-TƯỢNG DÍNH-MẮC..... 180 4. CẠM BẪY CỦA NHỮNG KHOÁI LẠC GIÁC QUAN ..... 188 (1) Cắt

Đứt Mọi Sự Việc Thế Tục..... 188 (2) Cơn Sốt Khoái-lạc giác quan 192

ix

5. CUỘC SỐNG LÀ NGẮN NGỦI PHÙ DU ..... 197 6. BỐN ĐIỀU TÓM TẮT VỀ GIÁO PHÁP.....200 7. NHỮNG NGUY HẠI TRONG NHỮNG CÁCH-NHÌN SAI LẠC (TÀ KIẾN) ..... 207 (1) Đủ Loại Cách-Nhìn Sai Lạc ..... 207 (2) Những Người Mù Sờ Voi ..... 208 (3) Bị Dính Hai Loại Cách-Nhìn (Tà Kiến) ..... 210 8. TỪ NHỮNG CÕI TRỜI RỚT XUỐNG CÕI THẤP XẤU ..... 211 9. NHỮNG HIỂM HỌA CỦA VÒNG LUÂN HỒI ..... 214 (1) Dòng Nước Mắt ..... 214 (2) Dòng Máu Chảy ..... 215 Chương VII. CON ĐƯỜNG DẪN TỚI SỰ GIẢI-THOÁT .....217 1. TẠI SAO PHẢI BƯỚC VÀO CON ĐƯỜNG ĐẠO? ..... 219 (1) Mũi Tên ‘Sinh, Già, Chết’ ..... 219 (2) Cốt Lõi Của Đời Sống Tâm Linh ..... 223 (3) Sự Phai Biến Tham Dục ..... 229 2. PHÂN TÍCH VỀ CON ĐƯỜNG TÁM PHẦN..... 231 3. SỰ CÓ BẠN TỐT, ĐẠO HỮU TỐT ..... 233 4. SỰ TU TẬP TIẾN DẦN ..... 234 5. NHỮNG GIAI ĐOẠN TU CAO HƠN ..... 246 (Bốn tầng thiền định) ..... 248 (Ba loại trí-biết đích thực/ Tam minh) ..... 250 Chương VIII. LÀM CHỦ CÁI TÂM .....253 1. TÂM LÀ CHÌA KHÓA, TÂM LÀ CHÍNH YẾU 255

x

2. PHÁT TRIỂN CẶP KỸ NĂNG ..... 255 (1) Sự Tĩnh Lặng và Sự Thấy Biết ..... 255 (2) Bốn Con Đường Dẫn Tới Thánh Quả A-la-hán ..... 256 (3) Bốn Loại Người Tu ..... 257 3. NĂM CHƯỚNG NGẠI LỚN CỦA SỰ TU TẬP CÁI TÂM .... 259 4. SỰ TINH LỌC CỦA TÂM ..... 263 5. LOẠI BỎ NHỮNG Ý-NGHĨ LÀM XAO LÃNG ..... 266 6. CÁI TÂM TỪ-ÁI..... 270 7. SÁU SỰ TƯỞNG NIỆM (QUÁN TƯỞNG) ..... 274 8. BỐN NỀN TẢNG CHÁNH-NIỆM ..... 278 9. CHÁNH NIỆM HƠI-THỞ..... 290 10. ĐẠT TỚI ‘SỰ LÀM CHỦ CÁI TÂM’ 296

Chương IX. CHIẾU ÁNH SÁNG TRÍ TUỆ .....301 1. HÌNH ẢNH CỦA TRÍ TUỆ ..... 303 (1) Trí-Tuệ Như Ánh Sáng ..... 303 (2) Trí-Tuệ Như Dao Sắc Bén ..... 303 2. NHỮNG ĐIỀU-KIỆN TẠO RA TRÍ-TUỆ ..... 304 3. BÀI KINH VỀ CHÁNH-KIẾN ..... 306 (1)- (Thiện và Bất Thiện) ..... 306 (2)- (Dưỡng Chất) ..... 308 (3)- (Bốn Diệu Đế) ..... 309 (4)- (Sự Già-Chết)

..... 310 (5)- (Sự Sinh) ..... 311 (6)- (Sự Hiện Hữu) 312

xi

(7)- (Sự Dính Chấp) ..... 312 (8)- (Dục Vọng) ..... 313 (9)- (Cảm Giác) ..... 314 (10)- (Sự Tiếp Xúc) ..... 315 (11)- (Sáu Cơ Sở) ..... 316 (12)- (Phần Danh-Sắc) ..... 317 (12)- (Thức) ..... 317 (14)- (Những Sự Tạo-Tác Cố Ý) ..... 318 (15)- (Vô Minh) ..... 319 (16)- (Những Ô-Nhiễm) ..... 320 4. LÃNH ĐỊA CỦA TRÍ TUỆ ..... 321 (1) Theo Cách (Phân Tích) Năm Uẩn ..... 321 (2) Theo Cách (Phân Tích) Sáu Cơ-Sở Cảm-Nhận..... 335 (3) Theo Cách (Phân Tích) Các Yếu-Tố ..... 340 (4) Theo Cách (Phân Tích) Sự Khởi-Sinh Tùy Thuộc ..... 345 (5) Bằng Cách (Phân Tích) Bốn Diệu Đế ..... 355 5. MỤC TIÊU CỦA TRÍ-TUỆ ..... 361 (1) Niết-bàn là gì? ..... 361 (2) Ba Mươi Ba Chữ Đồng Nghĩa với Niết-bàn..... 362 (3) Có Cảnh Xứ Đó..... 363 (4) Sự Không Còn Sinh (Vô Sinh) ..... 364 (5) Hai Yếu Tố Niết-Bàn ..... 364 (6) Lửa và Đại Dương ..... 365 Chương X. NHỮNG CẢNH GIỚI GIÁC-NGỘ .....369 1. RUỘNG CÔNG ĐỨC TRÊN THẾ GIAN 371

xii

(1) Tám Loại Người Đáng Được Cúng Dường ..... 371 (2) Sự Phân Biệt (các cấp bậc giác-ngộ) Dựa Vào Các Căn ..... 371 (3) Trong Giáo Pháp Được Giảng Bày Một Cách Hay Khéo ..... 372 (4) Sự Toàn Vẹn Của Giáo Lý ..... 373 (5) Bảy Loại Thánh Nhân ..... 378 2. THÁNH QUẢ NHẬP-LƯU ..... 382 (1) Bốn Yếu Tố Dẫn Tới Thánh Quả Nhập-Lưu ..... 382 (2) Bước Vào Con Đường Chánh Đạo Đã Định ..... 383 (3) Sự Đột Phá Vào (Thâm Nhập, Chứng Ngộ) Giáo Pháp..... 384 (4) Bốn Yếu Tố Của Một Bậc Thánh Nhập-Lưu ..... 385 (5) Còn Đáng Có Hơn Quyền Thống Trị Cả Trái Đất ..... 386 3. THÁNH QUẢ BẤT-LAI ..... 386 (1) Dẹp Bỏ Năm Gông-Cùm Thấp Hơn ..... 386 (2) Bốn Loại Người Chứng Ngộ Niết-bàn ..... 390 (3) Sáu Điều Góp Phần Trong/Cho Trí-Biết Đích Thực ..... 392 (4) Năm Loại Thánh Bất-Lai ..... 395 4.

THÁNH QUẢ A-LA-HÁN ..... 396 (1) Loại Bỏ Tàn Dư Hơi Hướng Của Cái “Ta” ..... 396 (2) Người Học Nhân và Bậc A-la-hán ..... 401 (3) Một Tỳ Kheo Đã Gỡ Bỏ Thanh Rào Cản ..... 402 (4) Chín Điều Một A-La-Hán Không Còn Làm Được ..... 403 (5) Một Cái Tâm Bất Lay Chuyển ..... 404 (6) Mười Năng Lực Của Một Bậc A-la-hán ..... 405 (7) Bậc Trí Giả Bình An [Bậc Mâu-ni] ..... 406 (8) Hạnh Phúc Thay Những Vị A-la-hán! 410

5. NHƯ-LAI ..... 412 (1) Phật và A-la-hán ..... 412 (2) Vì Phúc Lợi Của Nhiều Người ..... 413 (3) Lời Nói Cao Quý Của Thầy Xá-lợi-phất ..... 414 (4) Mười Năng-Lực và Bốn Cơ-Sở của Sự Tự-Tin ..... 417 (5) Sự Hiện Thị Của Đại Hào Quang ..... 420 (6) Người Mong Muốn Sự Tốt Lành Cho Chúng Ta ..... 421 (7) Sư Tử ..... 423 (8) Tại Sao Được Gọi Là Như-Lai [Tathāgata]? ..... 424 CHÚ THÍCH 427

TÊN VIẾT TẮT (của các Luận giảng và các Bộ Kinh)

Ee Phiên bản La-tinh (tiếng Anh của PTS)

Ce Phiên bản Tích-Lan

Be Phiên bản Miến Điện SS Phiên bản Thái Lan MA Luận Giảng bộ kinh MN

Mp Luận giảng bộ kinh AN (Manṅrathapūraṇı)

Ñm Nhà sư Ñāṇamoli, người dịch giả bộ kinh MN

Ppn Con Đường Thanh Lọc (Thanh Tịnh Đạo) (Bản dịch từ bản Pāli “Visuddhimagga”)

Ps Luận giảng bộ kinh MN (Papancasūdanı)

Ps-pṭ Luận giảng thêm bộ kinh MN (Papancasūdanı-purāṇa-ṭıkā) Skt Tiếng Phạn (Sanskrit)

Spk Luận giảng bộ kinh SN (Sāratthappakāsinı)

Spk-pṭ Luận giảng thêm bộ kinh SN (Sāratthappakāsinı-purāṇa-ṭıkā) Sv Luận giảng bộ kinh DN (Sumaṅgalavilāsinı)

Vibh Bộ Phân Tích (Vibhaṅga), là bộ thứ hai của “Vi Diệu Pháp Tạng”.

Vin Luận Tạng (Vinaya) Vism Con Đường Thanh Lọc (Thanh Tịnh Đạo) (Visuddhimagga, bản Pāli)

xvi

Chương I. TÌNH TRẠNG CON NGƯỜI

2 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

Chương I – Tình Trạng Con Người • 3

1. GIÀ, BỆNH VÀ CHẾT (1) Già và Chết Ở Sāvatthī (Xá-vệ), vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của xứ Kosala (Kiều-tất- la) đã nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, có ai được sinh ra mà không bị già và chết?”1 “Này đại vương, không có ai sinh ra mà không bị già và chết. Ngay cả những người giai cấp chiến-sĩ [khattiya] giàu có—giàu có, có nhiều đồ đạc và tài sản, có nhiều bạc và vàng, có nhiều kho báu và hàng hóa, có nhiều của cải và lúa gạo—bởi do họ đã được sinh ra, nên họ không tránh được sự già và chết. Ngay cả những người giai cấp bà-la-môn giàu có … những gia chủ giàu có—giàu có … có nhiều của cải và lúa gạo—bởi do họ đã được sinh ra, nên họ không tránh được già và chết. Ngay cả những người là bậc A-la-hán, là người đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần phải làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục-tiêu của họ, đã tiêu diệt những gông-cùm của (trói buộc) sự hiện-hữu, và đã hoàn toàn được giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng: ngay cả đối với họ thì thân này cũng bị tan rã, cũng bị tàn hoại.2

“Những xe ngựa đẹp của vua chúa rồi cũng hư hao,
Thân này cũng đang hư hoại đi.
Nhưng Giáo Pháp thiện lành thì không hư tàn:
Bậc thiện sĩ tuyên bố về điều lành như vậy.”
(SN 3:03, Quyển1)
(2) Ví Dụ Khối Núi Ở Sāvatthī (Xá-vệ), vào giữa trưa, vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của xứ Kosala (Kiều-tất-la) đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn hỏi nhà vua: “Đại vương, ngài mới từ chỗ nào tới đây vào giữa trưa như vầy?”

4 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

“Thưa Thế Tôn, con vừa mới tham dự những việc triều chính là việc của các vị vua, những người bị say sưa với sự say sưa quyền lực thống trị, là những người bị say đắm với những khoái-lạc giác quan (dục lạc), là những người đã có được quyền thống trị vững chắc trong xứ sở của họ, và là những người mà sự trị vì của họ chiếm một vùng lãnh thổ lớn trên trái đất.” “Này đại vương, ngài nghĩ sao? Giả sử có một người đi tới ngài từ phía đông, người đó là đáng tin tưởng và đáng tin cậy, nói với đại vương rằng: ‘Thưa đại vương, chắc chắn đại vương nên biết điều này: thần mới tới từ phía đông, và ở đó thấy một khối núi cao như mây trời đang đổ về hướng này, sẽ nghiền nát tất cả mọi chúng sinh. Vậy hãy lo làm những gì đại vương thấy cần nên làm.’ Rồi một người thứ hai tới từ phía tây … một người thứ ba tới từ phía bắc … và một người thứ tư tới từ phía nam, người đó là đáng tin tưởng và đáng tin cậy, nói với đại vương: ‘Thưa đại vương, chắc chắn đại vương nên biết điều này: thần mới tới từ hướng đông, và ở đó

thấy một khối núi cao như mây trời đang tiến về hướng này, sẽ nghiền nát tất cả mọi chúng sinh. Vậy hãy lo làm những gì đại vương thấy cần nên làm.' Này đại vương, nếu một mối hiểm-họa lớn sẽ xảy đến như vậy, đó là một sự tàn-diệt mạng sống con người như vậy, như vậy khó dành lại được trạng thái làm người, vậy (chúng ta) phải nên làm gì?" "Thưa Thế Tôn, nếu một mối hiểm-họa lớn sẽ xảy đến như vậy, đó là một sự tàn-diệt mạng sống con người, như vậy khó dành lại được trạng thái làm người, vậy còn điều gì đáng làm hơn ngoài việc sống theo Giáo Pháp, sống một cách chân chính, và làm những việc thiện lành và công đức?" "Này đại vương, ta báo với ngài, ta tuyên bố với ngài, này đại vương: sự già-chết đang lăn tới ngài. Này đại vương, khi sự già-chết đang lăn tới mình, ngài nên làm gì?". "Thưa Thế Tôn, khi sự già-chết đang lăn tới, còn điều gì đáng làm hơn ngoài việc sống theo Giáo Pháp, sống một cách chân chánh, và làm những việc thiện lành và công đức?

Chương I – Tình Trạng Con Người • 5

"Thưa Thế Tôn, các vị vua bị say sưa với quyền lực thống trị, bị say đắm trong những khoái-lạc giác quan (dục lạc), là những người đã có được quyền thống trị vững chắc trong xứ sở của họ và trị vì một vùng lãnh thổ lớn, họ chinh phục bằng bao nhiêu đoàn voi chiến, ngựa chiến, xe chiến, và lính chiến; nhưng họ cũng không có hy vọng, không có cơ hội chiến thắng khi sự già-chết đang lăn tới họ. Thưa Thế Tôn, trong cung đình này, khi những kẻ thù tới, có những vị quan quân sư có khả năng dùng chiêu lược để chia cắt quân thù; nhưng họ không có hy vọng, không có cơ hội chiến thắng khi sự già-chết đang lăn tới họ. Thưa Thế Tôn, ở triều đình còn có rất nhiều vàng bạc và châu báu được cất trong các gian hầm và gian lầu, và với số của cải đó chúng con có khả năng làm yếu lòng những kẻ thù khi chúng tới đây; nhưng không có hy vọng chiến thắng bằng của cải, không có cơ hội chiến thắng khi sự già-chết đang lăn tới. Thưa Thế Tôn, khi sự già-chết đang lăn tới con, còn điều gì đáng để con làm hơn ngoài việc sống theo Giáo Pháp, sống một cách chân chính, và làm những điều thiện lành và công đức?" "Đúng vậy, này đại vương! Đúng vậy, này đại vương! Khi sự già-chết đang lăn tới ngài, còn điều gì đáng làm hơn ngoài việc sống theo Giáo Pháp, sống một cách chân chính, và làm những điều thiện lành và công đức?" Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói như vậy, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy (Phật), đã nói thêm như vầy: "Như những khối núi đá, To lớn, dựng lên trời, Tiến mạnh từ mọi phía, Nghiền nát tất cả ở bốn phương— Sự già-chết cũng như vậy Đang lăn tới tiêu diệt mọi chúng sinh— "Những người giai cấp chiến-sĩ, bà-la-môn, nông-thương, dân thường, kẻ hạ tiện, và đồ rác rưởi: Sự già-chết không tránh chừa một ai, Cứ tiến tới nghiền nát tất cả.

6 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

"Không có hy vọng để chiến thắng
Dù có dùng đoàn voi chiến, đoàn xe chiến, và đoàn lính chiến.
Con người không thể đánh bại sự già-chết,
Cũng không thể mua chuộc chúng bằng của cải kho báu.
"Do vậy một người có trí khôn ở đây,

Vì sự tốt lành cho chính mình,
Đặt sự tin tưởng chắc chắn
Vào Phật, Pháp, và Tăng.
“Khi ai biết dẫn dắt mình theo Giáo Pháp,
Dẫn dắt thân, lời-nói, và tâm (theo Giáo Pháp)
Thì họ đáng được khen ngợi trong kiếp này,
Và sau khi chết họ được hưởng phước trên cõi trời.”
(SN 3:25, Quyển1)

(3) Ba Vị Thiên Sứ Đưa Tin “Này các Tỳ kheo, có ba thiên sứ đưa tin này.3 Ba đó là gì? “Một người có hành vi thân xấu ác, lời-nói xấu ác, tâm xấu ác. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Ở đó những cai ngục nắm hay tay người đó và lôi tới trước Diêm Vương [Yama, Dạ-ma vương], Vua Cõi Chết 4, và tâu rằng: ‘Thưa đức vương, kẻ này không tôn kính cha mẹ, không tôn kính bậc tu hành và các bà-la-môn, không kính nể các bậc chú bác trong gia đình. Đức vương hãy giáng hình phạt đích đáng cho kẻ này!’

[1] “Rồi, này các Tỳ kheo, Diêm Vương hỏi và hỏi tội và tra hỏi người đó, và nói với người đó về vị thiên sứ đưa tin thứ nhất: ‘Này kẻ kia, ngươi có từng thấy vị thiên sứ thứ-nhất xuất hiện giữa loài người hay không?’ “Và người đó trả lời: ‘Dạ không, thưa Diêm Vương, con chưa từng thấy vị ấy.’

“Rồi Diêm Vương nói với người đó: ‘Nhưng, này kẻ kia, ngươi chưa từng thấy trong đời một đàn ông hay một phụ nữ nào tám mươi, chín mươi, hoặc một trăm tuổi, già nua, thân cong như vòm mái nhà, lưng còm, chống gậy, đi đứng run rẩy, đau đớn, tuổi trẻ và sức lực đã hết, với răng rụng, với tóc bạc thưa thớt hay hói đầu, da nhăn nheo, với tay chân đầy vết khô lác, hay sao?’ “Và người đó trả lời: ‘Có, thưa Diêm Vương, con đã nhìn thấy điều đó.’ “Rồi Diêm Vương nói với người đó: ‘Này kẻ kia, không lẽ ngươi, một người thông minh và trưởng thành, không biết nghĩ: “Tôi cũng phải bị già đi và không thể nào thoát khỏi điều đó. Vậy giờ tốt hơn tôi sẽ lo làm những điều tốt bằng thân, lời-nói, và tâm”, hay sao?’ “‘Không, thưa Diêm Vương, con đã không nghĩ được điều đó. Con đã lơ tâm về điều đó.’ “Rồi Diêm Vương lại nói: ‘Này kẻ kia, chính vì sự lơ tâm đó mà ngươi đã không làm những điều tốt bằng thân, lời-nói, và tâm. Vậy thì, ngươi sẽ bị trừng trị thích đáng với sự lơ-tâm phóng dật của ngươi. Những nghiệp xấu ác của ngươi không phải được làm bởi mẹ hay cha, hay anh, chị, em, hay bạn bè, đồng sự, hay người thân, họ hàng hoặc người thân, những tu sĩ, những bà-la-môn, hay những thiên thần. Chính ngươi đã làm nghiệp xấu ác, và ngươi phải nếm trải nghiệp quả của nó.’

[2] “Này các Tỳ kheo, sau khi Diêm Vương đã hỏi và hỏi tội và tra hỏi người đó như vậy liên quan tới vị thiên sứ thứ nhất, Diêm Vương lại tiếp tục hỏi và hỏi tội và tra hỏi người đó về vị thiên sứ thứ hai: ‘Này kẻ kia, ngươi có từng thấy vị thiên sứ thứ-hai xuất hiện giữa loài người hay không?’ “‘Không, thưa Diêm Vương, con chưa từng thấy vị ấy.

“‘Nhưng, này kẻ kia, không lẽ ngươi chưa từng thấy trong đời một đàn ông hay một phụ nữ nào bị bệnh và đau đớn, bệnh yếu gần chết, nằm trên phân và nước tiểu của mình, phải nhờ người này người nọ ẳm lên và đặt xuống giường, hay sao?’

“‘Có, thưa Diêm Vương, con đã nhìn thấy điều đó.’ “‘Này kẻ kia, không lẽ ngươi, một người thông minh và trưởng thành, không biết nghĩ: “Tôi cũng phải bị bệnh đau và không thể thoát khỏi điều đó. Vậy giờ tôi sẽ lo làm những điều tốt bằng thân, lời-nói, và tâm”, hay sao?’ “‘Không, thưa Diêm Vương, con đã không nghĩ được điều đó. Con đã lơ tâm về điều đó.’ “‘Này kẻ kia, chính vì sự lơ tâm đó mà ngươi đã không làm những điều tốt bằng thân, lời-nói, và tâm. Vậy thì, ngươi sẽ bị trừng trị thích đáng với sự lơ-tâm phóng dật của ngươi. Những nghiệp xấu ác của ngươi không phải được làm bởi mẹ hay cha, hay anh, chị, em, hay bạn bè, đồng sự, hay người thân, họ hàng hoặc người thân, những tu sĩ, những bà-la-môn, hay những thiên thần. Chính ngươi đã làm nghiệp xấu ác, và ngươi phải nếm trải nghiệp quả của nó.’

[3] “Này các Tỳ kheo, sau khi Diêm Vương đã hỏi và hỏi tội và tra hỏi người đó như vậy liên quan tới vị thiên sứ thứ hai, Diêm Vương lại tiếp tục hỏi và hỏi tội và tra hỏi người đó về vị thiên sứ đưa tin thứ ba: ‘Này kẻ kia, ngươi có từng thấy vị thiên sứ thứ-ba xuất hiện giữa loài người hay không?’ “‘Không, thưa Diêm Vương, con chưa từng thấy vị ấy. “‘Nhưng, này kẻ kia, không lẽ ngươi chưa từng thấy một người phụ nữ hay đàn ông nào chết, mới chết một ngày, chết hai ngày, hay chết ba ngày, thi thể trương lên, tái nhợt, và đang sình thối, hay sao?’ “‘Có, thưa Diêm Vương, con đã nhìn thấy điều đó.’ “‘Rồi, này kẻ kia, không lẽ ngươi, một người thông minh và trưởng thành, không biết nghĩ: “Tôi cũng phải bị chết và không thể thoát khỏi điều đó. Vậy giờ tôi sẽ lo làm những điều tốt bằng thân, lời-nói, và tâm”, hay sao?’ “‘Không, thưa Diêm Vương, con đã không nghĩ được điều đó. Con đã lơ tâm về điều đó.’

“‘Này kẻ kia, chính vì sự lơ tâm đó mà ngươi đã không làm những điều tốt bằng thân, lời-nói, và tâm. Vậy thì, ngươi sẽ bị trừng trị thích đáng với sự lơ-tâm phóng dật của ngươi. Những nghiệp xấu ác của ngươi không phải được làm bởi mẹ hay cha, hay anh, chị, em, hay bạn bè, đồng sự, hay người thân, họ hàng hoặc người thân, những tu sĩ, những bà-la-môn, hay những thiên thần. Chính ngươi đã làm nghiệp xấu ác, và ngươi phải nếm trải nghiệp quả của nó.’ … (trích AN 3:36; coi thêm MN 130)

2. NHỮNG KHỔ ĐAU DO SỐNG THIẾU SUY XÉT (1) Mũi Tên Đau Khổ “Này các Tỳ kheo, người phàm phu không được chỉ dạy cảm nhận một cảm-giác dễ chịu, một cảm-giác khổ đau, và một cảm-giác trung tính. Người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy cũng cảm nhận một cảm-giác dễ chịu, một cảm-giác khổ đau, và một cảm-giác trung tính. Nhưng trong đó, này các Tỳ kheo, cái gì là sự phân biệt, sự khác biệt, sự khác nhau giữa người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy và người phàm phu không được chỉ dạy?” “Thưa Thế Tôn, giáo lý của chúng con được bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, được nương nhờ vào đức Thế Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn, làm rõ ý

nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó." "Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói, này các Tỳ kheo." "Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này: (1) "Này các Tỳ kheo, khi người phàm phu không được chỉ dạy bị tiếp xúc bởi một cảm-giác khổ đau, người đó buồn, sầu, và ai oán; người đó khóc than, đấm ngực và trở nên quẫn trí. Người đó cảm nhận như hai cảm-giác— một cảm-giác ở thân và một cảm-giác ở tâm. Giống như người ta bắn một người bằng một mũi tên, rồi lập tức bắn thêm một mũi vào chỗ đó nữa, do

vậy người đó cảm giác một cảm-giác (đau đớn) gây ra bởi hai mũi tên. Cũng giống như vậy, khi người phàm phu không được chỉ dạy bị tiếp xúc bởi một cảm-giác khổ đau … người đó cảm nhận như hai cảm-giác—một cảm-giác ở thân và một cảm-giác ở tâm. - "Khi bị tiếp xúc bởi cảm-giác khổ đau đó, người đó chấp chứa sân hận đối với nó. Khi có chấp chứa sân hận đối với cảm-giác khổ đau là có 'khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) tạo ra sân đối với cảm-giác khổ đau' nằm bên dưới đó. Khi bị tiếp xúc bởi một cảm-giác khổ đau, người đó tìm kiếm sự vui sướng trong khoái-lạc giác quan (dục lạc). Bởi vì sao, vì người phàm phu không được chỉ dạy không biết được sự thoát-khỏi cảm-giác khổ đau nào, ngoài khoái-lạc giác quan. (tức, họ không biết có con đường tu tập để thoát khỏi sự khổ đau, họ chỉ coi dục-lạc là sự thoát khỏi khổ đau).5 - Khi họ tìm kiếm sự vui sướng trong khoái-lạc giác quan là có 'khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra tham đối với cảm-giác sướng' nằm bên dưới đó. - Người đó không hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi trong [trong trường hợp] những cảm-giác đó, đúng như chúng thực là. Khi không hiểu được những điều đó là có 'khuynh- hướng tiềm-ẩn tạo ra si đối với cảm-giác trung tính' nằm bên dưới đó. (tức: khi có sân là có tùy miên (tạo ra) sân nằm bên dưới sự sân đó; khi có tham là có tùy miên tham nằm bên dưới sự tham đó; khi không có hiểu-biết hay có sự ngu-mờ là có tùy miên si nằm bên dưới sự ngu-mờ đó). - "Khi cảm nhận một cảm-giác sướng, người đó cảm thấy dính theo nó. Khi cảm nhận một cảm-giác khổ đau, người đó cảm thấy dính theo nó. Khi người đó cảm nhận một cảm-giác trung tính, người đó cảm thấy dính theo nó. Này các Tỳ kheo, đây được gọi là người phàm phu không được chỉ dạy là người bị dính theo sự sinh, già, và chết; là người dính theo sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não); là người dính với khổ đau, ta nói vậy.

(2) "Này các Tỳ kheo, (ngược lại) khi người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy bị tiếp xúc bởi một cảm-giác khổ đau, người đó không buồn, sầu, và ai oán; người đó không khóc than và đấm ngực, và không trở nên quẫn trí. Người đó cảm nhận chỉ một cảm giác—đó là một cảm giác ở thân, không có một cảm giác ở tâm. Giống như người ta bắn một người bằng một mũi tên, nhưng sau đó không bắn thêm mũi nào vào chỗ đó nữa, như vậy người đó cảm nhận chỉ một cảm-giác gây nên bởi một mũi tên. Cũng giống như vậy, khi người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy bị tiếp xúc bởi một cảm-giác khổ đau … người đó cảm nhận chỉ một cảm-giác—đó là một cảm-giác ở thân, không có một cảm-giác ở tâm. - "Khi bị tiếp xúc bởi cảm-giác khổ đau đó, người đó không chấp chứa

sân hận đối với nó. Khi người đó không chất chứa sân hận đối với cảm-giác khổ đau là không có 'khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sân đối với cảm-giác khổ đau' nằm bên dưới đó. Khi bị tiếp xúc bởi một cảm-giác khổ đau, người đó không tìm kiếm sự vui sướng trong khoái-lạc giác quan. Bởi vì sao, vì người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy hiểu được có sự thoát-khỏi cảm-giác khổ đau khác, không phải khoái-lạc giác quan. (Tức: người đó biết có con-đường tu tập để thoát khỏi khổ đau, dục-lạc không phải là giải pháp rốt ráo, dù là thuộc cõi trời). - Khi người đó không tìm kiếm sự vui sướng trong khoái-lạc giác quan là không có 'khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra tham đối với cảm-giác sướng' nằm bên dưới đó. - Người đó hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] những cảm-giác đó, đúng như chúng thực là. Khi người đó hiểu được những điều đó là không có 'khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra si đối với cảm-giác trung tính' nằm bên dưới đó. (Tức: không sân nghĩa là không còn tùy miên (tạo ra) sân nằm bên dưới đó; không tham nghĩa là không còn tùy miên tham nằm bên dưới đó; và khi có sự hiểu biết như vậy là không còn tùy miên si nằm bên dưới đó).

12 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

- "Khi cảm nhận một cảm-giác sướng, người đó thấy tách ly khỏi nó. Khi cảm nhận một cảm-giác khổ đau, người đó thấy tách ly khỏi nó. Khi cảm nhận một cảm-giác trung tính, người đó thấy tách ly khỏi nó. Này các Tỳ kheo, đây được gọi là người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy là người đã tách ly khỏi sự sinh, già, và chết; là người đã tách ly khỏi sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng; là người đã tách ly khỏi khổ đau, ta nói vậy. "Này các Tỳ kheo, đây chính là sự phân biệt, sự khác biệt, sự khác nhau giữa người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy và người phàm phu không được chỉ dạy." (SN 36:06, Quyển 4)

(2) Tám Sự Thăng Trầm của Cuộc Sống (Tám Sự Đời) "Này các Tỳ kheo, có 'tám tình trạng thế tục' xoay quanh thế gian, và thế gian xoay quanh 'tám tình trạng thế tục' này. Tám đó là gì? Được và mất, vinh và nhục, khen và chê, sướng và khổ. Tám tình trạng này xoay quanh thế gian, và thế gian xoay quanh tám tình trạng này." (tám thói đời) "Này các Tỳ kheo, một người phàm phu không được chỉ dạy gặp những sự được và mất, vinh và nhục, khen và chê, sướng và khổ. Một đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy cũng gặp những sự được và mất, vinh và nhục, khen và chê, sướng và khổ. Vậy cái gì là sự phân biệt, sự khác biệt, sự khác nhau giữa một đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy và một người người phàm phu không được chỉ dạy về vấn đề này?" "Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, có sự nương dựa vào đức Thế Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó." "Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói."

Chương I – Tình Trạng Con Người • 13

"Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: (I) "Này các Tỳ kheo, (1) khi một người phàm phu không được chỉ dạy gặp cái 'được' [lợi lộc, có được,

thành đạt], người đó không biết suy xét (quán chiếu) như vầy: ‘Cái ‘được’ này ta đã gặp là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi.’ Người đó không hiểu điều đó đúng như nó thực là. (2) Khi người đó gặp cái ‘mất’ [mất mát, thua, thiệt] … (3) … cái ‘vinh’ [danh tiếng, được khen] … (4) … cái ‘nhục’ [ô danh, bị chê chửi, tội tình] … (5) … cái ‘khen’ … (6) … cái ‘chê’ … (7) … cái ‘sướng’ … (8) … cái ‘khổ’, người đó không biết suy xét như vầy: ‘Cái ‘khổ’ này ta đã gặp là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi.’ Người đó không hiểu điều đó đúng như nó thực là. “Cái ‘được’ ám muội tâm người đó, và cái ‘mất’ ám muội tâm người đó. Cái ‘vinh’ ám muội tâm người đó, và cái ‘nhục’ ám muội tâm người đó. Cái ‘khen’ ám muội tâm người đó, và cái ‘chê’ ám muội tâm người đó. Cái ‘sướng’ ám muội tâm người đó, và cái ‘khổ’ ám muội tâm người đó. Người đó chạy theo cái ‘được’ và chống cự cái ‘mất’. Người đó chạy theo cái ‘vinh’ và chống cự cái ‘nhục’. Người đó chạy theo cái ‘khen’ và chống cự cái ‘chê’. Người đó chạy theo cái ‘sướng’ và chống cự cái ‘khổ’. Như vậy cứ luôn dính vào sự chạy-theo (thuận) và sự chống-lại (nghịch), người đó không được giải-thoát khỏi sự sinh, khỏi sự già và chết, khỏi sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não); người đó không thoát khỏi sự khổ, ta nói vậy. (II) “Nhưng, này các Tỳ kheo, (1) khi một đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, người đó biết suy xét như vầy: ‘Cái ‘được’ này ta đã gặp là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi.’ Người đó hiểu được điều đó đúng như nó thực là. (2) Khi người đó gặp cái ‘mất’ … (3) … cái ‘vinh’ … (4) … cái ‘nhục’ … (5) … cái ‘khen’ … (6) … cái ‘chê’ … (7) … cái ‘sướng’ … (8) … cái ‘khổ’, người đó biết suy xét như vầy: ‘Cái ‘khổ’ này ta đã gặp là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi.’ Người đó hiểu điều đó đúng như nó thực là. “Cái ‘được’ không ám muội tâm người đó, và cái ‘mất’ không ám muội tâm người đó. Cái ‘vinh’ không ám muội tâm người đó, và cái ‘nhục’ không

ám muội tâm người đó. Cái ‘khen’ không ám muội tâm người đó, và cái ‘chê’ không ám muội tâm người đó. Cái ‘sướng’ không ám muội tâm người đó, và cái ‘khổ’ không ám muội tâm người đó. Người đó không chạy theo cái ‘được’ hay chống cự cái ‘mất’. Người đó không chạy theo cái ‘vinh’ hay chống cự cái ‘nhục’. Người đó không chạy theo cái ‘khen’ hay chống cự cái ‘chê’. Người đó không chạy theo cái ‘sướng’ hay chống cự cái ‘khổ’. Như vậy không dính vào sự chạy-theo (thuận) và sự chống-lại (nghịch), người đó được giải-thoát khỏi sự sinh, khỏi sự già và chết, khỏi sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng; người đó thoát khỏi sự khổ, ta nói vậy. “Này các Tỳ kheo, đây là sự phân biệt, sự khác biệt, sự khác nhau giữa một người đệ tử thánh thiện và một người phàm phu không được chỉ dạy.”

(AN 8:06)

(3) Sự Âu Lo & Khích Động Vì Mọi Thứ Đổi Thay “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về sự âu-lo [và khích-động] do có dính-chấp, và sự không âu-lo [và không khích-động] nhờ sự không dính- chấp (thủ diệt).6 Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: (1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là có sự âu-lo do có dính-chấp? Ở đây, này các Tỳ kheo, một người phàm phu không được chỉ dạy, không phải là người nhìn thấy những bậc thánh

nhân, và không thiện khéo và không được kỷ cương (rèn luyện, huấn luyện) trong Giáo Pháp của những bậc thánh; không phải là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và không thiện khéo và không được kỷ cương trong Giáo Pháp của những bậc thượng nhân; cứ coi sắc-thân là cái 'ta', hoặc nghĩ 'ta' sở hữu sắc-thân, hoặc nghĩ sắc-thân ở trong cái 'ta', hoặc cái 'ta' ở trong sắc-thân. Mà sắc-thân của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi sắc-thân thay đổi và biến đổi, thức của người đó bị bận tâm [chiếm ngự] bởi sự thay đổi của sắc-thân. Sự âu-lo và một mớ

những trạng thái tâm cùng khởi sinh từ 'sự bận tâm với sự thay đổi của sắc- thân' cứ ám muội trong tâm trí người đó. 7 Bởi vì tâm người đó bị ám muội, nên người đó sợ hãi, buồn phiền, và lo lắng, và do có sự dính-chấp đó nên người đó bị âu-lo và khích-động. "Người đó cứ coi cảm-giác là cái 'ta' … nhận-thức là cái 'ta' … những sự tạo-tác cố ý là cái 'ta' … thức là cái 'ta', hoặc nghĩ 'ta' sở hữu thức, hoặc nghĩ thức ở trong cái 'ta', hoặc cái 'ta' ở trong thức. Mà thức của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi thức thay đổi và biến đổi, thì thức của người đó bị bận tâm với sự thay đổi của thức. Sự âu-lo và một mớ những trạng thái tâm cùng khởi sinh từ 'sự bận tâm với sự thay đổi và biến đổi của thức' cứ ám muội trong tâm trí của người đó. Do tâm người đó bị ám muội, nên người đó sợ hãi, buồn phiền, và lo lắng, và do có sự dính-chấp đó nên người đó bị âu-lo và khích-động. "Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là có sự âu-lo [và khích-động] do có dính-chấp. (2) "Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là không có sự âu-lo nhờ không có sự dính-chấp? Ở đây, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và thiện khéo và được kỷ cương trong Giáo Pháp của những bậc thánh; là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và thiện khéo và được kỷ cương trong Giáo Pháp của những bậc thượng nhân; không coi sắc-thân là cái 'ta', hay nghĩ 'ta' sở hữu sắc-thân, hay nghĩ sắc-thân ở trong cái 'ta', hay cái 'ta' ở trong sắc-thân. Sắc-thân của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi sắc-thân thay đổi và biến đổi, thức của người đó không bị bận tâm bởi sự thay đổi và biến đổi của sắc-thân. Không có sự âu-lo và không có một mớ trạng thái tâm cùng khởi sinh từ 'sự bận tâm với sự thay đổi và biến đổi của sắc-thân' ám muội tâm trí người đó. Bởi vì tâm người đó không bị ám muội, nên người đó không sợ hãi, buồn phiền, hay lo lắng, và nhờ sự không dính-chấp nên người đó không bị âu-lo và khích-động.

"Người đó không coi cảm-giác là cái 'ta' … nhận-thức là cái 'ta' … những sự tạo-tác cố ý là cái 'ta' … thức là cái 'ta', hay nghĩ 'ta' sở hữu thức, hay nghĩ thức ở trong cái 'ta', hay cái 'ta' ở trong thức. Thức của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi thức thay đổi và biến đổi, thì thức của người đó không bị bận tâm với sự thay đổi và biến đổi của thức. Không có sự âu-lo và không có một mớ những trạng thái tâm cùng khởi sinh từ 'sự bận tâm với sự thay đổi và biến đổi của thức' ám muội trong tâm trí của người đó. Do tâm người đó không bị ám muội, nên người đó không sợ hãi, buồn phiền, hay lo lắng, và nhờ sự không dính-chấp nên người đó không bị âu-lo và khích-động. "Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là không có sự âu-lo [và khích- động] nhờ sự không

dính-chấp. (SN 22:07, Quyển 1)

3. MỘT THẾ GIAN HỖN LOẠN (1) Nguyên Nhân Của Sự Xung Khắc Lúc đó bà-la-môn tên Ārāmadaṇḍa đã đến gặp thầy Đại Ca-chiên-diên (Đại-ca-chiên-diên)8, và chào hỏi qua lại. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với thầy ấy: (1) "Thầy Ca-chiên-diên [Kaccāna], tại sao những người giai cấp chiến- sĩ (khattiya) tranh đấu với những người giai cấp chiến-sĩ, những bà-la-môn tranh đấu với những bà-la-môn, và những gia chủ tranh đấu với những gia chủ?" "Này bà-la-môn, đó là do sự cố chấp theo tham-muốn những khoái-lạc giác quan (tham dục), do sự trói buộc [theo chúng], sự dính chặt [vào chúng], sự ám muội [bởi chúng], sự nắm chặt [theo chúng], cho nên những người giai cấp chiến-sĩ tranh đấu với những người giai cấp chiến-sĩ, những bà-la-môn tranh đấu với những bà-la-môn, và những gia chủ tranh đấu với những gia chủ."

(2) "Thầy Ca-chiên-diên, tại sao những tu sĩ tranh đấu với những tu sĩ?" "Này bà-la-môn, những tu sĩ (sa-môn) thì do sự cố chấp theo tham- muốn những quan-điểm này nọ (kiến dục), do sự trói buộc [theo chúng], sự dính chặt [vào chúng], sự ám muội [bởi chúng], sự nắm chặt [theo chúng], cho nên những tu sĩ tranh đấu với những tu sĩ." (tóm lược AN 2: 37)

(2) Tại Sao Những Chúng Sinh Sống Trong Thù Hận? 2.1. Vua Trời Sakka (Đế-thích), người trị vì các thiên thần,9 đã hỏi đức Thế Tôn: "Những chúng sinh mong muốn sống không có sự thù ghét, hãm hại, tàn bạo, hay thù địch; họ mong muốn sống trong hòa bình. Nhưng họ lại sống trong sự thù ghét, hãm hại lẫn nhau, tàn bạo, và như những kẻ thù. Thưa Thế Tôn, vì những gông-cùm nào trói buộc mà họ sống theo cách như vậy?" - [Đức Thế Tôn nói:] "Này vua của các thiên thần, gông-cùm chính là lòng ghen-tỵ và tính keo-kiệt trói buộc những chúng sinh, cho nên mặc dù họ mong muốn sống không có sự thù ghét, tàn bạo, hay thù địch, và sống trong hòa bình, nhưng họ vẫn sống trong sự thù ghét, hãm hại lẫn nhau, tàn bạo, và như những kẻ thù." Đó là câu trả lời của đức Thế Tôn, và vua trời Sakka hài lòng, thốt lên rằng: "Đúng như vậy, thưa Thế Tôn! Đúng như vậy, thưa bậc Phúc Lành. Nhờ câu trả lời của Thế Tôn nên con đã vượt qua sự nghi-ngờ và không còn phân-vân (về câu hỏi đó)." 2.2. Rồi, sau khi thể hiện sự cảm kích, vua trời Sakka hỏi một câu hỏi khác: "Nhưng thưa Thế Tôn, điều gì làm khởi sinh lòng ghen-tỵ và tính keo- kiệt, nguyên nhân của chúng là gì, làm sao chúng phát sinh, làm sao chúng khởi sinh? Khi cái gì có mặt thì làm chúng khởi sinh, và khi cái gì không có mặt thì chúng không khởi sinh?"

- "Này vua của các thiên thần, lòng ghen-tỵ và tính keo-kiệt khởi sinh từ sự thích và sự ghét; đây là nguyên nhân của chúng, đây là cách chúng phát sinh, cách chúng khởi sinh. Khi sự thích và sự ghét có mặt thì chúng khởi sinh, và khi sự thích và sự ghét không có mặt thì chúng không khởi sinh." "Nhưng, thưa Thế Tôn, cái gì làm khởi sinh sự thích và sự ghét...?" - "Này vua của các thiên thần, sự thích và sự ghét khởi sinh từ

tham- dục….” “Và cái gì làm khởi sinh tham-dục …?” - “Này vua của các thiên thần, tham-dục khởi sinh từ sự-nghĩ. Khi tâm nghĩ về thứ gì thì tham-dục khởi sinh; khi tâm không nghĩ về thứ gì thì tham- dục không khởi sinh.” “Nhưng, thưa Thế Tôn, cái gì làm khởi sinh sự-nghĩ …?” “Này vua của các thiên thần, tham-dục khởi sinh từ những nhận-thức (tưởng, vọng tưởng) và những quan-niệm phức tạp.10 Khi những nhận-thức và những quan-niệm phức tạp có mặt thì sự-nghĩ khởi sinh. Khi những nhận- thức và những quan-niệm phức tạp không có mặt thì sự-nghĩ không khởi sinh.” (trích DN 21, Sakkapañha Sutta) (Vấn Đáp với Vua Trời Đế-thích)

(3) Chuỗi Nhân Duyên Mịt Mùng 9. “Này Ānanda, như vậy, do có [tùy thuộc vào] cảm-giác (sướng, khổ; thọ) nên có dục-vọng (ái); do có dục-vọng nên có sự theo-đuổi; do có theo- đuổi nên có sự đạt-được (thứ gì, điều gì); do có sự đạt-được nên có sự quyết-định; do có sự quyết-định nên có tham-muốn và nhục-dục; do có tham-muốn và nhục-dục nên có sự ràng-buộc dính mắc; do có ràng-buộc dính mắc nên có sự sở-hữu; do có sự sở-hữu nên có tính keo-kiệt; do có tính keo kiệt nên có tính phòng-thủ; và do có tính phòng-thủ nên phát sinh nhiều loại điều

(hành-động, nghiệp) xấu ác bất thiện—như việc cầm gậy gọc và vũ khí, những xung đột, những tranh cãi, và những bất đồng, những sự mắng chửi nhục mạ, và sự bịa đặt vu khống.”11 (trích DN 15, Mahanidana Sutta) (Kinh Đại Duyên)

(4) Những Gốc Rễ của sự Tàn Bạo và Áp Bức “Tất cả mọi loại tham, sân, si đều là bất thiện.12 Mọi hành-động (nghiệp) của một người tham, sân, si tích tạo—bằng những sự-làm (bằng thân), lời-nói, và ý-nghĩ—cũng là bất thiện. Đối với người bị chi phối bởi tham, sân, si, thì mọi sự khổ đau người đó gây ra cho người khác bằng những việc áp bức như—giết hại, bắt tù, tịch thu tài sản, kết tội oan sai, đày ải—đều do bị xúi giục bởi ý-nghĩ: ‘Ta có quyền và ta muốn quyền uy,’ tất cả những điều này cũng đều là bất thiện.” (lược trích AN 3:69, đoạn (1), (2), (3))

4. KHÔNG BIẾT ĐƯỢC KHỞI ĐẦU (1) Cỏ, Cây, Cành, Lá … Đức Thế Tôn nói điều này: “Này các Tỳ kheo, vòng luân-hồi (saṁsāra) là không có điểm khởi đầu (vô thủy) có thể nhận biết được (là không thể khám phá, không thể nhận thấy, không thể nghĩ bàn).13 Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được. “Này các Tỳ kheo, giả sử một người đi chặt hết các cỏ, cây, cành, lá ở trong cõi Diêm-phù-nề [Jambudipa] này, và gom chất tất cả chúng lại thành một đống. Sau đó, người đó ngồi lấy từng cái ra đếm, và nói: ‘Đây là mẹ ta, đây là mẹ của mẹ ta.’ Chuỗi số những người mẹ và mẹ của mẹ của người đó

sẽ như là bất tận; cũng như số cỏ, cây, cành, lá là vô tận, không bao giờ dùng hết được. Bởi vì sao? Bởi vì vòng luân-hồi (sinh tử) này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được. Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, là không thể

nhận biết được. Này các Tỳ kheo, từ biết bao lâu các người đã luôn nếm trải (vô vàn) khổ sở, và đau đớn, và tai ương, và bị sình thối trong nghĩa (vô vàn lần). Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ [nếm trải sự ghê-sợ] đối với tất cả mọi sự tạo-tác cố ý (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng." (SN 15:01, Quyển 2)

(2) Những Hòn Đất "Này các Tỳ kheo, vòng luân-hồi (saṁsāra) là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được. Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được. "Này các Tỳ kheo, giả sử một người có thể lấy hết đất của đại địa cầu này để nặn thành những hòn đất bằng cỡ hột táo tàu, mỗi lần nặn xong một viên rồi bỏ xuống và nói: 'Đây là cha tôi, đây là cha của cha tôi.' Chuỗi số của những người cha và cha của cha của người đó sẽ như là bất tận, cũng như (đất của) đại địa cầu này là vô tận, không bao giờ dùng hết được. Bởi vì sao? Bởi vì vòng luân-hồi (sinh tử) này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được. Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục- vọng, là không thể nhận biết được. Này các Tỳ kheo, từ biết bao lâu các người đã luôn nếm trải (vô vàn) khổ sở, và đau đớn, và tai ương, và bị sình thối trong nghĩa (vô vàn lần). Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ [nếm trải sự ghê-sợ] đối với tất cả mọi sự tạo-tác cố ý (các hành), quá đủ để

trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng." (SN 15:02, Quyển 2)

(3) Khối Núi Một Tỳ kheo tới gặp đức Thế Tôn, kính lễ Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: "Thưa Thế Tôn, một đại kiếp là bao lâu?"14 "Này Tỳ kheo, một đại kiếp là dài. Không dễ gì đếm nó và nói nó là rất nhiều năm, hay nhiều trăm năm, hay nhiều ngàn năm, hay nhiều trăm ngàn năm ." "Vậy có thể cho ví dụ được không, thưa Thế Tôn?" "Được, này Tỳ kheo", đức Thế Tôn nói. "Này Tỳ kheo, giả sử có một khối núi đá lớn kéo dài một do-tuần (yojana, dặm Ấn), ngang một do-tuần, một khối núi đá liền đặc, không có lỗ hoặc khe nứt. Cứ sau mỗi một trăm năm có một người dùng một miếng vải lụa Kāsi mềm chùi một cái lên khối núi. 15 Dù khối núi to nhưng cứ một trăm năm chùi một cái cũng tới lúc mòn hết khối núi đó, nhưng khoảng thời gian (dài thăm thẳm) đó cũng chưa dài bằng một đại kiếp. Này Tỳ kheo, một đại kiếp là rất dài. Và với những đại kiếp dài vô vàn như vậy, chúng ta đã lang thang trôi giạt trong suốt nhiều đại kiếp, rất nhiều trăm đại kiếp, rất nhiều ngàn đại kiếp, rất nhiều trăm ngàn đại kiếp. Bởi vì sao? Bởi vì vòng luân-hồi (sinh tử) này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được … Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác cố ý (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng." (SN 15:05, Quyển 2)

(4) Sông Hằng

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Rồi có một bà-la-môn đến gặp và chào hỏi đức Thế Tôn. Sau khi đã xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên và nói với đức Thế Tôn: "Thầy Cồ-đàm, có bao nhiêu đại kiếp đã qua đi?" "Này bà-la-môn, nhiều đại kiếp đã qua đi. Không dễ gì đếm chúng và nói chúng là rất nhiều đại kiếp, hay rất nhiều trăm đại kiếp, hay rất nhiều ngàn đại kiếp, hay rất nhiều trăm ngàn đại kiếp." "Vậy có thể cho ví dụ được không, Thầy Cồ-đàm?" "Được, này bà-la-môn", đức Thế Tôn nói. "Này bà-la-môn, giả sử như số hạt cát nằm từ chỗ sông Hằng bắt nguồn cho tới chỗ nó đổ ra biển (Hằng Hà sa số): không dễ gì đếm được số hạt cát đó và nói nó là rất nhiều hạt cát, hay rất nhiều trăm hạt cát, hay rất nhiều ngàn hạt cát, hay rất nhiều trăm ngàn hạt cát. Này bà-la-môn, số đại kiếp đã trôi qua đi thậm chí còn nhiều hơn số hạt cát đó. Không dễ gì đếm chúng và nói chúng là rất nhiều đại kiếp, hay rất nhiều trăm đại kiếp, hay rất nhiều ngàn đại kiếp, hay rất nhiều trăm ngàn đại kiếp. Bởi vì sao? Bởi vì vòng luân-hồi (sinh tử) này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được … Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác cố ý (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng." (SN 15:08, Quyển 2)

(5) Con Chó Bị Xích Cột Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, vòng luân-hồi sinh tử này là không có điểm khởi đầu có thể nhận thấy được. Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng sinh

lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được.16 - "Này các Tỳ kheo, rồi sẽ tới một thời đại dương cạn khô và nước bốc hơi hết, và đại dương không còn nữa;17 ta nói, (cho dù có chấm dứt đại dương kia) nhưng vẫn không chấm dứt nổi sự khổ đau của những chúng sinh còn lang thang và trôi giạt (trong vòng luân-hồi) do bị chướng ngại bởi vô- minh và bị trói buộc bởi dục-vọng. - "Này các Tỳ kheo, rồi sẽ tới một thời núi Sineru (Tu-di), vua của các ngọn núi, bốc cháy và rụi tàn, núi không còn nữa; ta nói, (cho dù có chấm dứt núi vua kia) nhưng vẫn không chấm dứt nổi sự khổ đau của những chúng sinh còn lang thang và trôi giạt (trong vòng luân-hồi) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng. - "Này các Tỳ kheo, rồi sẽ tới thời đại địa cầu này bốc cháy và rụi tàn, và trái đất không còn nữa; ta nói, (cho dù chấm dứt trái đất này) nhưng vẫn không chấm dứt nổi sự khổ đau của những chúng sinh còn lang thang và trôi giạt (trong vòng luân-hồi) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng." "Này các Tỳ kheo, ví như một con chó bị xích bằng một sợi dây cột chặt vào một cây trụ hay cột nhà. Cũng giống như vậy, người phàm phu không được chỉ dạy cứ coi sắc-thân là 'ta' … cảm-giác là 'ta' … nhận-thức là 'ta' … những sự tạo-tác cố ý là 'ta' … thức là 'ta' … Người đó cứ chạy vòng quanh sắc-thân, chạy vòng quanh cảm-giác, chạy vòng quanh nhận-thức, chạy vòng quanh những sự tạo-tác cố ý, vòng quanh thức.18 Khi người đó cứ chạy vòng quanh chúng, người đó không giải thoát khỏi sắc-thân, không giải thoát khỏi cảm-giác, không giải thoát khỏi nhận-thức, không giải thoát khỏi những sự tạo-tác

cố ý, không giải thoát khỏi thức. Người đó không giải thoát khỏi sự sinh, già, chết; không giải thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng; không giải thoát khỏi sự khổ, ta nói như vậy." (SN 22:99, Quyển 3)

24 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

Chương II. NGƯỜI MANG LẠI ÁNH SÁNG

26 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

Chương II – Người Mang Lại Ánh Sáng • 27

1. MỘT NGƯỜI "Này các Tỳ kheo, có một người khởi sinh trong thế gian này vì lợi-ích của nhiều người, vì hạnh-phúc của nhiều người, vì sự tốt-lành, lợi-ích, và hạnh-phúc của nhiều người, của những thiên thần và loài người."19 Ai là một người đó? Đó là Như Lai [Tathagata], bậc A-la-hán [Arahant], bậc Toàn Giác. Đây chính là một người đó. "Này các Tỳ kheo, [174] có một có một người khởi sinh trong thế giới này là người độc tôn, không người ngang xứng (vô nhị), không người đối cặp, không thể so sánh, không thể sánh bằng (vô song), không có đối thủ (vô đối), không thể ngang bằng, không ai ngang bằng,20 là bậc nhất trong những loài hai chân.21 Ai là một người đó? Đó là Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Đó là một người khởi sinh trong thế gian là người siêu thường ... là bậc nhất trong những loài hai chân." Ai là một người đó?. Ai là một người đó? Đó là Như Lai [Tathagata], bậc A-la-hán [Arahant], bậc Toàn Giác. Đây chính là một người đó. "Này các Tỳ kheo, sự xuất hiện [hiện thị] của một người [175] là sự xuất hiện của tầm-nhìn lớn ... [176] ... sự xuất hiện của ánh-sáng lớn ... [177] ... sự xuất hiện của hào-quang lớn ... [178] ... sự xuất hiện của sáu điều vô-thượng ... [179] ... sự chứng ngộ bốn trí-biết (mang tính) phân-tích (vô ngại giải trí) ... [180] ... sự thâm nhập nhiều yếu-tố ... [181] ... sự thâm nhập nhiều loại (đa dạng) yếu-tố ... [182] ... sự chứng ngộ thánh quả là trí- biết đích thực (minh) và sự giải-thoát ... [183] ... sự chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu ... [184] ... sự chứng ngộ thánh quả Nhất-lai ... [185] ... sự chứng ngộ thánh quả Bất-lai ... [186] ... sự chứng ngộ thánh quả A-la-hán. Ai là một người đó? Đó là Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Đó là một người mà sự xuất hiện của người đó là sự xuất hiện của tầm-nhìn lớn ... sự chứng ngộ thánh quả A-la-hán."22 Ai là một người đó? Đó là Như Lai, bậc A-la- hán, bậc Toàn Giác. Đây chính là một người đó."

(trích AN 1:317; AN 1: 174186)

28 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

2. SỰ NHẬP THAI VÀ ĐẢN SINH CỦA ĐỨC PHẬT 1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). 2. Bấy giờ có một số Tỳ kheo đang ngồi trong hội trường, ở đó họ đã cùng ngồi với nhau sau khi đã đi khất thực trong thành Sāvatthī, sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, khi đó sự thảo luận này đã khởi sinh giữa họ: "Thật kỳ diệu, này các đạo hữu, thật tuyệt vời, là cách Như Lai là hùng mạnh và uy lực! Vì Như Lai có thể biết về những vị Phật trong quá khứ—là những người đã Bát-niết-bàn, đã cắt đứt [mớ hỗn độn của] sự phóng-tâm,

đã bẻ gãy vòng quay (vòng nhân-duyên), đã chấm dứt vòng luân hồi (vòng sinh tử), và đã chinh phục tất cả sự khổ—rằng đối với những bậc Thế Tôn đó sự-sinh là như vậy, tên của họ là như vậy, họ-tộc của họ là như vậy, đức-hạnh của họ là như vậy, trạng thái [sự định-tâm] của họ là như vậy, trí-tuệ của họ là như vậy, sự an-trú [trong những sự chứng đắc] là như vậy, sự giải-thoát của họ là như vậy." Sau khi điều này được nói ra, Ngài Ānanda đã nói với các Tỳ kheo: "Này các đạo hữu, những Như Lai là kỳ diệu và có những phẩm-chất tuyệt vời."23 Tuy nhiên, sự thảo luận của họ đã bị gián đoạn, bởi vì đức Thế Tôn đã ra khỏi chỗ thiền, đi đến hội trường, và ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn. Rồi đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: "Này các Tỳ kheo, vì sự thảo luận gì mà các thầy đang ngồi cùng với nhau ở đây? Và sự thảo luận của các thầy là gì khi nó bị gián đoạn?" "Ở đây, thưa Thế Tôn, chúng con đã trong hội trường này, chúng con đã gặp nhau sau khi đã đi khất thực trong thành Sāvatthī, sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, khi đó sự thảo luận này đã khởi sinh giữa chúng con: 'Thật kỳ diệu, này các đạo hữu … sự giải-thoát của họ là như vậy." Sau khi điều này được nói ra, thầy Ānanda đã nói với các Tỳ kheo: 'Này các đạo hữu, những Như Lai là kỳ diệu và có những phẩm-chất tuyệt

vời.' Thưa Thế Tôn, đây là sự thảo luận của chúng con đã bị gián đoạn sau khi đức Thế Tôn đã đến." Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy Ānanda: "Điều đó là như vậy, này Ānanda, hãy giải thích đầy đủ hơn về những phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của Như Lai." 3. [1] "Thưa Thế Tôn, con đã nghe được và học được điều này từ miệng đức Thế Tôn: 'Này Ānanda, có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác) hoàn toàn, vị Bồ-tát xuất hiện trong cõi trời Đâu-suất [Tusita].'24 Rằng có chánh-niệm và rõ-biết hoàn toàn vị Bồ-tát xuất hiện trong cõi trời Đâu-suất. Con nhớ điều này là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của đức Thế Tôn. 4. [2] "Con đã nghe được và học được điều này từ miệng đức Thế Tôn: 'Có chánh-niệm và rõ-biết hoàn toàn, vị Bồ-tát ở lại trong cõi trời Đâu-suất.' Con nhớ điều này cũng là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của đức Thế Tôn. 5. [3] "Con đã nghe được và học được điều này từ miệng đức Thế Tôn: 'Vị Bồ-tát ở lại cõi trời Đâu-suất hết tất cả tuổi thọ ở cõi đó.' Con nhớ điều này cũng là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của đức Thế Tôn. 6. [4] "Con đã nghe được và học được điều này từ miệng đức Thế Tôn: 'Có chánh-niệm và rõ-biết hoàn toàn, vị Bồ-tát qua đời từ cõi trời Đâu-suất và hạ nhập vào thai mẹ (ở cõi người).' Con nhớ điều này cũng là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của đức Thế Tôn. 7. [5] "Con đã nghe được và học được điều này từ miệng đức Thế Tôn: 'Sau khi vị Bồ-tát qua đời từ cõi trời Đâu-suất và đã hạ nhập vào thai mẹ (ở cõi người), thì một hào quang lớn vô lượng, vượt trên cả tầm uy hào quang của những trời thần, đã xuất hiện trong thế gian này có những thiên thần, những Ma Vương, và những trời Brahmā (Phạm thiên), trong thế hệ này có những sa-môn và bà-la-môn, những thiên thần và loài người. Và thậm chí trong những khoảng trống không thăm thẳm nằm giữa những thế giới, u minh và tối mịt, nơi mà ngay cả ánh sáng của Mặt Trăng và Mặt Trời, thật

hùng mạnh và uy lực, cũng không chiếu tới được—thì hào quang lớn vô lượng này, vượt trên cả tầm uy hào quang của những trời thần, cũng xuất hiện tới đó.25 Và những chúng sinh bị tái sinh trong đó đã bất chợt nhận thức được nhau nhờ ánh sáng hào quang đó: “Ôi kìa, không ngờ thực sự cũng có những chúng sinh khác bị tái sinh ở đây!” Và hệ thống mười-ngàn thế giới đã rung động, rúng động, chuyển động mạnh, và tiếp tục xuất hiện hào quang lớn vô lượng, vượt trên cả tầm uy hào quang của những trời thần.’ Con nhớ điều này cũng là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của đức Thế Tôn. 8. [6] “Con đã nghe được và học được điều này từ miệng đức Thế Tôn: ‘Sau khi vị Bồ-tát đã hạ nhập vào thai mẹ (ở cõi người), bốn thiên thần đã đến hộ vệ Ngài ở bốn hướng để không cho loài người hay loài phi nhân hay bất cứ ai có thể gây hại cho vị Bồ-tát hay mẹ của Ngài.’26 Con nhớ điều này cũng là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của đức Thế Tôn. 9. [7] “Con đã nghe được và học được điều này từ miệng đức Thế Tôn: ‘Sau khi vị Bồ-tát đã hạ nhập vào thai mẹ, mẹ Ngài đã tự nhiên trở nên đầy đủ đức-hạnh, kiêng cữ mọi sự [sát-sinh, gian-cắp, tà-dục, nói-dối, và dùng rượu nặng, rượu nhẹ hay những chất độc hại] là căn cơ của sự sống lơ tâm phóng dật.’ Con nhớ điều này cũng là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của đức Thế Tôn. 10. [8] “Con đã nghe được và học được điều này từ miệng đức Thế Tôn: ‘Sau khi vị Bồ-tát đã hạ nhập vào thai mẹ, không còn ý nghĩ nhục-dục nào khởi sinh trong bà liên quan tới nam giới, và bà trở nên không thể tiếp cận được bởi bất cứ người nào có tâm nhục-dục.’ Con nhớ điều này cũng là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của đức Thế Tôn. 11. [9] “Con đã nghe được và học được điều này từ miệng đức Thế Tôn: ‘Sau khi vị Bồ-tát đã hạ nhập vào thai mẹ, bà đã đạt được năm dây khoái-lạc giác quan (ngũ dục lạc: lạc cảnh, lạc âm, lạc hương, lạc vị, lạc xúc), và được phú và được chu cấp với chúng, và bà thụ hưởng với chúng.’ Con nhớ điều này cũng là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của đức Thế Tôn.

12. [10] “Con đã nghe được và học được điều này từ miệng đức Thế Tôn: ‘Sau khi vị Bồ-tát đã hạ nhập vào thai mẹ, không có sự khổ sở nào khởi sinh trong bà; bà hạnh phúc và không hề bị mỏi mệt về thân. Bà nhìn thấy vị Bồ-tát bên trong bào thai với tứ chi của Ngài, không thiếu căn nào. Giống như có một viên ngọc lưu ly tinh đẹp, tám mặt, được khéo cắt dũa, trong suốt và tinh sạch, có đủ những phẩm chất tốt, và được xỏ qua nó một sợi dây đeo màu xanh, vàng, đỏ, trắng hay nâu. Rồi một người có mắt sáng, cầm lên tay, có lẽ xem xét nó (rõ rệt) như vầy: “Đây là một viên ngọc lưu ly tinh đẹp, tám mặt, được khéo cắt dũa, trong suốt và tinh sạch, có đủ những phẩm chất tốt, và được xỏ qua nó một sợi dây đeo màu xanh, vàng, đỏ, trắng hay nâu.” Cũng giống như vậy, sau khi vị Bồ-tát đã hạ nhập vào thai mẹ … Bà nhìn thấy vị Bồ-tát bên trong bào thai với tứ chi của Ngài, không thiếu căn nào.’ Con nhớ điều này cũng là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của đức Thế Tôn. 13. [11] “Con đã nghe được và học được điều này từ miệng đức Thế Tôn: ‘Bảy ngày sau khi sinh ra vị Bồ-tát, mẹ Ngài đã chết và tái sinh trong cõi trời Đâu-suất.’27 Con nhớ điều này cũng là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của đức Thế Tôn. 14. [12] “Con đã nghe được và học được điều này từ miệng đức Thế Tôn: ‘Những phụ nữ khác sinh con sau khi mang thai từ chín tháng tới mười tháng, nhưng mẹ của vị Bồ-tát thì không như vậy. Bà sinh ra vị Bồ-tát sau khi

mang thai chính xác đúng mười tháng.’ Con nhớ điều này cũng là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của đức Thế Tôn. 15. [13] “Con đã nghe được và học được điều này từ miệng đức Thế Tôn: ‘Những phụ nữ khác sinh còn trong tư thế đang ngồi hay đang nằm, nhưng mẹ của vị Bồ-tát đã sinh Ngài trong tư thế đang đứng.’ Con nhớ điều này cũng là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của đức Thế Tôn. 16. [14] “Con đã nghe được và học được điều này từ miệng đức Thế Tôn: ‘Sau khi vị Bồ-tát ra khỏi bụng mẹ, trước tiên những thiên thần đã đỡ

lấy Ngài, sau đó mới đến những người khác ở đó đỡ lấy.’ Con nhớ điều này cũng là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của đức Thế Tôn. 17. [15] “Con đã nghe được và học được điều này từ miệng đức Thế Tôn: ‘Sau khi vị Bồ-tát ra khỏi bụng mẹ, Ngài không tiếp xúc mặt đất. Bốn thiên thần đã đỡ lấy ngài và đặt Ngài trước mặt mẹ ngài và nói: “Chúc mừng Hoàng Hậu, một con trai đại uy lực đã được sinh ra cho Hoàng Hậu.”’ Con nhớ điều này cũng là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của đức Thế Tôn. 18. [16] “Con đã nghe được và học được điều này từ miệng đức Thế Tôn: ‘Sau khi vị Bồ-tát ra khỏi bụng mẹ, Ngài không bị dính dơ, không bị dính nước bẩn, nước nhầy, không bị dính máu hay bất kỳ chất dơ nào; trong sạch và không dính nhiễm. Giống như có một viên ngọc được đặt trong miếng vải Kāsi, thì viên ngọc sẽ không làm dơ miếng vải, và miếng vải cũng không làm dơ viên ngọc. Tại sao vậy? Bởi nhờ sự trong sạch của cả hai. Cũng giống như vậy, khi vị Bồ-tát ra khỏi bụng mẹ … trong sạch và không dính nhiễm.’ Con nhớ điều này cũng là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của đức Thế Tôn. 19. [17] “Con đã nghe được và học được điều này từ miệng đức Thế Tôn: ‘Sau khi vị Bồ-tát ra khỏi bụng mẹ, có hai tia nước đã xuất hiện đổ xuống từ trên trời, một tia nóng và một tia ấm, để tắm cho vị Bồ-tát và mẹ của Ngài.’ Con nhớ điều này cũng là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của đức Thế Tôn. 20. [18] “Con đã nghe được và học được điều này từ miệng đức Thế Tôn: ‘Ngay sau khi vị Bồ-tát được sinh ra, Ngài đã đứng vững chắc bằng hai bàn chân trên nền đất; rồi Ngài bước bảy bước mặt hướng về bắc, và với một chiếc lộng che màu trắng trên đầu, Ngài đã nhìn khắp mỗi phương và thốt ra những lời của một Người Dẫn Dắt Đầu Đàn: “Ta là bậc cao nhất trong thế gian; ta là bậc siêu xuất nhất trong thế gian; ta là bậc đứng đầu trong thế gian. Đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ đây không còn sự tái hiện-hữu đối với ta.”’28 Con nhớ điều này cũng là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của đức Thế Tôn.

21. [19] “Con đã nghe được và học được điều này từ miệng đức Thế Tôn: ‘Sau khi vị Bồ-tát ra khỏi bụng mẹ, thì một hào quang lớn vô lượng vượt trên cả tầm uy hào quang của những trời thần đã xuất hiện trong thế gian này có những thiên thần, những Ma Vương, và những trời Brahmā (Phạm thiên), trong thế hệ này có những sa-môn và bà-la-môn, những thiên thần và loài người. Và thậm chí trong những khoảng trống không thăm thẳm ở giữa (những thế giới), u minh và tối mịt, nơi mà ánh sáng uy lực và hùng mạnh của mặt trăng và mặt trời cũng không chiếu tới được—thì hào quang lớn vô lượng này vượt trên cả tầm uy hào quang của những trời thần cũng xuất hiện ở đó

… Con nhớ điều này cũng là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của đức Thế Tôn. (sự kiện thần diệu giống mục 7) 22. “Điều đó là như vậy, này Ānanda, cũng ghi nhớ luôn điều này là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của Như Lai: Ở đây, này Ānanda, đối với Như Lai những cảm-giác (thọ) được biết khi chúng khởi sinh (sinh), khi chúng có mặt (trụ), khi chúng biến mất (diệt); những nhận-thức (tưởng) được biết khi chúng khởi sinh, khi chúng có mặt, khi chúng biến mất; những ý- nghĩ (hành) được biết khi chúng khởi sinh, khi chúng có mặt, khi chúng biến mất.29 Này Ānanda, hãy nhớ luôn điều này là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của Như Lai.” 23. “Thưa Thế Tôn, bởi vì đối với đức Thế Tôn những cảm-giác (thọ) được biết khi chúng khởi sinh, khi chúng có mặt, khi chúng biến mất; những nhận-thức (tưởng) được biết khi chúng khởi sinh, khi chúng có mặt, khi chúng biến mất; những ý-nghĩ (hành) được biết khi chúng khởi sinh, khi chúng có mặt, khi chúng biến mất—con cũng nhớ điều này là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của đức Thế Tôn.” Đó là lời thầy Ānanda đã nói. Vị Thầy đã chấp thuận. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với những lời của thầy Ānanda. (MN 123: Acchariya-Abbhūta Sutta) (Kỳ Diệu và Tuyệt Vời)

3. ĐI TÌM SỰ GIÁC-NGỘ (1) Tìm Trạng Thái Cao Nhất của sự Bình An Siêu Phàm 5. “Này các Tỳ kheo, có hai loại sự tìm-kiếm: sự tìm-kiếm thánh thiện và sự tìm-kiếm không thánh thiện. (1) Và thứ gì là sự tìm kiếm không thánh thiện? Ở đây, (i) một người tự mình (vốn) phải bị [sự] (tái) sinh đi (mà) cứ tìm kiếm thứ cũng phải bị [sự] (tái) sinh; (ii) tự mình phải bị già cứ đi tìm kiếm thứ cũng phải bị già; (iii) tự mình phải bị bệnh cứ đi tìm kiếm thứ cũng phải bị bệnh; (iv) tự mình phải bị chết đi cứ tìm kiếm thứ cũng phải bị chết; (v) tự mình phải bị buồn sầu cứ đi tìm kiếm thứ cũng phải bị buồn sầu; (vi) tự mình phải bị ô nhiễm cứ đi tìm kiếm thứ cũng phải bị ô nhiễm. 6–11. “Và những gì có thể được cho là phải bị [sự] sinh … 7. bị già … 8. bị bệnh … 9. bị chết … 10. bị buồn sầu … 11. bị ô nhiễm? Vợ và con, đàn ông và đàn bà, người ở, dê và cừu, gà vịt và heo bò, voi, gia cầm gia súc, ngựa đực và ngựa cái, vàng và bạc: những sự thu-nạp (sanh y) đó30 (như những sự sở hữu vật chất trong đời-sống, và sâu xa hơn là sự nhận lấy năm-uẩn, nghiệp, những đối tượng dục lạc, những ô-nhiễm … trong sự-sống) đều phải bị sinh … bị già … bị bệnh … bị chết … bị buồn sầu … bị ô nhiễm; và ai bị trói buộc vào những thứ đó, bị say mê với chúng, và hoàn toàn dính vào chúng, thì là tự mình (vốn) phải bị [sự] sinh … bị già … bị bệnh … bị chết … bị buồn sầu … bị ô nhiễm (mà) cứ đi tìm thứ cũng phải bị [sự] sinh … bị già … bị bệnh … bị chết … bị buồn sầu … bị ô nhiễm. Đây là sự tìm kiếm không thánh thiện. (người dịch giản lược mục 6-11 vì lời kinh trong các mục là tương tự nhau) 31

12. (2) “Và cái gì là sự tìm kiếm thánh thiện? Ở đây, một người tự mình phải bị [sự] (tái) sinh, sau khi hiểu được sự nguy-hại trong những thứ phải bị [sự] (tái) sinh, người đó đi tìm sự vô-sinh an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, đó là Niết-bàn; tự mình phải bị già, sau khi hiểu được sự nguy-hại trong những thứ phải bị già, người đó đi tìm sự vô-già an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, đó là Niết-bàn; tự mình phải bị chết, sau khi hiểu được sự nguy-hại trong những thứ phải bị chết, người đó đi tìm sự bất-tử

toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, đó là Niết-bàn; tự mình phải bị buồn sầu, sau khi hiểu được sự nguy-hại trong những thứ phải bị buồn sầu, người đó đi tìm sự vô-sầu an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, đó là Niết- bàn; tự mình phải bị ô nhiễm, sau khi hiểu được sự nguy-hại trong những thứ phải bị ô nhiễm, người đó đi tìm sự vô-nhiễm an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, đó là Niết-bàn. Đây là sự tìm kiếm thánh thiện. 13. (1) “Này các Tỳ kheo, trước khi giác-ngộ, khi ta còn là một Bồ-tát chưa giác-ngộ toàn thiện, thì ta cũng bị như vậy: tự ta (vốn) phải bị [sự] (tái) sinh, ta lại đi tìm những thứ cũng phải bị [sự] (tái) sinh; tự ta phải bị già, bệnh, chết, phải bị buồn sầu, và bị ô nhiễm, ta lại đi tìm những thứ cũng phải bị già, bệnh, chết, phải bị buồn sầu, và bị ô nhiễm. (2) Nhưng rồi ta đã suy xét như vầy: ‘Tại sao, tự ta đã phải bị sinh, sao ta cứ đi tìm những thứ cũng phải bị sinh? Tại sao, tự ta đã phải bị già, bệnh, chết, phải bị buồn sầu, và bị ô nhiễm, sao ta cứ đi tìm thứ cũng phải bị già, bệnh, chết, phải bị buồn sầu, và bị ô nhiễm? Giá như (phải chi): tự ta phải bị (tái) sinh, sau khi đã hiểu được sự nguy-hại trong những thứ phải bị (tái) sinh, thì ta nên đi tìm sự vô- sinh an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, đó là Niết-bàn. Giá như: tự ta đã phải bị già, bệnh, chết, phải bị buồn sầu, và bị ô nhiễm, sau khi hiểu được sự nguy-hại của những thứ phải bị già, bệnh, chết, phải bị buồn sầu, và bị ô nhiễm, thì ta nên đi tìm sự vô-già, vô-bệnh, bất-tử, vô-sầu, và vô-nhiễm an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, đó là Niết-bàn.’ (3) “Sau đó, khi ta vẫn còn là một người trẻ trung, tóc còn đen nhánh, còn được phú cho tuổi trẻ, đang trong thời xuân sắc của cuộc đời, mặc dù cha mẹ ta muốn khác và đã khóc ràn rụa nước mắt trên mặt, nhưng ta đã cạo bỏ râu tóc, khoát áo nâu sòng, và từ bỏ cuộc sống tại gia để đi vào đời sống đời sống xuất gia tu hành. (4) “Này các Tỳ kheo, sau khi đã xuất gia đi tìm kiếm thứ thiện lành, tìm kiếm trạng thái cao nhất của sự bình-an siêu phàm, ta đã đến chỗ ông Ālarā Kālāma và thưa với ông: ‘Này thiện hữu Kālāma, tôi muốn sống đời sống tâm linh theo Giáo Pháp và Giới Luật ở đây.’ Ông Alara Kālāma đã trả

lời: ‘Quý ngài có thể ở lại đây. Giáo Pháp này là thứ một người có trí có thể chứng nhập và an trú trong đó, tự mình chứng ngộ thông qua sự trực-tiếp biết học thuyết của thầy mình.’ Ta đã mau chóng học Giáo Pháp đó. Chỉ sau mỗi lần mở miệng đọc lại lời giáo lý của vị ấy, ta có thể nói ra với sự-biết và sự chắc-chắn, và ta có thể tuyên bố: ‘Tôi biết và thấy’—và có những người khác ở đó cũng làm được như vậy. “Ta suy xét rằng: ‘Không phải chỉ dựa niềm-tin suông mà Alara Kālāma nói: “Bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết, tôi có thể chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp này”. Chắc chắn Alara Kālāma an trú trong sự biết và thấy Giáo Pháp này.’ Sau khi suy xét vậy, ta đến gặp Alara Kālāma và hỏi ông rằng: ‘Này thiện hữu Kālāma, theo cách nào mà ngài tuyên bố rằng ‘bằng cách tự mình chứng ngộ nhờ sự trực-tiếp biết, ngài có thể chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp này?’ Khi trả lời ta, ông đã tuyên bố cảnh giới “vô sở hữu xứ ” [cảnh xứ không-có-gì].32 “Ta suy xét rằng: ‘Không phải chỉ Alara Kālāma có

niềm-tin, sự nỗ-lực, chánh-niệm, sự định-tâm, và trí-tuệ. Ta cũng có niềm-tin, sự nỗ-lực, chánh- niệm, sự định-tâm, và trí-tuệ. Giá như: ta cố gắng chứng ngộ Giáo Pháp mà ông Alara Kālāma tuyên bố rằng ông có thể chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp đó bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết?' "Rồi ta nhanh chóng chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp đó bằng cách tự mình chứng ngộ nó bằng sự trực-tiếp biết. Sau đó ta đến gặp ông Alara Kālāma và hỏi ông ấy: 'Này thiện hữu Kālāma, có phải theo cách như vầy mà ngài đã tuyên bố rằng ngài đã chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp này bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết?—'Đúng là cách như vậy, này đạo hữu.'—'Này đạo hữu, chính theo cách như vậy ta cũng chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp này bằng cách tự chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết.'—'Đây là một lợi ích cho chúng tôi, này đạo hữu, đây là một lợi ích lớn lao cho chúng tôi khi chúng tôi mới có thêm đạo hữu là một quý thầy như vậy để cho các tu sĩ của chúng tôi noi theo. Vậy đó, Giáo Pháp mà tôi tuyên bố ta đã chứng nhập và an trú trong đó bằng cách tự mình chứng

ngộ bằng sự trực-tiếp biết cũng chính là Giáo Pháp mà đạo hữu mới chứng nhập và an trú trong đó bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết. Và Giáo Pháp mà đạo hữu mới chứng nhập và an trú trong đó bằng sự tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết cũng chính là Giáo Pháp mà tôi đã tuyên bố rằng tôi đã chứng nhập và an trú trong đó bằng sự tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết đó. Như vậy đạo hữu đã mới biết được Giáo Pháp mà tôi đã biết, và tôi đã biết được Giáo Pháp mà đạo hữu đã mới biết. Tôi biết như vậy, đạo hữu cũng biết như vậy. Đạo hữu biết như vậy, tôi cũng biết như vậy. Này đạo hữu, giờ chúng ta hãy cùng nhau dẫn dắt những người tu ở đây tu tập.' "Như vậy là Alara Kālāma—vị thầy của ta—đã đặt ta, là học trò của ông, ở cùng vị trí ngang bằng với ông, và ông đã khen thưởng ta danh dự cao nhất đó. Nhưng lúc đó có ý nghĩ này đã xảy đến với ta: 'Giáo Pháp này không dẫn tới sự tỉnh-ngộ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn; nó chỉ dẫn tới sự tái sinh trong "vô sở hữu xứ".33 Vì không mãn nguyện với Giáo Pháp đó, vì thất vọng với Giáo Pháp đó, nên ta đã rời khỏi nơi đó. (5) "Này các Tỳ kheo, vẫn đi tìm kiếm thứ thiện lành, tìm kiếm trạng thái cao nhất của sự bình-an siêu phàm, ta đã đến gặp ông Uddaka Rāmaputta và nói với ông ấy: 'Này thiện hữu, tôi muốn sống đời sống tâm linh theo Giáo Pháp và Giới Luật ở đây.' Ông Uddaka Rāmaputta đã trả lời: 'Quý ngài có thể ở lại đây. Giáo Pháp này là thứ một người có trí có thể chứng nhập và an trú trong đó, tự mình chứng ngộ thông qua sự trực-tiếp biết về học thuyết của thầy mình.' Ta đã mau chóng học Giáo Pháp đó. Chỉ sau mỗi lần mở miệng đọc lại lời giáo lý của vị ấy, ta có thể nói ra với sự-biết và sự chắc- chắn, và ta có thể tuyên bố: 'Tôi biết và thấy'—và có những người khác ở đó cũng làm được như vậy. "Ta suy xét rằng: 'Không phải chỉ dựa vào niềm-tin suông mà Rāma tuyên bố: "Bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết, ta có thể chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp này". Chắc chắn Rāma đã an trú với

sự biết và thấy Giáo Pháp này.' Sau khi suy xét vậy, ta đến gặp ông Uddaka Rāmaputta và hỏi ông: 'Này thiện hữu, theo cách nào mà Rāma tuyên bố rằng 'Bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết, tôi có thể chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp này'? Khi trả lời ta, ông Uddaka Rāmaputta đã tuyên bố "phi tưởng phi phi tưởng xứ " [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức].34 "Ta suy xét rằng: 'Không phải chỉ Rāma có niềm-tin, sự nỗ-lực, chánh- niệm, sự định-tâm, và trí-tuệ. Ta cũng có niềm-tin, sự nỗ-lực, chánh-niệm, sự định-tâm, và trí-tuệ. Giá như: ta cố gắng chứng ngộ Giáo Pháp mà ông Rāma tuyên bố ông đã có thể chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp đó bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết?' "Rồi ta nhanh chóng chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp đó bằng cách tự mình chứng ngộ nó với sự trực-tiếp biết. Sau đó ta đến gặp ông Uddaka Rāmaputta và hỏi ông: 'Này đạo hữu, có phải theo cách như vầy mà Rāma đã tuyên bố rằng Rāma đã chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp này bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết?—'Đúng là cách như vậy, này đạo hữu.'—'Này đạo hữu, chính theo cách như vậy tôi cũng đã chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp này bằng cách tự chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết.'—'Đây là một lợi ích cho chúng tôi, này đạo hữu, đây là một lợi ích lớn lao cho chúng ta khi chúng tôi mới có thêm đạo hữu là một quý thầy như vậy để cho các tu sĩ của chúng tôi noi theo. Vậy đó, Giáo Pháp mà tôi tuyên bố tôi đã chứng nhập và an trú trong đó bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết cũng chính là Giáo Pháp mà đạo hữu mới chứng nhập và an trú trong đó bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết. Và Giáo Pháp mà đạo hữu mới chứng nhập và an trú trong đó bằng sự tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết cũng chính là Giáo Pháp mà tôi đã tuyên bố rằng tôi đã chứng nhập và an trú trong đó bằng sự tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết đó. Như vậy đạo hữu đã mới biết được Giáo Pháp mà tôi đã biết, và tôi đã biết được Giáo Pháp mà đạo hữu đã mới biết. Tôi biết như vậy, đạo hữu cũng biết như vậy. Đạo hữu biết như vậy, tôi cũng biết

như vậy. Này đạo hữu, giờ chúng ta hãy cùng nhau dẫn dắt những người tu ở đây tu tập.' "Như vậy là Uddaka Rāmaputta—người đồng đạo của ta trong đời sống tâm linh—đã đặt ta ở vị trí của một vị thầy, và ông đã khen thưởng ta danh dự cao nhất đó. Nhưng lúc đó có ý nghĩ này đã xảy đến với ta: 'Giáo Pháp này không dẫn tới sự tỉnh-ngộ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn; nó chỉ dẫn tới tái sinh trong "phi tưởng phi phi tưởng xứ". Vì không mãn nguyện với Giáo Pháp đó, vì thất vọng với Giáo Pháp đó, nên ta đã rời khỏi nơi đó. (6) "Này các Tỳ kheo, vẫn đi tìm kiếm thứ thiện lành, đi tìm trạng thái cao nhất của sự bình-an siêu phàm, ta đi rong ruổi khắp xứ Magadha (Ma- kiệt-đà), cuối cùng ta đến chỗ vùng Uruvela gần Senānigama. Ở đó ta nhìn thấy một miếng đất dễ thích, một vườn cây thú vị nằm sát bên con sông nước trong chảy qua với hai bờ êm ả đáng thích, và gần một ngôi làng để đi khất thực. Ta xét thấy rằng: 'Miếng đất này dễ thích, một vườn cây thú vị nằm sát bên con sông nước trong chảy qua với hai bờ êm ả đáng thích, và gần một ngôi làng để đi khất thực. Chỗ này sẽ được dùng làm chỗ cho sự chuyên-cần tu (tinh cần) của một người họ tộc đang quyết tâm chuyên-cần tu.' Và ta ngồi xuống đó và nghĩ

rằng: ‘Chỗ này sẽ được dùng cho sự chuyên-cần tu.’35 (*) 18. (7) “Rồi, này các Tỳ kheo, tự ta phải bị [sự] (tái) sinh, sau khi hiểu được sự nguy-hại trong thứ phải bị [sự] (tái) sinh, sau khi đi tìm sự vô-sinh an toàn tối thượng khỏi sự trói-buộc, đó là Niết-bàn, ta đã chứng ngộ tới sự vô-sinh an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, đó là Niết-bàn; tự ta phải bị già, sau khi hiểu được sự nguy-hại trong thứ phải bị già, sau khi đi tìm sự vô-sinh an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, đó là Niết-bàn, ta đã chứng ngộ tới sự vô-già an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, đó là Niết-bàn; tự ta phải bị bệnh, sau khi hiểu được sự nguy-hại trong thứ phải bị bệnh, sau khi đi tìm sự vô-bệnh an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, đó là Niết-bàn, ta đã chứng ngộ tới sự vô-bệnh an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, đó là Niết-bàn; tự ta phải bị chết, sau khi hiểu được sự nguy-hại

trong thứ phải bị chết, sau khi đi tìm sự bất-tử an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, đó là Niết-bàn, ta đã chứng ngộ tới sự bất-tử an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, đó là Niết-bàn; tự ta phải bị buồn sầu, sau khi hiểu được sự nguy-hại trong thứ phải bị buồn-sầu, sau khi đi tìm sự vô-sầu an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, đó là Niết-bàn, ta đã chứng ngộ tới sự vô-sầu an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, đó là Niết-bàn; tự ta phải bị ô nhiễm, sau khi hiểu được sự nguy-hại trong thứ phải bị ô nhiễm, sau khi đi tìm sự vô-nhiễm an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, đó là Niết-bàn, ta đã chứng ngộ tới sự vô-nhiễm an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, đó là Niết-bàn. Trí-biết và tầm-nhìn (sự-biết và sự-thấy) đã khởi sinh trong ta như vầy: ‘Sự giải-thoát của ta là không thể lay chuyển. Đây là lần sinh cuối cùng của ta. Từ đây không còn sự tái hiện-hữu nữa.’” (trích MN 26: Ariyapariyesana Sutta) (Sự Tìm Cầu Thánh Thiện)

(2) Chứng Ngộ Ba Loại Trí-Biết Đích Thực 11. [Saccaka, một người của phái Ni-kiền-tử, đã hỏi đức Thế Tôn:]36 “[1] Bộ chưa từng khởi sinh trong Thầy Cồ-Đàm một cảm-giác rất rất sướng (cực sướng) đến nỗi nó có thể xâm chiếm tâm thầy Cồ-Đàm và ở lại trong đó, hay sao? [2] Bộ chưa từng khởi sinh trong Thầy Cồ-Đàm một cảm-giác rất rất khổ (cực khổ) đến nỗi nó có thể xâm chiếm tâm thầy Cồ-Đàm và ở lại trong đó, hay sao?” “Tại sao không, này Aggivessana?37 Này Aggivessana, trước khi ta giác-ngộ, khi ta còn là một Bồ-tát, chưa giác-ngộ toàn thiện, ta đã nghĩ: ‘Đời sống tại gia là quá chật chội và bụi bẩn; đời sống xuất gia thì như bầu không khí rộng mở. Nếu đang sống tại gia thì không dễ gì dẫn dắt đời sống tâm linh được trong sạch và hoàn hảo như một vỏ sò được chà trắng. Giá như: ta cạo bỏ râu tóc, mặc cà sa màu vàng úa, và từ bỏ đời sống tại gia để sống đời xuất gia.’

13–16. “Rồi sau đó, khi ta vẫn còn là một người trẻ trung, tóc còn đen nhánh, còn được phú cho tuổi trẻ, đang trong thời thanh xuân của cuộc đời … [tiếp tục y hệt kinh MN 26 ở trên, mục 14.–17.] … Và ta ngồi xuống đó và nghĩ rằng: ‘Chỗ này sẽ được dùng cho sự chuyên-cần tu.’ (*) 17. (i) “Bấy giờ có ba ví dụ này khởi lên trong ta một cách tự phát, ta

chưa từng nghe trước đó. Ví dụ có một khúc cây tươi đang nằm dưới nước, và một người tới cầm một que mồi lửa và nghĩ rằng: 'Ta sẽ nhóm lửa, ta sẽ tạo nhiệt.' Này Aggivessana, anh nghĩ sao? Liệu người đó có thể nhóm được lửa để tạo ra nhiệt bằng cách lấy que mồi lửa cà sát với khúc cây tươi đang nằm dưới nước, hay không?" "Không được, Thầy Cồ-đàm. Tại sao không? Bởi vì đó là một khúc cây tươi ướt, và nó đang nằm dưới nước. Làm vậy thì cuối cùng người đó chỉ chuốc lấy sự mệt mỏi và thất vọng mà thôi." "Cũng giống như vậy, này Aggivessana, đối với những tu sĩ và bà-la-môn vẫn không sống với thân tách-ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), và những khoái-lạc giác-quan, cảm xúc, sự mê thích, sự thèm khát, và cơn sốt đi tìm khoái-lạc giác-quan của họ vẫn chưa được hoàn toàn loại bỏ và khống chế ở bên trong, thì cho dù những tu sĩ và bà-la-môn thiện tốt có cảm thấy đau đớn, nghiến răng, nhức nhói vì đã cố sức (tu hành), họ vẫn không thể đạt được trí-biết và tầm-nhìn (sự-biết và sự-thấy), và sự giác-ngộ cao nhất. Đây là ví dụ đầu tiên đã khởi lên trong ta một cách tự phát, ta chưa từng nghe trước đó. 18. (ii) "Lại nữa, này Aggivessana, một ví dụ thứ hai đã khởi lên trong ta, ta chưa từng nghe trước đó. Ví dụ có một khúc cây tươi ướt đang nằm trên đất khô, không nằm dưới nước, và một người tới cầm một que mồi lửa và nghĩ rằng: 'Tôi sẽ nhóm lửa, ta sẽ tạo nhiệt.' Này Aggivessana, anh nghĩ sao? Liệu người đó có thể nhóm được lửa để tạo ra nhiệt bằng cách lấy que mồi lửa cà sát với khúc cây tươi đang nằm trên đất khô, không nằm dưới nước, hay không?"

"Không được, Thầy Cồ-đàm. Vì sao? Bởi vì đó là một khúc cây tươi ướt, ngay cả khi nó có nằm trên đất khô, không nằm dưới nước. Làm vậy thì cuối cùng người đó chỉ chuốc lấy sự mệt mỏi và thất vọng mà thôi." "Cũng giống như vậy, này Aggivessana, đối với những tu sĩ và bà-la- môn sống với thân tách-ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc),38 nhưng khoái-lạc giác-quan, cảm xúc, sự mê thích, sự thèm khát, và cơn sốt đi tìm khoái-lạc giác-quan của họ vẫn chưa được hoàn toàn loại bỏ và khống chế ở bên trong, thì cho dù những tu sĩ và bà-la-môn thiện tốt có cảm thấy đau đớn, nghiến răng, nhức nhói vì đã cố sức (tu khổ hạnh), họ vẫn không thể đạt được trí-biết và tầm-nhìn, và sự giác-ngộ cao nhất. Đây là ví dụ thứ hai đã tự khởi lên trong ta một cách tự phát, ta chưa từng nghe trước đó. 19. (iii) "Lại nữa, này Aggivessana, một ví dụ thứ ba đã khởi lên trong ta, ta chưa từng nghe trước đó. Ví dụ có một khúc cây khô không còn mủ tươi đang nằm trên đất khô, không nằm dưới nước, và một người tới cầm một que mồi lửa và nghĩ rằng: 'Tôi sẽ nhóm lửa, ta sẽ tạo nhiệt.' Này Aggivessana, anh nghĩ sao? Liệu người đó có thể nhóm được lửa để tạo ra nhiệt bằng cách lấy que mồi lửa cà sát với khúc cây khô không còn mủ tươi đang nằm trên đất khô, không nằm dưới nước, hay không?" "Được, Thầy Cồ-đàm. Tại sao được? Bởi vì đó là một khúc cây khô không còn mủ tươi và nó đang nằm trên dất khô, không nằm dưới nước." "Cũng giống như vậy, này ông Aggivessana, đối với những tu sĩ và bà- la-môn sống với thân tách-ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), và những khoái-lạc giác-quan, cảm xúc, sự mê thích, sự thèm khát, và cơn sốt đi tìm khoái-lạc giác-quan của họ đã được hoàn toàn loại bỏ và khống chế ở bên trong, thì cho dù những tu sĩ và bà-la-môn thiện tốt có cảm thấy đau đớn, nghiến răng, nhức nhói vì cố sức (tu khổ hạnh), họ vẫn có thể đạt được

trí- biết và tầm-nhìn, và sự giác-ngộ cao nhất. Đây là ví dụ thứ ba đã khởi lên trong ta một cách tự phát, ta chưa từng nghe trước đó. 39 20. “Ta đã nghĩ rằng: ‘Giá như: với răng cắn chặt và lưỡi đè chặt lên trên vòm miệng, ta lấy tâm cố ép, trấn dập và đè bẹp cái tâm.’ Nghĩ vậy nên

ta đã làm: với răng cắn chặt và lưỡi đè chặt lên trên vòm miệng, ta đã lấy tâm cố ép, cố đè và đè bẹp cái tâm. Trong khi ta làm như vậy, mồ hôi đã vã ra từ hai nách của ta. Giống như một kẻ to mạnh túm lấy đầu và vai của một người nhỏ yếu và ép, trấn dập và đè bẹp anh ta. Cũng giống như vậy, với răng cắn chặt và lưỡi đè chặt lên trên vòm miệng, ta đã lấy tâm cố ép, cố đè và đè bẹp cái tâm, và mồ hôi vã ra từ hai nách của ta. Nhưng cho dù sự nỗ-lực (tinh tấn) đã được phát khởi không ngớt trong ta, và cho dù sự chánh-niệm không gián đoạn đã được thiết lập, thì thân ta cũng bị bức bách và căng thẳng, bởi vì ta đã kiệt sức bởi sự cố-ép đau đớn đó. - Nhưng cảm-giác đau đớn đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm tâm ta và ở lại trong đó. 40 21. “Ta đã nghĩ rằng: ‘Giá như: ta tu tập thiền nín-thở.’ Nghĩ vậy nên ta đã ngưng thở-vào và thở-ra qua miệng và mũi. Trong khi ta làm vậy, có một tiếng gió lớn bụp bung ra hai lổ tai. Giống như tiếng bụp lớn khi hai ống bể của người thợ rèn mỗi lần được thổi hơi. Cũng giống vậy, trong khi ta đã ngưng thở-vào và thở-ra qua miệng và mũi, có một tiếng gió lớn bụp bung ra hai lổ tai. Nhưng cho dù sự nỗ-lực (tinh tấn) đã được phát khởi không ngớt trong ta, và cho dù sự chánh-niệm không gián đoạn đã được thiết lập, thì thân ta cũng bị bức bách và căng thẳng, bởi vì ta đã kiệt sức bởi sự cố-ép đau đớn đó. - Nhưng cảm-giác đau đớn đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm ta và ở lại trong đó. 22. “Ta đã nghĩ rằng: ‘Giá như: ta tu tập thêm thiền nín-thở.’ Nghĩ vậy nên ta đã ngưng thở-vào và thở-ra qua miệng, mũi và tai. Trong khi ta làm vậy, những tiếng gió mạnh cắt xuyên trong đầu. Giống như một kẻ to mạnh đang đâm vào đầu ta bằng mũi kiếm sắc bén. Cũng giống như vậy, trong khi ta ngưng thở vào và thở-ra qua miệng, mũi và tai của ta, có những hơi gió mạnh cắt xuyên trong đầu. Nhưng cho dù sự nỗ-lực (tinh tấn) đã được phát khởi không ngớt trong ta, và cho dù sự chánh-niệm không gián đoạn đã được thiết lập, thì thân ta cũng bị bức bách và căng thẳng, bởi vì ta đã kiệt sức bởi sự cố-ép đau đớn đó. - Nhưng cảm-giác đau đớn đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm ta và ở lại trong đó.

23. “Ta đã nghĩ rằng: ‘Giá như: ta tu tập thêm thiền nín-thở.’ Nghĩ vậy nên ta đã ngưng thở-vào và thở-ra qua miệng, mũi và tai. Trong khi ta làm vậy, có những đau buốt trong đầu ta. Giống như có một kẻ to mạnh đang siết chặt đầu ta bằng một sợi nịt da. Cũng giống vậy, trong khi ta đã ngưng thở- vào và thở-ra qua miệng, mũi và tai, có những đau buốt trong đầu ta. Nhưng cho dù sự nỗ-lực (tinh tấn) đã được phát khởi không ngớt trong ta, và cho dù sự chánh-niệm không gián đoạn đã được thiết lập, thì thân ta cũng bị bức bách và căng thẳng, bởi vì ta đã kiệt sức bởi sự cố-ép đau đớn đó. - Nhưng cảm-giác đau đớn đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm ta và ở lại trong đó. 24. “Ta đã nghĩ rằng: ‘Giá như: ta tu tập thêm thiền nín-thở.’ Nghĩ vậy nên ta đã

ngưng thở-vào và thở-ra qua miệng, mũi và tai. Trong khi ta làm vậy, có những hơi gió mạnh cắt rọc bụng của ta. Giống như một người bán thịt rành nghề [hay người phụ của ông ta] cắt rọc bụng con bò bằng một cái dao sắc bén của người hàng thịt. Cũng giống như vậy, trong khi ta ngưng thở-vào và thở-ra qua miệng, mũi và tai của ta, có những hơi gió mạnh cắt rọc bụng của ta. Nhưng cho dù sự nỗ-lực (tinh tấn) đã được phát khởi không ngớt trong ta, và cho dù sự chánh-niệm không gián đoạn đã được thiết lập, thì thân ta cũng bị bức bách và căng thẳng, bởi vì ta đã kiệt sức bởi sự cố-ép đau đớn đó. - Nhưng cảm-giác đau đớn đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm ta và ở lại trong đó. 25. “Ta đã nghĩ rằng: ‘Giá như ta tu tập thêm thiền nín-thở.’ Nghĩ vậy nên ta đã ngưng thở-vào và thở-ra qua miệng, mũi và tai. Trong khi ta làm vậy, có một sự nóng cháy dữ dội trong thân của ta. Giống như có hai kẻ to mạnh nắm chặt một người nhỏ yếu bằng cả hai và nướng anh ta trên một hố lửa than đang cháy. Cũng giống như vậy, trong khi ta ngưng thở-vào và thở- ra qua miệng, mũi và tai của ta, có một sự nóng cháy trong thân ta. Nhưng cho dù sự nỗ-lực (tinh tấn) đã được phát khởi không ngớt trong ta, và cho dù sự chánh-niệm không gián đoạn đã được thiết lập, thì thân ta cũng bị bức bách và căng thẳng, bởi vì ta đã kiệt sức bởi sự cố-ép đau đớn đó. - Nhưng

cảm-giác đau đớn đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm ta và ở lại trong đó. 26. “Bấy giờ, khi các thiên thần nhìn thấy ta như vậy, một số họ đã nói: ‘Sa-môn Cồ-Đàm chết rồi.’ Các thiên thần khác lại nói: ‘Sa-môn Cồ-Đàm chưa chết, ông ấy sắp chết.’ Và các thiên thần khác lại nói: ‘Sa-môn Cồ-Đàm không phải đã chết hay sắp chết; vị ấy là một A-la-hán, bởi vì cách như vậy là cách những A-la-hán sống qua.’ 27. “Ta đã nghĩ rằng: ‘Giá như: ta thực hành sự nhịn ăn hoàn toàn.’ Rồi có các thiên thần đến gặp ta và nói: ‘Này thiện nhân, đừng thực hành kiểu tuyệt thực. Nếu ngài làm vậy, chúng tôi sẽ rót thức ăn nhà trời qua các lổ chân lông trên da ngài, như vậy sẽ giúp ngài sống được.’ Ta đã suy xét rằng: ‘Nếu ta tuyên bố mình có thể tuyệt thực trong khi các thiên thần lại rót thức ăn nhà trời qua các lổ chân lông trên da ta và giúp ta sống được, như vậy là ta nói dối.’ Do vậy ta đã từ chối các thiên thần đó, ta nói: ‘Không cần.’ 28. “Ta đã nghĩ rằng: ‘Giá như: ta chỉ ăn ít, mỗi lần ăn một chút thôi, dù đó là canh đậu que hay canh đậu lăng hay canh đậu hạt xanh.’ Nghĩ vậy nên ta đã ăn ít, mỗi lần ăn một chút, dù đó là canh đậu que hay canh đậu lăng hay canh đậu hạt xanh. Trong khi ta làm vậy, thân thể ta thành ốm nhách. Bởi do ăn quá ít, nên chân tay của ta thành giống như mấy cọng dây leo hay cọng lá tre. Bởi do ăn quá ít, nên mông đít ta thành teo nhách giống như móng con lạc đà. Bởi do ăn quá ít, nên những đốt xương sống nhô ra như dãy tràng hạt. Bởi do ăn quá ít, nên xương sườn nằm trơ ra như những xà ngang trên mái nát của một nhà kho cũ. Bởi do ăn quá ít nên, nên tia ánh mắt của ta nặng chìm xuống hai hốc mắt, giống như tia nước đã chìm sa dưới giếng sâu. Bởi do ăn quá ít, nên da đầu của ta đã nhăn queo và khô héo như trái khổ qua nhăn queo và khô héo trong nắng gió. Bởi do ăn quá ít, nên da bụng của ta xẹp dính ra sau xương sống của ta, đến nỗi nếu sờ vào da bụng của ta là ta cũng đụng tới xương sống sau lưng, và nếu ta sờ vào xương sống sau lưng thì ta cũng đụng tới da bụng phía trước. Bởi do ăn quá ít, nên khi ta đi đại tiện hay tiểu tiện, ta té ngã úp mặt lên chỗ (đại tiện hay tiểu tiện) đó. Bởi do ăn

quá ít, nên khi ta cố xoa dịu thân ta bằng cách xoa tay xoa chân bằng hai bàn tay thì lông tay lông chân cũng rụng rớt khỏi thân khi ta xoa, vì chúng đã mục hư tận gốc. 29. “Bấy giờ, khi người ta nhìn thấy ta như vậy, một số họ đã nói: ‘Sa- môn Cồ-Đàm có da đen.’ Những người khác lại nói: ‘Sa-môn Cồ-Đàm không phải da đen, ông ấy da nâu.’ Và những người khác lại nói: ‘Sa-môn Cồ-Đàm không phải da đen hay da nâu, ông ấy có da vàng.’ Như vậy đã quá rõ, màu da tươi sáng ngày nào của ta đã tàn hoại do ta ăn uống quá ít. 30. “Ta đã nghĩ rằng: ‘So với những cảm-giác mà các tu sĩ hay bà-la- môn trong quá khứ đã nếm trải đau đớn, nghiến răng, nhức nhói thì đây là tột cùng; không có gì cùng cực đau đớn hơn cảnh này (của ta). Và so với những gì các tu sĩ hay bà-la-môn trong hiện tại đang nếm trải những cảm- giác đau đớn, nghiến răng, nhức nhói do cố sức (tu hành), đây là tột cùng; không có gì cùng cực đau đớn hơn cảnh này (của ta). “Nhưng với cách tu cực hình khổ hạnh như vậy, ta đã không đạt tới những trạng thái siêu nhân nào hay sự khác-biệt nào về trí-biết và tầm-nhìn xứng đáng của những bậc thánh. Phải chăng có một con-đường khác dẫn tới giác-ngộ?’ 31. “Ta đã suy xét: ‘Ta nhớ lại thời nhỏ, khi cha ta là một người họ tộc Thích-Ca (Sakya) lúc đó đang bận việc, lúc đó ta đang ngồi dưới bóng một cây táo hồng: ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, ta đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’41 Phải chăng đây là con-đường (để tu tập) dẫn đến giác-ngộ?’ Rồi lần theo trí nhớ đó, cuối cùng ta đi tới nhận biết rằng: ‘Đây đúng thực là con-đường dẫn đến giác-ngộ.’ 32. “Ta đã nghĩ: ‘Tại sao ta phải sợ loại sự sướng (lạc) vốn không liên quan gì với những khoái-lạc giác-quan (dục lạc) và những trạng thái bất

thiện?’ Ta đã nghĩ rằng: ‘Ta không sợ loại sự sướng đó vốn không liên quan gì với những khoái-lạc giác-quan và những trạng thái bất thiện.’42 33. “Ta đã suy xét rằng: ‘Không dễ gì đạt tới sự sướng (lạc, hạnh phúc) nào với một thân thể quá ốm yếu tàn tạ. Giá như: ta ăn mấy thứ thức ăn chắc bụng—như cơm và cháo.’ Nghĩ như vậy nên ta đã ăn lại mấy thức ăn chắc bụng—như cơm và cháo. Rồi, bấy giờ năm vị tu sĩ kia (tức nhóm bạn tu có ngài Kiều-trần-như) đang kỳ vọng ở ta, trong đầu họ đang nghĩ: ‘Nếu sa-môn Cồ-Đàm của chúng ta chứng đắc trạng thái cao siêu nào thì vị ấy sẽ báo cho chúng ta biết.’ Nhưng khi thấy ta ăn cơm và cháo, năm vị tu sĩ đó đã khinh khi và rời bỏ ta, trong đầu họ nghĩ: ‘Sa-môn Cồ-Đàm giờ sống theo kiểu thụ hưởng; ông ấy đã từ bỏ sự chuyên-cần tu (tu khổ hạnh) và quay lại sống hưởng thụ.’ 34. “Lúc đó sau khi ta đã ăn lại thức ăn chắc bụng và đã lấy lại sức; rồi sau đó ta: (1) “Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’ - Nhưng cảm-giác sướng (lạc) đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm và ở lại trong đó.43 35–37. “Rồi sau đó: (2) ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự

soi-xét (tứ), ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) … (3) ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ) … ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền) … (4) ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ … ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền) … - Nhưng cảm-giác sướng đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm và ở lại trong đó. 38. (5) “Khi tâm của ta đã được như vậy, đã đạt-định, được thanh-lọc, và sáng tỏ, không còn dính nhiễm, không còn sự ố-nhiễm [sự không hoàn thiện], dễ uốn nắn, dễ điều phục, vững vàng, và đạt tới mức không thể bị khích động (bất lay chuyển), lúc đó ta đã hướng tâm tới trí-biết về sự nhớ-lại

những cõi kiếp quá khứ (túc mạng minh). Ta đã nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ của ta; đó là một lần sinh, hai lần sinh … [Tiếp tục giống kinh MN 4 ở trên, mục 27.] … Như vậy đó, ta đã nhớ lại những phương diện và những đặc điểm của những cõi kiếp quá khứ của ta. 39. “Đây là “trí-biết đích thực” đầu tiên (thấy biết những cõi kiếp trong quá khứ của mình) mà ta đã chứng ngộ vào canh một của đêm đó. Sự vô- minh u tối đã bị xua tan và loại trí-biết đích thực (chân trí, minh) đã khởi sinh, màn đen tối đã bị xua tan và ánh sáng đã khởi sinh; điều đó xảy ra trong một người sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định. - Nhưng cảm-giác vui sướng đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm và ở lại trong đó. 40. (6) “Khi tâm của ta đã được như vậy, đã đạt-định, được thanh-lọc, và sáng tỏ, không còn dính nhiễm, không còn sự ố-nhiễm [sự không hoàn thiện], dễ uốn nắn, dễ điều phục, vững vàng, và đạt tới mức không thể bị khích động (bất lay chuyển), lúc đó ta đã hướng tâm tới trí-biết về sự nhìn thấy sự chết đi và tái sinh của những chúng sinh (thiên nhãn minh). Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người … [Tiếp tục giống kinh MN 4 ở trên, mục 29.] … Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, ta đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và ta đã hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, chuyển kiếp) tùy theo những nghiệp (hành động) của mình như vậy. 41. “Đây là “trí-biết đích thực” thứ hai (thấy biết những sự sinh-tử của chúng sinh) ta đã chứng ngộ được vào canh giữa (canh ba) của đêm đó. Sự vô-minh u tối đã bị xua tan và loại trí-biết đích thực (chân trí, minh) đã khởi sinh, màn đen tối đã bị xua tan và ánh sáng đã khởi sinh, điều đó xảy ra trong một người sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định. - Nhưng cảm-giác vui sướng đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm và ở lại trong đó. 42. (7) “Khi tâm của ta đã được như vậy, đã đạt-định, được thanh-lọc, và sáng tỏ, không còn dính nhiễm, không còn sự ố-nhiễm [sự không hoàn thiện], dễ uốn nắn, dễ điều phục, vững vàng, và đạt tới mức không thể bị

khích động (bất lay chuyển), lúc đó ta đã hướng tâm tới tới trí-biết về sự (đã) tiêu-diệt những ô-nhiễm (lậu tận minh). Ta đã trực-tiếp biết, đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’ … ‘Đây là nguồn-gốc khổ’ … ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’ … ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm dứt khổ’. Ta đã trực-tiếp biết, đúng như nó thực là: ‘Đây là những ô-nhiễm’ … ‘Đây là nguồn-gốc những ô-nhiễm’ … ‘Đây là sự chấm-dứt những ô-nhiễm’ … ‘Đây là

con-đường dẫn tới sự chấm dứt những ô-nhiễm'. 43. "Sau khi ta đã biết và đã thấy như vậy, tâm ta được giải-thoát khỏi ô-nhiễm do/của tham-dục (dục lậu), khỏi ô-nhiễm do/của sự hiện-hữu (hữu lậu), và khỏi ô-nhiễm do/của vô-minh (vô-minh lậu). Khi tâm đã được giải- thoát, thì có sự-biết: 'Tâm được giải-thoát.' Ta đã trực-tiếp biết rằng: 'Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần phải làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa. 44. "Đây là "trí-biết đích thực" thứ ba (thấy biết những ô-nhiễm đã tận diệt) mà ta đã chứng ngộ vào canh cuối (canh năm) của đêm đó. Sự vô-minh u tối đã bị xua tan và loại trí-biết đích thực (chân trí, minh) đã khởi sinh, màn đen tối đã bị xua tan và ánh sáng đã khởi sinh, điều đó xảy ra trong một người sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định. Nhưng cảm-giác vui sướng đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm và ở lại trong đó". (trích MN 36: Mahasaccaka Sutta) (Đại Kinh Saccaka)

(3) Kinh Thành Cổ "Này các Tỳ kheo, trước khi giác-ngộ, khi ta còn là một Bồ-tát, chưa giác-ngộ toàn thiện, điều này đã xảy đến với ta: 'Chao ôi, thế gian này đã rớt (trầm luân) trong khổ nạn, trong đó nó bị sinh, già, và chết, nó chết rồi lại sinh, nhưng nó không hiểu được sự giải-thoát khỏi sự khổ đau này [dẫn đầu

bởi] sự già-chết. Khi nào (họ) mới nhận thấy (nhận ra) sự giải-thoát khỏi sự khổ đau này [dẫn đầu bởi] sự già-chết?'44 (1) "Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã khởi lên trong ta: 'Khi có cái gì thì có già-chết? Cái gì là điều-kiện (duyên) cho sự già-chết?' Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý), trong ta có sự đột phá bằng trí-tuệ như vầy: 'Khi có sinh-ra (sinh) thì có già-chết; sự già-chết có sinh-ra là điều-kiện của nó.' "Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã khởi lên trong ta: 'Khi có cái gì thì có sự sinh-ra (sinh)? … có sự hiện-hữu (hữu)? … có sự dính-chấp (thủ)? … có dục-vọng (ái)? … có cảm-giác (thọ)? … có sự tiếp-xúc (xúc)? … có sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ)? … có phần danh-sắc (danh sắc)? Cái gì là điều- kiện cho phần danh-sắc?' Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột phá bằng trí-tuệ như vầy: 'Khi có thức (thức) thì có phần danh-sắc; phần danh-sắc có thức là điều-kiện của nó.' "Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã khởi lên trong ta: 'Khi có cái gì thì có thức? Cái gì là điều-kiện cho thức?' Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột phá bằng trí-tuệ: 'Khi có phần danh-sắc (danh sắc) thì có thức (thức); thức có phần danh-sắc là điều-kiện của nó.'45 "Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: 'Thức này quay lại; nó không vượt quá phần danh-sắc.46 Tới ngưỡng mức này là một người có thể được sinh-ra, rồi già và chết, qua-đời và tái-sinh, đó là, khi có thức với phần danh-sắc là điều-kiện của nó và khi có phần danh-sắc với thức là điều- kiện của nó.47 Do có phần danh-sắc (danh sắc) là điều-kiện (duyên), nên có sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ); do có sáu cơ-sở cảm nhận là điều-kiện, nên có sự tiếp-xúc (xúc) … Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này.' "'Sự khởi-sinh, sự khởi-sinh'—vậy đó, này các Tỳ kheo, trong ta đã khởi sinh một sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, sự thâm-nhập, và ánh-sáng đối với những điều chưa được nghe trước đây.

(2) “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã khởi lên trong ta: ‘Khi không có cái gì thì không có sự già-chết? Khi chấm dứt cái gì thì chấm dứt sự già-chết’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-phá bằng trí-tuệ như vầy: ‘Khi không có sự sinh-ra (vô sinh) thì không có sự già- chết (vô lão tử); khi chấm dứt sinh-ra (sinh diệt) là chấm dứt sự già-chết (lão tử diệt).’ “Điều này đã khởi lên trong ta: ‘Khi không có cái gì thì không có sự sinh-ra (vô sinh)? … không có sự hiện-hữu (vô hữu)? … không có sự dính- chấp (vô thủ)? … không có dục-vọng (vô ái)? … không có cảm-giác (vô thọ)? … không có sự tiếp-xúc (vô xúc)? … không có sáu cơ-sở cảm nhận (vô sáu xứ)? … có phần danh-sắc (vô danh sắc)? Cái gì là điều-kiện cho phần danh-sắc?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-phá bằng trí-tuệ như vầy: ‘Khi không có thức (vô thức) thì không có phần danh-sắc (vô danh sắc); khi chấm dứt thức (thức diệt) là chấm dứt phần danh-sắc (danh sắc diệt). “Điều này đã khởi lên trong ta: ‘Khi cái gì không có thì thức không có? Khi chấm dứt cái gì thì chấm dứt thức?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-phá bằng trí-tuệ như vầy: ‘Khi không có phần danh-sắc (vô danh sắc) thì không có thức (vô thức); khi chấm dứt phần danh-sắc (danh sắc diệt) thì chấm dứt thức (thức diệt).’ “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã khởi lên trong ta: ‘Ta đã khám phá ra con-đường dẫn tới sự giác-ngộ, đó là, khi chấm dứt phần danh-sắc (danh sắc diệt) thì chấm dứt thức (thức diệt); khi chấm dứt thức (thức diệt) là chấm dứt phần danh-sắc (danh sắc diệt); khi chấm dứt phần danh-sắc là chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ diệt); khi chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận là chấm dứt sự tiếp-xúc (xúc diệt) … Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này.’48 “‘Sự chấm dứt, sự chấm dứt’—vậy đó, này các Tỳ kheo, trong ta đã khởi sinh một sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, sự thâm-nhập, và ánh-sáng đối với những điều chưa được nghe trước đây.

(3) “Này các Tỳ kheo, ví như có một người đang đi lang thang qua một khu rừng có thể nhìn thấy một con-đường cổ xưa, một con-đường đã được bước đi bởi những tiền nhân trong quá khứ. Người ấy có thể đi theo con đường đó và có thể tới gặp một thành phố cổ, một cố đô đã từng được cư trú bởi nhiều người trong quá khứ, có những khu vườn hoa, vườn cây trái, hồ nước, và những thành lũy, là một nơi đáng thích. Rồi người đó có thể về bẩm báo với nhà vua [hay một quan triều]: ‘Thưa, đức ngài có biết, khi tôi đang đi lang thang qua một khu rừng, tôi đã phát hiện một con-đường cổ xưa, một con-đường đã được bước đi bởi những tiền nhân trong quá khứ. Tôi đã đi theo con đường đó và đã tới gặp một thành phố cổ, một cố đô đã từng được cư trú bởi nhiều người trong quá khứ, có những khu vườn hoa, vườn cây trái, hồ nước, và những thành lũy, là một nơi đáng thích. Thưa đức ngài, hãy khôi phục lại kinh thành đó!’ Rồi nhà vua có thể cho khôi phục lại kinh thành đó, và không lâu sau kinh thành đó thành công và phát đạt, có nhiều dân cư trú, đông người đến sống, kinh thành đó càng được tăng trưởng và mở rộng. “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, ta đã nhìn thấy con-đường cổ xưa đó, con-đường cổ xưa đã được bước đi bởi những bậc Toàn Giác (những vị Phật) trong quá khứ.49 Và cái gì là con-đường cổ xưa đó, đường-đi cổ xưa đó? Nó chính là Con Đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo) này; đó gồm: chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tấn, chánh-niệm, và

chánh-định. Ta đã đi theo con-đường đó, và nhờ làm vậy, ta đã trực-tiếp biết sự già-chết, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó. Ta đã trực-tiếp biết sự sinh-ra … sự hiện-hữu … sự dính-chấp … dục-vọng … cảm-giác … sự tiếp-xúc … sáu cơ-sở cảm nhận … phần danh-sắc … thức … những sự tạo-tác cố ý, nguồn-gốc của chúng (=vô minh), sự chấm-dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt chúng.50 Sau khi đã trực-tiếp biết chúng, ta đã giảng giải chúng cho những Tỳ kheo, những Tỳ kheo ni, những đệ tử tại gia nam, và những đệ tử tại gia nữ. Này các Tỳ kheo, đời sống tâm-linh này đã được thành công và phát đạt, đã

được mở rộng, phổ biến, được truyền rộng, đã được tuyên thuyết một cách hay khéo trong khắp những thiên thần và loài người.”51 (SN 12:65; Quyển 2)

4. QUYẾT ĐỊNH TRUYỀN DẠY 19. (8) “Ta đã suy xét: ‘Giáo Pháp này ta đã chứng ngộ là thâm sâu, khó nhìn thấy và khó hiểu được; là bình an và siêu phàm, không thể chứng ngộ chỉ bằng sự lý luận, là vi tế, được chứng nghiệm bởi người có trí. 52 Nhưng thế hệ (chúng sinh) này khoái thích sự dính-mắc, tìm khoái-lạc trong sự dính- mắc, vui thích sự dính-mắc.53 Thật khó cho một thế hệ như vậy nhìn thấy chân-lý này, được gọi là, tính điều-kiện rõ rệt (nhân duyên), sự khởi-sinh tùy thuộc (lý duyên khởi). Và thật khó để nhìn thấy sự-thật này này, được gọi là, sự làm lắng-lặng mọi sự tạo-tác, sự từ-bỏ mọi sự thu-nạp (sanh y), sự tiêu diệt dục-vọng, sự tỉnh-ngộ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, Niết-bàn. Nếu ta chỉ dạy Giáo Pháp này, những người khác sẽ không hiểu ta, và điều đó sẽ gây mệt mỏi và phiền phức cho ta.’ Ngay lúc đó có mấy vần thi kệ bỗng nhiên khởi lên trong ta, chưa từng nghe trước đó: Chán đủ với việc truyền dạy Giáo Pháp Mà ngay cả ta cũng từng khó với tới; Bởi thiên hạ đang sống trong tham và sân Sẽ không bao giờ nhận thức được nó. Người bị nhiễm bởi tham, bị bao bọc bởi bóng tối, Sẽ không bao giờ nhận biết Giáo Pháp thâm sâu này, Nó đi ngược-dòng với thế gian, Nó vi tế, sâu sắc, và khó nhìn thấy được.’ “Sau khi suy xét như vậy, tâm ta ngã về hướng không-làm-gì; nó không ngã theo hướng đi truyền dạy Giáo Pháp.54 20. (9) “Rồi, này các Tỳ kheo, vị trời Brahmā Sahampati bằng tâm mình biết được ý-nghĩ trong tâm ta, và vị trời đã suy xét: ‘Thế gian sẽ lạc lối, thế

gian sẽ điêu tàn, bởi vì tâm của Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, (Phật), ngã theo hướng không-làm-gì và không theo hướng đi truyền dạy Giáo Pháp.’ Rồi, nhanh như một người khỏe mạnh duỗi tay hay co tay, vị Trời Sahampati đã biến khỏi cõi trời và xuất hiện trước mặt ta. Vị trời chỉnh lại y trên một vai, và chấp hai tay kính lễ về phía ta, và nói: ‘Thưa Thế Tôn, mong Thế Tôn hãy chỉ dạy Giáo Pháp, mong bậc Siêu Phàm hãy chỉ dạy Giáo Pháp. Có những chúng sinh ít có bụi trong mắt đang phí mạng khi không nghe được Giáo Pháp. Sẽ có những người hiểu được Giáo Pháp.’ Vị trời Brahmā Sahampati đã nói như vậy, và sau khi nói vị trời nói thêm (bằng thi kệ): ‘Ở xứ Magadha (Ma-kiệt-đà) Từ xưa đến nay, Chỉ có những giáo lý không tinh khiết, Được chế bởi những người còn dính nhiễm. ‘Hãy mở các cửa dẫn tới sự Bất Tử!’, Nói cho họ nghe

điều đó, Đó là Giáo Pháp, Mà bậc vô-nhiễm đã tìm thấy. ‘Giống một người đứng trên đỉnh núi Có thể nhìn thấy mọi người xung quanh, Cũng như vậy, hỡi bậc trí hiền, người nhìn thấy tất cả, Hãy bước lên lâu đài Giáo Pháp. Mong bậc vô-ưu nhìn khắp loài người này, Đang bị bao kín bởi ưu-sầu, dính kẹt trong sinh-già. ‘Hãy đứng lên và đi khắp thế gian, Hỡi vị anh hùng chiến thắng, Người dẫn dắt đoàn lữ hành, bậc đã thoát hết nợ nần. Mong Thế Tôn truyền dạy Giáo Pháp, Sẽ có những người hiểu được.’

Chương II – Người Mang Lại Ánh Sáng • 55

21. “Rồi ta đã lắng nghe lời thỉnh cầu của vị Trời, và với lòng bi-mẫn đối với chúng sinh, ta đã nhìn khắp thế gian bằng con mắt của một vị Phật. Sau khi nhìn khắp thế gian bằng con mắt của một vị Phật, ta đã nhìn thấy có những chúng sinh có ít bụi trong mắt và những chúng sinh có nhiều bụi trong mắt; những người có những căn nhạy bén và những người có những căn đần độn, những người phẩm chất tốt và người có phẩm chất xấu, những người dễ dạy và những người khó dạy, và có một số người đã sống nhìn thấy nỗi sợ- hãi và sự tội-lỗi trong thế giới khác. Giống như trong một hồ sen có hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng, có một số hoa sen được sinh ra và lớn lên dưới nước cố gắng ngoi lên nhưng vẫn ở dưới mặt nước, và có một số hoa sen được sinh ra và lớn lên dưới mặt nước nhưng có thể ngoi lên ngang mặt nước, và có một số hoa sen được sinh ra và lớn lên dưới nước nhưng có thể ngoi lên trên mặt nước, ở trên không, không còn bị dính nước. Cũng giống như vậy, sau khi nhìn khắp thế gian bằng con mắt của một vị Phật, ta đã nhìn thấy có những chúng sinh có ít bụi trong mắt và những chúng sinh có nhiều bụi trong mắt; những người có những căn nhạy bén và những người có những căn đần độn, những người phẩm chất tốt và người có phẩm chất xấu, những người dễ dạy và những người khó dạy, và có một số người đã sống nhìn thấy nỗi sợ-hãi và sự tội-lỗi trong thế giới khác. Rồi ta đã trả lời cho vị Trời Sahampati bằng mấy vần kệ sau đây: ‘Giờ mở các cửa dẫn tới sự Bất-Tử, Cho những ai biết nghe và giờ thể hiện niềm-tin. Này vị Trời, vì trước đây ta nghĩ việc này sẽ rắc rối, Nên ta đã không muốn thuyết giảng Giáo Pháp vi tế và siêu phàm này.’ “Rồi vị Trời Sahampati nghĩ rằng: ‘Đức Thế Tôn đã đồng ý với lời thỉnh cầu của mình, đức Thế Tôn sẽ đi dạy Giáo Pháp.’ Và sau khi kính chào ta, giữ ta ở hướng bên phải, vị trời lập tức biến mất ngay tại đó. 22. (10) “Ta đã suy xét như vầy: ‘Ta sẽ dạy Giáo Pháp cho ai trước tiên? Ai sẽ nhanh chóng hiểu được Giáo Pháp này?’ Rồi ý này đã khởi lên trong

56 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

ta: ‘Ông Alara Kālāma là có trí, thông minh, và có hiểu biết (có nhận biết, sáng trí); từ lâu ông đã có ít bụi trong mắt. Phải chăng ta sẽ dạy Giáo Pháp cho Alara Kālāma trước tiên. Ông ta sẽ nhanh chóng hiểu nó.’ Rồi các thiên thần đến gặp ta và nói: ‘Thưa Thế Tôn, ông Alara Kālāma đã chết cách đây bảy ngày.’ Và trí-biết và tầm-nhìn đã khởi lên trong ta: ‘Alara Kālāma đã chết cách đây bảy ngày’. Ta nghĩ: ‘Sự mất mát của Alara Kālāma là sự mất mát lớn. Nếu ông ta được nghe Giáo Pháp này, chắc ông ta sẽ nhanh chóng hiểu nó.’ 23. “Ta đã suy xét như vầy: ‘Ta sẽ dạy Giáo Pháp cho ai trước tiên? Ai sẽ nhanh chóng hiểu được Giáo Pháp này?’ Rồi ý này đã khởi lên trong ta: ‘Ông Uddaka Rāmaputta là có trí, thông minh, và có hiểu biết; từ lâu ông ngài đã có ít bụi trong mắt.

Phải chăng ta sẽ dạy Giáo Pháp cho Uddaka Rāmaputta trước tiên. Ông ta sẽ nhanh chóng hiểu nó.' Rồi các thiên thần đến gặp ta và nói: 'Thưa Thế Tôn, ngài ông Uddaka Rāmaputta đã chết tối qua.' Và trí-biết và tầm-nhìn đã khởi lên trong ta: 'Uddaka Rāmaputta đã chết tối qua'. Ta nghĩ: 'Sự mất mát của Uddaka Rāmaputta là sự mất mát lớn. Nếu ông ta được nghe Giáo Pháp này, chắc ông ta sẽ nhanh chóng hiểu nó.' 24. "Ta đã suy xét như vầy: 'Ta sẽ dạy Giáo Pháp cho ai trước tiên? Ai sẽ nhanh chóng hiểu được Giáo Pháp này?' Rồi ý này đã khởi lên trong ta: 'Nhóm năm vị tu sĩ đã theo ta trong thời gian ta đã chuyên-cần tu (tu khổ hạnh hành xác), họ đã giúp ta rất nhiều.55 Phải chăng ta sẽ dạy Giáo Pháp cho họ trước tiên.' Rồi ta suy nghĩ: 'Nhóm năm vị tu sĩ đó giờ đang sống ở đâu?' Và với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người (thiên nhãn thông), ta đã nhìn thấy họ đang sống ở vùng Bārānasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai ở Isipatana (chữ Isipatana có nghĩa là nơi những thiên thần hạ thế). 25. "Rồi, này các Tỳ kheo, sau khi đã lưu lại ở vùng Uruvela trong một thời gian theo ý ta đã định, ta đã lên đường đi bộ từng chặng để đến Bārānasī. Khi đến chặng nằm giữa Gaya và Bodhi, có ông Ājīvaka Upaka nhìn thấy ta trên đường và nói rằng: 'Này thiện hữu, các căn của ông sáng rõ, màu da của ông trong và sáng. Này thiện hữu, ông đã xuất gia theo ai? Ai là sư thầy của

ông? Ông tu hành theo Giáo Pháp của ai?' Ta đã trả lời ông Ajivaka Upaka bằng mấy vần kệ như sau: 'Ta là người đã vượt trên tất cả, một bậc hiểu biết tất cả, Không còn dính nhiễm giữa mọi thứ; từ bỏ tất cả, Đã giải-thoát nhờ chấm dứt dục-vọng, Sau khi đã tự mình biết tất cả điều đó. Vậy có ai để ta chỉ người đó là thầy của ta? 'Ta không có thầy, và không có ai như ta Đang có mặt trong tất cả thế gian này, Với những thiên thần trong đó. Bởi vì ta không có ai là người đối-xứng ta. 'Vì ta là một A-la-hán trong thế gian, Ta là vị thầy tối cao. Chỉ mình ta là bậc Toàn Giác, Mọi thứ lửa (trong ta) đã bị dập tắt và tắt bặt. 'Giờ ta đi đến thành Kāsi, Để thiết lập sự chuyển dịch Bánh Xe Giáo Pháp. Trong một thế gian đã bị mù quáng, Ta đi dóng lên tiếng trống của sự Bất Tử.' (Upaka nói:) 'Này bạn, theo cách ông tuyên bố, chắc ông là Bậc Chiến Thắng (trong) Vũ Trụ.'56 'Bậc chiến thắng là những người giống ta, Người đã dành được 'sự tiêu-diệt ô-nhiễm'. Ta đã đánh bại tất cả mọi trạng thái xấu ác, Bởi vậy, này Upaka, ta là một bậc chiến thắng.' "Sau khi lời này đã được nói ra, ông Ajivaka Upaka đã nói: 'Này bạn, mong điều đó đúng là vậy.' Sau khi lắc đầu (vì không tin), ông ta rẽ đường khác và đi mất.57

26. "Rồi, này các Tỳ kheo, sau khi đã đi bộ nhiều chặng, ta đã tới Bārānasī, tới khu Vườn Nai ở Isipatana, và ta đã đến chỗ năm vị tu sĩ đó. Các vị tu sĩ đó nhìn thấy ta đang từ xa đi tới, và họ có sự thỏa hiệp với nhau rằng: 'Này các đạo hữu, kìa là sa-môn Cồ-Đàm, người đang sống kiểu thụ hưởng, người đã bỏ cuộc chuyên-cần tu (tu hành xác khổ hạnh) và đã quay lại đời sống thụ hưởng. Chúng ta chớ nên kính chào hay đứng dậy hay nhận y áo và bình bát của ông ta. Nhưng có thể để cho ông ta một chỗ ngồi. Nếu ông ta thích, ông ta có thể ngồi xuống.' Tuy nhiên, khi ta tới gần, những vị tu sĩ đó cảm thấy họ không thể giữ đúng như lời thỏa hiệp đó. Một vị đã bước ra gặp ta và

nhận lấy bình bát và cà sa của ta, một vị khác chuẩn bị một chỗ ngồi cho ta, và vị khác đưa nước cho ta rửa chân ta; tuy nhiên lúc đó họ vẫn còn gọi ta bằng tên và xưng bằng 'bạn'. 58 27. "Lúc đó ta mới nói với họ: 'Này các Tỳ kheo, đừng gọi Như Lai bằng tên và xưng "bạn". Như Lai là một A-la-hán, bậc Toàn Giác. Hãy lắng nghe, này các Tỳ kheo, sự Bất Tử đã được chứng ngộ. Ta sẽ hướng dẫn các thầy, ta sẽ truyền dạy Giáo Pháp cho các thầy. Sau khi thực hành như đã được hướng dẫn, ngay trong kiếp này, bằng sự tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, các thầy sẽ sớm chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng đó của đời sống tâm linh mà vì (mục-tiêu) đó những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.' "Khi lời này đã được nói ra, nhóm năm vị tu sĩ đã trả lời ta như vầy: 'Này bạn Cồ-đàm, bằng đức-hạnh, sự tu-tập, và sự thực-hiện những việc tu khổ-hạnh mà bạn đã làm trước đây, thì bạn đã không đạt tới những trạng thái siêu nhân nào hay sự khác-biệt nào về trí-biết và tầm-nhìn xứng đáng của những bậc thánh cả.59 Vì bây giờ bạn sống kiểu thụ hưởng, là người đã bỏ cuộc chuyên-cần tu (tu hành xác khổ hạnh) và đã quay lại đời sống đời thụ hưởng, làm sao bạn đạt tới những trạng thái siêu nhân nào hay sự khác-biệt nào về trí-biết và tầm-nhìn xứng đáng của những bậc thánh?' Sau khi lời này đã được nói ra (bởi họ), ta nói với họ rằng: 'Như Lai không sống kiểu thụ hưởng, cũng không từ bỏ sự chuyên-cần tu (tinh cần) và quay lại đời sống thụ hưởng. Như Lai là một A-la-hán, một bậc Toàn Giác. Hãy lắng nghe, này

các Tỳ kheo, sự Bất Tử đã được chứng ngộ. Ta sẽ hướng dẫn các thầy, ta sẽ truyền dạy Giáo Pháp cho các thầy … mà vì (mục tiêu) đó những người họ tộc khác nhau đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.' "Lần thứ hai nhóm năm vị tu sĩ lại nói với ta: 'Này bạn Cồ-đàm … làm sao bạn đạt tới những trạng thái siêu nhân nào hay sự khác-biệt nào về trí- biết và tầm-nhìn xứng đáng của những bậc thánh?' Lần thứ hai ta cũng nói lại với họ rằng: 'Như Lai không sống kiểu thụ hưởng … Ta sẽ hướng dẫn các thầy, ta sẽ truyền dạy Giáo Pháp cho các thầy … mà vì (mục-tiêu) đó những người họ tộc khác nhau đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.' Lần thứ hai nhóm năm vị tu sĩ lại nói với ta: 'Này bạn Cồ- đàm … làm sao bạn đạt tới những trạng thái siêu nhân nào hay sự khác-biệt nào về trí-biết và tầm-nhìn xứng đáng của những bậc thánh?' 28. "Sau khi điều này được nói ra (bởi họ), ta đã hỏi họ: 'Này các Tỳ kheo, các thầy có từng biết ta đã từng nói như vậy trước đây không?'— 'Chưa từng, thưa ngài.'60—'Này các Tỳ kheo, Như Lai là một A-la-hán, bậc Toàn Giác. Hãy lắng nghe, này các Tỳ kheo, sự Bất Tử đã được chứng ngộ. Ta sẽ hướng dẫn các thầy, ta sẽ truyền dạy Giáo Pháp cho các thầy. Sau khi thực hành như đã được hướng dẫn, ngay trong kiếp này, bằng sự tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, các thầy sẽ sớm chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng đó của đời sống tâm linh mà vì đó những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.' 29. "Ta đã có thể thuyết phục nhóm năm vị Tỳ kheo đó.61 Rồi sau đó, có lúc ta chỉ dạy cho hai vị Tỳ kheo trong khi ba người kia đi khất thực, và sáu người chúng ta đã sống nhờ những thức ăn do ba Tỳ kheo đó đi khất thực mang về. Có lúc ta chỉ dạy cho ba vị Tỳ kheo trong khi hai người kia đi khất thực, và sáu người chúng ta

đã sống nhờ những thức ăn do hai Tỳ kheo đó đi khất thực mang về. “Rồi nhóm năm vị Tỳ kheo, đã được ta chỉ dạy và hướng dẫn như vầy: tự họ phải bị [sự] (tái) sinh, sau khi đã hiểu được sự nguy-hại trong thứ phải bị

[sự] (tái) sinh, họ đi tìm sự vô-sinh an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói- buộc, đó là Niết-bàn; tự họ phải bị già, sau khi hiểu được sự nguy-hại trong những thứ phải bị già, họ đi tìm sự vô-già an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, đó là Niết-bàn; tự họ phải bị chết, sau khi hiểu được sự nguy-hại trong những thứ phải bị chết, họ đi tìm sự bất-tử an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, đó là Niết-bàn; tự họ phải bị buồn sầu, sau khi hiểu được sự nguy-hại trong những thứ phải bị buồn sầu, họ đi tìm sự vô-sầu an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, đó là Niết-bàn; tự họ phải bị ô nhiễm, sau khi hiểu được sự nguy-hại trong những thứ phải bị ô nhiễm, họ đi tìm sự vô- nhiễm an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, đó là Niết-bàn. Trí-biết và tầm-nhìn (sự-biết và sự-thấy) đã khởi sinh trong họ như vầy: ‘Sự giải-thoát này là bất lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của chúng ta; từ đây không còn sự tái hiện-hữu nữa.’ (trích MN 26: Ariyapariyesana Sutta) (Sự Tìm Cầu Thánh Thiện)

5. BÀI THUYẾT GIẢNG ĐẦU TIÊN Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống tại Bārānasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai ở Isipatana (Isipatana có nghĩa: nơi các thiên thần hạ giới). Ở đó đức Thế Tôn đã nói với nhóm năm vị tu sĩ như vầy:62 “Này các Tỳ kheo, có hai cực đoan này những người xuất gia không nên sống theo. Hai đó là gì? (i) Sự sống theo đuổi hạnh-phúc giác quan (thuộc nhục dục) trong những khoái-lạc giác quan (dục lạc), cách đó là thấp hèn, phàm tục, là cách của những người phàm phu thế tục, nó không thánh thiện, không lợi lạc; và (ii) sự theo đuổi cách hành-xác bản thân, cách đó là đau đớn, không thánh thiện, không lợi lạc. Không ngã theo cực đoan nào như vậy, Như Lai đã giác ngộ (thức tỉnh) con đường trung-đạo, nó giúp khởi sinh sự-thấy (tầm nhìn), nó giúp khởi sinh sự-biết (trí biết), và dẫn tới sự bình-an, tới trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường trung-đạo mà Như Lai đã giác ngộ? Đó chính là Con Đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Chi Thánh Đạo), đó gồm: chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tấn, chánh-niệm, và chánh-định, [cách-nhìn đúng đắn, ý-định … lời-nói … hành-động … sự mưu-sinh … sự nỗ-lực … sự tâm-niệm … và sự định-tâm đúng đắn]. Này các Tỳ kheo, đây chính là con đường trung-đạo mà Như Lai đã giác ngộ, nó giúp khởi sinh sự-thấy, nó giúp khởi sinh sự-biết, và dẫn tới sự bình-an, tới trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. (1) “Bây giờ, này các Tỳ kheo, đây là diệu-đế về sự khổ (khổ đế):Sinh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ; 63 gặp những gì không thích là khổ; không được cái mình muốn là khổ; nói ngắn gọn: năm-uẩn bị dính-chấp (năm thủ uẩn) là khổ. (2) “Bây giờ, này các Tỳ kheo, đây là diệu-đế về nguồn-gốc khổ (khổ tập đế). Chính dục-vọng [sự thèm khát; ái] này dẫn dắt tới sự tái hiện-hữu, đi kèm với khoái-lạc và nhục-dục, tìm kiếm khoái-lạc chỗ

này chỗ khác; đó là dục-vọng muốn được khoái-lạc giác quan (dục ái), dục-vọng muốn được hiện-hữu (hữu ái), dục vọng muốn/vì sự diệt-vong (phi hữu ái). (3) “Bây giờ, này các Tỳ kheo, đây là diệu-đế về sự chấm-dứt khổ (khổ diệt đế). Đó là sự hoàn toàn phai-biến và chấm-dứt của dục-vọng đó, là sự buông-bỏ và từ-bỏ nó, sự tự-do khỏi nó, sự không-còn phụ thuộc nó. (4) “Bây giờ, này các Tỳ kheo, đây là diệu-đế về con-đường dẫn đến sự chấm dứt khổ (đạo đế). Đó là Bát Thánh Đạo, đó gồm: chánh-kiến … chánh-định. (1) “‘Đây là diệu-đế về sự khổ’: như vậy đó, này các Tỳ kheo, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực (minh), và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó. “‘Diệu-đế về sự khổ này nên được hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ)’: như vậy đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó. (Sự khổ)

“‘Diệu-đế về sự khổ này đã được hoàn-toàn hiểu’: như vậy đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó. (Sự khổ phải nên hiểu!) (2) “‘Đây là diệu-đế về nguồn-gốc khổ’: như vậy đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó. “‘Diệu-đế về nguồn-gốc khổ này nên được trừ-bỏ’: như vậy đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó. “‘Diệu-đế về nguồn-gốc khổ này đã được trừ-bỏ’: như vậy đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó. (Nguồn gốc khổ phải nên trừ bỏ!) (3) “‘Đây là diệu-đế về sự chấm-dứt khổ’: như vậy đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó. “‘Diệu-đế về sự chấm-dứt khổ này nên được chứng-ngộ’: như vậy đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó. “‘Diệu-đế về sự chấm-dứt khổ này đã được chứng-ngộ’: như vậy đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó. (Sự chấm-dứt khổ phải nên đạt tới!) (4) “‘Diệu-đế về con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ’: như vậy đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó. “‘Diệu-đế về con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ này nên được tu-tập’: như vậy đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó.

“‘Diệu-đế về con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ này đã được tu-tập’: như vậy đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó. (Đạo phải nên tu tập!) “Này các Tỳ kheo, chừng nào ‘sự-biết và sự-thấy của ta về Bốn Diệu Đế này đúng như chúng thực là’ vẫn chưa được thanh lọc thấu suốt theo ba giai đoạn và mười hai cách như vậy 64, thì ta không tuyên bố rằng ta đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới

này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, có những thiên thần và loài người. Nhưng khi 'sự-biết và sự-thấy của ta về Bốn Diệu Đế này đúng như chúng thực là' đã được thanh lọc thấu suốt theo ba giai đoạn và mười hai cách như vậy, ta tuyên bố rằng ta đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng đó trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, có những thiên thần và loài người. Sự-biết và sự-thấy đã khởi sinh trong ta như vầy: 'Sự giải-thoát này là không thể lay chuyển. Đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ đây không còn sự tái hiện-hữu nữa.'" Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Nhóm năm vị Tỳ kheo hài lonòng à ui mừng với lời tuyên thuyết của Thế Tôn. Và trong khi bài thuyết giảng này đang được nói ra, bên trong thầy Koṇḍañña (Kiều-trần-như) đã khởi sinh sự- thấy (tầm nhìn) không còn dính bụi (và) vô nhiễm về Giáo Pháp: "Cái gì có sinh thì có diệt." (khởi sinh và biến diệt; lẽ sinh-diệt, mọi thứ đều sinh-diệt; mọi thứ chỉ là sự sinh-diệt) Và khi bánh xe Giáo Pháp đã được chuyển dịch bởi đức Thế Tôn,65 những thiên thần ở trần gian (sống ở trái đất, như địa thần) cất tiếng nói to: "Ở Bārāṇasī, trong khu Vườn Nai ở Isipatana, bánh xe Giáo Pháp tối thượng đã được dịch chuyển bởi đức Thế Tôn, nó không thể bị chặn đứng bởi bất kỳ tu sĩ hay bà-la-môn hay thiên thần hay Ma Vương hay Trời hay bất cứ ai trong thế gian." Sau khi nghe tiếng nói của các thiên thần ở trần gian, các thiên thần ở cõi trời Tứ Đại Thiên Vương đã hô lên: "Ở Bārāṇasī ... không

thể bị chặn đứng bởi bất kỳ tu sĩ hay bà-la-môn hay thiên thần hay Ma Vương hay Trời hay bất cứ ai trong thế gian." Sau nghe tiếng nói của những thiên thần trên cõi trời Tứ Đại Thiên Vương, những thiên thần ở cõi trời Đao- lợi (Tāvatimsa, Ba Mươi Ba) ... những thiên thần ở cõi trời Dạ-ma (Yāma) ... những thiên thần ở cõi trời Đâu-suất (Tusita) ... những thiên thần ở cõi trời Hóa Lạc Thiên (Nimmānarati; ưa thích sáng tạo) ... những thiên thần cõi trời Tha Hóa Tự Tại Thiên (Paranimmitavasavattī; kiểm soát sự sáng tạo của những thiên thần khác) ... những thiên thần thuộc đoàn tùy tùng của vị trời Phạm Thiên (Brāhma) đã hô lên: "Ở Bārāṇasī ... không thể bị chặn đứng bởi bất kỳ tu sĩ hay bà-la-môn hay thiên thần hay Ma Vương hay Trời hay bất cứ ai trong thế gian." Vậy đó, vào lúc đó, trong thời điểm đó, trong khoảng khắc đó, trong giây khắc đó, lời hô vang đã truyền xa tới tận cõi trời Brāhma, và khắp hệ mười ngàn thế giới đã rung động, rúng động, chuyển động mạnh, và đã xuất hiện hào quang lớn vô lượng vượt trên cả tầm-uy cõi trời của các thiên thần. Rồi đức Thế Tôn đã nói câu nói đầy cảm hứng này: "Koṇḍañña đã thực sự hiểu! Koṇḍañña đã thực sự hiểu!" Theo cách này nên Ngài Koṇḍañña đã có được cái tên là "Aññā Koṇḍañña—(nghĩa là) Koṇḍañña Người Đã Hiểu." (SN 56:11: Dhammacakkappavattana Sutta) (Dịch Chuyển Bánh Xe Giáo Pháp; Chuyển Pháp Luân)

Chương III. TIẾP CẬN GIÁO PHÁP

1. KHÔNG PHẢI LÀ MỘT GIÁO LÝ BÍ MẬT “Này các Tỳ kheo, có ba điều này được hành sự trong bí mật, không công khai. Ba là gì? Những chuyện trai gái (với phụ nữ), chú thuật của các bà-la-môn, và cách-nhìn sai lạc (tà kiến). “Nhưng, này các Tỳ kheo, có ba điều này là công khai, không bí mật. Ba là gì? Mặt trăng, mặt trời, và Giáo Pháp và giới luật được tuyên thuyết bởi Như Lai.” (giống AN 3:131)66

2. KHÔNG PHẢI LÀ NHỮNG GIÁO ĐIỀU HAY ĐỨC TIN MÙ QUÁNG Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành giữa những người Kosala (Kiều-tất-la) cùng với một Tăng đoàn lớn các Tỳ kheo, lúc đó đang đến một quận thị có tên là Kesaputta 67 của những người Kālāma. Những người Kālāma ở Kesaputta nghe tin rằng: “Nghe nói sa-môn Cồ-đàm, người con của dân tộc Thích-ca đã xuất gia từ một gia đình họ Thích-ca, vừa mới đến Kesaputta. Giờ tin tốt về Thầy Cồ- đàm đã truyền đi như vầy: ‘Bậc Thế Tôn đó là một A-la-hán [đã tu-thành] và bậc Toàn Giác [đã giác ngộ toàn thiện], đã thành tựu về trí-biết đích thực (minh) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ [Phật], bậc Thế Tôn. Sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, bậc ấy đã công bố lại cho những người khác biết. Bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp tốt lành ở đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; bậc ấy cho thấy một đời sống tâm linh là toàn thiện và tinh khiết.’ Giờ sẽ tốt lành nếu chúng ta đến gặp những vị A-la-hán đó.” (giống lời đoạn hai kinh AN 3:63 ở trên)

Rồi những người Kālāma ở Kesaputta đã đến gặp đức Thế Tôn. Một số họ kính lễ và ngồi xuống một bên; một số thì chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên; một số chỉ kính lễ và ngồi xuống một bên; một số giới thiệu tên và họ tộc của mình và ngồi xuống một bên; một số chỉ im lặng và ngồi xuống một bên. (giống lời đoạn ba kinh AN 3:63 ở trên). Rồi những người Kālāma nói với đức Thế Tôn: “Thưa Ngài, có một số tu sĩ và bà-la-môn đến Kesaputta này. Họ giải thích và thuyết minh những giáo thuyết của họ, nhưng phỉ báng, chê bai, bài xích, chế nhạo những giáo thuyết của người khác. Nhưng rồi có những tu sĩ và bà-la-môn khác đến Kesaputta, họ cũng giải thích và thuyết minh những giáo thuyết của họ, nhưng phỉ báng, chê bai, bài xích, chế nhạo những giáo thuyết của người khác. Thưa ngài, chúng tôi thấy bối rối và hoài nghi không biết ai trong số những vị thiện tu sĩ đó là người nói đúng và ai là người nói sai.”

(I) “Này những người Kālāma, các người bị bối rối như vậy cũng phải, các người nghi ngờ như vậy cũng phải. Sự nghi ngờ đã khởi sinh trong các người về một vấn đề còn làm bối rối. Này những người Kālāma, [đừng vội tin theo điều gì (i) do điều đó được truyền miệng từ lâu (như lời truyền miệng, chuyện kể, lời thuật lại, điều nghe đi nghe lại), (ii) do điều đó đã thành truyền thống (tập tục, tục lệ, truyền thống), (iii) do điều đó được ghi trong kinh sách (trong tập kinh, bộ kinh, sách kinh). (iv) do điều đó là tin đồn

(hay thông tin, tin tức), (v) do sự lý giải theo lý lẽ, (vi) do sự suy luận từ sự phỏng đoán, (vii) do tự thấy điều đó là có lý, (viii) do chấp nhận điều đó sau khi đã suy tư xem xét kỹ về nó; (ix) do bề ngoài tướng mạo của người nói là đáng tin (như diện mạo, tướng tá, uy nghi của người thầy hay người diễn thuyết), (x) hoặc do nghĩ rằng 'Đó là sư thầy của chúng ta nên ổng nói là phải đúng'.]68 Nhưng, này những người Kālāma, khi nào các người tự mình biết được: 'Những điều này là không thiện lành; những điều này là đáng chê trách (tội lỗi); những điều này là bị quở trách bởi người trí hiền; những điều

đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến sự nguy hại và khổ đau', thì các người nên dẹp bỏ chúng."

(1) "Này những người Kālāma, các người nghĩ sao? Khi tham khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay sự nguy hại cho người đó?"69 "Mang lại sự nguy hại, thưa Ngài." "Này những người Kālāma, một người tham dục, bị chi phối bởi tham, với một cái tâm bị ám muội bởi tham, nên người đó sát-sinh, gian-cắp, tà- dâm ngoại tình, và nói-dối nói sai; và người đó cũng khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới sự nguy hại và khổ đau lâu dài hay không?" "Đúng vậy, thưa Ngài."

(2) "Này những người Kālāma, các người nghĩ sao? Khi sân khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay sự nguy hại cho người đó?" "Mang lại sự nguy hại, thưa Ngài." "Này những người Kālāma, một người sân giận, bị chi phối bởi sân, với một cái tâm bị ám muội bởi sân, nên người đó sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm ngoại tình, và nói-dối nói sai; và người đó cũng khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới sự nguy hại và khổ đau lâu dài hay không?" "Đúng vậy, thưa Ngài."

(3) "Này những người Kālāma, các người nghĩ sao? Khi si khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay sự nguy hại cho người đó?" "Mang lại sự nguy hại, thưa Ngài." "Này những người Kālāma, một người si mê, bị chi phối bởi si, với một cái tâm bị ám muội bởi si, nên người đó sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm ngoại tình, và nói-dối nói sai; và người đó cũng khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới sự nguy hại và khổ đau lâu dài hay không?"

"Đúng vậy, thưa Ngài." "Này những người Kālāma, các người nghĩ sao? Những điều đó là thiện lành hay không thiện lành?" – "Không thiện lành, thưa Ngài" – "Đáng chê trách hay không đáng chê trách?" – "Đáng chê trách, thưa Ngài" – "Bị quở trách hay được khen ngợi bởi người trí hiền?" – "Bị quở trách bởi người trí hiền, thưa Ngài" – "Nếu chấp nhận và thực hiện chúng, chúng sẽ dẫn tới sự nguy hại và khổ đau hay không; các người thấy sao?" – "Nếu chấp nhận và thực hiện chúng sẽ dẫn tới sự nguy hại và khổ đau; chúng tôi thấy như vậy." "Như vậy, này những người Kālāma, khi ta nói: 'Này những người Kālāma, [đừng vội tin theo điều gì (i) do điều đó được truyền miệng từ lâu … (x) hoặc do nghĩ rằng 'Đó là sư thầy của chúng ta nên ổng nói là phải đúng'.] Nhưng khi nào các người tự mình biết được: "Những điều này là không thiện lành; những điều này là đáng chê trách; những điều này là bị quở trách bởi người trí hiền; những điều

đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến sự nguy hại và khổ đau", thì các người nên dẹp bỏ chúng', thì chính vì lẽ đó nên ta đã nói như vậy." (II) Này những người Kālāma, [đừng vội tin theo điều gì (i) do điều đó được truyền miệng từ lâu ... (x) hoặc do nghĩ rằng 'Đó là sư thầy của chúng ta nên ổng nói là phải đúng'.] Nhưng, này những người Kālāma, khi nào các người tự mình biết được: 'Những điều này thiện lành; những điều này là không đáng chê trách; những điều này là không bị quở trách bởi người trí hiền; những điều đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến ích lợi và hạnh phúc', thì các người nên sống theo chúng."

(1) "Này những người Kālāma, các người nghĩ sao? Khi sự vô-tham khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay sự nguy hại cho người đó?" "Mang lại ích lợi, thưa Ngài." "Này những người Kālāma, một người không tham-dục, không bị chi phối bởi tham, với một cái tâm không bị ám muội bởi tham, thì người đó

không sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm ngoại tình, hay nói-dối nói sai; và người đó cũng không khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới ích lợi và hạnh phúc lâu dài hay không?" "Đúng vậy, thưa Ngài."

(2) "Này những người Kālāma, các người nghĩ sao? Khi sự vô-sân khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay sự nguy hại cho người đó?" "Mang lại ích lợi, thưa Ngài." "Này những người Kālāma, một người không sân-hận, không bị chi phối bởi sân, với một cái tâm không bị ám muội bởi sân, thì người đó không sát- sinh, gian-cắp, tà-dâm ngoại tình, hay nói-dối nói sai; và người đó cũng không khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới ích lợi và hạnh phúc lâu dài hay không?" "Đúng vậy, thưa Ngài."

(3) "Này những người Kālāma, các người nghĩ sao? Khi sự vô-si khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay sự nguy hại cho người đó?" "Mang lại ích lợi, thưa Ngài." "Này những người Kālāma, một người không si-mê, không bị chi phối bởi si, với một cái tâm không bị ám muội bởi si, thì người đó không sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm ngoại tình, hay nói-dối nói sai; và người đó cũng không khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới ích lợi và hạnh phúc lâu dài hay không?" "Đúng vậy, thưa Ngài." "Này những người Kālāma, các người nghĩ sao? Những điều đó là thiện lành hay không thiện lành?" – "Thiện lành, thưa Ngài" – "Đáng chê trách hay không đáng chê trách?" – "Không đáng chê trách, thưa Ngài" – "Bị quở trách hay được khen ngợi bởi người trí hiền?" – "Được khen ngợi bởi người trí hiền, thưa Ngài" – "Nếu chấp nhận và thực hiện chúng, chúng sẽ dẫn tới

ích lợi và hạnh phúc hay không; các người thấy sao?" – "Nếu chấp nhận và thực hiện chúng sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc; chúng tôi thấy như vậy." "Như vậy, này những người Kālāma, khi ta nói: 'Này những người Kālāma, [đừng vội tin theo điều gì (i) do điều đó được truyền miệng từ lâu ... (x) hoặc do nghĩ rằng 'Đó là sư thầy của chúng ta nên ổng nói là phải đúng'.] Nhưng khi nào các người tự mình biết được: "Những điều

này thiện lành; những điều này là không đáng chê trách; những điều này là không bị quở trách bởi người trí hiền; những điều đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến ích lợi và hạnh phúc", thì các người nên sống theo chúng', thì chính vì lẽ đó nên ta đã nói như vậy." "Rồi, này những người Kālāma, người đệ tử thánh thiện đó, là người không còn thèm-muốn (hết tham), không còn ác-ý (hết sân), không còn ngu- mờ (hết si), thường rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái (tâm từ) ... với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn (tâm bi) ... với một cái tâm thấm đẫm sự tùy-hỷ (tâm hỷ) ... với một cái tâm thấm đẫm sự buông-xả (tâm xả); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, người đó an trú bao trùm toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự từ ... bi ... hỷ ... xả, rộng lớn, bao la [khuếch đại], vô lượng, không sự thù-ghét, không sự ác-ý.

(III) "Này những người Kālāma, người đệ tử thánh thiện này, có tâm theo cách như vậy, không sự thù-ghét, không sự ác-ý, không còn ô-nhiễm, và trong-sạch (thanh tịnh) như vậy, đã đạt được những sự bảo-an như vầy ngay trong kiếp này.

(a) "Sự bảo-an đầu tiên mà người đó đạt được là điều này: 'Nếu có thế giới khác, và nếu nghiệp thiện và nghiệp ác có nghiệp quả hay quả báo, thì khả năng là, khi thân tan rã, sau khi chết, ta sẽ được tái sinh trong một nơi- đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.'

(b) "Sự bảo-an thứ hai mà người đó đạt được là điều này: 'Giả sử không có thế giới khác, và nghiệp thiện hay nghiệp ác đều không có nghiệp quả hay quả báo gì, thì ngay ở đây, ngay trong kiếp này, ta vẫn giữ (duy trì) mình (sống) trong sự hạnh-phúc, không sự thù-ghét và sự ác-ý, không bị rắc-rối gì.'

(c) "Sự bảo-an thứ ba mà người đó đạt được là điều này: 'Nếu điều xấu dữ xảy đến cho những người làm nghiệp xấu ác. Vậy khi ta không hề có ý định xấu ác nào đối với ai, thì đâu sự khổ đau nào làm khổ ta, vì ta đâu làm nghiệp gì xấu ác?'70

(d) "Sự bảo-an thứ tư mà người đó đạt được là điều này: 'Giả sử điều xấu dữ không xảy đến với người làm nghiệp xấu ác. Thì ngay ở đây, ta vẫn nhìn thấy mình được thanh lọc về cả hai phương diện.'71 "Này những người Kālāma, những ai có tâm theo cách như vầy, không sự thù-ghét, không sự ác-ý, không còn ô-nhiễm, và trong-sạch như vậy, là đã đạt được bốn sự bảo-an như vậy ngay trong kiếp này."72 "Thật đúng vậy, thưa Thế Tôn! Thật đúng vậy, thưa bậc Phúc Lành! Người đệ tử thánh thiện này, có tâm theo cách như vậy, không sự thù-ghét, không sự ác-ý, không còn ô-nhiễm, và trong-sạch như vậy, là đã đạt được bốn sự bảo-an như vậy ngay trong kiếp này. "Sự bảo-an thứ nhất ... thứ hai ... thứ ba ... thứ tư tư người đó đạt được là điều này: 'Giả sử điều xấu dữ không xảy đến với người làm nghiệp xấu ác. Thì ngay ở đây, ta vẫn nhìn thấy mình được thanh lọc về cả hai phương diện.' "Thưa Thế Tôn, người đệ tử thánh thiện này có tâm theo cách như vậy, không sự thù-ghét, không sự ác-ý, không còn ô-nhiễm, và trong-sạch như vậy, là đã đạt được bốn sự bảo-an như vậy ngay trong kiếp này. "Thật

hay khéo, Thế Tôn! Thật tuyệt vời, thưa Thế Tôn … Chúng con xin quy y nương tựa theo đức Thế Tôn, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn

74 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

các Tỳ Kheo. Mong Thế Tôn ghi nhớ chúng con từ nay đã quy y nương tựa cho đến cuối đời.”73

(AN 3:65)

3. NHÌN THẤY SỰ KHỞI SINH VÀ BIẾN MẤT CỦA SỰ KHỔ Trong một lần đức Thế Tôn đang sống tại một thị trấn tên là Uruvelakappa của những người dân Malla. Rồi có vị trưởng thôn tên Bhadraka 74 đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, thật tốt lành nếu Thế Tôn dạy cho con về nguồn-gốc và sự biến-qua của khổ.” - “Này ông trưởng thôn, nếu như ta dạy cho ông về nguồn-gốc và sự biến-qua của khổ trong thời quá khứ, và nói ‘Điều đó đã xảy ra trong thời quá khứ’ thì trong ông có thể khởi sinh nghi ngờ và bối rối. Và nếu như ta dạy cho ông về nguồn-gốc và sự biến-qua của khổ trong thời tương lai, và nói ‘Điều đó xảy ra trong tương lai’ thì trong ông có thể khởi sinh nghi ngờ và bối rối. Vậy nên, này ông trưởng thôn, trong khi ta đang ngồi ngay đây và ông đang ngồi ngay đây, ta sẽ dạy cho ông về nguồn-gốc và sự biến-qua của khổ. Hãy lắng nghe và ông tâm kỹ càng, ta sẽ nói.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, ông Bhadraka đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:: - “Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Có người nào ở Uruvelakappa bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chê chửi mà vì họ trong ông khởi sinh sự buồn sầu, than khóc, đau thương, ưu phiền, và tuyệt vọng?” “Dạ có những người đó, thưa Thế Tôn.” - “Nhưng có người nào ở Uruvelakappa bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chê chửi mà vì họ trong ông không khởi sinh sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng?” “Dạ có những người đó, thưa Thế Tôn.”

Chương III – Tiếp Cận Giáo Pháp • 75

- “Nhưng có người nào ở Uruvelakappa bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chê chửi mà vì họ trong ông không khởi sinh sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng? “Dạ cũng có những người đó, thưa Thế Tôn.” - “Vì sao vậy, này ông trưởng thôn, vì sao có những người ở Uruvelakappa khi họ bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chê chửi, vì họ trong ông khởi sinh sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng; trong khi có những người khác cũng bị như vậy thì trong ông không khởi sinh như vậy?” “Thưa Thế Tôn, những người ở Uruvelakappa khi họ bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chê chửi, vì họ trong con khởi sinh sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng—là vì con có tham-muốn và ràng- buộc đối với những người đó. Nhưng những người khác ở Uruvelakappa khi họ bị vậy trong con không khởi sinh như vậy—là vì con không có tham- muốn và ràng-buộc đối với những người đó. - “Này trưởng thôn, bằng phương tiện là nguyên lý này mới được nhìn thấy, được hiểu ra, được chứng ngộ tức thì, được xác minh bởi ông, thì ông hãy ứng dụng phương pháp (nguyên lý) này cho quá khứ và tương lai như vầy: ‘Khổ nào đã khởi sinh trong quá khứ, tất cả đều do tham-dục là gốc rễ, có tham-dục là gốc rễ của nó; bởi vì

tham-dục là gốc rễ của sự khổ. Khổ nào sẽ khởi sinh trong tương lai, tất cả đều do tham-dục là gốc rễ, có tham-dục là gốc rễ của nó; bởi vì tham-dục là gốc rễ của sự khổ.'" "Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! Thật tuyệt vời, thưa Thế Tôn! Thật hay khéo cách điều đó đã được khẳng định bởi đức Thế Tôn: 'Khổ nào khởi sinh, tất cả đều do tham-dục là gốc rễ, có tham-dục là gốc rễ của nó; bởi vì tham- dục là gốc rễ của sự khổ.'75 Thưa Thế Tôn, con có một người con trai tên Ciravāsi, sống ở chỗ khác. Sáng sớm con thức dậy, con gọi một người tới và nói: 'Đi anh, đi coi Ciravāsi có khỏe mạnh an ổn không.' Trong khi chờ tới khi người đó trở về, trong lòng con cứ buồn lo và nghĩ ngợi: 'Cầu cho Ciravāsi không gặp sự khó khổ nào!'"

- "Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Nếu như Ciravāsi bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chê chửi, vì điều đó trong ông có khởi sinh sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng, phải không?" "Thưa Thế Tôn, nếu như Ciravāsi bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chê chửi, thì làm sao có thể trong con không khởi sinh sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng?" - "Cũng theo cách như vậy, này ông trưởng thôn, điều này có thể được hiểu rằng: 'Điều gì khởi sinh, tất cả đều do tham-dục là gốc rễ, có tham-dục là gốc rễ của nó; bởi vì tham-dục là gốc rễ của sự khổ.' - "Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Khi chưa gặp vợ ông hoặc chưa nghe về cô ta, ông có tham-muốn, ràng-buộc, hay tình-cảm nào với cô ta không?" "Không có, thưa Thế Tôn." - "Vậy thì, này trưởng thôn, chỉ khi ông gặp cô ta hoặc khi nghe nói về cô ta thì sự tham-muốn, sự ràng-buộc, và tình-cảm đó mới khởi sinh trong chú, phải không? "Dạ đúng, thưa Thế Tôn." - "Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Nếu như vợ ông bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chê chửi, vì điều đó trong ông có khởi sinh sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng, phải không?" "Nếu như vợ con bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chê chửi, thì đời con coi như chẳng còn gì, thì làm sao có thể trong con không khởi sinh sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng?" - "Cũng theo cách như vậy, này trưởng thôn, điều này có thể được hiểu rằng: 'Khổ nào khởi sinh, tất cả đều do tham-dục là gốc rễ, có tham-dục là gốc rễ của nó; bởi vì tham-dục là gốc rễ của sự khổ.'" (SN 42:11, Quyển 4)

4. ĐIỀU TRA TÌM HIỂU VỀ CHÍNH NGƯỜI THẦY 1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: "Này các Tỳ kheo"—"Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này: 2. "Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là một người tra-xét, nhưng không biết cách đo lường tâm của người khác (bằng tâm của mình),76 thì người đó nên điều tra Như Lai để tìm hiểu Như Lai có phải đã giác-ngộ hoàn toàn hay không." 3. "Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, được nhờ dựa vào đức Thế Tôn. Thật tốt lành nếu Thế Tôn giảng giải cho chúng con ý nghĩa của điều đó. Sau khi nghe từ Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó." "Vậy thì, này các Tỳ kheo, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói." "Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: 4.

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là một người tra-xét, nhưng không biết cách đo lường tâm của người khác, thì nên điều tra Như Lai về hai loại trạng thái, những trạng thái có thể nhận biết được bằng mắt và bằng tai, như vầy: ‘Có những trạng thái ô nhiễm nào có thể nhận biết bằng mắt (hành- động) hay bằng tai (lời-nói) được tìm thấy trong Như Lai’ hay không?’ 77 Khi điều tra Như Lai, người đó đi đến biết rằng: ‘Không có những trạng thái ô nhiễm nào nhận biết được bằng mắt hay bằng tai được tìm thấy trong Như Lai.’ 5. “Sau khi biết được điều này, người đó điều tra thêm về Như Lai như vầy: ‘Có những trạng thái hỗn-hợp (lúc trong sạch, lúc ô nhiễm) nào có thể nhận biết được bằng mắt hay bằng tai được tìm thấy trong Như Lai’ hay không?78 Khi điều tra Như Lai, người đó đi đến biết rằng: ‘Không có những

trạng thái hỗn-hợp nào nhận biết được bằng mắt hay bằng tai được tìm thấy trong Như Lai.’ 6. Sau khi biết được điều này, người đó điều tra thêm về Như Lai như vầy: ‘Có trạng thái thanh-sạch (đã thanh tẩy, đã sạch nhiễm) nào có thể nhận biết bằng mắt hay bằng tai được tìm thấy trong Như Lai’ hay không?’ Khi điều tra Như Lai, người đó đi đến biết rằng: ‘Có những trạng thái thanh-sạch nhận biết được bằng mắt hay bằng tai được tìm thấy trong Như Lai.’ 7. “Sau khi biết được điều này, người đó điều tra thêm về Như Lai như vầy: ‘Bậc Như Lai này đã chứng đắc trạng thái thiện lành này từ lâu, hay chỉ mới chứng?’ Khi điều tra Như Lai, người đó đi đến biết rằng: ‘Bậc Như Lai này đã chứng đắc trạng thái thiện lành này từ lâu, không phải mới chứng.’ 8. “Sau khi biết được điều này, người đó điều tra thêm về Như Lai như vầy: ‘Bậc Như Lai này đã nổi tiếng và có danh tiếng, vậy có sự nguy-hại nào [liên quan tới sự nổi tiếng và danh tiếng] được tìm thấy trong bậc ấy, hay không?’ Bởi vì, này các Tỳ kheo, khi một tu sĩ chưa được nổi tiếng và chưa có danh tiếng thì những mối nguy-hại [liên quan tới sự nổi tiếng và danh tiếng, ví dụ như phát sinh tính tự cao, tự đại…] không được tìm thấy trong tu sĩ đó.79 Người đó điều tra Như Lai, người đó đi đến biết rằng: ‘Bậc Như Lai này đã nổi tiếng và có danh tiếng, nhưng những sự nguy-hại [liên quan tới sự nổi tiếng và danh tiếng] không được tìm thấy trong bậc ấy.’ 9. “Sau khi biết được điều này, người đó điều tra thêm về Như Lai như vầy: ‘Có phải rằng: bậc Như Lai này giữ giới không phải do sự sợ-hãi, không phải giữ giới do có sự sợ-hãi, và tránh bỏ sự hưởng thụ khoái-lạc giác-quan (dục lạc) bởi vì bậc ấy không còn nhục-dục (vô dục) thông qua sự (đã) tiêu diệt nhục-dục (diệt dục)?’ Khi điều tra Như Lai, người đó đi đến biết rằng: ‘Đúng vậy: bậc Như Lai này giữ giới không phải do sự sợ-hãi, không phải giữ giới do có sự sợ-hãi, và tránh bỏ sự hưởng thụ khoái-lạc giác-quan (dục lạc) bởi vì bậc ấy không còn nhục-dục (vô dục) thông qua sự tiêu diệt nhục- dục (diệt dục).’

10. “Bây giờ, này các Tỳ kheo, nếu ai có hỏi vị Tỳ kheo đó như vầy: ‘Những lý do của thầy là gì và những bằng chứng của thầy là gì mà thầy đã nói rằng: “Bậc (Như Lai) này giữ giới không phải do sự sợ-hãi, không phải giữ giới do có sự sợ-hãi, và tránh bỏ sự hưởng thụ khoái-lạc giác-quan (dục lạc) bởi vì bậc ấy không còn nhục-dục thông qua sự tiêu diệt nhục-dục”?’— Để trả lời một cách đúng đắn, vị Tỳ kheo đó nên trả lời như vầy:

‘Cho dù bậc ấy (Như Lai) đang ở chung Tăng Đoàn hay ở một mình, trong đó có những Tỳ kheo hành xử đúng đắn (hành thiện), có những Tỳ kheo hành xử không đúng đắn (hành ác), và có những Tỳ kheo lo chỉ dạy cho nhóm Tỳ kheo khác,80 trong khi có những Tỳ kheo được thấy chỉ lo mấy thứ vật chất, và có những Tỳ kheo không bị ô nhiễm bởi những thứ vật chất, cho dù vậy bậc ấy (Như Lai) vẫn không khinh khi ai vì những điều đó.81 Và tôi đã nghe và học được điều này từ chính miệng của đức Thế Tôn: “Ta giữ giới không phải do sự sợ-hãi, không phải giữ giới do có sự sợ-hãi, và tránh bỏ sự hưởng thụ khoái-lạc giác-quan (dục lạc) bởi vì ta không còn nhục-dục (vô dục) thông qua sự tiêu diệt nhục-dục (diệt dục).”’ 11. “Này các Tỳ kheo, Như Lai cần phải được chất vấn thêm như vầy: ‘Có những trạng thái ô-nhiễm nào có thể nhận biết bằng mắt hay bằng tai được tìm thấy trong Như Lai’ hay không?’ Như Lai sẽ trả lời như vầy: ‘Không có những trạng thái ô-nhiễm nào nhận biết được bằng mắt hay bằng tai được tìm thấy trong Như Lai. 12. “Nếu hỏi rằng: ‘Có những trạng thái hỗn-hợp nào có thể nhận biết bằng mắt hay bằng tai được tìm thấy trong Như Lai’ hay không?’ Như Lai sẽ trả lời như vầy: ‘Không có những trạng thái hỗn-hợp nào nhận biết được bằng mắt hay bằng tai được tìm thấy trong Như Lai.’ 13. “Nếu hỏi rằng: ‘Có những trạng thái thanh-sạch nào có thể nhận biết bằng mắt hay bằng tai được tìm thấy trong Như Lai’ hay không?’ Như Lai sẽ trả lời như vầy: ‘Có những trạng thái thanh-sạch nhận biết được bằng mắt hay bằng tai được tìm thấy trong Như Lai. Chúng là đường-đi của ta và trú- xứ của ta, nhưng ta không nhận chúng là ta, (không đồng hóa chúng với ta).82

80 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

14. “Này các Tỳ kheo, một người đệ tử nên đến gặp Vị Thầy đã nói ra những điều như vậy để nghe học Giáo Pháp (từ Vị Thầy đó). Vị Thầy đó sẽ chỉ dạy cho người đó Giáo Pháp theo trình tự từ thấp tới cao, từ cao tới siêu xuất hơn, với những mặt tối và mặt sáng đối tác của nó. Khi Vị Thầy chỉ dạy Giáo Pháp cho một Tỳ kheo theo cách như vậy, và thông qua sự trực-tiếp biết về một giáo lý nào đó ở đây trong Giáo Pháp đó, thì vị Tỳ kheo đó sẽ đi đến (rút ra) một kết luận về những giáo lý. 83 Vị Tỳ kheo đó đặt niềm-tin vào Vị Thầy như vầy: ‘Đức Thế Tôn là bậc Toàn Giác, Giáo Pháp được giảng bày một cách hay khéo bởi đức Thế Tôn, Tăng Đoàn đang thực hành cách-thức tốt lành.’ 15. “Bây giờ, này các Tỳ kheo, nếu ai có hỏi vị Tỳ kheo đó như vầy: ‘Những lý do của thầy là gì và những bằng chứng của thầy là gì mà thầy đã nói rằng: “Đức Thế Tôn là bậc toàn-giác, Giáo Pháp được giảng bày một cách hay khéo bởi đức Thế Tôn, Tăng Đoàn đang thực hành cách-thức tốt lành”?’—Để trả lời một cách đúng đắn, vị Tỳ kheo đó nên trả lời như vầy: ‘Ở đây, này các bạn, tôi đã đến gặp đức Thế Tôn để được nghe Giáo Pháp. Đức Thế Tôn đã chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp theo trình tự từ thấp tới cao, từ cao tới siêu xuất hơn, với những mặt tối và mặt sáng đối lập của nó. Khi đức Thế Tôn chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp theo cách như vậy, thông qua sự tự-biết trực tiếp ở đây về một giáo lý nào đó trong Giáo Pháp đó, tôi đã đi đến (rút ra) một kết luận về những giáo lý. Tôi đã đặt niềm-tin vào Vị Thầy như vầy: “Đức Thế Tôn là bậc toàn-giác, Giáo Pháp được giảng bày một cách hay khéo bởi đức Thế Tôn, Tăng Đoàn đang thực hành cách-thức tốt lành”.’ 16. “Này các Tỳ kheo, khi niềm-tin của bất cứ ai đã được gieo trồng, đã được bắt rễ, và đã được thiết lập vào Như Lai thông qua những lý lẽ, những thuật ngữ, và những

câu chữ như vậy, thì niềm-tin của người đó coi đã được dựa trên những lý lẽ, được bắt rễ từ sự-thấy, là vững chắc;84 nó không thể bị phá hoại bởi bất kỳ tu sĩ hay bà-la-môn nào hay trời thần nào hay Ma Vương hay bất kỳ ai trong thế gian. Này các Tỳ kheo, đó là cách điều tra về Như Lai theo đúng như Giáo Pháp, và đó là cách Như Lai được điều tra một cách khéo léo theo đúng như Giáo Pháp."

Chương III – Tiếp Cận Giáo Pháp • 81

Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn. (MN 47: Vimaṃsaka Sutta)

5. NHỮNG BƯỚC ĐI TỚI SỰ CHỨNG NGỘ CHÂN LÝ 10. Rồi bà-la-môn (tên) Cankī,85 cùng với một đoàn lớn những bà-la- môn, đã đi đến gặp đức Thế Tôn, và đến nơi ông chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên. 11. Bấy giờ, vào lúc đó đức Thế Tôn đang ngồi và sắp sửa xong phần nói chuyện thăm hỏi hòa nhã với những bà-la-môn rất trưởng lão. Ngay lúc đó, có một môn sinh (học trò) bà-la-môn trẻ tên Kāpaṭhika đang ngồi trong hội chúng đó. Trẻ, đầu cạo trọc, mười sáu tuổi, anh ta là một bậc thầy thông thuộc ba bộ kinh Vệ-đà (Veda) với những phần từ vựng thuật ngữ, nghi lễ cúng tế, âm vị học, và nguyên từ của chúng, và thứ năm là các phần sử học; giỏi về ngữ văn và ngữ pháp, anh ta hoàn toàn tinh thông về triết học tự nhiên và về những đặc điểm tướng số của một bậc Vĩ Nhân. Trong khi những bà-la-môn rất lớn tuổi đang nói chuyện với đức Thế Tôn, anh ta cứ liên tục chen vô và ngắt ngang cuộc nói chuyện của họ. Rồi đức Thế Tôn mới quở trách môn sinh bà-la-môn Kāpaṭhika đó như vầy: "Ngài Bhāradvāja (tên họ tộc của Kāpaṭhika)86 đừng nên chen vào và ngắt ngang chuyện của những bà-la-môn rất trưởng lão trong khi họ đang nói. Ngài nên chờ đến khi chuyện của họ đã được nói xong." Sau khi lời này được nói ra, bà-la-môn Caṅkī đã nói với đức Thế Tôn rằng: "Thầy Cồ-đàm không cần quở trách môn sinh bà-la-môn Kāpaṭhika. Vị môn sinh bà-la-môn này rất uyên bác; anh ta có tài diễn đạt; anh ta là khôn trí. Anh ta có khả năng dễ dàng tham gia vào cuộc thảo luận này với Thầy Cồ-đàm."

82 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

12. Rồi đức Thế Tôn nghĩ rằng: "Vì các bà-la-môn tôn vinh anh ta như vậy thì môn sinh bà-la-môn Kāpaṭhika chắc hẳn thành thạo về các kinh chú ba bộ kinh Vệ-đà." Rồi môn sinh bà-la-môn Kāpaṭhika nghĩ: "Khi nào sa-môn Cồ-đàm đưa mắt gặp mắt ta, thì ta sẽ đặt câu hỏi." Rồi, bằng tâm của mình đức Thế Tôn biết được ý nghĩ trong tâm của môn sinh bà-la-môn Kāpaṭhika, đức Thế Tôn đưa mắt nhìn về phía anh ta. Rồi môn sinh bà-la-môn Kāpaṭhika nghĩ rằng: "Sa-môn Cồ-Đàm đã nhìn về phía ta. Vậy ta hãy hỏi ông ta một câu hỏi." Rồi (nghĩ vậy nên làm) anh ta nói với đức Thế Tôn: "Thầy Cồ-đàm, nói về những kinh chú cổ của bà-la-môn đã được truyền tụng bằng miệng, đã được bảo tồn trong các bộ kinh, các bà-la-môn đi đến một kết luận nhất nhất rằng: 'Chỉ đây (các kinh kệ này) là đúng, mọi điều khác đều là sai.' Thầy Cồ-đàm nghĩ sao về chuyện này?" "Được rồi, này Bhāradvāja: trong số những bà-la-môn có một bà-la-môn nào nói như vầy: 'Tôi biết điều này, tôi nhìn thấy điều này: chỉ đây là đúng, mọi điều khác đều là

sai' hay không?"—"Không có, thưa Thầy Cồ-đàm." "Rồi sao, này Bhāradvāja: vậy trong bảy thế hệ các thầy bà-la-môn có một thầy nào, hoặc một vị thầy (sư phụ, sư ông) của một thầy nào nói như vầy: 'Tôi biết điều này, tôi nhìn thấy điều này: chỉ đây là đúng, mọi điều khác đều là sai' hay không?"—"Không có, thưa Thầy Cồ-đàm." "Rồi sao, này Bhāradvāja: những ẩn sĩ (tiên tri, tiên kiến) bà-la-môn thời cổ xưa, là những người tạo ra các bài kinh chú đó, những người soạn ra các bài kinh chú đó, những bài kinh chú của họ đã từng được tụng, được đọc, và kết tập, mà các bà-la-môn ngày nay vẫn tiếp tục đọc tụng và lặp lại, lặp lại cái đã được nói, và tụng lại cái đã được tụng bởi những bà-la-môn trước kia—như Aṭṭhaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmitta, Yamataggi, Angirasa, Bhāradvāja, Vāseṭṭha, Bhāradvāja, Vāseṭṭha, Kassapa, và Bhagu87—những ẩn sĩ bà-la-môn cổ xưa đó có bao giờ nói rằng: 'Tôi biết điều này, tôi nhìn

thấy điều này: chỉ đây là đúng, mọi điều khác đều là sai' hay không?"— "Không có, thưa Thầy Cồ-đàm." 13. "Như vậy thì, này Bhāradvāja, dường như trong số những bà-la-môn trước giờ, không có một bà-la-môn nào nói rằng: 'Tôi biết điều này, tôi nhìn thấy điều này: chỉ đây là đúng, mọi điều khác đều là sai.' – Và trong số những bà-la-môn trước giờ, không có một thầy nào, hoặc một vị thầy của một thầy nào trong bảy thế hệ thầy đã từng nói rằng: 'Tôi biết điều này, tôi nhìn thấy điều này: chỉ đây là đúng, mọi điều khác đều là sai.' – Và những nhà ẩn sĩ bà-la-môn thời cổ xưa, là những người tạo ra các bài kinh chú, những người soạn ra những bài kinh chú … thậm chí những nhà ẩn sĩ bà-la- môn cổ xưa đó cũng không nói rằng: 'Chúng tôi biết điều này, chúng tôi nhìn thấy điều này: chỉ đây là đúng, mọi điều khác đều là sai.' Ví như như một hàng người mù đứng nối tiếp nhau: người trước không nhìn thấy, người giữa không nhìn thấy, và người sau không nhìn thấy. Cũng giống như vậy, này Bhāradvāja, về câu khẳng định nhất nhất đó của họ, dường như những bà-la- môn cũng giống một hàng người mù: người trước không nhìn thấy, người giữa không nhìn thấy, và người sau không nhìn thấy. Này Bhāradvāja, anh nghĩ sao, theo tình trạng như vậy, hóa ra niềm-tin của các bà-la-môn là không có cơ sở căn cứ gì, đúng vậy không?" "Thầy Cồ-đàm, các bà-la-môn tôn vinh điều này không phải chỉ vì niềm- tin. Họ cũng tôn vinh vì đó là những điều đã được truyền thừa bằng miệng." 14. "Này Bhāradvāja, đầu tiên anh khăng khăng dựa vào niềm-tin, giờ anh chuyển qua dựa vào truyền thống truyền miệng. Này Bhāradvāja, có năm điều có thể thành hai cách khác nhau tại đây và bây giờ. Năm đó là gì? Niềm-tin, sự chấp-thuận, truyền-thống truyền miệng, sự nhận biết có lý-giải, và sự chấp nhận một quan điểm là kết quả sau khi suy-xét nó.88 Năm điều này có thể thành hai cách khác nhau tại đây và bây giờ. Bây giờ, (i) có điều do được chấp-nhận hoàn toàn chỉ vì niềm-tin, nhưng có thể nó chỉ là trống không, là sáo rỗng và sai lầm; nhưng có những điều không được chấp nhận hoàn toàn dựa vào niềm-tin, nhưng nó là thực, là đúng và không sai lầm. Lại

nữa, (ii) điều do được chấp-thuận hoàn toàn … (iii) điều do được truyền bá nhiều … (iv) điều do được nhận biết nhiều … và (v) điều do được xem xét kỹ nhiều, nhưng có thể nó

chỉ là trống không, là sáo rỗng, và sai lầm; nhưng có điều không được chấp thuận hoàn toàn … không được truyền bá nhiều … không được nhận biết nhiều … không được xem xét kỹ nhiều, nhưng nó là thực, là đúng và không sai lầm. [Với những tình trạng như vậy] sẽ không đúng đắn (phù hợp) đối với một người có trí khôn (chỉ vì muốn) bảo vệ (duy trì) sự thật của mình (chỉ là 'sự thật' của mình, chưa chắc đúng là sự thật) mà đi đến kết luận nhất nhất rằng: 'Chỉ đây là đúng, mọi điều khác đều là sai.'"89 15. "Nhưng, thưa Thầy Cồ-Đàm, theo cách nào là có sự bảo vệ một sự thật?90 Theo cách nào một người bảo vệ một sự thật? Chúng tôi muốn hỏi Thầy Cồ-đàm về sự bảo vệ một sự thật." "Này Bhāradvāja, người đó bảo vệ sự thật khi người đó nói: 'Niềm-tin của tôi là vậy'; nhưng người đó không đi đến kết luận nhất nhất: 'Chỉ điều này là sự thật, mọi điều khác là sai.' Này Bhāradvāja, theo cách như vậy là có sự bảo vệ sự thật; theo cách này người đó bảo vệ sự thật; theo cách này chúng tôi mô tả sự bảo vệ sự thật. Nhưng đó vẫn chưa phải là sự khám phá sự thật. 91 "Nếu một người chấp thuận (đồng ý) một điều gì … nếu một người nhận lấy (chấp nhận) một điều gì do được truyền miệng … nếu một người [đạt tới một kết luận dựa trên] sự nhận biết do suy lý … nếu một người có sự chấp nhận một quan điểm sau khi suy xét nó, người đó bảo vệ sự thật khi người đó nói: 'Sự chấp nhận một quan điểm sau khi suy xét của tôi là như vậy'; nhưng người đó không đi đến kết luận nhất nhất rằng: 'Chỉ điều này là sự thật, mọi điều khác là sai.' Cũng theo cách này, này Bhāradvāja, là có sự bảo vệ sự thật; theo cách này người đó bảo vệ sự thật; theo cách này chúng tôi mô tả sự bảo vệ sự thật. Nhưng đó vẫn chưa phải là sự khám phá sự thật." 16. "Thầy Cồ-đàm, theo cách như vậy là có sự bảo vệ sự thật; theo cách như vậy một người bảo vệ sự thật (của mình); theo cách như vậy chúng tôi nhận biết sự bảo vệ sự thật. Nhưng, Thầy Cồ-đàm, theo cách nào là sự khám-

phá sự thật? Theo cách nào một người khám-phá ra sự thật? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về sự khám-phá sự thật." 17. "Ở đây, này Bhāradvāja, một Tỳ kheo có thể đang sống nương dựa vào một xóm làng hay thị trấn.92 Rồi có một gia chủ [hay con trai của ông ta] tới gặp vị Tỳ kheo đó để điều tra vị ấy về ba loại trạng thái: những trạng thái có gốc tham, những trạng thái gốc sân, và những trạng thái gốc si: (i) 'Trong vị Tỳ kheo này có những trạng thái gốc tham nào mà, với tâm vị ấy bị ám mụi bởi những trạng thái tham đó, trong khi không biết vị ấy lại nói "Tôi biết", hoặc trong khi không nhìn thấy vị ấy lại nói "Tôi nhìn thấy", hoặc vị ấy có xúi giục người khác làm theo cách dẫn tới sự nguy hại và khổ đau dài lâu của họ?' Khi người đó đã điều tra vị Tỳ kheo người đó và đi đến biết rằng: 'Không có những trạng thái có gốc tham trong vị Tỳ kheo này. Hành vi thân và lời-nói của thầy ấy không phải loại còn dính tham. Và Giáo Pháp thầy ấy dạy là sâu sắc, nó khó hiểu và khó thấy, nó bình an và siêu phàm, không thể chứng ngộ được chỉ bằng lý giải, nó là tinh tế, được chứng nghiệm bởi người có trí. Giáo Pháp này không dễ gì được giảng dạy bởi người còn dính nhiễm tham-dục.' 18. "Sau khi người đó đã điều tra vị Tỳ kheo và đã thấy thầy ấy đã được thanh lọc khỏi những trạng thái có gốc tham; tiếp theo người đó điều tra vị Tỳ kheo đó về những trạng thái gốc sân: (ii) 'Trong vị Tỳ kheo này có những trạng thái gốc sân nào mà, với tâm vị ấy bị ám mụi bởi những trạng thái sân đó … hoặc vị ấy có xúi giục người khác làm theo cách dẫn tới

sự nguy-hại và khổ đau lâu dài của họ?' Khi người đó đã điều tra vị Tỳ kheo người đó và đi đến biết rằng: 'Không có những trạng thái có gốc sân trong vị Tỳ kheo này. Hành vi thân và lời-nói của thầy ấy không phải loại còn dính sân. Và Giáo Pháp thầy ấy dạy là sâu sắc ... được chứng nghiệm bởi người có trí. Giáo Pháp này không dễ gì được giảng dạy bởi người còn dính nhiễm sân-giận.' 19. "Sau khi người đó đã điều tra vị Tỳ kheo và đã thấy thầy ấy được thanh lọc khỏi những trạng thái có gốc sân; tiếp theo người đó điều tra vị Tỳ kheo đó về những trạng thái gốc si: (iii) 'Trong vị Tỳ kheo này có những

trạng thái gốc si nào mà, với tâm vị ấy bị ám mụi bởi những trạng thái si đó ... hoặc vị ấy có xúi giục người khác làm theo cách dẫn tới sự nguy-hại và khổ đau lâu dài của họ?' Khi người đó đã điều tra vị Tỳ kheo người đó và đi đến biết rằng: 'Không có những trạng thái có gốc si trong vị Tỳ kheo này. Hành vi thân và lời-nói của thầy ấy không phải loại còn dính si. Và Giáo Pháp thầy ấy dạy là sâu sắc ... được chứng nghiệm bởi người có trí. Giáo Pháp này không dễ gì được giảng dạy bởi người còn dính nhiễm si-mờ.' 20. "Sau khi người đó đã điều tra vị Tỳ kheo và đã nhìn thấy thầy ấy được thanh lọc khỏi những trạng thái gốc si, (iv) thì người đó đặt niềm-tin vào vị ấy; với đầy sự tin tưởng như vậy, (v) người đó đến thăm và kính lễ vị thầy ấy; sau khi kính lễ vị thầy ấy, (vi) người đó lắng nghe; khi lắng nghe, (vii) người đó nghe được Giáo Pháp; sau khi nghe được Giáo Pháp, (viii) người đó ghi nhớ và xem xét ý-nghĩa của những giáo lý mà mình đã ghi nhớ; khi xem xét ý-nghĩa các giáo lý, (ix) người đó chấp nhận những giáo lý đó từ kết quả suy xét chúng; khi người đó đã chấp nhận những giáo lý đó từ kết quả suy xét chúng, (x) sự nhiệt-thành phát khởi; khi sự nhiệt-thành đã phát khởi, (xi) người đó áp dụng ý-chí; sau khi áp dụng ý-chí, (xii) người đó soi-xét kỹ;93 sau khi đã soi-xét kỹ, (xiii) người đó chuyên-cần tu (tinh cần);94 sau khi đã chuyên-cần tu một cách kiên định, (xiv) người ấy bằng thân chứng ngộ sự-thật tối thượng (cao nhất) và nhìn thấy nó bằng cách thâm nhập nó bằng trí-tuệ.95 Theo cách như vậy, này Bhāradvāja, là có sự khám-phá ra sự-thật; theo cách như vậy là người đó khám phá sự thật; theo cách như vậy là chúng tôi mô tả sự khám-phá sự-thật. Nhưng đó vẫn chưa có sự đạt-tới cuối cùng (rốt ráo) tới sự-thật." 21. "Thầy Cồ-đàm, theo cách như vậy là có sự khám-phá sự-thật; theo cách như vậy là một người khám-phá ra sự thật; theo cách như vậy chúng tôi nhận biết sự khám-phá sự thật. Nhưng, Thầy Cồ-đàm, theo cách nào để có được sự đạt-tới cuối cùng tới sự-thật? Theo cách nào một người cuối cùng đạt tới sự-thật. Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-Đàm về sự đạt-tới cuối cùng tới sự-thật."

"Này Bhāradvāja, sự đạt-tới cuối cùng tới sự-thật nằm ở chỗ sự lặp-lại, sự tu-tập và tu-dưỡng những điều (những bước tu) giống như đã tu trước đó. Theo cách như vậy là có sự đạt-tới cuối cùng tới sự-thật; theo cách như vậy là một người cuối cùng đạt tới sự-thật; theo cách như vậy chúng tôi mô tả về sự đạt-tới cuối cùng tới sự-thật." 96 22. "Thầy Cồ-đàm, có sự đạt-tới cuối cùng tới sự thật; theo cách như vậy là một người cuối cùng đạt-tới sự thật; theo cách như vậy chúng ta nhận biết sự đạt-tới cuối cùng tới sự

thật. Nhưng, này Thầy Cồ-đàm, điều gì là hữu-ích nhất (giúp) cho sự đạt-tới cuối cùng tới sự-thật? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về điều gì là hữu-ích nhất (giúp) cho sự đạt-tới cuối cùng tới sự- thật." "Này Bhāradvāja, sự chuyên-cần tu (tinh cần) là hữu-ích nhất (giúp) cho sự đạt-tới cuối cùng tới sự-thật. Nếu một người không chuyên-cần tu, thì cuối cùng người đó sẽ không đạt-tới sự-thật; nhưng vì một người chuyên-cần tu, nên người đó cuối cùng sẽ đạt tới sự-thật. Đó là lý do tại sao sự chuyên-cần tu là hữu-ích nhất để dẫn tới sự đạt-tới cuối cùng tới sự-thật." 23. "Nhưng, Thầy Cồ-đàm, điều gì là hữu-ích nhất (giúp) cho sự chuyên- cần tu (tinh cần). Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về điều gì là hữu-ích nhất cho sự chuyên-cần tu." "Này Bhāradvāja, sự soi-xét kỹ là hữu-ích nhất cho sự chuyên-cần tu. Nếu một người không soi-xét kỹ, thì người đó sẽ không chuyên-cần tu; nhưng vì người đó soi-xét kỹ, nên người đó chuyên-cần tu. Đó là lý do tại sao sự soi- xét kỹ là hữu-ích nhất cho sự chuyên-cần tu." 24. "Nhưng, Thầy Cồ-đàm, điều gì là hữu-ích nhất (giúp) cho sự soi-xét kỹ? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về điều gì là hữu-ích nhất cho sự soi- xét kỹ." "Này Bhāradvāja, sự áp dụng ý-chí là hữu-ích nhất cho sự soi-xét kỹ. Nếu một người không áp dụng ý-chí của mình, người đó sẽ không soi-xét kỹ;

nhưng vì người đó có áp dụng ý-chí của mình, nên người đó soi-xét kỹ. Đó là lý do tại sao sự áp dụng ý-chí là hữu ích nhất cho sự soi-xét kỹ." 25. "Nhưng, Thầy Cồ-đàm, điều gì là hữu-ích nhất (giúp) cho sự áp dụng ý-chí? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về điều gì là hữu-ích nhất cho sự áp dụng ý-chí." "Này Bhāradvāja, sự nhiệt-thành là hữu-ích nhất cho sự áp dụng ý-chí. Nếu một người không phát khởi sự nhiệt-thành, người đó không áp dụng ý- chí của mình; nhưng vì người đó có phát khởi sự nhiệt-thành, nên người đó áp dụng ý-chí của mình. Đó là lý do tại sao sự nhiệt-thành là hữu-ích nhất cho sự áp dụng ý-chí." 26. "Nhưng, Thầy Cồ-Đàm, điều gì là hữu-ích nhất (giúp) cho sự nhiệt- thành." "Này Bhāradvāja, sự chấp-nhận có suy xét những giáo lý (từ kết quả sau khi suy xét chúng) là hữu-ích nhất cho sự nhiệt-thành. Nếu một người không đạt được sự chấp-nhận có suy xét những giáo lý, thì sự nhiệt-thành không tăng lên; nhưng vì người đó chấp nhận có suy xét những giáo lý, nên sự nhiệt-thành tăng lên. Đó là lý do tại sao sự chấp-nhận có suy xét những giáo lý là hữu-ích nhất cho sự nhiệt-thành." 27. "Nhưng, Thầy Cồ-Đàm, điều gì là hữu-ích nhất (giúp) cho sự chấp- nhận có suy xét những giáo lý? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về điều gì là hữu-ích nhất cho sự chấp-nhận có suy xét những giáo lý." "Này Bhāradvāja, sự xem-xét ý nghĩa (của những giáo lý) là hữu-ích nhất cho sự chấp-nhận có suy xét những giáo lý. Nếu một người không xem-xét ý nghĩa của chúng, thì người đó sẽ không chấp-nhận những giáo lý đó một cách có suy xét; nhưng vì người đó có xem-xét ý nghĩa của chúng, nên người đó chấp-nhận những giáo lý đó một cách có suy xét. Đó là lý do tại sao sự xem-xét ý nghĩa là hữu-ích nhất cho sự chấp-nhận có suy xét những giáo lý."

28. "Nhưng, Thầy Cồ-Đàm, điều gì là hữu-ích nhất (giúp) cho sự xem-xét ý nghĩa? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về điều gì là hữu-ích nhất cho sự xem-xét ý nghĩa

(những giáo lý). “Này Bhāradvāja, sự ghi-nhớ (những giáo lý) là hữu-ích nhất cho sự xem- xét ý nghĩa (của chúng). Nếu một người không ghi-nhớ một giáo lý, thì người đó sẽ không xem-xét ý nghĩa của nó; nhưng vì người đó có ghi-nhớ giáo lý đó, nên người đó xem-xét ý nghĩa của nó. Đó là lý do tại sao sự ghi- nhớ là hữu-ích nhất cho sự xem-xét ý nghĩa.” 29. “Nhưng, Thầy Cồ-Đàm, điều gì là hữu-ích nhất (giúp) cho sự ghi-nhớ? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về điều gì là hữu-ích nhất cho sự ghi- nhớ (những giáo lý). “Này Bhāradvāja, sự nghe Giáo Pháp là hữu-ích nhất cho sự ghi-nhớ (những giáo lý). Nếu một người không nghe Giáo Pháp, thì người đó sẽ không ghi-nhớ những giáo lý; nhưng vì người đó có nghe Giáo Pháp, nên người đó ghi-nhớ những giáo lý. Đó là lý do tại sao sự nghe Giáo Pháp là hữu-ích nhất cho việc ghi-nhớ những giáo lý.” 30. “Nhưng Thầy Cồ-đàm, điều gì là hữu-ích nhất (giúp) cho việc nghe Giáo Pháp? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về điều gì là hữu-ích nhất cho việc nghe Giáo Pháp.” “Này Bhāradvāja, sự để tai lắng-nghe là hữu-ích nhất việc nghe được Giáo Pháp. Nếu một người không để tai lắng-nghe, thì người đó không thực sự nghe Giáo Pháp; nhưng vì người đó để tai lắng-nghe, nên người đó thực sự nghe được Giáo Pháp. Đó là lý do tại sao sự để tai lắng-nghe là hữu-ích nhất cho việc nghe Giáo Pháp.” 31. “Nhưng, Thầy Cồ-Đàm, điều gì là hữu-ích nhất (giúp) cho sự để tai lắng-nghe? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về điều gì hữu-ích nhất cho sự để tai lắng-nghe (Giáo Pháp) .” “Này Bhāradvāja, sự tôn-trọng là hữu-ích nhất cho sự để tai lắng-nghe. Nếu một người không tôn-trọng (người thuyết giảng), thì người đó không để

tai lắng-nghe; nhưng vì người đó có tôn-trọng (người thuyết giảng), nên người đó để tai lắng-nghe. Đó là lý do tại sao sự tôn-trọng là hữu-ích nhất cho sự để tai lắng-nghe.” 32. “Nhưng, Thầy Cồ-đàm, điều gì là hữu-ích nhất (giúp) cho sự (thể hiện sự) tôn-trọng? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về điều gì là hữu-ích nhất cho sự tôn-trọng (người thuyết pháp).” “Này Bhāradvāja, sự đến-thăm (gặp gỡ) là hữu-ích nhất cho sự (thể hiện sự) tôn-trọng (người thuyết pháp). Nếu một người không đến-thăm (không gặp gỡ) [một vị thầy, người thuyết pháp], thì người đó không có sự tôn-trọng đối với vị đó; nhưng vì người đó có đến-thăm (có gặp gỡ) [vị thầy, người thuyết pháp], nên người đó có sự tôn-trọng đối với vị đó. Đó là lý do tại sao sự đến-thăm (gặp gỡ) là hữu-ích nhất cho sự (thể hiện sự) tôn-trọng đối với vị đó.” 33. “Nhưng, Thầy Cồ-đàm, điều gì là hữu-ích nhất (giúp) cho sự đến- thăm (gặp gỡ)? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm điều gì hữu-ích nhất cho sự đến-thăm (gặp gỡ) [một vị thầy, người thuyết pháp]? “Này Bhāradvāja, niềm-tin là hữu-ích nhất cho sự đến-thăm (gặp gỡ) [một vị thầy, người thuyết pháp]. Nếu niềm-tin không khởi sinh trong một người, người đó sẽ không đến-thăm (hay gặp gỡ) vị đó; nhưng vì có niềm-tin khởi sinh bên trong người đó, nên người đó đến-thăm (gặp gỡ) vị đó. Đó là lý do tại sao niềm-tin là hữu-ích nhất cho sự đến-thăm (gặp gỡ) [một vị thầy, người thuyết pháp].” 34. “(i) Chúng tôi đã hỏi Thầy Cồ-đàm về ‘sự bảo vệ một sự thật’, và Thầy Cồ-đàm đã trả lời về ‘sự bảo vệ một sự thật’; chúng tôi đồng ý và chấp nhận sự trả lời đó, và do đó chúng tôi thấy hài lòng. (ii) Chúng tôi đã hỏi Thầy Cồ-đàm về ‘sự khám-phá sự thật’, và Thầy Cồ-đàm đã trả lời về ‘sự khám-phá sự thật’; chúng tôi đồng ý và chấp nhận sự trả lời đó, và do đó chúng tôi thấy hài lòng. (iii) Chúng tôi đã

hỏi Thầy Cồ-đàm về ‘sự đạt-tới cuối cùng tới sự-thật’, và Thầy Cồ-đàm đã trả lời về ‘sự đạt-tới cuối cùng tới sự-thật’; chúng tôi đồng ý và chấp nhận sự trả lời đó, và do đó chúng tôi thấy

Chương III – Tiếp Cận Giáo Pháp • 91

hài lòng. (iv) Chúng tôi đã hỏi Thầy Cồ-đàm về ‘điều gì là hữu-ích nhất (giúp) cho sự đạt-tới cuối cùng tới sự-thật’, và Thầy Cồ-đàm đã trả lời về ‘điều hữu-ích nhất cho sự đạt-tới cuối cùng tới sự-thật’; chúng tôi đồng ý và chấp nhận sự trả lời đó, và do đó chúng tôi thấy hài lòng. (v) Bất cứ điều gì chúng tôi đã hỏi Thầy Cồ-đàm, Thầy đã trả lời chúng tôi; chúng tôi đồng ý và chấp nhận những sự trả lời đó, và do đó chúng tôi thấy hài lòng. Thưa Thầy Cồ-đàm, trước đây chúng tôi cứ nghĩ rằng: ‘Những ông thầy tu đầu trọc, dòng giống nô bộc tăm tối được sinh ra từ bàn chân của Người Thân Tộc thì làm sao hiểu được Giáo Pháp?’97 Nhưng giờ Thầy Cồ-đàm đã thực sự làm khơi dậy trong tôi niềm thương-mến đối với các sa-môn, niềm-tin đối với các sa-môn, niềm kính-trọng đối với các sa-môn. 35. “Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! ... [Giống như kinh MN 91, mục 37] ... Từ hôm nay kính mong Thầy Cồ-Đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.” (trích MN 95: Caṅkī Sutta)

92 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

Chương IV. HẠNH PHÚC THẤY ĐƯỢC TRONG KIẾP NÀY

94 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

Chương IV – Hạnh Phúc Thấy Được Trong Kiếp Này • 95

1. TUYÊN DƯƠNG GIÁO PHÁP TRONG XÃ HỘI (1) Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe Giáo Pháp (I) “Này các Tỳ kheo, ngay cả một vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển luân vương), là một vị vua chân chánh trị vì bằng Giáo Pháp, cũng không quay chuyển bánh xe nếu không có vị vua trên ông ta.” Sau khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo đã thưa với đức Thế Tôn: “Nhưng, thưa Thế Tôn, ai là vị vua ở trên vị vua quay chuyển bánh xe, vị vua chân chánh trị vì bằng Giáo Pháp đó?” “Đó chính là Giáo Pháp, này Tỳ kheo”, đức Thế Tôn nói.98 “Ở đây, này Tỳ kheo, một vị vua quay chuyển bánh xe, vị vua chân chánh trị vì bằng Giáo Pháp, dựa vào Giáo Pháp, tôn vinh, tôn trọng và kính trọng Giáo Pháp, lấy Giáo Pháp là tiêu-chuẩn, là biểu-ngữ, là thẩm-quyền, cung cấp sự bảo-vệ chân chánh, sự che-chở, sự phòng-hộ cho những người trong hoàng cung của ông. Lại nữa, một vị vua quay chuyển bánh xe, vị vua chân chánh trị vì bằng Giáo Pháp, dựa vào Giáo Pháp, tôn vinh, tôn trọng và kính trọng Giáo Pháp, lấy Giáo Pháp là tiêu-chuẩn, là biểu-ngữ, là thẩm- quyền, cung cấp sự bảo-vệ chân chánh, sự che-chở, sự phòng-hộ cho những chư thần giai cấp chiến-sĩ, quân đội, những bà-la-môn và những gia chủ, những người ở thành thị và thôn quê, những tu sĩ và bà-la-môn, những súc vật và chim muông. Sau khi đã cung cấp sự bảo-vệ chân chánh, sự che-chở, sự phòng-hộ cho tất cả những chúng sinh như vậy, vị vua quay chuyển bánh xe đó, vị vua chân chánh trị vì bằng Giáo Pháp, chỉ quay chuyển bánh xe nhờ vào duy nhất Giáo Pháp,99 đó là bánh xe không thể nào bị quay ngược bởi bất kỳ người thù nghịch nào.100 (II) (1) “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, là vị vua chân

chánh của Giáo Pháp, dựa vào Giáo Pháp, tôn vinh, tôn trọng và kính trọng Giáo Pháp, lấy Giáo Pháp là tiêu-chuẩn, là biểu-ngữ, là thẩm-quyền, cung cấp sự bảo-vệ chân chánh, sự che-chở, sự

96 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

phòng-hộ đối với những hành-động [hành vi thân], tuyên thuyết rằng: 'Hành- động như vậy nên được tu dưỡng; hành-động như kia không nên tu dưỡng.' (2) "Lại nữa, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, là vị vua chân chánh của Giáo Pháp, dựa vào Giáo Pháp, tôn vinh, tôn trọng và kính trọng Giáo Pháp, lấy Giáo Pháp là tiêu-chuẩn, là biểu-ngữ, là thẩm-quyền, cung cấp sự bảo-vệ chân chánh, sự che-chở, sự phòng-hộ đối với những lời-nói [hành vi miệng], tuyên thuyết rằng: 'Lời-nói như vậy nên tu dưỡng; lời-nói như kia không nên được tu dưỡng.' (3) "Lại nữa, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, là vị vua chân chánh của Giáo Pháp, dựa vào Giáo Pháp, tôn vinh, tôn trọng và kính trọng Giáo Pháp, lấy Giáo Pháp là tiêu-chuẩn, là biểu-ngữ, là thẩm-quyền, cung cấp sự bảo-vệ chân chánh, sự che-chở, sự phòng-hộ đối với những tâm-ý [hành vi tâm], tuyên thuyết rằng: 'Tâm-ý như vậy nên được tu dưỡng; tâm-ý như kia không nên được tu dưỡng.' "Sau khi đã cung cấp sự bảo-vệ chân chánh, sự che-chở, sự phòng-hộ đối với những hành-động, lời-nói, và tâm-ý như vậy, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác thiết lập sự quay chuyển bánh xe Giáo Pháp nhờ vào duy nhất Giáo Pháp, đó là bánh xe không thể nào có thể bị quay ngược bởi bất kỳ sa- môn, bà-la-môn, thiên thần,Ma Vương, hay Trời Brahmā, hay bất cứ ai trong thế gian."101

(AN 3:14)

(2) Thờ Kính Sáu Phương 1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Rồi có Sigāla là con của một gia chủ, sau khi anh ta thức dậy sớm, anh ta đi ra khỏi thành Rājagaha, đang vái lạy, với quần áo ướt và tóc ướt và chấp hai tay, hướng về các phương: đông, tây, nam, bắc, dưới (thiên đế), và trên (thiên đỉnh).

Chương IV – Hạnh Phúc Thấy Được Trong Kiếp Này • 97

2. Và đức Thế Tôn, sau khi thức dậy sớm và mặc y áo, mang y ngoài và bình bát đi tới thành Rājagaha để khất thực. Và sau khi nhìn thấy Sigāla đang vái lạy các phương, đức Thế Tôn nói: "Này người con của gia chủ, tại sao anh thức dậy sớm để vái lạy các phương khác nhau như vậy?" "Thưa ngài, cha của tôi, khi sắp chết, đã dặn tôi phải làm như vậy. Và do đó, vì tôn trọng những lời dặn của cha mà tôi đã tôn kính, tôn vinh, và coi là thiêng liêng, nên tôi thức đậy sớm để vái lạy các phương theo cách như vậy." "Này con trai của gia chủ, theo nghi luật của Thánh Nhân thì đó không phải là cách đúng đắn để cúng kính sáu phương." "Thưa ngài, vậy theo cách nào để thờ cúng sáu phương theo nghi luật của Thánh Nhân? Sẽ tốt lành nếu có bậc Thế Tôn chỉ dạy cho con cách đúng đắn để thờ cúng sáu phương theo nghi luật của Thánh Nhân." "Rồi, này con trai của gia chủ, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói". "Dạ, thưa ngài", Sigāla thưa. Và đức Thế Tôn đã nói điều này: … 27. "Và bây giờ, này con trai của gia chủ, theo cách nào một đệ tử thánh thiện bảo vệ sáu phương? Sáu thứ này được coi là

sáu phương. Phương đông biểu thị cho cha mẹ. Phương nam biểu thị cho thầy cô. Phương tây là vợ chồng. Phương bắc là bạn bè. Dưới thiên đế là những người ở, người làm và người giúp việc. Trên thiên đỉnh là những tu sĩ và bà-la-môn. 28. [1] “(a) Có năm cách một người con nên chăm lo cho cha mẹ là phương đông. [Người con nên biết nghĩ:] ‘(i) Sau khi đã được nuôi nấng bởi cha mẹ, tôi sẽ nuôi nấng cha mẹ. (ii) Tôi sẽ làm thay những nghĩa vụ công việc của cha mẹ. (iii) Tôi sẽ giữ gìn nối tiếp gia phong của gia đình. (iv) Tôi sẽ sống xứng đáng với tài sản tôi được thừa kế. (v) Sau khi cha mẹ qua đời, tôi sẽ thay mặt họ cúng dường phân phát quà biếu.’ (b) Và có năm cách cha mẹ, được con cái chăm lo cho mình như phương đông, nên chăm lo lại như vầy: (i) Ngăn cản con cái làm điều xấu ác, (ii) ủng hộ trợ giúp con cái làm điều tốt thiện, (iii) dạy con các kỹ năng nghề nghiệp, (iv) chọn vợ gã chồng

thích hợp cho con, và (v) khi đến lúc thích hợp, chuyển giao tài sản kế thừa cho con. Theo cách như vậy là phương đông đã được che chở, là làm cho phương đông được bình-an và không còn sợ-hãi. 29. [2] “(a) Có năm cách những học trò nên chăm lo cho thầy cô giáo là phương nam: (i) Khi gặp thì đứng dậy kính lễ, (ii) đứng hầu hạ thầy cô, (iii) chú tâm lắng nghe lời thầy cô, (iv) phục vụ thầy cô, và (v) nắm vững các kỹ năng mà thầy cô đã chỉ dạy. (b) Và có năm cách các thầy cô, được học trò chăm lo cho mình như phương nam như vậy, nên chăm lo lại như vầy: (i) Chỉ dạy đầy đủ cho học trò, (ii) bảo đảm học trò nắm được những điều cần nắm vững, (iii) dạy học trò đầy đủ về căn bản kỹ năng nghề nghiệp, (iv) giới thiệu học trò tới những bạn bè và đồng nghiệp của mình, và (v) mang lại sự an toàn cho học trò về mọi mặt. Theo cách như vậy là phương nam được che chở, là làm cho phương nam được bình-an và không còn sợ-hãi. 30. [3] “(a) Có năm cách người chồng nên chăm lo cho vợ mình là phương phương: (i) Tôn trọng người vợ, (ii) hòa nhã, không nói chê nói xấu người vợ, (iii) chung thủy với người vợ, (iv) trao quyền hạn cho vợ, và (v) mua tặng những đồ trang sức cho vợ. (b) Và có năm cách một người vợ, được chồng chăm lo cho mình như phương tây như ậy, nên chăm lo lại như vầy: (i) Quán xuyến đảm đang việc nhà, (ii) đối xử tốt với người ở, (iii) chung thủy với chồng, (iv) bảo vệ tài sản của cải, và (v) khéo léo và giỏi giang trong những việc khác. Theo cách như vậy là phương tây được che chở, là làm cho phương tây được bình-an và không còn sợ-hãi. 31. [4] “(a) Có năm cách một người nên chăm lo cho bạn bè và đồng sự (đồng nghiệp, thiện hữu) như phương bắc: (i) Rộng lòng, tặng biếu quà cho bạn, (ii) nói lời hòa nhã, tử tế, (iii) chăm lo các phúc lợi của họ, (iv) coi bạn như bản thân mình, và (v) giữ lời hứa. (b) Và có năm cách những bạn bè và đồng sự, được bạn chăm lo cho mình như phương bắc, nên chăm lo lại như vầy: (i) Chăm sóc bạn khi bạn không thể tự chăm sóc, (ii) coi ngó giùm tài sản của bạn khi bạn không thể tự coi ngó, (iii) làm chỗ nương nhờ khi bạn bị sợ hãi, (iv) không bỏ rơi bạn trong lúc bạn gặp khó khăn, hoạn nạn, và (v) thể

hiện sự quan tâm tới con cái người nhà của bạn mình. Theo cách như vậy là phương bắc được che chở, là làm cho phương bắc được bình-an và không còn sợ-hãi. 32. [5] “(a)

Có năm cách một người chủ nên chăm lo cho những người ở và người làm của mình là phương dưới (thiên đế): (i) Giao việc làm đúng với khả năng, sức lực của họ, (ii) chu cấp thức ăn và trả lương cho họ, (iii) chăm sóc họ khi họ bị đau bệnh, (iv) chia sẻ những món ngon món quý cho họ, và (v) cho họ nghĩ ngơi, nghỉ phép đúng lúc. (b) Và có năm cách những người ở và người làm, được người chủ chăm lo cho mình như phương dưới như vậy, nên chăm lo lại như vầy: (i) Thức dậy trước chủ, (ii) đi ngủ sau chủ, (iii) chỉ lấy những thứ được cho, không gian-cắp, (iv) làm đúng làm tốt các công việc, và (v) nói tốt, giữ tiếng giữ danh cho chủ của mình. Theo cách như vậy là phương dưới được che chở, là làm cho phương dưới được bình-an và không còn sợ-hãi. 33. [6] (a) "Có năm cách một người nên chăm lo cho những tu sĩ và bà- la-môn là phương trên (thiên đỉnh): (i) Có nói lời thân mến đối với họ, (ii) có hành động thân mến đối với họ, (iii) có ý-nghĩ thân mến đối với họ, (iv) mở rộng cửa nhà chào đón họ, và (v) chu cấp cúng dường những thứ cần thiết giúp họ nuôi thân (để tu hành). (b) Và đáp lại, những tu sĩ và bà-la-môn, được người chăm lo cho mình như phương trên như vậy, nên chăm lo lại như vầy: (i) Khuyên ngăn họ tránh bỏ điều xấu ác, (ii) khuyến khích khuyên dạy họ làm điều tốt thiện, (iii) có lòng bi-mẫn một cách nhân từ đối với họ, (iv) truyền dạy cho họ những điều họ chưa nghe chưa biết, và (v) chỉ cho họ con- đường hướng lên (tái sinh) cõi trời. Theo cách như vậy là phương trên được che chở, là làm cho phương trên được bình-an và không còn sợ-hãi." (trích DN 31: Sigāla Sutta) (Lời Khuyên Dạy Sigāla)

2. GIA ĐÌNH

100 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

(1) Cha Mẹ và Con Cái (a) Tôn Kính Cha Mẹ "Này các Tỳ kheo, (1) những gia đình sống có vị Trời [Brāhma, Phạm Thiên] khi ở nhà cha mẹ được con cái tôn kính. (2) Những gia đình sống có những vị thầy đầu tiên (bậc tổ sư) khi ở nhà cha mẹ được con cái tôn kính. (3) Những gia đình sống có những vị thiên thần đầu tiên (bậc tổ thiên thần) khi ở nhà cha mẹ được con cái tôn kính. (4) Những gia đình sống có những bậc đáng cúng dường khi ở nhà cha mẹ được con cái tôn kính. "Này các Tỳ kheo, 'vị Trời' ở đây là chữ chỉ bậc cha mẹ. 'Các vị tổ sư' ở đây là chữ chỉ bậc cha mẹ. 'Những bậc tổ thiên thần' ở đây là chữ chỉ bậc cha mẹ. 'Những bậc đáng cúng dường' ở đây là chữ chỉ bậc cha mẹ. Vì lý do gì? Bởi cha mẹ là nguồn giúp đỡ to lớn đối với con cái; cha mẹ nuôi lớn, nuôi ăn, và giúp cho con cái nhìn thấy thế gian."

(AN 4:63)

(b) Trả Hiếu Cha Mẹ "Này các Tỳ kheo, ta tuyên bố có hai người không ai có thể trả hết ơn nghĩa cho họ được. Hai đó là gì? Là cha và mẹ. "Cho dù một người có cõng mẹ trên vai này và cõng cha trên vai kia, và cứ cõng như vậy suốt một trăm năm, họ sống tới một trăm tuổi; và thậm chí một người có chăm sóc cha mẹ bằng cách sức dầu nóng, xoa bóp, tắm rửa, và kỳ cọ chân tay của họ, và thậm chí họ có đại tiện tiểu tiện ngay lúc đó—cho dù như vậy cũng chưa đủ gì đối với cha mẹ mình, vẫn không trả hết ơn nghĩa đối với cha mẹ. Cho dù một người có lập cha mẹ thành chúa tể cai trị trái đất này, giàu có bảy báu, thì cũng chưa đủ gì đối với cha mẹ, vẫn không trả hết ơn nghĩa cho cha mẹ.

Bởi vì sao? Vì cha mẹ là sự giúp đỡ to lớn đối với con cái; cha mẹ nuôi con lớn, cho con ăn, và chỉ cho con nhìn thấy thế gian.

Chương IV – Hạnh Phúc Thấy Được Trong Kiếp Này • 101

“Nhưng, này các Tỳ kheo, nếu cha mẹ của ai thiếu niềm-tin (vào Tam Bảo), người đó khuyến khích, ổn định, và thiết lập họ trong niềm-tin; nếu cha mẹ của ai thiếu đức-hạnh, người đó khuyến khích, ổn định, và thiết lập họ trong giới-hạnh; nếu cha mẹ của ai là keo-kiệt, người đó khuyến khích, ổn định, và thiết lập họ trong tâm rộng lòng bố-thí; nếu cha mẹ của ai là vô-trí, người đó khuyến khích, ổn định, và thiết lập họ trong trí-tuệ—theo cách như vậy là người đó đã làm đủ đối với cha mẹ, đã trả hết ơn nghĩa đối với cha mẹ, và đã trả nhiều hơn đủ đối với họ.”

(AN 2:33)

(2) Vợ Chồng (a) Bốn Loại Hôn Nhân (sống chung) Trong một lần khi đức Thế Tôn đang đi trên đường lộ từ Madhurā tới Verañjā, và có một số người gồm các gia chủ và các bà vợ cũng đang đi trên tuyến đường đó. Rồi đức Thế Tôn bước ra khỏi đường lộ và đến ngồi dưới một gốc cây. Các gia chủ và các bà vợ của họ nhìn thấy Đức Thế Tôn đang ngồi đó, họ đến gặp, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với họ: “Này các gia chủ, có bốn sự sống chung [hôn nhân]. Bốn là gì? Một kẻ bất hạnh sống với một kẻ bất hạnh; một kẻ bất hạnh sống với một nữ thiên thần; một thiên thần sống với một kẻ bất hạnh; một thiên thần sống với một nữ thiên thần. (1) “Và theo cách nào là một kẻ bất hạnh sống với một kẻ bất hạnh? 102 Ở đây, này các gia chủ, người chồng thì sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm ngoại tình, nói-dối nói láo, và rượu chè hút chích, là căn nguyên của sự sống lơ tâm phóng dật; người chồng thiếu đạo đức, thuộc tính cách xấu ác; người chồng sống ở nhà với một cái tâm bị dính nhiễm tính keo kiệt; người chồng chê bai và chửi mắng những tu sĩ và bà-la-môn. Và người vợ thì cũng có đầy những

102 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

tính xấu y như vậy. Theo cách như vậy là một kẻ bất hạnh đang sống với một kẻ bất hạnh. (2) “Và theo cách nào là một kẻ bất hạnh sống với một nữ thiên thần? Ở đây, này các gia chủ, người chồng thì sát-sinh … chê bai và chửi mắng những tu sĩ và bà-la-môn. Nhưng người vợ thì sống không sát-sinh … không rượu chè hút chích; người vợ thì đức hạnh, thuộc tính cách thiện; người vợ sống ở nhà với cái tâm không bị dính nhiễm tính keo kiệt; người vợ không chê bai hay chửi mắng các tu sĩ và bà-la-môn. Theo cách như vậy là một kẻ bất hạnh đang sống với một nữ thiên thần. (3) “Và theo cách nào là một thiên thần sống với một kẻ bất hạnh? Ở đây, này các gia chủ, người chồng sống không sát-sinh … không chê bai hay chửi mắng các tu sĩ và bà-la-môn. Nhưng người vợ thì sát-sinh … chê bai và chửi mắng các tu sĩ và bà-la-môn. Theo cách như vậy là một thiên thần đang sống với một kẻ bất hạnh. (4) “Và theo cách nào là một thiên thần sống với một nữ thiên thần? Ở đây, này các gia chủ, người chồng sống không sát-sinh … không rượu chè, hút chích; người chồng thì đức hạnh, thuộc tính cách thiện; người chồng sống ở nhà với một cái tâm không bị dính nhiễm tính keo kiệt; người chồng không chê

bai hay chửi mắng các tu sĩ và bà-la-môn. Và người vợ cũng có đầy những tính tốt y như vậy. Theo cách như vậy là một thiên thần đang sống với một thiên thần. “Này các gia chủ, đó là bốn sự sống chung.”

(AN 4:53)

(b) Làm Sao Để Được Tái Hợp Trong Kiếp Sau Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những người Bhagga, gần Suṃsumāragiri, trong khu Vườn Nai ở khu rừng Bhesakalā. Một buổi sáng đức Thế Tôn mặc y phục, mang cà sa và bình bát đi tới nhà của gia chủ tên Nakulapitā. Sau khi đến nơi, đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn

sẵn. Rồi gia chủ Nakulapitā và vợ của ông ta là Nakulamātā ra gặp đức Thế Tôn, sau khi kính lễ đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên. 103 Sau khi ngồi xuống như vậy, gia chủ Nakulapitā thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, kể từ khi người vợ trẻ Nakulamātā được cưới về nhà cho con từ khi con vẫn còn trẻ, con không nhớ mình đã từng làm gì trái phạm với vợ con dù trong ý-nghĩ, càng không có trong hành-động. Thưa Thế Tôn, chúng con ước chúng con gặp nhau không chỉ trong kiếp này mà trong cả kiếp sau.” Rồi đến lượt người vợ Nakulamātā đã thưa với đức Thế Tôn như vầy: “Thưa Thế Tôn, kể từ khi con được cưới về nhà của người chồng trẻ Nakulapitā từ khi con vẫn còn là cô gái trẻ, con không nhớ mình đã từng làm gì trái phạm với chồng con dù trong ý-nghĩ, càng không có trong hành-động. Thưa Thế Tôn, chúng con ước chúng con gặp nhau không chỉ trong kiếp này mà trong cả kiếp sau.” Rồi đức Thế Tôn đã nói như vầy: “Này gia chủ, nếu cả vợ và chồng cùng mong ước gặp nhau không chỉ trong kiếp này mà trong cả kiếp sau, thì hai người phải có cùng niềm-tin, cùng giới-hạnh, cùng sự rộng lòng bố-thí, cùng trí-tuệ; nếu được vậy thì hai người sẽ được gặp nhau không chỉ trong kiếp này mà trong cả kiếp sau.” Khi cả vợ và chồng được phú cho niềm-tin, Từ thiện và tự chủ Cùng sống cuộc đời một cách chân chính, Nói với nhau bằng những lời dễ chịu. Thì nhiều ích lợi được tích lũy cho họ Và họ sống an ổn. Những kẻ thù ghét họ sẽ buồn rầu, Khi (thấy) cả hai họ đều giống nhau về giới-hạnh. Sau khi đã thực hành Giáo Pháp ở đây, Cùng sống trong giới-hạnh và những sự giữ-giới,

Vui thích một cõi trời [sau khi chết], Cùng hân hoan, hưởng những dục lạc (cõi tiên).

(AN 4:55)

(c) Bảy Loại Người Vợ Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, và đi tới tư gia của gia chủ Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika), tới nơi đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn cho mình. Ngay lúc đó, có người trong tư gia của gia chủ Cấp Cô Độc đang la lối và ồn ào. Rồi gia chủ Cấp Cô Độc đã ra gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn mới nói với ông: “Này gia chủ, tại sao những người trong nhà đang la lối

và ồn ào như vậy? Người ta nghe tưởng như những ngư dân đang la hét kéo lưới." "Thưa Thế Tôn, đó là con dâu Sujātā của con, là người giàu sang và được cưới đến đây từ một gia đình giàu có. Cô ấy không vâng lời của cha chồng, mẹ chồng, hay của chồng. Cô ấy không tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, hay và tôn kính đức Thế Tôn." Rồi đức Thế Tôn đã nói với Sujātā: "Này Sujātā, hãy đến đây." "Dạ, thưa Thế Tôn", cô đáp lại. Cô ta đến chỗ đức Thế Tôn, kính lễ, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn mới nói với cô ấy: "Này Sujātā, một người đàn ông có thể có bảy loại vợ. Bảy đó là gì? Vợ như sát nhân, vợ như kẻ trộm, vợ như bạo chúa, vợ như mẹ, vợ như em gái, vợ như người bạn, và vợ như nô lệ. Một người có thể có bảy loại vợ như vầy. Con thuộc loại nào?" "Thưa Thế Tôn, con không hiểu được chi tiết ý nghĩa của lời Thế Tôn mới nói ra một cách vắn tắt. Vậy đức Thế Tôn hãy chỉ dạy cho con Giáo

Pháp theo cách để con có thể hiểu chi tiết ý nghĩa của lời mới được nói ra một cách vắn tắt như vậy."
"Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói."
"Dạ, thưa Thế Tôn", cô ấy đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:
"Với cái tâm thù ghét,
Không có sự cảm thương;
Ham muốn người khác,
Khinh khi chồng mình,
Tìm cách giết chồng mình,
Là người đã bỏ của cải để cưới mình:
Vợ như vầy được gọi là vợ như sát nhân.
"Khi chồng tích tạo của cải bằng công sức cực nhọc,
Bằng nghề thủ công, nghề buôn bán, hay nghề nông,
Vợ cứ cố lấy cắp,
Ngay cả khi chồng [kiếm được] ít ỏi:
Vợ như vậy được gọi là vợ như kẻ cắp.
"Vợ tham ăn lười biếng,
Không chịu làm việc gì,
Nói lời gắt gỏng, mắng nhiếc, hỗn láo,
Người thống trị người chồng nuôi nấng mình:
Vợ như vậy được gọi là vợ như bạo chúa.
"Vợ luôn luôn nhân từ và cảm thương,
Là người bảo vệ chồng như người mẹ bảo vệ con,
Bảo vệ của cải chồng làm có được:
Vợ như vậy được gọi là vợ như mẹ.
"Vợ luôn coi trọng chồng mình,
Như người em gái đối với anh mình,

Tận tình, làm theo ý của chồng:
Vợ như vậy được gọi là vợ như em gái.
106 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

“Vợ vui mừng mỗi khi nhìn thấy chồng,
Như một người bạn lâu năm mới gặp lại;
Được khéo nuôi dạy, tận tụy hết mình vì chồng:
Vợ như vậy được gọi là vợ như người bạn (tri kỷ).
“Vợ luôn nhẫn nhịn và dịu hiền,
Ngay cả khi có bị bạo lực đòn roi,104
Vợ chịu nhịn chồng mình với một cái tâm không thù ghét,
Nhẫn nhịn, phục tùng theo ý chồng:
Vợ như vậy được gọi là vợ như nô lệ.
“Những loại vợ được gọi là:
Sát nhân, kẻ cắp, và bạo chúa,
Là thất đức, gắt gỏng, bất kính trọng,
Khi thân tan rã (sau khi chết) sẽ đi xuống địa ngục.
“Nhưng những loại vợ được gọi là:
Mẹ, em gái, người bạn, và nô lệ,
Ổn định về đức-hạnh, giữ giới-hạnh lâu dài,
Khi thân tan rã sẽ đi lên cõi trời.”
“Này Sujātā, một người có thể có bảy loại vợ như vậy. Giờ con muốn là vợ loại nào?”
“Thưa Thế Tôn, bắt đầu từ hôm nay, Thế Tôn hãy coi con là một người vợ như nô lệ.”
(AN 7:63)

3. PHÚC LỢI HIỆN TẠI, PHÚC LỢI TƯƠNG LAI Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những xứ dân Koliya (Câu- lợi) trong một thị trấn của họ tên là thị trấn Kakkarapatta. Rồi một người họ tộc tên Dīghajānu (Chân Cọp Dài) đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế

Tôn, và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống như vậy, ông ta thưa với đức Thế Tôn như vầy: “Thưa Thế Tôn, chúng con là những người tại gia đang thụ hưởng những dục-lạc (khoái-lạc giác quan), đang sống ở nhà với đầy con cháu. Chúng con dùng gỗ đàn hương tốt từ Kāsi; chúng con đeo vòng hoa, dùng dầu thơm (nước hoa) và phấn sáp (kem, chất cao); chúng con nhận dùng vàng bạc. Mong Thế Tôn chỉ dạy cho chúng con Giáo Pháp để dẫn đến ích lợi và hạnh phúc ngay trong kiếp này và trong những kiếp sau.” (I) “Này ông Byagghapajja,105 có bốn điều dẫn tới ích lợi và hạnh phúc của một người họ tộc ngay trong kiếp này. Bốn là gì? Có đầy đủ sự tháo-vát, có đầy đủ sự cẩn-trọng, có bạn-tốt, và có đời sống cân-bằng. (thuộc đời sống thế tục) (1) “Và cái gì là sự có đầy đủ sự tháo-vát? Ở đây, này ông Byagghapajja, dù nghề nghiệp gì người tại gia đang làm—làm nông, buôn bán, chăn nuôi gia súc, săn bắn, làm công sở hoặc bất cứ

nghề gì—thì ở đó người đó cần phải có kỹ năng và siêng năng; tìm hiểu rõ cách làm và công cụ nghề nghiệp; có khả năng thực hiện và thu xếp công việc một cách hợp lý. Đây được gọi là sự có đầy đủ sự tháo-vát. (2) “Và cái gì là sự có đầy đủ sự cẩn-trọng? Ở đây, này ông Byagghapajja, một người họ tộc nên thiết lập sự bảo vệ và phòng hộ tài sản do mình đã làm ra bằng sự tháo-vát và nỗ-lực, được tích cóp bằng công sức của tay mình, kiếm được bằng mồ hôi của mình, là tài sản chân chính có được một cách chân chính, người đó luôn biết nghĩ: ‘Làm cách nào tôi bảo vệ tài sản không bị cướp bóc hay bị vua chúa tịch thu, không bị hỏa hoạn cháy mất, không bị lũ lụt cuốn mất, và không bị những người thừa kế bất nghĩa chiếm đoạt?’ Đây được gọi là sự có đầy đủ sự cẩn-trọng. (3) “Và cái gì là sự có bạn-tốt? Ở đây, này ông Byagghapajja, trong làng hay phố thị nào một người họ tộc sống, người đó nên biết giao lưu với những gia chủ [hay con trai của họ], dù trẻ mà có đức-hạnh hay già và có đức-hạnh, là những người thành tựu (có đầy đủ) về niềm-tin, giới-hạnh, sự rộng lòng

bố-thí, và trí-tuệ; người đó nói chuyện với họ và tham gia thảo luận với họ. Người đó thi đua với họ để thành tựu bằng họ về mức độ niềm-tin, giới-hạnh, sự bố-thí, và trí-tuệ. Đây được gọi là sự có bạn-tốt. (4) “Và cái gì là sự có đời sống cân-bằng? Ở đây, này ông Byagghapajja, một người họ tộc nên biết rõ thu nhập và tiêu xài của mình, và biết sống một đời sống cân bằng, không quá phung phí cũng không quá hà tiện, làm sao để cho mức thu nhập luôn nhiều hơn mức tiêu xài, chứ không để ngược lại. Ví dụ một người thợ bạc [hay người phụ việc của ông ta] khi cầm cân lên, biết rõ: ‘Bớt bao nhiêu thì cần cân nghiêng xuống, thêm bao nhiêu thì cần cân nhỏng lên’. Cũng giống như vậy, một người họ tộc cũng biết rõ thu nhập và tiêu xài của mình, và biết sống một đời sống cân bằng, không quá phung phí cũng không quá hà tiện, làm sao để cho mức thu nhập luôn nhiều hơn mức tiêu xài, chứ không để ngược lại. “Nếu người họ tộc này có thu nhập ít mà sống một cách xa xỉ, những người khác sẽ nói về ông: ‘Ông họ tộc này chắc ăn của cải như ăn trái sung.’106 Nhưng nếu ông có thu nhập nhiều nhưng sống một cách hà tiện, những người khác sẽ nói về ông: “Họ tộc này chắc bỏ đói cả chính mình luôn.’107 Nhưng đời sống được gọi là cân bằng khi một người họ tộc biết rõ thu nhập và tiêu xài của mình, và biết sống một đời sống cân bằng, không quá phung phí cũng không quá hà tiện, và [biết]: ‘Theo cách này mức thu nhập của mình sẽ nhiều hơn mức tiêu xài, chứ không để ngược lại.’ (a) “Tài sản được tích lũy như vậy có bốn cửa làm tiêu tán, đó là: trai gái, rượu chè, cờ bạc, và có bạn xấu. Giống như một cái hồ trữ nước lớn có bốn cửa chảy vô và bốn cửa chảy ra, nếu một người đóng các cửa vô và mở các cửa ra, và không có lượng nước mưa nào thêm vào, thì nước sẽ càng lúc càng hao hụt chứ không tăng lên; cũng giống như vậy, tài sản được tích lũy như vậy có bốn cửa làm tiêu tán, đó là: trai gái; rượu chè; cờ bạc; và bạn xấu. (b) “Tài sản được tích lũy như vậy có bốn cửa tích lũy thêm, đó là: tránh bỏ trai gái, rượu chè, cờ bạc, và bạn xấu. Giống như một cái hồ trữ nước lớn có bốn cửa chảy vô và bốn cửa chảy ra, nếu một người đóng các

cửa ra và mở các cửa vô, và có thêm lượng nước mưa vào, thì nước sẽ càng lúc càng tăng lên chứ không hao hụt; cũng giống như vậy, tài sản được tích lũy như vậy có bốn cửa tích lũy thêm, đó là: tránh bỏ trai gái, rượu chè, cờ bạc, và có bạn tốt. Đây được gọi là sự có đời sống cân-bằng. “Đây là bốn điều dẫn tới ích lợi và hạnh phúc của người tại gia ngay trong kiếp này. (II) “Rồi, này ông Byagghapajja, có bốn điều [khác] dẫn tới ích lợi và hạnh phúc của người tại gia trong những kiếp sau. Bốn đó là gì? Thành tựu về niềm-tin, thành tựu về giới-hạnh, thành tựu về sự rộng lòng bố-thí, và thành tựu về trí-tuệ. (thuộc đời sống tâm linh) (5) “Và cái gì là thành tựu về niềm-tin? Ở đây, một người họ tộc có niềm-tin; người đó đặt niềm tin vào sự giác-ngộ của Như Lai như vầy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu về trí-biết đích thực (minh) và đức-hạnh, là bậc phúc- lành, bậc hiểu-biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ Đây được gọi là thành tựu về niềm-tin. (6) “Và cái gì là thành tựu giới-hạnh? Ở đây, một người họ tộc sống kiêng cữ sự sát-sinh, kiêng cữ gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, uống rượu nặng, rượu nhẹ và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Đây được gọi là thành tựu về giới-hạnh. (7) “Và cái gì là thành tựu về sự rộng lòng bố-thí? Ở đây, một người họ tộc sống ở nhà với một cái tâm không bị ố nhiễm bởi tính keo-kiệt, rộng lòng bố-thí, dang tay giúp-đỡ, vui thích sự từ-bỏ, là người tận tâm với việc từ-thiện, vui thích sự bố-thí và chia-sẻ. Đây được gọi là thành tựu về sự rộng lòng bố-thí. (8) “Và cái gì là thành tựu về trí-tuệ? Ở đây, một người họ tộc có được trí-tuệ để nhận biết sự khởi-sinh và biến-diệt, (trí-tuệ đó) là thánh thiện và

mang tính thâm nhập và dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Đây được gọi là thành tựu về trí-tuệ. “Đây là bốn điều [khác] dẫn tới ích lợi và hạnh phúc của một người họ tộc trong những kiếp sau.”

(AN 8:54)

4. CÔNG VIỆC NGHỀ NGHIỆP ĐÚNG ĐẮN (1) Tránh Bỏ Nghề Nghiệp Sai Trái “Này các Tỳ kheo, một đệ tử tại gia không nên dính vào năm việc này. Năm đó là gì? Buôn bán vũ khí, buôn bán chúng sinh (người và động vật), buôn bán thịt, buôn bán những chất gây hại (như rượu, bia, thuốc lá, ma túy …), và buôn bán chất độc (thuốc độc, thuốc hủy diệt (sự sống, côn trùng, vật sống …). Một đệ tử thánh thiện không nên dính vào năm việc này.”

(AN 5:177)

(2) Sử Dụng Tài Sản Một Cách Đúng Đắn [Đức Thế Tôn đã nói với gia chủ Cấp Cô Độc:] (III) “Với tài sản do mình làm ra bằng nỗ lực tháo vát, được tích lũy bằng chính đôi tay của mình, có được từ mồ hôi công sức của mình, tài sản chân chính có được một cách chân chính, người đệ tử thánh thiện đảm nhận làm bốn việc xứng đáng. Bốn đó là gì? (1) Với tài sản được làm ra như vậy, người đó (i) làm cho bản thân mình hạnh phúc và vui lòng và duy trì một cách hợp lý để cho mình được hạnh phúc như vậy; người đó (ii)

làm cho cha mẹ hạnh phúc và vui lòng và duy trì một cách hợp lý để cho họ được hạnh phúc như vậy; người đó (iii) làm cho vợ con mình, người ở, người làm, và người phục vụ hạnh phúc và vui lòng và duy trì một cách hợp lý để cho họ được hạnh phúc như vậy; người đó (iv)

làm cho bạn bè và đồng sự hạnh phúc và vui lòng và duy trì một cách hợp lý để cho họ được hạnh phúc như vậy. Đây là trường hợp thứ nhất tài sản đã được tiêu dùng tốt, được sử dụng một cách đúng đắn, và được dùng cho lý do xứng đáng. (2) “Thêm nữa, này gia chủ, với tài sản được làm ra như vậy, người đệ tử thánh thiện biết chia ra các khoản dự phòng rủi ro bị mất mát do hỏa hoạn và lũ lụt, bị cướp hoặc bị tịch thu bởi các vua chúa, hoặc bị chiếm đoạt bởi những người thừa kế bất nghĩa; người đó làm cho bản thân mình được an toàn khỏi những rủi ro đó. Đây là trường hợp thứ hai tài sản đã được tiêu dùng tốt, được sử dụng một cách đúng đắn, và được dùng cho lý do xứng đáng. (3) “Thêm nữa, này gia chủ, với tài sản được làm ra như vậy, người đệ tử thánh thiện biết thực hiện năm loại cúng lễ: đối với những người thân thuộc, khách khứa, ông bà tổ tiên, nhà vua, và các thiên thần. Đây là trường hợp thứ ba tài sản đã được tiêu dùng tốt, được sử dụng một cách đúng đắn, và được dùng cho lý do xứng đáng. (4) “Thêm nữa, này gia chủ, với tài sản được làm ra như vậy, người đệ tử thánh thiện thiết lập một sự cúng dường cao thượng là cúng dường thức ăn—đó là một sự cúng dường thuộc cõi trời (phạm trú thí), dẫn tới an lạc, đưa đến (tái sinh) cõi trời—cho những tu sĩ và những bà-la-môn là những người đã kiềm chế khỏi sự say-sưa (phù hoa) và sự lơ-tâm phóng dật, những người đã sống an-định trong sự nhẫn-nhịn và hiền-từ, là những người thuần- hóa hóa bản thân mình, làm tĩnh-lặng bản thân mình, và tu-tập bản thân để đạt tới Niết-bàn. Đây là trường hợp thứ tư tài sản đã được tiêu dùng tốt, đã được sử dụng một cách đúng đắn, và đã được dùng cho lý do xứng đáng. “Này gia chủ, đó là bốn việc xứng đáng mà người đệ tử thánh thiện đảm nhận làm với tài sản do mình làm ra bằng nỗ lực tháo vát, được tích lũy bằng chính đôi tay của mình, có được từ mồ hôi công sức của mình, tài sản chân chính có được một cách chân chính.

“Đối với ai tiêu xài tài sản vào chỗ khác ngoài bốn việc xứng đáng này, thì tài sản đó được cho là đã bị tiêu xài lãng phí, đã bị phung phí, và đã bị sử dụng một cách vô công ích. Nhưng đối với ai biết tiêu dùng tài sản vào bốn việc xứng đáng nói trên, thì tài sản đó cho là đã được tiêu dùng tốt, được sử dụng một cách đúng đắn, và được dùng cho lý do xứng đáng.”

(trích AN 4:61)

(3) Niềm Hạnh Phúc Của Một Người Tại Gia Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc đến gặp đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã nói với ông: “Này gia chủ, có bốn loại hạnh-phúc có thể đạt được bởi một người tại gia sống đời thụ hưởng khoái-lạc giác quan (dục lạc) tùy lúc và tùy thời. Bốn đó là gì? Đó là hạnh-phúc khi có tài sản, hạnh-phúc khi hưởng thụ, hạnh-phúc vì không nợ nần, và hạnh-phúc vì không tội-lỗi.108 (1) “Và, này gia chủ, cái gì là

hạnh-phúc khi có tài sản? Ở đây một người tại gia sở hữu tài sản do mình làm ra bằng nỗ lực tháo vát, được tích lũy bằng chính đôi tay của mình, có được từ mồ hôi công sức của mình, tài sản chân chính có được một cách chân chính. Mỗi khi người đó nghĩ: 'Tôi sở hữu tài sản do mình làm ra bằng nỗ lực tháo vát … có được một cách chân chính', thì người đó trải nghiệm niềm hạnh-phúc và vui mừng. Đây được gọi là niềm hạnh-phúc khi có tài sản. (2) "Và, này gia chủ, cái gì là hạnh-phúc khi hưởng thụ? Ở đây, với tài sản do mình làm ra bằng nỗ lực tháo vát, được tích lũy bằng chính đôi tay của mình, có được từ mồ hôi công sức của mình, tài sản chân chính có được một cách chân chính, một người tại gia được thụ hưởng của cải và làm những việc công đức. Mỗi khi người đó nghĩ: 'Với tài sản do mình làm ra bằng nỗ lực tháo vát … có được một cách chân chính, tôi được hưởng thụ của cải của tôi và làm những việc công đức', thì người đó trải nghiệm niềm hạnh-phúc và vui mừng. Đó được gọi là niềm hạnh-phúc khi thụ hưởng.

Chương IV – Hạnh Phúc Thấy Được Trong Kiếp Này • 113

(3) "Và, này gia chủ, cái gì là hạnh-phúc vì không bị nợ nần? Ở đây một người tại gia không nợ bất cứ ai ở mức độ nào, dù lớn hay nhỏ. Mỗi khi người đó nghĩ: 'Tôi không nợ bất cứ ai ở mức độ nào, dù lớn hay nhỏ', thì người đó trải nghiệm niềm hạnh-phúc và vui mừng. Đó được gọi là niềm hạnh-phúc vì không bị nợ nần. (4) "Và, này gia chủ, cái gì là hạnh-phúc vì không tội lỗi? Ở đây, này gia chủ, một người đệ tử thánh thiện được phú cho hành-động của thân, lời-nói, và tâm không tội lỗi (ba nghiệp phi tội lỗi). Mỗi khi người đó nghĩ: 'Tôi được phú cho hành-động của thân, lời-nói, và tâm không tội lỗi', thì người đó trải nghiệm một niềm hạnh-phúc và vui mừng. Đó được gọi là niềm hạnh-phúc vì không tội lỗi. "Này gia chủ, đó là bốn loại hạnh-phúc mà một người tại gia sống đời thụ hưởng khoái-lạc giác quan có thể đạt được, tùy lúc và tùy thời."

(AN 4:62)

5. NGƯỜI PHỤ NỮ TẠI GIA Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Lâu Đài của Migāramata [mẹ của Migāra], trong Khu Vườn Phía Đông. Lúc đó có Visākhā Migāramātā [Visākhā là mẹ của Migāra] (tức là nữ đại thí chủ Visākhā) đã đến gặp đức Thế Tôn … Rồi đức Thế Tôn mới nói với cô ấy:

(I) "Này Visākhā, khi một người phụ nữ có được bốn phẩm-chất thì cô ta đang hướng tới sự thắng-lợi trong đời này và cuộc sống của cô ấy trong cõi (thế gian) này là thành-công.109 Bốn đó là gì? "Ở đây, này Visākhā, một phụ nữ có khả năng trong công việc; cô ta biết quản lý (những) người giúp việc trong nhà; cô ta biết cư xử theo cách khả ái đối với chồng mình; và cô ta biết bảo vệ những thứ (thu nhập) chồng mình làm ra.

114 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

(1) "Và theo cách nào là một phụ nữ có khả năng trong công việc? Ở đây, cô ta khéo tay và siêng năng đối với những công việc trong nhà của người chồng, dù là việc dệt len hay dệt vải; cô ta biết tìm hiểu những phương tiện thích hợp và có khả năng làm và thu xếp mọi thứ một cách hợp lý. Theo cách như vậy là một người phụ nữ có khả năng trong công việc của mình. (2) "Và theo cách nào là một phụ nữ biết quản lý (những)

người giúp việc trong nhà? Ở đây, này Visākhā, đối với những người giúp việc trong nhà chồng—người ở, người hầu, hoặc người làm—cô ta coi ngó trực tiếp để biết rõ những gì họ đã làm và chưa làm; cô ta biết rõ lúc họ bệnh đau hay khỏe mạnh; và cô ta phân chia những thức ăn cho họ một cách phù hợp. Theo cách như vậy là một người phụ nữ biết quản lý (những) người giúp việc trong nhà. (3) "Và theo cách nào là một người phụ nữ biết cư xử một cách khả ái đối với chồng mình? Ở đây, này Visākhā, một người phụ nữ không nên làm một việc xấu nào mà chồng mình cho là không chấp nhận được, ngay cả khi phải chết cô cũng không làm vậy. Theo cách như vậy là người phụ nữ cư xử một cách khả ái đối với chồng mình. (4) "Và theo cách nào là một phụ nữ biết bảo vệ những thứ (thu nhập) chồng mình làm ra? Ở đây, này Visākhā, bất cứ thứ gì người chồng mang về—tiền, hay lúa gạo, bạc hay vàng—cô ta phải làm tốt việc bảo vệ và bảo toàn nó, và cô ta không phải là một người tiêu phá, gian cắp, phá của, hay tiêu xài lãng phí những thứ chồng làm ra. Theo cách như vậy là một người phụ nữ bảo vệ những thứ chồng mình làm ra. "Này Visākhā, khi một người phụ nữ có được bốn phẩm-chất này thì cô ta đang hướng tới sự thắng-lợi trong đời này và cuộc sống của cô ấy trong cõi này là thành-công. (II) "Khi một người phụ nữ có được bốn phẩm-chất [khác] thì cô ta đang hướng sự thắng-lợi trong đời sau và cuộc sống của cô trong cõi sau sẽ thành- công. Bốn đó là gì?

"Ở đây, này Visākhā, một người phụ nữ thành tựu về niềm-tin, thành tựu về giới-hạnh, thành tựu về sự rộng lòng bố-thí, và thành tựu về trí-tuệ. (5) "Và theo cách nào là một người phụ nữ thành tựu về niềm-tin (tín)? Ở đây, này Visākhā, một người phụ nữ là có niềm-tin, cô ta đặt niềm-tin vào sự giác-ngộ của Như Lai như vầy: 'Đức Thế Tôn là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu về trí-biết đích thực (minh) và đức-hạnh, là bậc phúc-lành, bậc hiểu-biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.' Theo cách như vậy là một người phụ nữ thành tựu về niềm-tin. (6) "Và theo cách nào là một phụ nữ thành tựu về giới-hạnh (giới)? Ở đây, này Visākhā, một phụ nữ kiêng cữ sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, và uống rượu mạnh, rượu nhẹ hoặc dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Theo cách như vậy là một người phụ nữ thành tựu về giới-hạnh. (7) "Và theo cách nào là một người phụ nữ thành tựu về sự rộng lòng bố-thí (thí)? Ở đây, này Visākhā, một người phụ nữ sống ở nhà với một cái tâm không bị ố nhiễm bởi tính keo-kiệt, rộng lòng bố-thí, dang tay giúp-đỡ, vui thích sự từ-bỏ, là người tận tâm với việc từ-thiện, vui thích sự bố-thí và chia-sẻ. Theo cách như vậy là một người phụ nữ thành tựu về sự rộng lòng bố-thí. (8) "Và theo cách nào một người phụ nữ thành tựu về trí-tuệ (tuệ)? Ở đây, này Visākhā, một phụ nữ có được trí-tuệ để nhận biết sự khởi-sinh và biến-diệt (của mọi thứ), (trí-tuệ đó) là thánh thiện và mang tính thâm nhập và dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. "Khi một người phụ nữ có được bốn phẩm-chất này thì cô ta đang hướng sự thắng-lợi trong đời sau và cuộc sống của cô trong đời sau sẽ thành-công."

(AN 8:49)

116 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

6. CỘNG ĐỒNG (1) Sáu Gốc Rễ Gây Ra Tranh Chấp 6. (A) “Này Ānanda, có sáu gốc rễ tạo những tranh chấp. Sáu đó là gì? Này Ānanda, một Tỳ kheo là (i) hay sân-giận và hung-hăng. Tỳ kheo đó sống không có sự tôn trọng và kính trọng đối với Vị Thầy, Giáo Pháp và Tăng Đoàn, và người đó không hoàn thành sự tu-tập. Một Tỳ kheo sống không có sự tôn trọng và kính trọng đối với Vị Thầy, Giáo Pháp và Tăng Đoàn, và người đó là người không hoàn thành sự tu-tập, thì tạo ra tranh chấp trong Tăng đoàn, dẫn tới sự nguy hại và bất hạnh cho số đông, dẫn tới sự mất mát, sự nguy-hại và sự khổ đau cho những thiên thần và loài người. Giờ nếu các thầy nhìn thấy bất kỳ gốc rễ nào, bên trong mình hoặc ở bên ngoài, gây ra tranh chấp, thì các thầy phải chuyên-cần tu để trừ bỏ cái gốc rễ xấu gây ra tranh chấp đó. Và nếu các thầy không nhìn thấy gốc rễ nào, bên trong mình hay ở bên ngoài, gây ra tranh chấp, thì các thầy cũng phải tu tập theo cách để cho gốc rễ tranh chấp không phát sinh lại trong tương lai. (a) Như vậy là có sự trừ bỏ gốc rễ xấu gây ra tranh chấp; (b) như vậy là có sự không phát sinh lại gốc rễ xấu gây tranh chấp trong tương lai. 7.–11. “Lại nữa, một Tỳ kheo là (ii) kinh-thường và xấc-xược … (iii) ghen-tỵ và keo-kiệt … (iv) lừa-dối và gian-lận … (v) có những ý-định xấu và cách-nhìn sai lạc (tà kiến) … (vi) cố-chấp theo những cách-nhìn sai lạc của mình, bám chặt vào chúng một cách ngoan cố, khó mà từ bỏ chúng. Tỳ kheo đó sống không có sự tôn trọng và kính trọng đối với Vị Thầy, Giáo Pháp và Tăng Đoàn, và người đó không hoàn thành sự tu-tập. Một Tỳ kheo sống không có sự tôn trọng và kính trọng đối với Vị Thầy, Giáo Pháp và Tăng Đoàn, và người đó là người không hoàn thành sự tu-tập, thì tạo ra tranh chấp trong Tăng đoàn, dẫn tới sự nguy hại và bất hạnh cho số đông, dẫn tới sự mất mát, sự nguy-hại và sự khổ đau cho những thiên thần và loài người. Giờ nếu các thầy nhìn thấy bất kỳ gốc rễ nào, bên trong mình hoặc ở bên ngoài, gây ra tranh chấp, thì các thầy phải chuyên-cần tu để trừ bỏ cái gốc rễ xấu gây ra

Chương IV – Hạnh Phúc Thấy Được Trong Kiếp Này • 117

tranh chấp đó. Và nếu các thầy không nhìn thấy gốc rễ nào, bên trong mình hay ở bên ngoài, gây ra tranh chấp, thì các thầy cũng phải tu tập theo cách để cho gốc rễ tranh chấp không phát sinh lại trong tương lai. (a) Như vậy là có sự trừ bỏ gốc rễ xấu gây ra tranh chấp; (b) như vậy là có sự không phát sinh lại gốc rễ xấu gây tranh chấp trong tương lai. Đây là sáu gốc rễ gây ra tranh chấp. (trích MN 104: Sāmagāma Sutta) (Làng Sāma)

(2) Sáu Nguyên Tắc Để Sống Hòa Hợp 21. (D) “Này Ānanda, có sáu nguyên tắc để hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết. Sáu đó là gì? Sáu đó là gì? (i) “Ở đây, một Tỳ kheo khi ở chỗ chung và cả khi ở chỗ riêng một mình đều giữ những hành-vi thân từ-ái đối với những người đồng đạo của mình trong đời sống tâm linh. Đây là một nguyên tắc để hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết. (ii) “Lại nữa, một Tỳ kheo khi ở chỗ chung và cả khi ở chỗ riêng một

mình đều giữ những hành-vi lời-nói từ-ái đối với những người đồng đạo của mình trong đời sống tâm linh. Đây cũng là một nguyên tắc để hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến … sự đoàn kết. (iii) “Lại nữa, một Tỳ kheo khi ở chỗ chung và cả khi ở chỗ riêng một mình đều giữ những hành-vi tâm từ-ái đối với những người đồng đạo của mình trong đời sống tâm linh. Đây cũng là một nguyên tắc để hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến … sự đoàn kết. (iv) “Lại nữa, một Tỳ kheo chia sẻ chứ không giữ lại những lợi lộc chân chính đã có được một cách chân chính (đúng theo Giáo Pháp), ngay cả thức ăn có được trong bình bát, và dùng những thứ đó chung với những đồng đạo

của mình. Đây cũng là một nguyên tắc để hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến … sự đoàn kết. (v) “Lại nữa, một Tỳ kheo khi ở chỗ chung và cả khi ở chỗ riêng một mình cùng có chung với những đồng đạo của mình loại giới-hạnh (có tính chất) lành mạnh, không sứt mẻ, không ô nhiễm, không vết nhơ, hướng tới giải thoát, được khen ngợi bởi bậc hiền trí, không dính chấp, dẫn đến sự định tâm. Đây cũng là một nguyên tắc để hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến … sự đoàn kết. (vi) “Lại nữa, một Tỳ kheo khi ở chỗ chung và cả khi ở chỗ riêng một mình cùng có chung với những đồng đạo của mình cách-nhìn thánh thiện và mang tính giải-thoát (chánh kiến), và dẫn dắt một người tu tập đúng theo nó tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Đây cũng là một nguyên tắc để hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết. “Đây là sáu nguyên tắc để hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết. (trích MN 104: Sāmagāma Sutta) (Làng Sāma)

(3) Sự Thanh Lọc Bản Thân Là Dành Cho Mọi Giai Cấp 1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. 2. Rồi, bấy giờ có năm trăm bà-la-môn từ những tỉnh khác nhau cũng đang ở tại Sāvatthī vì công việc hay những lý do khác. Rồi những bà-la-môn đó nghĩ rằng: “Sa-môn Cồ-Đàm mô tả sự thanh-lọc (về thân tâm, tâm linh) là làm được bởi tất cả bốn giai cấp (không phải chỉ dành riêng cho giai cấp bà- la-môn).110 Vậy nên có ai có thể tới để tranh cãi với ông ấy về sự khẳng định đó hay không?”

3. Lúc đó có một môn sinh bà-la-môn trẻ tên là Assalyāana cũng đang ở trong thành Sāvatthī. Trẻ, đầu cạo trọc, mười sáu tuổi, anh ta là một bậc thầy về ba bộ kinh Vệ-đà, với những từ vựng thuật ngữ, nghi lễ cúng tế, âm vị học, và nguyên từ của chúng, và thứ năm là các phần sử học; giỏi về ngữ văn và ngữ pháp, anh ta hoàn toàn tinh thông về triết học tự nhiên và về những đặc điểm tướng số của một bậc Vĩ Nhân. Vì vậy các bà-la-môn nghĩ: “Có có môn sinh bà-la-môn trẻ tên là Assalyāana cũng đang ở trong thành Sāvatthī. Trẻ … hoàn toàn tinh thông về triết học tự nhiên và về những đặc điểm tướng số của một bậc Vĩ Nhân. Anh ta có thể tới tranh cãi với sa-môn Cồ- đàm về sự khẳng định đó.” 4. Khi họ tới gặp môn sinh bà-la-môn tên Assalyāana và nói với anh ta:

“Thầy Assalyāana, tu sĩ Cồ-đàm này mô tả sự thanh-lọc là làm được bởi tất cả bốn giai cấp. Vậy Thầy Assalyāana hãy đến đó để tranh cãi với sa-môn Cồ-Đàm về sự khẳng định đó.” Sau khi điều này được nói ra, môn sinh bà-la-môn Assalyāana trả lời rằng: “Thưa các ngài, sa-môn Cồ-Đàm là người thuyết giảng Giáo Pháp. Giờ những ai nói Giáo Pháp thì khó mà tranh luận với họ. Tôi không thể tranh cãi với sa-môn Cồ-Đàm về sự khẳng định đó.” Lần thứ hai những bà-la-môn nói với anh ta: … (như lần thứ nhất và thêm:) … Bởi vì ‘sự tu tập của một du sĩ’ đã được hoàn thành bởi Thầy Assalāyana.”111 Lần thứ hai môn sinh bà-la-môn Assalāyana vẫn trả lời: “Thưa các ngài, sa-môn Cồ-Đàm là người thuyết giảng Giáo Pháp. Giờ những ai nói Giáo Pháp thì khó mà tranh luận với họ. Tôi không thể tranh cãi với sa-môn Cồ- Đàm về sự khẳng định đó.” Lần thứ ba những bà-la-môn lại nói với anh ta: … (như lần thứ hai và thêm:) … Đừng để Thầy Assalāyana chưa ra trận mà đã chịu thất bại.” Sau khi điều này được nói ra, môn sinh bà-la-môn Assalāyana trả lời: “Thưa các ngài, chắc chắc tôi không thuyết phục được các ngài sau khi tôi đã

nói: ‘Sa-môn Cồ-đàm là người thuyết giảng Giáo Pháp. Giờ những ai nói Giáo Pháp thì khó mà tranh luận với họ. Tôi không thể tranh cãi với sa-môn Cồ-Đàm về sự khẳng định đó.’ Tuy nhiên, thưa các ngài, vì các ngài cứ nài thách nên tôi sẽ đi.” Rồi môn sinh bà-la-môn Assalyāana cùng một số đông các bà-la-môn đã đi đến gặp đức Thế Tôn, và chào hỏi qua lại. Và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, anh ta ngồi xuống một bên và nói với đức Thế Tôn: “Thầy Cồ-đàm, các bà-la-môn nói như vầy: ‘Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất, những người thuộc giai cấp khác là thấp kém hơn; những bà-la- môn là giai cấp trắng trẻo nhất, những người thuộc giai cấp khác là đen đủi; chỉ những bà-la-môn được thanh lọc, những người không phải bà-la-môn thì không; chỉ những bà-la-môn là con của trời Brahmā, dòng dõi của trời Brahmā, được sinh từ miệng của trời Brahmā, được sinh từ trời Brahmā, được tạo ra bởi trời Brahmā, là những con cháu kế thừa của trời Brahmā.’ Thầy Cồ-đàm nói sao về điều đó?” 5. [1] “Bây giờ, này Assalyāana, các phụ nữ bà-la-môn rõ ràng cũng có kỳ kinh nguyệt, có mang thai, sinh con, và cho con bú.112 Và những bà-la- môn đó, mặc dù đã được sinh ra từ bào thai mà vẫn luôn nói rằng: ‘Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā.’” 6. “Mặc dù Thầy Cồ-đàm nói điều này, nhưng các bà-la-môn vẫn nghĩ rằng: ‘Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā.’” [2] “Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Anh đã từng nghe ở vùng Yona và Kamboja113 và ở những xứ nước ngoài khác chỉ có hai giai cấp, đó là chủ và nô lệ, và tùy theo thời cuộc có khi chủ trở thành nô lệ, và nô lệ trở thành chủ đó sao?” “Dạ thưa, tôi có nghe vậy.”

“Vậy thì dựa trên sức mạnh gì [luận cứ gì] hay căn cứ vào cái gì [thẩm quyền nào] mà các bà-la-môn trong trường hợp này lại nói rằng: ‘Những bà- la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā?’” 7. “Mặc dù Thầy Cồ-đàm nói điều này, nhưng các bà-la-môn vẫn nghĩ rằng: ‘Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là

những con cháu kế thừa của trời Brahmā?'" [3] "Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Ví dụ một người giai cấp chiến-sĩ (khattiya) sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, nói lời ma mảnh độc ác, nói lời gắt gỏng nạt nộ, nói lời tầm phào tán dóc; thèm-khát (tham dục), có tâm ác-ý, và nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Khi thân tan rã, sau khi chết, chỉ có người đó mới bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục—còn những bà-la- môn nếu làm vậy thì không bị tái sinh xuống đó hay sao? "Ví dụ một người giai cấp thương-nông … một người giai cấp hạ-tiện bần lao sát-sinh, gian-cắp … nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Khi thân tan rã, sau khi chết, chỉ có người đó mới bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục—còn những bà-la-môn nếu làm vậy thì không bị tái sinh xuống đó hay sao? "Không phải vậy, Thầy Cồ-đàm. Cho dù đó là một người giai cấp chiến- sĩ, một bà-la-môn, một thương-nông, hay một người bần-lao hạ tiện—ai trong bốn giai cấp đó nếu có sát-sinh, gian-cắp … nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), thì khi thân tan rã, sau khi chết, cũng bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục." "Vậy thì dựa trên sức mạnh gì hay căn cứ vào cái gì mà các bà-la-môn trong trường hợp này lại nói rằng: 'Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā?" 8. "Mặc dù Thầy Cồ-đàm nói điều này, nhưng các bà-la-môn vẫn nghĩ rằng: 'Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā?'"

[4] "Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Ví dụ một bà-la-môn sống biết kiêng cữ sự sát-sinh, sự gian-cắp, sự tà-dâm tà dục, sự nói-dối láo, nói lời ma mãnh độc ác, nói lời gắt gỏng nạt nộ, và nói lời tầm phào tán dóc, và không có sự thèm-khát (không tham dục), có một cái tâm không ác-ý, và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó sẽ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời—còn những người thuộc giai cấp chiến-sĩ, nông-thương hay bần-lao hạ tiện nếu làm vậy thì không được tái sinh lên đó hay sao?" "Không phải vậy, Thầy Cồ-đàm. Cho dù đó là một người giai cấp chiến- sĩ, một bà-la-môn, một thương-nông, hay một người bần-lao hạ tiện—ai trong bốn giai cấp đó sống biết kiêng cữ sự sát-sinh, sự gian-cắp … và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), thì khi thân tan rã, sau khi chết, cũng được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời." "Vậy thì dựa trên sức mạnh gì hay căn cứ vào cái gì mà các bà-la-môn trong trường hợp này lại nói rằng: 'Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā?'" 9. "Mặc dù Thầy Cồ-đàm nói điều này, nhưng các bà-la-môn vẫn nghĩ rằng: 'Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā.'" [5] "Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Bộ chỉ có một bà-là-môn mới có khả năng tu dưỡng tâm-từ đối với vùng miền (quốc độ, xứ sở) này, không hung-bạo và không ác-ý; còn những người giai cấp chiến-sĩ, nông-thương hay bần-lao hạ tiện thì không tu dưỡng được như vậy hay sao?" "Không phải vậy, Thầy Cồ-đàm. Dù một người là bà-la-môn, người thuộc giai cấp chiến-sĩ, nông-thương hay bần-lao hạ tiện—ai trong bốn giai cấp đó cũng đều có khả năng tu dưỡng tâm-từ đối với vùng miền này, không

hung-dữ và không ác-ý.”

Chương IV – Hạnh Phúc Thấy Được Trong Kiếp Này • 123

“Vậy thì dựa trên sức mạnh gì hay căn cứ vào cái gì mà các bà-la-môn trong trường hợp này lại nói rằng: ‘Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā?’” 10. “Mặc dù Thầy Cồ-đàm nói điều này, nhưng các bà-la-môn vẫn nghĩ rằng: ‘Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā.’” [6] “Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Bộ chỉ có bà-la-môn mới có khả năng cầm bàn chải và bột tắm, đi ra sông, và tắm gội hết bụi đất trên người mình; còn những người giai cấp chiến-sĩ, nông-thương, hay bần-lao hạ tiện thì không làm được như vậy hay sao?” “Không phải vậy, Thầy Cồ-đàm. Dù một người là bà-la-môn, người thuộc giai cấp chiến-sĩ, nông-thương, hay bần-lao hạ tiện—ai trong bốn giai cấp đó cũng đều có khả năng cầm bàn chải và bột tắm, đi ra sông, và tắm gội hết bụi đất trên người mình.” “Vậy thì dựa trên sức mạnh gì hay căn cứ vào cái gì mà các bà-la-môn trong trường hợp này lại nói rằng: ‘Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā?’” 11. “Mặc dù Thầy Cồ-đàm nói điều này, nhưng các bà-la-môn vẫn nghĩ rằng: ‘Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā.’” [7] “Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Ví dụ một vị vua thuộc giai cấp chiến-sĩ đã được phong vương [được xức dầu trên đầu], ông cho triệu tập năm trăm người thuộc những sinh cảnh (gia thế, giai cấp) khác nhau, và nói với họ rằng: ‘Này các vị đến đây, ai ở đây thuộc giai cấp chiến-sĩ, hay bà-la- môn, hay hoàng-tộc, hãy cầm một que mồi lửa làm bằng gỗ tinh tốt, và nhóm lửa lên để tạo nhiệt. Và ai thuộc gia đình bần-lao hạ tiện bị xã hội ruồng bỏ, thuộc gia đình làm nghề săn bắn, làm nghề đan lát chẻ tre, làm nghề làm xe, làm nghề lượm rác moi rác, hãy cầm một que mồi lửa làm từ gỗ máng nước

124 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

cho chó uống, làm từ gỗ máng heo, làm từ gỗ thùng đựng rác hay làm bằng gỗ thầu dầu, và nhóm lửa lên để tạo nhiệt.’ “Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Khi lửa được nhóm lên và nhiệt được tạo ra bởi người thuộc nhóm thứ nhất, thì lửa sẽ có ngọn, có màu, và tỏa sáng, và nó có thể được dùng cho những mục đích dùng lửa (như để nấu ăn, sưởi ấm, thắp sáng…). Rồi lửa được nhóm lên và nhiệt được tạo ra bởi người thuộc nhóm thứ hai, thì lửa sẽ không có ngọn, không có màu, và không tỏa sáng, và nó không thể được dùng cho những mục đích dùng lửa, hay sao?” “Không phải vậy, Thầy Cồ-đàm. Khi lửa được nhóm lên và nhiệt được tạo ra bởi người thuộc nhóm thứ nhất, thì lửa sẽ có ngọn, có màu, và tỏa sáng, và nó có thể được dùng cho những mục đích dùng lửa. Và khi lửa được nhóm lên và nhiệt được tạo ra bởi người thuộc nhóm thứ hai, thì lửa cũng có ngọn, có màu, và tỏa sáng, và nó có thể được dùng cho những mục đích dùng lửa. Bởi vì tất cả lửa đều có ngọn, có màu, và tỏa sáng, và nó đều có thể được dùng cho những mục đích dùng lửa.” “Vậy thì dựa trên sức mạnh gì hay căn cứ vào cái gì mà các bà-la-môn trong trường hợp này lại nói rằng: ‘Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā?’” 12. “Mặc dù Thầy Cồ-đàm nói điều này, nhưng các bà-la-môn vẫn nghĩ rằng: ‘Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những

con cháu kế thừa của trời Brahmā.'" [8] "Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Ví dụ một thanh niên thuộc giai cấp chiến-sĩ lấy một con gái nhà bà-la-môn, và họ sinh ra một đứa con của hai người. Vậy đứa con đó được coi là người giai cấp chiến-sĩ giống cha, hay một bà-la-môn giống mẹ?" "Nó có thể có thể được gọi bằng cả hai (vừa là giai cấp chiến-sĩ, vừa là bà-la-môn), thưa Thầy Cồ-đàm." 13. "Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Ví dụ một thanh niên bà-la-môn lấy một con gái nhà giai cấp chiến-sĩ, và họ sinh ra một đứa con của hai người.

Vậy đứa con đó được coi là bà-la-môn giống cha, hay người giai cấp chiến-sĩ giống mẹ?" "Nó có thể có thể được gọi bằng cả hai, thưa Thầy Cồ-đàm." 14. "Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Ví dụ một con ngựa cái giao phối với một con lừa đực, và một con thú con được sinh ra. Vậy con thú con đó được gọi là con ngựa giống mẹ, hay là con lừa giống cha?" "Nó là một con la, thưa Thầy Cồ-đàm, bởi vì nó không còn là ngựa hay lừa nữa. Thầy Cồ-đàm, tôi đã nhìn ra khác-biệt trong trường hợp (ví dụ) cuối này, nhưng tôi đã không kịp nhìn ra sự khác-biệt trong hai trường hợp (ví dụ) trước." 15. [9] "Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Ví dụ có hai môn sinh bà-la- môn, họ là anh em ruột, được sinh cùng một mẹ, một người siêng học và thông minh, còn người kia thì không siêng học cũng không thông minh. Ai trong hai người sẽ được các bà-la-môn cúng thức ăn trước trong lễ tang, hoặc trong lễ cúng dường, hoặc trong lễ hiến tế, hoặc trong lễ tiệc đãi khách?" "Trong những dịp lễ đó, các bà-la-môn sẽ cúng dường thức ăn cho người siêng học và thông minh, thưa Thầy Cồ-đàm; bởi vì nếu cúng dường thứ gì cho người không siêng học cũng không thông minh thì (việc cúng dường đó) đâu mang lại phước quả lớn lao gì?" 16. "Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Ví dụ có hai môn sinh bà-la-môn, họ là anh em ruột, được sinh cùng một mẹ, một người siêng năng và thông minh, nhưng thiếu đạo-đức và có tánh khí xấu ác, và người kia thì không siêng học cũng không thông minh, nhưng có đạo-đức và tánh tình tốt thiện. Ai trong hai người sẽ được các bà-la-môn cúng thức ăn trong lễ tang, trong lễ cúng dường, trong lễ hiến tế, hoặc trong lễ tiệc đãi khách?" "Trong những dịp lễ đó, các bà-la-môn sẽ cúng dường thức ăn cho người không siêng học cũng không thông minh, nhưng có đạo-đức và tánh tình tốt thiện, thưa Thầy Cồ-đàm; bởi vì nếu cúng dường thứ gì cho người thất-đức và có tánh khí xấu ác thì đâu mang lại phước quả lớn lao gì?"

17. "Này Assalyāana, lúc nãy đầu tiên anh đã khăng khăng dựa trên sinh cảnh (gia thế, giai cấp), và sau đó anh khăng khăng dựa trên việc học-hành kinh điển, và sau đó anh lại chuyển qua dựa trên chính căn cứ rằng 'sự thanh- lọc là làm được bởi tất cả bốn giai cấp', như ta đã mô tả." Khi điều này được nói ra, môn sinh bà-la-môn Assalyāana đã ngồi im lặng và mất hết tinh thần, hai vai chùn xuống và đầu gục xuống, buồn bã và không còn đối đáp nữa. (trích MN 93: Assalyāana Sutta)

(4) Bảy Nguyên Tắc Ổn Định Xã Hội 1.1. Tôi nghe như vầy. Một lần đức Thế Tôn đang ở Rājagaha (Vương Xá), trên Đỉnh Núi Kền Kền (Linh Thứu). Lúc bấy giờ vua nước

Magadha (Ma-kiệt-đà) là Ajātasattu (A-xà-thế) Vedehiputta muốn tấn công những người Vajji (Bạt-kỳ).114 Ông nói: “Ta sẽ tấn công dân Vajji, dù họ hùng mạnh và lớn mạnh cỡ nào, ta sẽ chặt họ ra và tiêu diệt họ, ta sẽ làm tàn hoại họ và tiêu diệt họ!” 1.2. Và vua Ajātasattu đã sai quan tể tướng của ông là bà-la-môn Vassakāra: “Này bà-la-môn, hãy tới gặp đức Thế Tôn, nhân danh ta cúi đầu xuống hai chân kính lễ đức Thế Tôn, hỏi thăm đức Thế Tôn đã hết bệnh hết đau chưa, có đang sống khỏe mạnh, mạnh mẽ và thư thái hay không, và sau đó hãy thưa với đức Thế Tôn rằng: ‘Thưa Thế Tôn, vua Ajātasattu Vedehiputta của nước Magadha muốn tấn công dân Vajji, và vua nói rằng: “Ta sẽ tấn công dân Vajji … và tiêu diệt họ!”’ Và bất cứ điều gì đức Thế Tôn nói với ông, hãy trung thành bẩm báo lại cho ta, bởi vì đức Thế Tôn không bao giờ nói dối.” 1.3. “Được, thưa đức vua”, Vassakāra đáp lại, và cho chuẩn bị đoàn xe ngựa, ông leo lên một chiếc và từ thành Rājagaha tiến thẳng tới Đỉnh Núi Kền Kền, đi hết đường đất có thể đi, sau đó tiếp tục đi bộ lên núi chỗ đức

Thế Tôn. Ông ta lễ chào thăm hỏi qua lại với đức Thế Tôn, sau đó ngồi xuống một bên, và chuyển lại toàn bộ lời của nhà Vua cho đức Thế Tôn. 1.4. Lúc đó ngài Ānanda đang đứng hầu quạt sau lưng đức Thế Tôn. Và đức Thế Tôn đã nói: (1) “Này Ānanda, thầy có nghe những người Vajji luôn tổ chức đại hội đồng thường xuyên và định kỳ hay không?”—“Con có nghe họ làm như vậy, thưa Thế Tôn” “Này Ānanda, chừng nào những người Vajji còn tổ chức đại hội đồng thường xuyên và định kỳ, thì có thể coi như họ đang cường thịnh chứ không suy yếu. (2) “Thầy có nghe những người Vajji gặp nhau hội họp trong sự hòa hợp, chia tay trong sự hòa hợp, và họ làm ăn với nhau trong sự hòa hợp, hay không?”—“Con có nghe họ như vậy, thưa Thế Tôn.” “Này Ānanda, chừng nào người Vajji còn gặp nhau hội họp trong sự hòa hợp, chia tay nhau trong sự hòa hợp, và làm ăn với nhau trong sự hòa hợp, thì có thể coi như họ đang cường thịnh chứ không suy yếu. (3) “Thầy có nghe những người Vajji không ban hành những điều không được ban hành trước đó, và họ không hủy bỏ những điều đã được ban hành trước đó, mà họ chỉ làm theo những điều đã được ban hành trong truyền thống Vajji cổ kính của họ, hay không?”—“Dạ con có nghe họ như vậy, thưa Thế Tôn.”… “Này Ānanda, chừng nào người Vajji còn … (4) “Thầy có nghe những người Vajji tôn vinh, tôn trọng, tôn kính, và lễ chào những bậc trưởng lão, và họ chú trọng những bậc trưởng lão đó, hay không? —“Dạ con có nghe họ như vậy, thưa Thế Tôn.”… (5) “Thầy có nghe những người Vajji không bắt cóc cưỡng đoạt vợ và con gái của người khác để đem về sống với mình, hay không? —“Dạ con có nghe họ như vậy, thưa Thế Tôn.”…

(6) “Thầy có nghe những người Vajji tôn vinh, tôn trọng, tôn kính, và lễ lạy các bàn thờ miếu thờ của người Vajji ở trong [thành] và ở bên ngoài, họ không phá bỏ những việc chăm sóc và cúng kính đã có từ trước? —“Dạ con có nghe họ như vậy, thưa Thế Tôn.”… (7) “Thầy có nghe những người Vajji thực hiện việc bảo hộ vệ an toàn cho những vị A-la-hán đến sống ở đó, nhờ đó sau này những vị A-la-hán khác có thể đến đó sống, và những vị A-la-hán đang ở đó thì đang sống an lạc, hay không?”—“Dạ con có nghe họ

như vậy, thưa Thế Tôn.” “Này Ānanda, chừng nào họ còn thực hiện việc bảo hộ an toàn cho những vị A-la-hán đến sống ở đó, nhờ đó sau này những vị A-la-hán khác có thể đến đó sống, và những vị A-la-hán đang ở đó thì đang sống an lạc, tí có thể coi như người Vajji đang cường thịnh chứ không suy yếu.” 1.5. Rồi đức Thế Tôn nói với bà-la-môn Vassakāra: “Này bà-la-môn, có lần khi ta đang ở Vesāli (Tỳ-xá-ly) chỗ Ngôi Đền Mái Nhọn (Sārandada), ở đó ta đã dạy cho người Vajji bảy nguyên-tắc để không bị suy-yếu, và chừng nào họ còn giữ bảy nguyên-tắc đó, chừng nào bảy nguyên-tắc đó vẫn còn được liên tục ở đó, thì có thể coi như người Vajji đang cường thịnh chứ không suy yếu.” Ngay chỗ này, bà-la-môn Vassakāra đáp lại rằng: “Thầy Cồ-đàm, nếu người Vajji thậm chí chỉ giữ một trong bảy nguyên- tắc đó, thì cũng có thể coi họ chỉ đang cường thịnh chứ không suy yếu—còn có thể nói chi nếu họ tuân thủ hết cả bảy nguyên-tắc đó. Chắc chắn người Vajji sẽ không bao giờ bị chinh phục bởi vua Ajātasattu bằng vũ lực, nhưng vẫn có thể bị chinh phục bằng cách dùng kẻ phản hoặc nội gián gây chia rẽ họ lẫn nhau. Và Thầy Cồ-đàm, bây giờ tôi phải đi đây. Chúng tôi bận rộn và có nhiều việc phải làm.” “Này bà-la-môn, hãy làm những gì ông cho là đúng.” Rồi bà-la-môn Vassakāra, hài lòng và vui vẻ với những lời của đức Thế Tôn, ông đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi khỏi.

Chương IV – Hạnh Phúc Thấy Được Trong Kiếp Này • 129

1.6. Ngay sau khi quan tể tướng Vassakāra đi khỏi, đức Thế Tôn nói: “Này Ānanda, hãy tới gặp những Tỳ kheo nào đang sống xung quanh thành Rājagaha này, và gọi họ đến họp mặt ở nơi hội đường (chỗ họp tăng, tăng chúng).” “Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Ānanda đáp lại, và thầy làm theo như vậy. Rồi sau đó… thầy Ānanda đến gặp đức Thế tôn, kính lễ, và đứng sang một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, Tăng đoàn các Tỳ kheo đã tụ họp. Giờ Thế Tôn có thể tùy tiện đến.” Rồi đức Thế Tôn rời khỏi chỗ ngồi, đi tới chỗ họp tăng, ngồi xuống chỗ ngồi đã chuẩn bị sẵn, và nói: “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy bảy nguyên-tắc để không bị sa sút. Hãy lắng nghe, chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại, và đức Thế Tôn đã nói như sau: “(1) Chừng nào các Tỳ kheo còn tổ chức họp mặt thường xuyên và định kỳ, thì có thể coi như họ đang tăng trưởng (cường thịnh) chứ không sa sút (suy yếu). (2) Chừng nào họ còn gặp nhau trong sự hòa hợp, chia tay nhau trong sự hòa hợp, và làm việc với nhau trong sự hòa hợp, thì có thể coi như họ đang tăng trưởng chứ không sa sút. (3) Chừng nào họ không ban hành những điều đã không được ban hành, và không hủy bỏ những điều đã được ban hành, mà họ chỉ làm theo những điều đã được ban hành bởi những điều- luật tu-hành (của giới-luật) … (4) Chừng nào họ còn tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và lễ chào các bậc trưởng lão đã thụ giới xuất gia lâu năm, những bậc sư phụ, những bậc lãnh đạo của tăng đoàn … (5) Chừng nào họ không bị dính vào bẫy của dục-vọng khởi sinh bên trong họ làm đưa đến luân hồi tái sinh … (6) Chừng nào họ toàn tâm vui thích sống tu trong rừng … (7) Chừng nào họ còn duy trì sự ‘chánh-niệm về thân’, nhờ đó về sau này có nhiều bạn đồng tu đến tu với họ, và những ai đang ở tu với họ thì đang cảm thấy an lạc thư thái cùng với họ.

130 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

Chừng nào các Tỳ kheo còn giữ theo bảy điều đó và cho thấy họ vẫn đang làm theo những điều đó, thì có thể coi như họ đang tăng trưởng chứ không sa sút." (trích DN 16: Mahā-parinibbāna Sutta) (Đại kinh Bát-niết-bàn)

(5) Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe Báu 3. "Và, sau nhiều trăm năm, sau nhiều ngàn năm, Vua Daḷhanemi nói với một người của ông rằng: 'Này hiền khanh, hễ khi nào ông thấy bánh xe báu thiêng liêng lệch khỏi vị trí của nó, hãy bẩm báo ngay cho ta.' 'Dạ, thưa đại vương', người đó đáp lại. Và sau nhiều trăm năm và nhiều ngàn năm, người đó thấy bánh xe báu thiêng liêng đã lệch ra khỏi vị trí cũ. Sau khi nhìn thấy vậy, ông ta liền bẩm báo cho nhà vua. Sau đó, Vua Daḷhanemi đã cho gọi người con lớn nhất, thái tử, đến gặp, và ông đã nói: 'Này con trai của ta, bánh xe báu thiêng liêng đã lệch dời ra khỏi vị trí cũ. Và trước đây ta đã nghe rằng, khi điều này xảy ra đối với một vị vương quay chuyển bánh xe báu, thì vị ấy không còn sống được lâu nữa. Ta đã có đầy đủ mọi khoái-lạc của loài người, giờ tới lúc ta đi tìm sự an-lạc trên cõi trời. Con là con trai ta sẽ tiếp quản quyền cai trị lãnh thổ này. Ta sẽ cạo bỏ râu tóc, khoát y cà sa, từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.' Và, sau khi đã phong thái tử lên làm vua, Vua Daḷhanemi đã cạo bỏ râu tóc, khoát y cà sa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Và bảy ngày sau khi vị tu sĩ hoàng gia đó đã xuất gia, bánh xe báu thiêng liêng đã biến mất. 4. "Rồi có một người đã đến gặp vị vua giai cấp chiến-sĩ (tức thái tử) vừa mới được (vua cha) phong vương [mới được xức dầu trên đầu], và bẩm báo rằng: 'Thưa đại vương, ngài nên được biết rằng bánh xe báu thiêng liêng đã biến mất.' Sau khi nghe như vậy, vị vua ưu sầu và cảm thấy buồn lòng. Ông đã đi đến gặp vua cha (giờ đã xuất gia) và báo với vua cha về tin buồn

đó. Và vua cha đã nói với ông: 'Này con trai, con chớ nên ưu sầu hoặc buồn lòng vì sự biến mất của bánh xe báu. Bánh xe báu không phải là tài sản kế thừa cha ông để lại cho con. Nhưng bây giờ, này con trai, con phải chuyển hóa bản thân mình trở thành một người thánh thiện quay chuyển bánh xe. Và sự kiện đó sẽ xảy ra, nếu con thực thi những bổn-phận của một vị vua thánh thiện quay chuyển bánh xe báu, thì vào ngày lễ rằm Bố-tát [Uposatha]115 khi đó con hãy gội sạch đầu tóc và đi lên mái sân thượng của cung điện vì ngày lễ Bố-tát, thì bánh xe báu sẽ hiện ra cho con, với ngàn căm, đầy đủ vành xe, trục xe, và tất cả các bộ phận.' 5. "'Nhưng thưa cha, cái gì là bổn-phận của một vị vua thánh thiện (thánh vương) quay chuyển bánh xe báu?'—'Đó là như vầy, này con trai: Bản thân con dựa vào Giáo Pháp, tôn vinh Giáo Pháp, tôn kính Giáo Pháp, trân quý Giáo Pháp, lễ lạy Giáo Pháp, và kính trọng Giáo Pháp, lấy Giáo Pháp làm huy hiệu và biểu ngữ của con, nhận lấy Giáo Pháp làm người thầy của con, con phải thiết lập Giáo Pháp làm người phòng hộ, người canh giữ, và người bảo vệ chân chính cho gia đình dòng tộc của con, cho những đạo quân của con, cho những người giai cấp chiến-sĩ và nông-thương, cho các bà-la-môn và gia chủ, cho dân thành thị và thôn quê, cho những tu sĩ và các bà-la-môn, cho những loài thú và chim muông. Không để có bọn tội phạm lộng hành trong vương quốc của con, và đối với những người nghèo đói, con hãy phân phát của cải tài sản cho họ. Và đối với những tu sĩ và bà-la-môn trong vương quốc

của con đã từ bỏ đời sống dính dục và đã cống hiến bản thân theo hạnh nhẫn-nhục và hiền-từ, mỗi người lo thuần hóa bản thân, và mỗi người phấn-đấu (tinh cần tu tập) để chấm dứt dục-vọng; vào lúc này lúc khác con nên đến gặp họ và hỏi họ: “Thưa các thầy, những điều nào là thiện và những điều nào là bất thiện, những nào là tội lỗi và những nào là không tội lỗi, những gì cần nên làm theo và những gì không nên làm theo? Hành- động nào về lâu dài dẫn tới nguy-hại và ưu-sầu, và hành-động nào dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc?”116 Sau khi nghe họ nói, con nên tránh bỏ những điều bất thiện và làm những điều thiện lành. Này con trai, đó là bổn -của một vị vua thánh thiện quay chuyển bánh xe.

“‘Dạ, thưa cha’, nhà vua nói, và sau đó nhà vua đã thực thi những bổn- phận của một vị vua thánh thiện quay chuyển bánh xe báu. Và khi nhà vua làm vậy, vào ngày rằm Bố-tát, lúc đó nhà vua gội sạch đầu tóc và đi lên mái sân thượng của cung điện vì ngày lễ Bố-tát, lúc đó bánh xe báu thiêng liêng đã hiện ra cho nhà vua, với ngàn căm, đầy đủ vành xe, trục xe, và tất cả các bộ phận. Rồi nhà vua nghĩ rằng: ‘Ta nghe nói khi một vị vua giai cấp chiến- sĩ đã được xức dầu phong vương nhìn thấy một bánh xe như vậy vào ngày rằm Bố-tát, thì ông ấy sẽ trở thành một vị vua quay chuyển bánh xe. Liệu ta có thể trở thành một vị thánh vương như vậy hay không?’ 6. “Rồi sau đó, đứng đậy từ chỗ ngồi, kéo xếp y che một vai, nhà vua cầm một bát vàng bằng tay trái, tay phải rải nước lên bánh xe, và nói: ‘Cầu mong bánh xe báu thánh thiện quay chuyển, cầu mong bánh xe báu thánh thiện chinh phục!’ Bánh xe lăn chuyển về hướng đông, và nhà vua đi theo cùng với quân đội bốn binh chủng. Và bất cứ đất nước nào bánh xe dừng lại, nhà vua tiếp quản nơi đó bằng đạo quân bốn binh chủng của mình. Và những người đối nghịch với ông ở vùng phía đông đã đến và thưa: ‘Xin nghinh tiếp Đại Vương. Chúng tôi là hầu thần của ngài. Đại Vương hãy trị vì chúng tôi.’ Và nhà vua nói rằng: ‘Không sát-sinh. Không gian-cắp. Không tà-dâm tà dục. Không nói-dối nói láo. Không uống rượu và những chất độc hại. Hãy thụ hưởng những thứ các người đã có như trước giờ.’117 Và những người đối nghịch với nhà vua ở vùng phía đông đã trở thành những chư hầu của nhà vua quay chuyển bánh xe báu. 7. “Rồi bánh xe lăn chuyển về hướng nam, tây, và bắc … [giống đoạn 6. kế trên] … Rồi bánh xe báu, sau khi đã chinh phục các vùng đất từ bờ biển này qua bờ biển khác, rồi nó quay lại kinh thành, và đứng lại trước cung điện của nhà vua như để trang hoàng cho cung điện, trong khi nhà vua đang ngự triều xử lý việc chính sự.” (trích DN 26: Cakkavatti-Sihanāda Sutta) (Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe-Tiếng Gầm Sư Tử)

(6) Mang Lại Sự Bình Yên Cho Xứ Sở 9. Sau khi ngồi xuống một bên, bà-la-môn Kūtadanta đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thầy Cồ-đàm, tôi đã nghe thầy am hiểu về cách tổ chức thành công ba loại lễ tế với mười sáu đồ vật hiến tế. Giờ tôi không hiểu biết hết những lễ nghi này, nhưng tôi muốn làm một lễ hiến tế lớn. Sẽ tốt lành nếu Thầy Cồ-đàm chỉ giải về việc này cho tôi.” “Vậy ông hãy lắng nghe, này bà-la-môn, hãy chú tâm kỹ càng, ta sẽ giải thích.”—“Dạ, thưa ngài”, bà-la-môn Kūtadanta đáp lại, và

đức Thế Tôn tiếp tục nói: 10. “Này bà-la-môn, xưa kia có một vị vua tên là Mahāvijita. Ông ta giàu có, nhiều tài sản và tài lực, nhiều vàng bạc, nhiều của cải và đồ đạc, nhiều tiền và những thứ đáng tiền, đầy kho của báu và kho thóc lúa. Và khi Vua Mahāvijita đang suy xét một mình nơi riêng tư, ý-nghĩ này đã khởi sinh trong ông ấy: ‘Ta đã có được tài sản lớn lao đối với tiêu chuẩn của loài người, ta chiếm hữu một vùng lãnh thổ lớn lao mà ta đã chinh phục được. Vậy bây giờ ta nên làm một lễ hiến tế lớn để ta có được thêm ích-lợi và hạnh-phúc lâu dài.’ Nghĩ như vậy nên ông cho gọi quan chủ tế của ông 118 Và ông nói ý-nghĩ của mình. ‘Ta muốn làm một lễ hiến tế lớn. Hãy hướng dẫn cho ta, này quan chủ tế, làm sao để cho ta có được ích-lợi và hạnh-phúc đời đời.’ 11. “Vị chủ tế trả lời: ‘Đất nước của Hoàng Thượng đang bị loạn bởi quân trộm cướp. Đất nước đang bị tàn phá; làng mạc và đô thị đang bị phá hủy; thôn quê thì đầy rẫy trộm cướp. Nếu Hoàng Thượng cứ đánh thuế lãnh thổ này, đó là việc làm sai lầm. Nếu như Hoàng Thượng nghĩ rằng: “Ta sẽ trừ diệt hết bọn trộm cướp bằng cách xử trảm hay nhốt tù, hoặc bằng cách tịch thu, đe dọa, và đày ải” thì cũng không chấm dứt được nạn trộm cướp một cách đúng đắn. Những kẻ còn sống soát sau này cũng sẽ phá hoại bờ cõi của Hoàng Thượng. Nhưng, với kế hoạch này bệ hạ có thể trừ sạch nạn trộm cướp. (Đó là:) Trong vương quốc của bệ hạ, những ai tham gia vào nghề trồng trọt và chăn nuôi, Hoàng Thượng nên phát cho họ lúa và thức ăn gia

súc; đối với những ai buôn bán, hãy giúp cho vốn liếng; đối với những ai làm công vụ cho triều đình thì phát lương bổng phù hợp để họ đủ sống. Vậy thì những người đó sẽ lo chuyên tâm về nghề nghiệp của mình, sẽ không còn phá hoại vương quốc nữa. Thu nhập của Hoàng Thượng sẽ càng lớn hơn; lãnh thổ sẽ được yên bình và không bị phá hoại bởi quân trộm cướp nữa; và mọi người, với niềm vui tươi trong lòng họ, sẽ được vui vầy với con cái, sẽ sống trong những ngôi nhà cửa mở (không cần đóng khóa cửa).’ “Và (nhà vua) nói rằng: ‘Hãy làm như vậy!’, nhà vua chấp nhận lời khuyên của quan chủ tế: nhà vua cho lúa và thức ăn gia súc cho những người làm nghề trồng trọt và chăn nuôi, chu cấp vốn liếng cho những người làm nghề buôn bán, phát lương bổng phù hợp đủ sống cho những người làm công vụ. Rồi những người đó, chỉ lo chuyên tâm về nghề nghiệp của mình, đã không còn phá hoại vương quốc nữa. Thu nhập của nhà vua càng lớn hơn; lãnh thổ đã được yên bình và không còn bị phá hoại bởi quân trộm cướp; và những người đó, với niềm vui tươi trong lòng mình, được vui vầy với con cái, đã sống trong những ngôi nhà cửa để mở.” (trích DN 5: Kūtadanta Sutta)

Chương V. CON ĐƯỜNG DẪN TỚI SỰ TÁI SINH PHÚC LÀNH

Chương V – Con Đường Dẫn Tới Sự Tái Sinh Phúc Lành • 137

1. QUY LUẬT NGHIỆP (Kamma) (1) Bốn Loại Nghiệp “Này các Tỳ kheo, có bốn loại nghiệp này đã được ta tuyên bố sau khi ta đã tự mình chứng ngộ chúng bằng trí-biết trực tiếp. Bốn đó là gì? (1) Nghiệp tối có quả tối; (2) nghiệp sáng có quả sáng; (3) nghiệp tối và sáng có quả tối và sáng; (3) và nghiệp không tối cũng không sáng không có quả

tối hay sáng nào nữa, là nghiệp dẫn tới sự diệt-nghiệp. Đây là bốn loại nghiệp đã được ta tuyên bố sau khi ta đã tự mình chứng ngộ chúng bằng trí-biết trực tiếp. (1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nghiệp tối có quả tối? Ở đây, có người làm sự tạo-tác cố ý của thân gây khổ đau (thân hành khổ), sự tạo-tác cố ý của lời-nói gây khổ đau (khẩu hành khổ), và sự tạo-tác cố ý của tâm gây khổ đau (tâm hành khổ).119 Hệ quả là, người đó bị tái sinh trong một cảnh giới thống khổ. Khi người đó bị tái sinh trong cảnh giới đó, những sự tiếp- xúc thống khổ tiếp xúc người đó. Do bị tiếp xúc với những sự tiếp-xúc thống khổ, người đó cảm nhận những cảm-giác thống khổ, chỉ toàn đau đớn, như trong trường hợp những chúng sinh trong địa ngục. Đây được gọi là nghiệp tối có quả tối. (2) “Và cái gì là nghiệp sáng có quả sáng? Ở đây, có người làm sự tạo- tác cố ý bằng thân không gây khổ đau (thân hành không khổ), sự tạo-tác cố ý bằng lời-nói không gây khổ đau (khẩu hành không khổ), và sự tạo-tác cố ý bằng tâm không gây khổ đau (tâm hành không khổ).120 Hệ quả là, người đó được tái sinh trong một cảnh giới không khổ đau.121 Khi người đó được tái sinh trong cảnh giới đó, những sự tiếp-xúc không khổ đau tiếp xúc người đó. Do tiếp xúc với những sự tiếp-xúc không khổ đau, người đó cảm nhận những cảm-giác không khổ đau, chỉ toàn sướng, như trong trường hợp những thiên- thần trong cõi trời hào quang chói lọi (Biến tịnh thiên).122 Đây được gọi là nghiệp sáng có quả sáng. (3) “Và cái gì là nghiệp tối và sáng có quả tối và sáng? Ở đây, có người làm cả hai loại sự tạo-tác cố ý bằng thân gây khổ đau và không gây khổ đau

(thân hành khổ và không khổ), cả hai loại sự tạo-tác cố ý bằng lời-nói gây khổ đau và không gây khổ đau (khẩu hành khổ và không khổ), cả hai loại sự tạo-tác cố ý bằng tâm gây khổ đau và không gây khổ đau (tâm hành khổ và không khổ). Hệ quả là người đó bị tái sinh trong một cảnh giới vừa có khổ đau và không có khổ đau. Khi người đó được tái sinh trong cảnh giới đó, những sự tiếp-xúc khổ đau và không khổ đau tiếp xúc người đó. Do tiếp xúc với những sự tiếp-xúc khổ đau và không khổ đau, người đó cảm nhận những cảm-giác loại khổ đau và loại không khổ đau, như trong trường hợp chúng sinh con-người và một số thiên-thần trong những cõi thấp hơn (như những quỷ thần a-tu-la, những địa thần). Đây được gọi là nghiệp tối và sáng có quả tối và sáng. (4) “Và cái gì là nghiệp không tối cũng không sáng không có quả tối hay sáng nào nữa, là nghiệp dẫn tới sự diệt-nghiệp? Sự cố-ý (tư) để dẹp bỏ loại nghiệp tối có quả tối, sự cố-ý để dẹp bỏ loại nghiệp sáng có quả sáng, và sự cố-ý để dẹp bỏ loại nghiệp sáng và tối có quả tối và sáng (dẹp bỏ ba loại nghiệp thuộc (1), (2), (3) ở trên): đây được gọi là nghiệp không tối cũng không sáng không có quả tối hay sáng nào nữa, là nghiệp dẫn tới sự diệt- nghiệp.123 “Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại nghiệp đã được ta tuyên bố sau khi ta đã tự mình chứng ngộ chúng bằng trí-biết trực tiếp.”

(AN 4:233)

(2) Tại Sao Chúng Sinh Tái Sinh Vào Những Cảnh Giới Khác Nhau Sau Khi Chết 1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần khi đức Thế Tôn đang đi du hành trong xứ Kosala (Kiều-tất-la) cùng với một Tăng đoàn nhiều Tỳ kheo, và cuối cùng đã tới một ngôi làng của những bà-la-môn người Kosala tên là làng Sālā.

2. Những gia chủ bà-la-môn ở làng Sālā đã nghe rằng: “Sa-môn Cồ- Đàm, người con họ tộc Thích-Ca đã xuất gia khỏi dòng họ Thích-Ca, đang đi du hành trong nước Kosala cùng với Tăng Đoàn nhiều Tỳ kheo và mới vừa đến làng Sālā. Tin tốt lành về Thầy Cồ-đàm đang được lan truyền như vầy: ‘Đức Thế Tôn đó là bậc đã tu-thành [A-la-hán] và đã giác-ngộ toàn thiện [Toàn Giác], đã thành tựu về trí-biết đích thực (chân trí, minh) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ [Phật], bậc Thế Tôn. Sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, bậc ấy đã công bố lại cho những người khác biết. Bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp tốt lành lúc đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; bậc ấy cho thấy một đời sống tâm linh là toàn thiện và tinh khiết.’ Giờ sẽ tốt lành nếu chúng ta đi gặp những vị A-la- hán đó.” 3. Rồi các gia chủ bà-la-môn của làng Sālā đã đến gặp đức Thế Tôn. Một số kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên; một số chào hỏi qua lại, và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên; một số chỉ đứng từ xa chấp tay kính chào về phía đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên; một số tự xưng tên và họ trước mặt đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên; một số chỉ im lặng và ngồi xuông một bên. 4. Sau khi đã ngồi xuống, họ nói với đức Thế Tôn: “Thầy Cồ-đàm, nguyên-nhân (nhân) và điều-kiện (duyên) nào là lý do có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới khổ đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi dưới, trong địa ngục? Và nguyên-nhân và điều-kiện nào là lý do có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời?” 5. “Này các gia chủ, bởi lý do là hành-vi không đúng đắn, hành-vi không đúng theo Giáo Pháp, cho nên có những chúng sinh ở đây, khi thân

tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới khổ đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Bởi lý do là hành-vi đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp, cho nên có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.” 6. “Chúng tôi không hiểu được ý-nghĩa chi tiết lời nói đó của Thầy Cồ- đàm, trong đó thầy đã nói vắn tắt nhưng không phân giải chi tiết. Sẽ tốt lành nếu Thầy Cồ-đàm chỉ dạy Giáo Pháp cho chúng tôi để chúng tôi có thể hiểu được ý-nghĩa chi tiết của lời nói đó của thầy.” “Này các gia chủ, vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.” “Dạ, thưa ngài”, họ đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này: 7. (I) “Này các gia chủ, có ba loại hành-vi của thân (thân hành) không đúng đắn, hành-vi không đúng theo Giáo Pháp. Có bốn loại hành-vi của lời- nói (khẩu hành) không đúng đắn, hành-vi không đúng theo Giáo Pháp. Có ba loại hành-vi của tâm (tâm hành) không đúng đắn, hành-vi không đúng theo Giáo Pháp. 8. “Và, này các gia chủ, theo cách nào là có ba loại hành-vi thân không đúng đắn, hành-vi không đúng theo Giáo Pháp? (1) Ở đây có người sát-sinh; người đó giết hại, tay

vấy máu, đánh đấm và bạo lực, tàn nhẫn với những chúng sinh đang sống. (2) Người đó gian-cắp; lấy trộm lấy cắp tài sản và đồ đạc của người khác trong làng hay trong rừng. (3) Người đó tà-dâm tà dục; người có quan hệ tính dục với những phụ nữ được bảo vệ bởi mẹ, cha, anh, chị, người thân của họ, người phụ nữ đã có chồng, người phụ nữ được bảo vệ bởi pháp luật, và thậm chí những người phụ nữ đã đính hôn. Đó là cách có ba loại hành-vi thân (hành-động) không đúng đắn, hành-vi không đúng theo Giáo Pháp. “Và, này các gia chủ, theo cách nào là có bốn loại hành-vi lời-nói không đúng đắn, hành-vi không đúng theo Giáo Pháp? (1) Ở đây có người nói-dối nói láo; khi được gọi tới pháp đình (tòa án), hay tới nơi họp mặt, hoặc tới nơi

có mặt những người họ tộc của mình, hoặc tới chỗ phường hội (đoàn thể, bang hội) của mình, hoặc tới trước mặt gia đình hoàng tộc, và được hỏi như một nhân chứng: ‘Này anh, hãy nói những gì anh biết’; không biết, nhưng người đó lại nói ‘Tôi biết’, hoặc có biết, nhưng người đó lại nói ‘Tôi không biết’; không nhìn thấy, nhưng người đó lại nói ‘Tôi nhìn thấy’, hoặc có nhìn thấy, nhưng người đó lại nói ‘Tôi không nhìn thấy’; người nói sai sự thật với sự ý thức hoàn toàn (cố ý) vì lợi ích của mình, hay vì lợi ích người khác, hoặc chỉ vì lợi ích nhỏ nhặt nào đó. (2) Người đó nói lời ma-mãnh; người đó mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người này với người nọ; hoặc người đó mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người nọ với người kia; vậy người đó là kẻ chia rẽ những người đang đoàn kết, là kẻ tạo ra những sự chia rẽ, kẻ thích nhìn người khác bất hòa, vui mừng khi nhìn thấy người khác bất hòa, là kẻ nói những lời gây ra sự bất hòa. (3) Người đó nói lời gắt-gỏng nạt nộ; người đó nói những lời thô tục, khó nghe, làm tổn thương người khác, làm sỉ nhục người khác, bộc lộ sự sân-giận, không dẫn tới sự tập-trung (định tâm). (4) Người đó nói chuyện tầm-phào tán dóc; người đó nói không đúng lúc, nói phù phiếm chẳng sự thật gì, nói điều vô ích, nói ngược với Giáo Pháp và Giới Luật; vào những lúc không thích hợp người đó nói những lời không đáng nói, không hữu lý, không chừng mực, và không ích lợi. Đó là cách có bốn loại hành-vi miệng (lời-nói) không đúng đắn, hành-vi không đúng theo Giáo Pháp. 10. “Và, này các gia chủ, theo cách nào là có ba loại hành-vi tâm không đúng đắn, hành-vi không đúng theo Giáo Pháp? (1) Ở đây có người thèm- muốn (tham). Người đó thèm muốn sự giàu có và của cải của người khác như vầy: ‘Làm sao những gì của họ là của ta!’. (2) Hoặc người đó có một cái tâm ác-ý (sân, ác) và những ý-định thù ghét như vầy: ‘Cầu cho những chúng sinh này bị giết, bị tàn sát, bị chém đầu, bị hủy diệt, hay bị diệt vong!’. (3) Hoặc người đó có cách-nhìn sai lạc (tà-kiến) theo kiểu như vầy: (đối với người đó) [‘Không thứ gì (cần nên) được cho đi (vì không có phước quả từ việc cho đi, không cần phải bố thí), không thứ gì được cúng dường, không thứ gì được hiến tặng hay hy sinh; không có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu nào cho

những hành động tốt và xấu; không có thế giới (đời) này, không có thế giới (đời) khác; không mẹ, không cha; không có chúng sinh nào được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); không có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh nào

trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng trí- biết trực tiếp và đi công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.']124 Đó là cách có ba loại hành-vi tâm (tâm-ý) không đúng đắn, hành-vi không đúng theo Giáo Pháp. 11. (II) "Này các gia chủ, có ba loại hành-vi thân (thân hạnh) đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp. Có bốn loại hành-vi lời-nói (khẩu hạnh) đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp. Có ba loại hành-vi tâm (tâm hạnh) đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp. 12. "Và, này các gia chủ, theo cách nào là có ba loại hành-vi thân đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp? (1) Ở đây, có người, sau khi dẹp bỏ sự sát-sinh; người đó kiêng cữ sự sát-sinh, tay không vấy máu, không đánh đấm và bạo lực, không tàn nhẫn với chúng sinh đang sống; dẹp bỏ mọi gậy gộc và vũ khí, có lương tâm, nhân từ, người đó sống bi-mẫn với mọi chúng sinh đang sống. (2) Sau khi dẹp bỏ sự gian-cắp, người đó kiêng cữ sự lấy trộm lấy cắp tài sản và đồ đạc của người khác trong làng hay trong rừng. (3) Sau khi dẹp bỏ sự tà-dâm tà dục; người đó kiêng cữ sự quan hệ tính dục với những phụ nữ được bảo vệ bởi mẹ, cha, anh, chị, người thân của họ; phụ nữ đã có chồng, người phụ nữ được bảo vệ bởi pháp luật, và cả những người phụ nữ đã đính hôn. Đó là cách có ba loại hành-vi thân (hành-động) đúng đắn, hành- vi đúng theo Giáo Pháp. 13. "Và, này các gia chủ, theo cách nào là có bốn loại hành-vi lời-nói đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp? (1) Ở đây, có người sau khi dẹp bỏ sự nói-dối nói láo, người đó kiêng cữ sự nói-dối nói láo; khi được gọi tới pháp đình (tòa án), hay tới nơi họp mặt, hoặc tới nơi có mặt những người họ tộc của mình, hoặc tới chỗ phường hội của mình, hoặc tới trước mặt gia đình hoàng tộc, và được hỏi như một nhân chứng: 'Này anh, hãy nói những gì anh biết'; không biết, người đó nói 'Tôi không biết', hoặc có biết, người đó nói

'Tôi biết'; không nhìn thấy, người đó nói 'Tôi không nhìn thấy', hoặc có nhìn thấy, người đó nói 'Tôi có nhìn thấy'; người không nói sai sự thật với sự ý thức hoàn toàn (cố ý) vì lợi ích của mình, hay vì lợi ích người khác, hoặc chỉ vì lợi ích nhỏ nhặt nào đó. (2) Sau khi dẹp bỏ lời nói ma-mãnh, người đó kiêng cữ lời nói ma-mãnh; người đó không mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người này với người nọ, người đó không mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người nọ với người kia; như vậy người đó là người đoàn kết những người bị chia rẽ, là người xây dựng tình bạn hữu, người đó thích nhìn thấy người khác hòa thuận, vui mừng khi nhìn thấy người khác hòa thuận, là người nói những lời tạo ra sự hòa thuận. (3) Sau khi dẹp bỏ lời nói gắt-gỏng nạt nộ, người đó kiêng cữ sự nói lời nói gắt-gỏng nạt nộ; người đó nói lời nhẹ nhàng, dễ nghe và thân mến, như đi vào lòng người, nói lời lễ độ, được nhiều người muốn nghe, và được nhiều người hài lòng. (4) Sau khi dẹp bỏ lời nói tầm-phào tán dóc, người đó kiêng cữ sự nói lời lời nói tầm-phào tán dóc; người đó nói đúng lúc thích hợp, nói điều là sự thật, nói những điều tốt lành, nói về Giáo Pháp và Giới Luật; vào lúc thích hợp người đó nói những lời đáng nói đáng nghe, hữu lý, đúng mực, và có ích lợi. Đó là cách có bốn loại hành-vi miệng (lời-nói) đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp. 14. "Và, này các gia chủ, theo cách nào là có ba loại hành-vi tâm đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp? (1) Ở đây, có người không thèm-muốn (không tham); người đó không thèm muốn tài sản và đồ đạc của người khác với ý như vầy: 'Làm sao những gì của họ là của

ta!'. (2) Tâm của người đó không có sự ác-ý (không sân, không ác), và người đó có những ý-định phi thù phi ghét như vầy: 'Cầu cho mọi chúng sinh không còn thù hận, khổ đau và lo âu! Cầu cho họ sống hạnh phúc!'. (3) Và người đó có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) như vầy: (đối với người đó) ['Có thứ (cần) được cho đi (và có phước quả từ việc cho đi, bố thí), có thứ được cúng dường, có thứ được dâng hiến hy sinh; có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu cho những hành động tốt và xấu; có thế giới (đời) này, có thế giới (đời) khác; có mẹ, có cha; có những chúng sinh được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh trong thế gian này đã tự

mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.'] Đó là cách có ba loại hành-vi tâm (tâm-ý) đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp. "Do vậy, này các gia chủ, bởi do hành-vi đúng đắn như vậy, bởi do hành-vi đúng theo Giáo Pháp như vậy, nên có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. 15. "Này các gia chủ, nếu ai sống giữ hành-vi đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp, người đó nên ước rằng: 'Ôi, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu mong tôi được tái sinh vào chỗ những người quý-tộc [giai cấp chiến-sĩ] giàu có (phát đạt)!', thì có thể rằng, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó sẽ được tái sinh vào chỗ những người quý-tộc giàu có. Vì sao được vậy? Bởi vì người đó sống giữ hành-vi đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp. 16.–17 "Này các gia chủ, nếu ai sống giữ hành-vi đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp, người đó nên ước rằng: 'Ôi, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu mong tôi được tái sinh vào chỗ những bà-la-môn giàu có … những gia chủ giàu có!', thì có thể rằng, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó sẽ được tái sinh vào chỗ những bà-la-môn giàu có … những gia chủ giàu có. Vì sao được vậy? Bởi vì người đó sống giữ hành-vi đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp. 18.–42. "Này các gia chủ, nếu ai sống giữ hành-vi đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp, người đó nên ước rằng: 'Ôi, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu mong tôi được tái sinh (a) (i) trong số những thiên thần của cõi trời Tứ Đại Thiên Vương! … (ii) những thiên thần của cõi trời Ba Mươi Ba (Tāvatimsa, Đao-lợi) … (iii) những thiên thần của cõi trời Yāma (Dạ-ma) … (iv) những thiên thần của cõi trời Tusita (Đâu-suất) … (v) trong cõi trời của những thiên thần thích sáng tạo (Hóa lạc thiên) … (vi) trong cõi trời của những thiên thần kiểm soát những sáng tạo của thiên thần khác (Tha hóa tự tại thiên) … (b) (i) trong số những thiên thần là tùy tùng của Trời Brāhma (Phạm chúng thiên) … (0) trong số những thiên thần phát quang125… (ii)

những thiên thần phát quang hạn lượng (thiểu quang thiên) … (iii) những thiên thần phát quang vô lượng (vô lượng quang thiên) … (iv) những thiên thần phát quang thành dòng (quang âm thiên) … (0) trong số những thiên thần có hào quang (như hào quang xung quanh đầu) … (v) những thiên thần có hào quang hạn lượng (thiểu tịnh thiên) … (vi) những thiên thần có hào quang vô lượng (vô lượng tịnh thiên) … (vii) những thiên

thần có hào quang chói lọi (biến tịnh thiên) … (viii) những thiên thần có phúc quả lớn (quảng quả thiên) … (c) (i) trong số những thiên thần ở cõi trời bền chắc (vô đọa thiên) [aviha] … (ii) những thiên thần ở cõi trời tịch tịnh (vô phiền thiên) [atappa] … (iii) những thiên thần ở cõi trời trong-sạch (tịnh cư thiên) [suddassa, dành cho những bậc thánh Bất-lai] … (iv) những thiên thần ở cõi trời quang đãng (thiện kiến thiên) [sudassi] … (v) những thiên thần ở cõi trời tối cao (vô song thiên, sắc cứu kính thiên) [akanittha] … (d) (i) trong số những thiên thần thuộc cảnh xứ không-gian vô biên (không vô biên xứ) … (ii) những thiên thần thuộc cảnh xứ thức vô biên (thức vô biên xứ) … (iii) những thiên thần thuộc cảnh xứ không-có-gì (vô sở hữu xứ) … (iv) những thiên thần thuộc cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tưởng phi phi tưởng xứ)!', thì có thể rằng, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó sẽ được tái sinh vào cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tưởng phi phi tưởng xứ). Vì sao được vậy? Bởi vì người đó sống giữ hành-vi đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp. 43. "Này các gia chủ, nếu ai sống giữ hành-vi đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp, người đó nên ước rằng: 'Ôi, cầu mong tôi có thể ngay trong kiếp này, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của-tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ với sự (đã) tiêu-diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận)!', thì có thể rằng, ngay trong kiếp này, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, người đó sẽ chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của-tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ với sự (đã) tiêu-diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận). Vì sao vậy? Bởi do nhờ người đó sống giữ theo hành-vi đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp."126

146 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

44. Sau khi lời này được nói ra, những gia chủ bà-la-môn ở làng Sālā đã thưa với đức Thế Tôn: "Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật tuyệt vời, thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, giống như Thầy đang dựng đứng lại thứ đã bị quăng đổ, khai mở những thứ bị che dấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng có thể nhìn thấy mọi thứ. Nay chúng tôi xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng đoàn các Tỳ kheo. Mong Thầy Cồ-đàm chấp nhận chúng con là những đệ tử tại gia đã quy y nương tựa từ nay đến cuối đời." (MN 41: Sāleyyaka Sutta) (Kinh Những Bà-la-môn ở Sālā)

(3) Nghiệp và Nghiệp Quả 1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc 2. Lúc đó có môn sinh bà-la-môn Subha, là con trai của bà-la-môn Todeyya, đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức.127 Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, anh ta ngồi xuống một bên và nói với đức Thế Tôn: 3. "Thưa Thầy Cồ-đàm, tại sao chúng sinh có người kém cỏi và có người giỏi giang? Trong loài người có người chết trẻ và có người sống lâu, có người bệnh tật và có người khỏe mạnh, có người xấu và có người đẹp, có người không uy thế và có người có uy thế, có người nghèo và có người giàu, có người sinh ra thấp hèn và có người sinh ra cao sang, có người ngu và có người khôn. Thầy Cồ-đàm, tại sao trong chúng sinh có những người hơn kém, khác nhau như vậy?" (Tóm lược)

4. “Này môn sinh, những chúng sinh là chủ nhân của nghiệp của họ, là người thừa tự của nghiệp của họ; họ sinh ra từ nghiệp của họ, dính líu theo

nghiệp của họ, có nghiệp là nơi nương tựa của họ. Chính nghiệp làm cho những chúng sinh hơn kém, khác nhau.” “Tôi không hiểu được ý-nghĩa chi tiết trong những lời mà Thầy Cồ- Đàm mới nói ra một cách ngắn gọn nhưng không giảng giải một cách chi tiết. Sẽ tốt lành nếu Thầy Cồ-đàm chỉ dạy cho tôi về Giáo Pháp nhờ đó tôi có thể hiểu được ý-nghĩa chi tiết trong những lời đó của thầy.” “Này môn sinh, vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.” “Dạ, thưa ngài ”, Subha đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này: (Phân giải)

5. [1] (a) “Ở đây, này môn sinh, có người [nam hoặc nữ] sát-sinh; người đó giết hại, tay vấy máu, đánh đấm và bạo lực, tàn nhẫn với những chúng sinh đang sống. Bởi do có làm và chủ tâm hành động như vậy, nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Nhưng nếu khi thân tan rã, sau khi chết, người đó không bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, hay trong địa ngục, mà được tái sinh làm người trở lại, thì cho dù có tái sinh vào chỗ nào người đó cũng bị chết-yểu.128 Này môn sinh, đây là cách dẫn đến sự chết-yểu, đó là, một người sát-sinh và giết hại, tay vấy máu, tay vấy máu, đánh đấm và bạo lực, tàn nhẫn với những chúng sinh đang sống. 6. (b) “Nhưng, ở đây, này môn sinh, có người sau khi dẹp bỏ sát-sinh, kiêng cữ sự sát-sinh; dẹp bỏ gậy gộc và vũ khí, hiền từ và tốt bụng, người đó sống [an trú] bi-mẫn đối với tất cả mọi chúng sinh đang sống. Bởi do có làm và chủ tâm hành động như vậy, nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Nhưng nếu khi thân tan rã, sau khi chết, người đó không tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời, mà tái sinh làm người trở lại, thì cho dù có tái sinh vào chỗ nào người đó cũng được sống-thọ.129 Này môn sinh, đây là cách dẫn đến sự sống-thọ, đó là, sau khi dẹp bỏ sát-sinh, một người kiêng cữ sự

sát-sinh; dẹp bỏ gậy gộc và vũ khí, hiền từ và tốt bụng, người đó sống bi-mẫn đối với tất cả mọi chúng sinh đang sống. 7. [2] (a) “Ở đây, này môn sinh, có người làm tổn thương chúng sinh bằng tay, bằng đá cục, bằng gậy gọc, hoặc bằng dao. Bởi do có làm và chủ tâm hành động như vậy, nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa … Nhưng nếu khi thân tan rã … mà được tái sinh làm người trở lại, thì cho dù tái sinh vào chỗ nào người đó cũng bị bệnh-tật. Này môn sinh, đây là cách dẫn đến sự bị bệnh-tật, đó là, một người làm tổn thương chúng sinh bằng tay, bằng đá cục, bằng gậy gọc, hoặc bằng dao. 8. (b) “Nhưng, ở đây, này môn sinh, có người không làm tổn thương chúng sinh bằng đá cục, bằng gậy gọc, hoặc bằng dao. Bởi do có làm và chủ tâm hành động như vậy, nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành … Nhưng nếu khi thân tan rã … mà tái sinh làm người trở

lại, thì cho dù tái sinh vào chỗ nào người đó cũng được khỏe- mạnh. Này môn sinh, đây là cách dẫn đến sự được khỏe-mạnh, đó là, một người không làm tổn thương chúng sinh bằng tay, bằng đá cục, bằng gậy gọc, hoặc bằng dao. 9. [3] (a) Ở đây, này môn sinh, có người luôn sân-giận và có tính cách nóng nảy; ngay cả khi bị góp ý hay trách rầy một chút, người đó cũng thấy bị xúc phạm, trở nên tức giận, phẫn nộ và căm ghét, và thể hiện sự tức giận, thù ghét, cay đắng. Bởi do có làm và chủ tâm hành động như vậy … người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa … Nhưng nếu khi thân tan rã … mà được tái sinh làm người trở lại, thì cho dù tái sinh vào chỗ nào người đó cũng bị xấu- xí. Này môn sinh, đây là cách dẫn đến sự xấu-xí, đó là, một người luôn sân- giận và có tính cách nóng nảy … và thể hiện sự tức giận, thù ghét, cay đắng. 10. (b) "Nhưng, ở đây, này môn sinh, có người không sân-giận và không tính cách nóng nảy; ngay cả khi bị góp ý hay trách rầy rất nhiều, người đó cũng không thấy bị xúc phạm, hay trở nên tức giận, phẫn nộ và căm ghét, và không thể hiện sự tức giận, thù ghét, cay đắng. Bởi do có làm và chủ tâm hành động như vậy … người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành

… Nhưng nếu khi thân tan rã … mà tái sinh làm người trở lại, thì cho dù tái sinh vào chỗ nào người đó cũng được đẹp-đẽ. Này môn sinh, đây là cách dẫn đến sự đẹp-đẽ, đó là, một người không sân-giận và không có tính cách nóng nảy … và không thể hiện sự tức giận, thù ghét, cay đắng. 11. [4] (a) "Ở đây, này môn sinh, có người hay ghen tỵ, là người ghen tỵ, ghen tức, ghen thèm với những thành đạt, danh dự, sự được tôn trọng, sự được kính trọng, sự được kính chào, và sự được tôn kính mà những người khác nhận được. Bởi do có làm và chủ tâm hành động như vậy … người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa … Nhưng nếu khi thân tan rã … mà được tái sinh làm người trở lại, thì cho dù tái sinh vào chỗ nào người đó cũng không có uy-thế. Này môn sinh, đây là cách dẫn đến sự không có uy-thế, đó là, một người ghen tỵ … với những thành đạt, danh dự, sự được tôn trọng, sự được kính trọng, sự được kính chào, và sự được tôn kính mà những người khác nhận được. 12. (b) "Nhưng, ở đây, này môn sinh, có người không ghen tỵ, là người không ghen tỵ, ghen tức, ghen thèm với những thành đạt, danh dự, sự được tôn trọng, sự được kính trọng, sự được kính chào, và sự được tôn kính mà những người khác nhận được. Bởi do có làm và chủ tâm hành động như vậy … người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành … Nhưng nếu khi thân tan rã … mà tái sinh làm người trở lại, thì cho dù tái sinh vào chỗ nào người đó cũng có uy-thế. Này môn sinh, đây là cách dẫn đến sự có được uy-thế, đó là, một người người không ghen tỵ … với những thành đạt, danh dự, sự được tôn trọng, sự được kính trọng, sự được kính chào, và sự được tôn kính mà những người khác nhận được. 13. [5] (a) "Ở đây, này môn sinh, có người không muốn bố-thí (cho đi, cúng dường, dâng, tặng, giúp đỡ, chia sẻ… bất cứ thứ gì như) những thức ăn, thức uống, quần áo, xe cộ, vòng hoa, dầu thơm, thuốc cao; chỗ nằm, chỗ ở, hay đèn nến cho các tu sĩ và bà-la-môn. Bởi do có làm và chủ tâm hành động như vậy … người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa … Nhưng nếu khi thân tan rã … mà được tái sinh làm người trở lại, thì cho dù tái sinh vào chỗ

nào người đó cũng bị nghèo-khó. Này môn sinh, đây là cách dẫn đến sự bị nghèo-khó, đó là, một người không muốn bố-thí những thức ăn … hay đèn nến cho các tu sĩ và bà-la-môn. 14. (b) “Nhưng, ở đây, này môn sinh, có người bố-thí thức ăn … đèn nến cho những tu sĩ và bà-la-môn. Bởi do có làm và chủ tâm hành động như vậy … người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành … Nhưng nếu khi thân tan rã … mà tái sinh làm người trở lại, thì cho dù tái sinh vào chỗ nào người đó cũng được giàu-có. Này môn sinh, đây là cách dẫn đến sự được giàu-có, đó là, một người sống bố-thí những thức ăn … hay đèn nến cho các tu sĩ và bà-la-môn. 15. [6] (a) “Ở đây, này môn sinh, có người ngang-bướng và kiêu-ngạo; người đó không tôn kính những người đáng được tôn kính, không đứng dậy kính chào khi gặp người mình nên đứng dậy kính chào, không nhường chỗ ngồi cho những người đáng được nhường chỗ ngồi, không nhường lối đi cho những người đáng được nhường lối đi, và không tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính những người đáng được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính. Bởi do có làm và chủ tâm hành động như vậy … người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa … Nhưng nếu khi thân tan rã … mà được tái sinh làm người trở lại, thì cho dù có tái sinh vào chỗ nào người đó cũng bị sinh ra thấp-hèn (hạ tiện). Này môn sinh, đây là cách dẫn đến sự sinh ra thấp- hèn, đó là, một người ngang-bướng và kiêu-ngạo … và không tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính những người đáng được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính. 16. (b) “Nhưng, ở đây, này môn sinh, có người không ngang-bướng và không kiêu-ngạo; người đó tôn kính những người đáng được tôn kính, đứng dậy kính chào khi gặp người mình nên đứng dậy kính chào, nhường chỗ ngồi cho những người đáng được nhường chỗ ngồi, nhường lối đi cho những người đáng được nhường lối đi, và tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính những người đáng được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính. Bởi do có làm và chủ tâm hành động như vậy … người đó được tái sinh trong

một nơi-đến tốt lành … Nhưng nếu khi thân tan rã … mà tái sinh làm người trở lại, thì cho dù có tái sinh vào chỗ nào người đó cũng được sinh ra cao-quý (quý tộc). Này môn sinh, đây là cách dẫn đến sự sinh ra cao-quý, đó là, một người không ngang-bướng và không kiêu-ngạo … và tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính những người đáng được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính. 17. [7] (a) “Ở đây, này môn sinh, có người không muốn đi thăm gặp một tu sĩ (sa-môn, sư thầy) hoặc một bà-la-môn để hỏi: ‘Thưa thầy, điều gì là thiện lành? … Loại hành-động nào dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho con?’ Bởi do có làm và chủ tâm hành động như vậy … người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa … Nhưng nếu khi thân tan rã … mà được tái sinh làm người trở lại, thì cho dù có tái sinh vào chỗ nào người đó cũng bị ngu-tối (vô minh). Này môn sinh, đây là cách dẫn đến sự ngu-tối, đó là, một người không muốn đi thăm gặp một tu sĩ hoặc một bà-la-môn để hỏi những câu hỏi như vậy. 18. (b) “Nhưng, ở đây, này môn sinh, có người biết đi thăm gặp một tu sĩ (sa-môn, sư thầy) hoặc một bà-la-môn để hỏi: ‘Thưa thầy, điều gì là thiện lành? … Loại hành-động nào dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho con?’ Bởi do có làm và chủ tâm hành động như vậy … người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành … Nhưng nếu khi thân tan rã … mà tái sinh làm người

trở lại, thì cho dù có tái sinh vào chỗ nào người đó cũng có trí-tuệ. Này môn sinh, đây là cách dẫn đến sự có trí-tuệ, đó là, một người biết đi thăm gặp một tu sĩ hoặc một bà-la-môn để hỏi những câu hỏi như vậy. 19. “Như vậy đó, này môn sinh, cách dẫn đến sự chết-yểu làm cho người ta bị chết-yểu, cách dẫn đến sự sống-thọ làm cho người ta được sống- thọ; cách dẫn đến sự bệnh-tật làm cho người ta sống bị bệnh-tật, cách dẫn đến sự khỏe-mạnh làm cho người ta được khỏe-mạnh; cách dẫn đến sự xấu- xí làm cho người ta bị xấu-xí, cách dẫn đến sự đẹp-đẽ làm cho người ta được đẹp-đẽ; cách dẫn đến sự không có uy-thế làm cho người ta không có uy-thế, cách dẫn tới sự có uy-thế làm cho người ta có được uy-thế; cách dẫn đến sự

nghèo-khó làm cho người ta bị nghèo-khó, cách dẫn đến sự giàu-có làm cho người ta được giàu-có; cách dẫn đến sự sinh ra bị thấp-hèn (hạ tiện) làm cho người ta sinh ra bị thấp-hèn, cách dẫn đến sự sinh ra cao-quý (quý tộc) làm cho người ta sinh ra được cao-quý; cách dẫn đến sự ngu-tối làm cho người ta bị ngu-tối (vô minh), cách dẫn đến trí-tuệ làm cho người ta có trí-tuệ. 20. “Này môn sinh, những chúng sinh là chủ nhân của nghiệp của họ, là người thừa tự của nghiệp của họ; họ sinh ra từ nghiệp của họ, dính líu theo nghiệp của họ, có nghiệp là nơi nương tựa của họ. Chính nghiệp làm cho những chúng sinh hơn kém, khác nhau.” 21. Sau khi lời này được nói ra, môn sinh bà-la-môn Subha, con của bà- la-môn Todeyya, đã thưa với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ- Đàm! Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thầy Cồ-Đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như Thầy đã dựng đứng lại những thứ bị quăng ngã, khai mở điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ đã lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những ai có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-Đàm và theo Giáo Pháp và theo Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Từ hôm nay kính mong Thầy Cồ-Đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.” (MN 135: Cūla-kamma-vibhaṇga Sutta) (Tiểu kinh Phân Biệt Nghiệp)

2. CÔNG ĐỨC: CHÌA KHÓA DẪN TỚI SỰ TÁI SINH PHÚC LÀNH (1) Những Việc Công Đức “Này các Tỳ kheo, đừng sợ những việc công-đức. Việc làm công-đức là đồng nghĩa với hạnh-phúc, là điều đáng mong muốn, đáng mong ước, đáng quý, và đáng vui lòng, đó là những việc công-đức. Này các Tỳ kheo, vì ta đã biết rõ, từ lâu ta đã trải nghiệm những kết quả đáng mong muốn, đáng mong

ước, đáng quý, và đáng vui lòng của sự thường xuyên làm những việc công- đức. “Sau khi tu dưỡng tâm-từ được bảy năm, thì trong bảy đại kiếp (vũ trụ) co và giãn, ta đã không phải quay lại thế gian này. Mỗi đại kiếp co lại, ta tái sinh lên cõi trời chiếu tia sáng thành dòng (Quang âm thiên), và mỗi đại kiếp giãn ra, ta tái sinh lên một lâu đài trống không ở cõi trời. Và ở đó ta từng là một vị Trời Brāhma (Phạm thiên), vị Trời Brāhma lớn (đại Phạm thiên), một bậc tất thắng bất bại, bậc nhìn thấy tất cả, bậc toàn năng toàn lực. Đã ba mươi sáu lần ta là vua trời Sakka (Đế-thích), vua của các thiên thần ở cõi trời đó. Và đã nhiều trăm lần ta là vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển luân

vương), chân chính, một đế vương của sự chân chính, người chinh phục bốn phương của trái đất, duy trì sự ổn định trong lãnh thổ, có đầy đủ bảy loại kho báu. Vậy cần chi phải nói thêm về những kiếp ta chỉ là vua chúa của một xứ? “Này các Tỳ kheo, điều này (câu hỏi) đã xảy đến với ta để tự hỏi: ‘Quả này là do loại nghiệp gì của ta (đã làm)? Sự chín muồi của loại nghiệp nào mà bây giờ ta có được thành-tựu và năng-lực như vậy?’ Và điều này (câu trả lời) đã xảy đến với ta: ‘Nó chính là quả của ba loại nghiệp của ta; sự chín muồi của ba loại nghiệp của ta: chính là kết quả của ba loại việc mà ta đã làm, là sự chín muồi của ba loại nghiệp nên bây giờ ta có được thành-tựu và năng-lực như vậy, đó là: nghiệp do bố-thí, do tự-chủ, và do giữ-giới.’” (It 22; 14–15)

(2) Ba Cơ Sở Của Công Đức “Này các Tỳ kheo, có ba cơ-sở của hành vi (hoạt động, việc làm) công- đức. Ba đó là gì? Cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên (nhờ vào, trọng yếu là, cốt ở) sự bố-thí; cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự giới-hạnh; và cơ- sở của hành vi công-đức dựa trên sự thiền-tập. (1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, có người đã tu tập cơ-sở của hành vi công- đức dựa trên sự bố-thí tới một mức hạn chế; người đó đã tu tập cơ-sở của

hành vi công-đức dựa trên sự giới-hạnh tới một mức hạn chế; nhưng người đó chưa tu tập cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự thiền-tập. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong loài người trong một hoàn cảnh bất lợi (không may, không tốt). (2) “Ở đây, có người đã tu tập cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự bố-thí tới một mức trung bình; người đó đã tu tập cơ-sở của hành vi công- đức dựa trên sự giới-hạnh tới một mức trung bình; nhưng người đó chưa tu tập cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự thiền-tập. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong loài người trong một hoàn cảnh thuận lợi (may mắn, tốt lành). (3) “Ở đây, có người đã tu tập cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự bố-thí tới một mức cao siêu; người đó đã tu tập cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự giới-hạnh tới một mức cao siêu; nhưng người đó chưa tu tập cơ- sở của hành vi công-đức dựa trên sự thiền-tập. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cõi trời [được trị vì bởi] Tứ Đại Thiên Vương. Ở đó có bốn vị vua trời lớn đó, là những người trước kia đã tu tập cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự bố-thí và cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự giới-hạnh một cách cao siêu hơn hết thảy những thiên thần ở cõi trời Tứ Đại Thiên Vương đó về mười phương diện: về tuổi-thọ cõi trời, sắc-đẹp cõi trời, phúc-lạc cõi trời, vinh-quang cõi trời, và quyền-huy cõi trời; và về những hình-sắc, những âm-thanh, những mùi-hương, những mùi- vị, và những đối-tượng chạm-xúc ở cõi trời. (4) “Ở đây, có người đã tu tập cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự bố-thí tới một mức cao siêu; người đó đã tu tập cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự giới-hạnh tới một mức cao siêu; nhưng người đó chưa tu tập cơ- sở của hành vi công-đức dựa trên sự thiền-tập. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cõi trời Đao-lợi (Tāvatiṃsa). Ở đó có vua trời Đế-thích (Sakka), vua của những thiên thần, là người đã trước kia đã tu tập cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự bố-thí và cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự giới-hạnh một cách cao siêu hơn hết

thảy những thiên thần cõi trời Đao-lợi đó về mười phương diện: về tuổi-thọ cõi trời … và những đối-tượng chạm-xúc ở cõi trời. (5) “Ở đây, có người đã tu tập cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự bố-thí tới một mức cao siêu; người đó đã tu tập cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự giới-hạnh tới một mức cao siêu; nhưng người đó chưa tu tập cơ- sở của hành vi công-đức dựa trên sự thiền-tập. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cõi trời Dạ-ma (Yāma). Ở đó có thiên thần trẻ Suyāma, là người đã trước kia đã tu tập cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự bố-thí và cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự giới-hạnh một cách cao siêu hơn hết thảy những thiên thần cõi trời Dạ-ma đó về mười phương diện: về tuổi-thọ cõi trời … và những đối-tượng chạm-xúc ở cõi trời. (6) “Ở đây, có người đã tu tập cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự bố-thí tới một mức cao siêu; người đó đã tu tập cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự giới-hạnh tới một mức cao siêu; nhưng người đó chưa tu tập cơ- sở của hành vi công-đức dựa trên sự thiền-tập. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cõi trời Đâu-suất (Tusita). Ở đó có thiên thần trẻ Santusita, là người đã trước kia đã tu tập cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự bố-thí và cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự giới-hạnh một cách cao siêu hơn hết thảy những thiên thần cõi trời Đâu- suất đó về mười phương diện: về tuổi-thọ cõi trời … và những đối-tượng chạm-xúc ở cõi trời. (7) “Ở đây, có người đã tu tập cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự bố-thí tới một mức cao siêu; người đó đã tu tập cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự giới-hạnh tới một mức cao siêu; nhưng người đó chưa tu tập cơ- sở của hành vi công-đức dựa trên sự thiền-tập. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần vui thích sáng tạo (Hóa lạc thiên). Ở đó có thiên thần trẻ Sunimmita, là người đã trước kia đã tu tập cơ- sở của hành vi công-đức dựa trên sự bố-thí và cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự giới-hạnh một cách cao siêu hơn hết thảy những thiên thần vui

thích sáng tạo đó về mười phương diện: về tuổi-thọ cõi trời … và những đối- tượng chạm-xúc ở cõi trời. (8) “Ở đây, có người đã tu tập cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự bố-thí tới một mức cao siêu; người đó đã tu tập cõ sở tạo công đức dựa trên sự giới-hạnh tới một mức cao siêu; nhưng người đó chưa tu tập cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự thiền-tập. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần kiểm soát những sáng tạo của các thiên thần khác (Tha hóa tự tại thiên). Ở đó có thiên thần trẻ Vasavattī, là người đã trước kia đã tu tập cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự bố-thí và cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự giới-hạnh một cách cao siêu hơn hết thảy những thiên thần kiểm soát những sáng tạo của các thiên thần khác đó về mười phương diện: về tuổi-thọ cõi trời, sắc-đẹp cõi trời, phúc-lạc cõi trời, vinh-quang cõi trời, và quyền-huy cõi trời; và về những hình-sắc, những âm- thanh, những mùi-hương, những mùi-vị, và những đối-tượng chạm-xúc ở cõi trời. “Này các Tỳ kheo, đây là ba cơ-sở của hoạt động công-đức.”

(AN 8:36)

(3) Bốn Loại Niềm-tin Bậc Nhất “Này các Tỳ kheo, có bốn loại bậc nhất của niềm-tin (sự tự tin; tín). Bốn đó là gì? (1) “Dù chúng sinh có cao siêu tới mức nào, từ loài không chân hoặc hai chân, bốn nhân, hoặc nhiều chân, có sắc-thân hoặc không có sắc-thân (sắc hay phi sắc), có nhận-thức (tưởng) hoặc không có nhận-thức (phi tưởng), cho tới loại không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tưởng phi phi tưởng), thì Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác được tuyên bố là bậc nhất trong tất cả mọi loài. Những ai có niềm-tin vào Phật là có niềm-tin vào bậc bậc nhất, và những ai có niềm-tin vào bậc bậc nhất thì kết quả là bậc nhất.

(2) “Dù những hiện-tượng có điều-kiện (pháp hữu vi) có cao siêu tới mức nào, thì Con Đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo) được tuyên bố là bậc nhất trong tất cả mọi sự. Những ai có niềm-tin vào Bát Thánh Đạo là có niềm-tin vào (đạo) bậc nhất, và những ai có niềm-tin vào (đạo) bậc nhất thì kết quả là bậc nhất. (3) “Dù những hiện-tượng có điều-kiện (pháp hữu vi) hay không còn điều-kiện (vô vi)130 có cao siêu tới mức nào, sự chán-bỏ được tuyên bố là bậc nhất trong tất cả sự đó, đó là, sự nghiền nát sự tự-cao, sự loại bỏ sự thèm- khát, sự bứng gốc sự ràng-buộc, sự kết-thúc vòng luân-hồi, sự tiêu diệt dục- vọng (ái tận), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, Niết-bàn. Những ai có niềm-tin vào Giáo Pháp là có niềm-tin vào sự bậc nhất, và những ai có niềm-tin vào sự bậc nhất thì kết quả là bậc nhất. (4) “Dù các cộng đồng hay đoàn thể (tôn giáo) có cao siêu tới mức nào, thì Tăng Đoàn những đệ tử của Như Lai được tuyên bố là bậc nhất trong tất cả đó; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp hạng, tám hạng người—Tăng Đoàn của Như Lai là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Những ai có niềm-tin vào Tăng Đoàn là có niềm-tin vào chỗ bậc nhất, và những ai có niềm-tin vào chỗ bậc nhất thì kết quả là bậc nhất.” Đối với những ai có niềm-tin đối với chỗ bậc nhất, Biết Giáo Pháp bậc nhất, Tin tưởng vào Đức Phật—bậc bậc nhất— Là bậc vô-thượng, bậc đáng cúng-dường; Đối với những ai có niềm-tin vào Giáo Pháp, Ở trong sự bình-an của sự chán-bỏ, Đối với ai có niềm-tin vào Tăng đoàn bậc nhất Là phước-điền tốt nhất ở trên đời; Đối với ai tặng quà cho chỗ bậc nhất, Thì loại bậc nhất của phước-đức sẽ gia tăng:

Loại bậc nhất của tuổi thọ, sắc đẹp và huy hoàng,
Danh tiếng, hạnh phúc và sức mạnh.
Người có trí cúng dường cho chỗ bậc nhất, 131
Đạt định dựa trên Giáo Pháp bậc nhất,
Sau khi này tái sinh thành tiên hay thành người,
Sẽ vui-mừng, sau khi đã đạt được sự (phước quả) bậc nhất.
(AN 4:34)

3. CHO, TẶNG, CÚNG DƯỜNG, CHIA SẺ, GIÚP ĐỠ… (1) Nếu Người Ta Hiểu Biết Kết Quả Của Sự Bố-Thí … “Này các Tỳ kheo, nếu người ta hiểu biết về kết quả của sự cho-đi và

chia-sẻ, như ta biết, thì có lẽ họ sẽ không ăn nếu chưa cho, họ sẽ không để cho sự ô-nhiễm của tính keo-kiệt ám mụi họ và bắt rễ trong tâm họ. Ngay cả khi còn một miếng cuối cùng, một muỗng cuối cùng, họ sẽ không ăn nếu chưa chia sẻ nó, khi có người để họ chia sẻ. Nhưng, này các Tỳ kheo, do người ta không hiểu biết về kết quả của việc cho-đi và chia-sẻ, như ta biết, nên họ ăn mà không cho, và sự ô-nhiễm của tính keo-kiệt ám mụi họ và bắt rễ trong tâm họ." (It 26; 18–19)

(2) Tám Lý Do Để Bố Thí, Cho, Tặng, Cúng Dường "Này các Tỳ kheo, có tám nền tảng (lý do) của sự bố-thí.132 Tám đó là gì? (1) Người bố thí một món quà do tham (muốn). (2) Người bố thí một món quà do sân (ghét). (3) Người bố thí một món quà do si (ngu). (4) Người bố thí một món quà do sợ (bị chê trách).133 (5) Người bố thí một món quà [vì nghĩ]: 'Sự bố thí đã được cha ông mình làm trước đây; nên giờ mình cũng làm theo chứ không nên dẹp bỏ phong tục gia truyền.' (6) Người bố thí một món quà [vì nghĩ]: 'Sau khi bố thí món quà này, khi thân tan rã, sau khi chết,

mình sẽ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.' (7) Người bố thí một món quà [vì nghĩ]: 'Khi tôi đang bố thí một món quà, tâm của tôi được hiền dịu, và sự phấn khởi và niềm hoan hỷ khởi sinh.' (8) Người bố thí một món quà vì mục đích trang điểm cái tâm, trang bị cho cái tâm. Đây là tám nền tảng của sự bố-thí."

(AN 8:33)

(3) Cúng Dường Thức Ăn Trong một lần khi đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Koliya (Câu- lợi), gần một thị trấn của họ có tên là thị trấn Sajjanela. Rồi, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi đến nhà của một cô con gái người Kolia tên là Suppavāsā, đến nơi đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn.134 Cô Suppavāsā người Koliya đã đích thân bằng tay mình phục vụ và làm hài lòng Thế Tôn bằng nhiều thứ món ăn ngon. Sau khi đức Thế Tôn ăn xong bữa và dẹp bình bát qua một bên, cô Suppavāsā ngồi xuống một bên, và đức Thế Tôn đã nói với cô: "Này Suppavāsā, một nữ đệ tử thánh thiện, bằng sự cúng dường thức-ăn là cô cho tặng bốn thứ cho những người nhận thức ăn. Bốn đó là gì? Cô cho tặng tuổi-thọ, sắc-đẹp, hạnh-phúc, sức-mạnh, và sự sáng-suốt. (1) Bằng sự cho tặng tuổi-thọ, bản thân cô sẽ được phú cho tuổi-thọ, cho dù (sau này tái sinh) ở cõi người hay cõi trời. (2) Bằng sự cho tặng sắc-đẹp, bản thân cô sẽ được phú cho sắc-đẹp, cho dù ở cõi người hay cõi trời. (3) Bằng sự cho tặng hạnh phúc, bản thân cô sẽ được phú cho hạnh phúc, cho dù ở cõi người hay cõi trời. (4) Bằng cách cho tặng sức-mạnh, bản thân cô sẽ được phú cho sức-mạnh, cho dù ở cõi người hay cõi trời. Một nữ đệ tử thánh thiện, bằng sự cúng dường thức-ăn là cho tặng bốn thứ nói trên cho những người nhận thức ăn."

(AN 4:57)

(4) Những Món Quà Tặng Bởi Một Người Tốt "Này các Tỳ kheo, đây là năm thứ quà tặng bởi một người tốt. Năm đó là gì? Người đó cho tặng một món quà vì có niềm-tin; người

đó cho tặng một món quà một cách kính trọng; người đó cho tặng một món quà đúng thời đúng lúc; người đó cho tặng một món quà một cách rộng lòng cho đi [không giữ lại]; người đó cho tặng một món quà mà (trong tâm) không có sự làm tổn thương mình hay người khác. (1) “Vì người đó cho tặng vì có niềm-tin, nên ở đâu nghiệp quả việc cho tặng đó chín muồi, người đó sẽ được giàu có, dồi dào, nhiều của cải, và người đó đẹp đẽ, lịch lãm, duyên dáng, được phú cho làn da tuyệt đẹp. (2) “Vì người đó cho tặng một cách kính trọng, nên ở đâu nghiệp quả việc cho tặng đó chín muồi, người đó sẽ được giàu có, dồi dào, nhiều của cải, và vợ, con, những người ở, người làm, những người đưa tin của người đó đều biết kính trọng vâng lời, biết lắng nghe người đó, và họ vận dụng tâm trí để hiểu (người đó). (3) “Vì người đó cho tặng đúng thời đúng lúc, nên ở đâu nghiệp quả việc cho tặng đó chín muồi, người đó sẽ được giàu có, dồi dào, nhiều của cải, và những lợi ích sẽ đến với người đó đúng thời đúng lúc, một cách dồi dào. (4) “Vì người đó cho tặng một món quà một cách rộng lòng cho đi [không giữ lại], nên ở đâu nghiệp quả việc cho tặng đó chín muồi, người đó sẽ được giàu có, dồi dào, nhiều của cải, và tâm của người đó hướng tới hưởng được những thứ tốt nhất trong năm loại [dây] dục-lạc. (5) “Vì người đó cho tặng mà không làm tổn thương mình hay người khác, nên ở đâu nghiệp quả việc cho tặng đó chín muồi, người đó sẽ được giàu có, dồi dào, nhiều của cải, và người đó không mất mát tài sản ở bất cứ nơi nào, không bị mất bởi hỏa hoạn, lũ lụt, vua chúa, trộm cướp, hay bởi những người thừa kế bất nghĩa. “Này các Tỳ kheo, đây là năm loại quà cho tặng của một người tốt.”

(AN 5:148)

Chương V – Con Đường Dẫn Tới Sự Tái Sinh Phúc Lành • 161

(5) Hỗ Trợ Lẫn Nhau “Này các Tỳ kheo, các bà-la-môn và các gia chủ là rất giúp ích cho các thầy. Họ chu cấp cho các thầy những thứ cần thiết như y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc men cho lúc bệnh tật. Và, này các Tỳ kheo, các thầy là rất giúp ích cho các bà-la-môn và các gia chủ, vì các thầy có thể dạy cho họ Giáo Pháp tốt lành ở đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, bằng ý-nghĩa và câu chữ đúng đắn, và các thầy cho họ thấy (chỉ ra) một đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết. Này các Tỳ kheo, làm như vậy thì đời sống tâm linh này sẽ sống được bằng sự hỗ trợ lẫn nhau vì mục đích vượt-qua dòng lũ và chấm- dứt hoàn toàn mọi khổ đau.” (It 107; 111)

(6) Sự Tái Sinh Nhờ Công Đức Bố Thí “Này các Tỳ kheo, có tám loại tái-sinh nhờ vào sự bố-thí. Tám là gì? (1) “Ở đây, có người bố thí một món quà cho một tu sĩ (sa-môn) hay một bà-la-môn: như thức ăn và thức uống; y phục và xe cộ; vòng hoa, dầu thơm, và phấn sáp; chỗ nằm, chỗ ở, và đèn thắp. Khi bố thí thứ gì người đó đều trông đợi được báo đáp. Người đó nhìn thấy những người giai cấp chiến- sĩ giàu có, hay những bà-la-môn giàu có, hay những gia-chủ giàu có đang thụ hưởng bản thân và được chu cấp năm đối-tượng khoái-lạc giác quan (năm thứ dục lạc). Người đó mới nghĩ: ‘Ồ, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu cho ta được tái sinh trong số những người giai cấp chiến-sĩ giàu có, hay những bà- la-môn giàu có, hay những gia chủ giàu có!’ - Người đó thiết lập tâm mình về điều này, và tu tập trạng thái này của tâm. Khát nguyện này của người đó,135 nó đã định đoạt cho điều (mục tiêu) tiểu nhược đó,136 không phát triển

cao hơn, sẽ dẫn tới sự tái sinh đó. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những người giai cấp chiến-sĩ giàu có, hay những bà- la-môn giàu có, hay những gia-chủ giàu có—và (kết quả) đó là dành cho

người đức-hạnh (có giới hạnh), ta nói vậy, chứ không dành cho người thất- đức. Ước nguyện của trái tim (lòng dạ) của một người đức-hạnh thành công được nhờ sự trong-sạch (thanh tịnh) của người đó. (2) "Có người khác bố thí một món quà cho một tu sĩ hay một bà-la- môn: như thức ăn và thức uống ... và đèn thắp. Khi bố thí thứ gì người đó đều trông đợi được báo đáp. Người đó nghe rằng: 'Những thiên thần cõi trời [được trị vì bởi] tứ đại thiên vương là sống trường thọ, đẹp đẽ, và dồi dào hạnh phúc.' Người đó mới nghĩ rằng: 'Ồ, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu cho ta được tái sinh trong số những thiên thần cõi trời tứ đại thiên vương!' - Người đó thiết lập tâm mình về điều này, và tu tập trạng thái này của tâm. Khát nguyện này của người đó, nó đã định đoạt cho điều (mục tiêu) tiểu nhược đó, không phát triển cao hơn, sẽ dẫn tới sự tái sinh đó. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cõi trời tứ đại thiên vương—và (kết quả) đó là dành cho người đức-hạnh (có giới hạnh), ta nói vậy, chứ không dành cho người thất-đức. Ước nguyện của trái tim của một người đức-hạnh thành công được nhờ sự trong-sạch của người đó. (3)–(7) "Có người khác bố thí một món quà cho một tu sĩ hay một bà- la-môn: như thức ăn và thức uống ... và đèn thắp. Khi bố thí thứ gì người đó đều trông đợi được báo đáp. Người đó nghe rằng: 'Những thiên thần cõi trời Đao-lợi (Tāvatiṃsa) ... những thiên thần cõi trời Dạ-ma (Yāma) ... những thiên thần cõi trời Đâu-suất (Tusita) ... những thiên thần vui thích sự sáng tạo (hóa lạc thiên) ... những thiên thần kiểm soát sự sáng tạo của các thiên thần khác (tha hóa tự tại thiên) là sống trường thọ, đẹp đẽ, và dồi dào hạnh phúc.' Người đó mới nghĩ rằng: 'Ồ, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu cho ta được tái sinh trong số những thiên thần thiên thần cõi trời Đao-lợi ... những thiên thần kiểm soát sự sáng tạo của các thiên thần khác!' - Người đó thiết lập tâm mình về điều này, và tu tập trạng thái này của tâm. Khát nguyện này của người đó, nó đã định đoạt cho điều (mục tiêu) tiểu nhược đó, không phát triển cao hơn, sẽ dẫn tới sự tái sinh đó. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần thiên thần cõi trời Đao-lợi ... những thiên thần kiểm soát sự sáng tạo của các thiên thần khác—và (kết quả) đó là

dành cho người đức-hạnh (có giới hạnh), ta nói vậy, chứ không dành cho người thất-đức. Ước nguyện của trái tim của một người đức-hạnh thành công được nhờ sự trong-sạch của người đó. (8) "Có người khác bố thí một món quà cho một tu sĩ hay một bà-la- môn: như thức ăn và thức uống ... và đèn thắp. Khi bố thí thứ gì người đó đều trông đợi được báo đáp. Người đó nghe rằng: 'Những thiên thần trong đoàn tùy tùng của Trời Brahmā (Phạm chúng thiên) là sống trường thọ, đẹp đẽ, và dồi dào hạnh phúc.' Người đó mới nghĩ rằng: 'Ồ, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu cho ta được tái sinh trong số những thiên thần trong đoàn tùy tùng của Trời Brahmā!' - Người đó thiết lập tâm mình về điều này, và tu tập trạng thái này của tâm. Khát nguyện này của người

đó, nó đã định đoạt cho điều (mục tiêu) tiểu nhược đó, không phát triển cao hơn, sẽ dẫn tới sự tái sinh đó. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần trong đoàn tùy tùng của Trời Brahmā—và (kết quả) đó là dành cho người đức-hạnh (có giới hạnh), ta nói vậy, chứ không dành cho người thất- đức; dành cho những người không còn tham-dục, không dành cho những người có tham-dục.137 Ước nguyện của trái tim của một người đức-hạnh thành công được nhờ sự trong-sạch của người đó. “Này các Tỳ kheo, đây là tám loại tái-sinh nhờ vào sự bố-thí.” (AN 8:35)

4. GIỚI HẠNH (1) Năm Giới Hạnh “Này các Tỳ kheo, có tám dòng chảy của phước đức, là những dòng chảy của thiện lành, là những dưỡng chất của hạnh phúc—thuộc cõi trời, chín muồi thành hạnh phúc, đưa đến cõi trời—chúng dẫn tới điều thường được ước, được mong, và được muốn, dẫn tới ích lợi và hạnh phúc. Tám đó là gì?

(1) “Ở đây, một đệ tử thánh thiện đã quy y theo Phật. Đây là dòng chảy thứ nhất của phước đức, dòng chảy của thiện lành, là một dưỡng chất của hạnh phúc— thuộc cõi trời, chín muồi thành hạnh phúc, đưa đến cõi trời— chúng dẫn tới điều thường được ước, được mong và được muốn, dẫn tới ích lợi và hạnh phúc. (2) “Lại nữa, một đệ tử thánh thiện đã quy y theo Giáo Pháp. Đây là dòng chảy thứ hai của phước đức … dẫn tới điều thường được ước, được mong và được muốn, dẫn tới ích lợi và hạnh phúc. (3) “Lại nữa, một đệ tử thánh thiện đã quy y theo Tăng Đoàn. Đây là dòng chảy thứ ba của phước đức … dẫn tới điều thường được ước, được mong và được muốn, dẫn tới ích lợi và hạnh phúc. - “Và này các Tỳ kheo, có năm món quà, là những món quà lớn, từ thuở ban sơ, đã có lâu đời, truyền thống, tự cổ xưa, không bị pha tạp và chưa hề bị pha tạp, hiện đang không bị pha tạp và sẽ không bị pha tạp, không bị chối bỏ bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí. Năm đó là gì? (4) “Ở đây, một đệ tử thánh thiện, sau khi đã dẹp bỏ sự sát-sinh, kiêng cữ sát-sinh. Bằng cách kiêng cữ sát-sinh, (coi như) người đệ tử thánh thiện (đã) cho tặng cho vô lượng chúng sinh sự không-bị sợ hãi, thù ghét, và đau đớn. Đến lượt mình người đó cũng tự mình hưởng được sự không-bị sợ hãi, thù ghét, và đau đớn. Đây là món quà thứ nhất, một món quà lớn, từ thuở ban sơ, đã có lâu đời, truyền thống, tự cổ xưa, không bị pha tạp và chưa hề bị pha tạp, hiện đang không bị pha tạp và sẽ không bị pha tạp, không bị chối bỏ bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí. Đây là dòng chảy thứ tư của phước đức … dẫn tới điều thường được ước, được mong và được muốn, dẫn tới ích lợi và hạnh phúc. (5)–(8) “Lại nữa, một đệ tử thánh thiện, sau khi đã dẹp bỏ sự gian-cắp, kiêng cữ gian-cắp … kiêng cữ tà-dâm tà dục … kiêng cữ nói-dối nói láo … kiêng cữ rượu nặng, rượu nhẹ, và những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Bằng cách kiêng cữ gian-cắp … kiêng cữ rượu nặng, rượu nhẹ, và những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, (coi

như) người đệ tử thánh thiện (đã) cho tặng cho vô lượng chúng sinh sự không-bị sợ hãi, thù ghét, và đau đớn. Đến lượt mình người đó cũng tự mình hưởng được sự không-bị sợ hãi, thù ghét, và đau đớn. Đây là món quà thứ hai … thứ năm, một món quà lớn, từ

thuở ban sơ, đã có lâu đời, truyền thống, tự cổ xưa, không bị pha tạp và chưa hề bị pha tạp, hiện đang không bị pha tạp và sẽ không bị pha tạp, không bị chối bỏ bởi những tu sĩ và bà-la- môn có trí. Đây là dòng chảy thứ năm … thứ tám của phước đức … dẫn tới điều thường được ước, được mong và được muốn, dẫn tới ích lợi và hạnh phúc. “Này các Tỳ kheo, đây là tám dòng chảy của phước đức, là những dòng chảy của thiện lành, là những dưỡng chất của hạnh phúc—thuộc cõi trời, chín muồi thành hạnh phúc, đưa đến cõi trời—chúng dẫn tới điều thường được ước, được mong, và được muốn, dẫn tới ích lợi và hạnh phúc.”

(AN 8:39)

(2) Kiêng Giữ Tám Giới Trong Ngày Lễ Bồ-Tát “Này các Tỳ kheo, (I) nếu trai giới toàn-bộ trong (bằng/với) tám chi- phần (trong tám chi giới; bát quan trai giới) thì dịp Bố-tát (Uposatha)138 sẽ mang lại phước-quả và ích-lợi lớn lao, xán lạn (sáng sủa, sáng láng) và thấm nhập một cách khác thường (đặc biệt, phi thường). (II) Và theo cách nào là sự trai giới bố-tát được tuân giữ toàn-bộ trong tám chi-phần, để nó sẽ mang lại phước-quả và ích-lợi lớn lao, xán lạn và thấm nhập một cách khác thường? (I) (1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một đệ tử thánh thiện biết suy xét (quán chiếu) như vầy: ‘[Khi còn sống, những bậc A-la-hán dẹp bỏ và kiêng cữ sự sát-sinh; dẹp bỏ gậy gộc và vũ khí, đầy lương tâm và hiền từ, họ sống bi-mẫn đối với tất cả mọi chúng sinh. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi cũng dẹp bỏ và kiêng cữ sự sát-sinh; dẹp bỏ gậy gộc và vũ khí, đầy lương tâm và hiền từ, tôi cũng sống bi-mẫn với tất cả mọi chúng sinh. Tôi sẽ bắt chước những

vị A-la-hán về phương diện này và sự giữ giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.]’ Đây là chi phần thứ nhất nó (dịp bố-tát) có được. (không sát sinh) (2) “‘[Khi còn sống, những bậc A-la-hán dẹp bỏ và kiêng cữ sự gian- cắp, chỉ nhận lấy thứ đã được cho, chỉ trông đợi thứ được cho, và trung thực hết lòng, tránh bỏ việc gian-cắp. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi cũng dẹp bỏ và kiêng cữ sự gian-cắp; tôi chỉ nhận lấy thứ đã được cho, chỉ trông đợi thứ được cho, và trung thực hết lòng, tránh bỏ việc gian-cắp (gian lận, lừa gạt, manh mún, nhận hối lộ, nhận tiền mới giúp, tham nhũng …). Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự giữ giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.’] Đây là chi phần thứ hai nó (dịp bố-tát) có được. (không gian cắp)

(3) “‘[Khi còn sống, những bậc A-la-hán dẹp bỏ và kiêng cữ hành vi dâm-dục và giữ giới sống độc-thân, sống tách ly, kiêng cữ giao hợp, kiêng cữ mọi hành vi tính-dục của người phàm (mọi dạng chánh dâm, tà dâm, hay thủ dâm, thị dâm, ý dâm …). Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi sẽ dẹp bỏ hành vi tính-dục, và giữ giới sống độc-thân, sống tách ly (ở riêng), kiêng cữ giao hợp, kiêng cữ mọi hành vi tính-dục của người phàm … Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự trai giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.’] Đây là chi phần thứ ba nó (dịp bố-tát) có được. (không dâm dục) (4) “‘[Khi còn sống, những bậc A-la-hán dẹp bỏ và kiêng cữ sự nói-dối, nói sai sự thật; họ nói sự thật, giữ đúng sự thật; họ là những người đáng tin tưởng và đáng tin cậy, không phải là người lừa dối trong đời. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi cũng dẹp bỏ và kiêng cữ sự

nói-dối, nói sai sự thật; tôi chỉ nói sự thật, giữ đúng sự thật; tôi làm người đáng tin tưởng và đáng tin cậy, không phải là người lừa dối trong đời. Tôi sẽ bắt chước những vị A-la- hán về phương diện này và sự giữ giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.] Đây là chi phần thứ tư nó (dịp bố-tát) có được. (không nói dối) (5) "'[Khi còn sống, những bậc A-la-hán dẹp bỏ và kiêng cữ sự uống rượu nặng, rượu nhẹ, và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi sẽ dẹp bỏ và kiêng cữ sự

uống rượu nặng, rượu nhẹ, và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự giữ giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.] Đây là chi phần thứ năm nó (dịp bố-tát) có được. (không rượu bia, thuốc lá, ma túy, chất gây hại gây nghiện ...)

(6) "'[Khi còn sống, những bậc A-la-hán chỉ ăn một bữa một ngày, kiêng cữ sự ăn ban đêm và ăn những thức ăn ngoài giờ quy định. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi cũng sẽ ăn một bữa một ngày, kiêng cữ sự ăn ban đêm và ăn những thức ăn ngoài giờ quy định. Tôi sẽ bắt chước những vị A- la-hán về phương diện này và sự giữ giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.] Đây là chi phần thứ sáu nó (dịp bố-tát) có được. (chỉ ăn một bữa ăn một ngày, ăn trước giờ ngọ, không ăn phi thời)

(7) "'[Khi còn sống, những bậc A-la-hán kiêng cữ sự ca, múa, đàn trống, nhạc kịch không thích hợp, và kiêng cữ việc trang điểm, làm đẹp, đeo vòng hoa, dùng nước hoa, phấn sáp. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi cũng sẽ kiêng cữ sự ca, múa, đàn trống, nhạc kịch không thích hợp, và kiêng cữ việc trang điểm, làm đẹp, đeo vòng hoa, dùng nước hoa, phấn sáp. Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự giữ giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.] Đây là chi phần thứ bảy nó (dịp bố-tát) có được. (không và không coi ca, múa, nhạc, kịch; không trang điểm, hóa trang, ăn diện, làm đẹp)

(8) "'[Khi còn sống, những bậc A-la-hán dẹp bỏ và kiêng cữ nằm ngồi trên giường ghế cao và sang; họ nằm nghỉ ngủ ở chỗ nằm thấp, nằm trên tấm chiếu hay giường nhỏ. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi cũng sẽ dẹp bỏ và kiêng cữ việc nằm trên giường cao và sang; tôi nằm nghỉ ngủ ở chỗ nằm thấp, nằm trên tấm chiếu hay giường nhỏ. Tôi sẽ bắt chước những vị A-la- hán về phương diện này và sự trai giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.] Đây là chi phần thứ tám nó (dịp bố-tát) có được. (không nằm ngồi trên giường ghế cao sang sung sướng)

"Này các Tỳ kheo, chính theo cách này là sự trai giới bố-tát được tuân giữ toàn-bộ trong tám chi-phần, để nó mang lại phước-quả và ích-lợi lớn lao, xán lạn và thấm nhập một cách khác thường." (II) "Nó mang lại phước-quả và ích-lợi lớn lao tới mức nào? Nó xán lạn và thấm nhập một cách khác thường tới mức nào? Ví dụ có người thực thi sự thống trị và vương quyền khắp mười sáu đại quốc chứa nhiều thứ thuộc hàng bảy báu, đó là [các nước của dân tộc] Aṅgan, Magadha (Ma-kiệt-đà), Kāsi, Kosala (Kiều-tất-la), Vajji (Bạt-kỳ), Malla, Ceti, Vaṅga, Kuru, Pañcāla, Maccha, Sūrasena, Assaka, Avanti,

Gandhāra, và Kamboja: thì điều này cũng không bằng 1/16 sự trai giới bố-tát toàn-bộ trong tám chi-phần vừa mới nói ra. Vì lý do gì? Vì vương quyền ở cõi người nghèo kém so với sự hạnh- phúc ở cõi trời. (i) "Đối với những thiên thần cõi trời [được trị vì bởi] tứ đại thiên vương: 01 ngày đêm là tương đương với 50 năm cõi người; 30 ngày đêm như vậy là 01 tháng, và 12 tháng như vậy là 01 năm. Tuổi thọ của những thiên thần đó là 500 năm cõi trời như vậy. Này các Tỳ kheo, có thể rằng: đối với một phụ nữ hay đàn ông trai giới bố-tát toàn-bộ trong tám chi-phần này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cõi trời tứ đại thiên vương. So chiếu với điều này nên ta mới nói vương quyền ở cõi người là nghèo kém so với sự hạnh-phúc ở cõi trời.

(ii) "Đối với những thiên thần cõi trời Đao-lợi (Tāvatiṃsa, cõi trời 33): 01 ngày đêm ở đó là tương đương với 100 năm cõi người; 30 ngày đêm như vậy là 01 tháng, và 12 tháng như vậy là 01 năm. Tuổi thọ của những thiên thần đó là 1.000 năm cõi trời như vậy. Này các Tỳ kheo, có thể rằng: đối với một phụ nữ hay đàn ông giữ giới bố-tát toàn-bộ trong tám chi-phần này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cõi trời Đao-lợi. So chiếu với điều này nên ta mới nói vương quyền ở cõi người là nghèo kém so với sự hạnh-phúc ở cõi trời.

(iii) "Đối với những thiên thần cõi trời Dạ-ma (Yāma): 01 ngày đêm ở đó là tương đương với 200 năm cõi người; 30 ngày đêm như vậy là 01 tháng,

và 12 tháng như vậy là 01 năm. Tuổi thọ của những thiên thần đó là 2.000 năm cõi trời như vậy. Này các Tỳ kheo, có thể rằng: đối với một phụ nữ hay đàn ông giữ giới bố-tát toàn-bộ trong tám chi-phần này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cõi trời Dạ-ma. So chiếu với điều này nên ta mới nói vương quyền ở cõi người là nghèo kém so với sự hạnh-phúc ở cõi trời.

(iv) "Đối với những thiên thần cõi trời Đâu-suất (Tusita): 01 ngày đêm ở đó là tương đương với 400 năm cõi người; 30 ngày đêm như vậy là 01 tháng, và 12 tháng như vậy là 01 năm. Tuổi thọ của những thiên thần đó là 4.000 năm cõi trời như vậy. Này các Tỳ kheo, có thể rằng: đối với một phụ nữ hay đàn ông giữ giới bố-tát toàn-bộ trong tám chi-phần này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cõi trời Đâu-suất. So chiếu với điều này nên ta mới nói vương quyền ở cõi người là nghèo kém so với sự hạnh-phúc ở cõi trời.

(v) "Đối với những thiên thần vui thích sáng tạo (Hóa lạc thiên): 01 ngày đêm ở đó là tương đương với 800 năm cõi người; 30 ngày đêm như vậy là 01 tháng, và 12 tháng như vậy là 01 năm. Tuổi thọ của những thiên thần đó là 8.000 năm cõi trời như vậy. Này các Tỳ kheo, có thể rằng: đối với một phụ nữ hay đàn ông giữ giới bố-tát toàn-bộ trong tám chi-phần này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần vui thích sáng tạo. So chiếu với điều này nên ta mới nói vương quyền ở cõi người là nghèo kém so với sự hạnh-phúc ở cõi trời. (vi) "Đối với những thiên thần kiểm soát những sáng tạo của các thiên thần khác (Tha hóa tự tại thiên): 01 ngày đêm ở đó là

tương đương với 1.600 năm cõi người; 30 ngày đêm như vậy là 01 tháng, và 12 tháng như vậy là 01 năm. Tuổi thọ của những thiên thần đó là 16.000 năm cõi trời như vậy. Này các Tỳ kheo, có thể rằng: đối với một phụ nữ hay đàn ông giữ giới bố-tát toàn-bộ trong tám chi-phần này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần kiểm soát những sáng tạo của các thiên

thần khác. So chiếu với điều này nên ta mới nói vương quyền ở cõi người là nghèo kém so với sự hạnh-phúc ở cõi trời.”

(AN 8:41-42)

5. THIỀN TẬP (1) Tu Dưỡng Tâm Từ “Này các Tỳ kheo, dù có những căn bản nào giúp tái sinh tốt lành trong tương lai, thì tất cả chúng cũng chưa bằng 1/16 của sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ. Sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ là vượt trên chúng và chiếu sáng, sáng tỏ và sáng ngời. - “Cũng như sự chiếu sáng của tất cả ngôi sao chưa bằng 1/16 sự chiếu sáng của mặt trăng, sự chiếu sáng của trăng là vượt trên chúng, và chiếu sáng, sáng tỏ và sáng ngời. Cũng giống như vậy, dù có những căn bản nào giúp tái sinh tốt lành trong tương lai, thì tất cả chúng cũng chưa bằng 1/16 của sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ. Sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ vượt trên chúng và chiếu sáng, sáng tỏ và sáng ngời. - “Cũng như vào tháng cuối của mùa mưa, vào mùa thu, khi bầu trời trong suốt và không có mây, mặt trời khi mọc lên xua tan bầu đen tối của không gian và chiếu sáng, sáng tỏ và sáng ngời. Cũng giống như vậy, dù có những căn bản nào giúp tái sinh tốt lành trong tương lai, thì tất cả chúng cũng chưa bằng 1/16 của sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ. Sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ vượt trên chúng và chiếu sáng, sáng tỏ và sáng ngời. - “Và cũng như vào ban đêm, vào lúc rạng sáng, sao mai chiếu sáng, sáng tỏ và sáng ngời. Cũng giống như vậy, dù có những căn bản nào giúp tái sinh tốt lành trong tương lai, thì tất cả chúng cũng chưa bằng 1/16 của sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ. Sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ vượt trên chúng và chiếu sáng, sáng tỏ và sáng ngời.” (It 27; 19–21)

(2) Bốn Cảnh Giới An Trú Cõi Trời (bốn phạm trú) 22. (6) … Môn sinh bà-la-môn Subha, là con của bà-la-môn Todeyya, đã nói với đức Thế Tôn: “Thầy Cồ-đàm, tôi nghe người ta nói sa-môn Cồ- Đàm biết rõ con-đường dẫn tới sự cộng trú với (trong cõi) trời Brāhma (Phạm thiên).” “Này môn sinh, anh nghĩ sao? Làng Naḷakāra ở gần đây hay cách xa?” “Thưa ngài, làng Naḷakāra ở gần đây, không cách xa đây lắm.” “Này môn sinh, anh nghĩ sao? Giả sử có một người được sinh ra và lớn lên trong làng Naḷakāra, và khi anh ta mới đi ra khỏi làng Naḷakāra gặp người ta hỏi anh ta đường đi vô làng. Liệu anh ta có ngập ngừng hay phân vân khi trả lời hay không?” “Thưa không, Thầy Cồ-đàm. Vì sao vậy? Vì anh ta được sinh ra và lớn lên trong làng Naḷakāra, và đã quen thuộc với mọi đường đi vô làng.” “Nhưng, thật ra cũng có thể có người tuy được sinh ra và lớn lên trong làng Naḷakāra vẫn trả lời ngập ngừng và phân vân khi được hỏi về đường đi vô làng; nhưng một bậc Như Lai, khi được hỏi về cõi trời Brahmā (Phạm thiên giới) hay

con-đường dẫn tới cõi trời Brahmā, thì sẽ không bao giờ ngập ngừng hay phân vân khi trả lời. Ta biết rõ vua trời Brāhma, và ta biết rõ cõi trời Brahmā, và ta biết rõ con-đường dẫn tới cõi trời Brahmā, và ta biết rõ cách một người nên tu tập để được tái sinh trong cõi trời Brahmā."139 23. "Thầy Cồ-Đàm, tôi nghe người ta nói sa-môn Cồ-đàm chỉ dạy con- đường dẫn tới sự cộng trú với (trong cõi) trời Brahmā. Sẽ tốt lành nếu Thầy Cồ-Đàm chỉ dạy cho tôi con-đường dẫn tới sự cộng trú với trời Brahmā." "Vậy thì, này môn sinh, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói" "Dạ, thưa Thầy", anh ta đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này: 24. "Này môn sinh, cái gì là con-đường dẫn tới sự tái sinh trong cõi trời Brāhma? Ở đây, (i) một Tỳ kheo an trú bao trùm một phương với một cái

tâm thấm đẫm sự từ-ái (tâm từ); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó sống bao trùm toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái, rộng lớn, bao la, vô lượng, không còn hung-dữ, không còn ác-ý. Khi sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ được tu dưỡng theo cách này thì sẽ không còn một nghiệp giới hạn [hạn chế, có lượng mức] nào nữa, không còn nghiệp nào như vậy nữa. Cũng giống như một người thổi kèn phấn khởi có thể làm người ta dễ dàng nghe được tiếng kèn từ khắp bốn phương; giống như vậy, khi sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ được tu dưỡng theo cách này thì sẽ không còn nghiệp giới hạn nào nữa, không còn nghiệp nào như vậy nữa. 140 Đây là con-đường dẫn tới tái sinh trong cõi trời Brāhma. 25.–27. (ii) "Một Tỳ kheo an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn (tâm bi) … (iii) sự tùy-hỷ (tâm hỷ) … (iv) sự buông-xả (tâm xả); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó sống bao trùm toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn … sự tùy-hỷ … sự buông-xả, rộng lớn, bao la, vô lượng, không còn hung-dữ, không còn ác-ý. Khi sự giải-thoát của tâm bằng tâm-xả được tu dưỡng theo cách này thì sẽ không còn một nghiệp giới hạn [hạn chế, có lượng mức] nào nữa, không còn nghiệp nào như vậy nữa. Cũng giống như một người thổi kèn phấn khởi có thể làm người ta dễ dàng nghe được tiếng kèn từ khắp bốn phương; giống như vậy, khi sự giải-thoát của tâm bằng tâm-xả được tu dưỡng theo cách này thì sẽ không còn nghiệp giới hạn nào nữa, không còn nghiệp nào như vậy nữa. Đây cũng là con- đường dẫn tới tái sinh trong cõi trời Brāhma." (trích MN 99: Subha Sutta)

(3) Trí-Tuệ Là Vượt Trên Tất Cả "Này gia chủ, trong quá khứ có một bà-la-môn tên là Velāma. Ông ta bố thí rất nhiều đồ cúng dường như vầy: (1) 84.000 chén vàng đựng đầy bạc; (2) 84.000 chén bạc đựng đầy vàng; (3) 84.000 chén đồng đựng đầy vàng thỏi; (4) 84.000 voi với những đồ trăng trí bằng vàng, cờ xí bằng vàng, được phủ trên mình bằng lưới sợi vàng (kim tuyến); (5) 84.000 xe ngựa với đồ nội thất được làm từ da sư tử, da cọp, da báo, và những tấm phủ được nhuộm màu nghệ tươi, với những thứ trang trí

bằng vàng, cờ xí bằng vàng, được phủ bởi lưới sợi vàng; (6) 84.000 con bò sữa với những dây thừng bằng sợi gai và những thùng (đựng sữa) bằng đồng; (7) 84.000 người hầu có trang sức bông tai bằng châu báu; (8) 84.000 trường kỷ được trải bằng thảm, có chăn mền, và tấm phủ, có tấm phủ làm từ da linh dương, có mái che ở trên và có hai gối đỏ đặt ở hai đầu; (9) 84.000 koṭi vải được dệt từ lanh mịn, lụa mịn, len mịn, và bông vải mịn. Còn bao nhiêu là thức ăn, thức uống, thức ăn nhẹ, bữa ăn chính, đồ ăn chơi (giải khoay) và đồ uống giải khát? Nó (món quà to lớn đó) dường như chảy như những dòng sông vậy. "Bây giờ, này gia chủ, vào lúc cúng dường những thứ lớn lao đó không có một ai xứng-đáng với những thứ cúng dường, không ai để thanh lọc (làm thanh tịnh) sự cúng dường. (i) Dù bà-la-môn Velāma có bố thí to lớn tới đâu, cũng không phước quả bằng sự bố thí (thứ gì) cho một người có được chánh- kiến (hàm nghĩa là bậc Nhập-lưu).141 (ii) Dù bà-la-môn Velāma có bố thí cho 100 người thành tựu về chánh-kiến, cũng không phước quả bằng sự bố thí cho một bậc Nhất-lai. (iii) Dù bà-la-môn Velāma có bố thí cho 100 bậc Nhất- lai, cũng không phước quả bằng sự bố thí cho một bậc Bất-lai. (iv) Dù bà-la- môn Velāma có bố thí cho 100 bậc Bất-lai, cũng không phước quả bằng sự bố thí cho một bậc A-la-hán. (v) Dù bà-la-môn Velāma có bố thí cho 100 bậc A-la-hán, cũng không phước quả bằng sự bố thí cho một vị Phật Duyên Giác (paccekabuddha).142 (vi) Dù bà-la-môn Velāma có bố thí cho 100 vị Phật Duyên Giác, cũng không phước quả bằng sự bố thí cho Như Lai, bậc A-la- hán, bậc Toàn Giác. (vii) Dù bà-la-môn Velāma có bố thí to lớn tới đâu, cũng không phước quả bằng sự bố thí thức-ăn cho Tăng Đoàn các Tỳ kheo được

dẫn dắt bởi Vị Phật … (viii) cũng không phước quả bằng xây một chỗ trú-ở dành cho Tăng Đoàn khắp bốn phương (đến trú, ghé ở) … (ix) cũng không phước quả bằng một người với cái tâm có sự tự-tin để quy y nương tựa theo Phật, Pháp, Tăng … (x) cũng không phước quả bằng một người với cái tâm có sự tự-tin để nhận lãnh năm giới-luật tu hành: kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ gian-cắp, kiêng cữ tà-dâm tà dục, kiêng cữ nói-dối nói láo, kiêng cữ uống rượu nặng, rượu nhẹ và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ- tâm phóng dật … (xi) cũng không phước quả bằng sự tu tập một tâm-từ [một cái tâm từ-ái] trong một thời gian thậm chí bằng một cái kéo núm vú con bò (để vắt sữa) … (xii) cũng không phước quả bằng sự tu tập sự nhận-thức về sự vô-thường trong một thời gian bằng cái búng ngón tay." 143 (trích lược từ AN 9:20)

Chương VI. LÀM SÂU SẮC TẦM NHÌN VÀO THẾ GIỚI

1. BỐN ĐIỀU KỲ DIỆU "Này các Tỳ kheo, khi có sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, có bốn điều kỳ lạ và kỳ diệu xuất hiện. Bốn đó là gì? (1) "Hầu hết người ta thích sự dính-mắc,144 mê thích sự dính-mắc, vui thích sự dính-mắc. Nhưng khi Như Lai giảng dạy Giáo Pháp về sự không dính-mắc145 thì họ lắng nghe, chú tâm lắng nghe, và cố gắng hiểu nó. Đây là điều kỳ lạ và kỳ diệu đầu tiên xuất hiện

khi có sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. (2) “Hầu hết người ta thích sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây), mê thích sự tự-ta, vui thích sự tự-ta. Nhưng khi Như Lai giảng dạy Giáo Pháp về sự dẹp bỏ sự tự-ta thì họ lắng nghe, chú tâm lắng nghe, và cố gắng hiểu nó. Đây là điều kỳ lạ và kỳ diệu thứ hai xuất hiện khi có sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la- hán, bậc Toàn Giác. (3) “Hầu hết người ta thích sự phấn-khích [sự thiếu tĩnh-lặng, không bình-an],146 mê thích sự phấn-khích, vui thích sự phấn-khích. Nhưng khi Như Lai giảng dạy Giáo Pháp về sự bình-an thì họ lắng nghe, chú tâm lắng nghe, và cố gắng hiểu nó. Đây là điều kỳ lạ và kỳ diệu thứ ba xuất hiện khi có sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. (4) “Hầu hết người ta bị chìm nghỉm trong sự vô-minh, điều đó [trở nên] như trong một cái trứng, bị (lớp vỏ) bao bọc che tối hoàn toàn. Nhưng khi Như Lai giảng dạy Giáo Pháp về sự loại bỏ vô-minh thì họ lắng nghe, chú tâm lắng nghe, và cố gắng hiểu nó. Đây là điều kỳ lạ và kỳ diệu thứ tư xuất hiện khi có sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. “Này các Tỳ kheo, đây là bốn điều kỳ lạ và kỳ diệu đã xuất hiện khi có sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.”

(AN 4:128)

2. SỰ THỎA THÍCH, SỰ NGUY HẠI & SỰ THOÁT KHỎI

178 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

(1) Trước Khi Phật Giác Ngộ “Này các Tỳ kheo, trước khi ta giác-ngộ, khi ta còn là một bồ-tát, chưa giác-ngộ toàn thiện, ý này đã xảy đến với ta: (1) ‘Cái gì là sự thỏa-thích trong thế gian? (2) Cái gì là sự nguy-hại trong thế gian? (3) Cái gì là sự thoát-khỏi thế gian?’147 “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Sự sướng và vui khởi sinh tùy thuộc vào thế giới: đây là sự thỏa-thích trong thế gian. Mà thế giới là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây là sự nguy-hại trong thế gian. Và sự loại bỏ và dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với thế giới: đây là sự thoát-khỏi thế giới.’ “Đã từ lâu, này các Tỳ kheo, khi ta chưa trực-tiếp biết sự thỏa-thích trong thế gian là sự thỏa-thích, sự nguy-hại là sự nguy-hại, sự thoát-khỏi thế gian là sự thoát-khỏi đúng như chúng thực là, thì ta không tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ này có những tu sĩ và bà- la-môn, có những thiên thần và loài người. Nhưng khi ta đã trực-tiếp biết sự thỏa-thích trong thế gian là sự thỏa-thích, sự nguy-hại là sự nguy-hại, sự thoát-khỏi thế gian là sự thoát-khỏi đúng như chúng thực là, thì ta tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā … và loài người. “Sự-biết và sự-thấy (trí biết và tầm nhìn) đã khởi sinh trong ta như vầy: ‘Sự giải-thoát của ta là bất lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ nay không còn sự tái hiện-hữu (tái sinh) nữa.’” (AN 3:103)

(2) Phật Đã Quyết Tâm Đi Tìm (1) Này các Tỳ kheo, ta quyết tâm tìm ra sự thỏa-thích trong thế gian. Mọi sự thỏa-thích có trong thế gian—ta đã tìm thấy. Ta đã rõ ràng nhìn thấy bằng trí tuệ sự thỏa-thích trong thế gian với xa tới mức nào.

(1) Này các Tỳ kheo, ta quyết tâm tìm ra sự thỏa-thích trong thế gian. Mọi sự thỏa-thích có trong thế gian—ta đã tìm thấy. Ta đã rõ ràng nhìn thấy bằng trí-tuệ sự thỏa-thích trong thế gian với xa tới mức nào. (2) "Ta quyết tâm tìm ra sự nguy-hại trong thế gian. Mọi sự nguy-hại có trong thế gian—ta đã tìm thấy. Ta đã rõ ràng nhìn thấy bằng trí-tuệ sự nguy- hại trong thế gian với xa tới mức nào. (3) "Ta quyết tâm tìm ra sự thoát-khỏi thế gian. Mọi sự thoát-khỏi thế gian—ta đã tìm thấy. Ta đã rõ ràng nhìn thấy bằng trí tuệ sự thoát-khỏi thế gian với xa tới mức nào. ... "Đã từ lâu ... "Sự-biết và sự-thấy đã khởi sinh trong ta như vầy: 'Sự giải-thoát của ta là bất lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ nay không còn sự tái hiện-hữu (tái sinh) nữa.'"

(AN 3:104)

(3) Nếu Không Có Thỏa-thích "Này các Tỳ kheo, (1) nếu không có sự thỏa-thích trong thế gian thì chúng sinh đâu say mê với nó; nhưng bởi vì có sự thỏa-thích trong thế gian nên chúng sinh mới say mê với nó. (2) Nếu không có sự nguy-hại trong thế gian thì chúng sinh đâu chán ngán (hết say mê, tỉnh ngộ) với nó; nhưng bởi vì có sự nguy-hại trong thế gian nên chúng sinh chán ngán với nó. (3) Nếu không có sự thoát-khỏi thế gian thì chúng sinh đâu (có thể) thoát khỏi thế gian; nhưng bởi vì có sự thoát-khỏi thế gian nên chúng sinh mới (có thể) giải thoát khỏi thế gian. "Đã từ lâu, này các Tỳ kheo, khi chúng sinh chưa trực-tiếp biết sự thỏa- thích trong thế gian là sự thỏa-thích, sự nguy-hại là sự nguy-hại, sự thoát- khỏi thế gian là sự thoát-khỏi đúng như chúng thực là, thì họ vẫn chưa thoát- khỏi thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế

hệ này có những tu sĩ và bà-la-môn, có những thiên thần và loài người; họ chưa được thoát-ly khỏi nó, chưa được giải-thoát khỏi nó, và cũng chưa được an-trú với một cái tâm không còn những rào-cản (của vòng luân-hồi). Nhưng khi chúng sinh đã trực-tiếp biết sự thỏa-thích trong thế gian là sự thỏa-thích, sự nguy-hại là sự nguy-hại, sự thoát-khỏi thế gian là sự thoát-khỏi đúng như chúng thực là, thì họ đã thoát-khỏi thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā ... và loài người; họ đã được thoát-ly khỏi nó, đã được giải-thoát khỏi nó, và cũng đã an-trú với một cái tâm không còn những rào-cản."

(AN 3:105)

3. ĐÁNH GIÁ ĐÚNG NHỮNG ĐỐI-TƯỢNG DÍNH-MẮC 1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. 2. Rồi, vào buổi sáng, một số Tỳ kheo mặc y phục, và mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvatthī để khất thực. Rồi họ nghĩ: "Còn quá sớm để đi khất thực một vòng trong thành Sāvatthī. Hay chúng ta đi đến khu ở (khu vườn, trú xá) của những du sĩ khác đạo." Nghĩ vậy nên họ đi đến khu ở của các du sĩ khác đạo, và chào hỏi với họ. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên. Những du sĩ khác đạo nói với họ: 3. "Này các bạn, sa-môn Cồ-Đàm mô tả sự hoàn-toàn hiểu (liễu tri) những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), và chúng tôi cũng làm được vậy; sa- môn Cồ-Đàm mô tả

sự hoàn-toàn hiểu thể-sắc (vật chất; sắc giới), và chúng tôi cũng làm được vậy; sa-môn Cồ-Đàm mô tả sự hoàn-toàn hiểu những cảm- giác (thọ), và chúng tôi cũng làm được vậy. Này các bạn, vậy cái gì là sự khác biệt, cái gì là sự sai khác, cái gì là sự khác nhau giữa giáo lý [sự chỉ dạy Giáo Pháp] của sa-môn Cồ-Đàm và giáo lý của chúng tôi, giữa sự chỉ dạy của sa-môn Cồ-Đàm và sự chỉ dạy của chúng tôi?"148

4. Rồi các Tỳ kheo không đồng ý cũng không phản đối với những lời của các du sĩ khác đạo đó. Không đồng ý cũng không phản đối, họ đứng dậy và đi, và nghĩ rằng: "Chúng ta nên tìm hiểu ý nghĩa những lời nói đó khi gặp mặt đức Thế Tôn." 5. Sau khi đã đi khất thực trong thành Sāvatthī, sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, họ đến gặp đức Thế Tôn, và sau khi kính chào đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên, và kể lại với đức Thế Tôn toàn bộ chuyện xảy ra lúc sáng. [Đức Thế Tôn nói:] 6. "Này các Tỳ kheo, khi các du sĩ khác đạo đó nói như vậy, các thầy nên hỏi họ như vầy: 'Nhưng này các bạn, cái gì là sự thỏa-thích, cái gì là sự nguy-hại, và cái gì là sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] những khoái- lạc giác-quan (dục lạc)? Cái gì là thỏa-thích, cái gì là sự nguy-hại, và cái gì là sự thoát-khỏi đối với thể-sắc (sắc giới)? Cái gì là thỏa-thích, cái gì là sự nguy-hại, và cái gì là sự thoát-khỏi đối với những cảm-giác (thọ)?' "Nếu hỏi như vậy thì những du sĩ khác đạo đó sẽ không giải thích được vấn đề, và gì nữa, họ sẽ gặp phải khó khăn. Bởi vì sao? Vì đó không phải chỗ hiểu biết (trú xứ, lãnh vực) của họ. Này các Tỳ kheo, trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và những trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, ta thấy không có ai có thể giải thích thỏa mãn tâm trí bằng một câu trả lời cho những câu hỏi đó, ngoại trừ Như Lai, hoặc những vị đệ tử của Như Lai, hoặc người đã học từ những vị đệ tử đó. (Những khoái-lạc giác-quan)

7. [1] "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự thỏa-thích trong [trong trường hợp] những khoái-lạc giác-quan (dục lạc)? Này các Tỳ kheo, có năm (sợi) dây (như năm sợi quấn thành sợi dây thừng) khoái-lạc giác-quan. Năm là gì? (1) Những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. (2) Những âm- thanh được nhận biết bởi tai.... (3) Những mùi-hương được nhận biết bởi mũi.... (4) Những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi.... (5) Những đối-tượng

chạm-xúc nhận biết bởi thân thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Đây là năm dây khoái-lạc giác-quan. Vậy đó, sự sướng-khoái và sự vui-thích, khởi sinh tùy thuộc năm dây khoái-lạc giác-quan đó, chính là sự thỏa-thích trong những khoái-lạc giác-quan. 8. [2] (a) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự nguy-hại trong những khoái-lạc giác-quan? Ở đây, này các Tỳ kheo, nói về nghề nghiệp của một người họ tộc nào đó phải theo làm để kiếm sống—dù là nghề kiểm đếm, nghề tính toán, nghề ước tính, nghề nông, nghề buôn bán, nghề chăn nuôi, nghề săn bắn, nghề làm công vụ cho triều đình, hoặc bất cứ nghề nào—trong nghề

nghiệp để kiếm sống người đó phải chịu nóng chịu lạnh; người đó có thể bị thương do tiếp xúc với ruồi muỗi, gió, nắng, và các loài bò sát; có thể chết vì đói khát. – Vậy đó, đây là một dạng nguy-hại trong (sự tìm cầu) những khoái-lạc giác-quan, là một đống khổ nhìn thấy được trong kiếp sống hiện tại; sự khổ có những khoái-lạc giác-quan là nguyên nhân, nguồn gốc và cơ sở gây ra nó; nguyên nhân chỉ là những khoái-lạc giác-quan. 9. (b) "Nếu người họ tộc đó làm việc, chuyên-cần tu, và nỗ lực như vậy nhưng không thu được của cải vào tay, thì người đó ưu sầu, buồn bã, và ai oán, người đó đấm ngực khóc than, và trở nên quẫn trí, kêu rằng: 'Công việc của tôi là vô ích, nỗ lực của tôi chẳng kết quả gì!' – Vậy đó, đây cũng là một dạng nguy-hại trong (sự tìm cầu) những khoái-lạc giác-quan, là một đống khổ nhìn thấy được trong kiếp sống hiện tại; sự khổ có những khoái-lạc giác- quan là nguyên nhân, nguồn gốc và cơ sở gây ra nó; nguyên nhân chỉ là những khoái-lạc giác-quan. 10. (c) "Rồi nếu người họ tộc đó làm việc, chuyên-cần tu, và nỗ lực như vậy, và có thu được nhiều của cải vào tay, thì người đó lại khổ sở và buồn rầu với việc bảo vệ của cải: 'Làm sao để không bị trộm cướp, không bị vua chúa tịch thu, không bị hỏa hoạn cháy rụi, không bị lũ lụt cuốn đi, và không bị những người thừa kế bất nghĩa chiếm đoạt?' Và người đó canh phòng và bảo vệ của cải, nhưng (vẫn có thể) bị trộm cướp, hoặc bị vua chúa tịch thu,

hoặc bị hỏa hoạn cháy rụi, hoặc bị lũ lụt cuốn đi, hoặc bị những người thừa kế bất nghĩa chiếm đoạt. Và người đó ưu sầu, buồn bã, và ai oán, người đó đấm ngực khóc than, và trở nên quẫn trí, kêu rằng: 'Tôi không còn của cải nữa!' – Vậy đó, đây cũng là một dạng nguy-hại trong (sự tìm cầu) những khoái-lạc giác-quan, là một đống khổ nhìn thấy được trong kiếp sống hiện tại; sự khổ có những khoái-lạc giác-quan là nguyên nhân, nguồn gốc và cơ sở gây ra nó; nguyên nhân chỉ là những khoái-lạc giác-quan. 11. (d) "Lại nữa, vì do những khoái-lạc giác-quan (dục lạc) là nguyên nhân, nguồn gốc … nên các vua chúa tranh chấp nhau, những người giai cấp chiến-sĩ tranh chấp nhau, các bà-la-môn tranh chấp nhau, các gia-chủ tranh chấp nhau; mẹ tranh chấp con, con tranh chấp mẹ, cha tranh chấp con, con tranh chấp cha; anh em tranh chấp nhau, chị em tranh chấp nhau; bạn bè tranh chấp nhau. Và trong những cuộc tranh chấp, tranh cãi, và tranh giành, họ đánh nhau bằng tay, bằng đá cục, gậy gộc, hay bằng dao, từ đó họ chuốc lấy sự chết chóc và sự khổ đau như chết. – Vậy đó, đây cũng là một dạng nguy-hại trong (sự tìm cầu) những khoái-lạc giác-quan, là một đống khổ nhìn thấy được trong kiếp sống hiện tại; khổ có những khoái-lạc giác-quan là nguyên nhân, nguồn gốc và cơ sở gây ra nó; nguyên nhân chỉ là những khoái-lạc giác-quan. 12. (e) "Lại nữa, vì do những khoái-lạc giác-quan (dục lạc) là nguyên nhân, nguồn gốc … nên người ta mang kiếm, khiên, cung, tên, và họ giàn trận hai bên; với cung tên và giáo mác phóng như bay, kiếm vung chém lóe chớp; và rồi họ bị thương bởi cung tên và giáo mác, bị chặt đầu bởi gươm đao; từ đó họ chuốc lấy sự chết chóc và sự khổ đau như chết. – Vậy đó, đây cũng là một dạng nguy-hại trong (sự tìm cầu) những khoái-lạc giác-quan, là một đống khổ nhìn thấy được trong kiếp sống hiện tại; khổ có những khoái- lạc giác-quan là nguyên nhân, nguồn gốc và cơ sở gây ra nó; nguyên nhân chỉ là những khoái-lạc giác-quan. 13. (f) "Lại nữa, vì do những khoái-lạc giác-quan (dục lạc) là

nguyên nhân, nguồn gốc … nên người ta mang kiếm, khiên, cung, tên, và họ tấn

công những pháo đài trơn ướt vừa mới trét bùn; với cung tên và giáo mác phóng như bay, kiếm vung chém lóe chớp; rồi họ bị thương bởi cung tên và giáo mác, bị tạt nước phân bò đun sôi, và bị đè bẹp bởi những thanh chắn cổng thành rơi xuống, và bị chặt đầu bởi gươm đao; từ đó họ chuốc lấy những sự chết chóc và sự khổ đau như chết. – Vậy đó, đây cũng là một dạng nguy-hại trong (sự tìm cầu) những khoái-lạc giác-quan, là một đống khổ nhìn thấy được trong kiếp sống hiện tại; khổ có những khoái-lạc giác-quan là nguyên nhân, nguồn gốc và cơ sở gây ra nó; nguyên nhân chỉ là những khoái-lạc giác-quan. 14. (g) “Lại nữa, vì do những khoái-lạc giác-quan (dục lạc) là nguyên nhân, nguồn gốc … nên người ta đột nhập nhà cửa, cướp bóc của cải, làm nghề trộm cướp, cướp đường, dụ dỗ vợ người khác; và khi bị bắt, họ phải bị rất nhiều hình phạt tàn bạo của vua quan: Họ quất người đó bằng roi, họ đánh bằng gậy, họ đánh bằng côn, họ chặt tay, họ chặt chân, họ chặt tay chân, họ xẻo tai, họ cắt mũi, họ xẻo tai cắt mũi, họ dùng hình phạt vạc dầu … (tiếp theo liệt kê những hình phạt khủng khiếp)149… và họ dùng kiếm chặt đầu người đó—theo đó người phạm tội phải chuốc lấy sự chết hoặc đau khổ như chết. – Vậy đó, đây cũng là một dạng nguy-hại trong (sự tìm cầu) những khoái-lạc giác-quan, là một đống khổ nhìn thấy được trong kiếp sống hiện tại; khổ có những khoái-lạc giác-quan là nguyên nhân, nguồn gốc và cơ sở gây ra nó; nguyên nhân chỉ là những khoái-lạc giác-quan. 15. (f) “Lại nữa, vì do những khoái-lạc giác-quan (dục lạc) là nguyên nhân, nguồn gốc … nên người ta sống không đức-hạnh trong những hành- động, lời-nói, và tâm-ý. Vì đã làm như vậy, nên khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh trong một cảnh giới khổ đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Vậy đó, đây cũng là một dạng nguy-hại trong (sự tìm cầu) những khoái-lạc giác-quan, là một đống khổ trong kiếp sau;150 sự khổ có những khoái-lạc giác-quan là nguyên nhân, nguồn gốc, và cơ sở gây ra nó; nguyên nhân chỉ là những khoái-lạc giác-quan.

16. [3] “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự thoát-khỏi đối với những khoái-lạc giác-quan? Đó là sự loại bỏ tham-muốn và dục-vọng, là sự dẹp bỏ tham-muốn và dục-vọng đối với những khoái-lạc giác-quan.151 Đây chính là sự thoát-khỏi những khoái-lạc giác-quan. 17. “Những tu sĩ và bà-la-môn nào chưa hoàn-toàn hiểu sự thỏa-thích (trong), sự nguy-hại (trong), và sự thoát-khỏi (đối với) những khoái-lạc giác- quan đúng như chúng thực là, thì không thể nào họ hoàn-toàn hiểu những khoái-lạc giác-quan, và do đó không thể chỉ dạy những người khác để họ hoàn-toàn hiểu những khoái-lạc giác-quan—điều đó là không thể. “Những tu sĩ và bà-la-môn nào đã hoàn-toàn hiểu sự thỏa-thích (trong), sự nguy-hại (trong), và sự thoát-khỏi (đối với) những khoái-lạc giác-quan, thì có thể hoàn-toàn hiểu những khoái-lạc giác-quan, và do đó có thể chỉ dạy những người khác để họ hoàn-toàn hiểu những khoái-lạc giác-quan—điều đó là có thể. (Sắc Thân)

18. [1] “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự thỏa-thích trong [trong trường hợp] sắc-thân? Giả sử có một cô gái thuộc giai cấp quý-tộc [chiến-sĩ] hay bà- la-môn hay gia-chủ, mười lăm hay mười sáu tuổi, không quá cao không quá thấp, không quá ốm không quá mập, không quá đen không quá trắng. Có phải sắc đẹp và sự đáng yêu của cô ta đang ở đỉnh cao không?”—“Đúng vậy, thưa Thế Tôn.”—“Vậy đó, sự sướng-khoái và sự vui-thích, khởi sinh tùy theo sắc đẹp và sự đáng yêu đó, chính là sự thỏa-thích trong sắc thân. 19. [2] (a) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự nguy-hại trong sắc-thân? Sau này người ta thấy cũng người phụ nữ ấy ở tuổi tám mươi, chín mươi, hoặc một trăm tuổi, già nua, thân cong như vòm mái nhà, lưng còm, chống gậy, đi đứng run rẩy, đau đớn; tuổi trẻ và sức lực đã hết, với răng rụng, với tóc bạc thưa thớt hay hói đầu, da nhăn nheo, với tay chân đầy vết khô lác. Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo? Có phải sắc đẹp và sự đáng yêu của cô ấy đã biến mất, và mối nguy-hại đã hiển hiện rõ ràng, đúng không?”—“Đúng

vậy, thưa Thế Tôn”—“Này các Tỳ kheo, đây chính là sự nguy-hại trong sắc thân. 20. (b) “Lại nữa, người ta có thể nhìn thấy cũng người phụ nữ đó giờ bị bệnh và đau đớn, bệnh yếu trầm trọng, nằm trên phân và nước tiểu của mình, phải nhờ người này người nọ ẵm lên và đặt xuống. Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo? Có phải sắc đẹp và sự đáng yêu của cô ấy đã biến mất, và mối nguy-hại đã hiển hiện rõ ràng, đúng không?”—“Đúng vậy, thưa Thế Tôn”— “Này các Tỳ kheo, đây chính là sự nguy-hại trong sắc thân. 21. (c) “Lại nữa, người ta có thể thấy cũng người phụ nữ đó giờ là một xác chết bị quăng ra ngoài nghĩa địa; mới chết một, hai, hay ba ngày, thi thể trương lên, tái nhợt, và đang sình. Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo? Có phải sắc đẹp và sự đáng yêu của cô ấy đã biến mất, và mối nguy-hại đã hiển hiện rõ ràng, đúng không?”—“Đúng vậy, thưa Thế Tôn”—“Này các Tỳ kheo, đây chính là sự nguy-hại trong sắc thân. 22.29. “Lại nữa, người ta có thể nhìn thấy cũng người phụ nữ đó giờ là xác chết bị quăng ra ngoài nghĩa địa; bị xé ăn bởi lũ quạ, diều hâu, kền kền, chó, chó rừng, và các loại giòi bọ … [23] … giờ là một bộ xương dính ít thịt và máu, được dính nhau bằng những sợi gân … [24] … giờ là một bộ xương không thịt còn dính ít máu, được dính nhau bằng những sợi gân … [25] … giờ là một bộ xương không còn thịt và máu, được dính nhau bằng những sợi gân … [26] … giờ là những khúc xương đứt rời nằm rải rác đủ phía … [27] … giờ là những khúc xương khô trắng, có màu vôi vỏ sò … [28] … giờ là một mớ xương khô, nằm đó hơn một năm … [29] … giờ là mớ xương rữa nát và mục tan thành bụi đất. Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo? Có phải sắc đẹp và sự đáng yêu của cô ấy đã biến mất, và mối nguy-hại đã hiển hiện rõ ràng, đúng không?”—“Đúng, thưa Thế Tôn”—“Này các Tỳ kheo, đây chính là sự nguy-hại trong sắc thân. 30. [3] “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự thoát-khỏi đối với sắc-thân? Đó là sự loại bỏ tham-muốn và dục-vọng, là sự dẹp bỏ tham-muốn và dục- vọng đối với sắc-thân. Đây chính là sự thoát-khỏi sắc-thân.

31. “Những tu sĩ và bà-la-môn nào không hoàn-toàn hiểu sự thỏa-thích (trong), sự nguy-hại (trong), và sự thoát-khỏi (đối với) sắc-thân, đúng như chúng thực là, thì không

thể nào họ hoàn-toàn hiểu sắc-thân, và do đó không thể chỉ dạy những người khác để họ hoàn-toàn hiểu được sắc-thân—điều đó là không thể. "Những tu sĩ và bà-la-môn nào đã hoàn-toàn hiểu sự thỏa-thích (trong), sự nguy-hại (trong), và sự thoát-khỏi (đối với) sắc-thân, đúng như chúng thực là, thì họ có thể hoàn-toàn hiểu sắc-thân, và do đó có thể chỉ dạy những người khác để họ hoàn-toàn hiểu được sắc-thân—điều đó là có thể. (Những Cảm-Giác)

32. [1] "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự thỏa-thích trong [trong trường hợp] những cảm-giác? Ở đây, này các Tỳ kheo: (i) 'Với sự tách-ly hoàn toàn khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong Tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.'152 Trong thời đó (trong thời gian nhập thiền định) người đó không làm [chọn lấy] khổ đau cho mình hay cho người khác, hoặc cho cả mình và người khác. Trong thời đó người đó chỉ cảm nhận loại cảm-giác không có khổ đau. Sự thỏa-thích cao nhất trong những cảm-giác chính là 'tự-do khỏi khổ đau', ta nói như vậy. 33.–35. (ii) "Lại nữa: 'Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) … (iii) 'Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ) … người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền) … (iv) 'Với sự dẹp bỏ sự sướng và khổ … người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền) …' Trong thời đó (trong thời gian nhập thiền định) người đó không làm [chọn lấy] khổ đau cho mình hay cho người khác, hoặc cho cả mình và người khác. Trong thời đó người đó chỉ cảm nhận loại cảm-giác không có khổ đau. Sự thỏa-thích cao nhất trong những cảm-giác chính là 'sự tự-do khỏi khổ đau', ta nói như vậy.

36. [2] "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự nguy-hại trong những cảm- giác? Những cảm-giác đều là vô-thường, khổ, và luôn luôn thay đổi. Đây chính là sự nguy-hại của những cảm-giác. 37. [3] "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự thoát-khỏi đối với những cảm-giác? Đó là sự loại bỏ tham-muốn và dục-vọng, là sự dẹp bỏ tham-muốn và dục-vọng đối với những cảm-giác. 38. "Những tu sĩ và bà-la-môn nào không hoàn-toàn hiểu sự thỏa-thích (trong), sự nguy-hại (trong), và sự thoát-khỏi (đối với) những cảm-giác, đúng như chúng thực là, thì không thể nào họ hoàn-toàn hiểu những cảm-giác, và do đó không thể chỉ dạy những người khác để họ hoàn-toàn hiểu được những cảm-giác—điều đó là không thể. "Những tu sĩ và bà-la-môn nào đã hoàn-toàn hiểu sự thỏa-thích (trong), sự nguy-hại (trong), và sự thoát-khỏi (đối với) những cảm-giác, đúng như chúng thực là, thì họ có thể hoàn-toàn hiểu những cảm-giác, và do đó có thể chỉ dạy những người khác để họ hoàn-toàn hiểu được những cảm-giác—điều đó là có thể." Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo đã hài lòng và vui mừng với những lời dạy của đức Thế Tôn. (MN 13: Mahādukkhakkhandha Sutta) (Đại kinh Khổ Uẩn)

4. CẠM BẪY CỦA NHỮNG KHOÁI LẠC GIÁC QUAN (1) Cắt Đứt Mọi Sự Việc Thế Tục [… Gia chủ Potaliya đã hỏi Đức Phật:] "Thưa thầy, theo cách nào là 'sự cắt bỏ mọi sự đời'153 theo Giới Luật của Thánh Nhân được thành tựu hoàn toàn và tất cả mọi mặt?

Thưa thầy, sẽ tốt lành nếu đức Thế Tôn chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp, chỉ cho tôi cách mà ‘sự

cắt bỏ mọi sự đời’ theo Giới Luật của Thánh Nhân được thành tựu hoàn toàn và tất cả mọi mặt.” “Này gia chủ, vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói” “Dạ, thưa thầy”, gia chủ Potaliya đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này: 15. “Này gia chủ, ví dụ một con chó, bị đói và yếu, đang đứng chực ở hàng bán thịt.154 Rồi người bán thịt rành nghề [hay người phụ việc của ông ta] có thể quăng cho con chó một khúc xương không, đã lạng sạch, không có thịt, chỉ còn vết máu. Chú nghĩ sao, này gia chủ? Liệu con chó đó có được hết đói và yếu với một khúc xương không, đã lạng sạch, không có thịt, chỉ còn vết máu, hay không?” “Không, thưa thầy. Vì sao? Vì đó chỉ là một khúc xương không, đã lạng sạch, không có thịt, chỉ còn vết máu. Cuối cùng con chó chỉ chuốc lấy sự mệt mỏi và thất vọng mà thôi.” “Cũng giống như vậy, này gia chủ, một đệ tử thánh thiện biết suy xét như vầy: ‘Những khoái-lạc giác quan (dục lạc) đã được đức Thế Tôn ví như một khúc xương; chúng mang lại một ít sự thỏa-thích nhưng nhiều khổ đau và tuyệt vọng, trong khi sự nguy-hại trong chúng là phần lớn.’ Sau khi đã nhìn thấy điều này đúng như nó thực là như vậy bằng trí-tuệ chánh đúng, người đó tránh bỏ sự buông-xả bị phân tán (của tâm), dựa trên sự phân tán, và tu tập sự buông-xả được hợp nhất (của tâm), dựa trên sự hợp nhất,155 ở đó sự dính-chấp theo những thứ vật chất trong thế gian hoàn toàn chấm dứt sạch sẽ [không còn tàn dư]. 16. “Này gia chủ, ví dụ một con kền kền (linh thứu), một con diệc, hay một con diều hâu gắp một miếng thịt và bay đi, rồi những con còn lại sẽ đuổi theo nó, (dùng mỏ) cắn mổ nó và (dùng móng vuốt) cào bấu nó. Chú nghĩ sao, này gia chủ? Nếu con linh thứu, hay con diệc, hay con diều hâu đó không mau lẹ buông bỏ miếng thịt đó, thì nó có thể bị (tấn công) chết hay bị đau khổ như chết vì miếng thịt đó phải không?” “Đúng vậy, thưa thầy”

“Cũng giống như vậy, này gia chủ, một đệ tử thánh thiện biết suy xét như vầy: ‘Những khoái-lạc giác quan (dục lạc) đã được đức Thế Tôn ví như một miếng thịt; chúng mang lại một ít sự thỏa-thích nhưng nhiều khổ đau và tuyệt vọng, trong khi sự nguy-hại trong chúng là phần lớn.’ Sau khi đã nhìn thấy điều này đúng như nó thực là như vậy bằng trí-tuệ chánh đúng … sự dính-chấp theo những thứ vật chất trong thế gian hoàn toàn chấm dứt sạch sẽ. 17. “Này gia chủ, ví dụ một người cầm một ngọn đuốc làm bằng cỏ khô đang cháy và đi ngược gió. Chú nghĩ sao, này gia chủ? Nếu người đó không mau lẹ buông bỏ ngọn đuốc làm bằng cỏ khô đang cháy đó, ngọn đuốc sẽ đốt cháy bàn tay hay cánh tay hay những chỗ khác trên thân người đó, thì có thể bị chết hay bị đau khổ như chết vì ngọn đuốc đó phải không?” “Đúng vậy, thưa thầy” “Cũng giống như vậy, này gia chủ, một đệ tử thánh thiện biết suy xét như vầy: ‘Những khoái-lạc giác quan (dục lạc) đã được đức Thế Tôn ví như một ngọn đuốc đang cháy (ngược gió); chúng mang lại một ít sự thỏa-thích nhưng nhiều khổ đau và tuyệt vọng, trong khi sự nguy-hại trong chúng là phần lớn.’ Sau khi đã nhìn thấy điều này đúng như nó thực là như vậy bằng trí-tuệ chánh đúng … sự dính-chấp theo những thứ vật chất trong thế

gian hoàn toàn chấm dứt sạch sẽ. 18. “Này gia chủ, ví dụ có một hố than sâu hơn chiều cao con người chứa đầy than đang cháy, nhưng không có lửa ngọn hay khói. Rồi một người đến đó, là người muốn sống và không muốn chết, là người muốn sướng và tránh khổ, rồi có hai lực sĩ nắm chặt hai tay anh ta và lôi anh ta đến chỗ hố than. Chú nghĩ sao, này gia chủ? Thì người đó có sẽ cố giằng co kháng cự đủ kiểu (để thoát khỏi) phải không?” “Dạ đúng, thưa Thế Tôn. Vì sao? Vì anh ta biết nếu mình bị đẩy xuống hố than thì anh ta có thể sẽ chết hay đau khổ như chết vì hố than đó.” “Cũng giống như vậy, này gia chủ, một đệ tử thánh thiện biết suy xét như vầy: ‘Những khoái-lạc giác quan (dục lạc) đã được đức Thế Tôn ví như

một hố than đang cháy; chúng mang lại một ít sự thỏa-thích nhưng nhiều khổ đau và tuyệt vọng, trong khi sự nguy-hại trong chúng là phần lớn.’ Sau khi đã nhìn thấy điều này đúng như nó thực là như vậy bằng trí-tuệ chánh đúng … sự dính-chấp theo những thứ vật chất trong thế gian hoàn toàn chấm dứt sạch sẽ. 19. “Này gia chủ, ví dụ một người nằm mơ thấy những khu vườn rất đẹp, những khu rừng rất đẹp, những đồng cỏ rất đẹp, và những hồ nước rất đẹp, rồi tới khi thức dậy anh ta thấy chẳng có gì cả. Cũng giống như vậy, này gia chủ, một đệ tử thánh thiện biết suy xét như vầy: ‘Những khoái-lạc giác quan (dục lạc) đã được đức Thế Tôn ví như một giấc mơ; chúng mang lại một ít sự thỏa-thích nhưng nhiều khổ đau và tuyệt vọng, trong khi sự nguy- hại trong chúng là phần lớn.’ Sau khi đã nhìn thấy điều này đúng như nó thực là như vậy bằng trí-tuệ chánh đúng … sự dính-chấp theo những thứ vật chất trong thế gian hoàn toàn chấm dứt sạch sẽ. 20. “Này gia chủ, ví dụ một người vay mượn những đồ đạc—như một chiếc xe rất đẹp và những thứ vòng vàng trang sức—rồi anh ta đi tới chợ, những chủ nhân của những thứ mà anh ta vay mượn cũng đến đó. Rồi mọi người nhìn thấy anh ta, họ nói: “Này ông bà, đó là một người giàu có! Đó là cách những người giàu có thụ hưởng sự giàu có của họ!’ Rồi những chủ nhân khi thấy anh ta liền lấy lại những thứ của họ. Chú nghĩ sao, này gia chủ? Điều đó dư đủ làm cho anh ta trở nên chán nản phải không?” “Đúng vậy, thưa thầy. Vì sao? Bởi vì những chủ nhân sẽ lấy lại những thứ đó của họ.” “Cũng giống như vậy, này gia chủ, một đệ tử thánh thiện biết suy xét như vầy: ‘Những khoái-lạc giác quan (dục lạc) đã được đức Thế Tôn ví như những thứ vay mượn tạm bợ; chúng mang lại một ít sự thỏa-thích nhưng nhiều khổ đau và tuyệt vọng, trong khi sự nguy-hại trong chúng là phần lớn.’ Sau khi đã nhìn thấy điều này đúng như nó thực là như vậy bằng trí-tuệ chánh đúng … sự dính-chấp theo những thứ vật chất trong thế gian hoàn toàn chấm dứt sạch sẽ.

21. “Này gia chủ, ví dụ có một vườn cây rậm rạp không xa làng mạc hay phố thị, trong đó có một cây sai trái trĩu quả nhưng không có trái nào đã rụng xuống đất. Rồi một người đến đó đang cần trái cây, đang tìm kiếm trái cây, đang đi tìm trái cây, và người đó đi vô khu vườn đó và nhìn thấy cái cây sai trái đó. Ngay đó anh ta nghĩ: ‘Cây này sai trái nhưng không có trái nào đã rụng xuống đất. Ta biết cách trèo cây, vậy ta sẽ trèo lên cây này, ăn nhiều trái cây cho thỏa thích, và lấy bỏ đầy bao mang về.’ Và anh ta làm

vậy. Rồi một người thứ hai đến đó … (tương tự người thứ nhất) … Ngay đó anh ta nghĩ: ‘Cây này sai trái nhưng không có trái nào đã rụng xuống đất. Ta không biết cách trèo cây, vậy ta sẽ chặt gốc cây này, ăn nhiều trái cây cho thỏa thích, và lấy bỏ đầy bao mang về.’ Và anh ta làm vậy. Chú nghĩ sao, này gia chủ? Nếu người thứ nhất đã trèo lên cây mà không mau lẹ trèo xuống, khi cây ngã anh ta sẽ bị gảy tay hay gảy chân hay bị chỗ khác trên thân, thì do vậy có thể bị chết hay đau khổ như chết phải không?” “Đúng vậy, thưa thầy”. “Cũng giống như vậy, này gia chủ, một đệ tử thánh thiện biết suy xét như vầy: ‘Những khoái-lạc giác quan (dục lạc) đã được đức Thế Tôn ví như những trái cây trên cây cao; chúng mang lại một ít sự thỏa-thích nhưng nhiều khổ đau và tuyệt vọng, trong khi sự nguy-hại trong chúng là phần lớn.’ Sau khi đã nhìn thấy điều này đúng như nó thực là như vậy bằng trí-tuệ chánh đúng, người đó tránh bỏ sự buông-xả bị phân tán (của tâm), dựa trên sự phân tán, và tu tập sự buông-xả được hợp nhất (của tâm), dựa trên sự hợp nhất, ở đó sự dính-chấp theo những thứ vật chất trong thế gian hoàn toàn chấm dứt sạch sẽ.. (trích MN 54: Potaliya Sutta)

(2) Cơn Sốt Khoái-lạc giác quan 10. “Này Māgandiya, trước kia khi ta còn sống tại gia, ta cũng hưởng thụ bản thân, được chu cấp và ưu đãi năm dây (thứ, loại) khoái-lạc giác quan

(dục lạc): với những hình-sắc được nhận biết bởi mắt … những âm-thanh được nhận biết bởi tai … những mùi-hương được nhận biết bởi mũi … những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi … những thứ hữu-hình chạm xúc được nhận biết bởi thân thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục.156 Ta có ba cung điện, một cho mùa mưa, một cho mùa đông, và một cho mùa hè. Ta sống trong cung điện mùa mưa suốt bốn tháng mùa mưa, thụ hưởng bản thân với những nữ nhạc công, không ai trong họ là nam, và ta không đi xuống những cung điện thấp hơn kia.157 “Tới thời sau đó, sau khi đã hiểu được nguồn-gốc và sự biến-mất, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] những khoái-lạc giác quan (dục lạc), ta đã dẹp bỏ dục-vọng đối với khoái-lạc giác quan (dục ái), ta đã loại bỏ sự sốt-não vì khoái-lạc giác quan, và ta an trú không còn sự thèm-khát (hết tham dục), với một cái tâm hướng nội bình an. Ta nhìn thấy những chúng sinh khác chưa thoát khỏi tham-muốn vì khoái-lạc giác quan, đang bị cắn xé [nhai nuốt] bởi dục-vọng vì khoái-lạc giác quan, đang bốc cháy bởi sự sốt-não vì khoái-lạc giác quan, đang say đắm trong khoái-lạc giác quan, nhưng ta không ghen tỵ gì với họ, ta cũng không còn ưa thích mấy thứ (khoái-lạc giác quan) đó. Vì sao vậy? Bởi vì, này Māgandiya, có một sự khoái-lạc ngoài những khoái-lạc giác quan, ngoài những trạng thái bất thiện, nó thậm chí vượt qua cả niềm hạnh-phúc cõi trời.158 Vì ta ưa thích sự khoái-lạc đó, nên ta đâu còn ghen tỵ với những thứ thấp kém hơn, ta cũng đâu còn thích mấy thứ (khoái-lạc giác quan) đó. 11. “Này Māgandiya, ví dụ một gia chủ [hay con trai gia chủ], giàu có, nhiều của cải, và nhiều tài sản, và được chu cấp và ưu đãi đầy đủ năm dây khoái-lạc giác-quan: Những hình-sắc được nhận biết bởi mắt … Những âm- thanh được nhận biết bởi tai … Những mùi-hương được nhận biết bởi mũi … Những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi …

Những thứ chạm-xúc được được nhận biết bởi thân thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Sau khi đã hành xử tốt thiện trong (ba nghiệp) thân, lời-nói và tâm, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó có thể

được tái sinh trong một nơi-đến hạnh phúc, trong cõi trời trong số những thiên thần của cõi trời Ba Mươi Ba (Đao-lợi); và ở đó, được vây quanh bởi đoàn tiên nữ trong khu Vườn Nandana (Khoái Lạc Viên), người đó thụ hưởng bản thân, được chu cấp và ưu đãi năm dây khoái-lạc giác-quan của cõi trời. Giả sử người đó nhìn xuống thấy một gia chủ đang thụ hưởng bản thân, được chu cấp và ưu đãi năm dây khoái-lạc giác quan [ở cõi người]. Ông nghĩ sao, này Māgandiya? Liệu thiên thần trẻ đó, được vây quanh bởi đoàn tiên nữ trong khu Vườn Nandana, được chu cấp và ưu đãi năm dây khoái-lạc giác quan ở cõi trời, mà còn ghen tỵ với những khoái-lạc giác quan ở cõi người hay còn bị cám dỗ bởi những khoái-lạc giác quan ở cõi người, hay không?" "Không đâu, Thầy Cồ-Đàm. Vì sao không? Bởi vì những khoái-lạc giác quan ở cõi trời thì siêu xuất hơn và tuyệt vời hơn những khoái-lạc giác quan ở cõi người." 12. "Cũng giống như vậy, này Māgandiya, trước kia khi ta còn sống tại gia, ta cũng hưởng thụ bản thân, được chu cấp và ưu đãi năm dây khoái-lạc giác quan: với những hình-sắc được nhận biết bởi mắt … những thứ hữu- hình chạm xúc được nhận biết bởi thân thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Tới thời sau đó, sau khi đã hiểu được nguồn-gốc và sự biến-mất, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] những khoái-lạc giác quan, ta đã dẹp bỏ dục-vọng đối với khoái-lạc giác quan (dục ái), ta đã loại bỏ sự sốt-não vì khoái-lạc giác quan, và ta an trú không còn sự thèm-khát (hết tham dục), với một cái tâm hướng nội bình an. Ta nhìn thấy những chúng sinh khác chưa thoát khỏi tham-muốn vì khoái-lạc giác quan, đang bị cắn xé bởi dục- vọng vì khoái-lạc giác quan, đang bốc cháy bởi sự sốt-não vì khoái-lạc giác quan, đang say đắm trong khoái-lạc giác quan, nhưng ta không ghen tỵ gì với họ, ta cũng không còn ưa thích mấy thứ (khoái-lạc giác quan) đó. Vì sao vậy? Bởi vì, này Māgandiya, có một sự khoái-lạc ngoài những khoái-lạc giác quan, ngoài những trạng thái bất thiện, nó thậm chí vượt qua cả niềm hạnh- phúc cõi trời. Vì ta ưa thích sự khoái-lạc đó, nên ta đâu còn ghen tỵ với

những thứ thấp kém hơn, ta cũng đâu còn thích mấy thứ (khoái-lạc giác quan) đó. 13. "Này Māgandiya, xưa có một người bệnh cùi với chân tay bị đau nhức và lở loét, bị giòi bọ đục khoét, cào gãi rách rỉ các chỗ lỡ loét bằng móng tay, khoái hơ đốt (cho đã ngứa) thân mình trên hố lửa than đang cháy. Rồi bạn bè và đồng sự, những người thân thuộc và họ hàng, đưa người đó đi gặp lương y để chữa trị. Vị lương y lo liệu các thuốc trị cho người đó, và bằng cách dùng thuốc trị, người đó có thể được chữa trị hết căn bệnh cùi, và rồi được khỏe mạnh và vui sướng, độc lập, tự chủ được bản thân, có thể đi tới đâu tùy thích. Rồi người đó có thể gặp một người bệnh cùi khác, với chân tay bị đau nhức và lở loét, bị giòi bọ đục khoét, cào gãi rách rỉ các chỗ lỡ loét bằng móng tay, khoái hơ

đốt thân mình trên hố lửa than đang cháy. Ông nghĩ sao, này Māgandiya? Liệu người đó có đi ghen tỵ với người bệnh cùi kia vì người kia đang hơ đốt (được đã ngứa) thân mình trên hố lửa than đang cháy hoặc vì người kia đang được dùng thuốc chữa trị, hay không?" "Không đâu, Thầy Cồ-đàm. Vì sao vậy? Vì khi có bệnh thì mới cần có lửa than cháy nóng và cần có thuốc trị, và khi không còn bệnh thì đâu còn cần lửa than cháy nóng hay cần có thuốc trị." 14. "Cũng giống như vậy, này Māgandiya, trước kia khi ta còn sống tại gia ... [giống đoạn cuối mục 12 kế trên] ... Vì ta ưa thích sự khoái-lạc đó, nên ta đâu còn ghen tỵ với những thứ thấp kém hơn, ta cũng đâu còn thích mấy thứ (khoái-lạc giác quan) đó. 15. "Này Māgandiya, giả sử có một người bệnh cùi, với chân tay bị đau nhức và lở loét, bị giòi bọ đục khoét, cào gãi rách rỉ các chỗ lỡ loét bằng móng tay, khoái hơ đốt (cho đã ngứa) thân mình trên hố lửa than đang cháy. Rồi bạn bè và đồng môn, những người thân thuộc và họ hàng, đưa người đó đi gặp lương y để chữa trị. Vị lương y lo liệu các thuốc trị cho người đó, và bằng cách dùng thuốc trị, người đó có thể được chữa trị hết căn bệnh cùi, và rồi được khỏe mạnh và vui sướng, độc lập, tự chủ được bản thân, có thể đi tới đâu tùy thích. Rồi có hai người mạnh bạo nắm lấy hai tay của người đó và

lôi người đó tới chỗ hố lửa than đang cháy. Ông nghĩ sao, này Māgandiya? Người đó sẽ cố gồng thân vùng vẫy mọi hướng để cố thoát, đúng không?" "Dạ đúng, thưa Thầy Cồ-đàm. Vì sao? Vì nếu đụng tới lửa là thực sự đau đớn, bị thiêu nóng, và bị đốt cháy." "Ông nghĩ sao, này Māgandiya? Có phải chỉ bây giờ lửa này khi đụng tới mới bị đau đớn, bị thiêu nóng và đốt cháy; hay lửa trước kia khi đụng tới cũng bị đau đớn, bị thiêu nóng và bị đốt cháy như vậy?" "Thưa Thầy Cồ-đàm, lửa bây giờ khi đụng tới bị đau đớn, bị thiêu nóng và đốt cháy; và lửa trước kia khi đụng tới cũng bị đau đớn, bị thiêu nóng và bị đốt cháy như vậy. Nhưng chỉ vì trước kia người đó là một người bệnh cùi, với chân tay bị đau nhức và lở loét, bị giòi bọ đục khoét, cào gãi rách rỉ các chỗ lỡ loét bằng móng tay, lúc đó các giác-quan không cảm nhận đúng đắn, cho nên mặc dù lửa khi đụng tới là đích thực đau đớn nhưng người đó đã nhận thức là sướng-khoái." (chỉ vì lửa nóng làm đã ngứa thân da người cùi). 16. "Cũng giống như vậy, này Māgandiya, trước kia những khoái-lạc giác quan (dục lạc) khi tiếp xúc cũng đích thực là đau khổ, như bị thiêu sốt và bị đốt cháy; sau này những khoái-lạc giác quan khi tiếp xúc cũng đích thực là đau khổ, bị thiêu sốt và bị đốt cháy như vậy; và hiện tại những khoái- lạc giác quan khi tiếp xúc cũng đích thực là đau khổ, bị thiêu sốt và bị đốt cháy như vậy. Nhưng những người không được tự do khỏi dục-vọng vì khoái-lạc giác quan (dục ái), những người đang bị cắn xé bởi dục-vọng vì khoái-lạc giác quan, những người đang bốc cháy bởi sự sốt-não vì khoái-lạc giác quan, là vì họ đang có các giác-quan [bị hư bại] không nhận biết đúng đắn; cho nên mặc dù những khoái-lạc giác quan khi tiếp xúc cũng đích thực là đau khổ, nhưng họ đã nhận thức sai lầm đó là sung-sướng.159 17. "Này Māgandiya, giả sử có một người bệnh cùi, với chân tay bị đau nhức và lở loét, bị giòi bọ đục khoét, cào gãi rách rỉ các chỗ lỡ loét bằng móng tay, khoái hơ đốt (cho đã ngứa) thân mình trên hố lửa than đang cháy; khi người đó càng cào gãi những chỗ lỡ loét và càng hơ đốt thân mình trên lửa thì những chỗ lỡ loét càng thêm dơ dáy, càng

thêm hôi thối, và càng bị

nhiễm trùng, nhưng người đó vẫn thấy có một mức độ thỏa-thích và thích-thú trong việc cào gãi và hơ đốt những chỗ lỡ loét đó. “Cũng giống như vậy, này Māgandiya, những người không được tự do khỏi dục-vọng vì khoái-lạc giác quan, những người đang bị cắn xé bởi dục- vọng vì khoái-lạc giác quan, những người đang bốc cháy với cơn sốt những khoái-lạc giác quan, vẫn say đắm trong những khoái-lạc giác quan; khi họ càng say đắm trong những khoái-lạc giác quan, thì dục-vọng vì khoái-lạc giác quan (dục ái) của họ càng gia tăng, và họ càng bị đốt cháy bởi cơn sốt khoái-lạc giác quan, nhưng họ cứ thấy có một mức độ thỏa-mãn và thích-thú trong năm dây khoái-lạc giác quan đó.” (trích MN 75: Māgandiya Sutta)

5. CUỘC SỐNG LÀ NGẮN NGỦI PHÙ DU “Này các Tỳ kheo, thuở xưa có một vị thầy tên là Araka, giáo chủ một giáo phái tâm linh, là người không còn tham muốn dục-lạc (khoái-lạc giác quan). Vị thầy Araka có nhiều trăm đệ tử, ông đã dạy cho họ một Giáo Pháp như vầy: “Này các Bà-la-môn, đời người thật là ngắn ngủi, hữu hạn và qua nhanh (phù du); nó đầy khổ đau, đầy khổ sở. Điều này con người nên khôn ngoan hiểu rõ. Con người nên làm điều thiện lành và dẫn dắt một đời sống tâm linh; bởi vì không ai sinh ra mà có thể thoát khỏi cái chết.” (1) “Như giọt sương trên đầu ngọn cỏ, sẽ nhanh chóng biến mất khi mặt trời lên, chẳng được chút lâu; cũng giống như vậy, này các bà-la-môn, đời người giống như giọt sương kia. Nó ngắn ngủi, hữu hạn, và qua nhanh; nó đầy khổ đau, đầy khổ sở. Điều này con người nên khôn ngoan hiểu rõ. Con người nên làm điều thiện và dẫn dắt một đời sống tâm linh; bởi không ai sinh ra mà có thể thoát khỏi cái chết. (2) “Như giọt mưa lớn rơi xuống từ trên trời, tạo thành bong bóng trên mặt nước, rồi nhanh chóng tan đi, chẳng được chút lâu; cũng giống như vậy,

này các bà-la-môn, đời người giống như bong bong nước kia. Nó ngắn ngủi, hữu hạn, và qua nhanh … bởi không ai sinh ra mà có thể thoát khỏi cái chết. (3) “Giống như lấy cây roi rạch một đường trên mặt nước, đường kẻ trên mặt nước sẽ nhanh chóng biến mất, chẳng được chút lâu; cũng giống như vậy, này các bà-la-môn, đời người giống như một đường kẻ trên mặt nước. Nó ngắn ngủi, hữu hạn, và qua nhanh … bởi không ai sinh ra mà có thể thoát khỏi cái chết. (4) “Như dòng sông từ trên núi, chảy từ trên cao xuống, chảy nhanh qua, mang theo những thứ trôi nổi trong đó; nó không dừng lại một giây phút, một thời khắc, một khoảng khắc nào, cứ chảy xô, cuộn chảy, và chảy về phía trước; cũng giống như vậy, này các bà-la-môn, đời người giống như dòng nước chảy từ trên núi. Nó ngắn ngủi, hữu hạn, và qua nhanh … bởi không ai sinh ra mà có thể thoát khỏi cái chết. (5) “Như một người khỏe mạnh tạo nhanh miếng nước bọt trên đầu lưỡi và nhổ ra dễ dàng; cũng giống như vậy, này các bà-la-môn, đời người giống như miếng nước bọt trên đầu lưỡi. Nó ngắn ngủi, hữu hạn, và qua nhanh … bởi không ai sinh ra mà có thể thoát khỏi cái chết. (6) “Như một miếng thịt bị quăng vô cái chảo sắt đã được đun đốt cả ngày, nó sẽ cháy xèo tan nhanh, và chẳng được chút lâu; cũng giống như

vậy, này các bà-la-môn, đời người giống như miếng thịt cháy tan đó. Nó ngắn ngủi, hữu hạn, và qua nhanh … bởi không ai sinh ra mà có thể thoát khỏi cái chết. (7) “Như một còn bò đang bị dẫn tới lò mổ để giết thịt, mỗi bước chân nó bước là càng tới gần lò mổ, tới gần cái chết; cũng giống như vậy, này các bà-la-môn, đời người giống như một con bò đang bị dẫn tới lò mổ để giết thịt. Nó ngắn ngủi, hữu hạn, và qua nhanh; nó đầy khổ đau, đầy khổ sở. Điều này con người nên khôn ngoan hiểu rõ. Con người nên làm điều thiện và dẫn dắt một đời sống tâm linh; bởi không ai sinh ra mà có thể thoát khỏi cái chết.

Chương VI – Làm Sâu Sắc Tầm Nhìn Vào Thế Giới • 199

“Nhưng, này các Tỳ kheo, trong thời kiếp quá khứ, tuổi thọ của con người là 60.000 năm, và tới 500 tuổi các cô gái mới sẵn sàng lấy chồng. Vào thời đó con người chỉ có sáu loại khổ: nóng, lạnh, đói, khát, đại tiện và tiểu tiện. Mặc dù họ sống rất lâu rất thọ và có ít sự khổ đau, nhưng vị thầy Araka vẫn dạy cho các đệ tử của ông một giáo lý rằng: ‘Đời người thật là ngắn ngủi, hữu hạn, và qua nhanh …’ như vậy. “Nhưng, này các Tỳ kheo, trong thời kiếp bây giờ, câu này nói ra còn đúng hơn nữa: ‘Đời người thật là ngắn ngủi, hữu hạn, và qua nhanh …’; bởi ngày nay con người chỉ sống lâu nhất chỉ 100 tuổi hay hơn một chút. Và nếu có sống thọ tới 100 năm cũng chỉ được 300 mùa: gồm 100 mùa mùa đông, 100 mùa hè, và 100 mùa mưa. Nếu có sống được 300 mùa cũng chỉ được 1.200 tháng: gồm 400 tháng mùa đông, 400 tháng mùa hè, và 400 tháng mùa mưa. Nếu có sống được 1.200 tháng cũng chỉ được 2.400 nửa-tháng: gồm 800 nửa-tháng mùa đông, 800 nửa-tháng mùa hè, và 800 nửa-tháng mùa mưa. “Và nếu sống được 2.400 nửa-tháng cũng chỉ được 36.000 ngày: gồm 12.000 ngày đông, 12.000 ngày hè, và 12.000 ngày mưa. 160 Và nếu sống được 36.000 ngày cũng chỉ ăn được 72.000 bữa cơm: gồm 24.000 bữa trong mùa đông, 24.000 bữa trong mùa hè, và 24.000 bữa trong mùa mưa. Và trong đó đã tính luôn những bữa ăn bằng sữa mẹ (khi còn bé ẳm) và những lúc không có ăn. Những lúc không có ăn là gồm: những lúc đang bực tức, lúc đang buồn rầu, hoặc lúc đang đau bệnh, hoặc lúc kiêng chay, hoặc khi không có được thức ăn, không kiếm được thức ăn. “Này các Tỳ kheo, như vậy với một người sống thọ được 100 tuổi, ta đã tính hết (các yếu tố): giới hạn tuổi đời, số mùa, số năm, số tháng, số nửa-tháng, số ngày và số đêm, số bữa ăn và số bữa không-ăn. “Những gì một người thầy bi-mẫn phải làm, vì lòng bi-mẫn, để tìm kiếm phúc-lợi cho những học trò, thì ta đã làm cho các thầy. Này các Tỳ kheo, ngoài đây có những gốc cây, ngoài kia có những chòi trống. Này các

200 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

Tỳ kheo, hãy thiền tập, đừng lơ-tâm phóng dật. Đừng để có lý do phải hối tiếc sau này. Đây là chỉ thị của ta cho các thầy.”

(AN 7:74)

6. BỐN ĐIỀU TÓM TẮT VỀ GIÁO PHÁP 26. … Ngài Raṭṭhapāla … đi đến chỗ Khu Vườn Migācīra và ngồi dưới một gốc cây để an trú qua ngày. 27. Rồi Vua Koravya nói với người gác vườn như vầy: “Này ông gác vườn, hãy dọn dẹp Khu Vườn Migācīra để ta có

thể tới đó viếng thăm ngắm cảnh.”—“Dạ, thưa bệ hạ”, người gác vườn đáp lại. Bấy giờ, khi người gác vườn đang dọn dẹp Khu Vườn Migācīra, ông nhìn thấy ngài Raṭṭhapāla ngồi dưới một gốc cây để an trú ban ngày. Khi nhìn thấy thầy ấy, ông chạy đến báo với Vua Koravya: “Thưa bệ hạ, Khu Vườn Migācīra đã được dọn dẹp. Ở đó đang có Raṭṭhapāla, con trai của gia tộc đứng đầu ở Thullakoṭṭhita này, người mà bệ hạ đã luôn nói lời ca ngợi;161 ngài ấy đang ngồi dưới một gốc cây để an trú ban ngày.” “Này ông gác vườn, hôm nay lo khu vườn như vậy là đủ rồi; giờ chúng ta sẽ đến kính lễ Thầy Raṭṭhapāla.” 28. Rồi nhà vua nói: “Hãy đem phân phát hết những thức ăn đã được nấu trong cung ngày hôm nay.” Vua Koravya cho chuẩn bị một số xe ngựa trong triều, rồi nhà vua leo lên một chiếc, theo sau là những chiếc khác, lái ra khỏi thành Thullakoṭṭhita với đầy đủ uy nghi của vương triều để đến gặp Ngài Raṭṭhapāla. Vua cho xe ngựa chạy hết quãng đường xe ngựa có thể đi được, rồi sau đó xuống xe đi bộ, theo sau là các quan thần quan trọng nhất, để đến nơi gặp Ngài Raṭṭhapāla. Nhà vua chào hỏi với thầy Raṭṭhapāla, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, nhà vua đứng qua một bên và nói: “Ở đây có nệm yên voi, xin mời Thầy Raṭṭhapāla ngồi lên.”

“Không cần đâu, thưa đại vương. Hãy ngồi xuống đi. Tôi đang ngồi trên miếng nệm của tôi rồi.” Rồi Vua Koravya ngồi xuống chỗ ngồi đã chuẩn bị sẵn, và nói: 29. “Thầy Raṭṭhapāla, có bốn loại sự mất mát. Do bị bốn sự mất mát đó nên có một số người đã cạo bỏ râu tóc, khoát y nâu sòng, từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Bốn đó là gì? Đó là sự mất mát vì tuổi già, sự mất mát vì đau bệnh, sự mất mát tài sản, và sự mất mát người thân thuộc. 30. (1) “Và cái gì là sự mất mát vì tuổi già? Ở đây, thưa thầy Raṭṭhapāla, có người bị già, già yếu, đã gánh nặng tuổi tác, đã qua nhiều tuổi đời, đang ở giai đoạn cuối của cuộc đời. Người đó suy xét như vầy: ‘Ta đã già, già yếu, đã gánh nặng tuổi tác, đã gần hết tuổi đời, đang tới giai đoạn cuối đời. Đối với ta không còn dễ dàng làm ra của cải mới hoặc gia tăng của cải đã làm ra trước đây. Chắc ta phải nên cạo bỏ râu tóc, khoát y nâu sòng, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.’ Do người đó đã bị mất mất vì tuổi già, cho nên người đó cạo bỏ râu tóc, khoát y nâu sòng, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.’ “Đây được gọi là sự mất mát vì tuổi già. Nhưng Thầy Raṭṭhapāla giờ vẫn trẻ trung, tóc còn đen nhánh, còn được phú cho tuổi trẻ, còn đang trong thời xuân sắc của cuộc đời. Thầy Raṭṭhapāla chưa bị mất mát vì tuổi già. Vậy thầy đã biết gì, đã thấy gì, hoặc đã nghe gì mà từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành? 31. (2) “Và cái gì là sự mất mát vì đau bệnh? Ở đây, thưa Thầy Raṭṭhapāla, có người bị đau đớn, đau khổ, và bệnh yếu như gần chết. Người đó suy xét như vầy: ‘Ta bị đau đớn, đau khổ, và bệnh yếu như gần chết. Đối với ta không còn dễ dàng làm ra của cải mới … cho nên … đi vào đời sống xuất gia tu hành.’ Do người đó đã bị mất mát vì đau bệnh … cho nên … đi vào đời sống xuất gia tu hành. “Đây được gọi là sự mất mát vì đau bệnh. Nhưng Thầy Raṭṭhapāla giờ vẫn chưa bị đau bệnh đau khổ gì; thầy vẫn còn hệ tiêu hóa điều hòa tốt,

không bị quá nóng ruột hay quá lạnh ruột. Thầy Raṭṭhapāla chưa bị mất mát vì đau bệnh. Vậy thầy đã biết gì, đã thấy gì, hoặc đã nghe gì mà từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành? 32. (3) “Và cái gì là sự mất mát tài sản? Ở đây, thưa Thầy Raṭṭhapāla, có người giàu có, nhiều của cải, và nhiều tài sản. Dần dà tài sản của người đó bị tiêu tán. Người đó suy xét như vầy: ‘Trước đây ta giàu có, nhiều của cải, và nhiều tài sản. Dần dà tài sản của ta đã bị tiêu tán. Đối với ta không còn dễ dàng làm ra của cải mới … cho nên … đi vào đời sống xuất gia tu hành.’ Do người đó đã bị mất mát tài sản … cho nên … đi vào đời sống xuất gia tu hành. “Đây được gọi là sự mất mát tài sản. Nhưng Thầy Raṭṭhapāla là con trai của một gia tộc đứng đầu (giàu có) trong thành Thullakoṭṭhita này. Thầy Raṭṭhapāla chưa bị mất mất tài sản gì. Vậy thầy đã biết gì, đã thấy gì, hoặc đã nghe gì mà từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành? 33. (4) “Và cái gì là sự mất mát người thân? Ở đây, thưa Thầy Raṭṭhapāla, có người có nhiều người thân như bạn bè và đồng sự, người thân và họ hàng. Dần dà số người thân của người đó cũng bị ít đi. Người đó suy xét như vầy: ‘Trước đây ta có nhiều người thân như bạn bè và đồng sự, người thân thuộc và họ hàng. Dần dà số người thân của ta bị ít đi. Đối với ta không còn dễ dàng làm ra của cải mới … cho nên … đi vào đời sống xuất gia tu hành.’ Do người đó đã bị mất mát người thân … cho nên … đi vào đời sống xuất gia tu hành. “Đây được gọi là sự mất mát người thân. Nhưng Thầy Raṭṭhapāla còn nhiều bạn bè và đồng sự, người thân và họ hàng trong thành Thullakoṭṭhita này. Thầy Raṭṭhapāla chưa bị mất mát người thân nào. Vậy thầy đã biết gì, đã thấy gì, hoặc đã nghe gì mà từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành? 34. “Thưa Thầy Raṭṭhapāla, đó là bốn loại sự mất mát. Do họ đã bị bốn loại mất mát đó nên họ cạo bỏ râu tóc, khoát y nâu sòng, từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Nhưng Thầy Raṭṭhapāla chưa bị sự

mất mát nào trong số đó. Vậy thầy đã biết gì, đã thấy gì, hoặc đã nghe gì mà từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành?” 35. “Này đại vương, đây là bốn điều tóm tắt về Giáo Pháp đã được giảng dạy bởi đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Sau khi đã biết, đã thấy và đã nghe (bốn điều đó), tôi đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Bốn điều tóm tắt đó là gì? 36. (1) “‘[Sự sống ở] mọi thế gian là không bền chắc, sẽ bị cuốn đi’:162 đây là tóm tắt thứ nhất về Giáo Pháp được dạy bởi đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Sau khi đã biết và thấy điều này, tôi đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. (2) “‘[Sự sống ở] mọi thế gian không có nơi trú ẩn và không có người bảo vệ’:163 đây là tóm tắt thứ hai về Giáo Pháp được dạy bởi đức Thế Tôn, người biết và thấy … (3) “‘[Sự sống ở] mọi thế gian là chẳng có gì; ai rồi cũng phải bỏ lại tất cả và ra đi’: đây là tóm tắt thứ ba về Giáo Pháp được dạy bởi đức Thế Tôn, người biết và thấy … (4) ‘[Sự sống ở] mọi thế gian là không đủ, chẳng bao giờ thỏa mãn, là nô lệ cho dục-vọng’:164 đây là tóm tắt thứ tư về Giáo Pháp được dạy bởi đức Thế Tôn, người biết và thấy … 37. “Đại vương, đây là bốn điều tóm tắt về Giáp Pháp đã được dạy bởi đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Sau khi đã biết, đã thấy và đã nghe bốn điều đó, tôi đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.” 38.

(1) “Thầy Raṭṭhapāla mới nói: ‘[Sự sống ở] mọi thế gian là không bền chắc, sẽ bị cuốn đi.’ Vậy ý nghĩa của lời khẳng định này nên được hiểu ra sao?” “Ngài nghĩ sao, đại vương? Khi ngài còn tuổi hai mươi hay hai lăm, giỏi giang về cưỡi voi, giỏi về cưỡi ngựa, giỏi về xe ngựa, giỏi về bắn cung, giỏi

về kiếm thuật, bắp đùi bắp tay mạnh mẽ, cường tráng, có thể xông pha chiến trận, đúng không?” “Chắc chắn ta đã từng như vậy, thưa Thầy Raṭṭhapāla. Nhiều lúc ta tự hỏi liệu ta có thể có lại sức mạnh siêu thường hồi đó hay không. Ta chưa thấy ai có thể ngang hàng với sức mạnh của ta thời đó.” “Ngài nghĩ sao, đại vương? Giờ ngài có còn bắp đùi bắp tay mạnh mẽ, có còn cường tráng và có thể xông pha chiến trận nữa không?” “Không, thưa Thầy Raṭṭhapāla. Giờ ta bị già, già yếu, đã gánh nặng tuổi tác, đã qua nhiều tuổi đời, đang ở giai đoạn cuối của cuộc đời; ta nay đã bước sang tuổi tám mươi. Nhiều lúc ta muốn bước chân chỗ này nhưng nó lại vấp qua chỗ khác.” (chân tay lọng cọng, không còn nghe theo ý muốn của người già). “Đại vương, chính vì điều này nên đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đã nói: ‘[Sự sống ở] mọi thế gian là không bền chắc, sẽ bị cuốn đi’; và sau khi tôi đã biết, đã thấy và đã nghe điều đó, tôi đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.” “Thật kỳ diệu, thưa Thầy Raṭṭhapāla, thật kỳ diệu điều đó đã được giảng dạy một cách hay khéo bởi đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác: ‘[Sự sống ở] mọi thế gian là không bền chắc, sẽ bị cuốn đi.’ Đúng thực như vậy!” 39. (2) “Thầy Raṭṭhapāla, ở triều đình còn có đủ các đoàn voi chiến, đoàn ngựa chiến, xe chiến, và lính chiến, sẽ phục vụ để đập tan mọi mối đe dọa đối với chúng tôi. Nhưng thầy lại nói: ‘[Sự sống ở] mọi thế gian là không có nơi trú ẩn và không có người bảo vệ.’ Vậy ý nghĩa của lời khẳng định này nên được hiểu ra sao?” “Ngài nghĩ sao, này đại vương? Ngài có căn bệnh mãn tính nào không?”—“Có, ta có bệnh trúng gió mãn tính, thưa Thầy Raṭṭhapāla. Nhiều lúc bị vậy, những bạn bè và cận thần, người thân và họ hàng của ta đã từng đứng xung quanh ta, và nghĩ: ‘Chắc Vua Koravya sắp chết rồi, giờ Vua Koravya sắp chết rồi!’”

“Ngài nghĩ sao, này đại vương? Liệu ngài có thể ra lệnh cho họ: ‘Này những bạn bè và cận thần, những người thân và họ hàng của ta. Tất cả ai đang có mặt hãy chia sớt sự đau bệnh của ta để ta bớt đau đớn’, được hay không? Hay ngài phải tự mình chịu đựng sự khổ đau của mình?” “Ta đâu thể ra lệnh bắt những bạn bè và cận thần, người thân và họ hàng của ta chia sớt như vậy được, thưa Thầy Raṭṭhapāla. Ta phải tự mình chịu đựng sự đau đớn của mình.” “Đại vương, chính vì điều này nên đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đã nói: ‘[Sự sống ở] mọi thế gian không có chỗ trú ẩn và không có người bảo vệ’; và sau khi đã biết, đã thấy và đã nghe điều này, tôi đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.” “Thật kỳ diệu, Thầy Raṭṭhapāla, thật kỳ diệu điều đó đã được giảng dạy một cách hay khéo bởi đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác: ‘[Sự sống ở] mọi thế gian không có chỗ trú ẩn và không có người bảo vệ.’ Đúng thực như vậy!” 40. (3) “Thưa Thầy Raṭṭhapāla, ở triều đình còn rất nhiều vàng bạc và châu báu được cất trong các gian hầm và gian lầu. Nhưng Thầy

Raṭṭhapāla lại nói: '[Sự sống ở] mọi thế gian là chẳng có gì; ai cũng bỏ lại tất cả và ra đi.' Vậy ý nghĩa của lời khẳng định này nên được hiểu ra sao?" "Ngài nghĩ sao, này đại vương? Ngài thụ hưởng bản thân, được chu cấp và được ưu đãi đầy đủ năm thứ (dây) khoái-lạc giác quan (dục lạc), nhưng liệu ngài có chắc chắn trong kiếp sau ngài vẫn còn được thụ hưởng bản thân, được chu cấp và được ưu đãi đầy đủ năm thứ khoái-lạc giác quan giống như vậy hay không? Hay (sau khi ngài chết) những người khác sẽ lấy hết tài sản cơ ngơi này của ngài, trong khi ngài phải chịu trả giá cho những nghiệp mình đã làm?" "Ta không thể chắc chắn về những gì sẽ xảy ra trong kiếp sau, thưa Thầy Raṭṭhapāla. Ngược lại, chắc chắn những người khác sẽ lấy hết tài sản cơ ngơi của ta, trong khi ta phải trả giá cho những nghiệp mình đã làm."

"Này đại vương, chính vì điều đó nên đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đã nói: '[Sự sống ở] mọi thế gian là chẳng có gì; ai rồi cũng phải bỏ lại tất cả và ra đi.'; và sau khi tôi đã biết, đã thấy và đã nghe điều này, tôi đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành." "Thật kỳ diệu, Thầy Raṭṭhapāla, thật kỳ diệu điều đó đã được giảng dạy một cách hay khéo bởi đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác: '[Sự sống ở] mọi thế gian là chẳng có gì; ai rồi cũng phải bỏ lại tất cả và ra đi.' Đúng thực như vậy!" 41. (4) "Còn bây giờ, Thầy Raṭṭhapāla lại nói: '[Sự sống ở] mọi thế gian là không đủ, chẳng bao giờ thỏa mãn, là nô lệ cho dục-vọng.' Vậy ý nghĩa của lời khẳng định này nên được hiểu ra sao? "Ngài nghĩ sao, này đại vương? Ngài có cai trị nước Kuru giàu có này không?" "Có, ta cai trị, thưa Thầy Raṭṭhapāla." "Ngài nghĩ sao, này đại vương? Giả sử có một người đáng tin tưởng và đáng tin cậy đến từ phía đông, và nói: 'Bẩm báo đại vương, ngài nên biết, tôi tới từ phía đông, ở đó tôi thấy một đất nước rộng lớn, hùng mạnh và giàu có, rất sầm uất và đông dân. Có nhiều đoàn voi chiến, nhiều đoàn kỵ binh, xe chiến, và lính chiến; ở đó có nhiều vàng bạc và châu báu gồm loại còn thô và loại đã luyện chế, và có nhiều phụ nữ để lấy làm vợ. Với sức mạnh của nhà vua, ngài có thể chinh phục nước đó. Vậy ngài hãy chinh phục lấy nước đó đi, bẩm đại vương.' Nếu nghe vậy ngài sẽ làm gì?" "Thì chúng tôi sẽ chinh phục lấy nước đó và cai trị nó, thưa Thầy Raṭṭhapāla." "Ngài nghĩ sao, này đại vương? Giả sử có một người đáng tin tưởng và đáng tin cậy đến từ phía tây … từ phía nam … từ phía bắc … từ bên kia bờ biển, và nói: 'Bẩm báo đại vương, ngài nên biết, tôi tới từ phía tây … từ phía nam … từ phía bắc … từ bên kia bờ biển, ở đó tôi thấy một đất nước rộng

lớn, hùng mạnh và giàu có … Vậy ngài hãy chinh phục lấy nước đó đi, bẩm đại vương.' Nếu nghe vậy ngài sẽ làm gì?" "Thì chúng tôi sẽ chinh phục lấy nước đó và cai trị nó, thưa Thầy Raṭṭhapāla." (lòng tham và dục vọng ở thế gian là không đáy) "Này đại vương, chính vì điều đó nên đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đã nói: '[Sự sống ở] mọi thế gian là không đủ, chẳng bao giờ thỏa mãn, là nô lệ cho dục-vọng.'; và sau khi tôi đã biết, đã thấy và đã nghe điều này, tôi đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành." "Thật kỳ diệu, Thầy Raṭṭhapāla, thật kỳ diệu điều đó đã được giảng dạy một cách hay khéo bởi đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn

Giác: '[Sự sống ở] mọi thế gian là không đủ, chẳng bao giờ thỏa mãn, là nô lệ cho dục-vọng.' Đúng thực như vậy!" (trích MN 82: Raṭṭhapāla Sutta)

7. NHỮNG NGUY HẠI TRONG NHỮNG CÁCH-NHÌN SAI LẠC (TÀ KIẾN) (1) Đủ Loại Cách-Nhìn Sai Lạc (I) "Này các Tỳ kheo, ta không thấy riêng một thứ nào do nó (làm cho) những phẩm chất bất thiện chưa khởi sinh thì khởi sinh và những phẩm chất bất thiện đã khởi sinh thì gia tăng và lớn mạnh cho bằng cách-nhìn sai lạc (tà kiến).165 Đối với người có cách-nhìn sai lạc, những phẩm chất bất thiện chưa khởi sinh thì khởi sinh và những phẩm chất bất thiện đã khởi sinh thì gia tăng và lớn mạnh." 166 (II) "Này các Tỳ kheo, ta không thấy riêng một thứ nào do nó những phẩm chất thiện chưa khởi sinh thì không khởi sinh và những phẩm chất thiện đã khởi sinh thì giảm sút cho bằng cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Đối với

người có cách-nhìn sai lạc, những phẩm chất thiện chưa khởi sinh thì không khởi sinh và những phẩm chất thiện đã khởi sinh thì giảm sút." (III) "Này các Tỳ kheo, ta không thấy riêng một thứ nào do nó cho nên những chúng sinh, khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục cho bằng cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Khi có cách-nhìn sai lạc, thì những chúng sinh, khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục." (III) "Này các Tỳ kheo, đối với người có cách-nhìn sai lạc (tà kiến) thì mọi thân nghiệp, khẩu nghiệp, và tâm nghiệp người đó xúi làm hay tự làm theo cách-nhìn đó, và mọi sự cố-ý (tư), sự khát-nguyện, khát-vọng, và những hành-vi cố ý (các hành) đều dẫn tới những điều (hậu quả) không ước, không mong, không đáng thích (khó chịu, buồn, khổ), dẫn tới sự nguy hại và sự khổ. Vì lý do gì? Vì cách-nhìn đó là xấu. "Này các Tỳ kheo, giống như khi một hột giống cây sầu đâu, dưa đắng, hay khổ qua được gieo trồng trên đất ẩm, thì mọi dưỡng-chất nó hút lên từ đất và từ nước đều dẫn tới vị đắng, gắt, và khó chịu của nó. Vì lý do gì? Vì giống hột đó vốn là xấu (vị đắng). Cũng giống như vậy, người có cách-nhìn sai lạc ... đều dẫn tới những điều không ước, không mong, không đáng thích, dẫn tới sự nguy hại và sự khổ. Vì lý do gì? Vì cách-nhìn đó là xấu." (AN 1:306 (I); 1:308 (II); 1:312 (III); 1:314 (III))

(2) Những Người Mù Sờ Voi Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc bấy giờ có một số tu sĩ và bà-la-môn, những du sĩ thuộc giáo phái khác cũng đang sống xung quanh thành Sāvatthī. Họ nắm giữ nhiều quan-điểm, niềm-tin và ý-kiến khác nhau, và họ tuyên truyền những quan-điểm khác nhau. Và họ luôn tranh cãi, tranh chấp, đâm chọt làm tổn thương nhau bằng những 'mũi dao' lời-nói, họ cứ luôn nói:

"Giáo Pháp là như vầy, Giáo Pháp không phải như vậy! Giáo Pháp không phải như vầy, Giáo Pháp là như vậy!" Rồi một số Tỳ kheo đi vô thành Sāvatthī để khất thực. Sau khi quay về, sau khi dùng cơm trưa, họ đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi

xuống bên cạnh, và thưa với đức Thế Tôn những gì họ đã nhìn thấy bên ngoài. [Đức Thế Tôn đã nói:] “Này các Tỳ kheo, những du sĩ giáo phái khác giống như đuôi mù và không thấy gì. Họ không biết được điều gì là ích-lợi và điều gì là nguy-hại. Họ không biết cái gì là Giáo Pháp và cái gì không phải là Giáo Pháp, và do vậy nên họ luôn cãi lộn, tranh cãi và tranh chấp, làm tổn thương nhau bằng những mũi tên lời nói. “Này các Tỳ kheo, trước kia có một ông vua ở thành Sāvatthī này đã kêu một cận thần cho tụ tập tất cả những ngýời mù bẩm sinh trong thành. Sau khi đã tập hợp được họ, nhà vua bảo người cận thần đưa một con voi ra chỗ những người mù để họ sờ. Ông ta đưa đầu voi cho một số người sờ, một số khác thì đưa tai, rồi nhưng số khác lần lượt đưa ngà, vòi, thân, một bàn chân, hai chân sau, đuôi, hoặc chùm lông nằm cuối đuôi. Và mỗi lần đưa cho mỗi nhóm sờ, ông ta nói: ‘Đây là một con voi.’ “Sau khi ông ta báo cho vua mình đã làm xong như vậy, nhà vua bước tới chỗ những người mù và hỏi họ: ‘Hãy nói cho ta nghe, hỡi những người mù, con voi giống gì?’ “Những người sờ đầu voi trả lời: ‘Thưa bệ hạ, một con voi thì giống như cái lu đựng nước.’ Những người sờ tai thì trả lời: ‘Con voi giống một cái rổ sàng (gạo, đậu…).’ Những người sờ ngà voi trả lời: ‘Con voi giống như một lưỡi cày.’ Những người sờ vòi voi thì trả lời: ‘Con voi giống như cán lưỡi cày.’ Những người sờ thân voi trả lời: ‘Con voi giống như cái buồng kho (chứa lúa).’ Và những người trong mỗi nhóm khác cũng miêu tả con voi khác nhau theo những bộ phận mà họ đã sờ.

“Do vậy họ luôn nói: ‘Con voi là như vầy, con voi không phải như vậy! Con voi không phải như vậy, con voi là như vầy!’ Họ cãi cho tới khi họ đánh đấm lẫn nhau. Và nhà vua thích thú nhìn cảnh đó. Thậm chí cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những du sĩ giáo phái khác giống như mù và không thấy gì. Họ không biết được điều gì là ích-lợi và điều gì là nguy-hại. Họ không biết cái gì là Giáo Pháp và cái gì không phải là Giáo Pháp, và do vậy nên họ luôn cãi lộn, tranh cãi và tranh chấp, đâm chọt làm tổn thương nhau bằng những ‘mũi dao’ lời-nói.” (Ud 6:04; 67–69)

(3) Bị Dính Hai Loại Cách-Nhìn (Tà Kiến) “Này các Tỳ kheo, do bị dính hai loại cách-nhìn (tà kiến), có những thiên thần và những người thì co-thủ, hoặc số khác thì với đi quá-lố; chỉ có người có tầm-nhìn thì nhìn thấy (sự thật). (1) “Và, này các Tỳ kheo, làm sao có những người co-thủ (cố thủ, bảo thủ)? Có những thiên thần và người ưa thích sự hiện-hữu, mê thích trong sự hiện-hữu, thỏa thích với sự hiện-hữu. Khi Giáo Pháp được giảng dạy cho họ để chấm dứt sự hiện-hữu, thì tâm họ không thâm nhập được vào giáo pháp đó, không có được niềm-tin, không an trú, hoặc không kiên định vào giáo pháp đó. Này các Tỳ kheo, như vậy là họ co-thủ. (2) “Và, này các Tỳ kheo, làm sao có những người đi quá-lố? Có những thiên thần và những người bị lo sợ, nhục nhã, thấy kinh tởm với sự hiện-hữu này, và họ ưa thích sự không hiện-hữu, họ nói rằng: ‘Cho dù cái ‘ta’ (ngã) này có là gì, xin thưa quý vị, khi thân tan rã, sau khi chết, nó sẽ bị hủy diệt và tiêu vong, nó không còn tồn tại sau khi chết; đây mới là bình an, đây mới là siêu xuất, đây đơn giản là như vậy!’ Này các Tỳ kheo, như vậy là họ đi quá- lố. (3) “Và, này các Tỳ kheo, làm sao có những người có tầm-nhìn thì nhìn thấy? Ở đây, một Tỳ

kheo nhìn thấy cái đã trở thành (sinh thành, hiện hữu)

Chương VI – Làm Sâu Sắc Tầm Nhìn Vào Thế Giới • 211

chỉ là đã trở thành, (tức: điều gì xảy đến chỉ là đã xảy đến, không cần phải tham thích nó hay kháng cự nó). Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đó tu tập theo đường hướng dẫn tới sự tỉnh-ngộ [không còn mê đắm], sự chán-bỏ, sự từ-bỏ, sự chấm-dứt cái đã sinh thành. Này các Tỳ kheo, như vậy là người có tầm-nhìn thì nhìn thấy (sự thật).” (It 49; 43–44)

8. TỪ NHỮNG CÕI TRỜI RỚT XUỐNG CÕI THẤP XẤU “Này các Tỳ kheo, có bốn loại người được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, có người an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái; cũng giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, người đó an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái, rộng lớn, bao la [được khuếch đại], vô lượng, không sự thù-ghét, không sự ác-ý. Người đó thưởng thức [vị ngọt của] cảnh giới đó, ham muốn cảnh giới đó, và thấy sự thỏa thích trong nó. Nếu người đó vững chắc trong đó, tập trung (chú định) vào nó, thường an trú (thiền trú) trong đó, và không lạc rớt khỏi nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những thiên thần thuộc cõi trời Brahmā (Phạm chúng thiên).167 “Tuổi thọ của những thiên thần ở cõi trời Brahmā là 01 đại kiếp. Người phàm phu sẽ sống hết kiếp của mình ở đó, và đến khi hết tuổi thọ của những thiên thần cõi đó, người đó lại đi (tái sinh) xuống địa ngục, cõi súc sinh, hay cảnh hồn ma ngạ quỷ thống khổ. Nhưng đệ tử của đức Thế Tôn cũng sống hết kiếp của mình ở đó, và đến khi hết tuổi thọ của những thiên thần ở đó, vị đó chứng luôn Niết-bàn cuối cùng (bát niết-bàn) từ trạng thái hiện-hữu đó (tức từ thiên thần chứng luôn bát niết-bàn). Đây là sự phân biệt, sự không tương đồng, sự khác biệt giữa một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy

212 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

và một người phàm phu không được chỉ dạy, đó là không được chỉ dạy, đó là, khác biệt về đích-đến tiếp theo và sự (còn) tái-sinh. (2) “Lại nữa, có người an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn; cũng giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, người đó an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn, rộng lớn, bao la, vô lượng, không sự thù-ghét, không sự ác-ý. Người đó thưởng thức cảnh giới đó, ham muốn cảnh giới đó, và thấy sự thỏa thích trong nó. Nếu người đó vững chắc trong đó, tập trung (chú định) vào nó, thường an trú trong đó, và không lạc rớt khỏi nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những thiên thần phóng quang thành dòng (Quan âm thiên). “Tuổi thọ của những thiên thần phóng quang thành dòng là 02 đại kiếp. Người phàm phu sẽ sống hết kiếp của mình ở đó … và lại đi (tái sinh) xuống địa ngục, cõi súc sinh, hay cảnh hồn ma ngạ quỷ thống khổ. Nhưng đệ tử của đức Thế Tôn cũng sống hết kiếp của mình ở đó … và chứng luôn Niết-bàn cuối cùng (bát niết-bàn) từ chính trạng thái hiện-hữu đó. Đây là …

sự khác biệt giữa một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy và một người phàm phu không được chỉ dạy, đó là không được chỉ dạy, đó là, khác biệt về đích- đến tiếp theo và sự (còn) tái-sinh. (3) “Lại nữa, có người an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự tùy-hỷ; cũng giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, người đó an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự tùy-hỷ, rộng lớn, bao la, vô lượng, không sự thù-ghét, không sự ác-ý. Người đó thưởng thức cảnh giới đó, ham muốn cảnh giới đó, và thấy sự thỏa thích trong nó. Nếu người đó vững chắc trong đó, tập trung (chú định) vào nó, thường an trú trong đó, và không lạc rớt khỏi nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những thiên thần hào quang chói lọi (Biến tịnh thiên).

“Tuổi thọ của những thiên thần hào quang chói lọi là 04 đại kiếp. Người phàm phu sẽ sống hết kiếp của mình ở đó … và lại đi (tái sinh) xuống địa ngục, cõi súc sinh, hay cảnh hồn ma ngạ quỷ thống khổ. Nhưng đệ tử của đức Thế Tôn cũng sống hết kiếp của mình ở đó … và chứng luôn Niết-bàn cuối cùng (bát niết-bàn) từ chính trạng thái hiện-hữu đó. Đây là … sự khác biệt giữa một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy và một người phàm phu không được chỉ dạy, đó là không được chỉ dạy, đó là, khác biệt về đích- đến tiếp theo và sự (còn) tái-sinh. (4) “Lại nữa, có người an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự buông-xả; cũng giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, người đó an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự buông-xả, rộng lớn, bao la, vô lượng, không sự thù-ghét, không sự ác-ý. Người đó thưởng thức cảnh giới đó, ham muốn cảnh giới đó, và thấy sự thỏa thích trong nó. Nếu người đó vững chắc trong đó, tập trung (chú định) vào nó, thường an trú trong đó, và không lạc rớt khỏi nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những thiên thần có phúc quả lớn (Quảng quả thiên). “Tuổi thọ của những thiên thần có phúc quả lớn là 500 đại kiếp. Người phàm phu sẽ sống hết kiếp của mình ở đó … và lại đi (tái sinh) xuống địa ngục, cõi súc sinh, hay cảnh hồn ma ngạ quỷ thống khổ. Nhưng đệ tử của đức Thế Tôn cũng sống hết kiếp của mình ở đó … và chứng luôn Niết-bàn cuối cùng (bát niết-bàn) từ chính trạng thái hiện-hữu đó. Đây là … sự khác biệt giữa một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy và một người phàm phu không được chỉ dạy, đó là không được chỉ dạy, đó là, khác biệt về đích- đến tiếp theo và sự (còn) tái-sinh. “Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

(AN 4:125)

9. NHỮNG HIỂM HỌA CỦA VÒNG LUÂN HỒI (1) Dòng Nước Mắt “Này các Tỳ kheo, vòng luân-hồi [saṃsāra] này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được. Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được.

Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo, cái nào là nhiều hơn: nước mắt mà các người đã khóc trong suốt thời gian lang thang và trôi giạt rất lâu trong đó; khóc và than khóc bởi do gặp phải những thứ mình không ưa và chia cách với những thứ mình yêu thích— nước mắt này hay nước trong bốn biển?" "Thưa Thế Tôn, theo chúng con hiểu được Giáo Pháp do đức Thế Tôn chỉ dạy thì nước mắt mà mọi người đã khóc trong suốt thời gian lang thang và trôi giạt rất lâu trong vòng luân-hồi; khóc và than khóc bởi do gặp phải những thứ mình không ưa và chia cách với những thứ mình yêu thích— chỉ riêng nó đã nhiều hơn nước trong bốn biển." "Tốt, tốt, này các Tỳ kheo! Tốt thay, các thầy đã hiểu được Giáo Pháp ta đã dạy theo cách như vậy. Nước mắt mà các người đã khóc trong suốt thời gian lang thang và trôi giạt rất lâu trong vòng luân-hồi; khóc và than khóc bởi do gặp phải những thứ mình không ưa và chia cách với những thứ mình yêu thích— chỉ riêng nó đã nhiều hơn nước trong bốn biển. Này các Tỳ kheo, đã từ lâu các người đã nếm trải cái chết của mẹ mình; khi nếm trải điều đó, các người đã khóc than và ai oán bởi do gặp phải những thứ mình không ưa và chia cách với những thứ mình yêu thích— dòng nước mắt mà các người đã khóc còn nhiều hơn nước trong bốn biển. "Này các Tỳ kheo, đã từ lâu các người đã nếm trải cái chết của cha … cái chết của anh em … cái chết của chị em … cái chết của con trai … cái chết của con gái … sự mất đi người thân họ hàng … sự mất mát tài sản … sự mất mát do đau bệnh; khi nếm trải điều đó, các người đã khóc than và ai oán bởi do gặp phải những thứ mình không ưa và chia cách với những thứ mình yêu thích— dòng nước mắt mà các người đã khóc còn nhiều hơn nước trong

bốn biển. Vì lý do gì? Bởi vì vòng luân-hồi (sinh tử) này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được … Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê- sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác cố ý (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng." (SN 15:03, Quyển 2)

(2) Dòng Máu Chảy Ở Rājagaha (Vương Xá) trong khu Rừng Tre. Lúc đó có ba mươi vị Tỳ kheo từ Pāvā đã đến gặp đức Thế Tôn— tất cả họ đều là những người sống tu trong rừng, người ăn thức ăn khất thực, người mặc y-phục làm từ giẻ rách, người chỉ có ba bộ y, nhưng tất cả họ đều vẫn còn những gông-cùm trói buộc.168 Sau khi đến gặp, họ kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Rồi ý này đã xảy đến với đức Thế Tôn: "Ba mươi vị Tỳ kheo này đều là những người sống tu trong rừng, người ăn thức ăn khất thực, người mặc y-phục làm từ giẻ rách, người chỉ có ba bộ y, nhưng tất cả họ đều vẫn còn những gông-cùm trói buộc. Vậy ta sẽ dạy cho họ Giáo Pháp theo cách để ngay trong khi họ đang ngồi nghe tâm của họ được giải thoát khỏi mọi ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp." Rồi đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo đó như vầy: "Này các Tỳ kheo!" "Dạ, thưa Thế Tôn!", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: "Này các Tỳ kheo, vòng luân-hồi (saṁsāra) là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được. Một thời điểm khởi đầu, từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc trong bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: dòng máu chảy mà các người đã đổ ra

những khi bị chặt đầu trong suốt thời gian lang thang và trôi giạt rất lâu trong (vòng luân- hồi) đó— dòng máu này hay nước trong bốn biển?”

“Thưa Thế Tôn, theo chúng con hiểu được Giáo Pháp do đức Thế Tôn giảng dạy thì dòng máu chảy mà chúng con đã đổ những khi bị chặt đầu trong suốt thời gian lang thang và trôi giạt rất lâu trong vòng luân-hồi—chỉ riêng nó đã nhiều hơn nước trong bốn biển.” “Tốt, tốt này các Tỳ kheo! Tốt thay, các thầy đã hiểu được Giáo Pháp ta đã dạy theo cách như vậy. Dòng máu chảy mà các thầy đã đổ những khi bị chặt đầu trong suốt thời gian lang thang và trôi giạt rất lâu trong vòng luân- hồi— chỉ riêng nó đã nhiều hơn nước trong bốn biển. Này các Tỳ kheo, đã từ lâu các người đã từng là bò, và những khi bò bị chặt đầu, dòng máu chảy mà các người đã đổ còn nhiều hơn cả nước trong bốn biển. Đã từ lâu các người đã từng là trâu, là cừu, dê, nai, gà, heo … Đã từ lâu các người đã từng bị bắt là kẻ ăn trộm, kẻ cướp đường, kẻ phạm tội tà dâm, và những khi đó các người bị chặt đầu, dòng máu chảy mà các người đã đổ còn nhiều hơn nước trong bốn biển. Bởi vì sao? Bởi vì vòng luân-hồi (sinh tử) này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được … Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác cố ý (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng.” Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn. Và trong khi những lời thuyết giảng này được nói ra, tâm của ba mươi Tỳ kheo đến từ xứ Pāvā đã được giải-thoát khỏi mọi ô- nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp. (SN 15:13, Quyển 2)

Chương VII. CON ĐƯỜNG DẪN TỚI SỰ GIẢI-THOÁT

1. TẠI SAO PHẢI BƯỚC VÀO CON ĐƯỜNG ĐẠO? (1) Mũi Tên ‘Sinh, Già, Chết’ 1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. 2. Rồi lúc đó, khi Ngài Māluṅkyāputta đang một mình thiền định, ý- nghĩ sau đây đã khởi sinh trong tâm thầy ấy: “Những quan-điểm mang tính suy đoán sau đây đã không được đức Thế Tôn tuyên bố, đã bị bỏ qua và bị từ chối bởi đức Thế Tôn, đó là những vấn đề: (1) ‘thế giới là trường tồn’ hay (2) ‘thế giới là không trường tồn’?; (3) ‘thế giới là hữu hạn’ hay (4) ‘thế giới là vô hạn’?; (5) ‘linh hồn và thân thể là một’ hay (6) ‘linh hồn là một thứ và thân thể là thứ khác’?; và (7) ‘sau khi chết một Như Lai còn hiện hữu’ hay (8) ‘sau khi chết một Như Lai không còn hiện hữu’?; (9) ‘sau khi chết một Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu’ hay (10) ‘sau khi chết một Như Lai không phải còn hiện hữu, cũng không phải không còn hiện hữu’. Đức Thế Tôn đã không tuyên bố rõ về những điều này cho ta, và ta không đồng ý và không chấp nhận sự việc này, do vậy ta phải đi gặp đức Thế Tôn và hỏi đức Thế Tôn như vậy nghĩa là sao. Nếu đức Thế Tôn tuyên bố rõ với ta rằng (1) ‘thế giới là trường tồn’ hoặc ‘thế giới là không trường tồn’ … hay (10) ‘sau khi chết một Như Lai không phải còn hiện hữu, cũng không phải không còn hiện hữu’, thì ta sẽ sống đời sống tâm

linh theo (dưới sự dẫn dắt của) đức Thế Tôn; còn nếu đức Thế Tôn không tuyên bố rõ ràng với ta về những điều đó, thì ta sẽ bỏ tu hoàn tục.”: 3. Rồi, vào buổi cuối chiều, ngài Māluṅkyāputta đứng dậy khỏi chỗ thiền và đi đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi kính chào đức Thế Tôn, thầy ấy ngồi xuống một bên và thưa: “Thưa Thế Tôn, ở đây, khi con đang ngồi thiền một mình, ý-nghĩ này đã khởi sinh trong tâm con: ‘Những quan-điểm mang tính suy đoán sau đây đã không được đức Thế Tôn tuyên bố … (những quan-điểm (1)-(10) như đoạn kế trên) …

“Nếu Thế Tôn không tuyên bố về những điều này cho con, thì con sẽ bỏ tu và hoàn tục.’ Nếu Thế Tôn biết (1) ‘thế giới là trường tồn’, mong Thế Tôn hãy nói rõ cho con ‘thế giới là trường tồn’; nếu Thế Tôn biết (2) ‘thế giới là không trường tồn’, mong Thế Tôn hãy nói rõ cho con ‘thế giới là không trường tồn’; còn nếu Thế Tôn không biết và không thấy ‘thế giới là trường tồn’ hay ‘thế giới là không trường tồn’, thì sẽ là ngay thẳng khi một người không biết và không thấy nói rằng: ‘Tôi không biết và không thấy.’ “Nếu Thế Tôn biết (3) ‘thế giới là hữu hạn’ … (4) ‘thế giới là vô hạn’?; (5) ‘linh hồn là thân thể là một’ … (6) ‘linh hồn là một thứ và thân thể là thứ khác’?; và (7) ‘sau khi chết một Như Lai còn hiện hữu’ … (8) ‘sau khi chết một Như Lai không còn hiện hữu’?; (9) ‘sau khi chết một Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu’ … (10) ‘sau khi chết một Như Lai không phải còn hiện hữu, cũng không phải không còn hiện hữu’, mong Thế Tôn hãy nói rõ điều đó với con. Còn nếu Thế Tôn không biết và không thấy (3) ‘thế giới là hữu hạn’ … (10) ‘sau khi chết một Như Lai không phải còn hiện hữu, cũng không phải không còn hiện hữu’, thì sẽ là ngay thẳng khi một người không biết và không thấy nói rằng: ‘Tôi không biết và không thấy.’” 4. “Sao vậy, này Māluṅkyāputta, có bao giờ ta nói với thầy rằng: ‘Này Māluṅkyāputta, hãy đến đây sống đời sống tâm linh theo ta thì ta sẽ tuyên bố rõ cho thầy (1) “thế giới là trường tồn” hoặc (2) “thế giới là không trường tồn” … hoặc (10) ‘sau khi chết một Như Lai không phải còn hiện hữu, cũng không phải không còn hiện hữu’, hay không?” “Dạ không, thưa Thế Tôn”—“Vậy có bao giờ thầy nói với ta rằng: ‘Con sẽ sống đời sống tâm linh theo Thế Tôn, thì Thế Tôn sẽ tuyên bố rõ với con (1) “thế giới là trường tồn” hoặc “thế giới là không trường tồn” … hoặc (10) ‘sau khi chết một Như Lai không phải còn hiện hữu, cũng không phải không còn hiện hữu’, hay không?”—“Dạ không, thưa Thế Tôn”—“Như vậy thì, hỡi con người lầm lạc kia, thầy là ai và thầy đang từ bỏ cái gì? 5. “Này Māluṅkyāputta, cho dù có ai nói như vầy: ‘Tôi sẽ không sống đời sống tâm linh theo đức Thế Tôn cho đến khi nào đức Thế Tôn tuyên bố

rõ với tôi (1) “thế giới là trường tồn” … hoặc (10) ‘sau khi chết một Như Lai không phải còn hiện hữu, cũng không phải không còn hiện hữu’, thì những điều đó cũng đâu được tuyên bố bởi Như Lai, và trong khi đó người đó cũng phải chết thôi. (tức ai cũng phải chết cho dù 10 điều đó đúng hay không, vì chúng chẳng liên quan gì đến đời sống tâm linh và đạo quả của người tu theo Phật). “Này Māluṅkyāputta, giả sử có một người bị trúng mũi tên tẩm đầy thuốc độc, rồi bạn bè và đồng sự, người thân và họ hàng của người đó mời lương y tới chữa trị cho người đó. Nhưng người đó cứ nói: ‘Tôi sẽ không

để cho lương y rút mũi tên độc này ra cho đến khi nào tôi biết rõ (1) người bắn tôi là ai, là người giai cấp chiến-sĩ, hay bà-la-môn, hay nông-thương, hay hạ- tiện.' Và người đó lại nói: 'Tôi sẽ không để cho lương y rút mũi tên độc ra cho đến khi nào tôi biết rõ (2) tên tuổi và họ tộc của người đã bắn tôi; ... cho đến khi nào tôi biết rõ (3) người bắn tôi là cao, thấp, hay vừa; ... cho đến khi nào tôi biết rõ (4) người bắn tôi có da đen, da nâu, hay da vàng; ... cho đến khi nào tôi biết rõ (5) người bắn tôi sống ở làng nào, thị trấn nào, thành phố nào; ... cho đến khi nào tôi biết rõ (6) cái cung dùng để bắn tôi là loại cung vòng hay loại cung nỏ; ... cho đến khi nào tôi biết rõ (7) sợi dây cung dùng để bắn tôi được làm từ sợi xơ, sợi lau sậy, sợi gân, sợi cây gai, hay từ sợi vỏ cây; ... cho đến khi nào tôi biết rõ (8) mũi tên dùng để bắn tôi được làm từ cây rừng hay cây trồng; ... cho đến khi nào tôi biết rõ (9) đuôi mũi tên dùng để bắn tôi được làm từ loại lông chim nào—lông kền kền, lông con diệc, lông chim ưng, hay lông cò; ... cho đến khi nào tôi biết rõ (10) mũi tên dùng để bắn tôi được quấn bằng sợi gân nào—gân bò, gân trâu, gân nai, hay gân khỉ; ... cho đến khi nào tôi biết rõ (11) đầu mũi tên dùng để bắn tôi là dạng gì—đầu nhọn hay đầu bén như dao cạo, đầu cong hay có gai cạnh, hay dạng giống răng bò, hay dạng như dao mổ.' "Thì tất cả những điều này vẫn không được biết rõ, và trong khi đó người đó vẫn phải chết thôi. Cũng giống như vậy, này Māluṅkyāputta, cho dù có ai nói rằng: 'Tôi sẽ không sống đời sống tâm linh theo đức Thế Tôn cho đến khi nào đức Thế Tôn tuyên bố rõ với tôi rằng: (1) "thế giới là trường

tồn" ... hoặc hoặc (10) 'sau khi chết một Như Lai không phải còn hiện hữu, cũng không phải không còn hiện hữu', thì những điều đó cũng đâu được tuyên bố bởi Như Lai, và trong khi đó người đó cũng phải chết thôi. 6. "Này Māluṅkyāputta, nếu còn có quan-điểm chấp rằng: (1) 'thế giới là trường tồn', thì đời sống tâm linh không thể được sống; và nếu còn có quan-điểm chấp rằng: (2) 'thế giới là không trường tồn', thì đời sống tâm linh không thể được sống. Cho dù có quan-điểm (1) 'thế giới là trường tồn' hay (2) quan-điểm 'thế giới là không trường tồn', (cho dù chấp có hay chấp không), thì trước mắt vẫn luôn có 'sự sinh, có sự già, có sự bệnh, có sự chết, có sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng', mà ở đây và bây giờ ta đang đi chỉ dạy về sự tiêu-diệt tất cả những sự đó. "Nếu còn có quan-điểm chấp rằng: (3) 'thế giới là hữu hạn' ... (10) 'sau khi chết một Như Lai không phải còn hiện hữu, cũng không phải không còn hiện hữu', thì đời sống tâm linh không thể được sống (không thể tu được, bởi vì nếu còn những quan-điểm như vậy thì đâu có chánh-kiến để tu tập). Cho dù có quan-điểm (3) 'thế giới là hữu hạn' ... hay (10) 'sau khi chết một Như Lai không phải còn hiện hữu, cũng không phải không còn hiện hữu', (cho dù có chấp có hay chấp không), thì trước mắt vẫn luôn có 'sự sinh, có sự già, có sự bệnh, có sự chết, có sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng', mà ở đây và bây giờ ta đang đi chỉ dạy về sự tiêu-diệt tất cả những sự đó. 7. "Này Māluṅkyāputta, hãy nhớ rằng: những gì ta đã không tuyên bố (làm rõ) coi như đã không được tuyên bố, và nhớ rằng: những gì ta đã tuyên bố là coi như đã được tuyên bố. [1] Và những gì là điều ta đã không tuyên bố? Đó là những vấn đề như: (1) 'Thế giới là trường tồn'—Ta đã không tuyên bố ... (10) 'sau khi chết một Như Lai không phải còn hiện hữu, cũng không phải không còn hiện hữu'—Ta đã không

tuyên bố. 8. “Vì sao ta đã không tuyên bố về những điều này? Bởi vì chúng không ích lợi, không thuộc những nền-tảng của đời sống tâm linh (không phải là căn bản của sự tu hành), nó không dẫn đến sự tỉnh-ngộ, không dẫn đến sự

chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. Do vậy ta đã không tuyên bố về những điều này. 9. [2] “Và những gì là điều ta đã tuyên bố? ‘Đây là sự khổ’—Ta đã tuyên bố. ‘Đây là nguồn-gốc khổ’—Ta đã tuyên bố. ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’—Ta đã tuyên bố. ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’—Ta đã tuyên bố. 10. Vì sao ta đã tuyên bố rõ về những điều này? Bởi vì chúng là ích lợi, thuộc những nền-tảng của đời sống tâm linh (là căn bản của sự tu hành), nó dẫn đến sự tỉnh-ngộ, dẫn đến sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. Do vậy ta đã tuyên bố rõ về những điều này. “Bởi vậy, này Mālunkyāputta, hãy nhớ rằng: những gì ta đã không tuyên bố thì coi như đã không được tuyên bố, và nhớ rằng: những gì ta đã tuyên bố là coi như đã được tuyên bố.” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy Mālunkyāputta hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.169 (MN 63: Cūḷamāluṇkya Sutta) (Tiểu Kinh Māluṇkya)

(2) Cốt Lõi Của Đời Sống Tâm Linh 1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trên Đỉnh Núi Kền Kền (Linh Thứu), lúc đó không lâu sau khi thầy Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) đã bỏ đi.170 Ở đó, khi đề cập đến Devadatta, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: 2. (1) “Này các Tỳ kheo, ở đây có người họ tộc vì có niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, người đó đã suy xét như vầy: ‘Tôi là một nạn nhân của sự sinh, già, và chết, của sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng; tôi là một nạn nhân của khổ, là một con mồi của khổ. Chắn chắn rằng sự chấm-dứt toàn bộ đống khổ này là có

thể làm được [là có thể biết được, chứng ngộ được].’ Khi xuất gia tu hành như vậy, (i) người đó đạt được lợi, vinh, danh [lợi lộc, vinh dự, và danh tiếng]. (ii) (rồi) Người đó đắc chí hài lòng với sự lợi, vinh, danh đó, và (coi như) ý-nguyện (ban đầu) của mình đã được hoàn thành. (iii) Chính do như vậy, người đó ca ngợi bản thân mình và chê bai những người khác như vầy: ‘Tôi đã đạt được lợi, vinh, danh, nhưng những tu sĩ khác thì chưa đạt được gì, chưa được ai biết đến.’ Như vậy người đó trở nên say-sưa với sự lợi, vinh, danh đó; bắt đầu lơ tâm phóng dật, sa ngã vào sự lơ tâm phóng dật, và đang bị lơ tâm phóng dật; người đó sống trong sự khổ. - “Ví dụ có người đang cần gỗ lõi, đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, đến chỗ một cây to có gỗ lõi. Bỏ qua hết phần gỗ lõi, phần gỗ mềm, phần vỏ trong và phần vỏ ngoài, người đó chỉ cắt lấy các cành và lá mang về, trong đầu tưởng rằng đó là phần gỗ lõi. Rồi có một người mắt sáng nhìn thấy người đó làm vậy, có lẽ nói rằng: ‘Anh này chẳng biết đâu là phần gỗ lõi, phần gỗ mềm, phần vỏ trong và phần vỏ ngoài, phần cành và lá. Như vậy, trong khi đang cần gỗ lõi, đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, anh ta đến chỗ cây to có gỗ lõi và bỏ qua hết phần gỗ lõi, phần gỗ mềm, phần vỏ trong và phần vỏ ngoài, anh ta chỉ cắt lấy các cành và lá mang về,

trong đầu tưởng đó là phần gỗ lõi. Dù anh ta có định làm cái gì bằng gỗ lõi thì mục đích đó sẽ không làm được.' Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, ở đây có một người họ tộc vì có niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành ... [như trên] ... người đó sống trong sự khổ. Tỳ kheo này được gọi là người chỉ lấy phần cành và lá của đời sống tâm linh, và chỉ dừng lại ở đó. 3. (2) "Này các Tỳ kheo, ở đây có người họ tộc vì có niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, người đó đã suy xét như vầy: 'Tôi là một nạn nhân của sự sinh, già, và chết, của sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng; tôi là một nạn nhân của khổ, là một con mồi của khổ. Chắn chắn rằng sự chấm-dứt toàn bộ đống khổ này là có thể làm được [là có thể biết được, chứng ngộ được].' Khi xuất gia tu hành như vậy, (i) người đó đạt được lợi, vinh, danh. (ii) (nhưng) Người đó không đắc chí hài lòng với sự lợi, vinh, danh đó, và (coi) ý-nguyện (ban đầu) của

mình chưa được hoàn thành. (iii) Chính nhờ như vậy, người đó không ca ngợi bản thân mình và không chê bai những người khác. Người đó không bị say-sưa với sự lợi, vinh, danh; người đó không bắt đầu lơ tâm phóng dật và không sa ngã vào sự lơ tâm phóng dật. Sau khi chuyên chú tu tập, người đó đạt được sự chứng đắc về phần "Giới-hạnh". (iv) (rồi) Người đó đắc chí hài lòng với sự chứng đắc về phần giới-hạnh đó, và (coi như) ý-nguyện (ban đầu) của mình đã được hoàn thành. (v) Chính do như vậy, người đó lại ca ngợi bản thân mình và chê bai những người khác như vầy: 'Tôi đắc được phần giới-hạnh; tôi có tính-cách (đức hạnh) tốt; nhưng những tu sĩ khác thì thiếu giới-hạnh (không đức hạnh), có tính-cách xấu.' Như vậy người đó trở nên say-sưa với sự chứng đắc về phần giới-hạnh đó, bắt đầu lơ tâm phóng dật, sa ngã vào sự lơ tâm phóng dật, và đang bị lơ tâm phóng dật, người đó sống trong sự khổ. - "Ví dụ có người đang cần gỗ lõi, đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, đến chỗ một cây to có gỗ lõi. Bỏ qua hết phần gỗ lõi, phần gỗ mềm, phần vỏ trong và phần cành và lá, người đó chỉ cắt lấy phần vỏ ngoài mang về, trong đầu tưởng đó là phần gỗ lõi. Rồi có một người mắt sáng nhìn thấy người đó làm vậy, có lẽ nói rằng: 'Anh này chẳng biết đâu là phần gỗ lõi ... phần cành và lá. Như vậy, trong khi đang cần gỗ lõi ... anh ta chỉ cắt lấy phần vỏ ngoài mang về, trong đầu tưởng đó là phần gỗ lõi. Dù anh ta có định làm cái gì bằng gỗ lõi thì mục đích đó sẽ không làm được.' Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, ở đây có một người họ tộc vì có niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành ... người đó sống trong sự khổ. Tỳ kheo này được gọi là người chỉ lấy phần vỏ ngoài của đời sống tâm linh, và chỉ dừng lại ở đó. 4. (3) "Này các Tỳ kheo, ở đây có người họ tộc vì có niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, người đó đã suy xét như vầy: 'Tôi là một nạn nhân của sự sinh, già, và chết, của sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng; tôi là một nạn nhân của khổ, là một con mồi của khổ. Chắn chắn rằng sự chấm-dứt toàn bộ đống khổ này là có thể làm được [là có thể biết được, chứng ngộ được].' Khi xuất gia tu hành

như vậy, (i) người đó đạt được lợi, vinh, danh. (ii) (nhưng) Người đó không đắc chí hài lòng với sự lợi, vinh, danh đó, và (coi) ý-nguyện (ban đầu) của mình vẫn chưa được hoàn thành … Sau khi chuyên chú tu tập, người đó đạt được sự chứng đắc về phần "Giới-hạnh". (iii) (nhưng) Người đó không đắc chí hài lòng với sự chứng đắc về phần giới-hạnh đó, và (coi) ý-nguyện của mình vẫn chưa được hoàn thành. (iv) Chính nhờ như vậy, người đó không ca ngợi bản thân và không chê bai những người khác. Vị tu sĩ đó không bị say- sưa với sự chứng đắc về phần "Giới-hạnh"; người đó không bắt đầu lơ tâm phóng dật và không sa ngã vào sự lơ tâm phóng dật. Sau khi chuyên chú tu tập, người đó đạt tới sự chứng đắc phần "Định-tâm" (thiền định). (v) (rồi) Người đó đắc chí hài lòng với sự chứng đắc về phần định-tâm đó, và (coi) ý- nguyện (ban đầu) của mình đã được hoàn thành. (f) Chính do như vậy, người đó lại ca ngợi bản thân mình và chê bai những người khác như vầy: 'Tôi đã đạt-định; tâm tôi đã được hợp-nhất; nhưng những tu sĩ khác thì có tâm phân- tán, với tâm của họ lăng xăng chạy nhảy.' Như vậy người đó trở nên say-sưa với sự chứng đắc phần định-tâm đó, bắt đầu lơ tâm phóng dật, sa ngã vào sự lơ tâm phóng dật, và đang bị lơ tâm phóng dật, người đó sống trong sự khổ. - "Ví dụ có người đang cần gỗ lõi, đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, đến chỗ một cây to có gỗ lõi. Bỏ qua hết phần gỗ lõi, phần gỗ mềm, phần vỏ ngoài, và phần cành và lá, người đó chỉ cắt lấy phần vỏ trong mang về, trong đầu tưởng đó là phần gỗ lõi. Rồi có một người mắt sáng nhìn thấy người đó làm vậy, có lẽ nói rằng: 'Anh này chẳng biết đâu là phần gỗ lõi … phần cành và lá. Như vậy, trong khi đang cần gỗ lõi … anh ta chỉ cắt lấy phần vỏ trong mang về, trong đầu tưởng đó là phần gỗ lõi. Dù người đó có định làm cái gì bằng gỗ lõi thì mục đích đó sẽ không làm được.' Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, ở đây có một người họ tộc vì có niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành … người đó sống trong sự khổ. Tỳ kheo này được gọi là người chỉ lấy phần vỏ trong của đời sống tâm linh, và chỉ dừng lại ở đó. 5. (4) "Này các Tỳ kheo, ở đây có người họ tộc vì có niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, người đó đã suy xét như

vầy: 'Tôi là một nạn nhân của sự sinh, già, và chết, của sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng; tôi là một nạn nhân của khổ, là một con mồi của khổ. Chắn chắn rằng sự chấm-dứt toàn bộ đống khổ này là có thể làm được [là có thể biết được, chứng ngộ được].' Khi xuất gia tu hành như vậy, (i) người đó đạt được lợi, vinh, danh. (ii) (nhưng) Người đó không đắc chí sự lợi, vinh, danh đó, và (coi) ý-nguyện (ban đầu) của mình chưa được hoàn thành.… Sau khi chuyên chú tu tập, người đó đạt được sự chứng đắc về phần "Giới-hạnh". (iii) Người đó có hài lòng với phần chứng đắc về giới-hạnh đó, nhưng (coi) ý-nguyện của mình vẫn chưa được hoàn thành … Sau khi chuyên chú tu tập, người đó đạt được sự chứng đắc về phần "Định- tâm" (thiền định). (iv) Người đó có hài lòng với sự chứng đắc phần định-tâm đó, nhưng (coi) ý-nguyện của mình vẫn chưa được hoàn thành. (v) Chính nhờ như vậy, người đó không ca ngợi bản thân mình và không chê bai những người khác. Như vậy người đó không bị say-sưa với sự chứng đắc về phần định-tâm; người đó không bắt đầu lơ tâm phóng dật, không sa ngã vào sự lơ tâm phóng dật. Rồi Sau khi chuyên chú tu tập, người đó đạt tới Trí-biết và

tầm-nhìn (sự-biết và sự-thấy).171 (vi) (nhưng) Người đó đắc chí hài lòng với trí-biết và tầm-nhìn đó, và (coi) ý-nguyện của mình đã được hoàn thành. (vii) Chính do như vậy, người đó lại ca ngợi bản thân mình và chê bai những người khác như vầy: 'Tôi sống biết và thấy, nhưng những tu sĩ khác sống không biết và không thấy.' Người đó trở nên say-sưa bởi cái trí-biết và tầm- nhìn đó, bắt đầu lơ tâm phóng dật, sa ngã vào sự lơ tâm phóng dật, và đang bị lơ tâm phóng dật, người đó sống trong sự khổ. - "Ví dụ có người đang cần gỗ lõi, đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, đến chỗ một cây to có gỗ lơi. Bỏ qua hết phần gỗ lõi lõi, phần vỏ ngoài, phần vỏ trong, và phần cành và lá, người đó chỉ cắt lấy phần gỗ mềm mang về, trong đầu tưởng đó là phần gỗ lõi. Rồi có một người mắt sáng nhìn thấy người đó làm vậy, có lẽ nói rằng: 'Anh này chẳng biết đâu là phần gỗ lõi … phần cành và lá. Như vậy, trong khi đang cần gỗ lõi … anh ta chỉ cắt lấy phần gỗ mềm mang về, trong đầu tưởng đó là phần gỗ lõi. Dù anh ta có định làm cái gì bằng gỗ lõi thì mục đích đó sẽ không làm được.' Cũng giống như

vậy, này các Tỳ kheo, ở đây có một người họ tộc vì có niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành … người đó sống trong sự khổ. Tỳ kheo này được gọi là người chỉ lấy phần gỗ mềm trong của đời sống tâm linh, và chỉ dừng lại ở đó. 6. (5) "Này các Tỳ kheo, ở đây có người họ tộc vì có niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, người đó đã suy xét như vầy: 'Tôi là một nạn nhân của sự sinh, già, và chết, của sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng; tôi là một nạn nhân của khổ, là một con mồi của khổ. Chắn chắn rằng sự chấm-dứt toàn bộ đống khổ này là có thể làm được [là có thể biết được, chứng ngộ được].' Khi xuất gia tu hành như vậy, (i) người đó đạt được lợi, vinh, danh. (ii) (nhưng) Người đó không đắc chí hài lòng với sự lợi, vinh, danh đó, và (coi) ý-nguyện (ban đầu) của mình chưa được hoàn thành.… Sau khi chuyên chú tu tập, người đó đạt được sự chứng đắc về phần "Giới-hạnh". (iii) Người đó có hài lòng với sự chứng đắc về phần giới-hạnh đó, nhưng (coi) ý-nguyện của mình vẫn chưa được hoàn thành … Rồi Sau khi chuyên chú tu tập, người đó đạt tới sự chứng đắc phần "Định-tâm" (thiền định). (iv) Người đó có hài lòng với sự chứng đắc phần định-tâm đó, và nhưng (coi) ý-nguyện của mình vẫn chưa được hoàn thành … Rồi Sau khi chuyên chú tu tập, người đó đạt tới "Trí-biết và tầm- nhìn". (v) Người đó hài lòng với trí-biết và tầm-nhìn đó, nhưng (coi) ý- nguyện của mình vẫn chưa được hoàn thành. (vi) Chính nhờ như vậy, người đó không ca ngợi bản thân mình và không chê bai những người khác. Như vậy người đó không bị say-sưa với trí-biết và tầm-nhìn đó; người đó không bắt đầu lơ tâm phóng dật, không sa ngã vào sự lơ tâm phóng dật. Rồi tiếp tục Sau khi chuyên chú tu tập, người đó đạt tới "Sự giải-thoát vĩnh viễn". Và không thể nào vị Tỳ kheo đó còn bị rớt khỏi sự giải-thoát vĩnh viễn đó.172 - "Ví dụ có người đang cần gỗ lõi, đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, đi đến chỗ một cây to có gỗ lõi, và chỉ chặt lấy phần gỗ lõi mang về, trong đầu biết rõ đó là phần gỗ lõi. Rồi có một người sáng mắt nhìn thấy người đó làm vậy, có lẽ nói rằng: 'Anh này biết rõ đâu là phần gỗ lõi, phần gỗ mềm, phần vỏ trong, phần vỏ ngoài, và phần cành và lá. Vì vậy, khi đang cần gỗ lõi,

đang tìm kiếm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, anh ta đi đến chỗ cây to có gỗ lõi, và chỉ chặt lấy phần gỗ lõi mang về, trong đầu biết rõ đó là phần gỗ lõi. Dù anh ta có định làm cái gì bằng gỗ lõi thì mục đích đó sẽ làm được.' Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, ở đây có một người họ tộc vì có niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành … Khi người đó Sau khi chuyên chú tu tập, người đó đạt tới "sự giải-thoát vĩnh viễn". Và không thể nào vị Tỳ kheo đó còn bị rớt khỏi sự giải-thoát vĩnh viễn đó. 7. "Vậy đó, này các Tỳ kheo, đời sống tâm linh không phải lấy sự 'Lợi, vinh, danh' là ích-lợi của nó, hoặc sự chứng đắc phần "Giới-hạnh" là ích-lợi của nó, hoặc sự chứng đắc phần "Định-tâm" (thiền định) là ích-lợi của nó, hoặc "Trí-biết và tầm-nhìn" (trí tuệ) là ích-lợi của nó. Mà chính "Sự giải- thoát bất lay chuyển của tâm" này mới là mục-tiêu của đời sống tâm linh, là gỗ-lõi (cốt-lõi) của nó, và là kết-cuộc của nó."173 Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với những lời dạy của đức Thế Tôn. (MN 29: Mahāsāropama Sutta) (Đại Kinh Ví Dụ Gỗ Lõi)

(3) Sự Phai Biến Tham Dục (I) "Này các Tỳ kheo, nếu những du sĩ khác đạo có hỏi các thầy: 'Này các bạn, vì mục đích gì đi sống đời sống tâm linh theo/dưới sa-môn Cồ-đàm [tức Phật]?'—khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời họ như vầy: 'Này các bạn, (mục đích) đó là để dẫn tới sự phai biến tham-dục nên mới đi sống đời sống tâm linh dưới đức Thế Tôn.' "Rồi, này các Tỳ kheo, nếu những du sĩ khác đạo có hỏi các thầy: 'Nhưng, này các bạn, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để dẫn tới sự phai biến tham-dục đó?'—khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời họ như vầy: 'Này các bạn, có một con-đường, có một đường-đi để dẫn tới sự phai biến tham-dục.'

"Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường, cái gì là đường-đi để dẫn tới sự phai biến tham-dục đó? Chính là Bát Thánh Đạo; đó gồm: chánh-kiến … chánh-định. Đây là con-đường (đạo), đây là đường-đi để dẫn tới sự phai biến tham-dục. "Này các Tỳ kheo, khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời họ theo cách như vậy." (II) [Hoặc theo những cách khác, có thể trả lời họ như vầy:] 'Này các bạn, đó là để dẫn tới sự dẹp-bỏ những gông-cùm (kiết sử) … để dẫn tới sự bứng-bỏ những khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) … để dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu cái hành trình (quá trình sinh tử) … để dẫn tới sự tiêu-diệt những ô-nhiễm (lậu tận) … để dẫn tới sự chứng quả là trí-biết đích thực (minh) và sự giải-thoát … để đạt tới sự-biết và sự-thấy (trí biết và tầm nhìn) … để đạt tới Niết-bàn không còn dính-chấp, nên mới đi sống đời sống tâm linh dưới đức Thế Tôn.'174 "Rồi, này các Tỳ kheo, nếu những du sĩ khác đạo có hỏi các thầy: 'Nhưng, này các bạn, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để dẫn tới sự dẹp-bỏ các gông-cùm … để đạt tới Niết-bàn không còn dính-chấp đó—khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời họ như vầy: 'Này các bạn, có một con- đường, có một đường-đi để dẫn tới … để đạt tới Niết-bàn không còn sự dính- chấp đó. "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường, cái gì là đường-đi để dẫn tới sự dẹp-bỏ các gông-cùm … để đạt tới Niết-bàn không còn dính-chấp. Chính là Bát Thánh Đạo; đó là: chánh-kiến … chánh-định. Đây là con-đường, đây là đường-đi để dẫn tới sự dẹp-bỏ các gông-cùm … để đạt tới Niết-bàn không còn

dính-chấp. “Này các Tỳ kheo, khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời họ theo cách như vậy.” (SN 45:41 & 45:48, kết hợp)

Chương VII – Con Đường Dẫn Tới Sự Giải-Thoát • 231

2. PHÂN TÍCH VỀ CON ĐƯỜNG TÁM PHẦN (Bát Thánh Đạo) “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy con-đường Bát Thánh Đạo và ta sẽ phân tích nó cho các thầy. Hãy lắng nghe và chú-tâm kỹ càng, ta sẽ nói.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Bát Thánh Đạo? Đó gồm: chánh-kiến … chánh-định.175 (1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là chánh-kiến [cách-nhìn đúng đắn]? Đó là sự biết về khổ, sự biết về nguồn-gốc khổ, sự biết về sự chấm-dứt khổ, sự biết về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ: đây được gọi là chánh-kiến. (2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là chánh tư-duy [ý-định đúng đắn]? Đó là ý định từ-bỏ (vô tham), ý định không ác-ý (vô sân), ý định không gây-hại (vô hại): đây được gọi là chánh tư-duy. (3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là chánh-ngữ [lời-nói đúng đắn]? Sự kiêng cữ sự nói-dối nói sai, kiêng cữ sự nói lời gây chia-rẽ, kiêng cữ sự nói lời nói gắt-gỏng nạt nộ, kiêng cữ sự nói chuyện tầm-phào tán dóc: đây được gọi là chánh-ngữ. (4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là chánh-nghiệp [hành-động đúng đắn]? Sự kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ gian-cắp, kiêng cữ tà-dâm tà dục:176 đây được gọi là chánh-nghiệp. (5) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là chánh-mạng [sự mưu-sinh đúng đắn]? Ở đây một người đệ tử thánh thiện, sau khi đã dẹp bỏ sự mưu-sinh sai trái, chỉ kiếm sống nuôi thân bằng sự mưu-sinh đúng đắn: đây được gọi là chánh-mạng. (6) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là chánh tinh-tấn [sự nỗ-lực đúng đắn]? Ở đây, này các Tỳ kheo, Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo phát tạo mong-muốn không khởi sinh những trạng thái bất thiện xấu ác chưa

232 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

khởi sinh; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), áp dụng tâm, và KK tu (tinh cần). (ii) Người đó phát tạo mong-muốn trừ bỏ những trạng thái bất thiện xấu ác đã khởi sinh … (iii) Người đó phát tạo mong- muốn khởi sinh những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh … (iv) Người đó phát tạo mong-muốn duy trì liên tục những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, để chúng gia tăng, tăng trưởng, và hoàn thiện nhờ sự tu-tập; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực, áp dụng tâm, và KK tu. Đây được gọi là chánh tinh-tấn. (7) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là chánh-niệm [sự tâm-niệm đúng đắn]? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân, nhiệt thành, thường rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. (ii) Người đó an trú quán sát những cảm-giác (thọ) trong những cảm-giác, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và buồn-phiền đối với thế giới. (iii) Người đó an trú quán sát tâm trong tâm, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh- niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và buồn-phiền đối với thế giới. (iv) Người đó an trú quán sát những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và buồn-phiền đối với thế giới. Đây được gọi là chánh- niệm. (gồm ‘bốn nền tảng chánh-niệm’: thân, thọ, tâm, pháp) (8) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là chánh-định [sự định-tâm đúng đắn]? Ở đây, này các Tỳ kheo: (i)

‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý- nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’ (ii) ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự- tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm.’

(iii) ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), người đó an trú buông- xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: “Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc)”.’ (iv) ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.’” (SN 45:08, Quyển 5)

3. SỰ CÓ BẠN TỐT, ĐẠO HỮU TỐT Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những người dân xứ Thích-Ca, trong một thị trấn của họ có tên là Nāgaraka. 177 Rồi ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi đến gặp, thầy ấy kính lễ đức, ngồi xuống một bên, và thưa rằng: “Thưa đức Thế Tôn, đây là một-nửa của đời sống tâm linh [đời sống thánh thiêng; đời sống tu hành; phạm hạnh], đó là: sự có đạo-hữu tốt, đồng-môn tốt, đồng-đạo tốt.”178 “Không phải vậy, này Ānanda! Không phải như vậy, này Ānanda! Này Ānanda, đó chính là toàn-bộ đời sống tâm linh, đó là: sự có đạo-hữu tốt, đồng-môn tốt, đồng-đạo tốt, điều đó có thể trông đợi người đó sẽ tu tập và tu dưỡng con-đường ‘Bát Thánh Đạo’.179 “Và, này Ānanda, theo cách nào một Tỳ kheo với sự có đạo-hữu tốt, đồng-môn tốt, đồng-đạo tốt sẽ tu tập và tu dưỡng con-đường ‘Bát Thánh Đạo’ [Tám Phần Thánh Thiện, Bát Chi Thánh Đạo]? Ở đây, này Ānanda, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), dựa trên sự tách-ly (lánh trần, ẩn dật), sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Người đó tu tập ý-định đúng đắn (chánh tư duy) … lời-nói đúng đắn

(chánh ngữ) … hành-động đúng đắn (chánh nghiệp) … sự mưu-sinh đúng đắn (chánh mạng) … sự nỗ-lực đúng đắn (chánh tinh tấn)… sự tâm-niệm đúng đắn (chánh niệm)… sự định-tâm đúng đắn (chánh định), dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát.180 Này Ānanda, theo cách này là một Tỳ kheo với sự có đạo-hữu tốt, đồng-môn tốt, đồng-đạo tốt tu tập và tu dưỡng con-đường ‘Bát Thánh Đạo’. “Này Ānanda, với phương pháp sau đây thì cũng có thể hiểu được cách mà toàn bộ đời sống tâm linh chính là sự có đạo-hữu tốt, đồng-môn tốt, đồng-đạo tốt, đó là, này Ānanda, bằng cách dựa theo Ta đây (tức Phật) như một người đạo-hữu

tốt, nên những chúng sinh phải bị (tái) sinh sẽ được giải thoát khỏi sự-sinh; những chúng sinh phải bị già được sẽ giải thoát khỏi sự- già; những chúng sinh phải bị chết sẽ được giải thoát khỏi sự-chết; những chúng sinh phải bị sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng buồn sẽ được giải thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Này Ānanda, với phương pháp này thì có thể hiểu được cách mà toàn bộ đời sống tâm linh chính là sự có đạo-hữu tốt, đồng-môn tốt, đồng- đạo tốt."

(SN 45:02)

4. SỰ TU TẬP TIẾN DẦN 1. Tôi nghe như vầy.181 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. 2. Bấy giờ, vào lúc giữ trưa, có bà-la-môn tên Jāṇussoṇi đang đi trên chiếc xe ngựa toàn trắng được kéo bởi những con ngựa cái trắng. Ông ta nhìn thấy du sĩ Pilotika đang đi tới từ xa, và hỏi du sĩ: "Thầy Vacchāyana đi đâu về vào lúc giữa trưa như vậy?"182 "Thưa ngài, tôi đang đi về từ chỗ gặp sa-môn Cồ-Đàm." "Thầy Vacchāyana nghĩ gì về sự sáng suốt của trí-tuệ của sa-môn Cồ- Đàm? Ông ta là người hiền trí, có phải vậy không?"

"Thưa ngài, tôi là ai mà biết được sự sáng suốt của trí-tuệ của sa-môn Cồ-Đàm? Chắc chắn phải là người ngang bằng với bậc ấy thì mới biết được sự sáng suốt của trí-tuệ của bậc ấy." "Thầy Vacchāyana đang khen ngợi sa-môn Cồ-Đàm với lời khen ngợi cao nhất đó." "Thưa ngài, tôi là ai mà khen ngợi sa-môn Cồ-Đàm? Sa-môn Cồ-Đàm được khen ngợi bởi những người được khen ngợi nhất trong số những thiên thần và loài người." "Thầy Vacchāyana nhìn thấy những lý do gì mà có niềm-tin chắc chắn về sa-môn Cồ-Đàm đến mức như vậy?" 3. "Thưa ngài, giả sử có một người săn voi khôn khéo đi vô khu rừng voi và nhìn thấy một dấu chân voi lớn, bề dài lớn và bề ngang lớn. Người đó có thể đi đến kết luận rằng: 'Đúng thực, đây là một con voi đực lớn.' Cũng giống như vậy, khi tôi nhìn thấy bốn dấu chân của sa-môn Cồ-Đàm, tôi đã đi đến kết luận rằng: 'Đức Thế Tôn là bậc giác-ngộ toàn thiện, Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo, Tăng Đoàn đang tu tập phương cách tốt lành.' Bốn (dấu chân) đó là gì? 4. "Thưa ngài, tôi đã thấy nhiều bậc thánh nhân thông thái, những người rất khôn khéo, có hiểu biết về những giáo thuyết của những người khác, biện lý sắc xảo như chẻ được sợi tóc; họ đến đây đến đó, đả kích những quan-điểm của những người khác bằng trí khôn sắc xảo của họ. Khi họ nghe tin: 'Sa-môn Cồ-Đàm sẽ tới một ngôi làng hay một thị trấn nào đó', họ sắp đặt (chuẩn bị) một vấn đề như vầy: 'Chúng ta sẽ tới gặp sa-môn Cồ-Đàm để hỏi ông ta câu hỏi này. Nếu bị hỏi như vầy, ông ta sẽ trả lời như vầy, thì chúng ta sẽ bác bỏ triết lý của ông ta theo cách này; còn nếu bị hỏi như vậy, ông ta sẽ trả lời như vậy, thì chúng ta sẽ bác bỏ triết lý của ông ta theo cách kia.' "Rồi họ nghe tin: 'Sa-môn Cồ-Đàm đã tới một ngôi làng hay thị trấn.' Họ đi tới gặp sa-môn Cồ-Đàm, và sa-môn Cồ-Đàm đã hướng dẫn, khởi

xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ họ bằng bài nói chuyện về Giáo Pháp. Sau khi họ được hướng dẫn, được khởi xướng, được phát khởi, và được làm hoan hỷ như vậy bằng bài nói chuyện về Giáo Pháp, họ thậm chí không còn muốn hỏi bậc ấy những câu hỏi như họ đã dự tính, lấy đâu họ còn muốn bác bỏ giáo thuyết của bậc ấy nữa? Sự thật là, họ đã trở thành những đệ tử của đức Thế Tôn. Khi tôi nhìn thấy dấu chân thứ nhất này của sa-môn Cồ-Đàm, tôi đã đi đến kết luận: 'Đức Thế Tôn là bậc giác-ngộ toàn thiện, Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo, Tăng Đoàn đang tu tập phương cách tốt lành.' 5. "Lại nữa, tôi đã thấy nhiều bà-la-môn thông thái, những người rất khôn khéo ... Sự thật là, họ cũng trở thành những đệ tử của đức Thế Tôn. Khi tôi nhìn thấy dấu chân thứ hai của sa-môn Cồ-Đàm, tôi đã đi đến kết luận: 'Đức Thế Tôn là bậc giác-ngộ toàn thiện ... '. 6. "Lại nữa, tôi đã thấy nhiều gia chủ thông thái, những người rất khôn khéo ... Sự thật là, họ cũng trở thành những đệ tử của đức Thế Tôn. Khi tôi nhìn thấy dấu chân thứ ba của sa-môn Cồ-Đàm, tôi đã đi đến kết luận: 'Đức Thế Tôn là bậc giác-ngộ toàn thiện ... '. 7. "Lại nữa, tôi đã thấy nhiều tu sĩ (sa-môn) thông thái, những người rất khôn khéo ... họ thậm chí không còn muốn hỏi bậc ấy những câu hỏi như họ đã dự tính, lấy đâu họ còn muốn bác bỏ giáo thuyết của bậc ấy nữa? Sự thật là, họ đã hỏi xin sa-môn Cồ-Đàm cho phép họ từ bỏ đời sống gia đình để đi sống đời xuất gia, và sa-môn Cồ-Đàm đã cho phép họ xuất gia tu hành. Sau một thời gian, sau khi họ đã xuất gia, sống một mình, lui về (thu mình), chuyên chú (tu tập), nhiệt thành, và kiên định, bằng cách tự mình chứng ngộ trí-biết trực tiếp nên ngay trong kiếp này [ngay bây giờ và tại đây] họ chứng nhập và an trú trong những mục-tiêu tối thượng đó của đời sống tâm linh (sự giác ngộ, sự giải thoát), mà vì (mục tiêu) đó những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống đời xuất gia tu hành. Họ đã nói như vầy: 'Chúng tôi đã từng quá lầm lạc, chúng tôi đã từng quá điêu tàn, bởi trước kia chúng tôi cứ tuyên bố mình là tu sĩ (sa-môn) dù lúc đó chúng tôi

không thực sự là những tu sĩ; chúng tôi cứ tuyên bố mình là những bà-la-môn dù lúc đó chúng tôi không thực sự là những bà-la-môn; chúng tôi cứ tuyên bố mình là những A-la-hán dù lúc đó chúng tôi không thực sự là những A-la- hán. Nhưng bây giờ chúng tôi mới là những tu sĩ, giờ chúng tôi mới là những bà-la-môn (đích thực), giờ chúng tôi mới là những A-la-hán.' Khi tôi nhìn thấy dấu chân thứ tư của sa-môn Cồ-Đàm, tôi đã đi đến kết luận rằng: 'Đức Thế Tôn là bậc giác-ngộ toàn thiện, Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo, Tăng Đoàn đang tu tập phương cách tốt lành.'" 8. Khi điều này được nói ra, bà-la-môn Jāṇussoṇi đã bước xuống khỏi chiếc xe ngựa toàn trắng được kéo bởi những con ngựa trắng, và xếp phần y trên qua một vai, ông ta chắp hai tay hướng về hướng đức Thế Tôn (đang ở), và ông đã thốt ra những lời sau đây ba lần: "Xin kính lễ đức Thế Tôn, bậc A- la-hán, bậc Toàn Giác! Xin kính lễ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác! Xin kính lễ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác! Có lẽ một ngày nào đó chúng ta sẽ đến gặp Thầy Cồ-đàm và có cuộc đàm đạo với bậc ấy." 9. Rồi bà-la-môn Jāṇussoṇi đã đến gặp đức Thế Tôn và kính chào chào đức Thế Tôn. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và kể lại toàn bộ câu

chuyện giữa ông với du sĩ Pilotika (như trên). Lúc đó, đức Thế Tôn nói với ông: “Này bà-la-môn, tới chỗ này chuyện ví dụ về dấu chân voi vẫn chưa được nói đầy đủ chi tiết. Để biết nó một cách đầy đủ chi tiết, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói.”—“Dạ, thưa Thầy Cồ- đàm”, bà-la-môn Jāṇussoṇi đáp lại. 10. “Này bà-la-môn, (1) giả sử có một người săn voi đi vô khu rừng voi và nhìn thấy trong rừng voi một dấu chân voi lớn, bề dài lớn và bề ngang lớn. Một thợ săn voi khôn khéo sẽ không vội kết luận: ‘Đúng thực, đây là một con voi đực lớn.’ Vì sao vậy? Vì trong rừng voi có nhiều con voi cái nhỏ cũng để lại dấu chân lớn, và đây có thể là dấu chân của những con voi cái đó. (2) Người thợ săn lần theo dấu chân và nhìn thấy trong rừng voi một dấu chân voi lớn, bề dài lớn và bề ngang lớn, nhiều chỗ cọ xát với phần cao của

các cây xung quanh. Một thợ săn khôn khéo vẫn chưa vội đi đến kết luận: ‘Đúng thực, đây là một con voi đực lớn.’ Vì sao vậy? Vì trong rừng voi có những con voi cái có ngà và để lại dấu chân lớn, và đây có thể là dấu chân của những con voi cái đó. (3) Người thợ săn lại lần theo dấu chân và nhìn thấy trong rừng voi một dấu chân voi lớn, bề dài lớn và bề ngang lớn, và có nhiều chỗ cọ xát với phần cao của các cây xung quanh, và có những dấu cắt xát bằng ngà voi. Một thợ săn khôn khéo vẫn chưa vội đi đến kết luận: ‘Đúng thực, đây là một con voi đực lớn.’ Vì sao vậy? Vì trong rừng voi có nhiều con voi cái cao cũng có ngà lớn và để lại dấu chân lớn, và đây có thể là dấu chân của những con voi cái đó. (4) Người thợ săn tiếp tục lần theo dấu chân và nhìn thấy một dấu chân voi lớn, bề dài lớn và bề ngang lớn, và có nhiều chỗ cọ xát với phần cao của các cây xung quanh, và có những dấu cắt xát bằng ngà voi, và nhiều cành cây bị gãy đổ. Và anh ta nhìn thấy một con voi đực lớn đang dưới gốc cây, hoặc đang ở chỗ trống, hoặc đang đi quanh, hoặc đang ngồi, hoặc đang nằm. Lúc đó anh ta mới đi đến kết luận: ‘Đó là một con voi đực lớn.’ 11. “Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, một Như Lai xuất hiện trong thế gian, là bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, đã hoàn thiện trí-biết đích thực (chân trí), là bậc phúc lành, bậc hiểu biết những thế giới, là người dẫn dắt tối thượng (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc giác-ngộ [Phật], bậc thế tôn Sau khi đã chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong quần thể này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, bậc ấy đã công bố lại cho người khác biết. Bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp tốt lành ở lúc đầu, tốt lành lúc giữa, và tốt lành lúc cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; bậc ấy cho thấy một đời sống tâm linh được toàn thiện và tinh khiết. 12. “Ví dụ một gia chủ [hay con trai của ông ta] hay người được sinh ra trong họ tộc khác nghe được Giáo Pháp đó. Khi nghe Giáo Pháp người đó đạt được niềm-tin vào Như Lai. Có được niềm-tin đó, người đó suy xét như vầy: ‘Đời sống tại gia là chật chội và bụi bẩn; đời sống xuất gia thì rộng mở.

Không dễ gì sống ở nhà mà có thể dẫn dắt một đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết như một vỏ sò được chà trắng. Hay ta cạo bỏ râu tóc, khoát cà sa màu vàng úa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.’ Rồi sau đó, sau khi đã dẹp bỏ

một gia sản nhỏ hay gia sản lớn, người đó đã cạo bỏ râu tóc, khoát cà sa màu vàng úa, từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. 13. “Sau khi đã xuất gia như vậy, và có được sự tu-tập và lối-sống của những Tỳ kheo; (1) sau khi dẹp bỏ việc sát-sinh, người đó kiêng cữ sự sát- sinh; dẹp bỏ gậy gộc và vũ khí, có lương tâm, hiền hậu, người đó sống tha thương bi-mẫn với tất cả chúng sinh. (2) Sau khi dẹp bỏ gian-cắp, người đó kiêng cữ sự gian-cắp (lấy những thứ không được cho); chỉ nhận lấy thứ được cho, chỉ trông chờ thứ được cho; bằng sự không gian-cắp người đó sống an trú trong sự trong-sạch (thanh khiết). (3) Sau khi dẹp bỏ việc dâm-dục (quan hệ giới tính), người đó giữ giới sống độc-thân, sống tách-ly, kiềm chế và không làm hành vi tính dục nào. “(4) Sau khi dẹp bỏ việc nói-dối nói láo, người đó kiêng cữ sự nói-dối nói láo; người đó chỉ nói sự thật, nói theo sự thật, (làm người) đáng tin tưởng và đáng tin cậy, không phải là người lừa dối trong đời. (5) Sau khi dẹp bỏ lời nói hiểm-độc, người đó kiêng cữ sự nói lời hiểm-độc; người đó không mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người này với người khác, người đó không mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người khác với người này; như vậy người đó là người đoàn kết những người bị chia rẽ, là người xây dựng tình bạn hữu, người đó ưa thích nhìn thấy người khác hòa thuận, vui mừng khi nhìn thấy người khác hòa thuận, là người nói những lời tạo ra sự hòa thuận. (6) Sau khi dẹp bỏ lời nói gắt-gỏng nạt nộ, người đó kiêng cữ sự nói lời gắt-gỏng nạt nộ; người đó nói lời nhẹ nhàng, dễ nghe, và thân mến, như đi vào lòng người, lễ độ, được số đông mong muốn, và được số đông hài lòng. (7) Sau khi dẹp bỏ lời nói tầm-phào tán dóc, người đó kiêng cữ sự nói lời tầm-phào tán dóc; người đó nói đúng lúc, nói điều là sự thật, nói những điều tốt lành, nói về Giáo Pháp và Giới Luật; vào những lúc đúng đắn người

đó nói những lời đáng nói như đáng nghe đáng nhớ, hợp lý, đúng mực, và có ích lợi. “(8) Người đó kiêng cữ sự phá-hoại hạt giống và cây cối. Người đó chỉ ăn mỗi ngày một bữa, kiêng cữ sự ăn ban đêm hoặc ăn ngoài giờ thích hợp (phi thời).183 (9) Người đó kiêng cữ sự tham gia hoặc đi coi múa, hát, nhạc, kịch và những màn diễn không phù hợp. (10) Người đó kiêng cữ sự đeo vòng hoa, sự làm đẹp bản thân bằng dầu thơm nước hoa, sự tôn tạo mình bằng son phấn. (11) Người đó kiêng cữ sự dùng ghế ngồi và giường nằm cao và sang. (12) Người đó kiêng cữ sự nhận vàng bạc. Người đó kiêng cữ sự nhận gạo, đậu, ngũ cốc chưa được nấu chín. Người đó kiêng cữ sự nhận thịt sống. Người đó kiêng cữ sự nhận lấy phụ nữ và thiếu nữ. Người đó kiêng cữ sự nhận người nô lệ phục dịch dù là nam hay nữ. Người đó kiêng cữ sự nhận dê hay cừu. Người đó kiêng cữ sự nhận gà vịt (gia cầm) hay heo. Người đó kiêng cữ sự nhận voi, trâu, bò, ngựa hay ngựa cái (gia súc). Người đó kiêng cữ sự nhận ruộng đồng hay đất đai. (13) Người đó kiêng cữ sự làm những việc lặt vặt đây đó (không phải phận sự) hoặc đi báo tin cho người này người nọ (theo kiểu rảnh rang, ngoài phận sự). (14) Người đó kiêng cữ sự mua bán buôn bán. (15) Người đó kiêng cữ sự cân gian, đong lận, lừa lọc tiền bạc. (16) Người đó kiêng cữ sự chấp nhận tiền đút lót, sự lừa gạt, lừa đảo, và gian trá. (17) Người đó kiêng cữ sự làm tổn hại, giết hại, bắt cóc, cướp bóc, chiếm đoạt, và bạo hành. 14. “Người đó hài lòng với y phục che thân, hài lòng với thức ăn được cho (khất thực)

để nuôi giữ bụng (khỏi đói yếu), và dù đi bất cứ đâu, người đó cũng chỉ có hai thứ đó mà thôi. Giống như chim trời, dù bay đi đâu cũng chỉ mang theo hai cánh để bay; tương tự vậy, một Tỳ kheo Tỳ kheo biết hài lòng với y phục để che thân và thức ăn được cho để giữ bụng, và dù có đi tới đâu người đó cũng chỉ mang theo y phục và bình bát khất thực. Sau khi có được một mớ (tập hợp, đống, uẩn) đức-hạnh (giới hạnh) như vậy, người đó trải nghiệm bên trong mình niềm hạnh-phúc (là) phi tội lỗi đó.

15. “Khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, người đó không nắm giữ những dấu-hiệu và đường-nét (tướng chung và tướng riêng) của chúng.184 Vì nếu người đó để căn mắt không được phòng hộ, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-bực (ưu) có thể xâm chiếm (tâm) người đó; người đó tu tập cách kiềm chế nó, người đó phòng hộ căn mắt, người đó đảm nhận việc kiềm chế căn mắt. “Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai … Khi ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi … Khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi … Khi cảm nhận một đối- tượng chạm-xúc bằng thân … Khi nhận biết một đối-tượng của tâm bằng tâm, người đó không nắm giữ những dấu-hiệu và đường-nét của chúng. Bởi vì, nếu người đó để căn tâm không được phòng hộ, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-bực (ưu) có thể xâm chiếm (tâm) người đó; người đó tu tập cách kiềm chế nó, người đó phòng hộ căn mắt, người đó đảm nhận việc kiềm chế căn. Sau khi có được sự kiềm-chế thánh thiện của các (sáu) căn như vậy, người đó trải nghiệm bên trong mình một niềm hạnh-phúc thanh trong (không bị ố nhiễm, không vẩn đục). 16. “Người đó trở thành người hành động với sự rõ-biết (tỉnh giác) khi đang đi tới hoặc đang đi lại; người hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang nhìn thẳng hoặc đang nhìn hướng khác; người hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang co hoặc đang duỗi tay chân; người hành động với sự rõ- biết hoàn toàn khi đang mặc y phục hoặc khi đang mang cà sa và bình bát; người hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang ăn, khi đang uống, đang nhai, hoặc đang nếm; người hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang đi tiểu tiện hoặc khi đang đi đại tiện; người hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang bước đi, khi đang đứng, đang ngồi, đang nằm, đang thức dậy, đang nói, hoặc khi đang im lặng. 17. “Sau khi có được một mớ (đống, uẩn) đức-hạnh thánh thiện như vậy, và có được sự kiềm-chế thánh thiện của các (sáu) căn như vậy, và có được sự chánh-niệm và sự rõ-biết thánh thiện như vậy, người đó lui về một

nơi trú ở tách-ly (ẩn dật) như: ở trong rừng, dưới gốc cây, trên núi, khe núi, hang động bên sườn núi, khóm rừng rậm, chỗ hoang trống, chỗ đống rơm. 18. “Sau khi đi khất thực về, sau khi ăn trưa, người đó ngồi xuống, xếp hai chân chéo nhau, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt. Dẹp bỏ (i) sự thèm-muốn (tham) đối với thế giới, người đó an trú với một cái tâm không còn thèm-muốn (vô tham); người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự thèm-muốn.185 “Sau khi đã dẹp bỏ (ii) sự ác-ý và sân-giận (sân) người đó an trú với một cái tâm không còn ác-ý (vô sân), tha thương bi-mẫn vì phúc lợi của tất cả chúng sinh; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự ác-ý và sân-giận.

“Sau khi đã dẹp bỏ (iii) sự đờ-đẫn và buồn-ngủ người đó an trú không còn sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, nhận thức về ánh-sáng, có chánh-niệm và rõ- biết; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ. “Sau khi đã dẹp bỏ (iv) sự bất-an và hối-tiếc người đó an trú không còn sự động vọng, với một cái tâm bình an hướng vào bên trong; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự bất-an và hối-tiếc. “Sau khi đã dẹp bỏ (v) sự nghi-ngờ, người đó an trú sau khi đã vượt qua sự nghi-ngờ, không còn rối bối rối về những trạng thái bất thiện; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự nghi-ngờ. 19. “Sau khi đã dẹp bỏ năm chướng-ngại như vậy, đó là những ô- nhiễm làm suy yếu trí-tuệ: (1) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục- lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’ “Này bà-la-môn, điều này (bước tu này) được gọi là dấu chân của Như Lai, là chỗ có dấu vết ‘cọ xát’ bởi Như Lai, là chỗ được đánh dấu bởi Như Lai, nhưng một đệ tử thánh thiện không vội đi đến kết luận: ‘Đức Thế Tôn là

bậc giác-ngộ toàn thiện, Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo, Tăng Đoàn đang tu tập phương cách tốt lành.’186 20. (2) “Lại nữa: ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi- xét.’ “Này bà-la-môn, điều này (bước tu này) cũng được gọi là một dấu chân của Như Lai … nhưng một đệ tử thánh thiện vẫn chưa vội đi đến kết luận: ‘Đức Thế Tôn là bậc giác-ngộ toàn thiện…’. 21. (3) “Lại nữa: ‘Với sự phai biến (lọc bỏ) luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: “Người đó buông xả, có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh phúc”.’ “Này bà-la-môn, điều này (bước tu này) cũng được gọi là một dấu chân của Như Lai … nhưng một đệ tử thánh thiện vẫn chưa vội đi đến kết luận: ‘Đức Thế Tôn là bậc giác-ngộ toàn thiện…’. 22. (4) “Lại nữa: ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.’ “Này bà-la-môn, điều này này (bước tu này) cũng được gọi là một dấu chân của Như Lai … nhưng một đệ tử thánh thiện vẫn chưa vội đi đến kết luận: ‘Đức Thế Tôn là bậc giác-ngộ toàn thiện…’. 23. (5) “Khi tâm của người đó được như vậy, được đạt định, được thanh lọc tinh khiết, sáng tỏ, không bị ố nhiễm, đã loại hết ô-nhiễm, dễ uốn nắn, dễ

quản trị (dễ điều phục), và đạt tới trạng thái bất lay chuyển, người đó hướng nó (tâm) tới trí-biết về sự nhớ-lại những cõi kiếp quá khứ (túc mạng minh). Nười đó nhớ lại

nhiều cõi kiếp quá khứ của ta; đó là, một lần sinh, hai lần sinh, ba lần sinh, bốn lần sinh, năm lần sinh, mười lần sinh, hai mươi lần sinh, ba mươi lần sinh, bốn mươi lần sinh, năm mươi lần sinh, một trăm lần sinh, một ngàn lần sinh, một trăm ngàn lần sinh; nhiều đại kiếp thế giới co- lại, nhiều đại kiếp thế giới giãn-ra, nhiều đại kiếp thế giới co-lại và giãn-ra: (người đó nhớ rõ) 'Ở (kiếp) đó ta được đặt tên như vậy, thuộc họ tộc như vậy, với diện mạo như vậy, thức ăn thực dưỡng của ta như vậy, trải nghiệm sướng và khổ của ta như vậy, tuổi thọ của ta như vậy; và ta chết từ chỗ đó, ta tái sinh vào chỗ kia; rồi tiếp tục ... ta được đặt tên như kia, thuộc họ tộc như kia, với diện mạo như kia, thức ăn thực dưỡng của ta như kia, trải nghiệm sướng và khổ của ta như kia, tuổi thọ của ta như kia; và ta chết từ chỗ kia đó, ta tái sinh vào chỗ nọ ... và cuối cùng ta đã được tái sinh ở đây.' Như vậy đó, người đó đã nhớ lại những phương diện và những đặc điểm của những cõi kiếp quá khứ của mình. (Giống mục 27 kinh MN 04) "Này bà-la-môn, điều này (loại trí-biết này) cũng được gọi là một dấu chân của Như Lai ... nhưng một đệ tử thánh thiện vẫn chưa vội đi đến kết luận: 'Đức Thế Tôn là bậc giác-ngộ toàn thiện...'. 24. (6) "Khi tâm của người đó được như vậy, được đạt định, được thanh lọc tinh khiết, sáng tỏ, không còn bị vết nhơ, không còn ô nhiễm, dễ uốn nắn, dễ quản trị, và đạt tới trạng thái bất lay chuyển, người đó hướng nó (tâm) tới trí-biết về sự nhìn thấy sự chết đi và tái sinh của chúng sinh (thiên nhãn minh). Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và người đó đã hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, chuyển kiếp) tùy theo những nghiệp (hành động) của họ như vầy: 'Những chúng sinh này hành xử với thân, lời-nói và tâm-ý sai trái; người chửi mắng các bậc thánh nhân, người chấp giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), và hành động dựa theo cách-nhìn sai lạc, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh vào cảnh giới đày đọa khổ đau,

trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Nhưng những chúng sinh kia biết hành xử với thân, lời-nói và tâm-ý đúng đắn; những người không mắng chửi các bậc thánh nhân, người nắm giữ cách- nhìn đúng đắn (chánh kiến), và hành động dựa theo cách-nhìn đúng đắn, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ được tái sinh vào một nơi đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.' Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và sinh ra, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và người đó hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những nghiệp của mình, như vậy. (Giống mục 29 kinh MN 04) "Này bà-la-môn, điều này (loại trí-biết này) cũng được gọi là một dấu chân của Như Lai ... nhưng một đệ tử thánh thiện vẫn chưa vội đi đến kết luận: 'Đức Thế Tôn là bậc giác-ngộ toàn thiện...'. 25. (7) "Khi tâm của người đó được như vậy, được đạt định, được thanh lọc tinh khiết, sáng tỏ, không còn bị vết nhơ, không còn ô nhiễm, dễ uốn nắn, dễ quản trị, và đạt tới trạng thái bất lay chuyển, người đó hướng nó (tâm) tới trí-biết về sự (đã) tiêu-diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận minh). Người đó hiểu đúng như chúng thực là: 'Đây là khổ. Đây là nguồn-gốc khổ. Đây là sự chấm-dứt khổ. Đây là con-đường dẫn đến sự chấm dứt khổ.'

Người đó hiểu đúng như chúng thực là: ‘Đây là những ô-nhiễm. Đây là nguồn gốc những ô-nhiễm. Đây là sự chấm-dứt những ô-nhiễm. Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt những ô-nhiễm.’ “Này bà-la-môn, điều này (loại trí-biết này) cũng được gọi là một dấu chân của Như Lai, là chỗ có dấu vết ‘cọ xát’ bởi Như Lai, là chỗ được đánh dấu bởi Như Lai, nhưng một đệ tử thánh thiện vẫn chưa vội đi đến kết luận: ‘Đức Thế Tôn là bậc giác-ngộ toàn thiện, Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo, Tăng Đoàn đang tu tập phương cách tốt lành.’ Lúc này vị đệ tử thánh thiện đó vẫn còn đang trên tiến trình đi đến kết luận như vậy.187

26. (8) “Khi người đó đã biết và đã thấy như vậy, tâm người đó được giải-thoát khỏi sự ô-nhiễm của/do tham-dục (dục lậu), khỏi sự ô-nhiễm của/do sự hiện-hữu (hữu lậu), và khỏi sự ô-nhiễm của/do vô-minh (vô minh lậu). Khi tâm đã được giải-thoát, thì có sự-biết: ‘Tâm được giải-thoát.’ Người đó hiểu: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần phải làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’ “Này bà-la-môn, điều này (sự thấy-biết này) cũng được gọi là một dấu chân của Như Lai, là chỗ có dấu vết ‘cọ xát’ bởi Như Lai, là chỗ được đánh dấu bởi Như Lai. Tới lúc này một vị đệ tử thánh thiện mới đi đến kết luận rằng: ‘Đức Thế Tôn là bậc giác-ngộ toàn thiện, Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày khéo léo, Tăng Đoàn đang tu tập phương cách tốt lành.’188 Này bà-la-môn, đến lúc này chuyện ví dụ về dấu chân voi đã được nói đầy đủ chi tiết.” 27. Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn Jāṇussoṇi đã thưa với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật kỳ diệu thưa Thầy Cồ- đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, giống như Thầy đã đang dựng đứng lại thứ đã bị quăng đổ, khai mở điều đã bị che dấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy được các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ- đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong Thầy Cồ-đàm chấp nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa từ hôm nay cho đến cuối đời.” (MN 27: Cūḷahatthipadopama Sutta)

5. NHỮNG GIAI ĐOẠN TU CAO HƠN (Dẹp bỏ những chướng-ngại)

12. [10] “Cái gì là còn thêm nhiều điều cần phải được làm? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo lui về ở một nơi trú ở tách-ly (ẩn dật) như: ở trong

rừng, dưới gốc cây, trên núi, khe núi, hang động bên sườn núi, khóm rừng rậm, chỗ hoang trống, chỗ đống rơm. 13. [11] “Sau khi đi khất thực về, sau khi ăn trưa, người đó ngồi xuống, xếp hai chân chéo nhau, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt. Dẹp bỏ (i) sự thèm-muốn (tham) đối với thế giới, người đó an trú với một cái tâm không còn thèm-muốn (vô tham); người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự thèm-muốn. “Sau khi đã dẹp bỏ (ii) sự ác-ý và sân-giận (sân) người đó an trú với một cái tâm không còn ác-ý (vô sân), tha thương bi-mẫn vì phúc lợi của tất cả chúng sinh; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự ác-ý và sân-giận. “Sau khi đã dẹp bỏ (iii) sự đờ-đẫn và buồn-ngủ người đó an trú không còn sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, nhận thức về

ánh-sáng, có chánh-niệm và rõ- biết; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ. “Sau khi đã dẹp bỏ (iv) sự bất-an và hối-tiếc người đó an trú không còn sự động vọng, với một cái tâm bình an hướng vào bên trong; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự bất-an và hối-tiếc. “Sau khi đã dẹp bỏ (v) sự nghi-ngờ, người đó an trú sau khi đã vượt qua sự nghi-ngờ, không còn rối bối rối về những trạng thái bất thiện; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự nghi-ngờ. (Mục 13 này giống hệt mục 18 của kinh MN 27 ở kế trên, đã được lặp lại đầy đủ.)

14. “Này các Tỳ kheo, giả sử có một người đi vay tiền để làm ăn, và việc làm ăn thành công nên người đó có thể trả hết nợ nần cũ, và vẫn còn dư đủ tiền để nuôi giữ người vợ; khi suy xét về điều này, anh ta thấy vui mừng và đầy sung sướng. Hoặc giả sử có một người bị bệnh, đau khổ và bệnh yếu như sắp chết, và ăn uống không được và thân thể không còn sức, nhưng sau đó người đó hồi phục hết bệnh và ăn uống được trở lại và thân lấy lại sức; khi suy xét về điều này, người đó thấy vui mừng và đầy sung sướng. Hoặc giả sử có một người bị bắt tù, nhưng sau đó người đó được thả ra, được an toàn và an ninh, không bị mất mát tài sản; khi suy xét về điều này, người đó

thấy vui mừng và đầy sung sướng. Hoặc giả sử có một người là nô lệ, không tự lập được mà phụ thuộc vào người ta, không được tự do đi đâu theo ý mình, nhưng sau đó người đó được giải thoát khỏi sự nô lệ, được tự lập, độc lập khỏi người ta, làm người tự do có thể đi đâu theo ý mình; khi suy xét về điều này, người đó thấy vui mừng và đầy sung sướng. Hoặc giả sử có một người có nhiều tài sản và của cải lỡ đi lạc vào con đường xuyên qua sa mạc, nhưng sau đó người đó băng qua được khỏi sa mạc, được an toàn và an ninh, không bị mất mát tài sản; khi suy xét về điều này, người đó thấy vui mừng và đầy sung sướng. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi năm chướng- ngại này còn chưa được dẹp bỏ bên trong mình, thì một Tỳ kheo nhìn thấy năm chướng-ngại đó lần lượt như một món-nợ, một căn-bệnh, một lao-tù, một sự nô-lệ, và như một con-đường (khó khổ rủi ro) băng qua sa mạc. Nhưng khi năm chướng-ngại này đã được loại bỏ bên trong mình, thì Tỳ kheo đó nhìn thấy đó như một sự hết nợ-nần, sự hết căn-bệnh, sự thoát khỏi lao-tù, sự tự do khỏi đời nô-lệ, và như một vùng đất của sự an-toàn (hết bị sa mạc).189

(Bốn tầng thiền định)

15. [12] “Sau khi đã trừ bỏ năm chướng-ngại, đó là những ô-nhiễm của tâm làm suy yếu trí-tuệ: (1) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’ Người đó tạo được niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc được sinh ra từ sự tách ly, ướt đẫm, chìm ngập, đong đầy, và thấm đẫm thân này, tới mức không có bộ phận nào của thân không được thấm đẫm bởi niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc được sinh ra từ sự tách ly đó. - “Giống như một người thợ tắm rành nghề [hay người phụ việc của ông ta] đổ dồn bột tắm vào một thau kim loại, và

rưới đều nước, nhào nặn đều cho đến khi hơi nước ướt thấm hết cục bột tắm đó, nhào thấm ướt nó, và làm thấm đẫm nó từ bên trong và bên ngoài, nhưng cục bột nhào không rỉ nước

ra. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc được sinh ra từ sự tách ly, ướt đẫm, chìm ngập, đong đầy, và thấm đẫm thân này, tới mức không có bộ phận nào của thân không được thấm đẫm bởi niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc được sinh ra từ sự tách ly đó. 16. (2) "Lại nữa, này các Tỳ kheo: 'Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét.' Người đó tạo được niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc được sinh ra từ sự đạt định, ướt đẫm, chìm ngập, đong đầy, và thấm đẫm thân này, tới mức không có bộ phận nào của thân không được thấm đẫm bởi niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc được sinh ra từ sự đạt định đó. - "Giống như có một hồ nước, mạch nước chảy vào từ bên dưới, và không có dòng chảy vào nào từ phía đông, tây, nam, hoặc bắc, và cũng không được bổ sung nước mưa trong mọi lúc, rồi mạch nước mát chảy vào từ bên dưới làm cho nước mát ướt đẫm, chìm ngập, đong đầy, và thấm đẫm cái hồ, tới mức không có một chỗ nào của cả hồ không được thấm đẫm bởi nước mát. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tạo được niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc được sinh ra từ sự đạt định, ướt đẫm, chìm ngập, đong đầy, và thấm đẫm thân này, tới mức không có một bộ phận nào của toàn thân này không được thấm đẫm bởi niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc được sinh ra từ sự đạt định đó. 17. (3) "Lại nữa, này các Tỳ kheo: 'Với sự phai biến (lọc bỏ) luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm niềm hạnh phúc cùng với thân; người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: 'Người đó buông xả, có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc) (tâm lạc).' Người đó tạo được niềm hạnh-phúc đã được lọc bỏ yếu tố hoan-hỷ, ướt đẫm, chìm ngập, đong đầy, và thấm đẫm thân này, tới mức không có bộ phận nào của toàn thân người đó không được thấm đẫm bởi niềm hạnh-phúc đã được lọc bỏ yếu tố hoan-hỷ.

- "Giống như trong một hồ sen có bông sen xanh, sen đỏ, hay sen trắng, nhiều cây sen được sinh ra và lớn lên trong nước nằm chìm dưới mặt nước, và nước mát ướt đẫm, chìm ngập, đong đầy, và thấm đẫm chúng từ ngọn tới gốc, tới mức không có một bộ phận nào của những cây sen đó không được thấm đẫm bởi nước mát. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tạo được niềm hạnh-phúc đã được lọc bỏ yếu tố hoan-hỷ, ướt đẫm, chìm ngập, đong đầy, và thấm đẫm thân này, tới mức không có bộ phận nào của toàn thân người đó không được thấm đẫm bởi niềm hạnh-phúc đã được lọc bỏ yếu tố hoan-hỷ. 18. (4) "Lại nữa, này các Tỳ kheo: 'Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái

không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.' Người đó ngồi thấm đẫm thân này bằng một cái tâm tinh khiết sáng tỏ, tới mức không có bộ phận nào của toàn thân người đó không được thấm đẫm bởi cái tâm tinh khiết sáng tỏ đó. - "Giống như một người đang ngồi được quấn kín bằng vải trắng từ đầu đến chân, tới mức không có bộ phận nào của toàn thân người đó không được thấm đẫm (bao trùm, phủ kín) bởi vải trắng. Cũng giống như vậy, người đó ngồi thấm đẫm thân này bằng một cái tâm tinh khiết sáng tỏ, tới mức không có bộ phận nào của toàn thân người đó không được thấm đẫm bởi cái tâm tinh khiết sáng tỏ đó.

(Ba loại trí-biết đích thực/ Tam minh)

19. (5) "Khi tâm của người đó được như vậy, được đạt định, được thanh lọc tinh khiết, sáng tỏ, không còn bị vết nhơ, không còn ố nhiễm, dễ uốn nắn, dễ quản trị (dễ điều phục), và đạt tới trạng thái bất lay chuyển, người đó hướng nó (tâm) tới trí-biết về sự nhớ lại những cõi kiếp quá khứ (túc mạng minh). Người đó đã nhớ lại nhiều kiếp quá khứ của mình; đó là một lần sinh, hai lần sinh, ba lần sinh ... [giống mục 23 kinh kế trên] ... Như vậy đó, người đó nhớ lại những cõi kiếp quá khứ của mình với những phương diện và đặc điểm của chúng.

- "Giống như một người đi từ làng mình qua làng khác và quay trở về lại làng mình. Người đó có thể nhớ lại: 'Tôi đã đi từ làng mình qua làng đó, và ở đó tôi đã đứng như vậy, đã ngồi như vậy, đã nói như vậy, đã im lặng như vậy; và từ làng đó tôi đã qua làng khác nữa, và ở đó tôi đã đứng như vậy ... đã im lặng như vậy; và từ làng đó tôi đã quay trở lại làng mình.' Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo có thể nhớ lại những cõi kiếp trong quá khứ của mình ... (người đó nhớ được) 'Một lúc đó tôi được đặt tên như vậy ... Như vậy đó, tôi đã nhớ lại những phương diện và những đặc điểm của những cõi kiếp quá khứ của tôi.' Như vậy đó, người đó nhớ lại những cõi kiếp quá khứ của mình với những phương diện và đặc điểm của chúng. 20. (6) "Khi tâm của người đó được như vậy, được đạt định, được thanh lọc tinh khiết, sáng tỏ, không còn bị vết nhơ, không còn ô nhiễm, dễ uốn nắn, dễ quản trị, và đạt tới trạng thái bất lay chuyển, người đó hướng nó (tâm) tới trí-biết về sự nhìn thấy sự chết đi và tái sinh của những chúng sinh (thiên nhãn minh). Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh ... [giống mục 24, kinh kế trên] ... Như vậy, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và người đó đã hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, chuyển kiếp) tùy theo những nghiệp (hành động) của mình như vậy. - "Giống như có hai ngôi nhà có cửa và một người có mắt sáng đứng giữa hai ngôi nhà, người đó nhìn thấy mọi người đi vào và đi ra hai ngôi nhà, đi qua đi lại hai ngôi nhà. Cũng giống như vậy, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh ... và người đó hiểu biết cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, chuyển kiếp) tùy theo những nghiệp của mình như vậy. 21. (7) "Khi tâm của người đó được như vậy, được đạt định, được

thanh lọc tinh khiết, sáng tỏ, không còn bị vết nhơ, không còn ô nhiễm, dễ uốn nắn, dễ quản trị, và đạt tới trạng thái bất lay chuyển, người đó hướng nó (tâm) tới

252 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

trí-biết về sự (đã) tiêu-diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận minh). (i) Người đó hiểu được đúng như nó thực là: 'Đây là khổ' ... 'Đây là nguồn-gốc khổ' ... 'Đây là sự chấm-dứt khổ' ... 'Đây là con-đường dẫn đến sự chấm dứt khổ'. Người đó hiểu đúng như nó thực là: 'Đây là những ô-nhiễm' ... 'Đây là nguồn gốc những ô-nhiễm' ... 'Đây là sự chấm-dứt những ô-nhiễm' ... 'Đây là con- đường dẫn tới sự chấm dứt những ô-nhiễm'. (8) "Khi người đó đã biết và đã thấy như vậy, tâm người đó được giải- thoát khỏi sự ô-nhiễm của/do tham-dục (dục lậu), khỏi sự ô-nhiễm của/do sự hiện-hữu (hữu lậu), và khỏi sự ô-nhiễm của/do vô-minh (vô minh lậu). Khi tâm đã được giải-thoát, thì có sự-biết: 'Tâm được giải-thoát.' (ii) Người đó hiểu: 'Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần phải làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.' Người đó hiểu: 'Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần phải làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.' - "Giống như có một hồ nước trên núi, kín đáo, trong sạch, trong suốt, và không bị quấy đục, đến mức một người sáng mắt đứng trên bờ có thể nhìn thấy những con sò con ốc, đá sỏi, đá cuội, và thấy cả đàn cá bơi lội và nằm nghỉ, thì người đó có thể nghĩ (hiểu): 'Đây là hồ nước, kín đáo, trong sạch, trong suốt, và không bị quấy đục, và có những con sò con ốc, đá sỏi, đá cuội, và có cả đàn cá bơi lội và nằm nghỉ'. Cũng giống như vậy, (i) một Tỳ kheo hiểu được đúng như nó thực là: 'Đây là khổ ... 'Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt những ô-nhiễm'. Người đó hiểu : 'Sự sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần phải làm đã làm xong, không còn sự tái hiện-hữu nào nữa.'" (trích MN 39: Mahā-Assapura Sutta) (Đại Kinh Ở Assapura)

Chương VIII. LÀM CHỦ CÁI TÂM

254 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

Chương VIII – Tu Tập Cái Tâm • 255

1. TÂM LÀ CHÌA KHÓA, TÂM LÀ CHÍNH YẾU 1. "Này các Tỳ kheo, ta không thấy một thứ nào khác, nếu không được tu tập thì khó sử dụng (khó dùng, khó vận dụng, khó điều khiển), như cái tâm. Một cái tâm không được tu tập thì khó sử dụng." 2. "Này các Tỳ kheo, ta không thấy một thứ nào khác, nếu được tu tập thì dễ sử dụng (dễ dùng, dễ vận dụng, dễ điều khiển), như cái tâm. Một cái tâm được tu tập thì dễ sử dụng." 3. "Này các Tỳ kheo, ta không thấy một thứ nào khác, nếu không được tu tập sẽ dẫn đến sự nguy-hại lớn (đại hại), như cái tâm. Một cái tâm không được tu tập sẽ dẫn đến sự nguy-hại lớn." 4. "Này các Tỳ kheo, ta không thấy một thứ nào khác, nếu được tu tập sẽ dẫn đến sự tốt-lành lớn (đại thiện), như cái tâm. Một cái tâm được tu tập sẽ dẫn đến sự tốt-lành lớn." 9. "Này các Tỳ kheo, ta không thấy một thứ nào khác, nếu không được tu tập và tu dưỡng sẽ kéo theo (đưa đến, mang lại) sự khổ đau lớn (đại khổ), như cái tâm. Cái tâm, nếu không được tu tập và tu dưỡng, sẽ kéo theo sự khổ đau lớn." 10. "Này các Tỳ kheo, ta không thấy một thứ nào khác, nếu được tu tập và tu dưỡng sẽ kéo theo sự

hạnh-phúc lớn (đại lạc), như cái tâm. Cái tâm, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ kéo theo sự hạnh-phúc lớn." (theo thứ tự AN 1: 21, 22, 23, 24, 29, 30; NHÓM 3)

2. PHÁT TRIỂN CẶP KỸ NĂNG (1) Sự Tĩnh Lặng và Sự Thấy Biết "Này các Tỳ kheo, có hai điều thuộc về trí-biết đích thực (minh, chân trí).190 Hai đó là gì? (i) Sự vắng-lặng (thiền định) và sự minh-sát (thiền quán). Khi sự vắng-lặng được tu tập, người tu trải nghiệm ích lợi gì? (Đó là:)

Tâm được tu tập (tức chỉ sự thiền-định). Khi tâm được tu tập, người tu trải nghiệm ích lợi gì? Tham-dục được loại bỏ. Khi sự minh-sát được tu tập, người tu trải nghiệm ích lợi gì? (Đó là:) Trí-tuệ được tu tập. Khi trí tuệ được tu tập, người tu trải nghiệm ích lợi gì? Sự vô-minh được loại bỏ.191 "Tâm mà bị ô nhiễm bởi tham-dục thì không được giải-thoát, và trí-tuệ mà bị ô nhiễm bởi sự vô-minh thì không được tu tập. Do vậy, này các Tỳ kheo, thông qua sự phai biến của tham-dục thì có 'sự giải-thoát của tâm', và thông qua sự phai biến của vô-minh thì 'sự giải-thoát của tâm nhờ trí- tuệ'."192 (AN 2:31)

(2) Bốn Con Đường Dẫn Tới Thánh Quả A-la-hán

Trong một lần có Ngài Ānanda đang sống ở Kosambī, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Ghosita. Ở đó thầy Ānanda đã nói với các Tỳ kheo: "Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!" "Dạ, đạo hữu", các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Ānanda đã nói điều này: "Này các đạo hữu, mọi Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni tuyên bố sự chứng quả A-la-hán trước mặt tôi đều đã làm được vậy bằng bốn con-đường này hoặc bằng một trong bốn đó. Bốn đó là gì? (1) "Ở đây, một Tỳ kheo tu tập sự minh-sát (tuệ, thiền quán) được dẫn trước bởi sự vắng-lặng (định, thiền định). Khi người đó đang tu tập sự minh- sát được dẫn trước bởi sự vắng-lặng, con-đường [đạo] được phát tạo (trong người đó).193 Người đó theo đuổi con-đường đó, tu tập nó, và tu dưỡng nó. Khi người đó đang theo đuổi, tu tập, và tu dưỡng con-đường đó, những gông- cùm (kiết sử) được dẹp bỏ và những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) được bứng bỏ.194

(2) "Lại nữa, một Tỳ kheo tu tập sự vắng-lặng (định) được dẫn trước bởi sự minh-sát (tuệ).195 Khi người đó đang tu tập sự vắng-lặng được dẫn trước bởi sự minh-sát, con-đường [đạo] được phát tạo (trong người đó). Người đó theo đuổi con-đường đó, tu tập nó, và tu dưỡng nó. Khi người đó đang theo đuổi, tu tập, và tu dưỡng con-đường đó, những gông-cùm (kiết sử) được dẹp bỏ và những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) được bứng bỏ. (3) "Lại nữa, một Tỳ kheo tu tập sự vắng-lặng (định) và sự minh-sát (tuệ) kết hợp với nhau.196 Khi người đó đang tu tập sự vắng-lặng và sự minh- sát kết hợp với nhau, con-đường [đạo] được phát tạo (trong người đó). Người đó theo đuổi con-đường đó, tu tập nó, và tu dưỡng nó. Khi người đó đang theo đuổi, tu tập, và tu dưỡng con-đường đó, những gông-cùm (kiết sử) được dẹp bỏ và những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) được bứng bỏ. (4) "Lại nữa, tâm của một Tỳ kheo bị nắm giữ bởi sự bất-an về Giáo Pháp.197 Nhưng sẽ đến thời tâm người đó được vững-vàng ở bên trong, được

bình-tĩnh, được hợp-nhất, và đạt-định. Rồi con-đường [đạo] sẽ được tạo ra bên trong người đó. Người đó theo đuổi con-đường đó, tu tập nó, và tu dưỡng nó. Khi người đó đang theo đuổi, tu tập, và tu dưỡng con-đường đó, những gông-cùm (kiết sử) được dẹp bỏ và những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) được bứng bỏ. "Này các đạo hữu, mọi Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni tuyên bố sự chứng quả A-la-hán trước mặt tôi đều đã làm được vậy bằng bốn con-đường này hoặc bằng một trong bốn đó."

(AN 4:170)

(3) Bốn Loại Người Tu ""Này các Tỳ kheo, có bốn loại người được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) Ở đây, có người đạt được phần định [sự tĩnh-lặng bên trong của tâm] nhưng chưa đạt được phần tuệ [trí-tuệ bậc cao của sự minh-sát nhìn thấu những hiện-tượng]. (2) Có người khác đạt được phần tuệ nhưng chưa

đạt được phần định. (3) Lại có người khác chưa đạt được phần định cũng chưa đật được phần tuệ. (4) Lại có người khác đạt được cả phần định và phần tuệ. (1) "Này các Tỳ kheo, trong số đó, loại người thứ nhất (chỉ đạt được phần định) nên đến gặp người đã đạt được phần tuệ, và xin vấn hỏi vị đó: 'Này đạo hữu, theo cách nào để nhìn thấy những hiện-tượng có điều-kiện (những pháp hữu vi)? Theo cách nào để nhận ra những hiện-tượng có điều- kiện bằng sự minh-sát?' Rồi vị đó trả lời cho người đó cách vị đó đã thấy và hiểu: 'Những hiện-tượng có điều-kiện nên được nhìn thấy theo cách này, nên được khám phá theo cách như vầy, nên được nhận biết bằng sự minh-sát theo cách như vậy.'198 Rồi đến một lúc người đó sẽ đạt được cả phần định và phần tuệ. (2) "Loại người thứ hai (chỉ đạt được phần tuệ) nên đến gặp người đã đạt được phần định, và xin vấn hỏi vị ấy: 'Này đạo hữu, theo cách nào làm ổn định tâm? Theo cách nào để làm tâm bình tĩnh? Theo cách nào làm tâm được hợp nhất? Theo cách nào làm tâm đạt định?' Rồi vị đó trả lời cho người đó cách vị đó đã thấy và hiểu: 'Tâm nên được làm ổn định theo cách này, nên được làm bình tĩnh theo cách như vầy, nên được đạt định theo cách như vậy.'199 Rồi đến một lúc người đó sẽ đạt cả phần tuệ và phần định. (3) "Loại người thứ ba (chưa đạt được phần nào) nên đến gặp người đã đạt được cả phần định và phần tuệ, xin vấn hỏi vị đó: (a) 'Này đạo hữu, theo cách nào làm ổn định tâm? Theo cách nào để làm tâm bình tĩnh? Theo cách nào làm tâm được hợp nhất? Theo cách nào làm tâm đạt định?' (b) 'Này đạo hữu, theo cách nào để nhìn thấy những hiện-tượng có điều-kiện (những pháp hữu vi)? Theo cách nào để nhận biết những hiện-tượng có điều-kiện bằng sự minh-sát?' Rồi vị đó trả lời cho người đó cách mà vị đó đã thấy và hiểu: (a) 'Tâm nên được ổn định theo cách này, nên được bình tĩnh theo cách như vầy, nên được đạt định theo cách như vậy.' (b) 'Những hiện-tượng có điều-kiện nên được nhìn thấy theo cách này, nên được khám phá theo cách như vầy, được nhận biết bằng sự minh-sát theo cách như vậy.' Rồi đến một lúc người

đó sẽ đạt cả phần định và phần tuệ. "Loại người thứ tư (do đã có đủ hai phần) nên dựa bản thân trên cả hai phần đó, và tạo sự cố-gắng thêm nữa để đạt tới sự tiêu diệt

ô-nhiễm. “Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

(AN 4:94)

3. NĂM CHƯỚNG NGẠI LỚN CỦA SỰ TU TẬP CÁI TÂM Ở Sāvatthī.200 Lúc đó có bà-la-môn tên là Saṅgārava đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thầy Cồ-đàm, (I) cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao có nhiều lúc các kinh kệ đã được học tụng lâu ngày lại không nhớ được trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng? (II) Và tại sao nhiều lúc các kinh kệ không được học tụng lâu ngày vẫn nhớ được lâu trong tâm, nói chi tới những kinh kệ đã được học tụng lâu ngày?” (I) [Tại sao một người không nhớ được những kinh kệ?] (1) “Này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi (chướng-ngại) tham-dục (tham), bị chiếm ngự bởi tham-dục, và người đó không hiểu ‘sự thoát-khỏi tham-dục’ đúng như nó thực là,201 thì trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy sự tốt-lành của mình, hoặc sự tốt-lành của người khác, hoặc sự tốt-lành của cả mình và người khác đúng như nó thực là. Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng. “Này bà-la-môn, ví dụ có một chậu đựng nước có pha thuốc nhuộm màu đỏ, vàng, xanh, hay màu gấc (hàm chỉ đủ loại tham-dục). Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì

người đó sẽ không biết và không thấy được nó (khuôn mặt) đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi tham-dục … mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng cũng không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng. (2) “Lại nữa, này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm bị ám muội bởi sự ác-ý (sân), bị chiếm ngự bởi sự ác-ý, và người đó không hiểu ‘sự thoát-khỏi sự ác-ý’ đúng như nó thực là, thì trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy sự tốt-lành của mình, hoặc sự tốt-lành của người khác, hoặc sự tốt-lành của cả mình và người khác đúng như nó thực là. Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại được trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng. “Này bà-la-môn, ví dụ có một chậu nước được nấu bằng lửa, đang nổi bọt và sôi sục (hàm chỉ sự ác-ý, sự sân hận). Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ không biết và không thấy được nó đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi sự ác-ý … mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày chúng cũng không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng. (3) “Lại nữa, này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm bị ám muội bởi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ (hôn trầm thụy miên), bị chiếm ngự bởi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, và người đó không hiểu ‘sự thoát-khỏi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ’ đúng như nó thực là, thì trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy sự tốt-lành của mình, hoặc sự tốt-lành của người khác, hoặc sự tốt-lành của cả mình và người khác đúng như nó thực

là. Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng. “Này bà-la-môn, ví dụ có chậu nước bị che phủ bởi rong rêu và tảo (hàm chỉ sự đờ-đẫn và buồn-ngủ). Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ không biết và

không thấy được nó đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la- môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ … mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng. (4) “Lại nữa, này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm bị ám muội bởi sự bất-an và hối-tiếc (trạo cử hối quá), bị chiếm ngự bởi sự bất-an và hối-tiếc, và người đó không hiểu ‘sự thoát-khỏi sự bất-an và hối-tiếc’ đúng như nó thực là, thì trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy sự tốt-lành của mình, hoặc sự tốt-lành của người khác, hoặc sự tốt-lành của cả mình và người khác đúng như nó thực là. Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng. “Này bà-la-môn, ví dụ có một cái chậu nước bị thổi bởi gió, chao động, xoáy động, khuấy động thành sóng nhỏ (hàm chỉ sự bất-an và hối-tiếc). Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ không biết và không thấy được nó đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi sự bất-an và hối-tiếc … mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại được trong tâm, nói chi tới các kinh kệ chưa được học tụng. (5) “Lại nữa, này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm bị ám muội bởi sự nghi-ngờ (nghi), bị chiếm ngự bởi sự nghi-ngờ, và người đó không hiểu ‘sự thoát-khỏi sự nghi-ngờ’ đúng như nó thực là, thì trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy sự tốt-lành của mình, hoặc sự tốt-lành của người khác, hoặc sự tốt-lành của cả mình và người khác đúng như nó thực là. Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới các kinh kệ chưa được học tụng. “Này bà-la-môn, ví dụ có một chậu nước đục ngầu, không lắng trong, đầy bùn đất, được đặt trong chỗ tối (hàm chỉ sự nghi-ngờ, sự chưa thấy rõ).

Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ không biết và không thấy được nó đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi sự nghi-ngờ … mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới các kinh kệ chưa được học tụng. “Này bà-la-môn, đây là nguyên nhân và lý do tại sao ngay cả các kinh kệ đã được học tụng lâu ngày cũng không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới các kinh kệ chưa được học tụng. (II) [Tại sao một người nhớ được những kinh kệ?] (1)-(5) “Này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm không bị ám muội bởi (chướng-ngại) tham-dục, sự ác-ý, sự đờ-đẫn và

buồn-ngủ, sự bất-an và hối-tiếc, và sự nghi-ngờ, thì trong trường hợp đó ngay cả những kinh kệ không được học tụng lâu ngày vẫn được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ đã được học tụng lâu ngày. “Này bà-la-môn, ví dụ có một chậu nước không bị pha tạp bởi thuốc nhuộm; không nổi bọt và sôi sục; không bị che phủ bởi rong rêu và tảo; không bị khuấy động bởi gió và chao động thành sóng; được trong sạch, lắng trong, trong suốt, được đặt ở chỗ sáng. Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ biết và thấy được nó đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một sống với một cái tâm không bị ám muội bởi tham-dục, sự ác-ý, sự đờ- đẫn và buồn-ngủ, sự bất-an và hối-tiếc, và sự nghi-ngờ, thì trong trường hợp đó ngay cả những kinh kệ không được học tụng lâu ngày vẫn được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ đã được học tụng lâu ngày. “Này bà-la-môn, đây là nguyên nhân và lý do tại sao ngay cả những kinh kệ không được học tụng lâu ngày vẫn được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ đã được học tụng lâu ngày.

(III) “Này bà-la-môn, có ‘bảy chi giác-ngộ’ này là sự không trở-ngại, là sự không chướng-ngại, là sự không hư-nhiễm của tâm; sau khi được tu tập và tu dưỡng chúng sẽ dẫn tới sự chứng quả là trí-biết đích thực (minh) và sự giải-thoát. Bảy đó là gì? Chi giác-ngộ là sự chánh-niệm là sự không trở-ngại … Chi giác-ngộ là sự buông-xả là sự không trở-ngại … sau khi được tu tập và tu dưỡng chúng sẽ dẫn tới sự chứng quả là trí-biết đích thực và sự giải- thoát. ‘Bảy chi giác-ngộ’ này là sự không trở-ngại, là sự không chướng-ngại, là sự không hư-nhiễm của tâm; sau khi được tu tập và tu dưỡng chúng sẽ dẫn tới sự chứng quả là trí-biết đích thực và sự giải-thoát. Sau khi lời tuyên thuyết này được nói ra, bà-la-môn Saṅgārava đã thưa với đức Thế Tôn rằng: “Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm! … Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”.” (SN 46:55)

4. SỰ TINH LỌC CỦA TÂM (i) “Này các Tỳ kheo, có những thứ thô lớn trong vàng thô, như: đất, đá mạt, đá sỏi. Giờ người đãi vàng [hay người học việc của ông ta] trước tiên đổ vàng thô vào máng, và rửa, chà, làm sạch nó. Sau khi đã lọc bỏ và loại bỏ những thứ thô lớn, còn lại những thứ thô vừa trong vàng thô, như: đá mạt mịn và cát thô. Người đãi vàng lại rửa, chà, làm sạch nó. Sau khi đã lọc bỏ và loại bỏ những thứ thô vừa, còn lại những thứ thô nhỏ, như: cát mịn và bụi đen. Người đãi vàng lại rửa, chà, làm sạch nó. Sau khi đã lọc bỏ và loại bỏ những thứ thô nhỏ, giờ còn lại những hột vàng thô. (ii) “Giờ người thợ nấu vàng [hay người học việc của ông ta] đổ những hạt vàng thô vào trong nồi nấu, và thổi lửa, và nấu chảy nó ra, và tinh cất nó. Nhưng sau khi đã nấu tan chảy như vậy, vàng vẫn chưa được lắn tụ và tạp chất vẫn chưa hoàn toàn được loại bỏ. Vàng vẫn chưa được dễ uốn nắn (tinh dẻo), dễ sử dụng, và phát sáng (ánh kim); giờ vàng vẫn còn giòn (dễ gảy, chưa tinh dẻo) và chưa đạt phẩm chất một cách phù hợp để chế tác.

(iii) “Nhưng người thợ nấu vàng tiếp tục thổi lửa, nấu chảy ra, và tinh cất nó, đến một lúc vàng sẽ lắn tụ và tạp chất hoàn toàn được loại bỏ. Lúc này vàng đã được dễ uốn nắn, dễ sử dụng, và ánh kim, đã dẻo dai và đạt phẩm chất một cách phù hợp để chế tác. Rồi người ta muốn dùng nó để làm bất cứ trang sức nào theo ý họ—như vòng đeo tay, bông tai, dây chuyền, hay vương miệng bằng vàng—thì họ đều có thể làm được.

(iv) “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, (1) khi một Tỳ kheo hết mình tu tập phần tâm bậc cao [thiền-định], lúc đó vẫn còn trong mình những ô-nhiễm thô lớn, như: hành-động, lời-nói, và tâm-ý sai trái. Một Tỳ kheo nhiệt thành, có năng lực thì dẹp bỏ được, xua tan, chấm dứt, và xóa sổ những ô-nhiễm thô lớn đó. (2) Sau khi làm được vậy, vẫn còn trong mình những ô- nhiễm thô vừa, như: những ý nghĩ tham-dục, ý nghĩ ác-ý, ý nghĩ gây-hại. Một Tỳ kheo nhiệt thành, có năng lực thì dẹp bỏ được, xua tan, chấm dứt, và xóa sổ những ô-nhiễm thô vừa đó. (3) Sau khi làm được như vậy, vẫn còn trong mình những ô-nhiễm thô nhỏ, như: những ý nghĩ về người thân quyến thuộc,202 những ý nghĩ về xứ sở đất nước, và những ý nghĩ về danh tiếng của mình.203 Một Tỳ kheo nhiệt thành, có năng lực thì dẹp bỏ được, xua tan, chấm dứt, và xóa sổ những ô-nhiễm thô nhỏ đó. (4) Sau khi đã làm được vậy, vẫn còn những ý nghĩ liên quan Giáo Pháp.204 Sự định-tâm đó là không bình- an và siêu-phàm, không được đạt bằng/tới sự làm tĩnh-lặng hoàn toàn (những ô-nhiễm),205 không đạt tới sự hợp-nhất, chỉ do được chế ngự và duy trì bằng cách trấn áp [những ô-nhiễm] mà có.206 (vi) “Nhưng, này các Tỳ kheo, (5) rồi sẽ đến một lúc khi tâm của người tu từ trong nội tại được vững chắc, bình tĩnh, được hợp nhất, và đạt định. Giờ sự định-tâm đó là bình-an và siêu-phàm, đạt được bằng/tới sự làm tĩnh-lặng hoàn toàn (những ô-nhiễm), và đạt tới sự hợp-nhất; chứ không phải chỉ do được chế ngự và duy trì bằng cách trấn áp mạnh [những ô-nhiễm] mà có.207 Lúc đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp như vậy, thì người đó có khả năng, bằng trí-biết trực tiếp, chứng ngộ bất kỳ trạng thái nào mà người đó hướng tâm mình tới đó.208

(1) “Nếu người đó ước:209 ‘Cầu cho tôi đạt được và dụng được nhiều loại thần-thông khác nhau (biến hóa thông): biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân; tôi hiện hình và biến hình; tôi đi xuyên qua tường, đi xuyên qua thành, đi xuyên qua núi như đi qua khoảng không; chui xuống đất và chui lên mặt đất như rẽ lặn trong nước; đi trên mặt nước không bị chìm như đi trên mặt đất; đi xuyên không gian như chim bay khi đang ngồi thiền tréo chân; tay sờ chạm mặt trăng và mặt trời, những thứ thật hùng vĩ và oai lực như vậy; vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā’, thì người đó có khả năng chứng ngộ điều đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp.

(2) “Nếu người đó ước: ‘Cầu cho tôi, với yếu-tố tai thiên-thánh (thiên nhĩ thông), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, nghe được cả hai loại âm thanh, âm thanh cõi trời và cõi người, ở xa và ở gần’, thì người đó có khả năng chứng ngộ điều đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp.

(3) “Nếu người đó ước: ‘Cầu cho tôi hiểu được tâm của những chúng sinh khác và người khác, sau khi đã lấy tâm mình bao trùm tâm của họ (tha tâm thông). Tôi hiểu được một cái tâm có tham là tâm có tham, một tâm không có tham là tâm không có tham; một tâm có sân là tâm có sân; một tâm không có sân là tâm không có sân; một tâm có si là tâm có si; một tâm không có si là tâm không có si; tâm co cụm (bị động) là co cụm, và một cái tâm bị xao lãng là bị xao lãng; một tâm bao la [được khuếch đại, mở rộng, cao rộng, cao vời] là bao la, và tâm không bao la là không bao la; một tâm còn có thể vượt trên (chưa cao nhất) là còn có thể vượt trên, và một tâm không thể vượt trên (cao nhất, vô thượng) là không thể vượt trên; một tâm đạt định là đạt định, và một tâm không đạt định là không đạt định; một tâm được giải thoát là được giải thoát, và một cái tâm chưa được giải thoát là chưa được giải thoát’, thì người đó có khả năng chứng ngộ điều đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp. (4) “Nếu người đó ước: ‘Cầu cho tôi có thể nhớ lại nhiều kiếp quá khứ của mình (túc mạng minh); đó là: một lần sinh, hai lần sinh … [giống đoạn

mẫu ở PHẦN II, 3., (2), mục 38. ở trên] …, thì người đó có khả năng chứng ngộ điều đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp. (5) “Nếu người đó ước: ‘Cầu cho tôi, với yếu-tố mắt thiên thánh (thiên nhãn minh), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, nhìn thấy những chúng sinh chết đi và sinh ra, thấp hèn có và cao sang có … [giống đoạn mẫu ở PHẦN II, 3., (2), mục 40. ở trên] …, thì người đó có khả năng chứng ngộ điều đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp.”

(6) “Nếu người đó ước: ‘Cầu cho tôi, sau khi tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, tôi sẽ tự mình chứng ngộ sự giải- thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, tôi sẽ an trú trong đó’, thì người đó có khả năng chứng ngộ điều đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp.” (AN 3:101)

5. LOẠI BỎ NHỮNG Ý-NGHĨ LÀM XAO LÃNG 1. Tôi nghe như vầy.210 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này: 2. “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo theo đuổi cái tâm bậc cao, lúc này lúc khác người đó nên có sự chú-tâm tới năm dấu-hiệu.211 Năm đó là gì? 3. (1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đang hướng sự chú- tâm (tác ý) tới dấu-hiệu nào đó, và vì do dấu-hiệu đó nên khởi sinh trong người đó những ý-nghĩ (tầm) xấu ác bất thiện kết nối với tham, sân, si, thì người đó nên hướng sự chú-tâm tới những dấu-hiệu khác kết nối với điều thiện lành.212 Khi người tu hướng sự chú-tâm tới điều thiện lành, thì mọi ý- nghĩ bất thiện xấu ác kết nối với tham, sân, si được loại bỏ bên trong người đó, và chúng lặn đi. Bằng việc loại bỏ chúng, tâm người tu trở nên được vững chắc ở bên trong, được bình tĩnh, được hợp nhất, và đạt định.

- “Giống như một người thợ mộc rành nghề [hay người phụ việc của ông ta] dùng một cái mộng gỗ tốt đưa vào để đục bỏ, tống bỏ, và loại bỏ cái mộng gỗ hư xấu (đang nằm trong đồ gỗ). Cũng giống như vậy … khi một Tỳ kheo hướng sự chú-tâm tới dấu-hiệu khác nối kết với điều thiện lành … tâm người đó trở nên được vững chắc ở bên trong, được bình tĩnh, được hợp nhất, và đạt định. 4. (2) “Nếu, trong khi người đó hướng sự chú-tâm tới dấu-hiệu khác nối kết với điều thiện lành, nhưng bên trong người đó vẫn khởi sinh những ý- nghĩ xấu ác bất thiện nối kết với tham, sân, si, thì người đó nên suy xét sự nguy-hại trong những ý-nghĩ (bất thiện) đó như vầy: ‘Những ý-nghĩ này là bất thiện, đáng chê trách, gây ra khổ đau.’213 Khi người tu suy xét về sự nguy-hại trong những ý-nghĩ bất thiện đó, thì mọi ý-nghĩ xấu ác bất thiện nối kết với tham, sân, si được loại bỏ bên trong người đó, và chúng lặn đi. Bằng việc loại bỏ chúng, tâm người tu trở nên được vững chắc ở bên trong, được bình tĩnh, được hợp nhất, và đạt định. - “Giống như có một người nam hay nữ, trẻ, trẻ trung và thích đeo đồ trang sức; người đó sẽ thấy kinh sợ, nhục nhã, và ghê tởm nếu có một xác (thịt) chết của một con rắn hay một con chó hay một con người đang quấn quanh cổ của mình. Cũng giống như vậy … khi một Tỳ kheo suy xét sự nguy-hại trong những ý-nghĩ bất thiện đó … tâm người đó trở nên được vững chắc ở bên trong, được bình tĩnh, được hợp nhất, và đạt định. 5. (3) “Nếu, khi người đó đang suy xét sự nguy-hại trong những ý-nghĩ (bất thiện) đó, nhưng bên trong người đó vẫn khởi sinh những ý-nghĩ xấu ác bất thiện nối kết với tham, sân, si, thì người đó nên cố quên những ý-nghĩ đó và không nên hướng sự chú-tâm tới chúng. Khi người tu cố gắng quên những ý-bất thiện đó và không hướng sự chú-tâm tới chúng, thì mọi ý-nghĩ xấu ác bất thiện nối kết với tham, sân, si được loại bỏ bên trong người đó, và chúng lặn đi. Bằng việc loại bỏ chúng, tâm người tu trở nên được vững chắc ở bên trong, được bình tĩnh, được hợp nhất, và đạt định.

- “Giống như một người có mắt sáng nhưng không muốn nhìn những hình-sắc trước mắt, thì người đó chỉ cần nhắm mắt lại hoặc nhìn sang chỗ khác. Cũng giống như vậy … khi một Tỳ kheo cố gắng quên đi những ý-nghĩ bất thiện đó và không hướng sự chú-tâm tới chúng … tâm người đó trở nên được vững chắc ở bên trong, được bình tĩnh, được hợp nhất, và đạt định. 6. (4) “Nếu, trong khi người đó đang cố quên đi những ý-nghĩ bất thiện đó và không hướng sự chú-tâm tới chúng, nhưng bên trong người đó vẫn khởi sinh vẫn khởi sinh những ý-nghĩ xấu ác bất thiện nối kết với tham, sân, si, thì người đó nên hướng sự chú-tâm tới sự làm lắng lặng ‘sự tạo-tác ý- nghĩ’ (tầm hành) của (tạo ra) những ý-nghĩ bất thiện đó.214 Khi người tu đang hướng sự chú-tâm tới sự làm lắng lặng ‘sự tạo-tác ý-nghĩ’ của những ý-nghĩ bất thiện đó, thì mọi ý-nghĩ xấu ác bất thiện nối kết với tham, sân, si được loại bỏ bên trong người đó, và chúng lặn đi. Bằng việc loại bỏ chúng, tâm người tu trở nên được vững chắc ở bên trong, được bình tĩnh, được hợp nhất, và đạt định. - “Giống như một người đang đi nhanh có thể suy xét: ‘Tại sao ta đang đi nhanh? Ta đi chậm thì sao?’, và người đó đi chậm lại; rồi người đó lại suy xét: ‘Tại sao ta đang đi chậm? Nếu ta đứng thì sao?’ và người đó đứng lại; rồi người đó suy xét: ‘Tại sao ta đang đứng? Nếu ta ngồi xuống thì sao?’, và người đó ngồi xuống; rồi người đó lại suy xét: ‘Tại sao ta đang ngồi? Nếu ta nằm xuống thì sao?’, và người đó

nằm xuống. Bằng cách làm như vậy, người đó thay thế những tư thế thô tế (động vọng) bằng những tư thế vi tế (lắng lặng) hơn. Cũng giống như vậy … khi một Tỳ kheo hướng sự chú-tâm tới sự làm lắng lặng "sự tạo-tác ý-nghĩ" của những ý-nghĩ bất thiện đó … tâm người đó trở nên được vững chắc ở bên trong, được bình tĩnh, được hợp nhất, và đạt định. 6. (5) "Nếu, trong khi người đó hướng sự chú-tâm tới sự làm lắng lặng 'sự tạo-tác ý-nghĩ' (tầm hành) của những ý-nghĩ bất thiện đó, bên trong người đó vẫn khởi sinh những ý-nghĩ xấu ác bất thiện nối kết với tham, sân, si, thì với răng nghiến lại và lưỡi đè mạnh lên vòm trên trong miệng, người

đó nên kìm hãm, trấn áp cái tâm, lấy tâm đè bẹp tâm. Khi với răng nghiến lại và lưỡi đè mạnh lên vòm trên trong miệng, người đó kìm hãm, trấn áp cái tâm, lấy tâm đè bẹp tâm, 215 thì mọi ý-nghĩ xấu ác bất thiện nối kết với tham, sân, si được loại bỏ bên trong người đó, và chúng lắng xuống. Bằng việc loại bỏ chúng, tâm người tu trở nên được vững chắc ở bên trong, được bình tĩnh, được hợp nhất, và đạt định. - "Giống như một người lực sĩ nắm chặt một người yếu hơn ở đầu hay vai và trấn dập, kìm hãm, đè bẹp người yếu đó. Cũng giống như vậy … khi với răng nghiến lại và lưỡi đè mạnh lên vòm trên trong miệng, người đó kìm hãm, trấn áp cái tâm, lấy tâm đè bẹp tâm … tâm người đó trở nên được vững chắc ở bên trong, được bình tĩnh, được hợp nhất, và đạt định. 7. "Này các Tỳ kheo, (1) khi một Tỳ kheo đang hướng sự chú-tâm tới dấu-hiệu nào đó, và vì do dấu-hiệu đó nên khởi sinh bên trong người đó những ý-nghĩ xấu ác bất thiện nối kết với tham, sân, si; rồi khi người đó hướng sự chú-tâm tới dấu-hiệu khác nối kết với điều thiện lành, thì mọi ý- nghĩ xấu ác bất thiện đó được loại bỏ, và chúng lặn đi, và bằng việc loại bỏ chúng, tâm người đó trở nên được vững chắc ở bên trong, được bình tĩnh, được hợp nhất, và đạt định. (2) Khi người đó suy xét sự nguy-hại trong những ý-nghĩ bất thiện đó, thì … (3) Khi người đó cố gắng quên những ý-nghĩ bất thiện đó và không hướng sự chú-tâm tới chúng, thì … (4) Khi người đó hướng sự chú-tâm tới sự làm lắng lặng 'sự tạo-tác ý- nghĩ' (tầm hành) của các ý-nghĩ bất thiện đó, thì … (5) Khi người đó, với răng nghiến chặt và lưỡi đè mạnh lên vòm trên trong miệng, người đó kìm hãm, trấn áp cái tâm, lấy tâm đè bẹp tâm, thì mọi ý-nghĩ xấu ác bất thiện nối kết với tham, sân, si được loại bỏ bên trong người đó, và chúng lắng xuống. Bằng việc loại bỏ chúng, tâm người tu trở nên được vững chắc ở bên trong, được bình tĩnh, được hợp nhất, và đạt định.

"Vị Tỳ kheo này được gọi là "bậc thầy điều phục những dòng ý-nghĩ". Người đó có thể nghĩ bất kỳ ý-nghĩ nào mình muốn nghĩ và sẽ không nghĩ bất kỳ ý-nghĩ nào mình không muốn nghĩ. Người đó đã cắt đứt dục-vọng, đã phá bỏ những gông-cùm, và với sự hoàn toàn thâm-nhập (xuyên phá) sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây), người đó đã chấm-dứt sự khổ."216 Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với những lời dạy của đức Thế Tôn. (MN 20: Vitakkasaṇṭhāna Sutta)

6. CÁI TÂM TỪ-ÁI 11. “Này các Tỳ kheo, có năm đường lời-nói (khẩu nghiệp) mà những người khác có thể dùng để nói với các thầy: (i) lời-nói của họ có thể hợp lúc hay không hợp lúc, “Này các Tỳ kheo, có năm đường (loại, cách) lời-nói mà những người khác có thể dùng để nói với các thầy: (i) lời-nói của họ có thể hợp lúc hay không hợp lúc, (ii) đúng hay không đúng, (iii) nhẹ nhàng hay gắt gỏng, (iv) có kết nối với sự tốt hay với sự hại, (v) được nói với tâm-từ hay với sự thù- ghét bên trong. Khi những người khác nói với các thầy, lời-nói của họ có thể hợp lúc hay không hợp lúc; khi những người khác nói với các thầy, lời-nói của họ có thể đúng hay không đúng; khi những người khác nói với các thầy, lời-nói của họ có thể nhẹ nhàng hay gắt gỏng; khi những người khác nói với các thầy, lời-nói của họ có thể với sự tốt hay với sự hại; khi những người khác nói với các thầy, lời-nói của họ có thể kết nối với tâm-từ hay với sự thù- ghét. Ngay đây, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập như vầy: ‘Tâm chúng ta sẽ không bị tác động, và chúng ta sẽ không thốt ra lời xấu ác; chúng ta sẽ an trú bi-mẫn vì phúc-lợi của người đó (người nói), với một cái tâm từ-ái, không thù-ghét trong lòng. Chúng ta sẽ sống bao trùm người đó với một cái tâm từ- ái, và bắt đầu với người đó, 217 chúng ta sẽ sống bao trùm toàn thể thế gian

với một cái tâm từ-ái, rộng lớn, bao la, vô lượng, không hung-dữ và không ác-ý.’ Đó là cách các thầy nên tập luyện, này các Tỳ kheo. 12. “Này các Tỳ kheo, ví dụ có một người đến mang theo một cái cuốc và cái rổ, và nói: ‘Ta sẽ làm đại địa cầu này không còn đất.’ Người đó đào xới chỗ này chỗ nọ, nhổ nước miếng chỗ này chỗ nọ, tiểu tiện chỗ này chỗ nọ, miệng nói: ‘Cho hết là đất, cho hết là đất!’. Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo? Làm vậy liệu người đó có làm cho đại địa cầu này không còn đất hay không?”—“Không, thưa Thế Tôn. Vì sao vậy? Bởi vì đại địa cầu này là sâu và vô lượng; không dễ gì làm cho nó không còn đất. Rốt cuộc người đó chỉ chuốc lấy sự mệt mỏi và thất vọng mà thôi.” 13. “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có năm đường lời-nói … [giống mục 11 kế trên] … Ngay đây, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập như vầy: ‘Tâm chúng ta sẽ không bị tác động … và bắt đầu từ người đó, chúng ta sẽ an trú bao trùm toàn thể thế gian với một cái tâm từ-ái, rộng lớn, bao la, vô lượng, không hung-dữ và không ác-ý.’ Đó là cách các thầy nên tập luyện, này các Tỳ kheo. 14. “Này các Tỳ kheo, ví dụ có người đến mang theo nước màu đỏ đậm, màu vàng đậm (vàng nghệ), màu xanh dương đậm (chàm), hay màu đỏ tươi, và nói: ‘Tôi sẽ vẽ những bức tranh và làm cho những bức tranh xuất hiện trên không gian trống.’ Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo? Liệu người đó có thể vẽ những bức tranh và làm cho những bức tranh xuất hiện trên không gian trống hay không?”—“Không, thưa Thế Tôn. Vì sao? Bởi vì không gian trống là vô hình và không hiện tranh được; không dễ gì vẽ những bức tranh và làm cho những bức tranh xuất hiện trên đó. Rốt cuộc người đó chỉ chuốc lấy sự mệt mỏi và thất vọng mà thôi.” 15. “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có năm đường lời-nói … [giống mục 11] … Ngay đây, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập như vầy: ‘Tâm chúng ta sẽ không bị tác động … và bắt đầu từ người đó, chúng ta sẽ sống bao trùm toàn thể thế gian với một cái tâm từ-ái, rộng lớn, bao la, vô

lượng, không hung-dữ và không ác-ý.' Đó là cách các thầy nên tập luyện, này các Tỳ kheo. 16. "Này các Tỳ kheo Bhikkhus, ví dụ có người đến mang theo cây đuốc rơm đang cháy nói: 'Tôi sẽ đun nóng và đốt cháy sông Hằng bằng cây đuốc đang cháy này.' Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo? Liệu người đó có thể đun nóng và đốt cháy sông Hằng hay không?"—"Không, thưa Thế Tôn. Vì sao vậy? Bởi vì sông Hằng là sâu và vô lượng; không dễ gì đun nóng và đốt cháy nó bằng một cây đuốc rơm. Rốt cuộc người đó chỉ chuốc lấy sự mệt mỏi và thất vọng mà thôi." 17. "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có năm đường lời-nói ... [giống mục 11] ... Ngay đây, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập như vầy: 'Tâm chúng ta sẽ không bị tác động ... và bắt đầu từ người đó, chúng ta sẽ sống bao trùm toàn thể thế gian với một cái tâm từ-ái, rộng lớn, bao la, vô lượng, không hung-dữ và không ác-ý.' Đó là cách các thầy nên tập luyện, này các Tỳ kheo. 18. "Này các Tỳ kheo, ví dụ có một cái bao da mèo đã được chà xát, được chà xát kỹ, được chà xát kỹ toàn bộ, mềm mại, láng mịn, hết kêu sột soạt, hết kêu rắc rắc, và một người đến với một cây gậy hay một miếng gốm bể, và nói: 'Có một cái bao da mèo đã được chà xát ... hết kêu rắc rắc. Tôi sẽ làm cho nó kêu sột soạt và rắc rắc.' Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo? Liệu người đó với một cây gậy hay một miếng gốm bể có thể làm cho nó kêu sột soạt hay rắc rắc hay không?"—"Không, thưa Thế Tôn. Vì sao vậy? Bởi vì cái bao da mèo đã được chà xát ... hết kêu sột soạt, hết kêu rắc rắc, không dễ gì dùng cây gậy hay miếng gốm bể đó làm cho nó kêu sột soạt hay kêu rắc rắc. Rốt cuộc người đó chỉ chuốc lấy sự mệt mỏi và thất vọng mà thôi." 19. "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có năm đường lời-nói mà những người khác có thể dùng để nói với các thầy: (i) lời-nói của họ có thể hợp lúc hay không hợp lúc, (ii) đúng hay không đúng, (iii) nhẹ nhàng hay gắt gỏng, (iv) có kết nối với sự tốt hay với sự hại, (v) được nói với tâm-từ hay với sự thù-ghét bên trong. Khi những người khác nói với các thầy, lời-nói

của họ có thể hợp lúc hay không hợp lúc; khi những người khác nói với các thầy, lời-nói của họ có thể đúng hay không đúng; khi những người khác nói với các thầy, lời-nói của họ có thể nhẹ nhàng hay gắt gỏng; khi những người khác nói với các thầy, lời-nói của họ có thể với sự tốt hay với sự hại; khi những người khác nói với các thầy, lời-nói của họ có thể kết nối với tâm-từ hay với sự thù-ghét. Ngay đây, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập như vầy: 'Tâm chúng ta sẽ không bị tác động, và chúng ta sẽ không thốt ra lời xấu ác; chúng ta sẽ an trú bi-mẫn vì phúc-lợi của người đó (người nói), với một cái tâm từ-ái, không thù-ghét trong lòng. Chúng ta sẽ sống bao trùm người đó với một cái tâm từ-ái, và bắt đầu với người đó, chúng ta sẽ sống bao trùm toàn thể thế gian với một cái tâm từ-ái, rộng lớn, bao la, vô lượng, không hung-dữ và không ác-ý.' Đó là cách các thầy nên tập luyện, này các Tỳ kheo. 20. "Này các Tỳ kheo, ngay cả khi đám kẻ cướp cắt tay chân của các thầy một cách dã man bằng một cái cưa hai đầu, nếu ai có khởi lên một tâm thù-ghét đối với họ thì coi như người đó không thực hiện lời dạy của ta. Ở đây, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập như vầy: 'Tâm chúng ta sẽ không bị tác động, và chúng ta sẽ không thốt ra lời xấu ác; chúng ta sẽ an trú bi-mẫn vì phúc-lợi của người đó

(người nói), với một cái tâm từ-ái, không thù-ghét trong lòng. Chúng ta sẽ sống bao trùm người đó với một cái tâm từ-ái, và bắt đầu với người đó, chúng ta sẽ sống bao trùm toàn thể thế gian với một cái tâm từ-ái, rộng lớn, bao la, vô lượng, không hung-dữ và không ác-ý.' Đó là cách các thầy nên luyện tập, này các Tỳ kheo. "Này các Tỳ kheo, nếu các thầy luôn giữ lời khuyên này với 'ví dụ cái cưa' một cách thường trực trong tâm, thì các thầy có còn thấy những lời-nói tầm thường hay thô tục nào mà các thầy không thể nhịn được hay không?"— "Dạ không, thưa Thế Tôn"—"Bởi vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên giữ lời khuyên này với 'ví dụ cái cưa' một cách thường trực trong tâm. Cách đó sẽ dẫn dắt các thầy tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu." (trích MN 21: Kakacūpama Sutta) (Ví Dụ Cái Cưa)

274 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

7. SÁU SỰ TƯỞNG NIỆM (QUÁN TƯỞNG) Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Thích-ca (Sakya), ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi) Nigrodha. Lúc đó có ông Mahānāma (Đại Danh) người họ Thích-ca đến gặp và kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, một đệ tử thánh thiện đã đạt tới thánh quả và thấu hiểu giáo pháp thì thường an trú theo cách nào?" 218 "Này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện đã đạt tới thánh quả và thấu hiểu giáo pháp thường an trú theo cách này:219 (1) "Ở đây, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Như Lai như vầy: 'Đức Thế Tôn là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu về trí-biết đích thực (minh) và đức-hạnh, là bậc phúc-lành, bậc hiểu-biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.' Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Như Lai, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, dựa vào Như Lai. {Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý- nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan-hỷ, sự sảng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sảng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định. Đây được gọi là một đệ tử thánh thiện sống trong sự cân bằng giữa quần chúng không cân bằng, 220 là người sống không bị khổ ải giữa quần chúng bị khổ ải.} Khi người tu đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp,221 người đó tu tập sự tưởng niệm về Đức Phật. (2) "Lại nữa, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Giáo Pháp như vầy: 'Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày hay khéo, có thể

Chương VIII – Tu Tập Cái Tâm • 275

trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, có thể được áp dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.' Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Giáo Pháp, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, dựa vào Giáo Pháp. {Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được

niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan-hỷ, sự sảng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sảng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định. Đây được gọi là một đệ tử thánh thiện sống trong sự cân bằng giữa quần chúng không cân bằng, là người sống không bị khổ ải giữa quần chúng bị khổ ải.} Khi người tu đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp, người đó tu tập sự tưởng niệm về Giáo Pháp. (3) “Lại nữa, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Tăng Đoàn như vầy: ‘Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, tu tập cách thức chánh trực, tu tập cách thức đích thực, tu tập cách thức đúng đắn; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám hạng người— Tăng Đoàn này của các đệ tử của đức Thế Tôn là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời).’ Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Tăng Đoàn, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, dựa vào Tăng Đoàn. {Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan-hỷ, sự sảng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sảng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định. Đây được gọi là một đệ tử thánh thiện sống trong sự cân bằng giữa quần chúng không cân bằng, là người sống không bị khổ ải giữa quần chúng bị khổ ải.} Khi người

tu đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp, người đó tu tập sự tưởng niệm về Tăng Đoàn. (4) “Lại nữa, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về giới- hạnh của mình là không bị sứt mẻ, không bị lỗi, không bị dính nhiễm, không bị vết nhơ, mang tính giải thoát, được khen ngợi bởi người trí hiền, không bị dính chấp, dẫn tới đạt định. Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về giới- hạnh của mình, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, dựa vào giới-hạnh. {Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm- hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan-hỷ, sự sảng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sảng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định. Đây được gọi là một đệ tử thánh thiện sống trong sự cân bằng giữa quần chúng không cân bằng, là người sống không bị khổ ải giữa quần chúng bị khổ ải.} Khi người tu đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp, người đó tu tập sự tưởng niệm về giới-hạnh. (5) “Lại nữa, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về sự bố-thí của mình như vầy: ‘Đây đích thực là phúc lành và lợi lạc của ta rằng, trong quần chúng bị ám muội bởi sự ố-nhiễm của tính keo-kiệt, ta sống ở nhà với một cái tâm không bị sự ố-nhiễm của tính keo-kiệt, rộng lòng hào hiệp, dang tay giúp đỡ, vui thích sự từ bỏ, tận tâm với việc từ thiện, vui thích sự cho đi và chia sẻ.’ Khi một đệ tử thánh

thiện tưởng niệm về sự rộng lòng bố- thí của mình, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, dựa vào sự bố-thí. {Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan-hỷ, sự sảng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sảng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh- phúc, tâm được đạt-định. Đây được gọi là một đệ tử thánh thiện sống trong

sự cân bằng giữa quần chúng không cân bằng, là người sống không bị khổ ải giữa quần chúng bị khổ ải.} Khi người tu đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp, người đó tu tập sự tưởng niệm về sự bố-thí. (6) “Lại nữa, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về những thiên-thần như vầy: ‘Có những thiên thần [được trị vì bởi] tứ đại thiên vương (bốn vị vua trời lớn), những thiên thần ở cõi trời Đạo-lợi (Tāvatiṃsa, cõi trời 33), những thiên thần ở cõi trời Dạ-ma (Yāma), những thiên thần ở cõi trời Đâu-suất (Tusita), những thiên thần vui thích sáng tạo (hóa lạc thiên), những thiên thần kiểm soát những thứ được sáng tạo bởi những thiên thần khác (tha hóa tự tại thiên), những thiên thần trong đoàn tùy tùng của trời Brahmā (Phạm chúng thiên), và những thiên thần cao hơn những thiên thần đó.222 Trong tôi cũng có loại niềm-tin mà những thiên thần đó đã từng có được mà nhờ đó, khi họ qua đời ở đây (cõi người) họ đã được tái sinh (thành thiên thần) trên những cõi đó; trong tôi cũng có loại giới-hạnh … sự học-hiểu … sự bố-thí … trí-tuệ mà những thiên thần đó đã từng có được mà nhờ đó, khi họ qua đời ở đây (cõi người) họ đã được tái sinh (thành thiên thần) trên những cõi đó.’ Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự bố-thí, và trí-tuệ, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, dựa vào những thiên-thần. {Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan-hỷ, sự sảng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sảng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định. Đây được gọi là một đệ tử thánh thiện sống trong sự cân bằng giữa quần chúng không cân bằng, là người sống không bị khổ ải giữa quần chúng bị khổ ải.} Khi người tu đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp, người đó tu tập sự tưởng niệm về những thiên-thần. “Này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện là người đã đạt tới thánh quả và thấu hiểu giáo lý thì thường an trú đơn thuần theo cách này.”

(AN 6:10)

8. BỐN NỀN TẢNG CHÁNH-NIỆM 1. Tôi nghe như vầy.223 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Kuru trong một thị trấn tên Kammāsadhamma của những người Kuru.

224 Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo”—“Dạ, thưa đức Thế Tôn”, họ đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này: 2. “Này các Tỳ kheo, đây là con đường trực tiếp225 dẫn đến sự thanh-lọc của chúng sinh, để vượt qua buồn sầu và khóc than (ai oán), để làm phai biến sự khổ đau và ưu phiền, để đạt tới phương-cách đích thực, để chứng ngộ Niết-bàn—được gọi là “bốn nền tảng (của sự/để thiết lập sự) chánh-niệm” (tứ niệm xứ).226 3. “Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo 227 an trú quán sát thân trong thân, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác) và có chánh-niệm, sau khi đã khống chế sự thèm-muốn (tham; thích, muốn, khoái, yêu, ái) và sự buồn-phiền (ưu; bực, không thích, chán, nản, buồn, phiền, kháng cự) đối với thế giới.228 Người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), và có chánh-niệm, sau khi đã khống chế sự thèm-muốn và ưu-phiền đối với thế giới. Người đó an trú quán sát tâm trong tâm, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), và có chánh-niệm, sau khi đã khống chế sự thèm-muốn và ưu-phiền đối với thế giới. Người đó an trú quán sát những giáo pháp trong những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp], nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), và có chánh-niệm, sau khi đã khống chế sự thèm-muốn và ưu-phiền đối với thế giới.229

I- (Quán Sát THÂN) (1. Sự Chánh-Niệm Hơi-Thở) 4. “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân? Ở đây một Tỳ kheo sau khi đi vô rừng, hay tới một gốc

cây hay một chòi trống, ngồi xuống; sau khi đã ngồi tréo chân, giữ lưng thẳng đứng, và đã thiết lập sự chánh-niệm trước mặt, rồi chỉ có chánh-niệm người đó thở-vô, có chánh-niệm người đó thở-ra. (i) Thở-vô dài, người đó biết: ‘Ta thở-vô dài’; hoặc thở-ra dài, người đó biết: ‘Ta thở-ra dài’. (ii) Thở- vô ngắn, người đó biết: ‘Ta thở-vô ngắn’; hoặc thở-ra ngắn, người đó biết: ‘Ta thở-ra ngắn’.230 (iii) Người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-vô trong sự trải nghiệm toàn thân’; người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-ra trải nghiệm toàn thân’.231 (iv) Người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-vô trong sự làm lắng lặn sự tạo-tác của thân (thân hành)’; người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-ra làm lắng dịu sự tạo-tác của thân’.232 - “Giống một người thợ tiện [hay người phụ việc của ông], khi tiện một vòng dài, (người đó) biết: ‘Ta tiện một vòng dài’; hoặc, khi tiện một vòng ngắn, biết: ‘Ta tiện một vòng ngắn’. Cũng giống như vậy, khi thở-vô dài, người tu biết: ‘Ta thở-vô dài’; hoặc, khi thở-vô ngắn, người tu biết: ‘Ta thở- vô ngắn’ … … Người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-vô làm lắng lặn sự tạo-tác của thân.’ (minh-sát) 5. “Theo cách này người đó an trú quán sát thân trong thân ở bên trong, hoặc người đó an trú quán sát thân trong thân ở bên ngoài, hoặc người đó an trú quán sát thân trong thân ở cả bên trong và bên ngoài.233 Hoặc lúc khác người đó an trú quán sát bản chất khởi-sinh trong thân, hoặc người đó an trú quán sát bản chất biến-diệt trong thân, hoặc người đó an trú quán sát cả hai bản chất khởi-sinh và biến-diệt trong thân.234 Hoặc lúc khác sự chánh-niệm rằng “có một thân” đơn giản được thiết lập bên trong người đó tới mức cần thiết để có (duy trì) được sự thuần-biết (chỉ đơn thuần biết) và sự chánh-niệm liền tục.235 Và người đó sống độc lập, không dính-chấp gì trong thế giới.

Đây là cách một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân.

(2. Bốn Tư Thế của Thân)

280 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

6. “Lại nữa, này các Tỳ kheo, khi đang đi một Tỳ kheo biết: ‘Ta đang đi’; khi đang đứng, người đó biết: ‘Ta đang đứng’; khi đang ngồi, người đó biết: ‘Ta đang ngồi’; khi đang nằm, người đó biết: ‘Ta đang nằm’; hoặc người đó biết rõ mỗi tư thế nào thân mình đang ở trong đó. 236 7. “Theo cách này người đó an trú quán sát thân trong thân ở bên trong, bên ngoài, và cả ở bên trong và bên ngoài … Người đó sống độc lập, không dính-chấp gì trong thế giới. Đó cũng là cách một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân.

(3. Sự Rõ-Biết Hoàn Toàn) 8. “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là người hành động với sự rõ-biết hoàn toàn (luôn tỉnh giác, hằng biết, thường biết) khi đang đi tới và đang đi lại; người đó hành động với sự rõ-biết;237 người đó hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang nhìn thẳng hoặc đang nhìn hướng khác; người đó hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang co tay chân hoặc đang duỗi tay chân; người đó hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang mặc quần áo hoặc khi đang mang cà-sa và bình bát; người đó hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang ăn, khi đang uống, đang nhai, hoặc đang nếm; người đó hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang tiểu tiện hoặc khi đang đại tiện; người đó hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang bước đi, khi đang đứng, đang ngồi, đang nằm, đang thức dậy, đang nói, hoặc đang im lặng. 9. “Theo cách này người đó an trú quán sát thân trong thân ở bên trong, bên ngoài, và cả bên trong và bên ngoài … Và người đó sống độc lập, không dính-chấp gì trong thế giới. Đó cũng là cách một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân.

(4. Sự Ô Uế Không Sạch—Những Bộ Phận Của Thân) 10. “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo xem xét hết chính thân này từ gót chân trở lên và từ đỉnh đầu trở xuống, nó bao bọc bằng da, chứa đầy những thứ không-sạch: ‘Trong thân này có: tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, màng, lá lách, phổi, màng treo ruột, bao tử,

phân, mật, đờm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, nước mũi, nước bọt, nhớt các khớp xương, và nước tiểu.’238 - “Giống như một cái bao có hai miệng ở hai đầu chứa đầy nhiều loại hạt, như lúa nương, lúa đồng, đậu xanh, hạt mè, gạo trắng, và một người có mắt sáng, sau khi mở nó ra sẽ xem xét nó như vầy: ‘đây là lúa nương, đây là lúa đồng, đây đậu xanh, đây là hạt mè, đây là gạo trắng’. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo xem xét hết chính thân này từ gót chân trở lên và từ đỉnh đầu trở xuống, được bọc trong lớp da, chứa đầy những thứ ô uế, suy nghĩ như vầy: ‘Trong thân này có: tóc … nước tiểu.’ 11. “Theo cách này người đó an trú quán sát thân trong thân ở bên trong, bên ngoài, và cả bên trong và bên ngoài … Và người đó sống độc lập, không dính-chấp gì trong thế giới. Đó cũng là cách một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân.

(5. Những Yếu-Tố) 12. “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo xem xét hết chính thân này, dù nó đang được đặt ở đâu, hay trong tư thế nào, nó gồm có các yếu tố như vầy: ‘Trong thân này có yếu tố đất, yếu tố nước, yếu tố lửa, và yếu tố gió.’ 239 - “Giống như một người bán thịt rành nghề [hay người phụ việc của ông ta] mới giết thịt một con bò và đang ngồi ở ngã tư đường xẻ thịt ra từng miếng (như vầy và như vầy). Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo xem xét chính thân này … nó gồm có các yếu tố như vầy: ‘Trong thân này có yếu tố đất, yếu tố nước, yếu tố lửa, và yếu tố gió.’ 13. “Theo cách này người đó an trú quán sát thân trong thân ở bên trong, bên ngoài, và cả bên trong và bên ngoài … Và người đó sống độc lập, không dính-chấp gì trong thế giới. Đó cũng là cách một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân.

(6–14. Quán Sát Chín Loại Tử Thi Ngoài Nghĩa Địa)

14. “Lại nữa, này các Tỳ kheo, như thể một Tỳ kheo nhìn thấy trước mặt một thi thể bị bỏ ngoài nghĩa địa, (1) đã chết một ngày, hay hai ngày, hay ba ngày, bị sình lên, thâm xanh, và chảy nước dơ ối; rồi người đó so sánh với chính thân này của mình như vầy: ‘Thân y hệt này cũng cùng tính chất như vậy, rồi nó cũng sẽ như vậy, không thoát khỏi kết phận đó.’240 15. “Theo cách này người đó an trú quán sát thân trong thân ở bên trong, bên ngoài, và cả bên trong và bên ngoài … Và người đó sống độc lập, không dính-chấp gì trong thế giới. Đó cũng là cách một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân. 16. “Lại nữa, như thể người đó nhìn thấy trước mặt một thi thể bị bỏ ngoài một nghĩa địa, (2) đang bị cắn xé bởi lũ quạ, diều hâu, kền kền, chó, chó rừng, và nhiều loại giòi bọ; rồi người đó so sánh với chính thân này của mình như vầy: ‘Thân y hệt này cũng cùng tính chất như vậy, rồi nó cũng sẽ như vậy, không thoát khỏi kết phận đó.’ 17. “… Đó cũng là cách một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân. 18. – 24. “Lại nữa, như thể người đó nhìn thấy trước mặt một thi thể bị bỏ ngoài nghĩa địa, (3) giờ là một bộ xương còn dính thịt và máu, xương được dính với nhau bằng những sợi gân … (4) giờ là một bộ xương không còn thịt còn dính máu, xương được dính với nhau bằng những sợi gân … (5) giờ là một bộ xương không còn thịt và máu, xương được dính với nhau bằng những sợi gân … (6) giờ là những khúc xương rời ra nằm rải rác đủ phía— đây là xương bàn tay, đây là xương bàn chân, đây là xương ống quyển, kia là xương đùi, đây là xương hông, kia là xương sống, đây là xương sọ—rồi người đó so sánh với chính thân này như vầy: ‘Thân y hệt này cũng cùng tính chất như vậy, rồi nó sẽ như vậy, không thoát khỏi kết phận đó.’ 241 25. “… Đó cũng là cách một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân. 26–30. “Lại nữa, này các Tỳ kheo, như thể người đó nhìn thấy trước mặt một tử thi bị bỏ ngoài nghĩa địa, (7) giờ là mớ xương khô trắng, có màu vôi … (8) giờ là một mớ xương khô nằm đó hơn một năm, (9) giờ là mớ

xương bị mục nát và rã tan thành bụi đất—rồi người đó so sánh với chính thân này như vầy: ‘Thân y hệt này cũng cùng tính chất như vậy, rồi nó sẽ như vậy, không thoát khỏi kết phận đó.’

(minh sát) 31. “Theo cách này người đó an trú quán sát thân trong thân ở bên trong, hoặc người đó an trú quán sát thân trong thân ở bên ngoài, hoặc người đó an trú quán sát thân trong thân cả ở bên trong và ở bên ngoài. Hoặc lúc khác người đó an trú quán sát bản chất khởi-sinh trong thân, hoặc người đó an trú quán sát bản chất biến-diệt trong thân, hoặc người đó an trú quán sát cả hai bản chất khởi-sinh và biến-diệt trong thân. Hoặc lúc khác sự chánh-niệm rằng “có một thân” đơn giản được thiết lập bên trong người đó tới mức cần thiết để có được (duy trì) sự thuần-biết và sự chánh-niệm liền tục. Và người đó sống độc lập, không dính-chấp gì trong thế giới. Đó cũng là cách một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân.

II- (Quán Sát NHỮNG CẢM-GIÁC) 32. “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo an trú quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác?242 Ở đây, khi cảm nhận một cảm- giác sướng (dễ chịu), người đó hiểu: ‘Tôi cảm nhận một cảm-giác sướng’; khi cảm nhận một cảm-giác khổ (khó chịu), người đó hiểu: ‘Tôi cảm nhận một cảm-giác khổ’; khi cảm nhận một cảm-giác trung tính (không khổ không sướng), người đó hiểu: ‘Tôi cảm nhận một cảm-giác trung tính.’ Khi cảm nhận một cảm-giác sướng về thân, người đó hiểu: ‘Tôi cảm nhận một cảm- giác sướng về thân’; khi cảm nhận một cảm-giác sướng về tâm, người đó hiểu: ‘Tôi cảm nhận một cảm-giác sướng về tâm’; khi cảm nhận một cảm- giác khổ về thân, người đó hiểu: ‘Tôi cảm nhận một cảm-giác khổ về thân’; khi cảm nhận một cảm-giác khổ về tâm, người đó hiểu: ‘Tôi cảm nhận một cảm-giác khổ về tâm’; khi cảm nhận một cảm-giác trung tính về thân, người đó hiểu: ‘Tôi cảm nhận một cảm-giác trung tính về thân’; khi cảm nhận một

cảm-giác trung tính về tâm, người đó hiểu: ‘Tôi cảm nhận một cảm-giác trung tính về tâm’.

(minh sát) 33. “Theo cách này người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác ở bên trong, hoặc người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác ở bên ngoài, hoặc người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác cả ở bên trong và bên ngoài. Hoặc lúc khác người đó an trú quán sát bản chất khởi-sinh trong những cảm-giác, hoặc người đó an trú quán sát bản chất biến-diệt trong những cảm-giác, hoặc người đó an trú quán sát cả hai bản chất khởi-sinh và biến-diệt trong những cảm-giác.243 Hoặc lúc khác sự chánh-niệm rằng “có sự cảm-giác” đơn giản được thiết lập bên trong người đó tới mức cần thiết để có được (duy trì) sự thuần-biết và sự chánh-niệm liền tục. Và người đó sống độc lập, không dính-chấp gì trong thế giới. ĐÂY là cách một Tỳ kheo an trú quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác.

III- (Quán Sát TÂM) 34. “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo an trú quán sát tâm trong tâm?244 Ở đây một Tỳ kheo hiểu một cái tâm có tham-dục là tâm có tham-dục, và một cái tâm không có tham-dục là tâm không có tham-dục. Người đó hiểu một cái tâm có sân-giận là tâm có sân-giận, và một cái tâm không có sân-giận là tâm không có sân-giận. Người đó hiểu một cái tâm bị si-mờ là tâm bị si-mờ và một cái tâm

không bị si-mờ là tâm không bị si-mờ. Người đó hiểu một cái tâm bị co cụm (co lại, thụ động) là tâm bị co cụm, và một cái tâm bị xao lãng là tâm bị xao lãng. Người đó hiểu một cái tâm được khuếch đại [bao la, cao rộng, cao vời] là tâm được khuếch đại, và một cái tâm không được khuếch đại là tâm không được khuếch đại. Người đó hiểu một cái tâm còn có thể vượt trên (chưa cao nhất, chưa vô thượng) là tâm còn có thể vượt trên, và một cái tâm không thể vượt trên (cao nhất, vô thượng) là tâm không thể vượt trên. Người đó hiểu một cái tâm đạt định là tâm đạt định,

và một cái tâm không đạt định là tâm không đạt định. Người đó hiểu một cái tâm đã được giải thoát là tâm đã được giải thoát, và một cái tâm không được giải thoát là tâm không được giải thoát. 245

(minh sát) 35. “Theo cách này người đó an trú quán sát tâm trong tâm ở bên trong, hoặc người đó an trú quán sát tâm trong tâm ở bên ngoài, hoặc người đó an trú quán sát tâm trong tâm cả ở bên trong và bên ngoài. Hoặc lúc khác người đó an trú quán sát bản chất khởi-sinh trong tâm, hoặc người đó an trú quán sát bản chất biến-diệt trong tâm, hoặc người đó an trú quán sát cả hai bản chất khởi-sinh và biến-diệt trong tâm.246 Hoặc lúc khác sự chánh-niệm rằng ‘có tâm’ đơn giản được thiết lập bên trong người đó tới mức cần thiết để có được sự hiểu biết thuần túy và sự chánh-niệm tái tục. Và người đó sống độc lập, không dính-chấp gì trong thế giới. ĐÂY là cách là cách một Tỳ kheo an trú quán sát tâm trong tâm.

IV- (Quán Sát NHỮNG GIÁO PHÁP) 36. “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo an trú quán sát những giáo pháp trong những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp]?247

(1. Năm Chướng Ngại) “Ở đây một Tỳ kheo an trú quán sát năm chướng-ngại (ngũ cái) trong những giáo pháp.248 Và theo cách nào một Tỳ kheo an trú quán sát năm chướng-ngại trong những giáo pháp? Ở đây, (i) khi đang có tham-dục trong (tâm) mình, một Tỳ kheo hiểu ‘Có tham-dục trong ta’; hoặc khi không có tham-dục trong mình, người đó hiểu ‘Không có tham-dục trong ta’; và người đó cũng hiểu cách tham-dục chưa khởi sinh (đang) khởi sinh, và cách tham- dục đã khởi sinh bị trừ bỏ, và cách tham-dục đã bị trừ bỏ không còn khởi sinh trong tương lai.’ “(ii) Khi có sự ác-ý trong mình … (iii) Khi có sự đờ-đẫn và buồn-ngủ (hôn trầm thụy miên) trong mình … (iv) Khi có sự bất-an và hối-tiếc (trạo

hối) trong mình … (v) Khi có sự nghi-ngờ trong mình, người đó hiểu ‘Có sự nghi-ngờ trong ta’; hoặc khi không có sự nghi-ngờ trong mình, người đó hiểu ‘Không có sự nghi-ngờ trong ta’; và người đó cũng hiểu cách sự nghi-ngờ chưa khởi sinh khởi sinh, và cách sự nghi-ngờ đã khởi sinh bị từ bỏ, và cách sự nghi-ngờ đã bị từ bỏ không còn khởi sinh trong tương lai.

(minh sát) 37. “Theo cách này người đó an trú quán sát năm chướng-ngại trong những giáo pháp ở bên trong, hoặc người đó an trú quán sát những giáo pháp trong những giáo pháp ở bên ngoài, hoặc người đó an trú quán sát những giáo pháp trong những giáo pháp cả ở bên trong và bên ngoài. Hoặc lúc khác người đó an trú quán sát bản chất khởi-sinh trong những hiện-tượng, hoặc người đó an trú quán sát bản chất biến-diệt trong những hiện-tượng, hoặc người đó an trú quán sát cả hai bản chất khởi-sinh và biến-diệt trong những hiện-tượng. Hoặc lúc khác sự chánh-niệm rằng “Có những giáo pháp” đơn giản được thiết lập bên trong người đó tới mức cần thiết để có được (duy trì) sự thuần-biết và sự chánh-niệm liền tục. Và người đó sống độc lập, không dính-chấp gì trong thế giới. ĐÂY là cách một Tỳ kheo an trú quán sát những giáo pháp trong những giáo pháp.

(2. Năm Uẩn) 38. “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát năm uẩn bị [tác động bởi sự] dính-chấp (năm thủ uẩn) trong những giáo pháp.249 Và theo cách nào một Tỳ kheo an trú quán sát năm uẩn bị dính-chấp trong những giáo pháp? Ở đây một Tỳ kheo hiểu ‘Này là thể-sắc (sắc), này là sự khởi-sinh của nó, này là sự biến-diệt của nó; này là cảm-giác (thọ), này là sự khởi-sinh của nó, này là sự biến-diệt của nó; này là nhận-thức (tưởng), này là sự khởi-sinh của nó, này là sự biến-diệt của nó; này là những sự tạo-tác cố-ý (hành), này là sự khởi-sinh của chúng, này là sự biến-diệt của chúng; này là thức (thức), này là sự khởi-sinh của nó, này là sự biến-diệt của nó.’

39. “Theo cách này người đó an trú quán sát năm-uẩn trong những giáo pháp ở bên trong, bên ngoài, và cả bên trong và bên ngoài … Và người đó sống độc lập, không dính-chấp gì trong thế giới. Đó là cách một Tỳ kheo an trú quán sát năm uẩn bị dính-chấp như những giáo pháp trong những giáo pháp.

(3. Sáu Cơ-Sở Cảm Nhận) 40. “Và, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát sáu cơ-sở cảm- nhận (sáu xứ) như những giáo pháp trong những giáo pháp.250 Và theo cách nào một Tỳ kheo an trú quán sát sáu cơ-sở cảm-nhận trong những giáo pháp? Ở đây một Tỳ kheo hiểu mắt, người đó hiểu những hình-sắc, và người đó hiểu gông-cùm (sự trói buộc) khởi-sinh tùy thuộc vào cả hai; và người đó cũng hiểu cách những gông-cùm chưa khởi sinh khởi sinh, và cách những gông-cùm đã khởi sinh bị trừ bỏ, và cách gông-cùm đã bị trừ bỏ không còn khởi sinh trong tương lai. “Người đó hiểu tai, người đó hiểu những âm-thanh … Người đó hiểu biết mũi, người đó hiểu những mùi-hương … Người đó hiểu biết lưỡi, người đó hiểu những mùi-vị … Người đó hiểu thân, người đó hiểu những đối-tượng chạm xúc … Người đó hiểu tâm, người đó hiểu những hiện-tượng thuộc tâm, và người đó hiểu gông-cùm trói buộc khởi-sinh tùy thuộc vào cả hai; và người đó cũng hiểu cách những gông-cùm chưa khởi sinh khởi sinh, và cách những gông-cùm đã khởi sinh bị trừ bỏ, và cách gông-cùm đã bị trừ bỏ không còn khởi sinh trong tương lai. 41. “Theo cách này người đó an trú quán sát sáu cơ-sở cảm-nhận trong những giáo pháp ở bên trong, bên ngoài, và cả bên trong và bên ngoài … Và người đó sống độc lập, không dính-chấp gì trong thế giới. Đó là cách một Tỳ kheo an trú quán sát sáu cơ-sở cảm-nhận như những giáo pháp trong những giáo pháp.

(4. Bảy Chi Giác Ngộ)

288 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

42. “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát bảy chi giác-ngộ (thất giác chi) trong những giáo pháp.251 Và theo cách nào một Tỳ kheo an trú quán sát bảy chi giác-ngộ trong những giáo pháp? Ở đây, (i) khi chi giác-ngộ là (1) sự chánh-niệm có trong một Tỳ kheo, người đó hiểu ‘Có chi giác-ngộ là sự chánh-niệm trong ta’; hoặc (ii) khi không có chi giác-ngộ là sự chánh-niệm trong người đó, người đó hiểu ‘Không có chi giác-ngộ là sự chánh-niệm trong ta’; và (iii) người đó cũng hiểu cách chi giác-ngộ là sự chánh-niệm chưa khởi sinh khởi sinh, và (iv) cách chi giác-ngộ là sự chánh- niệm đã khởi sinh đi đến hoàn thiện nhờ sự tu tập. “(i) Khi chi giác-ngộ là (2) sự điều-tra trạng thái (trạch pháp) có trong một Tỳ kheo …252 Khi chi giác-ngộ là (3) sự nỗ-lực (tinh tấn) có trong một Tỳ kheo … Khi chi giác-ngộ là (4) sự hoan-hỷ (hỷ) có trong một Tỳ kheo … Khi chi giác-ngộ là (5) sự tĩnh-lặng (khinh an) có trong một Tỳ kheo … Khi chi giác-ngộ là (6) sự định-tâm (chánh-định) có trong một Tỳ kheo… (i) Khi chi giác-ngộ là (7) sự buông-xả (xả) có trong một Tỳ kheo, người đó hiểu ‘Có chi giác-ngộ là sự buông-xả trong tôi’; hoặc (ii) khi không có chi giác- ngộ là sự buông-xả trong người đó, người đó hiểu ‘Không có chi giác-ngộ là sự buông-xả trong tôi’; và (iii) người đó cũng hiểu cách sự buông-xả chưa khởi sinh khởi sinh, và (iv) cách sự buông-xả đã khởi sinh đi đến hoàn thiện nhờ sự tu tập.253 43. “Theo cách này người đó an trú quán sát bảy chi giác-ngộ trong những giáo pháp ở bên trong, bên ngoài, và cả bên trong và bên ngoài … Và người đó sống độc lập, không dính-chấp gì trong thế giới. Đó là cách một Tỳ kheo an trú quán sát bảy chi giác-ngộ trong những giáo pháp trong những giáo pháp.

(5. Bốn Diệu Đế) 44. “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát Bốn Diệu Đế trong những giáo pháp.254 Và theo cách nào một Tỳ kheo an trú quán sát Tứ Diệu Đế trong những giáo pháp? Ở đây một Tỳ kheo hiểu đúng như nó

Chương VIII – Tu Tập Cái Tâm • 289

thực là: ‘Đây là khổ. Đây là nguồn-gốc của khổ. Đây là sự chấm-dứt khổ. Đây là con-đường (đạo) dẫn tới sự chấm-dứt khổ.’

(minh sát) 45. “Theo cách này người đó an trú quán sát bốn diệu-đế trong những giáo pháp ở bên trong, hoặc người đó an trú quán sát những giáo pháp trong những giáo pháp ở bên ngoài, hoặc người đó an trú quán sát những giáo pháp trong những giáo pháp cả ở bên trong và ở bên ngoài. Hoặc lúc khác người đó an trú quán sát bản chất khởi-sinh những hiện-tượng, hoặc người đó an trú quán sát bản chất biến-diệt trong những hiện-tượng, hoặc người đó an trú quán sát cả hai bản chất khởi-sinh và biến-diệt trong những hiện-tượng. Hoặc lúc khác sự chánh-niệm rằng “Có những giáo pháp” đơn giản đơn giản được thiết lập bên trong người đó tới mức cần thiết để có được (duy trì) sự thuần- biết và sự chánh-niệm liền tục. Và người đó sống độc lập, không dính-chấp gì trong thế giới. ĐÂY là cách một Tỳ kheo an trú quán sát những giáo pháp trong những giáo pháp.

(Kết Luận) 46. “Này các Tỳ kheo, nếu ai tu tập bốn nền-tảng chánh-niệm này theo đúng cách như vậy được bảy năm, thì người đó có thể trông đợi chứng ngộ một trong hai thánh quả: đó là “trí-biết cuối-cùng” (tức A-la-hán) ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ], hoặc nếu còn chút hơi hướng của sự dính-chấp (chấp thủ) nào đó, thì là thánh quả Bất-lai.255 - “Không nhất thiết phải là bảy năm, này các Tỳ kheo. Nếu ai tu tập bốn nền tảng chánh-niệm này theo đúng cách như vậy được sáu năm … được năm năm … được bốn năm … được ba năm … được hai năm … được một năm, thì người đó có thể trông đợi chứng ngộ một trong hai thánh quả: đó là “trí-biết cuối-cùng” ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ], hoặc nếu còn chút hơi hướng của sự dính-chấp nào đó, thì là thánh quả Bất-lai. - “Không nhất thiết phải là một năm, này các Tỳ kheo. Nếu ai tu tập bốn nền tảng chánh-niệm này theo đúng cách như vậy được bảy tháng … được

sáu tháng … được năm tháng … được bốn tháng … được ba tháng … được hai tháng … được một … được nửa tháng, thì người đó có thể trông đợi chứng ngộ một trong hai thánh quả: đó là “trí-biết cuối-cùng” ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ], hoặc nếu còn chút hơi hướng của sự dính-chấp nào đó, thì là thánh quả Bất-lai. - “Không nhất thiết phải là nửa tháng, này các Tỳ kheo. Nếu ai tu tập bốn nền tảng chánh-niệm này theo đúng cách như vậy được bảy ngày, thì người đó có thể trông đợi chứng ngộ một trong hai thánh quả: đó là “trí-biết cuối-cùng” ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ], hoặc nếu còn chút hơi hướng của sự dính-chấp nào đó, thì là thánh quả Bất-lai. 47. “Do tham chiếu với điều này nên ta đã nói: ‘Này các Tỳ kheo, đây là con đường trực tiếp dẫn tới sự thanh-lọc của chúng sinh, để vượt qua những buồn sầu và ai oán (than khóc), để làm phai biến sự khổ đau và ưu phiền, để đạt tới phương-cách đích thực, để chứng ngộ Niết-bàn—được gọi là “bốn nền tảng chánh-niệm”.’” Đó là những lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với tuyên thuyết của đức Thế Tôn. (MN 10: Satipaṭṭhāna Sutta) (Các Nền Tảng Chánh-Niệm)

9. CHÁNH NIỆM HƠI-THỞ Ở Sāvatthī. Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, có một thứ nào, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành bốn thứ? Và có bốn thứ nào, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành bảy thứ. Và có bảy thứ nào, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành hai thứ?”

“Này Ānanda, có một thứ, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành bốn thứ. Và có bốn thứ, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành bảy thứ. Và có bảy thứ, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành hai thứ.” “Nhưng, thưa Thế Tôn, cái gì là … (những thứ đó) …?” “Này Ānanda, ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ là một thứ (một pháp, pháp tu) khi đã được tu tập và tu dưỡng, nó hoàn thành ‘bốn nền tảng chánh-niệm’. ‘Bốn nền tảng chánh-niệm’ khi đã được tu tập và tu dưỡng, chúng hoàn thành ‘bảy chi giác-ngộ’. ‘Bảy chi giác-ngộ’ khi đã được tu tập và tu dưỡng, chúng hoàn thành ‘Trí-biết đích thực (minh) và Sự giải-thoát’. [I. Hoàn thành ‘Bốn Nền Tảng

Chánh-Niệm’] “Này Ānanda, bất cứ khi nào một Tỳ kheo—(i) khi thở-vô dài, biết: ‘Ta thở-vô dài’; hoặc, khi thở-ra dài, biết: ‘Ta thở-ra dài’; (ii) khi thở-vô ngắn, biết: ‘Ta thở-vô ngắn’; hoặc, khi thở-ra ngắn, biết: ‘Ta thở-ra ngắn’; (iii) khi người đó tập luyện như vầy: ‘Trải nghiệm toàn thân, ta sẽ thở-vô’; khi người đó tập luyện như vầy: ‘Trải nghiệm toàn thân, ta sẽ thở-ra’; (iv) khi người đó tập luyện như vầy: ‘Làm lắng lặn sự tạo-tác của thân (thân hành), ta sẽ thở-vô’; khi người đó tập luyện như vầy: ‘Làm lắng lặn sự tạo- tác của thân’, ta sẽ thở-ra’—thì trong thời đó người đó an trú quán sát thân [hơi-thở] trong thân, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Vì lý do gì? Này Ānanda, ta gọi đây là một loại thân, đó là ‘sự thở-vô và thở-ra’ (thân hơi-thở). Đó là lý do nói rằng, này Ānanda, trong thời đó vị Tỳ kheo đó an trú quán sát thân [hơi-thở] trong thân, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. (giống phần [(1).] kinh SN 54:10 ở trên.) (2) “Này Ānanda, bất cứ khi nào một Tỳ kheo—(i) tập luyện như vầy: ‘Trải nghiệm sự hoan-hỷ (hỷ)’, ta sẽ thở-vô’; khi người đó tập luyện như vầy: ‘Trải nghiệm sự hoan-hỷ, ta sẽ thở-ra’; (ii) khi người đó tập luyện như vầy: ‘Trải nghiệm sự sướng (lạc), ta sẽ thở-vô’; khi người đó tập luyện như vầy: ‘Trải nghiệm sự sướng, ta sẽ thở-ra’; (iii) khi người đó tập luyện như

vầy: ‘Trải nghiệm sự tạo-tác của tâm (tâm hành), ta sẽ thở-vô’; khi người đó tập luyện như vầy: ‘Trải nghiệm sự tạo-tác của tâm, ta sẽ thở-ra’; (iv) khi người đó tập luyện như vầy: ‘Làm lắng lặn sự tạo-tác của tâm (tâm hành), ta sẽ thở-vô’; khi người đó tập luyện như vầy: ‘Làm lắng lặn sự tạo-tác của tâm, ta sẽ thở-ra’—thì trong thời đó vị Tỳ kheo này an trú quán sát những cảm- giác trong những cảm-giác, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Vì lý do gì? Này Ānanda, ta gọi đây là một loại cảm-giác, đó là, sự chú-tâm kỹ càng (chú ý sát sao) tới ‘sự thở-vô và thở-ra’. Đó là lý do nói rằng, trong thời đó Tỳ kheo đó an trú quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. (giống phần [(2).] kinh SN 54:10 ở trên.)

(3) “Này Ānanda, bất cứ khi nào một Tỳ kheo—(i) tập luyện như vầy: ‘Trải nghiệm cái tâm, ta sẽ thở-vô’; khi người đó tập luyện như vầy: ‘Trải nghiệm cái tâm, ta sẽ thở-ra’; (ii) khi người đó tập luyện như vầy: ‘Làm hoan hỷ cái tâm, ta sẽ thở-vô’; khi người đó tập luyện như vầy: ‘Làm hoan hỷ cái tâm, ta sẽ thở-ra’; (iii) khi người đó tập luyện như vầy: ‘Tập trung (định) cái tâm, ta sẽ thở-vô’; khi người đó tập luyện như vầy: ‘Tập trung cái tâm, ta sẽ thở-ra’; (iv) khi người đó tập luyện như vầy: ‘Giải thoát cái tâm, ta sẽ thở-vô’; người đó tập luyện như vầy: ‘Giải thoát cái tâm, ta sẽ thở-ra’—thì trong thời đó vị Tỳ kheo này an trú quán sát tâm trong tâm, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Vì lý do gì? Này Ānanda, ta nói rằng không có ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ nào đối với những người thiếu chánh-niệm (thất niệm, xao lãng) và những người thiếu sự rõ-biết (thiếu tỉnh giác). Vì vậy nên nói rằng, này Ānanda, trong thời đó vị Tỳ kheo này an trú

quán sát tâm trong tâm, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. (giống phần [(3).] kinh SN 54:10 ở trên.)

Chương VIII – Tu Tập Cái Tâm • 293

(4) “Này Ānanda, bất cứ khi nào một Tỳ kheo—(i) tập luyện như vầy: ‘Quán sát sự vô-thường, ta sẽ thở-vô’; khi người đó tập luyện như vầy: ‘Quán sát sự vô-thường, ta sẽ thở-ra’; (ii) khi người đó tập luyện như vầy: ‘Quán sát sự phai-biến, ta sẽ thở-vô’; người đó tập luyện như vầy: ‘Quán sát sự phai-biến, ta sẽ thở-ra’; (iii) người đó tập luyện như vầy: ‘Quán sát sự chấm-dứt, ta sẽ thở-vô’; người đó tập luyện như vầy: ‘Quán sát sự chấm-dứt, ta sẽ thở-ra’; (iv) người đó tập luyện như vầy: ‘Quán sát sự từ-bỏ, ta sẽ thở-vô’; người đó tập luyện như vầy: ‘Quán sát sự từ-bỏ, ta sẽ thở-ra’—thì trong thời đó vị Tỳ kheo này an trú quán sát những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Sau khi đã nhìn thấy bằng trí-tuệ cái gì là ‘sự dẹp-bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền’ như vậy, người đó là người nhìn (quan sát) kỹ [vào tâm] với sự buông-xả. Vì vậy nên nói rằng, này Ānanda, trong thời đó vị Tỳ kheo này an trú quán sát những giáo pháp trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh- niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. (giống phần [(4).] kinh SN 54:10 ở trên.)

“Đó là, này Ānanda, khi ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, nó sẽ hoàn thành ‘bốn nền tảng chánh-niệm’. [II. Hoàn thành ‘Bảy Chi Giác-Ngộ’] “Và, này Ānanda, theo cách nào ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ được tu tập và tu dưỡng, để cho chúng hoàn thành ‘bảy chi giác-ngộ’? 256 (1) (i) “Này Ānanda, bất cứ khi nào một Tỳ kheo an trú quán sát [1] Thân trong thân, thì trong thời đó sự chánh-niệm không bị nhiễu [không mờ rối; liền tục, không gián đoạn, không phân tán] được thiết lập bên trong Tỳ kheo đó. Này Ānanda, khi nào sự chánh-niệm không bị nhiễu đã được thiết lập trong một Tỳ kheo, thì trong thời đó chi giác-ngộ là sự chánh-niệm {niệm giác chi} được phát khởi bởi người đó; trong thời đó người đó tu tập

294 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

chi giác-ngộ là sự chánh-niệm; trong thời đó chi giác-ngộ là sự chánh-niệm sẽ đi đến hoàn thiện bên trong người đó nhờ sự tu-tập. (ii) “Sau khi an trú có chánh-niệm như vậy, người đó phân biệt Giáo Pháp đó bằng trí-tuệ, xem xét nó, điều tra về nó. Này Ānanda, khi nào một Tỳ kheo an trú có chánh-niệm như vậy phân biệt Giáo Pháp đó bằng trí-tuệ, xem xét nó, điều tra về nó, thì trong thời đó chi giác-ngộ là sự phân-biệt những trạng-thái {trạch-pháp giác chi} được phát khởi bên trong người đó; trong thời đó người đó tu tập chi giác-ngộ là sự phân-biệt những trạng-thái; trong thời đó chi giác-ngộ là sự phân-biệt những trạng-thái sẽ đi đến hoàn thiện bên trong người đó nhờ sự tu-tập. (iii) “Trong khi người đó phân biệt Giáo Pháp đó, xem xét nó, điều tra về nó, thì sự nỗ-lực của người đó được phát khởi mà không hề gia giảm. Này Ānanda, khi nào sự nỗ-lực của một Tỳ kheo được phát khởi mà không hề gia giảm khi người đó phân-biệt Giáo Pháp bằng trí-tuệ, xem xét nó, điều tra về nó, thì trong thời đó chi

giác-ngộ là sự nỗ-lực {tinh-tấn giác chi} được phát khởi bởi người đó; trong thời đó người đó tu tập chi giác-ngộ là sự nỗ-lực; trong thời đó chi giác-ngộ là sự nỗ-lực sẽ đi đến hoàn thiện bên trong người đó nhờ sự tu-tập. (iv) "Sau khi sự nỗ-lực của người đó được phát khởi, sẽ khởi sinh trong người đó niềm hoan-hỷ về mặt tâm linh (phi thế tục). Này Ānanda, khi nào sự hoan-hỷ về mặt tâm linh khởi sinh bên trong một Tỳ kheo có sự nỗ-lực được phát khởi, thì trong thời đó chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ {hỷ giác chi} được phát khởi bởi người đó; trong thời đó người đó tu tập chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ; trong thời đó chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ sẽ đi đến hoàn thiện bên trong người đó nhờ sự tu-tập. (v) "Trong một người tu có tâm được nâng bổng bởi niềm hoan-hỷ thì thân trở nên tĩnh lặng và tâm trở nên tĩnh lặng. Này Ānanda, khi nào thân được tĩnh lặng và tâm được tĩnh lặng bên trong một Tỳ kheo có tâm được nâng bổng bởi niềm hoan-hỷ như vậy, thì trong thời đó chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng {khinh-an giác chi} được phát khởi bởi người đó; trong thời đó

người đó tu tập chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng; trong thời đó chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng sẽ đi đến hoàn thiện bên trong người đó nhờ sự tu-tập. (vi) "Trong một người tu có thân được tĩnh lặng và người đó hạnh phúc thì tâm trở nên đạt-định. Này Ānanda, khi nào tâm được đạt-định trong một Tỳ kheo có thân được tĩnh lặng và người đó hạnh phúc, thì trong thời đó chi giác-ngộ là sự định-tâm {định giác chi} được phát khởi bởi người đó; trong thời đó người đó tu tập chi giác-ngộ là sự định-tâm; trong thời đó chi giác- ngộ là sự định-tâm sẽ đi đến hoàn thiện bên trong người đó nhờ sự tu-tập. (vii) "Người đó trở thành người chỉ ngồi nhìn sát vào cái tâm đạt-định như vậy với sự buông-xả. Này Ānanda, khi nào một Tỳ kheo chỉ nhìn sát vào cái tâm đạt-định như vậy, thì trong thời đó chi giác-ngộ là sự buông-xả {xả giác chi} được phát khởi bởi người đó; trong thời đó người đó tu tập chi giác-ngộ là sự buông-xả; trong thời đó chi giác-ngộ là sự buông-xả sẽ đi đến hoàn thiện bên trong người đó nhờ sự tu-tập. (2) (i) "Này Ānanda, bất cứ khi nào một Tỳ kheo an trú quán sát [2] Những cảm-giác trong những cảm-giác … (3) (i) "Này Ānanda, bất cứ khi nào một Tỳ kheo an trú quán sát [3] Tâm trong tâm … (4) (i) "Này Ānanda, bất cứ khi nào một Tỳ kheo an trú quán sát [4] Những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, thì trong thời đó sự chánh-niệm không bị nhiễu được thiết lập bên trong Tỳ kheo đó. Này Ānanda, khi nào sự chánh-niệm không bị nhiễu đã được thiết lập trong một Tỳ kheo, thì trong thời đó chi giác-ngộ là sự chánh-niệm {niệm giác chi} được phát khởi bởi người đó; trong thời đó người đó tu tập chi giác-ngộ là sự chánh-niệm; trong thời đó chi giác-ngộ là sự chánh-niệm sẽ đi đến hoàn thiện bên trong người đó nhờ sự tu tập. [Tiếp tục 07 chi giác-ngộ từ (ii)-(vii) tương tự phần (1) về Thân giờ áp dụng đối với (2) Những cảm-giác, (3) Tâm, và (4) Những giáo pháp] …

(vii) Người đó trở thành người chỉ ngồi nhìn sát vào cái tâm đạt-định như vậy với sự buông-xả. Này Ānanda, khi nào một Tỳ kheo chỉ nhìn sát vào cái tâm đạt-định như vậy, thì trong thời đó chi giác-ngộ là sự buông-xả {xả giác chi} được phát khởi bởi người đó;

trong thời đó người đó tu tập chi giác-ngộ là sự buông-xả; trong thời đó chi giác-ngộ là sự buông-xả sẽ đi đến hoàn thiện bên trong người đó nhờ sự tu-tập. “Này Ānanda, đó cách ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ được tu tập và tu dưỡng, để chúng hoàn thành ‘bảy chi giác-ngộ’.

[III. Hoàn thành ‘Trí-Biết Đích Thực & Sự Giải-Thoát’] “Và này Ānanda, theo cách nào ‘bảy chi giác-ngộ’ được tu tập và tu dưỡng, để chúng hoàn thành ‘trí-biết đích thực (minh) và sự giải-thoát’? “Ở đây, này Ānanda, một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là sự chánh-niệm (niệm), [sự tu tập đó] dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dẫn chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Người đó tu tập chi giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng-thái (trạch pháp) … chi giác-ngộ là sự nỗ-lực (tinh tấn) … chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ (hỷ) … chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng (khinh an) … chi giác-ngộ là sự chánh-định (định) … chi giác-ngộ là sự buông-xả (xả), dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dẫn chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. “Này Ānanda, đó chính là khi ‘bảy chi giác-ngộ’ được tu tập và tu dưỡng, thì chúng hoàn thành ‘trí-biết đích thực và sự giải-thoát’.” (SN 54:13 (Quyển 5); giống MN 118, mục 15–43)

10. ĐẠT TỚI ‘SỰ LÀM CHỦ CÁI TÂM’ Trong một lần có Ngài Xá-lợi-phất đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. 257 Rồi, vào một buổi sáng, thầy Xá-lợi-phất mặc y áo, và mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvatthī để khất thực. Rồi, sau khi thầy ấy đã đi khất thực trong thành Sāvatthī và đã trở

về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, thầy ấy đi đến chỗ (được gọi là) Khu Vườn Người Mù để an trú ban ngày. Sau khi đi sâu vào Khu Vườn Người Mù, thầy ấy ngồi xuống một gốc cây để an trú ban ngày. Rồi, vào buổi cuối chiều, thầy Xá-lợi-phất ra khỏi chỗ ẩn trú đó và đi về chỗ Khu Vườn của thái tử Jeta, chỗ Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ngài Ānanda đã nhìn thấy thầy Xá-lợi-phất đi tới từ xa, và đã nói với thầy Xá-lợi-phất như vầy: “Này đạo hữu Xá-lợi-phất, các giác quan (căn) của thầy tĩnh lặng, da dẻ thầy trong và sáng. Thầy Xá-lợi-phất đã trải qua ban ngày trong sự an trú nào?” (1) [Lúc đó ngài Xá-lợi-phất đã nói:] “Ở đây, này đạo hữu: ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’ Nhưng, này đạo hữu, ý nghĩ như vầy: ‘Ta đang chứng đắc tầng thiền định thứ nhất’, hay ‘Ta đã chứng đắc tầng thiền định thứ nhất’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi tầng thiền định thứ nhất’ đã không còn xảy đến với tôi.” [Ngài Ānanda nói:] “Chắc hẳn là do cái sự tạo-nên cái ‘ta’ (ngã kiến), sự tạo-nên cái ‘của-ta’ (ngã chấp), và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo nên sự ‘tự-ta’ (tùy miên ngã mạn) đã bị bứng sạch bên trong Ngài Xá-lợi-phất đã từ lâu, cho nên những ý nghĩ đó đã không còn xảy đến đối với thầy ấy.” 258 (2) [Vào lúc khác ngài Xá-lợi-phất đã nói:] “Ở đây, này đạo hữu: ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm.’ Nhưng, này đạo hữu,

ý nghĩ như vầy: ‘Ta đang chứng đắc tầng thiền định thứ hai’, hay ‘Ta đã chứng đắc tầng thiền định thứ hai’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi tầng thiền định thứ hai’ đã không còn xảy đến với tôi.”

[Ngài Ānanda nói:] “Chắc hẳn là do cái sự tạo-nên cái ‘ta’ … đã bị bứng sạch bên trong Ngài Xá-lợi-phất đã từ lâu, cho nên những ý nghĩ đó đã không còn xảy đến đối với thầy ấy.” (3) [Vào lúc khác ngài Xá-lợi-phất đã nói:] “Ở đây, này đạo hữu: ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc) cùng với thân; tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: “Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc)”.’ Nhưng, này đạo hữu, ý nghĩ như vầy: ‘Ta đang chứng đắc tầng thiền định thứ ba’, hay ‘Ta đã chứng đắc tầng thiền định thứ ba’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi tầng thiền định thứ ba’ đã không còn xảy đến với tôi.” [Ngài Ānanda nói:] “Chắc hẳn là do cái sự tạo-nên cái ‘ta’ … đã bị bứng sạch bên trong Ngài Xá-lợi-phất đã từ lâu, cho nên những ý nghĩ đó đã không còn xảy đến đối với thầy ấy.” (4) [Vào lúc khác ngài Xá-lợi-phất đã nói:] “Ở đây, này đạo hữu: ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh-lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.’ (tức: sự chánh-niệm lúc này đã được thanh-lọc tới mức tinh-khiết nhờ có sự buông-xả siêu vời trong Tứ thiền). Nhưng, này đạo hữu, ý nghĩ như vầy: ‘Ta đang chứng đắc tầng thiền định thứ tư’, hay ‘Ta đã chứng đắc tầng thiền định thứ tư’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi tầng thiền định thứ tư’ đã không còn xảy đến với tôi.” [Ngài Ānanda nói:] “Chắc hẳn là do cái sự tạo-nên cái ‘ta’ … đã bị bứng sạch bên trong Ngài Xá-lợi-phất đã từ lâu, cho nên những ý nghĩ đó đã không còn xảy đến đối với thầy ấy.” (5) [Vào lúc khác ngài Xá-lợi-phất đã nói:] “Ở đây, này đạo hữu: ‘Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể-sắc (thuộc sắc giới), với sự

phai biến những nhận-thức về va-chạm giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới những nhận-thức về sự đa-dạng (khác biệt này nọ), [chỉ nhận thức rằng:] ‘không gian là vô biên’, tôi đã chứng nhập và an trú trong không vô biên xứ [cảnh xứ không gian vô biên].’ Nhưng, này đạo hữu, ý nghĩ như vầy: ‘Ta đang chứng đắc không vô biên xứ’, hay ‘Ta đã chứng đắc không vô biên xứ’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi không vô biên xứ’ đã không còn xảy đến với tôi.” [Ngài Ānanda nói:] “Chắc hẳn là do cái sự tạo-nên cái ‘ta’ … đã bị bứng sạch bên trong Ngài Xá-lợi-phất đã từ lâu, cho nên những ý nghĩ đó đã không còn xảy đến đối với thầy ấy.” (6) [Vào lúc khác ngài Xá-lợi-phất đã nói:] “Ở đây, này đạo hữu: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên không vô biên xứ, [nhận thức rằng:] ‘thức là vô biên’, tôi đã chứng nhập và an trú trong thức vô biên xứ [cảnh xứ thức vô biên].’ Nhưng, này đạo hữu, ý nghĩ này đã không xảy đến với tôi: ‘Ta đang chứng đắc thức vô biên xứ’, hay ‘Ta đã chứng đắc thức vô biên xứ’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi thức vô biên

xứ’.” [Ngài Ānanda nói:] “Chắc hẳn là do cái sự tạo-nên cái ‘ta’ … đã bị bứng sạch bên trong Ngài Xá-lợi-phất đã từ lâu, cho nên những ý nghĩ đó đã không còn xảy đến đối với thầy ấy.” (7) [Vào lúc khác ngài Xá-lợi-phất đã nói:] “Ở đây, này đạo hữu: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên thức vô biên xứ, [nhận thức rằng:] ‘không-có- gì’, tôi đã chứng nhập và an trú trong vô sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-gì].’ Nhưng, này đạo hữu, ý nghĩ như vầy: ‘Ta đang chứng đắc vô sở hữu xứ’, hay ‘Ta đã chứng đắc vô sở hữu xứ’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi vô sở hữu xứ’ đã không còn xảy đến với tôi.” [Ngài Ānanda nói:] “Chắc hẳn là do cái sự tạo-nên cái ‘ta’ … đã bị bứng sạch bên trong Ngài Xá-lợi-phất đã từ lâu, cho nên những ý nghĩ đó đã không còn xảy đến đối với thầy ấy.”

300 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

(8) [Vào lúc khác ngài Xá-lợi-phất đã nói:] “Ở đây, này đạo hữu: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên vô sở hữu xứ, tôi đã chứng nhập và an trú trong phi tưởng phi phi tưởng xứ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức].’ Nhưng, này đạo hữu, ý nghĩ như vầy: ‘Ta đang chứng đắc phi tưởng phi phi tưởng xứ’, hay ‘Ta đã chứng đắc phi tưởng phi phi tưởng xứ’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi phi tưởng phi phi tưởng xứ’ đã không còn xảy đến với tôi.” [Ngài Ānanda nói:] “Chắc hẳn là do cái sự tạo-nên cái ‘ta’ … đã bị bứng sạch bên trong Ngài Xá-lợi-phất đã từ lâu, cho nên những ý nghĩ đó đã không còn xảy đến đối với thầy ấy.” (9) [Vào lúc khác ngài Xá-lợi-phất đã nói:] “Ở đây, này đạo hữu: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên phi tưởng phi phi tưởng xứ, tôi đã chứng nhập và an trú trong sự (trạng thái) diệt thọ tưởng [sự chấm-dứt của nhận-thức và cảm-giác].’ Nhưng, này đạo hữu, nhưng ý nghĩ như vầy: ‘Ta đang chứng đắc sự diệt thọ tưởng’, hay ‘Ta đã chứng đắc sự chấm-dứt sự diệt thọ tưởng’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi trạng thái diệt thọ tưởng’ đã không còn xảy đến với tôi.”259 [Ngài Ānanda nói:] “Chắc hẳn là do cái sự tạo-nên cái ‘ta’ (ngã kiến), sự tạo-nên cái ‘của-ta’ (ngã chấp), và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo nên sự ‘tự- ta’ (tùy miên ngã mạn) đã bị bứng sạch bên trong Ngài Xá-lợi-phất đã từ lâu, cho nên những ý nghĩ đó đã không còn xảy đến đối với thầy ấy.” (SN 28:01–09, (Quyển 3), kết hợp,)

Chương IX. CHIẾU ÁNH SÁNG TRÍ TUỆ

302 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

Chương IX – Chiếu Ánh Sáng Trí-Tuệ • 303

1. HÌNH ẢNH CỦA TRÍ TUỆ (1) Trí-Tuệ Như Ánh Sáng “Này các Tỳ kheo, có bốn ánh sáng này. Bốn đó là gì? Ánh sáng của mặt trăng, ánh sáng của mặt trời, ánh sáng của lửa, và ánh sáng của trí-tuệ. Trong bốn loại ánh sáng này, ánh sáng của trí-tuệ là bậc nhất.”

(AN 4:143)

(2) Trí-Tuệ Như Dao Sắc Bén 11. “Này các ni, ví dụ một người bán thịt rành nghề [hay người phụ việc của ông ta] giết một con bò và cắt lạng nó bằng con dao sắc bén của người hàng thịt. Không cắt phạm vào phần thịt trong và không cắt phạm phần da bên ngoài, ông ta cắt, rọc, và lạng hết những sớ gân trong, những sợi gân, và những dây

chẳng bằng con dao sắc bén của người hàng thịt. Rồi, sau khi đã cắt, rọc, và lạng hết những chỗ đó, ông lột nguyên bộ da ra, và sau đó bọc lại bằng bộ da đó. Nếu ai nói một cách đúng đắn mà có thể nói như vầy hay không: 'Con bò này được liền lại với bộ da giống như trước đó'?" 12. "Không, thưa thầy. Vì sao vậy? Bởi vì, thưa thầy, nếu người bán thịt đó đã giết một con bò … đã cắt, rọc, và lạng hết những chỗ đó, thì cho dù ông ta có bọc lại con bò bằng chính bộ da đó và nói: 'Con bò này được liền lại với bộ da giống như trước đó', thì con bò đó vẫn bị lìa khỏi bộ da đó rồi." "Này các ni, tôi đã đưa ra ví dụ này để chuyển tải một ý nghĩa. Đây là ý nghĩa: 'Phần thịt trong' chữ để chỉ sáu sơ-sở bên trong (sáu nội xứ). 'Phần da bên ngoài' là chữ để chỉ sáu cơ-sở bên ngoài (sáu ngoại xứ). 'Những sớ gân trong, những sợi gân, và những dây chằng" là chữ để chỉ khoái-lạc và tham- dục. 'Con dao sắc bén của người hàng thịt' là chữ để chỉ trí-tuệ thánh thiện—trí-tuệ thánh thiện sẽ cắt, rọc, và lạng hết những ô-nhiễm ở bên trong (lậu hoặc), những gông-cùm (kiết sử), và những trói-buộc." (trích MN 146: Nandakovāda Sutta)

304 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

(Kinh "Lời Khuyên Dạy Từ Nandaka")

2. NHỮNG ĐIỀU-KIỆN TẠO RA TRÍ-TUỆ (I) "Này các Tỳ kheo, có tám nhân duyên [nguyên-nhân và điều-kiện] này dẫn tới sự đạt được trí-tuệ là nền tảng của đời sống tâm linh 267 nếu chưa đạt được nó, và dẫn tới sự gia-tăng, sự trưởng-thành và sự hoàn-thiện của trí- tuệ sau khi đã đạt được nó. Tám đó là gì? (1) "Ở đây, một Tỳ kheo sống nương dựa [phụ thuộc] vào Vị Thầy hay dựa vào một đạo hữu (sư huynh) ở vị trí là thầy mình, đối với họ người đó thiết lập một cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức và biết sợ-hãi về mặt đạo đức, sự cảm-mến và sự tôn-kính. Đây là nhân duyên thứ nhất dẫn tới sự đạt được trí-tuệ là nền tảng của đời sống tâm linh nếu chưa đạt được nó, và dẫn tới sự gia-tăng, sự trưởng-thành và sự hoàn-thiện của trí-tuệ sau khi đã đạt được nó. (2) "Khi người đó đang sống nương dựa vào Vị Thầy hay dựa vào một sư huynh ở vị trí là thầy mình, đối với họ người đó thiết lập một cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức và biết sợ-hãi về mặt đạo đức, sự cảm-mến và sự tôn-kính, người đó thường thường đến gặp họ để vấn hỏi: 'Thưa Thầy, điều này là sao? Ý nghĩa của điều này là gì?' Rồi những vị thầy ấy sẽ khai mở cho người đó những điều chưa được khai mở, làm rõ những điều còn chưa rõ, và xua tan sự nghi ngờ của người đó về những luận điểm còn làm nghi ngờ. Đây là nhân duyên thứ hai dẫn tới sự đạt được trí-tuệ là nền tảng của đời sống tâm linh … (3) "Sau khi đã nghe Giáo Pháp, lui về trong hai loại sự thu-mình (rút lui, hiền hưu, hiền trú), đó là: thu thân và thu tâm. Đây là nhân duyên thứ ba dẫn tới sự đạt được trí-tuệ là nền tảng của đời sống tâm linh … (4) "Người đó là có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha (Giới Bổn Tỳ kheo), có được đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhặt. Sau khi đã thụ nhận những

Chương IX – Chiếu Ánh Sáng Trí-Tuệ • 305

giới-luật tu hành, người đó tu tập trong những điều luật đó. Đây là nhân duyên thứ tư dẫn tới sự đạt được trí-tuệ là nền tảng của đời sống tâm linh … (5) "Người đó đã

học-hiểu nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở, tốt lành ở giữa, và tốt ở phần cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, (chúng) tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết—những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến). Đây là nhân duyên thứ năm dẫn tới sự đạt được trí-tuệ là nền tảng của đời sống tâm linh … (6) "Người đó phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện và tích tạo những phẩm chất thiện; người đó là mạnh mẽ, vững vàng trong sự cố-gắng, không lơ là bổn-phận tu dưỡng những phẩm chất thiện lành. Đây là nhân duyên thứ sáu dẫn tới sự đạt được trí-tuệ là nền tảng của đời sống tâm linh … (7) "Khi đang ở giữa Tăng Đoàn, người đó không tham gia vào những sự nói chuyện lan man và vô nghĩa. Người đó sẽ nói về Giáo Pháp, hoặc thỉnh cầu người khác nói, hoặc giữ sự im lặng thánh thiện. 268 Đây là nhân duyên thứ bảy dẫn tới sự đạt được trí-tuệ là nền tảng của đời sống tâm linh … (8) "Người đó sống quán sát (quán niệm, thiền quán) sự khởi-sinh và sự biến-diệt trong năm-uẩn bị dính-chấp (năm thủ uẩn): 'Này là thân-sắc, này là sự khởi sinh của thân-sắc, này là sự biến diệt của sắc; này là cảm-giác … này là nhận-thức … này là những sự tạo-tác cố ý … này là thức, này là sự khởi sinh của thức, này là sự biến diệt của thức.' Đây là nhân duyên thứ tám dẫn tới sự đạt được trí-tuệ là nền tảng của đời sống tâm linh nếu chưa đạt được nó, và dẫn tới sự gia-tăng, sự trưởng-thành và sự hoàn-thiện của trí-tuệ sau khi đã đạt được nó. (II) (1) "Những Tỳ kheo đồng đạo tôn trọng người đó như vầy: 'Quý thầy này sống nương dựa vào Vị Thầy hay dựa vào sư huynh (đạo hữu) ở vị

trí là thầy mình, đối với họ người đó thiết lập một cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức và biết sợ-hãi về mặt đạo đức, sự cảm-mến và sự tôn-kính. Quý thầy này chắc chắn biết và thấy.' Phẩm chất này dẫn tới sự cảm mến, sự tôn trọng, sự kính trọng, sự hòa hợp, và sự đoàn kết. … "Này các Tỳ kheo, đây là tám nhân duyên dẫn tới sự đạt được trí-tuệ là nền tảng của đời sống tâm linh nếu chưa đạt được nó, và dẫn tới sự gia-tăng, sự trưởng-thành và sự hoàn-thiện của trí-tuệ sau khi đã đạt được nó." (AN 8:02, lược giản phần (II))

3. BÀI KINH VỀ CHÁNH-KIẾN 1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó ngài Xá-lợi- phất đã nói với các Tỳ kheo: "Này các đạo hữu"—"Dạ, thưa đạo hữu", các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất đã nói điều này: "Này các đạo hữu, thường nghe nói 'người có chánh-kiến, người có chánh-kiến'. Theo cách nào một đệ tử thánh thiện là người có chánh-kiến (cách-nhìn đúng đắn), cách-nhìn của người đó là chánh thẳng, là người có niềm-tin bất lay chuyển vào Giáo Pháp, và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực (chân pháp) này?"269 "Thiệt tình, thưa đạo hữu, chúng tôi đã đi từ xa đến đây là để học hỏi từ thầy Xá-lợi-phất ý-nghĩa của điều vừa nói trên. Sẽ tốt lành nếu thầy Xá-lợi- phất giảng giải cho chúng tôi ý-nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ thầy, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó." "Được rồi, này các đạo hữu, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, tôi sẽ

nói.”—“Dạ, thưa đạo hữu”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất đã nói điều này:

(1)- (Thiện và Bất Thiện)

Chương IX – Chiếu Ánh Sáng Trí-Tuệ • 307

3. “Này các đạo hữu, khi một đệ tử thánh thiện hiểu được sự bất thiện và gốc-rễ của sự bất thiện, sự thiện và gốc-rễ của sự thiện, theo cách như vậy người đó là người có chánh-kiến, cách-nhìn của người đó là chánh thẳng, là người có niềm-tin bất lay chuyển vào Giáo Pháp, và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này. 4. “Và, này các đạo hữu, cái gì là sự bất thiện, cái gì là gốc-rễ của sự bất thiện; cái gì là sự thiện, cái gì là gốc-rễ của sự thiện? Sát-sinh là bất thiện; gian-cắp là bất thiện, tà-dâm tà dục là bất thiện, nói-dối nói láo là bất thiện; nói lời hiểm-độc là bất thiện; nói lời gắt-gỏng nạt nộ là bất thiện; nói lời tán- dóc vô ích là bất thiện; sự thèm-khát là bất thiện; sự ác-ý là bất thiện; cách- nhìn sai lạc (tà kiến) là bất thiện. Đây được gọi là sự bất thiện.270 5. “Và cái gì là gốc-rễ của sự bất thiện? Tham là gốc-rễ của sự bất thiện; sân là gốc-rễ của sự bất thiện; si là gốc-rễ của sự bất thiện. Đây được gọi là gốc-rễ của sự bất thiện.271 6. “Và cái gì là sự thiện? Sự kiêng cữ sát-sinh là thiện; kiêng cữ gian- cắp là thiện; kiêng cữ tà-dâm tà dục là thiện; kiêng cữ nói-dối nói láo là thiện; kiêng cữ nói lời hiểm-độc là thiện; kiêng cữ nói lời gắt-gỏng nạt nộ là thiện; kiêng cữ nói lời tán-dóc vô ích là thiện; kiêng cữ sự thèm-khát là thiện; kiêng cữ sự ác-ý là thiện; cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) là thiện. Đây được gọi là sự thiện.272 7. “Và cái gì là gốc-rễ của sự thiện? Sự vô-tham là gốc-rễ của sự thiện; vô-sân là gốc-rễ của sự thiện; vô-si là gốc-rễ của sự thiện. Đây được gọi là gốc-rễ của sự thiện. 8. “Khi một đệ tử thánh thiện như vậy hiểu được sự bất thiện và gốc-rễ của sự bất thiện, sự thiện và gốc-rễ của sự thiện,273 thì người đó hoàn toàn dẹp bỏ khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) tạo ra tham, người đó xóa bỏ khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sân, người đó loại bỏ khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra quan-điểm này nọ (tà kiến) và sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây), và bằng sự dẹp bỏ vô-minh và phát khởi trí-biết đích thực (minh, chân trí) người đó ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ] làm nên sự diệt-khổ.274 [1] Theo cách như

308 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

vậy một đệ tử thánh thiện là người có chánh-kiến, cách-nhìn của người đó là chánh thẳng, là người có niềm-tin bất lay chuyển vào Giáo Pháp, và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này.”

(2)- (Dưỡng Chất) 9. “Thật tốt lành, này đạo hữu”, các Tỳ kheo nói, và họ hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi thầy ấy thêm một câu hỏi: “Nhưng, này đạo hữu, có cách nào khác theo đó một đệ tử thánh thiện là người có chánh-kiến … và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này?”—“Có, này các đạo hữu.” 10. “Này các đạo hữu, khi một đệ tử thánh thiện hiểu được dưỡng-chất, nguồn-gốc của dưỡng-chất, sự chấm-dứt của dưỡng-chất, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt dưỡng-chất, thì theo cách như vậy người đó là một người có chánh-kiến … đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này. 11. “Và cái gì là dưỡng-chất, cái gì là nguồn-gốc của dưỡng-chất, cái gì sự chấm-dứt của dưỡng-chất, và cái gì con-đường dẫn tới sự chấm dứt dưỡng-chất? Có bốn loại

dưỡng-chất để duy trì những chúng sinh đã hiện thành và để trợ giúp cho những chúng sinh sẽ hiện thành.275 Bốn đó là gì? Đó là: (i) dưỡng-chất là thức ăn vật chất, thô hay tinh; (ii) sự tiếp-xúc là thứ hai; (iii) sự cố-ý (tư) của tâm là thứ ba; và (iv) thức là thứ tư. Hễ có khởi sinh dục-vọng là có sự khởi sinh dưỡng-chất. Khi chấm dứt dục-vọng là có sự chấm dứt dưỡng-chất. Con-đường dẫn tới sự chấm dứt dưỡng-chất chính là Bát Thánh Đạo; đó gồm: chánh-kiến (cách-nhìn đúng đắn), chánh tư-duy (ý- định đúng đắn), chánh-ngữ (lời-nói đúng đắn), chánh-nghiệp (hành-động đúng đắn), chánh-mạng (sự mưu-sinh đúng đắn), chánh tinh-tấn (sự nỗ-lực đúng đắn), chánh-niệm (sự tâm-niệm đúng đắn), và chánh-định (sự định-tâm đúng đắn). 12. “Khi một đệ tử thánh thiện như vậy hiểu được dưỡng-chất, nguồn- gốc của dưỡng-chất, sự chấm-dứt dưỡng-chất, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt dưỡng-chất, thì người đó hoàn toàn dẹp bỏ khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy

miên) tạo ra tham, người đó xóa bỏ khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sân, người đó loại bỏ khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra quan-điểm này nọ (tà kiến) và sự tự- ta (ngã mạn, ta-đây), và bằng sự dẹp bỏ vô-minh và phát khởi trí-biết đích thực (minh, chân trí), người đó ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ] làm nên sự diệt-khổ. [2] Cũng theo cách này một đệ tử thánh thiện là người có chánh-kiến, cách-nhìn của người đó là chánh thẳng, là người có niềm-tin bất lay chuyển vào Giáo Pháp, và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này.”

(3)- (Bốn Diệu Đế) 13. “Thật tốt lành, này đạo hữu”, các Tỳ kheo nói, và họ hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi thầy ấy thêm một câu hỏi: “Nhưng, này đạo hữu, có cách nào khác theo đó một đệ tử thánh thiện là người có chánh-kiến … và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này?”—“Có, này các đạo hữu.” 14. “Này các đạo hữu, khi một đệ tử thánh thiện hiểu được sự khổ, nguồn-gốc khổ, sự chấm-dứt khổ, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ [tứ diệu đế], thì theo cách như vậy người đó là một người có chánh-kiến … và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này. 15. “Và cái gì là sự khổ, cái gì là nguồn-gốc khổ, cái gì là sự chấm-dứt khổ, và cái gì là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ? Sinh là khổ; già là khổ; bệnh là khổ; chết là khổ; sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng là khổ; không được cái mình muốn là khổ; nói ngắn gọn, năm uẩn bị [tác động bởi sự] dính-chấp là khổ. Đây được gọi là sự khổ. 16. “Và cái gì là nguồn-gốc khổ? Đó là dục-vọng (ái), nó đưa đến sự tái hiện-hữu, được đi kèm với khoái-lạc và nhục-dục, và đi tìm khoái-lạc chỗ này chỗ nọ; đó là, dục-vọng khoái-lạc giác-quan (dục ái), dục-vọng muốn được (liên tục) hiện-hữu (hữu ái), và dục-vọng muốn không hiện-hữu (phi hữu ái). Đây được gọi là nguồn-gốc khổ.

17. “Và cái gì là sự chấm-dứt khổ? Đó là sự phai biến sạch sẽ và sự chấm dứt, sự dẹp bỏ, sự từ bỏ, sự buông bỏ, và sự từ chối dục-vọng đó. Đây được gọi là sự chấm-dứt khổ. 18. “Và cái gì là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ? Đó chính là Bát Thánh Đạo; đó gồm: chánh-kiến … chánh-định. Đây được gọi là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ. 19. “Khi

một đệ tử thánh thiện như vậy hiểu được sự khổ, nguồn-gốc khổ, sự chấm-dứt khổ, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ ... ngay trong kiếp này làm nên sự diệt-khổ. [3] Cũng theo cách này một đệ tử thánh thiện là một người có chánh-kiến ... và đạt tới Giáo Pháp đích thực này."

(4)- (Sự Già-Chết) 20. "Thật tốt lành, này đạo hữu", các Tỳ kheo nói, và họ hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi thầy ấy thêm một câu hỏi: "Nhưng, này đạo hữu, có cách nào khác theo đó một đệ tử thánh thiện là người có chánh-kiến ... và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này?"—"Có, này các đạo hữu." 21. "Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được sự già-chết [lão tử], nguồn- gốc sự già-chết, sự chấm-dứt sự già-chết, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt sự già-chết, thì theo cách như vậy người đó là một người có chánh-kiến ... và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này.276 22. "Và cái gì là sự già-chết, cái gì là nguồn-gốc sự già-chết, cái gì là sự chấm-dứt sự già-chết, và cái gì là con-đường dẫn tới sự chấm dứt sự già- chết? Sự già của chúng sinh nằm trong mọi tầng lớp khác nhau của chúng sinh, tuổi già của họ, răng gãy, tóc bạc, da nhăn nheo, sự sống xuống dốc, các căn suy yếu—đây được gọi là sự già. Sự chết đi của chúng sinh nằm trong mọi tầng lớp khác nhau của chúng sinh, mọi chúng sinh đều qua đời, tan rã, biến mất, chết đi, hết thời gian kiếp sống (mạng chung, hết kiếp), sự tan rã của năm-uẩn,277 xác thân nằm xuống—đây được gọi là sự chết. Như vậy sự già này và sự chết này là điều được gọi là sự già-chết. Hễ có khởi sinh

sự sinh là có sự già-chết. Khi chấm dứt sự-sinh là chấm dứt (không còn) sự già-chết. Và con-đường dẫn tới sự chấm dứt sự già-chết chính là Bát Thánh Đạo; đó gồm: chánh-kiến ... chánh-định. 23. "Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được sự già-chết, nguồn-gốc sự già- chết, sự chấm-dứt sự già-chết, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt sự già-chết ... ngay trong kiếp này làm nên sự diệt-khổ. [4] Cũng theo cách này một đệ tử thánh thiện là một người có chánh-kiến ... và đạt tới Giáo Pháp đích thực này."

(5)- (Sự Sinh) 24. "Thật tốt lành, này đạo hữu", các Tỳ kheo nói, và họ hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi thầy ấy thêm một câu hỏi: "Nhưng, này đạo hữu, có cách nào khác theo đó một đệ tử thánh thiện là người có chánh-kiến ... và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này?"—"Có, này các đạo hữu." 25. "Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được sự sinh [sinh], nguồn-gốc sự sinh, sự chấm-dứt sự sinh, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt sự sinh, thì theo cách như vậy người đó là người có chánh-kiến ... và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này. 26. "Và cái gì là sự sinh, cái gì là nguồn-gốc sự sinh, cái gì là sự chấm- dứt sự sinh, và cái gì là con-đường dẫn tới sự chấm dứt sự sinh? Sự (tái) sinh của chúng sinh nằm trong mọi tầng lớp của chúng sinh, sự chuẩn bị sinh ra của họ, sự kết tụ [trong bào thai], sự sinh tạo, sự hiện thị của năm-uẩn, sự hình thành các cơ-sở để tiếp-xúc (sáu nội xứ, sáu giác quan)278—đây được gọi là sự sinh. Hễ có khởi sinh sự hiện-hữu là có sự sinh. Khi chấm-dứt sự hiện-hữu là chấm dứt sự sinh. Và con-đường dẫn tới sự chấm dứt sự sinh chính là Bát Thánh Đạo; đó gồm: chánh-kiến ... chánh-định. 27. "Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được sự sinh, nguồn-gốc sự sinh, sự chấm-dứt sự sinh, và con-đường dẫn tới sự chấm

dứt sự sinh ... ngay trong

kiếp này làm nên sự diệt-khổ. [5] Cũng theo cách này một đệ tử thánh thiện là một người có chánh-kiến ... và đạt tới Giáo Pháp đích thực này."

(6)- (Sự Hiện Hữu) 28. "Thật tốt lành, này đạo hữu", các Tỳ kheo nói, và họ hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi thầy ấy thêm một câu hỏi: "Nhưng, này đạo hữu, có cách nào khác theo đó một đệ tử thánh thiện là người có chánh-kiến ... và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này?"—"Có, này các đạo hữu." 29. "Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được sự hiện-hữu [hữu], nguồn-gốc sự hiện-hữu, sự chấm-dứt sự hiện-hữu, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt sự hiện-hữu, thì theo cách như vậy người đó là người có chánh-kiến ... và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này. 30. "Và cái gì là sự hiện-hữu, cái gì là nguồn-gốc sự hiện-hữu, cái gì là sự chấm-dứt sự hiện-hữu, và cái gì là con-đường dẫn tới sự chấm dứt sự hiện-hữu? Có ba loại sự hiện-hữu: sự hiện-hữu trong cõi dục-giới, sự hiện- hữu trong cõi sắc-giới, và sự hiện-hữu trong cõi vô-sắc giới.279 Hễ có khơi sinh sự dính-chấp là khởi sinh sự hiện-hữu. Khi chấm dứt sự dính-chấp là chấm dứt sự hiện-hữu. Con đường dẫn tới sự chấm dứt sự hiện-hữu chính là Bát Thánh Đạo này; đó gồm: chánh-kiến ... chánh-định. 31. "Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được sự hiện-hữu, nguồn-gốc sự hiện-hữu, sự chấm-dứt sự hiện-hữu, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt sự hiện-hữu ... ngay trong kiếp này làm nên sự diệt-khổ. [6] Cũng theo cách này một đệ tử thánh thiện là một người có chánh-kiến ... và đạt tới Giáo Pháp đích thực này."

(7)- (Sự Dính Chấp) 32. "Thật tốt lành, này đạo hữu", các Tỳ kheo nói, và họ hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi thầy ấy thêm một câu hỏi: "Nhưng, này đạo hữu, có cách nào khác theo đó một đệ tử thánh thiện là

người có chánh-kiến ... và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này?"—"Có, này các đạo hữu." 33. "Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được sự dính-chấp [thủ], nguồn-gốc sự dính-chấp, sự chấm-dứt sự dính-chấp, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt sự dính-chấp, thì theo cách như vậy người đó là người có chánh-kiến ... và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này. 34. "Và cái gì là sự dính-chấp, cái gì là nguồn-gốc sự dính-chấp, cái gì là sự chấm-dứt sự dính-chấp, và cái gì là con-đường dẫn tới sự chấm dứt sự dính-chấp? Có bốn loại sự dính-chấp: (i) sự dính-chấp vào những khoái-lạc giác-quan (dục thủ), (ii) sự dính-chấp vào những quan-điểm này nọ (tà-kiến thủ), (iii) sự dính-chấp sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện' (giới-cấm thủ), và (iv) sự dính-chấp theo thuyết hữu ngã (ngã thuyết thủ).280 Hễ có khởi sinh dục-vọng là khởi sinh sự dính-chấp. Khi chấm dứt dục-vọng là chấm dứt sự dính-chấp. Con đường dẫn tới sự chấm dứt sự sự dính-chấp chính là Bát Thánh Đạo này; đó gồm: chánh-kiến ... chánh-định. 35. "Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được sự dính-chấp, nguồn-gốc sự dính-chấp, sự chấm-dứt sự dính-chấp, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt sự dính-chấp ... ngay trong kiếp này làm nên sự diệt-khổ. [7] Cũng theo cách này một đệ tử thánh

thiện là một người có chánh-kiến ... và đạt tới Giáo Pháp đích thực này."

(8)- (Dục Vọng) 36. "Thật tốt lành, này đạo hữu", các Tỳ kheo nói, và họ hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi thầy ấy thêm một câu hỏi: "Nhưng, này đạo hữu, có cách nào khác theo đó một đệ tử thánh thiện là người có chánh-kiến ... và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này?"—"Có, này các đạo hữu." 37. "Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được dục-vọng [ái], nguồn-gốc dục- vọng, sự chấm-dứt dục-vọng, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt dục-vọng,

thì theo cách như vậy người đó là người có chánh-kiến ... và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này. 38. "Và cái gì là dục-vọng, cái gì là nguồn-gốc dục-vọng, cái gì là sự chấm-dứt dục-vọng, và cái gì là con-đường dẫn tới sự chấm dứt dục-vọng? Có sáu loại dục-vọng: dục-vọng vì những hình-sắc (sắc ái), dục-vọng vì những âm-thanh (thanh ái), dục-vọng vì những mùi-hương (hưng ái), dục- vọng vì những mùi-vị (vị ái), dục-vọng vì những thứ hữu-hình tiếp xúc (xúc ái), và dục-vọng vì những đối-tượng của tâm (tâm pháp ái). 281 Hễ có khởi sinh cảm-giác (thọ) là có khởi sinh dục-vọng (ái). Khi chấm dứt cảm-giác là chấm dứt dục-vọng. Và con-đường dẫn tới sự chấm dứt dục-vọng chính là Bát Thánh Đạo; đó gồm chánh-kiến ... chánh-định. 39. "Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được dục-vọng, nguồn-gốc dục- vọng, sự chấm-dứt dục-vọng, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt dục-vọng ... ngay trong kiếp này làm nên sự diệt-khổ. [8] Cũng theo cách này một đệ tử thánh thiện là một người có chánh-kiến ... và đạt tới Giáo Pháp đích thực này."

(9)- (Cảm Giác) 40. "Thật tốt lành, này đạo hữu", các Tỳ kheo nói, và họ hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi thầy ấy thêm một câu hỏi: "Nhưng, này đạo hữu, có cách nào khác theo đó một đệ tử thánh thiện là người có chánh-kiến ... và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này?"—"Có, này các đạo hữu." 41. "Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được cảm-giác [thọ], nguồn-gốc cảm-giác, sự chấm-dứt cảm-giác, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt cảm- giác, thì theo cách như vậy người đó là người có chánh-kiến ... và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này. 42. "Và cái gì là cảm-giác, cái gì là nguồn-gốc cảm-giác, cái gì là sự chấm-dứt cảm-giác, và cái gì là con-đường dẫn tới sự chấm dứt cảm-giác? Có sáu loại cảm-giác: cảm-giác sinh ra từ sự tiếp-xúc mắt (nhãn xúc thọ),

cảm-giác sinh ra từ sự tiếp-xúc tai (nhĩ xúc thọ), cảm-giác sinh ra từ sự tiếp- xúc mũi (tỷ xúc thọ), cảm-giác sinh ra từ sự tiếp-xúc lưỡi (thiệt xúc thọ), cảm-giác sinh ra từ sự tiếp-xúc thân (thân xúc thọ), và cảm-giác sinh ra từ sự tiếp-xúc tâm (tâm xúc thọ). Hễ có khởi sinh sự tiếp-xúc (xúc) thì khởi sinh cảm-giác (thọ). Khi chấm dứt sự tiếp-xúc là chấm dứt cảm-giác. Và con- đường dẫn tới sự chấm dứt cảm-giác chính là Bát Thánh Đạo; đó gồm chánh- kiến ... chánh-định. 43. "Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được cảm-giác, nguồn-gốc cảm- giác, sự chấm-dứt cảm-giác, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt cảm-giác ... ngay trong kiếp này làm nên sự diệt-khổ. [9] Cũng theo cách này một đệ tử thánh thiện là một người có chánh-kiến ... và đạt tới Giáo Pháp đích thực này."

(10)- (Sự Tiếp Xúc) 44. “Thật tốt lành, này đạo hữu”, các Tỳ kheo nói, và họ hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi thầy ấy thêm một câu hỏi: “Nhưng, này đạo hữu, có cách nào khác theo đó một đệ tử thánh thiện là người có chánh-kiến … và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này?”—“Có, này các đạo hữu.” 45. “Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được sự tiếp-xúc [xúc], nguồn-gốc sự tiếp-xúc, sự chấm-dứt sự tiếp-xúc, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt sự tiếp-xúc, thì theo cách như vậy người đó là người có chánh-kiến … và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này. 46. “Và cái gì là sự tiếp-xúc, cái gì là nguồn-gốc sự tiếp-xúc, cái gì là sự chấm-dứt sự tiếp-xúc, và cái gì là con-đường dẫn tới sự chấm dứt sự tiếp- xúc? Có sáu loại sự tiếp-xúc: sự tiếp-xúc mắt (nhãn xúc), sự tiếp-xúc tai (nhĩ xúc), sự tiếp-xúc mũi (tỷ thức), sự tiếp-xúc lưỡi (thiệt xúc), sự tiếp-xúc thân (thân xúc), và sự tiếp-xúc tâm (tâm xúc).282 Hễ có khởi sinh sáu cơ-sở tiếp xúc (sáu nội xứ, sáu giác-quan, lục căn) thì khởi sinh sự tiếp-xúc (xúc). Khi chấm dứt sáu cơ-sở tiếp xúc là chấm dứt sự tiếp-xúc. Và con-đường dẫn tới

sự chấm dứt sự tiếp-xúc chính là Bát Thánh Đạo; đó gồm chánh-kiến … chánh-định. 47. “Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được sự tiếp-xúc, nguồn-gốc sự tiếp-xúc, sự chấm-dứt sự tiếp-xúc, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt sự tiếp- xúc ... ngay trong kiếp này làm nên sự diệt-khổ. [10] Cũng theo cách này một đệ tử thánh thiện là một người có chánh-kiến ... và đạt tới Giáo Pháp đích thực này.”

(11)- (Sáu Cơ Sở) 48. “Thật tốt lành, này đạo hữu”, các Tỳ kheo nói, và họ hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi thầy ấy thêm một câu hỏi: “Nhưng, này đạo hữu, có cách nào khác theo đó một đệ tử thánh thiện là người có chánh-kiến … và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này?”—“Có, này các đạo hữu.” 49. “Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được sáu cơ-sở tiếp-xúc (sáu giác- quan, sáu căn, lục căn), nguồn-gốc sáu cơ-sở, sự chấm-dứt sáu cơ-sở, và con- đường dẫn tới sự chấm dứt sáu cơ-sở, thì theo cách như vậy người đó là người có chánh-kiến … và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này. 50. “Và cái gì là sáu cơ-sở, cái gì là nguồn-gốc sáu cơ-sở, cái gì là sự chấm-dứt sáu cơ-sở, và cái gì là con-đường dẫn tới sự chấm dứt sáu cơ-sở? Có sáu loại sáu cơ-sở này (để tiếp xúc): cơ-sở mắt (nhãn xứ), cơ-sở tai (nhĩ xứ), cơ-sở mũi (tỷ xứ), cơ-sở lưỡi (thiệt xứ), cơ-sở thân (thân xứ), và cơ-sở tâm (tâm xứ).283 Hễ có khởi sinh phần danh-sắc (danh sắc) thì khởi sinh sáu cơ-sở để tiếp xúc (sáu xứ). Khi chấm dứt phần danh-sắc là chấm dứt sáu cơ- sở. Và con đường dẫn tới sự chấm dứt sáu cơ-sở chính là Bát Thánh Đạo; đó gồm: chánh-kiến … chánh-định. 51. “Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được sáu cơ-sở (để tiếp-xúc), nguồn-gốc sáu cơ-sở, sự chấm-dứt sáu cơ-sở, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt sáu cơ-sở ... ngay trong kiếp này làm nên sự diệt-khổ. [11] Cũng theo

cách này một đệ tử thánh thiện là một người có chánh-kiến ... và đạt tới Giáo Pháp đích thực này.”

(12)- (Phần Danh-Sắc) 52. “Thật tốt lành, này đạo hữu”, các Tỳ kheo nói, và họ hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi thầy ấy thêm một câu hỏi:

“Nhưng, này đạo hữu, có cách nào khác theo đó một đệ tử thánh thiện là người có chánh-kiến … và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này?”—“Có, này các đạo hữu.” 53. “Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được phần danh-sắc [danh sắc], nguồn-gốc phần danh-sắc, sự chấm-dứt phần danh-sắc, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt phần danh-sắc, thì theo cách như vậy người đó là người có chánh-kiến … và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này.284 54. “Và cái gì là phần danh-sắc, cái gì là nguồn-gốc phần danh-sắc, cái gì là sự chấm-dứt phần danh-sắc, và cái gì là con-đường dẫn tới sự chấm dứt phần danh-sắc? Cảm-giác (thọ), nhận-thức (tưởng), sự cố-ý (hành), sự tiếp- xúc (xúc), và sự chú-tâm (tác ý)—những đây được gọi là phần tâm-thần (phần danh). Bốn yếu-tố (vật chất) lớn (tứ đại) và những thể vật chất phái sinh tứ bốn yếu-tố lớn đó—những đây được gọi là phần vật-chất (phần sắc). Như vậy phần tâm-thần (danh) này và phần vật-chất (sắc) này là cái được gọi là phần danh-sắc. Hễ có khởi sinh thức thì khởi sinh phần danh-sắc. Khi chấm dứt thức là chấm dứt phần danh-sắc. Và con đường dẫn tới sự chấm dứt phần danh-sắc chính là Bát Thánh Đạo; đó gồm: chánh-kiến … chánh- định. 55. “Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được phần danh-sắc, nguồn-gốc phần danh-sắc, sự chấm-dứt phần danh-sắc, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt phần danh-sắc ... ngay trong kiếp này làm nên sự diệt-khổ. [12] Cũng theo cách này một đệ tử thánh thiện là một người có chánh-kiến ... và đạt tới Giáo Pháp đích thực này.”

(13)- (Thức)

56. “Thật tốt lành, này đạo hữu”, các Tỳ kheo nói, và họ hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi thầy ấy thêm một câu hỏi: “Nhưng, này đạo hữu, có cách nào khác theo đó một đệ tử thánh thiện là người có chánh-kiến … và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này?”—“Có, này các đạo hữu.” 57. “Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được thức [thức], nguồn-gốc thức, sự chấm-dứt thức, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt thức, thì theo cách như vậy người đó là người có chánh-kiến … và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này. 58. “Và cái gì là thức, cái gì là nguồn-gốc thức, cái gì là sự chấm-dứt thức, và cái gì là con-đường dẫn tới sự chấm dứt thức? Có sáu loại thức: thức mắt (nhãn thức), thức tai (nhĩ thức), thức mũi (tỷ thức), thức lưỡi (thiệt thức), thức thân (thân thức), và thức tâm (tâm thức). 285 Hễ có khởi sinh những sự tạo-tác cố ý (hành) thì có khởi sinh thức. Khi chấm dứt những sự tạo-tác cố ý là chấm dứt thức. Và con đường dẫn tới sự chấm dứt thức chính là Bát Thánh Đạo; đó gồm: chánh-kiến … chánh-định. 59. “Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được thức, nguồn-gốc thức, sự chấm-dứt thức, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt thức ... ngay trong kiếp này làm nên sự diệt-khổ. [13] Cũng theo cách này một đệ tử thánh thiện là một người có chánh-kiến ... và đạt tới Giáo Pháp đích thực này.”

(14)- (Những Sự Tạo-Tác Cố Ý) 60. “Thật tốt lành, này đạo hữu”, các Tỳ kheo nói, và họ hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi thầy ấy thêm một câu hỏi: “Nhưng, này đạo hữu, có cách nào khác theo đó một đệ tử thánh thiện là người có chánh-kiến … và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này?”—“Có, này các đạo hữu.” 61. “Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được những sự tạo-tác cố ý [hành], nguồn-gốc những sự

tạo-tác cố ý, sự chấm-dứt những sự tạo-tác cố ý, và con-

đường dẫn tới sự chấm dứt những sự tạo-tác cố ý, thì theo cách như vậy người đó là người có chánh-kiến … và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này. 62. “Và cái gì là những sự tạo-tác cố ý, cái gì là nguồn-gốc những sự tạo-tác cố ý, cái gì là sự chấm-dứt những sự tạo-tác cố ý, và cái gì là con- đường dẫn tới sự chấm dứt những sự tạo-tác cố ý? Có ba loại sự tạo-tác cố ý: những sự tạo-tác cố ý của thân (thân hành), những sự tạo-tác cố ý của lời-nói (khẩu hành), những sự tạo-tác cố ý của tâm (tâm hành). 286 Hễ có khởi sinh vô-minh thì khởi sinh những sự tạo-tác cố ý (hành). Khi chấm dứt vô-minh là chấm dứt những sự tạo-tác cố ý. Và con đường dẫn tới sự chấm dứt những sự tạo-tác cố ý là Bát Thánh Đạo; đó gồm: chánh-kiến … chánh-định. 63. “Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được những sự tạo-tác cố ý, nguồn- gốc những sự tạo-tác cố ý, sự chấm-dứt những sự tạo-tác cố ý, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt những sự tạo-tác cố ý ... ngay trong kiếp này làm nên sự diệt-khổ. [14] Cũng theo cách này một đệ tử thánh thiện là một người có chánh-kiến ... và đạt tới Giáo Pháp đích thực này.”

(15)- (Vô Minh) 64. “Thật tốt lành, này đạo hữu”, các Tỳ kheo nói, và họ hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi thầy ấy thêm một câu hỏi: “Nhưng, này đạo hữu, có cách nào khác theo đó một đệ tử thánh thiện là người có chánh-kiến … và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này?”—“Có, này các đạo hữu.” 65. “Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được vô-minh [vô minh], nguồn-gốc vô-minh, sự chấm-dứt vô-minh, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt vô-minh, thì theo cách như vậy người đó là người có chánh-kiến … và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này. 66. “Và cái gì là vô-minh, cái gì là nguồn-gốc vô-minh [vô minh], cái gì là sự chấm-dứt vô-minh, và cái gì là con-đường dẫn tới sự chấm dứt vô- minh? Không biết sự khổ, không biết nguồn-gốc khổ, không biết con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ—đây được gọi là sự vô-minh. Hễ có khởi sinh

những ô-nhiễm (lậu hoặc) thì khởi sinh sự vô-minh. Khi chấm dứt những ô- nhiễm là chấm dứt sự vô-minh. Và con đường dẫn tới sự chấm dứt sự vô- minh là Bát Thánh Đạo; đó gồm: chánh-kiến … chánh-định. 67. “Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được vô-minh, nguồn-gốc vô-minh, sự chấm-dứt vô-minh, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt vô-minh (vô minh tận) ... ngay trong kiếp này làm nên sự diệt-khổ. [15] Cũng theo cách này một đệ tử thánh thiện là một người có chánh-kiến ... và đạt tới Giáo Pháp đích thực này.”

(16)- (Những Ô-Nhiễm) 68. “Thật tốt lành, này đạo hữu”, các Tỳ kheo nói, và họ hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi thầy ấy thêm một câu hỏi: “Nhưng, này đạo hữu, có cách nào khác theo đó một đệ tử thánh thiện là người có chánh-kiến … và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này?”—“Có, này các đạo hữu.” 69. “Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được những ô-nhiễm [lậu hoặc], nguồn-gốc những ô-nhiễm, sự chấm-dứt những ô-nhiễm, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt những ô-nhiễm, thì theo cách như vậy người đó là người có chánh-kiến … và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực

này. 70. “Và cái gì là những ô-nhiễm, cái gì là nguồn-gốc những ô-nhiễm, cái gì là sự chấm-dứt những ô-nhiễm, và cái gì là con-đường dẫn tới sự chấm dứt những ô-nhiễm? Có ba loại ô-nhiễm (chính) này: ô-nhiễm của/do tham- muốn khoái-lạc giác-quan (dục lậu), ô-nhiễm của/do sự hiện-hữu (hữu lậu), và ô-nhiễm của/do vô-minh (vô minh lậu). Hễ có khởi sinh vô-minh thì khởi sinh những ô-nhiễm (lậu hoặc).287 Khi chấm dứt vô-minh là chấm dứt những ô-nhiễm. Và con đường dẫn tới sự chấm dứt những ô-nhiễm chính là Bát Thánh Đạo; đó gồm: chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tấn, chánh-niệm, và chánh-định. 71. “Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được những ô-nhiễm, nguồn-gốc những ô-nhiễm, sự chấm-dứt những ô-nhiễm, và con-đường dẫn tới sự chấm

dứt những ô-nhiễm (lậu tận), thì người đó hoàn toàn dẹp bỏ khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) tạo ra tham, người đó xóa bỏ khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sân, người đó loại bỏ khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra quan-điểm này nọ (tà kiến) và sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây), và bằng sự dẹp bỏ vô-minh và phát khởi trí-biết đích thực (minh, chân trí), người đó ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ] làm nên sự diệt-khổ. [16] Cũng theo cách này một đệ tử thánh thiện là người có chánh-kiến, cách-nhìn của người đó là chánh thẳng, là người có niềm-tin bất lay chuyển vào Giáo Pháp, và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này.” Đó là lời thầy Xá-lợi-phất đã nói. Các Tỳ kheo đã hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Xá-lợi-phất. (MN 09: Sammādiṭṭhi Sutta) (Kinh “Chánh Kiến”)

4. LÃNH ĐỊA CỦA TRÍ TUỆ

(1) Theo Cách (Phân Tích) Năm Uẩn (a) Những Giai Đoạn Chuyển Biến Của Các Uẩn Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, có năm uẩn bị dính-chấp (năm thủ uẩn). Năm đó là gì? Uẩn sắc-thân bị dính chấp, uẩn cảm-giác bị dính chấp, uẩn nhận-thức bị dính chấp, uẩn những sự tạo-tác cố ý bị dính chấp, uẩn thức bị dính chấp. “Chừng nào ta chưa trực-tiếp biết năm uẩn bị dính-chấp theo bốn giai đoạn,288 đúng như chúng thực là, thì ta không tuyên bố rằng ta đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này có các tu sĩ và các bà-la-môn, những thiên thần và loài người. Nhưng khi ta đã trực-tiếp biết tất cả điều đó, đúng như chúng thực là, ta mới tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự

giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới này có … những thiên thần và loài người. “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào có bốn giai đoạn đó? Ta trực-tiếp biết sắc-thân (sắc), nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó. Ta trực-tiếp biết cảm-giác (thọ) … nhận-thức (tưởng) … những sự tạo-tác cố ý (hành) … thức (thức), nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó. (1) “Và này các Tỳ kheo, cái gì là sắc-thân? Bốn yếu-tố lớn (tứ đại) và những thể sắc phái sinh từ bốn yếu-tố lớn đó. Đây được gọi là sắc. Khi có khởi sinh ‘dưỡng-chất’ là khởi sinh sắc-thân. Khi chấm dứt ‘dưỡng-chất’ là chấm dứt sắc-thân. Bát Thánh Đạo là đường dẫn tới sự chấm dứt sắc-thân; đó gồm (tám phần tu tập): chánh-kiến, chánh

tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tấn, chánh-niệm, và chánh-định [cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự tâm-niệm đúng đắn, và sự định-tâm đúng đắn].289 (a) "Những tu sĩ nào hay bà-la-môn nào đã trực-tiếp biết như vậy về sắc-thân, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, là họ đang tu tập để đạt tới sự ghê-sợ đối với sắc-thân, để đạt tới sự phai biến và chấm dứt của nó, là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo là họ đã có-được một chỗ-đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này. 290 (b) "Và những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về sắc-thân, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, thông qua sự ghê-sợ đối với sắc-thân, thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó, họ được giải thoát bởi sự không còn dính-chấp, họ được giải thoát một cách thiện khéo. Những người khéo được giải thoát là những người toàn-vẹn (hoàn thiện, hoàn thành). Đối với những người toàn-vẹn như vậy, thì không còn vòng luân-hồi nào để mô tả họ. (tức, họ không còn tái sinh, không còn hiện thị trong thế gian nữa).291

(2) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là cảm-giác? Cảm giác có sáu dạng như vầy: (a) cảm giác có từ mắt tiếp xúc, (b) cảm giác có từ tai tiếp xúc, (c) cảm giác có từ mũi tiếp xúc, (d) cảm giác có từ lưỡi tiếp xúc, (e) cảm giác có từ thân chạm xúc, (f) cảm giác có từ tâm tiếp xúc. Đây được gọi là cảm-giác. Khi có 'tiếp xúc' (xúc) thì khởi sinh cảm-giác (thọ).292 Khi chấm dứt 'tiếp xúc' (xúc diệt) thì chấm dứt cảm-giác (thọ diệt). Bát Thánh Đạo là đường dẫn tới sự chấm dứt cảm-giác; đó gồm (tám phần tu tập): cách-nhìn đúng đắn … và sự định-tâm đúng đắn. (a) "Những tu sĩ nào hay bà-la-môn nào đã trực-tiếp biết như vậy về cảm-giác, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, là họ đang tu tập để đạt tới sự ghê-sợ đối với cảm-giác, để đạt tới sự phai biến và chấm dứt của nó, là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo là họ đã có-được một chỗ đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này. (b) "Và những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về cảm-giác, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, thông qua sự ghê-sợ đối với cảm-giác, thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó, họ được giải thoát bởi sự không còn dính-chấp … Đối với những người toàn-vẹn như vậy, thì không còn vòng luân-hồi nào để mô tả họ. (3) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nhận-thức? Nhận thức có sáu dạng như vầy: (a) nhận thức về những hình-sắc, (b) nhận thức về những âm-thanh, (c) nhận thức về những mùi-hương, (d) nhận thức về những mùi-vị, (e) nhận thức về những đối-tượng chạm xúc, (f) nhận thức về những hiện-tượng thuộc tâm. Đây được gọi là nhận-thức. Khi có 'tiếp xúc' là có khởi sinh nhận-thức. Khi chấm dứt 'tiếp xúc' là chấm dứt nhận-thức. Bát Thánh Đạo là đường dẫn tới sự chấm dứt nhận-thức; đó gồm (tám phần tu tập):chánh-kiến … chánh- định. (a) "Những tu sĩ nào hay bà-la-môn nào đã trực-tiếp biết như vậy về nhận-thức, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự

chấm-dứt nó, là họ đang tu tập để đạt tới sự ghê-sợ đối với nhận-thức, để đạt tới sự phai biến và chấm dứt của nó, là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo là họ đã có-được một chỗ đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này. (b) "Và những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về nhận-thức, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, thông qua sự ghê-sợ đối với nhận-thức, thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó, họ được giải thoát bởi sự không còn dính-chấp … Đối với những người toàn-vẹn như vậy, thì không còn vòng luân-hồi nào để mô tả họ. (4) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những sự tạo-tác cố ý? Sự cố-ý (tư) có sáu dạng:293 (i) sự cố-ý đối với những hình-sắc, (ii) sự cố-ý đối với những âm-thanh, (iii) sự cố-ý đối với những mùi-hương, (iv) sự cố-ý đối với những mùi-vị, (v) sự cố-ý đối với những đối-tượng chạm xúc, (vi) sự cố-ý đối với những hiện-tượng thuộc tâm (các pháp). Những sự này được gọi là những sự tạo-tác cố ý (các hành). Khi có 'sự tiếp-xúc' (xúc) là có khởi sinh 'những sự tạo-tác cố ý' (hành). Khi chấm dứt 'sự tiếp-xúc' (xúc diệt) là chấm dứt 'những sự tạo-tác cố ý' (hành diệt). Bát Thánh Đạo là đường dẫn tới sự chấm-dứt những sự tạo-tác cố ý; đó gồm (tám phần tu tập): chánh-kiến … chánh-định. (a) "Những tu sĩ nào hay bà-la-môn nào đã trực-tiếp biết như vậy về những sự tạo-tác cố ý, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, là họ đang tu tập để đạt tới sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác cố ý, để đạt tới sự phai biến và chấm dứt của nó, là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo là họ đã có- được một chỗ đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này. (b) "Và những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về những sự tạo-tác cố ý, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, thông qua sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác cố ý, thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó, họ được giải thoát bởi sự

không còn dính-chấp … Đối với những người toàn-vẹn như vậy, thì không còn vòng luân-hồi nào để mô tả họ. (5) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là thức? Thức có sáu dạng như vầy: (i) thức mắt, (ii) thức tai, (iii) thức mũi, (iv) thức lưỡi, (v) thức thân, (vi) thức tâm. Đây được gọi là thức. Khi có phần 'danh-sắc' (danh sắc) là có khởi sinh thức (thức). Khi chấm dứt phần 'danh-sắc' (danh sắc diệt) là chấm dứt thức (thức diệt). Bát Thánh Đạo là đường dẫn tới sự chấm dứt thức; đó gồm (tám phần tu tập): chánh-kiến … chánh-định.294 (a) "Những tu sĩ nào hay bà-la-môn nào đã trực-tiếp biết như vậy về thức, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm- dứt nó, là họ đang tu tập để đạt tới sự ghê-sợ đối với thức, để đạt tới sự phai biến và chấm dứt của nó, là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo là họ đã có-được một chỗ đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này. (b) "Và những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về thức, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, thông qua sự ghê-sợ đối với thức, thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó, họ được giải thoát bởi sự không còn dính-chấp … Đối với những người toàn-vẹn như vậy, thì không còn vòng luân-hồi nào để mô tả họ. (SN 22:56, Quyển 3)

(b) Một Vấn-Đáp Về Năm Uẩn Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī trong Khu Vườn Phía Đông, trong Lâu Đài của Mẹ của Migāra, cùng với Tăng đoàn nhiều Tỳ kheo. Bấy giờ, vào lúc đó— là ngày rằm Bố-tát [Uposatha], vào đêm trăng tròn—đức Thế Tôn đang ngồi ngoài trời xung quanh là Tăng đoàn các Tỳ kheo.295

[I]- Rồi có một Tỳ kheo đứng dậy khỏi chỗ ngồi, chỉnh xếp y trên một vai, chấp hai tay hướng về đức Thế Tôn kính lễ, và nói với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, con muốn hỏi đức Thế Tôn về một điều, mong đức Thế Tôn ban cho sự trả lời cho câu hỏi của con." "Được rồi, này Tỳ kheo, hãy ngồi xuống chỗ ngồi của mình và hỏi điều thầy muốn hỏi." "Dạ, thưa Thế Tôn", Tỳ kheo đó đáp lại. Rồi thầy đó ngồi xuống chỗ ngồi của mình và thưa với đức Thế Tôn: (1) "Thưa Thế Tôn, những thứ này có phải là năm uẩn bị [tác động bởi sự] dính-chấp (năm uẩn chấp thủ, năm thủ uẩn) hay không; đó là: uẩn sắc-thân (sắc uẩn) bị dính-chấp, uẩn cảm-giác (thọ uẩn) bị dính-chấp, uẩn nhận- thức (tưởng uẩn) bị dính-chấp, uẩn những sự tạo-tác cố ý (hành uẩn) bị dính- chấp, và uẩn thức (thức uẩn) bị dính-chấp?" "Này các Tỳ kheo, đây chính là năm uẩn bị dính-chấp này; đó gồm: uẩn sắc-thân bị dính-chấp … uẩn thức bị dính-chấp." "Thật tốt lành, thưa Thế Tôn", sau khi nói vậy, vị Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời nói của đức Thế Tôn. Rồi vị đó hỏi đức Thế Tôn thêm một câu hỏi: (2) "Nhưng, thưa Thế Tôn, năm uẩn bị dính-chấp này có gốc rễ từ đâu?" "Này Tỳ kheo, năm uẩn bị dính-chấp này có gốc rễ từ sự tham- muốn."296 (3) "Thưa Thế Tôn, có phải sự dính-chấp (thủ) là một với năm uẩn bị dính-chấp (năm thủ uẩn) này, hay sự dính-chấp là một thứ khác với năm uẩn bị dính-chấp?" "Này Tỳ kheo, sự dính-chấp đó không phải là một với năm uẩn bị dính-chấp, cũng không phải là thứ khác với năm uẩn bị dính-chấp. Chính sự tham- muốn và nhục-dục đối với năm uẩn bị dính-chấp mới là sự dính-chấp ở đó."297

(4) "Nhưng, thưa Thế Tôn, có thể có sự đa dạng trong sự tham-muốn và nhục-dục đối với năm uẩn bị dính-chấp này hay không?" "Có thể có, này Tỳ kheo", đức Thế Tôn nói. "Ở đây, này Tỳ kheo, có người nghĩ như vầy: 'Ta mong có được sắc-thân như vậy trong tương lai! Ta mong có được cảm-giác như vậy trong tương lai! Ta mong có được nhận-thức như vậy trong tương lai! Ta mong có được những sự tạo-tác cố ý cố-ý như vậy trong tương lai! Ta mong có được thức như vậy trong tương lai!' Như vậy đó, này Tỳ kheo, có khả năng có sự đa-dạng trong sự tham-muốn và nhục-dục đối với năm uẩn bị dính-chấp." (5) "Thưa Thế Tôn, theo cách nào, sự chỉ danh (sự gọi tên) 'uẩn' được áp dụng cho các uẩn?" ""Này Tỳ kheo, mọi sắc-thân dù là loại gì, quá khứ, tương lai hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, nhược hay ưu, xa hay gần—đây là uẩn sắc-thân. Mọi cảm-giác dù là loại gì … xa hay gần—đây là uẩn cảm- giác. Mọi nhận-thức dù là loại gì … xa hay gần—đây là uẩn nhận-thức. Mọi sự tạo-tác cố ý dù là loại gì … xa hay gần—đây là uẩn những sự tạo-tác cố ý. Mọi thức dù là loại gì … xa hay gần—đây là uẩn thức. Chính theo cách này sự chỉ danh 'uẩn' được áp dụng cho các uẩn." (6) "Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân (nhân) và điều kiện (duyên) cho sự thể hiện (sự mô tả) của uẩn sắc-thân?298 Cái gì là nguyên-nhân và điều-kiện cho sự thể

hiện của uẩn cảm-giác … uẩn nhận-thức … uẩn những sự tạo-tác cố ý … uẩn thức?” “Này Tỳ kheo, bốn yếu-tố lớn (tứ đại) là nguyên-nhân và điều-kiện cho sự thể hiện của uẩn sắc-thân (tứ đại sinh sắc-uẩn). Sự tiếp-xúc là nguyên- nhân và điều-kiện cho sự thể hiện của uẩn cảm-giác (xúc sinh thọ uẩn). Sự tiếp-xúc là nguyên-nhân và điều-kiện cho sự thể hiện của uẩn nhận-thức (xúc sinh tưởng-uẩn). Sự tiếp-xúc là nguyên-nhân và điều-kiện cho sự thể hiện của uẩn những sự tạo-tác cố ý (xúc sinh hành-uẩn). Phần ‘tâm thần-vật chất’ (danh sắc) là nguyên-nhân và điều-kiện cho sự thể hiện của uẩn thức (danh- sắc sinh thức-uẩn).”

(7) “Thưa Thế Tôn, theo cách nào ‘quan-điểm có danh-tính’ (thân kiến) được hình thành?”” “Ở đây, này Tỳ kheo, một người phàm phu không được chỉ dạy, không phải là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và không thiện khéo và không được kỷ cương (rèn luyện, huấn luyện) trong Giáo Pháp của những thánh nhân; không phải là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và không thiện khéo và không được kỷ cương trong Giáo Pháp của những thượng nhân; cứ coi sắc-thân là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu sắc-thân, hoặc nghĩ sắc-thân ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong sắc-thân. “Người đó cứ coi cảm-giác là cái ‘ta’ … nhận-thức là cái ‘ta’ … những sự tạo-tác cố ý cố-ý là cái ‘ta’ … thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hoặc nghĩ thức ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức. Đó là cách quan- điểm có danh-tính (thân kiến) được hình thành.” (8) “Nhưng, thưa Thế Tôn, theo cách nào ‘quan-điểm có danh-tính’ (thân kiến) không đi đến hình thành?” “Ở đây, này Tỳ kheo, một đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và thiện khéo và được kỷ cương trong Giáo Pháp của những thánh nhân; là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và thiện khéo và được kỷ cương trong Giáo Pháp của những thượng nhân; không coi sắc-thân là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu sắc-thân, hoặc nghĩ sắc- thân ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong sắc-thân. “Người đó không coi cảm-giác là cái ‘ta’ … nhận-thức là cái ‘ta’ … những sự tạo-tác cố ý cố-ý là cái ‘ta’ … thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hoặc nghĩ thức ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức. Đó là cách ‘quan-điểm có danh-tính’ (thân kiến) không đi đến hình thành.” (9) “Thưa Thế Tôn, cái gì là sự thỏa-thích, cái gì là sự nguy-hại, và cái gì là sự thoát-khỏi [trong trường hợp] đối với sắc-thân? Cái gì là sự thỏa- thích, cái gì là sự nguy-hại, và cái gì là sự thoát-khỏi [trong trường hợp] đối

với cảm-giác … đối với cảm-giác … dục-vọng nhận-thức … đối với những sự tạo-tác cố ý … đối với thức?” “Này Tỳ kheo, sự khoái sướng và vui thích (lạc và hỷ) khởi sinh tùy thuộc vào sắc-thân—đây được gọi là sự thỏa-thích đối với sắc-thân. Mà sắc- thân là vô-thường, khổ, và bị biến đổi—đây là sự nguy-hại đối với sắc-thân. Sự loại bỏ tham-muốn và nhục-dục, sự dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với sắc-thân—đây là sự thoát-khỏi đối với sắc-thân. “Sự khoái sướng và vui thích (lạc và hỷ) khởi sinh tùy thuộc vào cảm- giác … tùy thuộc vào nhận-thức … tùy thuộc vào những sự tạo-tác cố ý … tùy thuộc vào thức—đây là sự thỏa-thích đối với thức. Mà thức là vô-thường, khổ, và bị biến đổi—đây là sự nguy-hại đối với thức. Sự loại bỏ tham-muốn và nhục-dục, sự

dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với thức—đây là sự thoát-khỏi đối với thức. (10) “Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người nên biết, theo cách nào một người nên thấy, để mà, đối với ‘thân có-thức’ này và đối với tất cả những dấu-hiệu (hình tướng) bên ngoài, thì sự tạo-nên cái ‘ta’ (ngã kiến), sự tạo-nên cái ‘của-ta’ (ngã sở kiến), và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo nên sự tự-ta (tùy miên ngã mạn) không còn xảy ra ở bên trong?” “Này Tỳ kheo, mọi sắc-thân dù là loại gì, quá khứ, tương lai hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, nhược hay ưu, xa hay gần—một người nhìn thấy bằng trí-tuệ chánh đúng đúng như nó thực là như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.’ “Mọi cảm-giác dù là loại gì … Mọi nhận-thức dù là loại gì … Mọi sự tạo-tác dù là loại gì … Mọi thức dù là loại gì … một người nhìn thấy bằng trí-tuệ chánh đúng đúng như nó thực là như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.’ Chính khi một người biết và thấy như vậy thì đối với ‘thân có-thức’ này và đối với tất cả những dấu-hiệu bên ngoài, thì sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo nên sự tự-ta không còn xảy ra ở bên trong.

330 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

(trích phần [I], SN 22: 82, Quyển 3)

(c) Đặc Tính Vô-Ngã (vô ngã tướng) 299 Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang cư trú ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai ở Isipatana (Isipatana có nghĩa là: nơi những thiên thần hạ giới). Ở đó đức Thế Tôn nói với nhóm năm Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo!” “Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói như vầy: “Này các Tỳ kheo, sắc-thân không phải là ‘ta’. Bởi nếu sắc-thân là ta, này các Tỳ kheo, thì sắc-thân này đâu dẫn tới khổ đau, và ta có thể quyết định: ‘Sắc-thân của ta phải như vầy; sắc-thân của ta không được như vậy.’ Nhưng bởi vì sắc-thân không phải là ‘ta’, cho nên tự nó dẫn tới khổ đau, và ta không thể nào quyết định: ‘Sắc-thân của ta phải như vầy; sắc-thân của ta không được như vậy.’300 “Cảm-giác không phải là ‘ta’ … Nhận-thức không phải là ‘ta’ … Những sự tạo-tác cố ý không phải là ‘ta’ … Thức không phải là ‘ta’. Bởi nếu thức là ‘ta’, này các Tỳ kheo, thì thức này đâu dẫn tới khổ đau, và ta có thể quyết định: ‘Thức của ta phải như vầy; thức của ta không được như vậy.’ Nhưng bởi vì thức không phải là ‘ta’, cho nên tự nó dẫn tới khổ đau, và ta không thể nào quyết định: ‘Thức của ta phải như vầy; thức của ta không được như vậy.’ “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, sắc-thân là thường hằng hay vô thường?”—“Là vô thường, thưa Thế Tôn”—“Mà thứ gì vô thường là khổ hay là sướng?”—“Là khổ, thưa Thế Tôn”,—“Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’, hay không?”—“Dạ không, thưa Thế Tôn”. “Cảm-giác là thường hằng hay vô thường? … Nhận-thức là thường hằng hay vô thường? … Những sự tạo-tác cố ý là thường hằng hay vô thường? … Thức là thường hằng hay vô thường?”—“Là vô thường, thưa Thế Tôn”, —“Mà thứ gì vô thường là khổ hay là sướng?”—“Là khổ, thưa Thế

Chương IX – Chiếu Ánh Sáng Trí-Tuệ • 331

Tôn”,—“Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’, hay không?”— “Dạ không, thưa Thế Tôn”. “Do vậy, mọi sắc-thân dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— tất cả sắc- thân nên được nhìn thấy đúng như chúng thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: ‘Đây không phải ‘của ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã của ta”. “Mọi cảm-giác dù là loại gì … mọi nhận-thức dù là loại gì … mọi sự tạo-tác cố ý dù là loại gì … mọi thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— tất cả cảm-giác … thức nên được nhìn thấy đúng như chúng thực là, bằng trí- tuệ chánh đúng như vầy: ‘Đây không phải ‘của ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã của ta”. “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với sắc-thân, sự ghê-sợ đối với cảm-giác, sự ghê-sợ đối với nhận-thức, sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác cố ý, sự ghê-sợ đối với thức. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] người đó được giải-thoát. Khi tâm được giải thoát thì có sự biết: ‘Nó được giải thoát.’ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần phải làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn. Và trong khi bài kinh này đang được nói, tâm của năm vị Tỳ kheo đó đã được giải-thoát khỏi mọi ô-nhiễm nhờ sự không dính-chấp. (SN 22:59, Quyển 3)

(d) Vô Thường, Khổ, Vô ngã

“Này các Tỳ kheo, sắc-thân là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’. Khi một người nhìn thấy điều này như vậy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, thì tâm sẽ trở nên chán-bỏ và được giải-thoát khỏi mọi ô-nhiễm nhờ sự không dính-chấp (vô thủ).301 “Cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’. Khi một người nhìn thấy điều này như vậy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, thì tâm sẽ trở nên chán-bỏ và được giải-thoát khỏi mọi ô-nhiễm nhờ sự không dính-chấp. “Này các Tỳ kheo, nếu tâm một người đã trở nên chán-bỏ đối với yếu tố sắc-thân, thì nó được giải thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không dính-chấp. Nếu tâm đã trở nên chán-bỏ đối với yếu tố cảm-giác … đối với yếu tố nhận- thức … đối với yếu tố những sự tạo-tác cố ý … đối với yếu tố thức, thì nó được giải thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không dính-chấp. “Nhờ nó được giải-thoát, nên nó ổn định; nhờ được ổn định, nên nó hài lòng; nhờ được hài lòng, nên người tu không bị khích-động. Nhờ nó không bị khích-động, nên người đó tự mình chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã

tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'" 302 (SN 22:45, Quyển 3)

(e) Như Bọt Nước, như Bong Bóng, như Ảo Ảnh … Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Ayojjhā bên bờ sông Hằng. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo:303

(1) "Này các Tỳ kheo, ví dụ sông Hằng này đang chảy mang theo một đống bọt-nước. Một người có mắt sáng có thể kiểm tra đống bọt-nước, suy xét nó, và điều tra kỹ càng nó, và người đó có thể thấy rằng đống bọt-nước đó chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất gì (chắc chắn) bên trong đống bọt-nước đó đâu? Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, mọi sắc-thân dù là loại gì, là quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần—một Tỳ kheo kiểm tra sắc-thân, suy xét nó, và điều tra kỹ càng nó, và người đó có thể thấy rằng sắc-thân chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất gì bên trong sắc-thân đó đâu?304 (2) "Này các Tỳ kheo, ví dụ lúc mùa thu, khi trời đang mưa và những giọt mưa lớn đang rơi xuống, một bong-bóng nước nổi lên và vỡ tan trên mặt nước. Một người có mắt sáng có thể kiểm tra một bong-bong nước, suy xét nó, và điều tra kỹ càng về nó, và người đó có thể thấy rằng bong-bóng nước chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất gì bên trong bong-bóng nước đó đâu? Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, mọi cảm-giác dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— một Tỳ kheo kiểm tra cảm- giác, suy xét nó, và điều tra kỹ càng về nó, và người đó có thể thấy rằng cảm- giác chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất gì chắc chắn bên trong cảm-giác đó đâu?305 (3) "Này các Tỳ kheo, ví dụ lúc cuối tháng mùa nóng, vào lúc trưa nắng gắt, một ảo-ảnh lung linh xuất hiện (đằng xa, trên mặt đường…). Một người có mắt sáng có thể kiểm tra ảo-ảnh, suy xét nó, và điều tra kỹ càng về nó, và người đó có thể thấy rằng ảo-ảnh chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất gì bên trong ảo-ảnh đó đâu? Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, mọi nhận-thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— một Tỳ kheo kiểm tra nhận-thức, suy xét nó, và điều tra kỹ càng về nó, và người đó có thể thấy rằng nhận-thức chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất gì bên trong nhận-thức đó đâu?306

(4) "Này các Tỳ kheo, ví dụ có người đang cần gỗ lõi, đang tìm kiếm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, người đó lấy một rìu bén và đi vô rừng. Người đó nhìn thấy một cây chuối lớn, thẳng, tươi, không có cùi buồng chuối. 307 Người đó đốn gốc hạ cây xuống, chặt bỏ phần lá, và lột bẹ chuối. Khi người đó lột bẹ chuối, người đó không tìm thấy thậm chí một chút phần gỗ mềm, nói chi tới phần gỗ lõi. Một người có mắt sáng có thể kiểm tra thân-cây-chuối, suy xét nó, và điều tra kỹ càng về nó, và người đó có thể thấy rằng thân-cây-chuối chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất

gì (chắc chắn) bên trong thân cây chuối đó đâu? Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, mọi sự tạo-tác cố ý dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— một Tỳ kheo kiểm tra những sự tạo-tác cố ý, suy xét chúng, và điều tra kỹ càng về chúng, và người đó có thể thấy rằng những sự tạo-tác cố ý chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất gì bên trong những sự tạo-tác cố ý đó đâu?308 (5) "Này các Tỳ kheo, ví dụ có một nhà ảo thuật [hay người thợ phó của ông] có thể biểu diễn một trò ảo-thuật ở một ngã tư đường. Một người có mắt sáng có thể kiểm tra trò ảo-thuật, suy xét nó, và điều tra kỹ càng về nó, và người đó có thể thấy rằng màn ảo-thuật chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất gì bên trong màn ảo-thuật đó đâu? Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, mọi thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— một Tỳ kheo kiểm tra thức, suy xét nó, và điều tra kỹ càng về nó, và người đó có thể thấy rằng thức chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất gì bên trong thức đó đâu?309 "Này các Tỳ kheo, sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với sắc-thân, sự ghê-sợ đối với cảm-giác, sự ghê-sợ đối với nhận-thức, sự ghê-sợ đối với những sự tạo- tác cố ý, sự ghê-sợ đối với thức. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] người đó được giải-thoát. Khi tâm được giải thoát, có sự-biết: 'Nó được giải thoát'. Người đó hiểu rằng: 'Sinh

đã tận diệt đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'"

(SN 22:95, Quyển 3)

(2) Theo Cách (Phân Tích) Sáu Cơ-Sở Cảm-Nhận (a) Sự Hoàn-Toàn Hiểu "Này các Tỳ kheo, nếu không trực-tiếp biết (liễu tri) và hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) tất-cả (12 cơ-sở cảm-nhận bên trong và bên ngoài, sáu nội xứ và sáu ngoại xứ), không tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người tu không khả năng tiêu diệt sự khổ.310 (1) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là cái tất-cả mà nếu không trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu nó, nếu không tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người tu không khả năng tiêu diệt sự khổ? "(đó là) Nếu không trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu mắt, nếu không tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người tu không khả năng tiêu diệt sự khổ. Nếu không trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu những hình-sắc ... sự tiếp-xúc mắt ... thức-mắt ... và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên) ... nếu không tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người tu không khả năng tiêu diệt sự khổ. "Nếu không trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu tai ... tâm ... ... và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên) ... nếu không tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người tu không khả năng tiêu diệt sự khổ. "Này các Tỳ kheo, đây chính là tất-cả mà nếu không trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu nó ... thì người tu không khả năng tiêu diệt sự khổ. (2) "Này các Tỳ kheo, bằng cách trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu tất-cả, bằng cách tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự

dẹp-bỏ nó, thì người tu mới có khả năng tiêu diệt sự khổ.

336 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là cái tất-cả mà bằng cách trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu nó, bằng cách tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người tu mới có khả năng tiêu diệt sự khổ? “(đó là) Bằng cách trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu mắt ... tâm ... ... mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt ... do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên) ... bằng cách tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người tu mới có khả năng tiêu diệt sự khổ. “Này các Tỳ kheo, đây chính là tất-cả mà bằng cách trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu nó ... thì người tu có khả năng tiêu diệt sự khổ.” (SN 35:26, Quyển 4)

(b) Như Lửa Đang Bốc Cháy Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở vùng Gayā, tại chỗ (được gọi là) ‘Đầu của Gayā’ [Gayāsiisa], cùng với một ngàn Tỳ kheo. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy:311 “Này các Tỳ kheo, tất cả đều đang bốc cháy. Và, này các Tỳ kheo tất cả những thứ đang bốc cháy là gì? Mắt đang bốc cháy, những hình-sắc đang bốc cháy, sự tiếp-xúc mắt đang bốc cháy, và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù là sướng hay khổ hay trung tính [không khổ không sướng]—cũng đang bốc cháy. Đang bốc cháy bằng cái gì? Đang bốc cháy bằng lửa tham, bằng lửa sân, bằng lửa si; đang bốc cháy bằng sự sinh, già, và chết; bằng sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não), ta nói như vậy. “Tai đang bốc cháy ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm đang bốc cháy ... và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên)—dù là sướng hay khổ hay trung tính—cũng đang bốc cháy. Đang bốc cháy bằng cái gì? Đang bốc cháy bằng lửa tham, bằng lửa sân, bằng lửa si; đang bốc cháy bằng sự sinh, già, và chết; bằng sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng, ta nói như vậy.

Chương IX – Chiếu Ánh Sáng Trí-Tuệ • 337

“Này các Tỳ kheo, sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trở nên ghê-sợ đối với mắt, đối với những hình-sắc, đối với thức-mắt, đối với sự tiếp-xúc mắt, đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù là sướng hay khổ hay trung tính; trở nên ghê-sợ đối với tai ... đối với mũi ... đối với lưỡi ... đối với thân ... đối với tâm ... đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên) ... Sau khi đã trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát thì có sự-biết: ‘Nó được giải-thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa’.” Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Những Tỳ kheo đó hài lòng và vui mừng với lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn. Và trong khi bài kinh này đang được nói ra, tâm của một ngàn Tỳ kheo đó đã được giải-thoát khỏi những ô-nhiễm (lậu hoặc) nhờ sự không còn dính-chấp (thủ diệt). (SN 35:28, Quyển 4)

(c) Phù Hợp Để Chứng Ngộ Niết-Bàn “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy đường-lối (cách tu) là thích hợp để (dẫn tới sự) chứng ngộ Niết-bàn.312 Hãy lắng nghe điều đó ...

(I) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là đường-lối thích hợp để chứng ngộ Niết-bàn? Ở đây, một Tỳ kheo nhìn thấy mắt là vô thường, người đó nhìn thấy những hình-sắc là vô thường, người đó nhìn thấy thức-mắt là vô thường, người đó nhìn thấy sự tiếp-xúc mắt là vô thường, người đó nhìn thấy mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều là vô thường. “Người đó nhìn thấy tai là vô thường ... Người đó nhìn thấy tâm là vô thường, người đó nhìn thấy những hiện-tượng thuộc tâm là vô thường, người đó nhìn thấy thức-tâm là vô thường, người đó nhìn thấy sự tiếp-xúc tâm là vô

thường, người đó nhìn thấy mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều là vô thường. “Này các Tỳ kheo, đây chính là đường-lối là thích hợp cho sự chứng ngộ Niết-bàn.” (II) [Lặp lại giống lời trên, chỉ thay chữ Vô Thường bằng Khổ ...]

(III) [Lặp lại giống lời trên, chỉ thay chữ Vô Thường bằng Vô Ngã ...]

(kết hợp SN 35:147, 148, và 149, Quyển 4)

(d) Thế Giới Là Trống Không Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa: “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘thế giới là trống không, thế giới là trống không’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào mà nói ‘thế giới là trống không’?” “Này Ānanda, đó là bởi vì nó không có ngã (tự tính, bản ngã, tự ngã, ‘chủ thể’, cái ‘ta’) và không có thứ gì thuộc về ngã, cho nên mới nói ‘Thế giới là trống không’. Và cái gì không có ngã và không có thứ gì thuộc về ngã? Này Ānanda, mắt ... tâm là không có ngã và không có thứ gì thuộc về ngã. Những hình-sắc ... những hiện-tượng thuộc tâm là không có ngã và không có thứ gì thuộc về ngã. Thức-mắt ... thức tâm là không có ngã và không có thứ gì thuộc về ngã. Sự tiếp-xúc mắt ... sự tiếp xúc tâm là không có ngã và không có thứ gì thuộc về ngã ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt ... do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng là không có ngã và không có thứ gì thuộc về ngã. “Này Ānanda, đó là bởi vì nó không có tự ngã và không có thứ gì thuộc về ngã, cho nên mới nói ‘Thế giới là trống không.’” (SN 35:85, Quyển 4)

(e) Thức Cũng Là Vô Ngã (Không phải là cái ‘Ta’) Trong một lần Ngài Ānanda và Ngài Udāyī đang sống ở Kosambī trong Tịnh Xá Ghosita. Lúc đó, vào buổi cuối chiều, thầy Udāyī ra khỏi chỗ ẩn trú và đến gặp thầy Ānanda. Thầy ấy chào hỏi với thầy Ānanda, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên và nói với thầy Ānanda: “Này đạo hữu Ānanda, đức Thế Tôn đã tuyên bố, đã khai mở, và đã làm cho thấy [bản chất của] thân này theo nhiều cách, như vầy: ‘Vì lý do như vậy nên thân này là vô ngã’. Vậy có thể giải thích [bản chất của] thức theo cách tương tự như vậy hay không? Có thể chỉ dạy, tuyên thuyết, thiết lập, khai mở, phân tích, và làm rõ điều đó như vầy: ‘Vì lý do như vậy nên thức là vô ngã’, hay không?” “Có thể được, này đạo hữu Udāyī. Có phải thức-mắt khởi sinh tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc?” “Đúng, thưa đạo hữu.” “Nếu nguyên-nhân và điều-kiện (nhân duyên) làm khởi sinh thức-mắt

chấm-dứt hoàn toàn và sạch sẽ [không còn tàn dư], thì liệu thức-mắt có còn [được thấy] hay không?" "Không, thưa đạo hữu." "Này đạo hữu, chính theo cách này đức Thế Tôn đã tuyên bố, đã khai mở, đã công khai như vầy: 'Vì lý do như vậy nên thức là vô ngã'. "Có phải thức-tai ... thức-tâm khởi sinh tùy thuộc vào tai và những âm- thanh hay không?" "Đúng, thưa đạo hữu." "Nếu nguyên-nhân và điều-kiện làm khởi sinh thức-tai ... thức-tâm chấm dứt hoàn toàn và sạch sẽ, thì liệu thức-tai ... thức-tâm có còn [được thấy], hay không?" "Không, thưa đạo hữu."

"Này đạo hữu, cũng theo cách này đức Thế Tôn đã được tuyên bố, đã khai mở, và đã làm cho thấy điều này như vầy: 'Vì lý do như vậy nên thức là vô ngã'." "Này đạo hữu, ví dụ có người đang cần gỗ lõi, đang tìm kiếm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, người đó lấy rìu bén và đi vô rừng. 313 Người đó nhìn thấy một cây chuối lớn, thẳng, tươi, không có cùi buồng chuối. Người đó đốn gốc hạ cây xuống, chặt bỏ phần lá, và lột bẹ chuối. Khi người đó lột bẹ chuối, người đó không tìm thấy thậm chí một chút phần gỗ mềm, nói chi tới phần gỗ lõi. "Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo không nhận thấy trong sáu cơ-sở tiếp xúc (sáu giác-quan, sáu nội xứ) này có một bản ngã nào hay có thứ gì thuộc về một bản ngã. Bởi vì người đó không nhận thấy có thứ gì như vậy, nên người đó không còn dính-chấp vào thứ gì trong thế giới. Do không còn dính-chấp (thủ diệt), nên người đó không còn bị khích-động. Do không còn bị khích-động, nên người đó tự mình chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: "Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa'." (SN 35:234, Quyển 4)

(3) Theo Cách (Phân Tích) Các Yếu-Tố (a) Mười Tám Yếu tố "Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự [đa dạng] nhiều loại yếu-tố (thành tố, nhân tố, nguyên tố; giới). Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói."314 "Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nhiều loại yếu tố? Yếu tố mắt, yếu tố hình-sắc, yếu tố thức mắt; yếu tố tai, yếu tố âm-thanh, yếu tố thức-tai; yếu tố mũi, yếu tố mùi-hương, yếu tố thức-mũi; yếu tố lưỡi, yếu tố mùi-vị, yếu tố thức-lưỡi; yếu tố thân, yếu tố đối-tượng chạm xúc, yếu tố thức-thân; yếu tố

tâm, yếu tố những hiện-tượng thuộc tâm, yếu tố thức-tâm. Này các Tỳ kheo, đây được gọi là nhiều loại yếu-tố."315 (SN 14:01, Quyển 2)

(b) Bốn Yếu-Tố "Này các Tỳ kheo, có bốn yếu-tố này. Bốn đó là gì? Yếu-tố đất, yếu-tố nước, yếu-tố nhiệt, yếu-tố khí. (I) "Này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu được sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi trong trường hợp (khi xem xét, khi xét theo) bốn yếu-tố này, đúng như chúng thực là: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong số những bà-la- môn, và những vị đó, trong kiếp này, do không tự mình chứng ngộ điều (sự thật) này bằng sự-biết trực tiếp, nên không chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu-sĩ (sa-môn hạnh) hay mục tiêu của đời sống bà-la-môn (bà-la-môn hạnh). "Nhưng, này

các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào hiểu được sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi trong trường hợp (khi xem xét, khi xét theo) bốn yếu-tố này, đúng như chúng thực là: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong số những bà-la-môn …" (II) "Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào không hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi trong trường hợp (khi xem xét, khi xét theo) bốn yếu-tố này, đúng như chúng thực là: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong số những bà-la-môn … "Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi trong trường hợp (khi xem xét, khi xét theo) bốn yếu-tố này, đúng như chúng thực là: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong số những bà-la-môn …"

342 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

(III) "Này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu được yếu-tố đất, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó; ai không hiểu được yếu-tố nước … yếu-tố nhiệt … yếu-tố khí, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la- môn trong số những bà-la-môn … "Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được những điều đó: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà- la-môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó, bằng cách tự mình chứng ngộ những điều (sự thật) này, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu-sĩ và mục tiêu của đời sống bà-la-môn." (SN 14:37, 38, và 39, Quyển 2)

(c) Sáu Yếu-Tố 13. (A) [Trí-tuệ] "Này Tỳ kheo, theo cách nào một người không lơ là trí-tuệ?316 Có sáu yếu-tố: yếu-tố đất, yếu-tố nước, yếu-tố lửa (nhiệt), yếu-tố gió (khí), yếu-tố không gian, và yếu-tố thức. 14. (i) "Này Tỳ kheo, cái gì là yếu-tố đất? Yếu-tố đất có thể thuộc bên trong hay bên ngoài. Cái gì là yếu-tố đất bên trong? Mọi thứ ở bên trong, thuộc bản thân, là (thể) cứng, được làm cứng, và bị dính-chấp (chấp thủ), đó là, tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, màng, lá lách, phổi, ruột, màng treo ruột, (những chất trong) bao tử, phân, hay thứ nào khác ở bên trong, thuộc bản thân, là cứng, được làm cứng, và bị dính-chấp: đây được gọi là yếu-tố đất bên trong. Giờ, cả yếu-tố đất bên trong và yếu-tố đất bên ngoài đều chỉ là yếu-tố đất. Và đó nên được coi, bằng trí-tuệ chánh đúng, đúng như nó thực là: 'Đây không phải 'của-ta', đây không phải là cái 'ta', đây không phải 'bản ngã của ta'.' Khi một người nhìn thấy, bằng trí-tuệ chánh đúng, đúng như nó thực là như vậy, người đó trở nên tỉnh-ngộ [không còn mê đắm] với yếu-tố đất và làm cho tâm chán-bỏ đối với yếu-tố đất.

Chương IX – Chiếu Ánh Sáng Trí-Tuệ • 343

15. (ii) "Này Tỳ kheo, cái gì là yếu-tố nước? Yếu-tố nước có thể thuộc bên trong hay bên ngoài. Cái gì là yếu-tố nước bên trong? Mọi thứ ở bên trong, thuộc bản thân, là (thể) lỏng, như nước, và bị dính-chấp (chấp thủ), đó là, mật, đờm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ,

nước mắt, chất nhờn, nước bọt, nước mũi, dịch giữa các khớp xương, nước tiểu, hay thứ nào khác ở bên trong, thuộc bản thân, là lỏng, như nước, và bị dính-chấp: đây được gọi là yếu-tố nước bên trong. Giờ, cả yếu-tố nước bên trong và yếu-tố nước bên ngoài đều chỉ là yếu-tố nước. Và đó nên được coi, bằng trí-tuệ chánh đúng, đúng như nó thực là: 'Đây không phải 'của-ta', đây không phải là cái 'ta', đây không phải 'bản ngã của ta'.' Khi một người nhìn thấy, bằng trí-tuệ chánh đúng, đúng như nó thực là như vậy, người đó trở nên tỉnh-ngộ [không còn mê đắm] với yếu-tố nước và làm cho tâm chán-bỏ đối với yếu-tố nước. 16. (iii) "Này Tỳ kheo, cái gì là yếu-tố lửa? Yếu-tố lửa có thể thuộc bên trong hay bên ngoài. Cái gì là yếu-tố lửa bên trong? Mọi thứ ở bên trong, thuộc bản thân, là (thể) nhiệt, như lửa, và bị dính-chấp (chấp thủ), đó là, thứ nhờ nó một người được làm ấm, già đi, và bị tiêu hao, và thứ nhờ nó thứ được ăn, được uống, được tiêu dùng, và được nếm được tiêu hóa hoàn toàn, hay thứ nào khác ở bên trong, thuộc bản thân, là nhiệt, như lửa, và bị dính- chấp: đây được gọi là yếu-tố lửa bên trong. Giờ, cả yếu-tố lửa bên trong và yếu-tố lửa bên ngoài đều chỉ là yếu-tố lửa. Và đó nên được coi, bằng trí-tuệ chánh đúng, đúng như nó thực là: 'Đây không phải 'của-ta', đây không phải là cái 'ta', đây không phải 'bản ngã của ta'.' Khi một người nhìn thấy, bằng trí-tuệ chánh đúng, đúng như nó thực là như vậy, người đó trở nên tỉnh-ngộ [không còn mê đắm] với yếu-tố lửa và làm cho tâm chán-bỏ đối với yếu-tố lửa. 17. (iv) "Này Tỳ kheo, cái gì là yếu-tố gió? Yếu-tố gió có thể thuộc bên trong hay bên ngoài. Cái gì là yếu-tố gió bên trong? Mọi thứ ở bên trong, thuộc bản thân, là (thể) khí, như gió, và bị dính-chấp (chấp thủ), đó là, những khí đi lên, những khí đi xuống, khí trong bụng, khí trong ruột, khí chạy trong tứ chi, hơi-thở vô và hơi-thở ra, hay thứ nào khác ở bên trong, thuộc bản thân, là khí, như gió, và bị dính-chấp: đây được gọi là yếu-tố gió bên trong.

Giờ, cả yếu-tố gió bên trong và yếu-tố gió bên ngoài đều chỉ là yếu-tố gió. Và đó nên được coi, bằng trí-tuệ chánh đúng, đúng như nó thực là: 'Đây không phải 'của-ta', đây không phải là cái 'ta', đây không phải 'bản ngã của ta'.' Khi một người nhìn thấy, bằng trí-tuệ chánh đúng, đúng như nó thực là như vậy, người đó trở nên tỉnh-ngộ [không còn mê đắm] với yếu-tố gió và làm cho tâm chán-bỏ đối với yếu-tố gió. 18. (v) "Này Tỳ kheo, cái gì là yếu-tố không gian? Yếu-tố không gian có thể thuộc bên trong hay bên ngoài. Cái gì là yếu-tố không gian bên trong? Mọi thứ ở bên trong, thuộc bản thân, là không gian, thuộc khoảng không, và bị dính-chấp (chấp thủ), đó là, những lỗ tai, lỗ mũi, cửa miệng, và đường [tiêu hóa] mà những thứ được ăn, được uống, được tiêu dùng, và được nếm được nuốt xuống, và đường chứa, và đường thải ra bên dưới, hay thứ nào khác ở bên trong, thuộc bản thân, là không gian, thuộc khoảng không, và bị dính-chấp: đây được gọi là yếu-tố không gian bên trong. Giờ, cả yếu-tố không gian bên trong và yếu-tố không gian bên ngoài đều chỉ là yếu-tố không gian. Và đó nên được coi, bằng trí-tuệ chánh đúng, đúng như nó thực là: 'Đây không phải 'của-ta', đây không phải là cái 'ta', đây không phải 'bản ngã của ta'.' Khi một người nhìn thấy, bằng trí-tuệ chánh đúng, đúng như nó thực là như vậy, người đó trở nên tỉnh-ngộ [không còn mê đắm] với yếu-tố không gian và làm cho tâm chán-bỏ đối với yếu-tố không gian. 19. (vi) "Rồi chỉ còn lại thức, được thanh lọc và sáng tỏ. 317 Một người nhận biết cái gì bằng thức đó?

Một người nhận biết: '[Đây là] sướng.' Một người nhận biết: '[Đây là] khổ.' Một người nhận biết: '[Đây là] trung tính [không khổ không sướng].' "Tùy thuộc vào một tiếp-xúc (xúc) được cảm nhận là sướng thì ở đó khởi sinh một cảm-giác sướng (lạc thọ). 318 Khi một người cảm nhận một cảm-giác sướng, người đó hiểu: 'Tôi cảm nhận một cảm-giác sướng'. Người đó hiểu: 'Khi chấm dứt sự tiếp-xúc được cảm nhận là sướng, thì cảm-giác tương ứng của nó—tức là cảm-giác sướng đã khởi sinh tùy thuộc vào tiếp- xúc được cảm nhận là sướng đó—chấm dứt và lặn mất.'

Chương IX – Chiếu Ánh Sáng Trí-Tuệ • 345

"Tùy thuộc vào một tiếp-xúc (xúc) được cảm nhận là khổ thì ở đó khởi sinh một cảm-giác khổ (khổ thọ). Khi một người cảm nhận một cảm-giác khổ, người đó hiểu: 'Tôi cảm nhận một cảm-giác khổ'. Người đó hiểu: 'Khi chấm dứt sự tiếp-xúc được cảm nhận là khổ, thì cảm-giác tương ứng của nó—tức là cảm-giác khổ đã khởi sinh tùy thuộc vào tiếp-xúc được cảm nhận là khổ đó—chấm dứt và lặn mất.' "Tùy thuộc vào một tiếp-xúc (xúc) được cảm nhận là trung tính thì ở đó khởi sinh một cảm-giác trung tính (vô ký thọ). Khi một người cảm nhận một cảm-giác trung tính, người đó hiểu: 'Tôi cảm nhận một cảm-giác trung tính'. Người đó hiểu: 'Khi chấm dứt sự tiếp-xúc được cảm nhận là trung tính, thì cảm-giác tương ứng của nó—tức là cảm-giác trung tính đã khởi sinh tùy thuộc vào tiếp-xúc được cảm nhận là trung tính đó—chấm dứt và lặn mất.' "Này các Tỳ kheo, giống như từ sự tiếp xúc và sự cọ xát của hai que ngo mà nhiệt được sinh ra và lửa được phát sinh, và nếu tách ly và tách biệt hai que ngo thì nhiệt tương ứng sẽ chấm dứt và lặn mất. Cũng giống như vậy, tùy thuộc một sự tiếp-xúc được cảm nhận là sướng … được cảm nhận là khổ … được cảm nhận là trung tính, nên ở đó khởi sinh cảm-giác tương ứng là cảm-giác sướng … khổ … trung tính. Một người hiểu được: 'Khi chấm dứt sự tiếp-xúc được cảm nhận là sướng … khổ … trung tính thì cảm-giác tương ứng của nó … cũng chấm dứt và lặn mất.'" (trích MN 140: Dhātuvibhaṅga Sutta) (Kinh "Phân Giải Về Các Yếu-Tố")

(4) Theo Cách (Phân Tích) Sự Khởi-Sinh Tùy Thuộc (a) Sự Khởi-Sinh Tùy Thuộc Là Gì? [1] "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là 'sự khởi-sinh tùy thuộc'? (đó là) Do có vô-minh là điều-kiện (duyên) nên có [sinh ra] những sự tạo-tác cố ý (hành);319 do có những sự tạo-tác cố ý là điều-kiện nên có thức; do có thức là điều-kiện nên có phần danh-sắc (tâm thần-sắc thân); do có phần danh-sắc là

346 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

điều-kiện nên có sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ); do có sáu cơ-sở cảm nhận là điều-kiện nên có sự tiếp-xúc (xúc); do có sự tiếp-xúc là điều-kiện nên có cảm-giác (thọ); do có cảm-giác là điều-kiện nên có dục-vọng (ái); do có dục- vọng là điều-kiện nên có sự dính-chấp (thủ); do có sự dính-chấp là điều-kiện nên có sự hiện-hữu (hữu); do có sự hiện-hữu là điều-kiện nên có sự sinh-ra (sinh); do có sự sinh-ra là điều-kiện, nên xảy ra sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não). Đó là nguồn-gốc (chiều khởi sinh) của toàn bộ đống khổ này. Này các Tỳ kheo, đây được gọi là 'sự khởi-sinh tùy thuộc'. [2] "Nhưng (ngược lại): Với sự phai biến sạch

sẽ [không còn tàn dư] và chấm dứt vô-minh thì chấm dứt những sự tạo-tác cố ý; khi chấm dứt những sự tạo-tác cố ý thì chấm dứt thức; khi chấm dứt thức thì chấm dứt phần danh- sắc; khi chấm dứt phần danh-sắc thì chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận; khi chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận thì chấm dứt sự tiếp-xúc; khi chấm dứt sự tiếp-xúc thì chấm dứt cảm-giác; khi chấm dứt cảm-giác thì chấm dứt dục-vọng; khi chấm dứt dục-vọng thì chấm dứt sự dính-chấp; khi chấm dứt sự dính-chấp thì chấm dứt sự hiện-hữu; khi chấm dứt sự hiện-hữu thì chấm dứt sự sinh-ra; khi chấm dứt sự sinh-ra thì chấm dứt (không còn) sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đó là sự chấm-dứt (chiều hoàn diệt) của toàn bộ đống khổ này." (SN 12:01, Quyển 2)

(b) Tính Ổn Định Của Giáo Pháp "Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về "sự khởi-sinh tùy thuộc" và "những hiện-tượng khởi-sinh tùy thuộc" (lý duyên khởi và những pháp duyên khởi). Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói." "Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự khởi-sinh tùy thuộc? 'Do có sự sinh- ra (sinh) là điều-kiện (duyên), nên có [sinh ra] sự già-chết (lão tử)': cho dù

những Như Lai xuất hiện hay không, yếu tố đó vẫn tồn tại, đó là sự chắc- chắn (ổn định, không sai khác) của Giáo Pháp, là đường lối cố-định của Giáo Pháp, đó là tính điều-kiện (lý nhân duyên) rõ ràng cụ thể.320 Một Như Lai tỉnh thức (giác ngộ) tới điều (nguyên lý, lẽ thực, chân lý) này, và đột phá (chứng ngộ) tới điều này.321 Sau khi đã làm được như vậy, Như Lai đi giảng giải nó, chỉ dạy nó, tuyên bố nó, thiết lập nó, khai mở nó, phân tích nó, làm sáng tỏ nó. Và Như Lai nói rằng: 'Hãy nhìn coi! Này các Tỳ kheo: ['Do có sự sinh-ra (sinh) là điều-kiện (duyên), nên có sự già-chết'.322 'Do có sự hiện-hữu (hữu) là điều-kiện, nên có sự sinh-ra' … 'Do có sự dính-chấp (thủ) là điều-kiện, nên có sự hiện-hữu' … 'Do có dục-vọng (ái) là điều-kiện, nên có sự dính-chấp' … 'Do có cảm-giác (thọ) là điều-kiện, nên có dục-vọng' … 'Do có sự tiếp-xúc (xúc) là điều-kiện, nên có cảm-giác … 'Do có sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) là điều-kiện, nên có sự tiếp-xúc' … 'Do có phần danh-sắc (danh sắc) là điều-kiện, nên có sáu cơ-sở cảm nhận' … 'Do có những sự tạo-tác cố ý (hành) là điều-kiện, nên có thức' … 'Do có vô-minh (vô minh) là điều-kiện, nên có những sự tạo-tác cố ý']: cho dù những Như Lai xuất hiện hay không, yếu tố đó vẫn tồn tại, đó là sự chắc-chắn (ổn định, không sai khác) của Giáo Pháp, là đường lối cố-định của Giáo Pháp, đó là tính điều-kiện (lý nhân duyên) rõ ràng cụ thể. Một Như Lai tỉnh thức (giác ngộ) tới điều (nguyên lý, lẽ thực, chân lý) này, và đột phá (chứng ngộ) tới điều này. Và Như Lai nói rằng: 'Hãy nhìn coi! Này các Tỳ kheo: "Do có vô-minh (vô minh) là điều-kiện, nên có những sự tạo-tác cố ý (hành)'. "Vậy đó, này các Tỳ kheo, tính thực-tại trong điều này, sự không sai- lầm, sự không-thể khác, tính điều-kiện rõ ràng như vậy: đây được gọi là 'sự khởi-sinh tùy thuộc' (lý duyên khởi).323

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những hiện-tượng khởi-sinh tùy thuộc? Này các Tỳ kheo: “Sự già-chết là vô thường, là có điều-kiện (hữu vi), là khởi-sinh tùy thuộc (có sinh), là phải bị tiêu-diệt, sẽ bị phai biến, biến mất, và chấm dứt (có diệt). - “Sự hiện-hữu (hữu) là vô thường … - “Sự dính-chấp (thủ) là vô thường … - “Dục-vọng (ái) là vô thường … - “Cảm-giác (thọ) là vô thường … - “Sự tiếp-xúc (xúc) là vô thường … - “Sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) là vô thường … - “Phần danh-sắc (danh sắc) là vô thường … - “Thức (thức) là vô thường … - “Những sự tạo-tác cố ý (hành) là vô thường … - “Vô-minh (vô minh) là vô thường, là có điều-kiện, là khởi-sinh tùy thuộc (có sinh), là phải bị tiêu diệt, sẽ bị phai biến, biến mất, và chấm dứt (có diệt).” Này các Tỳ kheo, những hiện-tượng này được gọi là những hiện-tượng khởi-sinh tùy thuộc (những pháp duyên khởi). “Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện đã nhìn thấy rõ ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’ (lý duyên khởi) đó đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng,324 thì không thể nào người đó sẽ còn chạy-lại vào quá khứ và nghĩ suy: ‘Ta có hiện hữu trong quá khứ? Ta không hiện hữu trong quá khứ? Ta đã là gì trong quá khứ? Ta đã ra sao trong quá khứ? Sau khi làm vậy, ta đã trở thành gì trong quá khứ?’, hoặc người đó sẽ còn chạy-tới vào tương lai và nghĩ suy: ‘Ta sẽ hiện hữu trong tương lai? Ta sẽ không hiện hữu trong tương lai? Ta sẽ là gì trong tương lai? Ta sẽ ra sao trong tương lai? Sau khi

làm vậy, ta sẽ trở thành gì trong tương lai?’, hoặc người đó sẽ bên-trong (tâm) bây giờ còn bị ngu-mờ về hiện tại và nghĩ suy: ‘Tôi đang hiện hữu? Tôi đang không hiện hữu? Tôi đang là gì? Tôi đang ra sao? Sự hiện hữu (sự sống) này—nó có từ đâu, và nó sẽ đi về đâu?’325 “Vì lý do gì [mà người đó không còn làm như vậy]? Bởi vì người đệ tử thánh thiện đã nhìn thấy rõ ràng (i) sự khởi-sinh tùy thuộc này (lý duyên khởi) đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng và (ii) những hiện-tượng khởi-sinh tùy thuộc (những pháp duyên khởi) như vậy.” (SN 12:20, Quyển 2)

(c) Bốn Mươi Bốn Trường Hợp Của Sự-Biết “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về bốn mươi bốn trường hợp của sự-biết. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn, nói điều này: “Này các Tỳ kheo, bốn mươi bốn trường hợp của sự-biết là gì? Sự-biết về sự già-chết, sự-biết về sự khởi-sinh của nó, sự-biết về sự chấm-dứt của nó, sự-biết về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó. “Sự-biết về sự sinh-ra (sinh) … Sự-biết về sự hiện-hữu (hữu) … Sự-biết về sự dính-chấp (thủ) … dục-vọng (ái) … cảm-giác (thọ) … sự tiếp-xúc (xúc) … sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) … phần tâm-thân (danh sắc) … thức (thức) … những sự tạo-tác cố ý (hành), sự-biết về sự khởi-sinh của chúng, sự-biết về sự chấm-dứt của chúng, sự-biết về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt chúng. Này các Tỳ kheo, đây là bốn mươi bốn trường hợp của sự-biết. (Tức gồm: 11 nhân duyên, 11 nhân duyên sinh, 11 nhân duyên diệt, và 11 đạo = 44.)

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự già-chết?… [giống định nghĩa ở đoạn kinh IX,22,3] … Như vậy, sự già và sự chết này gộp chung được gọi là sự già-chết. Khi chấm dứt sự sinh-ra thì chấm dứt sự già-chết. Chỉ Bát Thánh Đạo này là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt sự già-chết; đó gồm:

chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tấn, chánh-niệm, và chánh-định. - “Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện hiểu được như vậy về sự già-chết, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, thì đây là sự-biết của người đó về nguyên-lý (về giáo pháp).326 Bằng phương tiện là nguyên-lý này (là ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’)— đã được nhìn thấy, đã được hiểu, đã được chứng ngộ tức thì, đã được xác minh—327 người đó ứng dụng phương pháp (nguyên lý) này cho cho quá khứ và tương lai như vầy: ‘Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ đã trực tiếp hiểu được sự già-chết, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con- đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, thì tất cả họ đã trực tiếp hiểu được điều đó đúng hệt như cách ta đang hiểu. Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong tương lai sẽ trực tiếp hiểu được sự già-chết, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó, thì tất cả họ sẽ trực tiếp hiểu được điều đó đúng hệt như cách ta đang hiểu.’ Đây là sự-biết của người đó về tính kế-thừa.328 “Này các Tỳ kheo, khi một đệ tử thánh thiện đã thanh lọc và làm trong sạch hai loại sự-biết—sự-biết về nguyên-lý và sự-biết về tính kế-thừa—thì người đó được gọi là một đệ tử thánh thiện đã thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến), thành tựu về sự-thấy (tầm nhìn), là người đã đạt tới trí-biết đích thực (minh, chân trí), người đã có được sự-biết đích thực của một bậc học-nhân, là người đã bước vào dòng chảy Giáo Pháp, là một thánh nhân với trí-tuệ thâm nhập, là người đang đứng vững chắc ngay trước cửa bước vào sự Bất Tử.” (2)–(11) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự sinh-ra (sinh)? … … cái gì là những sự tạo-tác cố ý (hành)? … [giống các định nghĩa trong đoạn kinh IX,3] … … Chỉ Bát Thánh Đạo này là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt những sự tạo-tác cố ý (hành diệt); đó gồm: chánh-kiến … chánh-định. - “Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện hiểu được như vậy về những sự tạo-tác cố ý (hành), nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, con-đường dẫn tới sự chấm-dứt chúng, thì đây là sự-biết của người đó

về nguyên-lý (về giáo pháp). Bằng phương tiện là nguyên-lý này (là ‘sự khởi- sinh tùy thuộc’)— đã được nhìn thấy, đã được hiểu, đã được chứng ngộ tức thì, đã được xác minh— người đó ứng dụng phương pháp (nguyên lý) này cho cho quá khứ và tương lai như vầy: ‘Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ … Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong tương lai … … Đây là sự- biết của người đó về tính kế-thừa. “Này các Tỳ kheo, khi một đệ tử thánh thiện đã thanh lọc và làm trong sạch hai loại sự-biết—sự-biết về nguyên-lý và sự-biết về tính kế-thừa—thì người đó được gọi là một đệ tử thánh thiện đã thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến) … là người đang đứng vững chắc ngay trước cửa bước vào sự Bất Tử.” (SN 12:33, Quyển 2)

(d) Một Giáo Lý Trung Đạo Ở Sāvatthī. Lúc đó có Ngài Kaccānagotta đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói: ‘Cách-nhìn đúng đắn, cách-nhìn đúng đắn.’ Thưa Thế Tôn, theo cách nào là có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến)?” (1) “Này Kaccāna, hầu hết trong thế gian này (trừ các bậc thánh nhân) đều phụ thuộc vào hai mặt quan-điểm— một là ‘ý-niệm có sự

hiện-hữu trường tồn' (thường kiến), và hai là 'ý-niệm không có sự hiện-hữu trường tồn' (đoạn kiến).329 Nhưng đối với người đã nhìn thấy nguồn gốc khởi-sinh (sinh) của thế giới đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, thì người đó không còn tư tưởng (ý niệm) về sự 'không-hiện-hữu' đối với thế giới; (tức không coi thế giới là không hiện hữu, vì rõ ràng nó có khởi sinh). Và đối với người đã nhìn thấy sự chấm-dứt (diệt) của thế giới đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, thì người đó không còn tư tưởng về sự 'luôn-hiện-hữu' đối với thế giới; (tức không còn coi thế giới là hiện hữu trường tồn, vì rõ ràng nó có biến diệt).330

(2) "Này Kaccāna, hầu hết trong thế gian bị trói buộc bởi sự dính-líu, sự dính-chấp, và sự cố-chấp.331 Nhưng có người này [nhờ có chánh-kiến nên] không bị dính líu và dính chấp bởi sự dính-líu và sự dính-chấp đó, bởi quan- điểm này nọ của tâm, bởi sự cố-chấp, bởi khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên); người đó không còn quan niệm về một 'cái 'ta' của mình' (bản ngã, tự ngã) nào cả.'332 Người đó không còn lờ mờ hay nghi ngờ về chân-lý, (biết rõ): thứ gì khởi sinh chỉ là khổ khởi sinh, thứ gì chấm dứt chỉ là khổ chấm dứt; (tức: chỉ có khổ sinh và khổ diệt). Sự-biết về điều này của người đó là không phụ thuộc vào người khác (tự mình thấy biết, tự trí). Này Kaccāna, theo cách như vậy là có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến).333 (3) "Này Kaccāna, (nếu nói) 'tất cả đều hiện hữu': đây là một cực đoan. (nếu nói) 'Tất cả đều không hiện hữu': đây là một cực đoan thứ hai. Không ngã theo cực đoan nào, Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp trung-đạo (sự khởi-sinh tùy thuộc) như vầy: 'Do có vô-minh (vô minh) là điều-kiện (duyên), nên có [sinh ra] những sự tạo-tác cố ý (hành); do có những sự tạo-tác cố ý (hành) là điều-kiện, nên có thức (thức) … Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này. Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt vô-minh (vô minh diệt) thì chấm dứt những sự tạo-tác-cố-ý (hành diệt); khi chấm dứt những sự tạo-tác cố ý (hành diệt) thì chấm dứt thức (thức diệt) … Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này.'" (SN 12:15, Quyển 2)

(e) Sự Liên-Tục Của Thức Ở Sāvatthī. (1) "Này các Tỳ kheo, điều gì con người ý-định, và điều gì người dự- tính, và bất cứ điều gì người có khuynh-hướng theo đó: thì điều này trở thành một cơ-sở cho sự liên-tục (duy trì) của thức. Khi có một cơ-sở, là có một trợ giúp (duyên) cho sự lập-thành của thức. Khi thức (thức) được lập thành và đã tăng trưởng là có sự sản-sinh ra sự hiện-hữu mới (hữu) trong tương lai. Khi

có sự sản-sinh ra sự hiện-hữu mới (hữu) trong tương lai, là có sự sinh-ra (sinh) sau đó, rồi có sự già-chết (lão tử), sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não) xảy ra. Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này.334 (2) "Này các Tỳ kheo, nếu người không ý-định, và người không dự-tính, nhưng người vẫn có một khuynh-hướng theo điều gì: thì điều này cũng trở thành một cơ-sở cho sự liên-tục của thức. Khi có một cơ-sở, là có một trợ giúp cho sự lập-thành của thức. Khi thức (thức) được lập thành … Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này.335 (3) "Nhưng, này các Tỳ kheo, nếu người không ý-định, và người không dự-tính, và người cũng không có

khuynh-hướng theo một điều nào: thì sẽ không có một cơ-sở cho sự liên-tục của thức. Nếu không có một cơ-sở, là không có sự trợ giúp cho sự lập-thành của thức. Nếu thức (thức) không được lập thành và tăng trưởng thì không có sự sản-sinh ra sự hiện-hữu mới trong tương lai. Nếu không có sự sản sinh ra sự hiện-hữu mới (hữu) trong tương lai, thì không có sự sinh-ra (sinh) sau đó (hết hữu thì hết sinh), (cho nên cũng) không có sự già-và-chết, không có sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này."336 (SN 12:38, Quyển 2)

(f) Sự Sinh-Diệt của Thế giới Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy nguồn-gốc và sự phai-biến của thế giới.337 Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói." "Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: (1) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nguồn-gốc của thế giới? Tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc, nên có thức-mắt khởi sinh. Sự gặp nhau của ba thứ đó là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc (xúc) là điều-kiện (duyên), nên có

[sinh ra] cảm-giác (thọ); do có cảm-giác là điều-kiện, nên có dục-vọng (ái); do có dục-vọng là điều-kiện, nên có sự dính-chấp (thủ); do có sự dính-chấp là điều-kiện, nên có sự hiện-hữu (hữu); do có sự hiện-hữu là điều-kiện, nên có sự sinh-ra (sinh); do có sự sinh-ra là điều-kiện, nên có sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Này các Tỳ kheo, đây là nguồn-gốc của thế giới. "Tùy thuộc vào tai và những âm-thanh … Tùy thuộc vào mũi và những mùi-hương … Tùy thuộc vào lưỡi và những mùi-vị … Tùy thuộc vào thân và những thứ hữu-hình chạm xúc … Tùy thuộc vào tâm và những hiện-tượng thuộc tâm, nên có thức-tâm khởi sinh. Sự gặp nhau của ba thứ đó là sự tiếp- xúc. Do có sự tiếp-xúc (xúc) là điều-kiện (duyên), nên có [sinh ra] cảm-giác (thọ); do có cảm-giác là điều-kiện, nên có dục-vọng (ái) … do có sự sinh-ra là điều-kiện, nên có sự già-chết (lão tử), sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não). Này các Tỳ kheo, đây là nguồn- gốc của thế giới. (2) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự phai-biến của thế giới? Tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc, nên có thức-mắt khởi sinh. Sự gặp nhau của ba thứ đó là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc (xúc) là điều-kiện (duyên), nên có [sinh ra] cảm-giác (thọ); do có cảm-giác là điều-kiện, nên có dục-vọng (ái). Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt dục-vọng này (ái diệt) thì chấm dứt sự dính-chấp (thủ diệt); khi chấm dứt sự dính-chấp thì chấm dứt sự hiện-hữu (hữu diệt); khi chấm dứt sự hiện-hữu thì chấm dứt sự sinh-ra (sinh diệt); khi chấm dứt sự sinh-ra là chấm dứt sự già-chết (lão tử diệt), sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não diệt). Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này. Này các Tỳ kheo, đây chính là sự phai- biến của thế giới. "Tùy thuộc vào tai và những âm-thanh … … Tùy thuộc vào tâm và những hiện-tượng thuộc tâm, nên có thức-tâm khởi sinh. Sự gặp nhau của ba thứ đó là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc (xúc) là điều-kiện (duyên), nên có [sinh ra] cảm-giác (thọ); do có cảm-giác là điều-kiện, nên có dục-vọng (ái).

Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt dục-vọng này (ái diệt) thì chấm dứt sự dính-chấp (thủ diệt) … khi chấm dứt sự sinh-ra là chấm dứt sự già-chết (lão tử diệt), sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não diệt). Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này. Này các Tỳ kheo, đây chính là sự phai-biến của thế giới." (SN 12:44, Quyển 2)

(5) Bằng Cách (Phân Tích) Bốn Diệu Đế (a) Những Chân Lý Của Tất Cả Các Vị Phật Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, những A-la-hán, bậc Toàn Giác nào trong quá-khứ đã hoàn toàn giác ngộ về mọi sự đúng như chúng thực là, thì (có nghĩa là) tất cả họ đều giác ngộ Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. Những A-la-hán, bậc Toàn Giác nào trong tương-lai sẽ hoàn toàn giác ngộ mọi sự đúng như chúng thực là, thì tất cả họ đều giác ngộ Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. Những A-la-hán, bậc Toàn Giác nào trong hiện-tại đã giác ngộ mọi sự đúng như chúng thực là, thì tất cả họ đều đã giác ngộ Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. "Bốn đó là gì? Diệu-đế về sự khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ. Những A- la-hán, bậc Toàn Giác nào trong quá-khứ … trong tương-lai … trong hiện-tại đã giác ngộ mọi sự đúng như chúng thực là, thì tất cả họ đều đã giác ngộ Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. "Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là nguồn-gốc khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là sự chấm-dứt khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là con- đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ'."

(SN 56:24, Quyển 5)

(b) Bốn Diệu Đế Là Thực "Này các Tỳ kheo, bốn điều này là thực, không sai, không khác.338 Bốn đó là gì? "'Đây là sự khổ': này Tỳ kheo, điều này là thực, không sai, không khác. 'Đây là nguồn-gốc khổ': đây là thực, không sai, không khác. 'Đây là sự chấm-dứt khổ': đây là thực, không sai, không khác. 'Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ': đây là thực, không sai, không khác. "Này các Tỳ kheo, bốn điều này là thực, không sai, không khác. "Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là nguồn-gốc khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là sự chấm-dứt khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là con- đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ'." (SN 56:20, Quyển 5)

(c) Chỉ Như Một Nắm Lá Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kosambī, trong một khu rừng cây siṃsapā. Lúc đó đức Thế Tôn lấy lên một số lá cây siṃsapā trong tay và nói với các Tỳ kheo: "Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào nhiều hơn: nắm lá siṃsapā trong tay ta hay số lá cây trong rừng này?" "Thưa Thế Tôn, nắm lá trong tay Thế Tôn là số ít ỏi, số lá cây trong rừng này mới là rất nhiều." "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những điều ta đã trực-tiếp biết nhưng không nói cho các thầy là rất nhiều, những điều ta đã dạy cho các thầy chỉ là số ít. Và, này các Tỳ kheo, tại sao ta không dạy rất nhiều điều đó? Bởi vì chúng không ích lợi, không liên quan đến căn bản của đời sống tâm linh,

không dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. Do vậy ta đã không dạy chúng cho các thầy. "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những điều ta đã dạy? Ta đã dạy: 'Đây là sự khổ'; ta đã dạy: 'Đây là nguồn-gốc khổ'; ta đã dạy: 'Đây là sự chấm- dứt khổ'; ta đã dạy: 'Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ'. Và, này các Tỳ kheo, tại sao ta đã dạy những điều này? Bởi vì chúng là ích lợi, liên quan đến căn bản của đời sống tâm linh, dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. Do vậy ta đã dạy chúng cho các thầy. "Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là nguồn-gốc khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là sự chấm-dứt khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là con- đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ'." (SN 56:31, Quyển 5)

(d) Do Không Hiểu và Không Thâm Nhập Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ người Vajji (Bạt-kỳ), ở làng Koṭi (Koṭigāma). Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: (1) "Này các Tỳ kheo, chính do không hiểu và không thâm nhập Bốn Diệu Đế cho nên các người và ta đã lang thang và trôi giạt trong vòng luân- hồi sinh tử dài thăm thẳm này. Bốn đó là gì? "Này các Tỳ kheo, đó là, do không hiểu và không thâm nhập diệu-đế về sự khổ cho nên các người và ta đã lang thang và trôi giạt trong vòng luân hồi sinh tử dài thăm thẳm này. Do không hiểu và không thâm nhập diệu-đế về nguồn-gốc khổ ... diệu-đế về sự chấm-dứt khổ ... diệu-đế con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ cho nên các người và ta đã lang thang và trôi giạt trong vòng luân hồi sinh tử dài thăm thẳm này.

(2) "Này các Tỳ kheo, diệu-đế về sự khổ đó đã được hiểu và thâm nhập. Diệu-đế về nguồn-gốc khổ đó đã được hiểu và thâm nhập. Diệu-đế về sự chấm-dứt khổ đó đã được hiểu và thâm nhập. Diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ đó đã được hiểu và thâm nhập. Dục-vọng muốn được hiện- hữu (hữu ái) đã bị cắt bỏ; đường-dẫn tới sự (tái) hiện-hữu đã bị hủy diệt; giờ không còn sự tái hiện-hữu (tái sinh) nữa." (SN 56:21, Quyển 5)

(e) Vực Núi Trong một lần đức Thế Tôn đang ở thành Rājagaha (Vương Xá) trên Đỉnh Núi Kền Kền. Rồi đức Thế Tôn nói với các Tỳ kheo như vầy: "Này các Tỳ kheo, chúng ta cùng lên đỉnh núi Patibhanakuta (Đỉnh Linh Cảm) để an trú ban ngày." "Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại. Rồi đức Thế Tôn cùng một số Tỳ kheo lên Đỉnh Linh Cảm. Một Tỳ kheo nhìn thấy một vực núi bên Đỉnh Linh Cảm và thưa với đức Thế Tôn: "Vực núi đó thiệt là dựng đứng, thưa Thế Tôn; vực núi đó là cực kỳ đáng sợ. Nhưng thưa Thế Tôn, còn có vực núi nào dựng đứng hơn và đáng sợ hơn không?" "Có đó, này Tỳ kheo." "Nhưng thưa Thế Tôn, vực núi nào có thể dựng đứng hơn và đáng sợ hơn vực núi đó?" (1) "Này Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào không hiểu được đúng như nó thực là: 'Đây là khổ. Đây là nguồn gốc khổ. Đây là sự chấm-dứt khổ. Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ'— thì họ cứ thích thú những sự tạo-tác cố ý (các hành) dẫn tới sự sinh,

già, chết; họ cứ thích thú những sự tạo-tác cố ý dẫn tới sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não). Sau khi đã tạo ra những sự tạo-tác cố ý như vậy, họ rớt xuống vực núi của sự sinh, già, chết; họ rớt xuống vực núi của sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Họ không được giải thoát

khỏi sinh, già, chết; không được giải thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng, không được giải thoát khỏi sự khổ, ta nói vậy.339 (2) “Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ … Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’— thì họ không thích thú những sự tạo-tác cố ý (các hành) dẫn tới sự sinh, già, chết; họ không thích thú những sự tạo-tác cố ý dẫn tới sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Vì không thích thú những sự tạo-tác cố ý, nên họ không tạo ra những sự tạo-tác cố ý như vậy, họ không rớt xuống vực núi của sự sinh, già, chết; họ không rớt xuống vực núi của sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Họ được giải thoát khỏi sinh, già, chết; được giải thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng; được giải thoát khỏi sự khổ, ta nói vậy. “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con- đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:42, Quyển 5)

(f) Sự Đột Phá (1) “Này các Tỳ kheo, nếu có ai nói rằng: ‘Chưa làm được sự đột-phá (sự chứng ngộ, thâm nhập) vào Diệu-đế về sự khổ đúng như nó thực là; chưa làm được sự đột-phá vào Diệu-đế về nguồn-gốc khổ đúng như nó thực là; chưa làm được sự đột-phá vào Diệu-đế về sự chấm-dứt khổ đúng như nó thực là; chưa làm được sự đột-phá vào Diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ đúng như nó thực là, tôi (vẫn) sẽ hoàn toàn làm được sự chấm-dứt khổ’—thì điều đó là không thể. - “Này các Tỳ kheo, ví dụ có ai nói rằng: ‘Sau khi làm xong cái rỗ bằng lá acacia (lá cây keo) hoặc lá thông hoặc lá cây myrobalan, (đều là các loại lá

kim, lá nhỏ, yếu),340 tôi sẽ đựng được nước hay đựng được trái cọ dừa’,341 thì điều đó là không thể. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, nếu ai nói rằng: ‘Chưa làm được sự đột-phá vào Diệu-đế về sự khổ đúng như nó thực là … tôi (vẫn) hoàn toàn làm được sự chấm-dứt khổ’—thì điều đó là không thể. (2) “Nhưng, này các Tỳ kheo, nếu ai nói rằng: ‘Sau khi đã làm được sự đột-phá vào Diệu-đế về sự khổ đúng như nó thực là, sau khi đã làm được sự đột-phá vào Diệu-đế về nguồn-gốc khổ đúng như nó thực là, sau khi đã làm được sự đột-phá vào Diệu-đế về sự chấm-dứt khổ đúng như nó thực là, sau khi đã làm được sự đột-phá vào Diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ đúng như nó thực là, tôi sẽ hoàn toàn làm được sự chấm-dứt khổ’—thì điều đó là có thể. - “Này các Tỳ kheo, ví dụ có ai nói rằng: ‘Sau khi làm xong cái rỗ bằng lá sen hoặc lá kino hoặc lá māluva, (đều là các loại lá to, lá rộng, chắc, kín),342 tôi sẽ đựng được nước hay đựng

được trái cọ dừa', thì điều đó là có thể. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, nếu ai nói rằng: 'Sau khi đã làm được sự đột-phá vào Diệu-đế về sự khổ đúng như nó thực là ... tôi sẽ hoàn toàn làm được sự chấm-dứt khổ'—thì điều đó là có thể. "Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là nguồn-gốc khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là sự chấm-dứt khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là con- đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ'."

(SN 56:32, Quyển 5)

(g) Tiêu Diệt Những Ô-Nhiễm "Này các Tỳ kheo, ta nói sự tiêu diệt ô-nhiễm là cho người biết và thấy, không phải cho người không biết và không thấy.343 Sự tiêu diệt ô-nhiễm xảy đến cho người thấy cái gì, cho người biết cái gì? Sự tiêu diệt ô-nhiễm sẽ xảy đến cho người biết và thấy: 'Đây là sự khổ'; cho người biết và thấy: 'Đây là nguồn-gốc khổ'; cho người biết và thấy: 'Đây là sự chấm-dứt khổ'; cho

Chương IX – Chiếu Ánh Sáng Trí-Tuệ • 361

người biết và thấy: 'Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ'. Sự tiêu diệt ô-nhiễm xảy đến cho người thấy như vậy, cho người biết như vậy. "Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là nguồn-gốc khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là sự chấm-dứt khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là con- đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ'." (SN 56:25, Quyển 5)

5. MỤC TIÊU CỦA TRÍ-TUỆ (1) Niết-bàn là gì? Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất đang sống ở xứ Magadha (Ma-kiệt-đà), ở làng Nālaka (Nālakagāma). Lúc đó có một du sĩ tên là Jambukhādaka (Người Ăn Táo Hồng) đến gặp thầy Xá-lợi-phất và chào hỏi với thầy. 344 Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên và nói với thầy Xá-lợi-phất: - "Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói 'Niết-bàn, Niết-bàn'. Giờ cái gì là Niết-bàn?" "Này thiện hữu, sự tiêu diệt tham, sự tiêu diệt sân, sự tiêu diệt si: đây được gọi là Niết-bàn."345 - "Nhưng, này thiện hữu, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để chứng ngộ Niết-bàn?" "Này thiện hữu, có một con-đường, có một đường-đi để chứng ngộ Niết-bàn." - "Và, này thiện hữu, cái gì là con-đường, cái gì là đường-đi để chứng ngộ Niết-bàn?" "Này thiện hữu, đó là con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát thánh đạo); đó gồm: chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-

362 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

mạng, chánh tinh-tấn, chánh-niệm, và chánh-định (cách-nhìn đúng đắn, ý- định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự tâm-niệm đúng đắn, và sự định-tâm đúng đắn). Này thiện hữu, đây là con-đường, đây là đường-đi để chứng ngộ Niết-bàn." - "Thật hay là con-đường này, này thiện hữu, thật hay là đường-đi này để chứng ngộ Niết-bàn! Và bấy nhiêu đó đã đủ để chuyên-chú (tu tập), này thiện hữu Xá-lợi-phất." (SN 38:01, Quyển 4)

(2) Ba Mươi Ba Chữ Đồng Nghĩa với Niết-bàn Ở Sāvatthī. (I) "Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự vô-vi (không còn bị điều-kiện) và con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi.

Hãy lắng nghe điều đó ... (a) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự vô-vi? Đó là sự tiêu diệt tham, sự tiêu diệt sân, sự tiêu diệt si: đây được gọi là sự vô-vi. (b) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là 'sự chánh-niệm hướng vào thân':346 đây là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi ... ... (II) "Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về sự không còn ngã- hướng (bất tùy hướng, không còn khuynh-hướng này nọ) ... sự không còn ô- nhiễm (sạch nhiễm; lậu tận) ... bờ bên-kia (bỉ ngạn) ... sự vi-tế ... sự rất-khó nhìn-thấy được ... sự không-già ... sự chắc-chắn (ổn định) ... sự không còn tan-rã (không còn hoại diệt) ... sự không thể-hiện (không còn xuất hiện, không còn hiện hữu) ... sự không còn tăng-phóng347 ... sự bình-an ... sự bất- tử ... sự siêu-phàm ... sự phước-lành ... sự an-ninh ... sự diệt-dục (tiêu-diệt dục-vọng) ... sự kỳ-diệu ... sự tuyệt vời ... sự vô-bệnh ... trạng thái vô-bệnh ... Niết-bàn ... sự không còn đau-khổ ... sự chán-bỏ ... sự thanh-khiết (thanh tịnh) ... sự tự-do ... sự không còn dính-dán ... hòn-đảo ... nơi trú-ẩn

... nơi tị-nạn ... nơi nương-tựa ... đích-đến, và con-đường dẫn tới đích-đến. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói .... (a) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là đích-đến? Đó là sự tiêu diệt tham, sự tiêu diệt sân, sự tiêu diệt si: đây được gọi là đích-đến. (b) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới đích-đến? Đó là sự chánh-niệm hướng vào thân: đây là con-đường dẫn tới đích-đến đó ... ... "Như vậy, này các Tỳ kheo, ta đã dạy cho các thầy sự vô-vi, sự không còn ngã-hướng ... ... đích-đến, và con-đường dẫn tới đích-đến đó. Này các Tỳ kheo, những gì cần làm bởi một người thầy bi-mẫn vì lòng bi-mẫn đối với những đệ tử vì mong muốn họ được phúc lợi, thì ta đã làm xong cho các thầy. Này các Tỳ kheo, đây có mấy gốc cây, kia có mấy chòi trống. Này các Tỳ kheo, hãy thiền tập, đừng lơ tâm xao lãng, đừng để sau này phải hối tiếc. Đây là chỉ thị của ta cho các thầy."

(SN 43:0143:44 kết hợp, Quyển 4)

(3) Có Cảnh Xứ Đó Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Bấy giờ, trong lúc đức Thế Tôn đang chỉ dẫn, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ các Tỳ kheo bằng một bài nói chuyện về Giáo Pháp liên quan tới Niết-bàn, và các Tỳ kheo đó đang rất tiếp thu và chú tâm, tập trung toàn bộ tâm và sự chú ý vào việc lắng nghe Giáo Pháp. Rồi, sau khi nhận ra ý-nghĩa đó, đức Thế Tôn đã nói ra những lời cảm hứng như vầy: "Này các Tỳ kheo, có một cơ-sở (cảnh xứ) ở đó không có yếu tố đất, nước, nhiệt hay khí; cũng không phải cảnh xứ không gian vô biên (không vô biên xứ), không phải cảnh xứ thức vô biên (thức vô biên xứ), không phải cảnh xứ không-có-gì (vô sở hữu xứ), không phải cảnh xứ không-có nhận- thức cũng không-phải không-còn nhận-thức (phi tưởng phi phi tưởng xứ);

cũng không phải thế giới này, không phải thế giới khác; cũng không phải mặt trời hay mặt trăng.348 Ở đây, này các Tỳ kheo, ta nói (cảnh xứ đó) không còn sự đến, sự đi, hay sự đứng yên; không còn biến diệt và không còn tái sinh. Ở đây không còn được thiết

lập, không còn chuyển động, không có sự nương trợ. Đơn giản đó là sự chấm-dứt khổ."

(Ud 8:01; 80)

(4) Sự Không Còn Sinh (Vô Sinh) Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào lúc đức Thế Tôn đang chỉ dẫn, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ các Tỳ kheo bằng một bài nói chuyện về Giáo Pháp liên quan tới Niết-bàn, và các Tỳ kheo đó đang rất tiếp thu và chú tâm, tập trung toàn bộ tâm và sự chú ư vào việc lắng nghe Giáo Pháp. Rồi, sau khi nhận ra ý-nghĩa đó, đức Thế Tôn đã nói ra những lời cảm hứng như vầy: "Này các Tỳ kheo, có một trạng thái không còn sự sinh-ra, không còn sự trở-thành, không còn do tạo-nên, không còn do điều-kiện (vô sinh, vô hữu, vô tác, vô vi). Này các Tỳ kheo, nếu không có trạng thái không còn sự sinh-ra, không còn sự trở-thành, không còn do tạo-nên, không còn do điều- kiện, thì đâu có sự thoát-khỏi khỏi thứ còn bị-sinh, còn trở-thành (hiện hữu), còn do tạo-nên, còn do điều-kiện (hữu sinh, hữu hữu, hữu tác, hữu-vi). Nhưng bởi vì có một trạng thái không còn sinh, không còn trở-thành, không còn do tạo-nên, không còn do điều-kiện cho nên có sự thoát-khỏi khỏi thứ còn bị sinh, còn bị trở-thành, còn bị tạo-tác, còn bị điều-kiện."

(Ud 8:03; 80–81)

(5) Hai Yếu Tố Niết-Bàn

"Này các Tỳ kheo, có hai yếu tố (giới) Niết-bàn. Hai đó là gì? Đó là yếu tố Niết-bàn còn tàn dư hơi hướng (hữu dư y Niết-bàn giới) và yếu tố Niết- bàn không còn tàn dư hơi hướng (vô dư y Niết-bàn giới). (1) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là yếu tố Niết-bàn còn tàn dư hơi hướng? (i) Ở đây, một Tỳ kheo là một A-la-hán, người đã tiêu diệt mọi ô- nhiễm, người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần phải làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục-tiêu, đã tiêu diệt những gông-cùm của (trói buộc) sự hiện-hữu, là người đã được giải-thoát hoàn toàn bằng trí- biết cuối-cùng. (ii) Tuy vậy, năm căn cảm-nhận (giác quan) của vị này vẫn còn [chưa bị phá bỏ], do đó vị này vẫn còn trải nghiệm thứ thích và thứ ghét, vẫn còn cảm nhận sự sướng và sự khổ. Chính sự tiêu diệt tham, sân, si trong trong vị này được gọi là Niết-bàn còn tàn dư hơi hướng. (2) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Niết-bàn không còn tàn dư hơi hướng? (i) Ở đây, một Tỳ kheo là một A-la-hán, người đã tiêu diệt mọi ô- nhiễm, … là người đã được giải thoát hoàn toàn bằng trí-biết cuối-cùng. (ii) Đối với vị này, ở đây ngay trong kiếp này, tất cả thứ được cảm nhận, không còn được thích thú, sẽ trở nên nguội-mát ngay tại đây. Này các Tỳ kheo, trạng thái đó được gọi là Niết-bàn không còn tàn dư tàn dư hơi hướng. "Này các Tỳ kheo, đó là hai yếu tố Niết-bàn."

(It 44)

(6) Lửa và Đại Dương 15. [Du sĩ Vacchagotta đã hỏi đức Thế Tôn:] "Như vậy Thầy Cồ-Đàm có hề nắm giữ một quan-điểm do suy đoán (tự biện) nào không?" "Này Vaccha, 'quan-điểm do suy đoán' là thứ Như Lai đã dẹp bỏ đi. Này Vaccha, vì Như Lai đã nhìn

thấy349 điều này: ‘Này là thể-sắc (sắc), này là sự khởi-sinh của nó, này là sự biến-diệt của nó; này là cảm-giác (thọ), này là sự khởi-sinh của nó, này là sự biến-diệt của nó; này là nhận-thức (tưởng), này là sự khởi-sinh của nó, này là sự biến-diệt của nó; này là những sự tạo-

tác cố-ý (hành), này là sự khởi-sinh của chúng, này là sự biến-diệt của chúng; này là thức (thức), này là sự khởi-sinh của nó, này là sự biến-diệt của nó.’ Do vậy, ta nói, bằng sự tiêu diệt, sự phai biến, sự chấm dứt, sự buông bỏ và sự từ bỏ tất cả những sự nhìn-nhận này nọ, tất cả những sự nghĩ-ngợi, tất cả sự tạo nên cái ‘ta’ (ngã kiến), sự tạo nên cái ‘của-ta’ (ngã sở kiến), và khuynh- hướng tiềm ẩn tạo nên sự tự-ta (tùy miên ngã mạn), Như Lai được giải-thoát nhờ sự không còn dính-chấp (diệt thủ).” 16. “Thầy Cồ-Đàm, khi tâm của một Tỳ kheo được giải-thoát như vậy, người đó [sau khi chết] tái hiện (tái sinh) ở đâu?” “Này Vaccha, chữ ‘tái hiện’ không áp dụng ở đây.” 350 “Thầy Cồ-Đàm, nếu vậy là người đó không tái hiện?” “Này Vaccha, chữ ‘không tái hiện’ không áp dụng ở đây.” “Thầy Cồ-Đàm, vậy là người đó vừa tái hiện vừa không tái hiện?” “Này Vaccha, chữ ‘vừa tái hiện vừa không tái hiện’ không áp dụng ở đây.” “Thầy Cồ-Đàm, vậy là người đó không tái hiện cũng không phải không tái hiện?” “Này Vaccha, chữ ‘không tái hiện cũng không phải không tái hiện’ không áp dụng ở đây.” 17. “Khi Thầy Cồ-Đàm được hỏi [lần lượt bốn câu hỏi này], thầy đều [lần lượt] trả lời: “Này Vaccha, chữ [đó] không áp dụng ở đây.” Thầy Cồ- Đàm, ở đây tôi đã rơi vào sự hoang-mang, ở đây tôi đã rơi vào sự ngu-mờ, và niềm-tin tôi đã từng tích được trong những cuộc nói chuyện trước kia với Thầy Cồ-Đàm giờ đã biến mất.” 18. “Này Vaccha, điều đó đủ để gây cho ông sự hoang-mang, đủ để gây cho ông sự ngu-mờ. Bởi vì, này Vaccha, Giáo Pháp này là thâm sâu, khó nhìn thấy và khó hiểu được, (nó là) bình an và siêu phàm, không thể chứng ngộ được bằng lý trí, (nó là) vi tế, được chứng nghiệm bởi người có trí. Ông

khó mà hiểu được nó khi ông còn nắm giữ một quan-điểm khác, chấp nhận một giáo-lý khác, chấp thuận một một giáo-lý khác, theo đuổi một sự tu-tập khác, và theo một vị thầy khác (khác đạo). Giờ tới phiên ta, này Vaccha, ta sẽ hỏi ông điều này. Cứ trả lời theo ý ông. 19. “Này Vaccha, ông nghĩ sao? Ví dụ lửa đang cháy trước mặt ông. Ông có biết: ‘Lửa này đang cháy trước mặt tôi’ hay không’?” “Tôi có biết, thưa Thầy Cồ-Đàm.” “Này Vaccha, nếu ai hỏi ông: ‘Lửa này đang cháy trước mặt ông tùy thuộc (nhờ) vào cái gì?’—khi được hỏi vậy, ông sẽ trả lời ra sao?” “Thầy Cồ-Đàm, khi được hỏi vậy, tôi sẽ trả lời: ‘Lửa này đang cháy tùy thuộc vào nhiên liệu là cỏ và củi.’” “Nếu lửa trước mặt ông bị tắt đi, ông có biết: ‘Lửa này trước mặt tôi đã bị tắt đi’ hay không?” “Tôi có biết, Thầy Cồ-Đàm.” “Này Vaccha, nếu ai hỏi ông: ‘Khi lửa trước mặt ông bị tắt đi, nó đi về hướng nào: về hướng đông, tây, nam, hay bắc?’—khi được hỏi vậy, ông sẽ trả lời ra sao?” “Câu hỏi đó không áp dụng ở đây, Thầy Cồ-Đàm. Lửa cháy tùy thuộc vào nhiên liệu cỏ và củi. Khi nó cháy hết, nếu nó không có thêm nhiên liệu, không còn có nhiên liệu, thì nó được coi là đã tắt đi.” “Cũng giống như vậy, này Vaccha, Như Lai đã dẹp bỏ sắc-thân (sắc) mà

những người mô tả Như Lai dùng nó để mô tả Như Lai;351 bậc ấy đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai. Này Vaccha, Như Lai đã được giải-thoát khỏi sự suy đoán (sự coi là, sự nhận định) tính theo sắc-thân, bậc ấy là thâm sâu, không thể đo lường và khó thể đo đạc như đại dương. Chữ 'bậc ấy tái hiện' không áp dụng ở đây; chữ 'bậc ấy không tái hiện' không áp dụng ở đây; chữ 'bậc ấy vừa tái hiện vừa không tái hiện' không áp dụng ở đây; chữ 'bậc ấy

368 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

không tái hiện cũng không phải không tái hiện' không áp dụng ở đây.352 Như Lai đã dẹp bỏ cảm-giác (thọ) mà những người mô tả Như Lai dùng nó để mô tả Như Lai … đã dẹp bỏ nhận-thức (tưởng) mà những người mô tả Như Lai dùng nó để mô tả Như Lai … đã dẹp bỏ những sự tạo-tác cố ý (hành) mà những người mô tả Như Lai dùng nó để mô tả Như Lai … đã dẹp bỏ thức (thức) mà những người mô tả Như Lai dùng nó để mô tả Như Lai; bậc ấy đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai. Này Vaccha, Như Lai đã được giải- thoát khỏi sự suy đoán (sự coi là, sự nhận định) tính theo sắc-thân, bậc ấy là thâm sâu, không thể đo lường và khó thể đo đạc như đại dương. Chữ 'bậc ấy tái hiện' không áp dụng ở đây; chữ 'bậc ấy không tái hiện' không áp dụng ở đây; chữ 'bậc ấy vừa tái hiện vừa không tái hiện' không áp dụng ở đây; chữ 'bậc ấy không tái hiện cũng không phải không tái hiện' không áp dụng ở đây." (trích MN 72: Aggivacchagotta Sutta)

Chương X. NHỮNG CẢNH GIỚI GIÁC-NGỘ

370 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

Chương X – Những Cảnh Giới Giác-Ngộ • 371

1. RUỘNG CÔNG ĐỨC TRÊN THẾ GIAN (1) Tám Loại Người Đáng Được Cúng Dường "Này các Tỳ kheo, tám loại người này là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Tám đó là gì? "Bậc Nhập-lưu, bậc đang tu tập để chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu; bậc Nhất-lai, bậc đang tu tập để chứng ngộ thánh quả Nhất-lai; bậc Bất-lai, bậc đang tu tập để chứng ngộ thánh quả Bất-lai; bậc A-la-hán, bậc đang tu tập để chứng ngộ thánh quả A-la-hán. "Này các Tỳ kheo, tám loại người này là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian."

(AN 8:59)

(2) Sự Phân Biệt (các cấp bậc giác-ngộ) Dựa Vào Các Căn "Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ. "Người tu đã hoàn thành và hoàn thiện năm căn này là một A-la-hán. Nếu (năm căn) còn yếu hơn, người tu đang thực hành để chứng ngộ thánh quả A-la-hán; nếu còn yếu hơn nữa, người tu là bậc thánh Bất-lai; nếu còn yếu hơn nữa, người tu đang thực hành để chứng ngộ thánh quả Bất-lai; nếu còn yếu hơn nữa, người tu là bậc thánh

Nhất-lai; nếu còn yếu hơn nữa, người tu đang thực hành để chứng ngộ thánh quả Nhất-lai; nếu còn yếu hơn nữa, người tu là bậc thánh Nhập-lưu; nếu còn yếu hơn nữa, người tu đang thực hành để chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu.

372 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

“Nhưng, này các Tỳ kheo, ta nói rằng những ai trong mình hoàn toàn và tất thảy trống-vắng năm căn này, thì đó là ‘người ngoài cuộc, người đứng trong thành phần phàm phu tục chúng.’” 357 (SN 48:18; Quyển 5)

(3) Trong Giáo Pháp Được Giảng Bày Một Cách Hay Khéo 42. (i) “Này các Tỳ kheo, Giáo Pháp đã được ta khéo giảng bày như vậy là rõ ràng, khai mở, xác đáng, và không bị chấp vá.358 Trong Giáo Pháp đã được ta khéo giảng bày như vậy là rõ ràng, khai mở, xác đáng, và không bị chấp vá, những Tỳ kheo nào là những A-la-hán đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận)—đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục-tiêu của mình, đã tiêu diệt những gông-cùm của (trói buộc) sự hiện-hữu, là người đã được giải-thoát hoàn toàn bằng trí- biết cuối-cùng—thì họ không còn vòng luân-hồi nào để hiện thị (trong đó).359 43. (ii) “Này các Tỳ kheo, Giáo Pháp đã được ta khéo giảng bày như vậy là rõ ràng … không bị chấp vá. Trong Giáo Pháp này được ta khéo giảng bày như vậy là rõ ràng … không bị chấp vá, những Tỳ kheo nào đã dẹp bỏ năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), thì tất cả họ đều tái sinh một cách tự phát (tự động, tự nhiên) trong những cõi trời trong-sạch (tức năm cõi Tịnh cư thiên của những bậc thánh Bất-lai) và từ ở đó họ tiếp tục chứng ngộ Niết- bàn cuối cùng, chứ không còn quay lại (thế gian) nữa. 44. (iii) “Này các Tỳ kheo, Giáo Pháp đã được ta khéo giảng bày như vậy là rõ ràng … không bị chấp vá. Trong Giáo Pháp này được ta khéo giảng bày như vậy là rõ ràng … không bị chấp vá, những Tỳ kheo nào đã dẹp bỏ được ba gông-cùm thấp hơn và đã làm giảm thiểu tham, sân, và si, thì tất cả họ đều là bậc thánh Nhất-lai, chỉ còn quay lại (tái sinh) vào thế gian này một lần nữa trước khi làm nên sự diệt-khổ. 45. (iv) “Này các Tỳ kheo, Giáo Pháp đã được ta khéo giảng bày như vậy là rõ ràng … không bị chấp vá. Trong Giáo Pháp này được ta khéo giảng

bày như vậy là rõ ràng … không bị chấp vá, những Tỳ kheo nào đã dẹp bỏ được ba gông-cùm thấp hơn (nhưng chưa làm giảm thiểu tham, sân, si), thì tất cả họ đều là bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị rớt lại trong những cõi thấp xấu (súc sinh, ngạ quỷ…), đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích-đến của họ. 46. (v) “Này các Tỳ kheo, Giáo Pháp đã được ta khéo giảng bày như vậy là rõ ràng … không bị chấp vá. Trong Giáo Pháp này được ta khéo giảng bày như vậy là rõ ràng … không bị chấp vá, những Tỳ kheo nào là người tu trì Giáo-Pháp (người căn trí) hoặc là người tu trì niềm-tin (người căn tín), thì tất cả họ cũng đều lấy sự giác-ngộ là đích-đến của mình.360 “Này các Tỳ kheo, Giáo Pháp đã được ta khéo giảng bày như vậy là rõ ràng … không bị chấp vá. Trong Giáo Pháp này được ta khéo giảng bày như vậy là rõ ràng … không bị chấp vá, những ai có đủ niềm-tin vào ta, có đủ lòng mến-mộ đối với ta, thì tất cả họ đều có cõi-trời là đích-đến của mình.”361 (trích MN 22: Alagaddūpama Sutta) (Ví Dụ Con Rắn)

(4) Sự Toàn Vẹn Của Giáo Lý 6. “Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ dục-vọng, đã cắt bỏ tận gốc, đã làm cho nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, dứt sạch nó để nó không còn khởi sinh trong tương lai, Tỳ kheo đó là một bậc A-la-hán đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm—là người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục-tiêu của mình, đã tiêu diệt những gông-cùm trói buộc sự hiện-hữu, là người đã được giải thoát hoàn toàn bằng trí-biết cuối-cùng.” “Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ dục-vọng, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai, thì Tỳ kheo đó là một A-la-hán đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, là người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần làm, đã đặt xuống gánh

nặng, đã tiêu diệt những gông-cùm (trói buộc) hiện-hữu, và đã hoàn toàn giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng.” 7. (i) “Ngoài Thầy Cồ-Đàm, có Tỳ kheo nào, đệ tử của thầy Cồ-Đàm, là người ngay trong kiếp này, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, đã chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ với sự (đã) tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận)?”362 “Này Vaccha, không chỉ có một trăm, hai, ba, bốn, hay năm trăm, mà rất nhiều Tỳ kheo, những đệ tử của ta, là người ngay trong kiếp này, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, đã chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ với sự (đã) tiêu diệt mọi ô-nhiễm.” 8. (ii) “Ngoài Thầy Cồ-Đàm và những Tỳ kheo, có Tỳ kheo ni nào, đệ tử của Thầy Cồ-Đàm, là người ngay trong kiếp này, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, đã chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ với sự (đã) tiêu diệt mọi ô- nhiễm?” “Này Vaccha, không chỉ có một trăm … hay năm trăm, mà rất nhiều Tỳ kheo ni, những đệ tử của ta, là người ngay trong kiếp này, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, đã chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ với sự (đã) tiêu diệt mọi ô- nhiễm.” 9. (iii) “Ngoài Thầy Cồ-Đàm, những Tỳ kheo, và những Tỳ kheo ni, có nam đệ tử tại gia nào (ưu-bà-tắc), đệ tử của Thầy Cồ-Đàm, mặc áo trắng đang sống đời sống độc-thân, là người, với sự (đã) tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), sẽ tái sinh tự động [trong những Cõi Trời Trong-Sạch (một trong năm cõi Tịnh cư thiên)] và từ cõi đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn chứ không quay lại thế gian này nữa?” (nam cư sĩ chứng quả Bất-lai)363 “Này Vaccha, không chỉ có một trăm … hay năm trăm, mà rất nhiều nam đệ tử tại gia, những đệ tử của ta, mặc áo trắng đang sống đời sống độc-

thân, là người, với sự (đã) tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), sẽ tái sinh tự động [trong những Cõi Trời Trong-Sạch (một trong năm cõi Tịnh cư thiên)] và từ cõi đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn chứ không quay lại thế gian này nữa.” 10. (iv) “Ngoài Thầy Cồ-Đàm, những Tỳ kheo, những Tỳ kheo ni, và những nam đệ tử tại gia mặc áo trắng đang sống đời sống độc-thân, có đệ tử tại gia nam nào, đệ tử của Thầy Cồ-Đàm, mặc áo trắng đang sống thụ hưởng những dục-lạc [khoái-lạc giác quan], là người thực

hiện sự chỉ giáo của vị thầy, đáp ứng lời khuyên dạy của vị thầy, đã vượt qua sự nghi-ngờ, đã không còn sự bối-rối, đã đạt được sự dạn-dĩ (can đảm, bản lĩnh), và không còn nhờ dựa (phụ thuộc) những người khác về (để hiểu, tin) Giáo Pháp của Vị Thầy?”364 (nam cư sĩ chứng quả Nhất-lai và Nhập-lưu) “Này Vaccha, không chỉ có một trăm … hay năm trăm, mà rất nhiều nam đệ tử tại gia, những đệ tử của ta, mặc áo trắng đang thụ hưởng những dục-lạc, là người thực hiện sự chỉ giáo của ta, đáp ứng lời khuyên dạy của ta, đã vượt qua sự nghi-ngờ, đã không còn sự bối-rối, đã đạt được sự dạn-dĩ, và không còn nhờ dựa những người khác về (để hiểu, tin) Giáo Pháp của Vị Thầy.” 11. (v) “Ngoài Thầy Cồ-Đàm, những Tỳ kheo, những Tỳ kheo ni, và những nam đệ tử tại gia mặc áo trắng kể cả loại sống độc-thân và loại đang sống thụ hưởng dục-lạc, có nữ đệ tử tại gia nào (ưu-bà-di), đệ tử của Thầy Cồ-Đàm, mặc áo trắng đang sống đời sống độc-thân, là người, với sự (đã) tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), sẽ tái sinh tự động [trong những Cõi Trời Trong-Sạch (một trong năm cõi Tịnh cư thiên)] và từ cõi đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn chứ không quay lại thế gian này nữa?” (nữ cư sĩ chứng quả Bất-lai) “Này Vaccha, không chỉ có một trăm … hay năm trăm, mà rất nhiều nữ đệ tử tại gia, những đệ tử của ta, mặc áo trắng đang sống đời sống độc-thân, là người, với sự (đã) tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), sẽ tái sinh tự động [trong những Cõi Trời Trong-Sạch (một trong năm cõi Tịnh

cư thiên)] và từ cõi đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn chứ không quay lại thế gian này nữa.”. 12. (vi) “Ngoài Thầy Cồ-Đàm, những Tỳ kheo, những Tỳ kheo ni, những nam đệ tử tại gia mặc áo trắng kể cả loại sống độc-thân và loại đang sống thụ hưởng dục-lạc, và những nữ đệ tử tại gia mặc áo trắng đang sống đời sống độc-thân, có nữ đệ tử tại gia nào, đệ tử Thầy Cồ-Đàm, mặc áo trắng đang sống thụ hưởng dục-lạc, là người thực hiện sự chỉ giáo của vị thầy, đáp ứng lời khuyên dạy của vị thầy, đã vượt qua sự nghi-ngờ, đã không còn sự bối-rối, đã đạt được sự dạn-dĩ, và không còn nhờ dựa những người khác về (để hiểu, tin) Giáo Pháp của Vị Thầy?” (nữ cư sĩ chứng quả Nhất-lai và Nhập-lưu) “Này Vaccha, không chỉ có một trăm … hay năm trăm, mà rất nhiều nữ đệ tử tại gia, những đệ tử của ta, mặc áo trắng đang thụ hưởng những dục- lạc, là người thực hiện sự chỉ giáo của ta, đáp ứng lời khuyên dạy của ta, đã vượt qua sự nghi-ngờ, đã không còn sự bối-rối, đã đạt được sự dạn-dĩ, và không còn nhờ dựa những người khác về (để hiểu, tin) Giáo Pháp của Vị Thầy.” 13. (i) “Thầy Cồ-Đàm, nếu chỉ có Thầy Cồ-Đàm đã thành tựu trong Giáo Pháp này trong Giáo Pháp này mà không có những Tỳ kheo thành tựu trong Giáo Pháp này, thì đời sống tâm linh này sẽ khiếm khuyết về phương diện đó; nhưng bởi vì có thầy Cồ-Đàm và có những Tỳ kheo thành tựu trong Giáo Pháp này, nên đời sống tâm linh này là toàn vẹn về phương diện đó. (ii) “Nếu chỉ có Thầy Cồ-Đàm và những Tỳ kheo đã thành tựu trong Giáo Pháp này mà không có những Tỳ kheo ni thành tựu trong Giáo Pháp này, thì đời sống tâm linh này sẽ khiếm khuyết về phương diện đó; nhưng bởi vì có thầy Cồ-Đàm, có những Tỳ kheo, và có những Tỳ kheo ni thành tựu trong Giáo Pháp này, nên đời sống tâm linh này là toàn vẹn về phương diện đó. (iii) “Nếu chỉ có Thầy Cồ-Đàm, những Tỳ kheo, và những Tỳ kheo ni đã thành tựu trong Giáo Pháp này mà không có những nam đệ tử tại gia mặc

áo trắng đang sống đời sống độc-thân thành tựu trong Giáo Pháp này, thì đời sống tâm linh này sẽ khiếm khuyết về phương diện đó; nhưng bởi vì có thầy Cồ-Đàm, có những Tỳ kheo, có những Tỳ kheo ni, và có những nam đệ tử tại gia mặc áo trắng đang sống đời sống độc-thân thành tựu trong Giáo Pháp này, nên đời sống tâm linh này là toàn vẹn về phương diện đó. (iv) "Nếu chỉ có Thầy Cồ-Đàm, những Tỳ kheo, những Tỳ kheo ni, và những nam đệ tử tại gia mặc áo trắng đang sống đời sống độc-thân đã thành tựu trong Giáo Pháp này mà không có những nam đệ tử tại gia mặc áo trắng đang sống thụ hưởng dục-lạc thành tựu trong Giáo Pháp này, thì thì đời sống tâm linh này sẽ khiếm khuyết về phương diện đó; nhưng bởi vì có thầy Cồ- Đàm, có những Tỳ kheo, có những Tỳ kheo ni, có những nam đệ tử tại gia mặc áo trắng đang sống đời sống độc-thân, và có những nam đệ tử tại gia đang sống thụ hưởng dục-lạc thành tựu trong Giáo Pháp này, nên đời sống tâm linh này là toàn vẹn về phương diện đó. (v) "Nếu chỉ có Thầy Cồ-Đàm, những Tỳ kheo, những Tỳ kheo ni, và những nam đệ tử tại gia kể cả loại sống độc-thân và loại đang sống thụ hưởng dục-lạc đã thành tựu trong Giáo Pháp này mà không có những nữ đệ tử tại gia mặc áo trắng đang sống đời sống độc-thân thành tựu trong Giáo Pháp này, thì đời sống tâm linh này sẽ khiếm khuyết về phương diện đó; nhưng bởi vì có thầy Cồ-Đàm, có những Tỳ kheo, có những Tỳ kheo ni, có những nam đệ tử tại gia kể cả loại sống độc-thân và loại đang sống thụ hưởng dục-lạc, và nữ đệ tử tại gia mặc áo trắng đang sống đời sống độc-thân thành tựu trong Giáo Pháp này, nên đời sống tâm linh này là toàn vẹn về phương diện đó. (vi) "Nếu chỉ có Thầy Cồ-Đàm, những Tỳ kheo, những Tỳ kheo ni, những nam đệ tử tại gia kể cả loại sống độc-thân và loại đang sống thụ hưởng dục-lạc, và những nữ đệ tử tại gia mặc áo trắng đang sống đời sống độc-thân đã thành tựu trong Giáo Pháp này mà không có những nữ đệ tử tại gia mặc áo trắng đang sống thụ hưởng dục-lạc thành tựu trong Giáo Pháp này, thì đời sống tâm linh này sẽ khiếm khuyết về phương diện đó; nhưng

bởi vì có thầy Cồ-Đàm, có những Tỳ kheo, có những Tỳ kheo ni, có những nam đệ tử tại gia kể cả loại sống độc-thân và loại đang sống thụ hưởng dục- lạc, có những nữ đệ tử tại gia mặc áo trắng đang sống đời sống độc-thân, và có những nữ đệ tử tại gia mặc áo trắng đang sống thụ hưởng dục-lạc thành tựu trong Giáo Pháp này, nên đời sống tâm linh này là toàn vẹn về phương diện đó. "Giống như sông Hằng là nghiêng về biển, đổ về biển, chảy về biển, và chảy tới biển; cũng giống như vậy, hội chúng của Thầy Cồ-Đàm có những người xuất gia và những người tại gia là nghiêng về Niết-bàn, đổ về Niết- bàn, chảy về Niết-bàn, và chảy tới Niết-bàn. (trích MN 73: Mahāvacchagotta Sutta) (Đại kinh về du sĩ Vacchagotta)

(5) Bảy Loại Thánh Nhân 11. "Này các Tỳ kheo, ta không nói về tất cả những Tỳ kheo rằng họ vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú; ta cũng không nói về tất cả những Tỳ kheo rằng họ không còn việc phải làm với sự chuyên-chú. 12. "Ta không nói về những Tỳ kheo là những A-la-hán [đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, là người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì phải làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục-tiêu đích

thực, đã tiêu diệt những gông-cùm của (trói buộc) sự hiện-hữu, và đã hoàn toàn được giải- thoát thông qua trí-biết cuối cùng] rằng họ vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú. Vì sao vậy? Vì họ đã làm xong việc của họ với sự chuyên-chú; họ không còn khả năng bị lơ tâm phóng dật. 13. “Ta nói về những Tỳ kheo là những học-nhân (là những người đang trong sự tu-tập bậc cao) [tâm của họ chưa đạt tới mục-tiêu, và họ vẫn đang khát nguyện đạt tới ‘sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc’] rằng họ vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú. Vì sao vậy? Bởi vì sau khi những thầy đó biết sử dụng những chỗ ở thích hợp và giao lưu với đạo hữu tốt và

biết nuôi dưỡng các căn tâm linh của họ, thì ngay trong kiếp này, họ có thể tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống tâm linh mà vì (mục tiêu) đó những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Sau khi đã nhìn thấy kết-quả này của sự chuyên-chú đối với những Tỳ kheo như vậy, nên ta mới nói họ vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú. 14. “Này các Tỳ kheo, có bảy loại người được thấy có trong thế gian. 365 Bảy đó là gì? Đó là: người được giải-thoát bằng cả hai cách, người được giải- thoát bằng trí-tuệ, người thân chứng, người đạt tới tầm-nhìn, người được giải-thoát nhờ niềm-tin, người tu trì theo Giáo Pháp (trí căn), và người tu trì theo niềm-tin (tín căn). 15. (1) “Cái gì là loại người được giải-thoát bằng cả hai cách? Ở đây có người (i) tiếp xúc bằng thân và an trú trong những sự giải-thoát (là) bình an và vô sắc giới, vượt trên những thể sắc (sắc giới), và (ii) người đó đã tiêu diệt những ô-nhiễm (lậu hoặc) nhờ sự nhìn-thấy của người đó bằng trí-tuệ. Loại người này được gọi là người được giải-thoát bằng cả hai cách.366 Ta không nói về một Tỳ kheo như vậy vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú. Vì sao vậy? Vì người đó đã làm xong việc của mình với sự chuyên-chú; người đó không còn khả năng bị lơ tâm phóng dật. 16. (2) “Cái gì là loại người được giải-thoát bằng trí-tuệ? Ở đây có người không tiếp xúc bằng thân và không an trú trong những sự giải-thoát (là) bình an và vô sắc giới, vượt trên những thể sắc, nhưng người đó đã tiêu diệt những ô-nhiễm nhờ sự nhìn-thấy của người đó bằng trí-tuệ. Loại người này được gọi là người được giải-thoát bằng trí-tuệ.367 Ta không nói về một Tỳ kheo như vậy vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú. Vì sao vậy? Vì thầy đó đã làm xong việc của mình với sự chuyên-chú; người đó không còn khả năng bị lơ tâm phóng dật. 17. (3) “Cái gì là loại người thân chứng? Ở đây có người tiếp xúc bằng thân và an trú trong những sự giải-thoát (là) bình an và vô sắc giới, vượt trên những thể sắc (sắc giới), nhưng người đó mới tiêu diệt được một số ô-nhiễm

(lậu hoặc) nhờ sự nhìn-thấy của người đó bằng trí-tuệ. Loại người này được gọi là người thân chứng.368 Ta nói về một Tỳ kheo như vậy vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú. Vì sao vậy? Bởi vì sau khi người đó biết sử dụng những chỗ ở thích hợp và giao lưu với đạo hữu tốt và biết nuôi dưỡng các căn tâm linh của mình, thì ngay trong kiếp này, người đó có thể tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống tâm linh mà vì (mục tiêu) đó những người

họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Sau khi đã nhìn thấy kết-quả này của sự chuyên-chú đối với một Tỳ kheo như vậy, nên ta mới nói người đó vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú. 18. (4) “Cái gì là loại người đã đạt tới cách-nhìn? Ở đây có người tiếp xúc bằng thân và an trú trong những sự giải-thoát (là) bình an và vô sắc giới, vượt trên những thể sắc, nhưng người đó mới tiêu diệt một số ô-nhiễm nhờ sự nhìn-thấy của người đó bằng trí-tuệ, và người đó đã ôn-lại và xem-xét bằng trí-tuệ những giáo lý được tuyên thuyết bởi Như Lai. Loại người này được gọi là người đã đạt tới cách-nhìn (chánh kiến).369 Ta nói về một Tỳ kheo như vậy vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú. Vì sao vậy? Bởi vì sau khi người đó biết sử dụng những chỗ ở thích hợp … đi vào đời sống xuất gia tu hành. Sau khi đã nhìn thấy kết-quả này của sự chuyên-chú đối với một Tỳ kheo như vậy, nên ta mới nói người đó vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú. 19. (5) “Cái gì là loại người được giải-thoát nhờ niềm-tin? Ở đây có người tiếp xúc bằng thân và an trú trong những sự giải-thoát (là) bình an và vô sắc giới, vượt trên những thể sắc, nhưng người đó mới tiêu diệt một số ô- nhiễm nhờ sự nhìn-thấy của người đó bằng trí-tuệ, và niềm-tin của người đó được gieo trồng, được bắt rễ, và được thiết lập trong Như Lai. Loại người này được gọi là người được giải-thoát nhờ niềm-tin (tín giải thoát).370 Ta nói về một Tỳ kheo như vậy vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú. Vì sao vậy? Bởi vì sau khi người đó biết sử dụng những chỗ ở thích hợp … đi vào đời sống xuất gia tu hành. Sau khi đã nhìn thấy kết-quả này của sự chuyên-

chú đối với một Tỳ kheo như vậy, nên ta mới nói người đó vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú. 20. (6) “Cái gì là loại người tu trì theo Giáo Pháp (người căn trí)? Ở đây có người tiếp xúc bằng thân và an trú trong những sự giải-thoát (là) bình an và vô sắc giới, vượt trên những thể sắc, nhưng người đó chưa tiêu diệt được ô-nhiễm nhờ sự nhìn-thấy của người đó, nhưng người đó chấp nhận những giáo lý được tuyên thuyết bởi Như Lai sau khi đã suy-xét chúng một cách đầy đủ bằng trí-tuệ. Thêm nữa, người đó có những phẩm-chất: căn niềm-tin (tín căn), căn nỗ-lực (tấn căn), căn chánh-niệm (niệm căn), căn chánh-định (định căn), và căn trí-tuệ (tuệ căn). Loại người này được gọi là người tu trì theo Giáo Pháp.371 Ta nói về một Tỳ kheo như vậy vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú. Vì sao vậy? Bởi vì sau khi người đó biết sử dụng những chỗ ở thích hợp … đi vào đời sống xuất gia tu hành. Sau khi đã nhìn thấy kết-quả này của sự chuyên-chú đối với một Tỳ kheo như vậy, nên ta mới nói người đó vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú. 21. (7) “Cái gì là loại người tu trì theo niềm-tin (người căn tín)? Ở đây có người tiếp xúc bằng thân và an trú trong những sự giải-thoát (là) bình an và vô sắc giới, vượt trên những thể sắc, nhưng người đó chưa tiêu diệt được ô-nhiễm nhờ sự nhìn-thấy của người đó, nhưng người đó có đủ niềm-tin (thành tín) và lòng thương-mến đối với Như Lai. Thêm nữa, người đó có những phẩm-chất: căn niềm-tin (tín căn), căn nỗ-lực (tấn căn), căn chánh- niệm (niệm căn), căn chánh-định (định căn), và căn trí-tuệ (tuệ căn). Loại người này được gọi là người tu trì theo Giáo Pháp. Ta nói về một Tỳ kheo như vậy vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú. Vì sao vậy? Bởi vì sau khi người đó biết sử dụng những chỗ ở thích hợp và giao lưu với đạo hữu tốt và

biết nuôi dưỡng các căn tâm linh của mình, thì ngay trong kiếp này, người đó có thể tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống tâm linh mà vì (mục tiêu) đó những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Sau khi đã nhìn thấy kết-quả này của sự chuyên-chú đối với một Tỳ kheo như vậy, nên ta mới nói người đó vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú..”

382 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

(trích MN 70: Kiṭāgiri Sutta)

2. THÁNH QUẢ NHẬP-LƯU (1) Bốn Yếu Tố Dẫn Tới Thánh Quả Nhập-Lưu Lúc đó … đức Thế Tôn mới nói với Ngài Xá-lợi-phất: “Này Xá-lợi-phất, thường nghe nói: ‘Một yếu-tố để đạt tới Nhập-lưu, một yếu-tố để đạt tới Nhập-lưu’. Giờ thì, này Xá-lợi-phất, cái gì là một yếu- tố để đạt tới thánh quả Nhập-lưu?” “Thưa Thế Tôn, giao lưu với bậc thượng nhân là một yếu-tố để Nhập- lưu. (ii) Nghe Giáo Pháp đích-thực (chân pháp) là một yếu-tố để Nhập-lưu. (iii) Sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý) là một yếu-tố để Nhập-lưu. (iv) Tu tập đúng theo Giáo Pháp là một yếu-tố để Nhập-lưu.”372 “Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! (i) Giao lưu với bậc thượng nhân là một yếu- tố để Nhập-lưu. (ii) Nghe Giáo Pháp đích-thực (chân pháp) là một yếu-tố để Nhập-lưu. (iii) Sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý) là một yếu-tố để Nhập-lưu. (iv) Tu tập đúng theo Giáo Pháp là một yếu-tố để Nhập-lưu. “Này Xá-lợi-phất, thường nghe nói: ‘Dòng chảy, dòng chảy’. Giờ thì, này Xá-lợi-phất, cái gì là dòng chảy?” “Thưa Thế Tôn, con-đường Bát Thánh Đạo là dòng chảy (dòng thánh đạo); đó gồm: chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh- mạng, chánh tinh-tấn, chánh-niệm, và chánh-định.” “Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Con-đường Bát Thánh Đạo này là dòng chảy; đó gồm: chánh-kiến … chánh-định. “Này Xá-lợi-phất, thường nghe nói: ‘Một bậc Nhập-lưu, một bậc Nhập- lưu’. Giờ thì, này Xá-lợi-phất, cái gì là một người Nhập-lưu (đã nhập vào dòng thánh đạo; Tu-đà-hoàn)?”

“Thưa Thế Tôn, một người có-được con-đường Bát Thánh Đạo này thì được gọi là một bậc Nhập-lưu: vị đó có danh xưng này cùng với tên họ.” (tức được gọi bậc trước tên, ví dụ như ‘Nhập-lưu Cấp Cô Độc’) “Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Một người có-được con-đường Bát Thánh Đạo này thì được gọi là một bậc Nhập-lưu: vị đó có danh xưng này cùng với tên họ.” (SN 55:05; Quyển 5)

(2) Bước Vào Con Đường Chánh Đạo Đã Định Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, mắt là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác (đang khác đi, đang biến đổi). Tai … Mũi … Lưỡi … Thân là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. (1) “Người đặt niềm-tin vào những giáo-lý này và nhất quyết về chúng như vậy thì được gọi là người tu theo niềm-tin (người căn tín), là người đã nhập-vào ‘đạo lộ (lộ trình) chân chính đã được định xong’ [‘đạo lộ đã được định xong của sự chân chính’], đã nhập-vào cảnh giới của những bậc thượng nhân, đã vượt trên cảnh giới của những người phàm tục. Người đó không còn có thể làm điều gì mà vì nhân đó phải bị tái sinh trong địa ngục, trong cõi súc sinh, hay trong trú xứ ma quỷ; người đó không thể chết đi mà chưa chứng ngộ

thánh quả Nhập-lưu.373 (tức: chắc chắn chứng ngộ nó khi còn sống hay ngay khi chết).374 (2) “Người mà đã chấp nhận những giáo-lý này như vậy sau khi đã suy xét (cân nhắc, quán xét, suy nghiệm) chúng tới một mức độ đủ đầy bằng trí- tuệ thì được gọi là người tu theo Giáo Pháp (người căn trí),375 là người đã nhập-vào ‘đạo lộ chân chính đã được định xong’, đã nhập-vào cảnh giới của những bậc thượng nhân, đã vượt-trên cảnh giới của những người phàm tục. Người đó không còn có thể làm điều gì mà vì nhân đó phải bị tái sinh trong

địa ngục, trong cõi súc sinh, hay trong trú xứ ma quỷ; người đó không thể chết đi mà chưa chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu. “Người mà biết và thấy những giáo-lý này như vậy thì được gọi là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn ràng buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến cuối cùng của người đó.”376 (SN 25:01, Quyển 3)

(3) Sự Đột Phá Vào (Thâm Nhập, Chứng Ngộ) Giáo Pháp (Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc.) Lúc đó đức Thế Tôn khươi ra một chút đất trong móng tay và nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào nhiều hơn: chút đất ta mới khươi ra trong móng tay của ta hay đại địa cầu này? “Thưa Thế Tôn, đại địa cầu thì nhiều hơn. Chút đất đức Thế Tôn mới khươi ra trong móng tay chỉ là nhỏ nhặt (chút vặt, chẳng là gì). Nó không bằng được một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của đại địa cầu.” “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một đệ tử thánh thiện, là một người thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến) đã làm nên sự đột-phá [= chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu], thì sự khổ đau đã bị tiêu diệt và loại bỏ là nhiều hơn, trong khi sự khổ đau còn lại chỉ là nhỏ nhặt. 377 Cái sau không bằng một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của đống khổ trước-khi nó được tiêu diệt và loại bỏ, vì chỉ còn khổ tối đa trong bảy kiếp nữa thôi. Này các Tỳ kheo, sự đột-phá vào Giáo Pháp (tức: Nhập-lưu) mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy, sự đạt-tới sự-thấy của Giáo Pháp (tức: Nhập-lưu) mang lại ích lợi thật lớn lao như vậy.”378

(SN 13:01)

(4) Bốn Yếu Tố Của Một Bậc Thánh Nhập-Lưu “Này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện có-được (sở hữu) bốn điều là một bậc nhập-lưu, không còn bị rớt vào cảnh giới thấp xấu, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích-đến của mình. Bốn đó là gì? (1) Ở đây, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện có-được niềm- tin xác thực vào Đức Phật như vầy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán, đã giác ngộ toàn thiện, đã thành tựu về sự hiểu-biết trực-tiếp (chân trí) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết thế giới người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ [Phật], bậc Thế Tôn.’379 (2) “Người đó có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vầy: ‘Giáo Pháp được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để

thấy, đáng được áp dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi người trí hiền.’ (3) “Người đó có-được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vầy: ‘Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, đang tu tập cách thức chánh thẳng, đang tu tập cách thức đích thực, đang tu tập cách thức đúng đắn; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám loại người— Tăng Đoàn này của các đệ tử của đức Thế Tôn là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được lễ chào tôn kính, là ruộng gieo trồng công đức cao nhất (phước điền vô thượng) ở thế gian.’ (4) “Người đó có-được những giới-hạnh (đức hạnh) mà các bậc thánh nhân quý trọng (quý giá), (giới-hạnh đó) không bị sứt mẻ, không bị lỗi, không bị dính nhiễm, bị đốm xấu, mang tính giải thoát, được khen ngợi bởi người trí hiền, không bị dính chấp, dẫn tới đạt định.’380 “Này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện có-được bốn điều này thì người đó là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.”

386 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

(SN 55:02, Quyển 5)

(5) Còn Đáng Có Hơn Quyền Thống Trị Cả Trái Đất Ở Sāvatthī. Ở đó đức Thế Tôn đã nói điều này: “Này các Tỳ kheo, cho dù đó là một vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển luân vương), đã thực thi quyền thống trị tối cao khắp bốn châu lục, khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời, trong số những thiên thần của cõi trời Tāvatimsa (Đao- lợi), và ở đó, được vây quanh bởi các tiên nữ trong khu Vườn Nandana (lạc viên, vườn khoái lạc), người đó thụ hưởng bản thân, được chu cấp và được ưu đãi đầy đủ năm thứ khoái-lạc giác quan của cõi trời, nhưng vị vua đó vẫn chưa có-được bốn điều,381 vẫn chưa thoát khỏi địa ngục, cõi súc sinh và cảnh giới hồn ma ngạ quỷ, chưa thoát khỏi cảnh giới đày đọa, những nơi-đến xấu dữ và cõi dưới.382 “Này các Tỳ kheo, do chù một đệ tử thánh thiện chỉ sống duy trì bản thân bằng mớ thức ăn khất thực và y phục làm bằng giẻ rách, nhưng người đó vẫn có-được bốn điều, vẫn thoát khỏi địa ngục, cõi súc sinh và cảnh giới hồn ma ngạ quỷ, thoát khỏi cảnh giới đày đọa, những nơi-đến xấu dữ và cõi dưới. Bốn đó là gì? “Đó là: niềm-tin xác thực vào Phật, Giáo Pháp, và Tăng Đoàn, và những đức-hạnh mà các bậc thánh nhân quý trọng. Và, này các Tỳ kheo, giữa hai thứ, quyền thống trị khắp bốn châu lục và sự có-được bốn điều đó, thì quyền thống trị bốn châu lục không đáng bằng một phần mười sáu so với việc có-được bốn điều đó.”383

(lược trích SN 55:01, Quyển 5)

3. THÁNH QUẢ BẤT-LAI (1) Dẹp Bỏ Năm Gông-Cùm Thấp Hơn 7. “Này Ānanda, có một con đường, có một phương cách để dẹp bỏ năm

Chương X – Những Cảnh Giới Giác-Ngộ • 387

gông-cùm thấp hơn; nếu ai không dựa vào con đường đó, không dựa vào phương cách đó mà biết hay thấy hay dẹp bỏ được năm gông-cùm thấp hơn đó—điều đó là không thể. Giống như có một cây lớn đứng có gỗ lõi, nếu ai không cắt qua lớp vỏ cây và lớp gỗ mềm mà cắt qua lớp gỗ lõi—điều đó là không thể. Cũng giống như vậy, có một con

đường … không dựa vào phương cách đó mà biết hay thấy hay dẹp bỏ được năm gông-cùm thấp hơn đó—điều đó là không thể. “Này Ānanda, có một con đường, có một phương cách để dẹp bỏ năm gông-cùm thấp hơn; nếu ai dựa vào con đường đó, dựa vào phương cách đó mà biết và thấy và dẹp bỏ được năm gông-cùm thấp hơn đó—điều đó là có thể. Giống như có một cây lớn đứng có gỗ lõi, nếu ai cắt qua lớp vỏ cây và lớp gỗ mềm thì cắt qua lớp gỗ lõi—điều đó là có thể. Cũng giống như vậy, có một con đường … dựa vào phương cách đó mà biết và thấy và dẹp bỏ được năm gông-cùm thấp hơn đó—điều đó là có thể. 8. “Này Ānanda, giả sử sông Hằng nước tràn đầy tới mép bờ đến mức con quạ (đứng trên bờ) có thể uống được, và rồi có một người yếu ớt đến đó nghĩ rằng: ‘Bằng cách bơi ngang dòng nước bằng hai tay của ta, ta sẽ vượt qua bờ bên kia sông Hằng một cách an toàn’, nhưng người đó đâu thể bơi qua được một cách an toàn. Cũng giống như vậy, khi Giáo Pháp được dạy cho một người để chấm dứt cái ‘quan-điểm có danh-tánh’ (thân kiến), nếu tâm của người đó không tiến nhập vào Giáo Pháp và không đạt được niềm tự-tin, sự vững-vàng, và sự kiên-định, thì người đó có thể được coi như một người yếu ớt vậy. “Này Ānanda, sông Hằng nước tràn đầy nước tới hai mép bờ đến mức con quạ cũng uống được, và rồi có một người khỏe mạnh đến đó nghĩ rằng: ‘Bằng cách bơi ngang dòng nước bằng hai tay của ta, ta sẽ vượt qua bờ bên kia sông Hằng một cách an toàn’; và người đó có thể thể bơi qua được một cách an toàn. Cũng giống như vậy, khi Giáo Pháp được dạy cho một người để chấm dứt cái ‘quan-điểm có danh-tánh’ (thân kiến), nếu tâm của người đó tiến nhập vào Giáo Pháp và đạt được niềm tự-tin, sự vững-vàng, và sự kiên-

định, thì người đó có thể được coi như một người mạnh khỏe. 9. “Và, này Ānanda, cái gì là con đường và phương cách dẫn tới dẹp bỏ năm gông-cùm thấp hơn? Ở đây, bằng sự tách-ly khỏi sự thu-nạp (sanh y),384 bằng sự dẹp bỏ những trạng thái bất thiện, bằng sự làm lắng dịu những quán- tính (tập khí) của thân; (1) ‘hoàn toàn tách-ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất, trạng thái có đi kèm bởi ý-nghĩ ban đầu (tầm) và sự soi-xét nó (tứ), có yếu tố hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó’. “Trong (trạng thái Nhất thiền) đó, mọi thứ (trạng thái, hiện tượng) thuộc thân-sắc, cảm-giác, nhận thức, những sự tạo-tác cố ý, và thức (sắc, thọ, tưởng, hành, thức), người đó (quán sát) nhìn thấy chúng đều là vô thường, là khổ, như một căn bệnh, một ung nhọt, một gai nhọn, một tai ương, một sự khổ đau, như kẻ lạ, là đang tan rã, là trống không, là vô ngã.385 Nên người đó chuyển hướng tâm ra khỏi những hiện-tượng đó, và hướng nó tới yếu tố bất- tử như vầy: ‘Đây là bình an, đây là siêu phàm, đó là, sự làm lắng lặn những sự tạo-tác cố ý (các hành), sự từ bỏ tất cả mọi dính-mắc (ràng buộc), sự tiêu diệt dục-vọng, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, Niết-bàn’.386 Nếu người đó vững vàng trong trạng thái đó, người đó sẽ đạt tới sự tiêu diệt những ô-nhiễm. Nhưng nếu người đó không đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm, rồi nhờ chính sự mong-muốn có được Giáo Pháp đó, sự thích-thú Giáo Pháp đó,387 cùng với sự tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn, người đó trở thành bậc được tái sinh một cách tự phát [vào một trong năm cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên) của những bậc Bất-lai)], và từ ở đó

sau đó sẽ chứng luôn Niết-bàn chứ không còn quay lại (tái sinh) thế gian nữa. Đây là con đường, phương cách dẫn tới dẹp bỏ năm gông-cùm thấp hơn. 10.–12. (2) “Lại nữa: ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai … (3) “Lại nữa: ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ) … một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba … (4) “Lại nữa: ‘Với sự dẹp bỏ sự

sướng-khổ … một Tỳ kheo người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư, trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả. “Trong (trạng thái Tứ thiền) đó, mọi thứ thuộc thân-sắc, cảm-giác, nhận thức, những sự tạo-tác cố ý, và thức, người đó nhìn thấy chúng đều là vô thường ... là vô ngã. Nên người đó chuyển hướng tâm ra khỏi những hiện- tượng đó, và hướng nó tới yếu tố bất-tử … Đây là con đường, phương cách dẫn tới dẹp bỏ năm gông-cùm thấp hơn. 13. (5) “Lại nữa: ‘Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể- sắc (thuộc sắc-giới), với sự phai biến những nhận-thức về va-chạm giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác-ý) tới những nhận-thức về sự đa-dạng (khác biệt này nọ), [chỉ nhận thức rằng:] ‘không gian là vô biên’, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong cảnh xứ của không gian vô biên (không vô biên xứ)’. “Trong (trạng thái Không vô biên xứ) đó, mọi thứ (hiện tượng, trạng thái) thuộc cảm-giác, nhận thức, những sự tạo-tác cố ý, và thức,388 người đó nhìn thấy chúng đều là vô thường ... là vô ngã. Người đó chuyển hướng tâm ra khỏi những trạng thái đó và hướng nó tới yếu tố bất-tử … Đây là con đường và phương cách dẫn tới dẹp bỏ năm gông-cùm thấp hơn. 14. (6) “Lại nữa: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên cảnh xứ của không gian vô biên, [nhận thức rằng:] ‘thức là vô biên’, người đó chứng nhập và an trú trong cảnh xứ vô biên của thức (thức vô biên xứ).’ “Trong (trạng thái Thức vô biên xứ) đó, mọi thứ thuộc cảm-giác, nhận thức, những sự tạo-tác cố ý, và thức, người đó nhìn thấy chúng đều là vô thường ... là vô ngã. Người đó chuyển hướng tâm ra khỏi những trạng thái đó và hướng nó tới yếu tố bất-tử … Đây là con đường và phương cách dẫn tới dẹp bỏ năm gông-cùm thấp hơn. 15. (7) “Lại nữa: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên cảnh xứ vô biên của thức, [nhận thức rằng:] ‘không có gì’, người đó chứng nhập và an trú trong

cảnh xứ không-có-gì (vô sở hữu xứ).’ “Trong (trạng thái Vô sở hữu xứ) đó, mọi thứ thuộc cảm-giác, nhận thức, những sự tạo-tác cố ý, và thức, người đó nhìn thấy chúng đều là vô thường là khổ, như một căn bệnh, một ung nhọt, một gai nhọn, một tai ương, một sự khổ đau, như kẻ lạ, là đang tan rã, là trống không, là vô ngã. Nên người đó chuyển hướng tâm ra khỏi những hiện-tượng đó, và hướng nó tới yếu tố bất-tử như vầy: ‘Đây là bình an, đây là siêu phàm, đó là, sự làm lắng lặn những sự tạo-tác cố ý (các hành), sự từ bỏ mọi sự dính-mắc, sự tiêu diệt dục-vọng, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, Niết-bàn’. Nếu người đó vững vàng trong trạng thái đó, người đó sẽ đạt tới sự tiêu diệt những ô-nhiễm. Nhưng nếu người đó không đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm, rồi nhờ chính sự mong- muốn có được Giáo Pháp đó, sự thích-thú Giáo Pháp đó, cùng với sự tiêu diệt

năm gông-cùm thấp hơn, người đó trở thành bậc được tái sinh một cách tự phát [vào một trong năm cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên) của những bậc Bất-lai)], và từ ở đó sau đó sẽ chứng luôn Niết-bàn chứ không còn quay lại (tái sinh) thế gian nữa. Đây là con đường, phương cách dẫn tới dẹp bỏ năm gông-cùm thấp hơn.". (trích MN 64: Mahāmāluṅkya Sutta) (Đại kinh Māluṅkya)

(2) Bốn Loại Người Chứng Ngộ Niết-bàn "Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? "Ở đây, (1) có người chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng (thêm) ngay trong kiếp này. (2) Có người chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm khi thân tan rã.389 (3) Có người chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng (thêm) ngay trong kiếp này. (4) Và có người chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố- gắng (thêm) khi thân tan rã.390

Chương X – Những Cảnh Giới Giác-Ngộ • 391

(1) "Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người chứng ngộ Niết- bàn sự cố-gắng (thêm) ngay trong kiếp này? Ở đây, một Tỳ kheo an trú quán sát sự không hấp-dẫn (không sạch, ô uế) của/trong thân-thể, nhận thức sự gớm-ghiếc (đáng kinh tởm) của thức-ăn, nhận thức sự không gì đáng mê- thích trong toàn thể thế giới, quán sát sự vô-thường trong mọi hiện-tượng có điều-kiện (hữu vi); và người đó có sự nhận-thức về cái chết được thiết lập sâu sắc ở bên trong (tâm). Người đó sống dựa vào năm năng-lực của bậc học- nhân: năng lực niềm-tin, năng lực biết xấu-hổ về mặt đạo đức, năng lực biết sợ-hãi về mặt đạo đức, năng lực nỗ-lực (tinh tấn), và năng lực trí-tuệ. (Và) năm căn này khởi sinh bên trong người đó một cách nổi trội: căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ. Do năm căn này là nổi trội, nên người đó chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm ngay trong kiếp này. Theo cách như vậy là một người chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm ngay trong kiếp này. (2) "Và theo cách nào là một người chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm khi thân tan rã? Ở đây, một Tỳ kheo an trú quán sát sự không hấp-dẫn của/trong than-thể … và người đó có sự nhận-thức về cái chết được thiết lập sâu sắc ở bên trong. Người đó sống dựa vào năm năng-lực của bậc học-nhân: năng lực niềm-tin … năng lực trí-tuệ. (Nhưng) năm căn này khởi sinh bên trong người đó một cách yếu ớt: căn niềm-tin … căn trí-tuệ. Do năm căn này là yếu ớt, nên người đó chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm khi thân tan rã. Theo cách như vậy là một người chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm khi thân tan rã. (3) "Và theo cách nào là một người chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng thêm ngay trong kiếp này? Ở đây, một Tỳ kheo: (i) '… chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất … (ii) '… tầng thiền định thứ hai … (iii) '… tầng thiền định thứ ba … (iv) '… tầng thiền định thứ tư … "Người đó sống dựa vào năm năng-lực của bậc học-nhân: năng lực niềm-tin … năng lực trí-tuệ. (Và) năm căn này khởi sinh bên trong người đó một cách nổi trội: căn niềm-tin … căn trí-tuệ. Do năm căn này là nổi trội, nên

392 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

người đó chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng thêm ngay trong kiếp này. Theo cách này là một người chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng thêm ngay trong kiếp

này. (4) “Và theo cách nào là một người chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng thêm khi thân tan rã? Ở đây, một Tỳ kheo: (i) ‘… chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất … (ii) ‘… tầng thiền định thứ hai … (iii) ‘… tầng thiền định thứ ba … (iv) ‘… tầng thiền định thứ tư … “Người đó sống dựa vào năm năng-lực của bậc học-nhân: năng lực niềm-tin … năng lực trí-tuệ. (Nhưng) năm căn này khởi sinh bên trong người đó một cách yếu ớt: căn niềm-tin … căn trí-tuệ. Do năm căn này là yếu ớt, nên người đó chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng thêm khi thân tan rã. Theo cách này là một người chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng thêm khi thân tan rã. “Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.” (AN 4:169)

(3) Sáu Điều Góp Phần Trong/Cho Trí-Biết Đích Thực Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Lúc đó có một đệ tử tại gia tên là Dīghāvu bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu như gần chết. Rồi người đệ tử tại gia Dīghāvu đó đã nói với cha mình là gia chủ Jotika, như vầy: “Thưa cha, nhờ cha đến gặp đức Thế Tôn, kính lạy đức Thế Tôn với đầu cúi xuống chân của đức Thế Tôn giùm con, và thưa rằng: ‘Thưa đức Thế Tôn, đệ tử tại gia Dīghāvu (là con trai của con) đang bệnh, đau đớn, bệnh gần chết; con trai con nhờ con đến kính lạy với đầu cúi xuống chân của đức Thế Tôn.’ Rồi cha thưa rằng: ‘Thưa đức Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu đức Thế Tôn đến nơi ở của người đệ tử tại gia Dīghāvu, vì lòng bi-mẫn.’”

“Được rồi, con yêu”, gia chủ Jotika trả lời, và ông đi đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa lại lời của người con. Đức Thế Tôn đồng ý trong im lặng. Rồi đức Thế Tôn mặc y áo, mang bình bát và cà sa, đi đến nơi ở của đệ tử tại gia Dīghāvu. Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn, và nói với người đệ tử Dīghāvu: “Này Dīghāvu, ta hy vọng anh đang chịu đựng tốt, ta hy vọng anh đang đỡ hơn. Ta hy vọng rằng những cảm-giác đau đớn của anh đang lắng lặn và không gia tăng, và rằng sự lắng lặn của chúng, chứ không gia tăng, đang được thấy rõ.” “Thưa Thế Tôn, con đang không chịu đựng tốt, con đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đang gia tăng trong con, chứ không lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải sự lắng lặn, đang được thấy rõ.” “Như vậy, này Dīghāvu, anh nên tập luyện bản thân như vầy: (1) ‘Tôi sẽ là người có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vầy: “Đức Thế Tôn là một A-la-hán … thầy của những thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.” (2) Tôi sẽ là người có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vầy: … (3) Tôi sẽ là người có-được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vầy: … (4) Tôi sẽ là người có-được những giới-hạnh (đức hạnh) mà những bậc thánh quý trọng, (chúng) không bị sứt mẻ … dẫn tới đạt định.”’ Chính theo cách như vậy anh nên tập luyện bản thân.” {Nội dung 04 điều này là giống hệt lời trong kinh X, 2, (4) ở trên về bốn điều dẫn tới thánh quả Nhập-lưu.}

“Thưa Thế Tôn, đối với ‘bốn yếu-tố (của/dẫn tới) Nhập-lưu’ đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, những điều đó đều có đủ bên trong con, và con sống đúng đủ theo những điều đó. Vì vậy, thưa đức Thế Tôn, con có-được niềm- tin xác thực vào Phật, Pháp, và Tăng, và

con có-được những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng.” “Như vậy, này Dīghāvu, nếu đã thiết-lập ‘bốn yếu-tố Nhập-lưu’ đó, thì anh nên tu tập thêm sáu điều góp phần tạo nên ‘trí-biết đích thực’ (minh,

chân trí). Ở đây, này Dīghāvu, hãy an trú (1) quán sát sự vô-thường trong tất cả mọi sự tạo-tác (các hành), (2) nhận thức sự-khổ trong những thứ vô- thường, (3) nhận thức sự vô-ngã trong những thứ khổ, (4) nhận thức sự dẹp- bỏ, (5) nhận thức sự phai-biến, (6) nhận thức sự chấm-dứt.391 Chính theo cách như vậy anh nên tập luyện bản thân.” “Thưa đức Thế Tôn, đối với sáu điều góp phần tạo nên ‘trí-biết đích thực’ đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, sáu điều đó đều có đủ bên trong con, và con đã sống đúng đủ theo những điều đó. Vì vậy, thưa đức Thế Tôn, con an trú an trú (1) quán sát sự vô-thường trong tất cả mọi sự tạo-tác (các hành), (2) nhận thức sự-khổ trong những thứ vô-thường, (3) nhận thức sự vô-ngã trong những thứ khổ, (4) nhận thức sự dẹp-bỏ, (5) nhận thức sự phai-biến, (6) nhận thức sự chấm-dứt. Tuy nhiên, thưa đức Thế Tôn, con hy vọng sau khi con chết đi phụ thân con [gia chủ Jotika] sẽ không bị ưu sầu.” “Đừng lo lắng về điều này, này con Dīghāvu yêu dấu. Lúc này con chỉ nên chú-tâm kỹ càng vào những lời đức Thế Tôn đang nói với con”, (gia chủ Jotika nói) Rồi đức Thế Tôn, sau khi đã nói những lời dạy đó cho người đệ tử tại gia Dīghāvu, đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về. Rồi, không lâu sau khi đức Thế Tôn đi về, người đệ tử tại gia Dīghāvu đã qua đời. Rồi, sau đó một số Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, vị đệ tử tại gia Dīghāvu đã chết. Vậy nơi-đến của vị ấy là gì? Đường tương lai của vị ấy là gì?” “Này các Tỳ kheo, đệ tử tại gia Dīghāvu là người có trí. Người đó đã tu tập đúng theo Giáo Pháp và đã không làm phiền ta về vấn đề Giáo Pháp. Này các Tỳ kheo, với sự đã phá sạch năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết-sử), đệ tử tại gia Dīghāvu đã trở thành người tái sinh một cách tự phát (vào một trong 05 cõi trời trong-sạch (tịnh cư thiên) của những bậc thánh Bất Lai), và từ ở đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn, không còn quay lại (thế gian) nữa.”

(SN 55:03, Quyển 5)

(4) Năm Loại Thánh Bất-Lai “Này các Tỳ kheo, khi ‘bảy chi giác-ngộ’ này đã được tu tập và tu dưỡng theo cách như vậy, thì có thể trông đợi bảy thánh quả và ích lợi. Cái gì là bảy thánh quả và ích lợi đó? (i) “Người tu chứng ngộ trí-biết cuối cùng (A-la-hán) ngay trong kiếp này. (ii) “Nếu người tu không sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng (A-la-hán) ngay trong kiếp này, thì người đó sẽ chứng ngộ trí-biết cuối cùng vào lúc chết. (iii) “Nếu người tu không chứng ngộ trí-biết cuối cùng (A-la-hán) ngay trong kiếp này hoặc vào lúc chết, thì với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết-sử), người đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn trong khoảng-giữa (giữa 02 kiếp). (iv) “Nếu người tu không sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng (A-la-hán) ngay trong kiếp này … hoặc trong khoảng-giữa, thì với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn, người đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn ngay khi đáp-xuống (ngay sau tái sinh). (v) “Nếu người tu không sớm chứng ngộ trí-biết cuối

cùng (A-la-hán) ngay trong kiếp này … hoặc ngay khi đáp-xuống, thì với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn, người đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng thêm. (vi) "Nếu người tu không sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng (A-la-hán) ngay trong kiếp này … hoặc không chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố- gắng, thì với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn, người đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm.

(vii) "Nếu người tu không sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng (A-la-hán) ngay trong kiếp này … hoặc không chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm, thì với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn, người đó (sẽ tái sinh hướng thượng trong 05 cõi trời trong-sạch, và) cuối cùng sẽ chứng ngộ Niết- bàn ở cõi trời Akaniṭṭha (Sắc cứu kính thiên, là cõi trời cao nhất, thọ nhất trong 05 cõi trời trong-sạch (05 Tịnh cư thiên) dành cho các bậc thánh Bất- lai)."392 "Này các Tỳ kheo, khi 'bảy chi giác-ngộ' này được tu tập và tu dưỡng theo cách như vậy, thì có thể trông đợi bảy thánh quả và ích lợi này." (trích phần sau SN 46:03, Quyển 5)

4. THÁNH QUẢ A-LA-HÁN

(1) Loại Bỏ Tàn Dư Hơi Hướng Của Cái "Ta" Trong một lần có một số Tỳ kheo trưởng lão đang sống tại Kosambī trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Ghosita. Bấy giờ, vào lúc đó có Ngài Khemaka đang sống trong Vườn Cây Táo Ta, đang bị bệnh, đau đớn, bệnh nặng gần chết. Rồi, vào buổi chiều, những Tỳ kheo trưởng lão đó ra khỏi chỗ ẩn cư, và nói với Ngài Dāsaka như vầy: (1) "Này đạo hữu Dāsaka, hãy đi gặp Tỳ kheo Khemaka và nói với thầy ấy: 'Này đạo hữu Khemaka, các trưởng lão nói với thầy rằng: Này đạo hữu, chúng tôi hy vọng thầy đang chịu đựng tốt, chúng tôi hy vọng thầy đang đỡ hơn (tốt hơn, khỏe lại). Chúng tôi hy vọng những cảm-giác đau đớn của thầy đang lắng lặn và không gia tăng, và rằng sự lắng lặn của chúng, không phải sự gia tăng, đang được thấy rõ.'" "Được, các đạo hữu", thầy Dāsaka đáp lại, và thầy đi gặp thầy Khemaka và chuyển lại lời nhắn. [Thầy Khemaka trả lời:]

- "Này các đạo hữu, tôi đang không chịu đựng nỗi, tôi đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đô đang gia tăng trong tôi, không phải đang lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải sự lắng lặn, đang càng lúc càng thấy rõ." Rồi thầy Dāsaka trở về gặp các Tỳ kheo trưởng lão và báo lại điều thầy Khemaka đã trả lời. Họ lại nói với thầy Dāsaka: (2) "Này đạo hữu Dāsaka, hãy đi gặp Tỳ kheo Khemaka và nói với thầy ấy: 'Này đạo hữu Khemaka, các trưởng lão nói với thầy rằng: Này đạo hữu, năm uẩn bị dính-chấp, đã từng được đức Thế Tôn chỉ dạy; đó là: uẩn sắc- thân bị dính chấp, uẩn cảm-giác bị dính chấp, uẩn nhận-thức bị dính chấp, uẩn những sự tạo-tác cố ý bị dính chấp, uẩn thức bị dính chấp. Trong năm uẩn bị dính-chấp đó, thầy Khemaka có coi (nhìn nhận) cái nào là cái 'ta', hoặc nghĩ nó thuộc cái 'ta' hay không?'" "Được, các đạo hữu", thầy Dāsaka đáp lại, và thầy lại đi gặp thầy Khemaka và chuyển lại lời nhắn. [Thầy Khemaka trả lời:] - "Năm uẩn bị dính-chấp đã được dạy bởi đức Thế Tôn; đó là: uẩn sắc- thân bị dính chấp … uẩn thức bị dính chấp. Trong năm uẩn bị dính-chấp đó,

tôi không coi cái nào là cái ‘ta’ hay thuộc cái ‘ta’ nào cả.” Rồi thầy Dāsaka trở về gặp các Tỳ kheo trưởng lão và báo lại điều thầy Khemaka đã trả lời. Họ lại nói với thầy Dāsaka: (3) “Này đạo hữu Dāsaka, hãy đi gặp Tỳ kheo Khemaka và nói với thầy ấy: ‘Này đạo hữu Khemaka, các trưởng lão nói với thầy rằng: Này đạo hữu, năm uẩn bị dính-chấp đã được nói bởi đức Thế Tôn; đó là: uẩn sắc-thân bị dính chấp … uẩn thức bị dính chấp. Nếu thầy Khemaka không coi cái nào trong số năm uẩn bị dính-chấp đó là cái ‘ta’ hay thuộc cái ‘ta’, vậy thì thầy là đã một bậc thánh A-la-hán, người đã diệt sạch mọi ô-nhiễm.’”393 “Được, các đạo hữu”, thầy Dāsaka đáp lại, và thầy lại đi gặp thầy Khemaka và chuyển lại lời nhắn. [Thầy Khemaka trả lời:]

- “Năm uẩn bị dính-chấp đã được dạy bởi đức Thế Tôn; đó là: uẩn sắc- thân bị dính chấp … uẩn thức bị dính chấp. Tôi không coi cái nào trong năm uẩn bị dính-chấp đó là cái ‘ta’ hay thuộc cái ‘ta’, nhưng tôi không phải là một A-la-hán, người đã diệt sạch mọi ô-nhiễm. Này các đạo hữu, [cái quan niệm] cái ‘ta’ [ta là] vẫn chưa biến mất trong tôi trong mối liên hệ với năm uẩn bị dính-chấp này, nhưng tôi không coi [bất kỳ uẩn nào] là ‘Đây là ta’.’”394 Rồi thầy Dāsaka trở về gặp các Tỳ kheo trưởng lão và báo lại điều thầy Khemaka đã trả lời. Họ lại nói với thầy Dāsaka: (4) “Này đạo hữu Dāsaka, hãy đi gặp Tỳ kheo Khemaka và nói với thầy ấy: ‘Này đạo hữu Khemaka, các trưởng lão nói với thầy rằng: Này đạo hữu Khemaka, khi thầy nói về cái ‘ta’ như vậy— thì đó là cái-gì mà thầy nói về nó là cái ‘ta’? Có phải ý thầy nói về sắc-thân là cái ‘ta’ hay ý thầy nói về một cái ‘ta’ khác với sắc-thân? Có phải ý thầy nói cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức là cái ‘ta’ hay ý thầy nói về một cái ‘ta’ khác với thức? Này đạo hữu Khemaka, khi thầy nói về một cái ‘ta’ như vậy, cái gì là cái mà thầy nói là cái ‘ta’? “Được, các đạo hữu”, thầy Dāsaka đáp lại, và thầy lại đi gặp thầy Khemaka và chuyển lại lời nhắn. [Thầy Khemaka trả lời:] - “Đủ rồi, này đạo hữu Dāsaka! Tại sao cứ phải chạy đi chạy về như vậy? Hãy gọi người chăm sóc (hầu cận) của ta đến đây, này đạo hữu. Ta sẽ tự thân đi đến gặp các Tỳ kheo trưởng lão đó.” Rồi thầy Khemaka, nương dựa vào (sự dìu dắt của) người chăm sóc của mình, đã đến gặp các Tỳ kheo trưởng lão đó, chào hỏi qua lại với họ, và ngồi xuống một bên. Rồi các Tỳ kheo trưởng lão nói với thầy ấy: “Này đạo hữu Khemaka, khi thầy nói về cái ‘ta’ như vậy … … cái gì là cái mà thầy nói là cái ‘ta’?” - “Này các đạo hữu, tôi không nói sắc-thân là cái ‘ta’, tôi cũng không nói cái ‘ta’ là khác với sắc-thân. Tôi không nói cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức là cái ‘ta’, tôi cũng không nói cái ‘ta’ là khác

với thức. Này các đạo hữu [quan niệm] cái ‘ta’ vẫn chưa biến mất trong tôi trong mối liên hệ với năm-uẩn bị dính-chấp này, nhưng tôi vẫn không coi [bất kỳ uẩn nào] là ‘Đây là ta’.” - “Này các đạo hữu, ví dụ có mùi hương của hoa sen xanh, sen đỏ, hay sen trắng. Liệu có ai nói đúng mà nói rằng: ‘Mùi hương thuộc cánh hoa’, hay ‘Mùi hương thuộc cuống hoa’, hay ‘Mùi hương thuộc nhụy hoa’?” “Không thuộc cái nào cả, này đạo hữu”. - “Này các đạo hữu, vậy nếu ai trả lời đúng là trả lời theo cách nào?” “Này đạo hữu, nếu trả lời đúng thì người đó nên trả lời rằng: ‘Mùi hương thuộc bông hoa.’” - “Cũng giống

như vậy, này các đạo hữu, tôi không nói sắc-thân là cái 'ta', tôi cũng không nói cái 'ta' là khác với sắc-thân. Tôi không nói cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố ý ... thức là cái 'ta', tôi cũng không nói cái 'ta' là khác với thức. Này các đạo hữu, mặc dù [cái quan niệm] cái 'ta' vẫn chưa biến mất trong tôi trong mối liên hệ với năm-uẩn bị dính-chấp này, nhưng, tôi vẫn không coi [bất kỳ uẩn nào] là 'Đây là ta'. - "Này các đạo hữu, ngay cả khi một người đệ tử thánh thiện đã dẹp bỏ năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), nhưng, trong mối liên hệ với năm- uẩn bị dính-chấp này, vẫn còn trong người đó một chút tàn dư hơi hướng của cái 'ta' ['ta là'], một chút tham-muốn cái 'ta', một chút khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) của cái 'ta' chưa được bứng sạch. Nhiều lúc sau đó người đó an trú quán xét (quán niệm, thiền quán) về sự lên và xuống (hiện và lặn, sinh và diệt) trong năm-uẩn bị dính-chấp, như vầy: 'Này là sắc-thân, này là sự khởi-sinh của nó, này là sự biến-diệt của nó; này là cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố ý ... thức, này là sự khởi-sinh của nó, này là sự biến- diệt của nó.' Khi người đó an trú quán xét như vậy về sự lên và xuống của năm-uẩn bị dính-chấp, thì một chút tàn dư hơi hướng của cái 'ta', chút tham- muốn cái 'ta', chút khuynh-hướng tiềm ẩn cái 'ta' trước giờ chưa được bứng sạch— rồi sẽ được bứng sạch.

- "Này các đạo hữu, ví dụ một tấm vải bị dính đất và bị dơ bẩn, và người chủ đưa cho người giặt đồ. Người giặt đồ sẽ vò nó bằng muối tẩy, bằng thuốc giặt, hoặc bằng phân bò, và sau đó xổ sạch nó trong nước sạch. Mặc dù tấm vải đó đã được tinh tẩy và sạch sẽ, nhưng, nó vẫn còn lại chút tàn dư hơi hướng của mùi muối tẩy, thuốc giặt, hoặc phân bò vẫn chưa hoàn toàn biến mất. Rồi người thợ giặt mang giao tấm vải cho người chủ. Rồi người chủ mang cất vào một học tủ đầy mùi thơm (chẳng hạn: có để hương thơm, nước hoa, long não...), thì chút tàn dư của mùi muối tẩy, thuốc giặt, hoặc phân bò trước đó chưa biến mất— rồi sẽ biến mất hoàn toàn.395 - "Cũng giống như vậy, này các đạo hữu, ngay cả khi một người đệ tử thánh thiện đã dẹp bỏ năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), nhưng, trong mối liên hệ với năm-uẩn bị dính-chấp này, vẫn còn trong người đó một chút tàn dư hơi hướng của cái 'ta' ['ta là'], một chút tham-muốn cái 'ta', một chút khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) của cái 'ta' chưa được bứng sạch ... Khi người đó an trú quán xét như vậy về sự lên và xuống của năm-uẩn bị dính-chấp, thì một chút tàn dư hơi hướng của cái 'ta', chút tham-muốn cái 'ta', chút khuynh-hướng tiềm ẩn cái 'ta' trước giờ chưa được bứng sạch— rồi sẽ được bứng sạch. Khi lời này được nói ra, các Tỳ kheo trưởng lão đã nói với thầy Khemaka: "Chúng tôi không (có ý) hỏi những câu hỏi để làm phiền Thầy Khemaka, mà (thực lòng) chúng tôi nghĩ rằng Thầy Khemaka có khả năng giảng giải, chỉ dạy, tuyên thuyết, thiết lập, khai mở, phân tích, và làm rõ giáo lý của đức Thế Tôn một cách chi tiết. Và (thực vậy) Thầy Khemaka đã giảng giải, chỉ dạy, tuyên thuyết, thiết lập, khai mở, phân tích, và làm rõ giáo lý." Trên đây là điều mà Ngài Khemaka đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời tuyên thuyết của Ngài Khemaka. Và trong khi bài thuyết giảng đang được nói ra như vậy, tâm của sáu mươi vị Tỳ kheo trưởng lão đó đã được giải-thoát nhờ sự không còn dính-chấp.

(SN 22:89, Quyển 3)

Chương X – Những Cảnh Giới Giác-Ngộ • 401

(2) Người Học Nhân và Bậc A-la-hán Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kosambī trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Ghosita. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: "Này các Tỳ kheo, có phương pháp nào qua đó một Tỳ kheo là một học nhân, đang đứng trong cảnh của học nhân, có thể hiểu: 'Ta là một học-nhân', trong khi đó một Tỳ kheo là một vô học nhân (A-la-hán), đang đứng trong cảnh vô học nhân, có thể hiểu: 'Ta là một vô học nhân'?" "Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con được bắt rễ từ đức Thế Tôn …" "Này các Tỳ kheo, có một phương pháp qua đó một Tỳ kheo là một học-nhân … "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là phương pháp đó qua đó một Tỳ kheo là một học-nhân … (1) "Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là một học nhân hiểu được đúng như chúng thực là: 'Đây là khổ'; người đó hiểu được đúng như nó thực là: 'Đây là nguồn-gốc khổ'; người đó hiểu được đúng như nó thực là: 'Đây là sự chấm-dứt khổ'; người đó hiểu được đúng như nó thực là: 'Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ'. Đây là một phương pháp qua đó một Tỳ kheo là một học-nhân … hiểu được: 'Ta là một học-nhân'. "Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là một học-nhân thì biết suy xét như vầy: 'Ngoài kia (tức ngoài giáo đoàn của Phật)396 có tu sĩ hay bà-la- môn nào chỉ dạy Giáo Pháp là thực, đúng thực, thực tế như đức Thế Tôn đang làm hay không?' Và người đó hiểu: 'Không có tu sĩ hay bà-la-môn nào chỉ dạy Giáo Pháp là thực, đúng thực, thực tế như đức Thế Tôn đang làm.' Đây cũng là một phương pháp qua đó một Tỳ kheo là một học-nhân … hiểu được: 'Ta là một học-nhân.'

402 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

"Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là một học-nhân thì hiểu được năm căn tâm linh—căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh- định, và căn trí-tuệ. Người đó chưa an trú sau khi đã tiếp-xúc bằng thân cái mục-tiêu của năm căn, đỉnh-cao của chúng, đạo-quả của chúng, mục-tiêu cuối cùng của chúng; nhưng sau khi đã chọc thủng nó bằng trí-tuệ, người đó sẽ nhìn thấy.397 Đây cũng là một phương pháp qua đó một Tỳ kheo là một học-nhân … hiểu được: 'Ta là một học-nhân.' (2) "Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là một vô học nhân hiểu được năm căn tâm linh—căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ. Người đó an trú sau khi đã tiếp xúc bằng thân cái mục-tiêu của năm căn, đỉnh-cao của chúng, đạo-quả của chúng, mục-tiêu cuối cùng của chúng; và sau khi đã chọc thủng nó bằng trí-tuệ, người đó nhìn thấy. Đây là một phương pháp qua đó một Tỳ kheo là một vô học nhân … hiểu được: 'Ta là một vô học nhân.' "Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là một vô học nhân hiểu sáu căn cảm-nhận—căn mắt, căn tai, căn mũi, căn lưỡi, căn thân, căn tâm. Người đó hiểu: 'Sáu căn này sẽ chấm-dứt hoàn toàn và sạch sẽ, và tuyệt đối không còn sáu căn khác nào khởi sinh nữa. Đây cũng là một phương pháp qua đó một Tỳ kheo là một vô-học nhân … hiểu được: 'Ta là một vô học nhân."

(SN 48:53, Quyển 5)

(3) Một Tỳ Kheo Đã Gỡ Bỏ Thanh Rào Cản (A-la-hán) 30. “Này các Tỳ kheo, một A-la-hán được gọi là người đã loại bỏ thanh rào-cản của mình, đã san bằng hào-cản của mình, đã bứng bỏ cột-cản của mình, là người hết dính bản-lề, là bậc thánh nhân đã hạ xuống lá-cờ (biểu ngữ, danh phận) của mình, đã đặt xuống gánh-nặng của mình, là người không còn bị gông-cùm trói buộc.

31. (i) “Và theo cách nào một A-la-hán đã loại bỏ thanh rào-cản của mình? Ở đây vị A-la-hán đã dẹp bỏ vô-minh, đã cắt bỏ tận gốc nó, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai. Đó là cách vị ấy là người đã loại bỏ thanh rào-cản của mình. 32. (ii) “Và theo cách nào một A-la-hán đã san bằng hào-cản của mình? Ở đây vị A-la-hán đã dẹp bỏ vòng luân-hồi tái-sinh, dẹp bỏ tiến-trình tái- sinh, đã cắt bỏ tận gốc nó … để không còn khởi sinh trong tương lai. Đó là cách vị ấy là người đã san bằng hào-cản của mình. 33. (iii) “Và theo cách nào một A-la-hán bứng bỏ cột-cản của mình? Ở đây vị A-la-hán đã dẹp bỏ dục-vọng, đã cắt bỏ tận gốc nó … để không còn khởi sinh trong tương lai. Đó là cách vị ấy là người đã bứng bỏ cột-cản của mình. 34. (iv) “Và theo cách nào một A-la-hán là người hết dính bản-lề? Ở đây vị A-la-hán đã dẹp bỏ năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), đã cắt bỏ tận gốc nó … để không còn khởi sinh trong tương lai. Đó là cách vị ấy là người hết dính bản-lề. (v) “Và theo cách nào một A-la-hán là bậc thánh nhân đã hạ xuống lá- cờ (biểu ngữ, danh phận) của mình, đã đặt xuống gánh-nặng của mình, là người không còn bị gông-cùm trói buộc? Ở đây vị A-la-hán đã dẹp bỏ sự tự- ta (ngã mạn), đã cắt bỏ tận gốc nó, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai. Đó là cách vị ấy là bậc thánh nhân đã hạ xuống lá-cờ (biểu ngữ, danh phận) của mình, đã đặt xuống gánh-nặng của mình, là người không còn bị gông-cùm trói buộc.” (trích MN 22: Alagaddūpama Sutta) (Ví Dụ Con Rắn)

(4) Chín Điều Một A-La-Hán Không Còn Làm Được “Này Sutavā, trước đây và bây giờ ta đều tuyên bố như vậy: ‘Một Tỳ kheo là một A-la-hán—người đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm … đã được giải-thoát

hoàn toàn thông qua trí-biết cuối cùng—là không còn khả năng vi phạm chín (09) trường hợp. (1) Vị đó không còn khả năng sát-sinh một cách cố ý; (2) vị đó không còn khả năng gian-cắp; (3) vị đó không còn khả năng dâm-dục; (4) vị đó không còn khả năng nói-dối nói sai một cách cố ý; (5) vị đó không còn khả năng tích-giữ thứ này thứ nọ để hưởng dụng chúng như đã từng làm khi còn là một người tại gia; và thêm nữa, (6) vị đó không còn khả năng chối-bỏ (bác bỏ, không công nhận về) Đức Phật; (7) vị đó không còn khả năng chối- bỏ Giáo Pháp; (8) vị đó không còn khả năng chối-bỏ Tăng Đoàn; (9) vị đó không còn khả năng chối-bỏ sự tu-hành.’398 Này Sutavā, trước đây và bây giờ ta đều nói như vậy: ‘Một Tỳ kheo là một A-la-hán—người đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm … đã được giải-thoát hoàn toàn thông qua trí-biết cuối cùng—là không còn khả năng vi phạm chín trường hợp này.’” (trích AN 9:07)

(5) Một Cái Tâm Bất Lay Chuyển [Thầy Xá-lợi-phất đã nói:] “Này đạo hữu, khi một Tỳ kheo được giải- thoát trong tâm một cách toàn thiện như vậy, thì ngay cả những hình-sắc mạnh (khó cưỡng, hấp dẫn, tác động mạnh) được nhận biết bởi mắt có đi vào tầm của mắt, chúng cũng không ám muội được tâm của người đó; tâm người đó không bị tác động gì.399 Tâm vẫn vững-vàng, đã đạt tới sự bất-động, và người đó chỉ (ngồi) quan sát sự biến-qua của nó. Ngay cả những âm-thanh mạnh được nhận biết bởi tâm … những mùi-hương mạnh được nhận biết bởi mũi … những mùi-vị mạnh được nhận biết bởi lưỡi … những sự những đối- tượng chạm xúc mạnh được nhận biết bởi thân … những hiện-tượng mạnh được nhận biết bởi tâm có đi vào tầm của tâm, chúng cũng không ám muội được tâm của người đó; tâm của người đó không bị tác động gì. Tâm vẫn vững-vàng, đã đạt tới sự bất-động, và người đó chỉ (ngồi) quan sát sự biến- qua của nó. “Này đạo hữu, ví dụ có một trụ-đá dài mười sáu khuỷu tay (tám thước):400 một nửa (4 thước) được chôn móng dưới mặt đất và một nửa ở trên

mặt đất. Ngay cả một trận mưa bão mạnh đến từ đông thì cũng không thể làm nó lay, lắc, hay động đậy gì; ngay cả một trận mưa bão đến từ tây … nam … bắc thì cũng không thể làm nó lay, lắc, hay động đậy gì. Vì lý do gì? Vì lý do gì? Vì trụ-đá đó nằm sâu dưới đất và được chôn chắc chắn. Cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo đã được giải-thoát trong tâm một cách toàn thiện như vậy, thì ngay cả những hình-sắc mạnh được nhận biết bởi mắt có đi vào tầm của mắt … … ngay cả những hiện-tượng mạnh được nhận biết bởi tâm có đi vào tầm của tâm, chúng cũng không ám muội được tâm của người đó; tâm người đó không bị tác động gì. Tâm vẫn vững-vàng, đã đạt tới sự bất-động, và người đó chỉ (ngồi) quan sát sự biến-qua của nó.” (trích AN 9:26)

(6) Mười Năng Lực Của Một Bậc A-la-hán Phật hỏi thầy Xá-lợi-phất: “Này Xá-lợi-phất, khi những ô-nhiễm (lậu hoặc) của một Tỳ kheo đã bị tiêu diệt, người đó có bao nhiêu sức-mạnh (lực, năng lực) mà nhờ đó người đó có thể tuyên bố: ‘Những ô-nhiễm của tôi đã bị tiêu diệt.’?” “Thưa Thế Tôn, khi những ô-nhiễm của một Tỳ kheo đã bị tiêu diệt, người đó có được mười sức-mạnh nhờ đó người đó có thể tuyên bố: ‘Những ô-nhiễm của tôi đã bị tiêu diệt.’ Mười đó là gì? (1) “Ở đây, thưa Thế Tôn, một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm là đã nhìn thấy rõ ràng bằng trí-tuệ chánh đúng rằng ‘mọi hiện-tượng có điều-kiện (mọi pháp hữu vi) đều là vô-thường’, đúng như nó thực là. Đây là một sức-mạnh của một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm dựa vào đó người đó có thể tuyên bố: ‘Những ô-nhiễm của tôi đã bị tiêu diệt.’ (2) “Lại nữa, một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm là đã nhìn thấy rõ ràng bằng trí-tuệ chánh đúng rằng ‘những khoái-lạc giác quan (dục lạc) giống như một hố than đang cháy’, đúng như nó thực là. Đây là một sức-mạnh của một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm …

(3) “Lại nữa, tâm của một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm là ngã về, đổ về, và hướng về sự sống tách-ly (ẩn dật, lánh trần, ẩn tu); nó (tâm) được rút-lui (thu tâm, rút khỏi, lánh khỏi),401 nó vui thích sự từ-bỏ, và đã hoàn toàn tiệt- dứt với mọi thứ là cơ sở tạo ra

những ô-nhiễm. Đây là một sức-mạnh của một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm … (4) “Lại nữa, một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm là đã tu tập và khéo tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ (tứ niệm xứ). Đây là một sức-mạnh của một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm … (5)–(10) “Lại nữa, một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm là đã tu tập và khéo tu dưỡng (5) bốn sự chuyên-cần đúng đắn (tứ chánh cần) … (6) bốn cơ-sở (tạo ra) thần thông (tứ thần túc) … (7) năm căn tâm-linh (ngũ căn) … (8) năm năng-lực (ngũ lực) … (9) bảy chi giác-ngộ (thất giác chi) … (10) con- đường tám phần thánh thiện (bát thánh đạo). Đây cũng là một một sức-mạnh của một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm mà nhờ lý do đó người đó có thể tuyên bố: ‘Những ô-nhiễm của tôi đã bị tiêu diệt.” “Thưa Thế Tôn, khi những ô-nhiễm của một Tỳ kheo đã bị tiêu diệt, người đó có được mười sức-mạnh này mà nhờ đó người đó có thể tuyên bố: ‘Những ô-nhiễm của tôi đã bị tiêu diệt.’” 402 (AN 10:90)

(7) Bậc Trí Giả Bình An [Bậc Mâu-ni] (5) (A) [Trí-tuệ] … (tiếp tục từ sau mục 13-19 của bài kinh như đoạn kinh IX, 4(3)(c) trong chương IX ở trên.) 20. [Phật nói tiếp với Pukkusāti như vầy:] “Rồi [sau khi quán sát sáu yếu-tố (sáu xứ)], (tâm) chỉ còn lại sự buông-xả, đã được thanh lọc và sáng tỏ, dễ uốn nắn (nhu nhuyến), dễ sử dụng (dễ điều phục), và phát sáng … Này Tỳ kheo, ví dụ một người thợ vàng lành nghề [hay người phụ việc của ông ta] chuẩn bị lò nung, đun nóng nồi nấu vàng, dùng kẹp gắp vàng thô bỏ vô nồi. Đều đều thổi gió vào lửa, đều đều rảy nước vào đó, và đều đều canh chừng

nồi nấu. Rồi vàng sẽ được luyện sạch, được tinh luyện, được hoàn toàn tinh luyện, hết dơ, không còn thô, dễ uốn nắn, dễ sử dụng, và phát sáng. Rồi từ vàng đó người thợ vàng muốn làm bất cứ đồ trang sức nào ông ta muốn, dù là dây chuyền vàng hay bông tai vàng hay vương miệng vàng, thì ông ta đều làm được. Cũng giống như vậy, này Tỳ kheo, giờ chỉ còn lại sự buông-xả, đã được thanh lọc và sáng tỏ, dễ uốn nắn, dễ dụng, và phát sáng. 21. “Người đó hiểu như vầy: ‘Nếu tôi hướng sự buông-xả này, đã được thanh lọc và sáng tỏ như vậy, tới không vô biên xứ (cảnh xứ của không gian vô biên) và tu tập tâm của tôi theo đó, thì sự buông-xả này của tôi, được hỗ trợ bởi cảnh xứ đó, dính-chấp vào nó, sẽ kéo dài trong một thời gian rất lâu.403 Nếu tôi hướng sự buông-xả này, đã được thanh lọc và sáng tỏ như vậy, tới thức vô biên xứ (cảnh xứ của thức vô biên) … tới vô sở hữu xứ (cảnh xứ không-có-gì) … tới phi tưởng phi phi tưởng xứ (cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức) và tu tập tâm của tôi theo đó, thì sự buông-xả này của tôi, được hỗ trợ bởi cảnh xứ đó, dính-chấp vào nó, sẽ kéo dài trong một thời gian rất lâu.’ 22. “(Nhưng rồi) người đó hiểu như vầy: ‘Nếu tôi hướng sự buông-xả này, đã được thanh lọc và sáng tỏ như vậy, tới không vô biên xứ và tu tập tâm của tôi theo đó, thì (cảnh xứ) này là có điều-kiện (hữu vi).404 Nếu tôi hướng sự buông-xả này, đã được thanh lọc và sáng tỏ như vậy, tới thức vô biên xứ … tới vô sở hữu xứ … tới phi tưởng phi phi tưởng xứ, và tu tập tâm của tôi theo đó, thì (cảnh xứ) này là có điều-kiện (hữu vi).’ (Cho nên) người đó không tạo tác điều-kiện (duyên) nào hay tạo ra sự cố-ý (tư, ý hành) nào hướng tới sự hiện-hữu hay sự phi hiện-hữu.405 Vì người đó không tạo tác điều-kiện (duyên) nào hay tạo ra sự cố-ý (tư) nào hướng tới sự

hiện-hữu hay sự phi hiện-hữu, cho nên người đó không dính-chấp (thủ) vào bất cứ thứ gì trong thế gian này. Khi người đó không dính-chấp gì, thì người đó không bị khích-động. Khi người đó không bị khích-động, thì người đó tự mình chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu như vầy: 'Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện- hữu (tái sinh) nào nữa.'406

23. "Nếu người đó cảm nhận một cảm-giác sướng,407 người đó hiểu: 'Nó là vô-thường; không có sự nắm giữ (dính theo) nó; không có sự thích thú nó.' Nếu người đó cảm nhận một cảm-giác khổ, người đó hiểu: 'Nó là vô- thường; không có sự nắm giữ nó; không có sự thích thú nó.' Nếu người đó cảm nhận một cảm-giác khổ, người đó hiểu: 'Nó là vô-thường; không có sự nắm giữ nó; không có sự thích thú nó.' Nếu người đó cảm nhận một cảm- giác trung tính [không khổ không sướng], người đó hiểu: 'Nó là vô-thường; không có sự nắm giữ nó; không có sự thích thú nó.' 24. "Nếu người đó cảm nhận một cảm-giác sướng, người đó cảm nhận nó tách-ly (cảm nhận nó là nó, không dính líu gì mình); nếu người đó cảm nhận một cảm-giác khổ, người đó cảm nhận nó tách-ly; nếu người đó cảm nhận một cảm-giác trung tính, người đó cảm nhận nó tách-ly. Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân, người đó hiểu: 'Tôi cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân.' Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với mạng sống, người đó hiểu: 'Tôi cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với mạng sống.'408 Người đó hiểu: 'Khi thân tan rã, với sự kết thúc mạng sống, tất cả đều được cảm nhận, (nhưng) không còn được thích thú, sẽ trở nên nguội tắt ngay tại đây.'409 - Này Tỳ kheo, giống như một ngọn đèn dầu cháy tùy thuộc vào dầu và tim đèn, và khi dầu cạn tim hết, nếu không có thêm nhiên liệu, nó sẽ tắt đi vì hết nhiên liệu. Cũng giống như vậy, khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân … một cảm-giác đang kết liễu cùng với mạng sống, người đó hiểu: 'Tôi cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với mạng sống.' Người đó hiểu: 'Khi thân tan rã, với sự kết thúc mạng sống, tất cả đều được cảm nhận, (nhưng) không còn được thích thú, sẽ trở nên nguội tắt ngay tại đây.' 25. "Do vậy, một Tỳ kheo có được [trí-tuệ này] là có được nền-tảng tối thượng là trí-tuệ. Bởi vì, này Tỳ kheo, đây là loại trí-tuệ thánh thiện tối thượng, được gọi là, trí-biết về sự diệt-khổ hoàn toàn.410 26. (B) [Sự-thật] "Sự giải-thoát của người đó, được căn cứ trên sự-thật, là không thể lay chuyển. Bởi vì, này Tỳ kheo, điều gì là sai giả thì nó có bản

chất đánh lừa, và thứ gì là sự thật thì nó có bản chất không đánh lừa—đó là Niết-bàn. Do vậy, một Tỳ kheo có được [sự-thật này] là có được nền-tảng tối thượng là sự-thật. Bởi vì, này Tỳ kheo, đây là sự-thật thánh thiện tối thượng, được gọi là, Niết-bàn, có bản chất không đánh lừa. 27. (C) [Sự từ-bỏ] "Trước kia, khi người đó còn vô-minh, người đó chấp nhận và ôm lấy những sự thu-nạp (sanh y);411 bây giờ người đó đã dẹp bỏ chúng, đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy, một Tỳ kheo có được [sự từ-bỏ này] là có được nền-tảng tối thượng là sự từ-bỏ. Bởi vì, này Tỳ kheo, đây là sự từ-bỏ tối thượng,

được gọi là, sự từ-bỏ tất cả mọi sự thu-nạp (buông sạch sanh y). 28. (D) [Sự bình-an] "Trước kia, khi người đó còn vô-minh, người đó trải nghiệm sự thèm-khát, tham-muốn và nhục-dục [tham]; bây giờ người đó đã dẹp bỏ chúng, đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để không còn khởi sinh trong tương lai. Trước kia, khi người đó còn vô-minh, người đó trải nghiệm sự sân-giận, sự ác-ý, sự thù- ghét [sân]; bây giờ người đó đã dẹp bỏ chúng, đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để không còn khởi sinh trong tương lai. Trước kia, khi người đó còn vô-minh, người đó trải nghiệm sự vô-minh và ngu si [si]; bây giờ người đó đã dẹp bỏ chúng, đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy, một Tỳ kheo có được [sự bình-an này] là có được nền-tảng tối thượng là sự bình-an. Bởi vì, này Tỳ kheo, đây là sự bình-an tối thượng, được gọi là, sự làm lắng lặn tham, sân, và si. 29. "Do chiếu theo điều này nên đã nói: 'Một người chớ nên lơ là trí- tuệ, nên bảo trì sự-thật, nên tu dưỡng sự từ-bỏ, và nên tu tập dẫn tới sự bình- an.' 30. (6) "'Những làn sóng nhìn-nhận (vọng tưởng) không quét được người đứng trên những [nền-tảng] này, và khi những làn sóng nhìn-nhận

không quét được người đó, người đó được gọi là bậc trí giả bình an [trí giả trầm mặc, bậc mâu-ni].'412 Điều này được nói như vậy. Và chiếu theo cái gì nên điều này được nói như vậy? 31. "Này Tỳ kheo, cái 'Ta' [ta-là] là một sự nhìn-nhận (vọng tưởng); 'Ta là này' là một sự nhìn-nhận; 'Ta sẽ là' là một sự nhìn-nhận; 'Ta sẽ không là' là một sự nhìn-nhận; 'Ta sẽ có thân-sắc' (sắc) là một sự nhìn-nhận; 'Ta sẽ không có thân-sắc' (vô sắc) là một sự nhìn-nhận; 'Ta sẽ có nhận-thức' (tưởng) là một sự nhìn-nhận; 'Ta sẽ không có nhận-thức' (phi tưởng) là một sự nhìn-nhận; 'Ta sẽ không có nhận-thức cũng không phải không có nhận- thức' (phi tưởng phi phi tưởng) là một sự nhìn-nhận. Sự nhìn-nhận như một căn bệnh, sự nhìn-nhận như một ung nhọt, sự nhìn-nhận như một gai nhọn. Này Tỳ kheo, nhờ đã vượt qua tất cả mọi sự nhìn-nhận, một người được gọi là một trí giả bình an. Và trí giả bình an (bậc mâu-ni) không còn bị sinh, không già, không chết; bậc ấy không bị lay-chuyển và không mong-cầu. Bởi vì không còn thứ gì bên trong bậc ấy mà vì nó bậc ấy còn bị tái sinh.413 Không còn bị sinh, làm sao còn già? Không còn sự già, làm sao còn chết? Không còn chết, làm sao người đó còn bị lay chuyển (bị khích động, lo âu, sợ hãi)? Không còn bị lay chuyển, lý nào còn sự mong cầu? 32. "Do chiếu theo điều này nên đã nói: 'Những làn sóng nhìn-nhận không quét được người đứng trên những [nền-tảng] này, và khi những làn sóng nhìn-nhận không quét được người đó, người đó được gọi là bậc trí giả bình an.' "Này Tỳ kheo, hãy ghi nhớ trong tâm bài phân-giải ngắn gọn này về sáu yếu-tố." (trích MN 140: Dhātuvibhaṅga Sutta) (Kinh "Phân Giải Về Các Yếu-Tố")

(8) Hạnh Phúc Thay Những Vị A-la-hán! "Hạnh phúc thay những bậc A-la-hán!

Không còn dục-vọng bên trong họ.

Sự ‘tự-ta’ (ngã mạn) đã bị cắt bỏ’,
Lưới vô-minh đã bị phá bung.
“Họ đã đạt tới trạng thái bất-động,414
Tâm trí họ rõ ràng minh mẫn;
Họ không còn bị dính nhiễm trong thế gian—
Những bậc thánh thiện, không-còn ô nhiễm.
“Sau khi đã hiểu được năm-uẩn,
Dựa vào bảy phẩm-hạnh,415
Những bậc thượng nhân đáng tôn vinh đó,
Là những người Phật tử đích thực.
“Được trao cho bảy châu-báu,
Đã tu xong ba-phần tu-tập,416
Những vị đại anh hùng đó đi khắp nơi,
Với sự sợ hãi và run sợ đã dẹp bỏ.
“Được phú đủ mười yếu-tố,417
Những con-rồng lớn đó, tâm đạt định,
Là những chúng sinh tốt nhất trong thế gian:
Dục-vọng đã không còn bên trong họ.
“Sự-biết tinh thông đã khởi sinh trong họ:”
‘Thân này là thân cuối cùng ta mang.’
Về cốt lõi của đời sống tâm linh,
Họ không còn phụ thuộc ai khác.
“Không còn bị lay động với ba sự phân-biệt,418
Họ đã thoát khỏi sự tái-sinh.
Đã đạt tới giai đoạn của bậc đã tu-thành (A-la-hán),
Họ là những người chiến thắng trong thế gian.
“Trên, dưới, dọc, ngang,
Sự khoái-thích không còn bên trong họ.
412 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

Họ hiên ngang cất lên tiếng gầm sư tử: ‘Những bậc giác-ngộ là tối thượng trong thế gian’.” (trích SN 22:76, Quyển 3)

5. NHƯ-LAI (1) Phật và A-la-hán Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác [giác ngộ toàn thiện], được giải thoát nhờ sự không còn dính-chấp thông qua sự ghê-sợ đối với sắc-thân, thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó, thì được gọi là một bậc Giác Ngộ Toàn Thiện. Một Tỳ kheo được giải thoát nhờ trí-tuệ, được giải thoát nhờ sự không còn dính-chấp thông qua sự ghê-sợ đối với sắc- thân, thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó, thì được gọi là một người được giải-thoát nhờ trí-tuệ.419 “Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, được giải thoát nhờ sự không còn dính-chấp thông qua sự ghê-sợ đối với cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức,

thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó, thì được gọi là một bậc Giác Ngộ Toàn Thiện. Một Tỳ kheo được giải thoát nhờ trí- tuệ, được giải thoát nhờ sự không dính-chấp thông qua sự ghê-sợ đối với cảm-giác … thức, thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó, thì được gọi là người được giải thoát nhờ trí-tuệ. “Trong đó, này các Tỳ kheo, cái gì là sự phân biệt, cái gì sự khác biệt, cái gì là sự khác nhau giữa Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác với một Tỳ kheo được giải thoát nhờ trí-tuệ?” “Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, có sự nương dựa vào đức Thế Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.”

“Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, này các Tỳ kheo, ta sẽ nói.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Này các Tỳ kheo, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, là người phát khởi con-đường (đạo) chưa được khởi sinh trước đó, là người tạo ra con- đường chưa được tạo ra trước đó, là người tuyên bố con-đường chưa được tuyên bố trước đó. Bậc ấy là người hiểu-biết con-đường, là người khám-phá ra con-đường, là người thiện-khéo trong con-đường. Và những người đệ tử của bậc ấy giờ đang đi theo con-đường đó và sau đó sẽ có-được con-đường đó. “Này các Tỳ kheo, đây là sự phân biệt, sự không tương đồng, sự khác biệt giữa Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác (tức một vị Phật) với một Tỳ kheo được giải thoát nhờ trí-tuệ.” (SN 22:58, Quyển 3)

(2) Vì Phúc Lợi Của Nhiều Người “Này các Tỳ kheo, ba loại người này khởi sinh trong thế gian vì phúc lợi của nhiều người, vì hạnh phúc của nhiều người, vì lòng bi-mẫn đối với thế gian, vì sự tốt lành, phúc lợi, và hạnh phúc của những thiên thần và loài người. Ba đó là gì? (1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một bậc Như Lai khởi sinh trong thế gian, ‘là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu về trí-biết đích thực (minh) và đức-hạnh, là bậc phúc-lành, bậc hiểu-biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ Bậc ấy giảng dạy Giáo Pháp ‘tốt lành ở đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, với ý-nghĩa và từ ngữ đúng đắn; bậc ấy cho-thấy một đời sống tâm linh rõ ràng thật hoàn thiện và tinh khiết.’ Này các Tỳ kheo, đây là người đầu tiên khởi sinh trong thế vì phúc lợi của nhiều người, vì hạnh phúc

của nhiều người, vì lòng bi-mẫn đối với thế gian, vì sự tốt lành, phúc lợi, và hạnh phúc của những thiên thần và loài người. (2) “Rồi, này các Tỳ kheo, một đệ-tử của Vị Thầy đó ‘là một A-la-hán đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm [giống lời đoạn kinh X,1(3),42] … đã được hoàn toàn giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng.’ Vị ấy giảng dạy ‘tốt lành ở đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, với ý-nghĩa và từ ngữ đúng đắn; bậc ấy cho-thấy một đời sống tâm linh rõ ràng thật hoàn thiện và tinh khiết.’ Này các Tỳ kheo, đây là người thứ hai khởi sinh trong thế vì phúc lợi của nhiều người, vì hạnh phúc của nhiều người, vì lòng bi mẫn đối với thế gian, vì sự tốt lành, phúc lợi, và hạnh phúc của những thiên

thần và loài người. (3) “Rồi, này các Tỳ kheo, một đệ tử của Vị Thầy đó ‘là một học-nhân đang tu tập con đường đạo, đã học và có đủ các đức-hạnh và sự tuân-thủ giới-hạnh.’ Vị ấy cũng giảng dạy Giáo Pháp ‘tốt lành ở đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, với ý-nghĩa và từ ngữ đúng đắn; bậc ấy cho-thấy một đời sống tâm linh rõ ràng thật hoàn thiện và tinh khiết.’ Này các Tỳ kheo, đây là người thứ ba khởi sinh trong thế vì phúc lợi của nhiều người, vì hạnh phúc của nhiều người, vì lòng bi-mẫn đối với thế gian, vì sự tốt lành, phúc lợi, và hạnh phúc của những thiên thần và loài người. “Này các Tỳ kheo, đây là ba loại người khởi sinh trong thế gian này vì phúc lợi của nhiều người, vì hạnh phúc của nhiều người, vì lòng bi-mẫn đối với thế gian, vì sự tốt lành, phúc lợi, và hạnh phúc của những thiên thần và loài người..”

(It 84; 78–79)

(3) Lời Nói Cao Quý Của Thầy Xá-lợi-phất Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Nālandā trong khu Vườn Xoài của Pāvārika. Lúc đó Ngài Xá-lợi-phất đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:420

“Thưa Thế Tôn, con có sự tự-tin vào đức Thế Tôn, con tin rằng không có tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ, trong tương lai, và trong hiện tại có hiểu-biết hơn đức Thế Tôn về phương diện giác-ngộ.” “Này Xá-lợi-phất, lời của thầy cất lên thật cao quý, thầy đã cất tiếng gầm sư tử dõng dạc, dứt khoát, 421 rằng: ‘Thưa Thế Tôn, con có sự tự-tin vào đức Thế Tôn, con tin rằng không có tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ, trong tương lai, và trong hiện tại có hiểu-biết hơn đức Thế Tôn về phương diện giác-ngộ.’ Này Xá-lợi-phất, thầy đã bao giờ đã bằng tâm mình bao trùm các tâm của tất cả những A-la-hán, những bậc Toàn Giác, đã xuất hiện trong quá khứ, và thầy đã biết rõ như vầy: ‘Những bậc Thế Tôn đó với giới-hạnh như vậy, hoặc với những phẩm-hạnh như vậy, hoặc với trí-tuệ như vậy, hoặc với những sự an-trú (thiền trú) như vậy, hoặc với sự giải-thoát như vậy’,422 hay chưa?” “Dạ không, thưa Thế Tôn”, “Rồi, này Xá-lợi-phất, thầy đã bao giờ bằng tâm mình bao trùm các tâm của tất cả những A-la-hán, những bậc Toàn Giác, sẽ xuất hiện trong tương lai, và thầy đã biết rõ như vầy: ‘Những bậc Thế Tôn đó với giới-hạnh như vậy, hoặc với những phẩm-hạnh như vậy, hoặc với trí-tuệ như vậy, hoặc với những sự an-trú (thiền trú) như vậy, hoặc với sự giải-thoát như vậy’, hay chưa?” “Dạ không, thưa Thế Tôn”, “Rồi, này Xá-lợi-phất, thầy đã bao giờ bằng tâm mình bao trùm tâm của ta—ta hiện tại là bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác—và thầy đã biết rõ như vầy: ‘Ta với giới-hạnh như vậy, hoặc với những phẩm-hạnh như vậy, hoặc với trí- tuệ như vậy, hoặc với những sự an-trú (thiền trú) như vậy, hoặc với sự giải- thoát như vậy’, hay chưa?” “Dạ không, thưa Thế Tôn”, “Này Xá-lợi-phất, khi thầy chưa có sự-biết bằng cách bao trùm các tâm của những bậc A-la-hán, những bậc Toàn Giác thuộc quá khứ, tương lai, và

hiện tại, thì tại sao thầy có thể cất lên lời phát biểu đó và cất lên tiếng gầm sư tử một cách dõng dạc rằng: ‘Thưa Thế Tôn, con có sự tự-tin vào đức Thế Tôn, con tin rằng

không có tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ, trong tương lai, và trong hiện tại có hiểu-biết hơn đức Thế Tôn về phương diện giác-ngộ' như vậy?" "Thưa Thế Tôn, con không có sự-biết bằng cách bao trùm các tâm của những bậc A-la-hán, những bậc Toàn Giác thuộc quá khứ, tương lai, và hiện tại, nhưng con vẫn hiểu được điều này bằng cách suy luận từ Giáo Pháp. 423 Thưa Thế Tôn, ví dụ có một thành trì ở biên cương của một nhà vua, có những thành lũy và tháp canh được xây trên những nền móng kiên cố, và chỉ có một cổng ra vào. Và người gác cổng ở đó khôn khéo, giỏi việc, và thông minh, kinh nghiệm và cảnh giác, người đó chặn đuổi những người lạ mặt, và cho phép những người quen mặt đi vào đi ra. Khi người gác cổng đi rảo hết con đường bao bọc tường thành, ông ấy không nhận thấy có một lỗ hở hay kẽ hở nào thậm chí đủ lớn để một con mèo có thể chui qua được. Do vậy ông ấy (suy luận) biết chắc rằng: 'Mọi sinh vật lớn hơn (như người và vật lớn hơn mèo) muốn ra vào thành trì này thì phải đi qua một cổng chính đó mà thôi.'" "Cũng giống như vậy, thưa Thế Tôn, con đã hiểu được điều đó bằng cách suy luận từ Giáo Pháp như vầy: Những A-la-hán, bậc Toàn Giác đã xuất hiện trong quá khứ, tất cả những bậc Thế Tôn đó đều trước hết đã dẹp bỏ năm chướng-ngại (ngũ triền cái), đó là những hư-nhiễm của tâm, là những thứ làm suy yếu trí-tuệ; và sau đó, với tâm họ được thiết-lập vững chắc trong 'bốn nền tảng chánh-niệm' (tứ niệm xứ), họ đã tu tập 'bảy chi giác-ngộ' (thất giác chi) một cách chánh đúng; và nhờ đó họ đã tỉnh thức tới một mức độ giác-ngộ hoàn thiện vô thượng.424 "Và, thưa Thế Tôn, những A-la-hán, bậc Toàn Giác sẽ xuất hiện trong tương lai, tất cả những bậc Thế Tôn đó đều trước hết sẽ dẹp bỏ năm chướng- ngại, đó là những hư-nhiễm của tâm, là những thứ làm suy yếu trí-tuệ; và sau đó, với tâm họ được thiết-lập vững chắc trong 'bốn nền tảng chánh-niệm' (tứ niệm xứ), họ sẽ tu tập 'bảy chi giác-ngộ' (thất giác chi) một cách chánh

đúng; và nhờ đó họ sẽ tỉnh thức tới một mức độ giác-ngộ hoàn thiện vô thượng. "Và, thưa Thế tôn, đức Thế Tôn, là một A-la-hán, bậc Toàn Giác đang xuất hiện trong hiện tại, đức Thế Tôn cũng trước hết đã dẹp bỏ năm chướng- ngại, đó là những hư-nhiễm của tâm, là những thứ làm suy yếu trí-tuệ; và sau đó, với tâm mình được thiết-lập vững chắc trong 'bốn nền tảng chánh-niệm' (tứ niệm xứ), đức Thế Tôn đã tu tập 'bảy chi giác-ngộ' (thất giác chi) một cách chánh đúng; và nhờ đó đức Thế Tôn đã tỉnh thức tới một mức độ giác- ngộ hoàn thiện vô thượng. "Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Vậy là, này Xá-lợi-phất, thầy nên lặp lại lời thuyết giảng Giáo Pháp này một cách đều đặn cho các Tỳ kheo và Tỳ kheo ni, cho những người đệ tử tại gia nam và nữ. Ngay cả những người ngu si có thể có sự nghi ngờ hay không chắc chắn về Như Lai, khi họ nghe lời thuyết giảng này, sự nghi ngờ hay sự không chắc chắn đối với Như Lai sẽ được dẹp bỏ."425

(SN 47:12)

(4) Mười Năng-Lực và Bốn Cơ-Sở của Sự Tự-Tin (Mười năng-lực của một Như Lai) 9. "Này Xá-lợi-phất, Như Lai có mười 'năng-lực của Như Lai', do có- được chúng nên Như Lai đã tuyên bố mình ở vị trí người đứng-đầu [đầu đàn, dẫn đầu], cất lên tiếng gầm sư tử trong tất cả các hội chúng, và thiết lập sự quay chuyển bánh xe của Trời Brahmā (bánh xe Giáo Pháp).426 Mười đó là gì? 10. (1) "Ở đây, Như Lai hiểu đúng như nó thực

là: ‘điều có thể là có thể và điều không thể là không thể.’427 Đó là một năng-lực của Như Lai, nhờ phẩm-hạnh của điều này Như Lai đã tuyên bố mình ở vị trí là người đứng- đầu, cất lên tiếng gầm sư tử, và thiết lập sự quay chuyển bánh xe của Trời Brāhma.

11. (2) “Lại nữa, Như Lai hiểu đúng thực như nó là: ‘những quả của những nghiệp đã làm trong quá khứ, trong tương lai, và hiện tại theo cách những tiềm năng xảy ra và những nguyên-nhân.’ Đó cũng là một năng-lực của Như Lai …428 12. (3) “Lại nữa, Như Lai hiểu đúng như nó thực là: ‘những đường dẫn tới tất cả những nơi-đến.’ Đó cũng là một năng-lực của Như Lai …429 13. (4) “Lại nữa, Như Lai hiểu đúng như nó thực là ‘thế-giới với nhiều yếu-tố khác nhau của nó’. Đó cũng là một năng-lực của Như Lai …430 14. (5) “Lại nữa, Như Lai hiểu đúng như nó thực là: ‘cách những chúng sinh có những khuynh-hướng (căn cơ) khác nhau.’ Đó cũng là một năng-lực của Như Lai …431 15. (6) “Lại nữa, Như Lai hiểu đúng như nó thực là: ‘sự phân-bố các căn của những chúng sinh khác, của những người khác.’ Đó cũng là một năng-lực của Như Lai …432 16. (7) “Lại nữa, Như Lai hiểu đúng như nó thực là: ‘sự ô-nhiễm, sự thanh-tẩy, và sự thoát-ra đối với những tầng thiền định (sắc giới), những sự giải-thoát, và những tầng chứng đắc (vô sắc giới).’ Đó cũng là một năng-lực của Như Lai …433 17. (8) “Lại nữa, Như Lai (có thể): ‘nhớ lại nhiều kiếp quá khứ với những phương diện và đặc điểm của chúng’ (túc mạng minh) … [như kinh MN 04 ở trên, mục 27] … Đó cũng là một năng-lực của Như Lai … 18. (9) “Lại nữa, Như Lai (có thể): ‘với mắt thiên thánh (thiên nhãn minh), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, nhìn thấy những chúng sinh đang chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có … [như kinh MN 4 ở trên, mục 29] … Như Lai hiểu cách những chúng sinh chết đi tùy theo những nghiệp của họ.’ Đó cũng là một năng-lực của Như Lai … 19. (10) “Lại nữa, Như Lai: ‘bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của

tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ với sự (đã) tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận minh). Đó cũng là một năng-lực của Như Lai, nhờ phẩm-hạnh của điều này Như Lai đã tuyên bố mình ở vị trí người đứng-đầu, cất lên tiếng gầm sư tử, và thiết lập sự quay chuyển bánh xe của Trời Brāhma. 20. “Như Lai có mười năng-lực của Như Lai, vì có-được chúng nên Như Lai đã tuyên bố mình ở vị trí người đứng-đầu, cất lên tiếng gầm sư tử trong tất cả các hội chúng, và thiết lập sự quay chuyển bánh xe của Trời Brāhma.… 21. “Này Xá-lợi-phất, khi ta biết và thấy như vậy, có ai nói về ta rằng: ‘Sa-môn Cồ-Đàm không có trạng thái siêu nhân nào, sự khác-biệt nào về trí- biết và tầm-nhìn xứng đáng của những bậc thánh. Sa-môn Cồ-đàm chỉ dạy Giáo Pháp [chỉ được] búa rèn bằng lý luận, chạy theo dòng truy vấn của chính mình khi nó xảy đến với ông ta’—nếu không dẹp bỏ lời khẳng định đó và trạng thái tâm đó và từ bỏ cách-nhìn đó—thì người đó bị ký thác trong địa ngục như thể đã bị đưa thẳng xuống đó. 434 Giống như một Tỳ kheo có được giới-hạnh, sự định-tâm, và trí-tuệ, thì người đó

ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ] có thể thụ hưởng trí-biết cuối cùng (thánh quả A-la-hán); còn ai nói như vậy, ta nói rằng, nếu không dẹp bỏ lời khẳng định đó và trạng thái tâm đó và từ bỏ cách-nhìn đó, thì người đó bị ký thác trong địa ngục như thể đã bị đưa thẳng xuống đó. (Bốn cơ-sở của sự tự-tin) 22. “Này Xá-lợi-phất, Như Lai có bốn cơ-sở của sự tự-tin này, vì có- được chúng nên Như Lai đã tuyên bố mình ở vị trí người đứng-đầu, cất lên tiếng gầm con sư tử trong tất cả các hội chúng, và thiết lập sự quay chuyển bánh xe của Trời Brāhma. Bốn đó là gì? 23. (1) “Ở đây, ta không nhìn thấy có cơ-sở nào để bất kỳ tu sĩ hay bà- la-môn nào hay Ma Vương hay bất cứ ai khác trong thế gian, dựa theo đúng Giáo Pháp, có thể tố cáo ta rằng: ‘Trong khi ông tuyên bố là người đã giác- ngộ toàn thiện nhưng (thực ra) ông không giác-ngộ toàn thiện về những điều

đó.’ Và do nhìn thấy không có cơ-sở nào (để bất cứ ai có thể nói) như vậy, nên ta an trú trong sự an-toàn, sự không sợ-hãi, và sự tự-tin. 24. (2) “Ta không nhìn thấy có cơ-sở nào để bất kỳ tu sĩ … hay bất cứ ai khác trong thế gian, dựa theo đúng Giáo Pháp, có thể tố cáo ta rằng: ‘Trong khi ông tuyên bố ông là người đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm nhưng (thực ra) ông chưa tiêu diệt hết mọi ô-nhiễm.’ Và do nhìn thấy không có cơ-sở nào (để bất cứ ai có thể nói) như vậy, nên ta an trú trong sự an-toàn, sự không sợ-hãi, và sự tự-tin. 25. (3) “Ta không nhìn thấy có cơ-sở nào để bất kỳ tu sĩ … hay bất cứ ai khác trong thế gian, dựa theo đúng Giáo Pháp, có thể tố cáo ta rằng: ‘Những điều được ông gọi là những sự cản-trở (chướng ngại) (thực ra) đâu có gây cản trở gì cho người dính líu với chúng.’ Và do nhìn thấy không có cơ-sở nào (để bất cứ ai có thể nói) như vậy, nên ta an trú trong sự an-toàn, sự không sợ- hãi, và sự tự-tin. 26. (4) “Ta không nhìn thấy có cơ-sở nào để bất kỳ tu sĩ … hay bất cứ ai khác trong thế gian, dựa theo đúng Giáo Pháp, có thể tố cáo ta rằng: ‘Khi ông giảng dạy Giáo Pháp cho một người, người đó tu tập theo nhưng việc tu tập đó không dẫn dắt người đó tới sự hoàn toàn diệt-khổ.’ Và do nhìn thấy không có cơ-sở nào (để bất cứ ai có thể nói) như vậy, nên ta an trú trong sự an-toàn, sự không sợ-hãi, và sự tự-tin. “Một bậc Như Lai có bốn loại sự tự-tin như vậy, vì có-được chúng nên bậc ấy đã tuyên bố mình ở vị trí người đứng-đầu, cất lên tiếng gầm con sư tử trong tất cả các hội chúng, và thiết lập sự quay chuyển bánh xe của Trời Brāhma.” (trích MN 12: MahāSihanāda Sutta) (“Đại kinh “Tiếng Gầm Sư Tử”)

(5) Sự Hiện Thị Của Đại Hào Quang

“Này các Tỳ kheo, chừng nào mặt trời và mặt trăng chưa khởi sinh trong thế giới, thì chừng đó không có ánh sáng lớn và hào quang lớn, chỉ có bóng tối ngự trị, chỉ một bầu tối đen; thì chừng đó không có ngày và đêm, không có tháng và nửa tháng, không có mùa và năm. “Nhưng, này các Tỳ kheo, khi mặt trời và mặt trăng khởi sinh trong thế giới, thì có ánh sáng lớn và hào quang lớn; rồi không còn bóng tối mù đen, không còn một bầu tối đen; rồi có ngày và đêm, có tháng và nửa tháng, có các mùa và năm. “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, chừng nào Như Lai chưa khởi sinh (xuất hiện) trong thế giới, là một A-la-hán, bậc Toàn Giác, thì chừng đó không có (hiện thị) ánh sáng lớn

và hào quang lớn, chỉ có bóng tối ngự trị, chỉ một bầu tối đen; thì chừng đó không có sự giảng giải, chỉ dạy, tuyên thuyết, thiết lập, khai mở, phân tách, hay làm rõ Bốn Diệu Đế. “Nhưng, này các Tỳ kheo, khi một Như Lai khởi sinh trong thế giới, là A-la-hán, bậc Toàn Giác, thì có (hiện thị) ánh sáng lớn và hào quang lớn; rồi không còn bóng tối mù đen, không còn một bầu tối đen; rồi có sự giảng giải, chỉ dạy, tuyên thuyết, thiết lập, khai mở, phân tách, và làm rõ Bốn Diệu Đế. “Bốn đó là gì? Diệu-đế về sự khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ. “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con- đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:38; Quyển 5)

(6) Người Mong Muốn Sự Tốt Lành Cho Chúng Ta 25. “Này các Tỳ kheo, ví như trong một khu rừng có một vùng đầm lầy lớn, gần đó có một bầy hươu sống. Rồi một người xuất hiện, mong muốn

chúng bị tàn sát, bị hãm hại, bị giam cầm, và do đó ông ta đóng chặn đường đi an toàn và tốt lành mà bầy hươu thường đi lại một cách vui sướng, và ông ta mở đường đi sai giả, và có chỗ ông ta còn đặt con mồi và có chỗ còn đặt con bù nhìn để làm cho bầy hươu lớn càng lúc càng gặp phải tai họa, khổ nạn, và mất dần. Nhưng có một người khác xuất hiện, mong muốn đàn hươu được tốt lành, được phúc lợi, và được an toàn, và người đó mở lại đường đi an toàn và tốt lành để bầy hươu đi lại một cách vui sướng, và người đóng bỏ con đường sai giả, và người đó loại bỏ con mồi và tiêu diệt con bù nhìn, để cho đàn hươu lớn càng lúc càng phát triển, gia tăng, và hoàn thiện. 26. “Này các Tỳ kheo, ta mới đưa ra ví dụ này để truyền tải ý nghĩa rằng: ‘Vùng đầm lầy lớn’ là dụ cho những khoái-lạc giác-quan (dục lạc). ‘Bầy hươu lớn’ là dụ cho những chúng sinh. ‘Người mong muốn chúng bị tàn sát, bị hãm hại, và bị giam cầm’ là dụ cho Ma Vương Ác Ma. ‘Đường đi sai giả’ là chỉ con-đường có tám phần sai lạc (Bát tà đạo), gồm có: cách-nhìn sai lạc, ý-định sai lạc, lời-nói sai trái, hành-động sai trái, sự mưu-sinh sai trái, sự nỗ-lực sai lạc, sự tâm-niệm sai lạc, sự định-tâm sai lạc. ‘Con mồi’ là dụ cho sự khoái-thích và nhục-dục. ‘Con bù nhìn’ là dụ cho sự vô-minh. ‘Người mong muốn chúng được tốt lành, được phúc lợi, và được an toàn’ là chỉ Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. ‘Đường đi an toàn và tốt lành để cho bầy dê đi lại một cách vui sướng’ là chỉ Con Đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo), gồm có: cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự tâm-niệm đúng đắn, sự định-tâm đúng đắn; (chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh hạnh, chánh tinh tấn, chánh-niệm, chánh-định). 27. “Như vậy, này các Tỳ kheo, con-đường (chánh đạo) an toàn và tốt lành để (chúng sinh) bước đi một cách vui sướng đã được ta mở lại, con- đường sai giả (tà đạo) đã bị đóng lại, con mồi đã bị loại bỏ, con bù nhìn đã bị tiêu diệt.” (trích MN 19: Dvedhāvitakka Sutta) (Hai Loại Ý-Nghĩ)

(7) Sư Tử Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, vào buổi cuối chiều, sư tử, vua của các loài thú, ra khỏi hang ổ. Rồi nó rướn mình, dò xét hết bốn hướng xung quanh, và rống lên tiếng gầm sư tử ba lần, sau đó nó bắt đầu đi săn mồi. “Khi con sư tử, vua của các loài thú, rống lên tiếng gầm sư tử, hầu hết những thú vật xung quanh nghe tiếng gầm đều cảm thấy đầy sợ-hãi, một sự cảm thấy sự cấp-bách và sự khiếp-sợ. Những con vật sống trong lỗ hang thì chui vào lỗ hang; những con sống dưới nước thì lặn xuống nước; những con sống trong rừng rậm thì bỏ chạy vô rừng rậm; và chim thì bay lên trời. Ngay cả những con voi đực lớn của hoàng gia, đang bị cột bởi những sợi dây da to chắc trong các ngôi làng, thị trấn và các đô thị, cũng cố bứt phá và bứt đứt dây cột; cũng khiếp đảm, té đái và té phân, cuống chạy khắp nơi. Này các Tỳ kheo, sư tử thật là oai hùng giữa những loài thú, là vua của những loài thú, thật uy dũng và hùng mạnh. “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo,435 khi Như Lai xuất hiện trong thế giới này, là một bậc A-la-hán, đã giác ngộ hoàn toàn, đã hoàn thiện về trí- biết đích thực và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối cao của những người cần được thuần phục, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Toàn Giác, bậc Thế Tôn; Như Lai giảng dạy Giáo Pháp như vầy: ‘Này là sắc-thân, này là sự khởi sinh của sắc-thân, này là sự biến diệt của sắc-thân; này là cảm-giác … này là nhận-thức … này là những sự tạo-tác cố ý … này là thức, này là sự khởi sinh của thức, này là sự biến diệt của thức.’436 “Rồi, này các Tỳ kheo, những thiên thần được sống đại thọ, đẹp đẽ, tràn đầy hạnh phúc, đang sống rất lâu trong những thiên cung tiên bồng, khi họ nghe thấy giáo lý của Như Lai, hầu hết họ cảm thấy đầy sự sợ-hãi, sự cảm nhận cấp-bách, và sự khiếp-sợ, [nên họ nói rằng]: ‘Coi chừng chúng ta là vô-

thường, mặc dù chúng ta nghĩ mình là thường hằng; coi chừng chúng ta là không chắc-chắn, mặc dù chúng ta nghĩ mình là chắc chắn; coi chừng chúng ta sẽ bị hoại-diệt, mặc dù chúng ta nghĩ mình là bất diệt. Thưa các ngài, coi chừng chúng ta là vô-thường, không chắc-chắn, sẽ bị hoại-diệt, bị nằm trong cái danh-tính này.’437 Này các Tỳ kheo, Như Lai thật là oai hùng trong khắp thế gian này có những thiên thần, Như Lai thật là uy dũng và uy lực.” (SN 22:78, Quyển 3)

(8) Tại Sao Được Gọi Là Như-Lai [Tathāgata]? “Này các Tỳ kheo, Như Lai đã hoàn toàn tỉnh thức [= giác ngộ, hoàn- toàn hiểu, liễu tri] đối với thế giới;438 Như Lai đã tách ly khỏi thế giới. Như lai đã hoàn toàn tỉnh thức đối với nguồn-gốc của thế giới; Như Lai đã dẹp bỏ nguồn-gốc của thế giới. Như Lai đã hoàn toàn tỉnh thức đối với sự chấm-dứt của thế giới; Như Lai đã chứng ngộ sự chấm-dứt của thế giới. Như Lai đã hoàn toàn tỉnh thức đối với con-đường dẫn tới sự chấm-dứt thế giới; Như Lai đã tu tập con-đường dẫn tới sự chấm-dứt thế giới. (1) “Này các Tỳ kheo, trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, thứ gì được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm thấy, được nhận thấy, được đạt đến, được tìm cầu, được suy xét bởi cái tâm—Như Lai đã hoàn toàn tỉnh thức đối với tất cả những thứ đó; do vậy bậc ấy mới được gọi là Như Lai.439 (2) “Này các Tỳ kheo, những gì Như Lai nói, thốt ra, hay tuyên thuyết vào

canh giữa cái đêm Như Lai đã tỉnh thức đến sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng (tức vào lúc giác-ngộ) và vào cái đêm Như Lai đã chứng ngộ Niết- bàn cuối cùng (bát-niết-bàn; lúc qua đời), tất cả đều chỉ là vậy và không sai khác; do vậy bậc ấy mới được gọi là Như Lai.

(3) “Này các Tỳ kheo, Như Lai nói sao làm vậy; làm sao nói vậy. Bởi
Như Lai nói sao làm vậy và làm sao nói vậy, nên bậc ấy mới được gọi là Như
Lai.
(4) “Này các Tỳ kheo, trong thế giới này có những thiên thần, Ma
Vương, và trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bàla-môn, những thiên thần và loài người, Như Lai là người chiến thắng, là người không ai thắng, là người nhìn thấy toàn-thể, là người nắm lấy sự làmchủ; do vậy bậc ấy mới được gọi là Như Lai.”
Sau khi đã trực-tiếp biết tất cả thế giới—
Tất cả trong thế giới đúng như nó thực là—
Bậc ấy tách-ly khỏi thế giới,
Không dính-líu gì với tất cả thế giới.
Đó là người chiến thắng trong tất cả,
Là bậc trí đã tháo bỏ mọi gút mắc.
Đã đạt tới sự bình an tốt thượng,
Là Niết-bàn, không còn sự sợ-hãi nào nữa.
Người đó là Đức Phật,
Đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, không còn phiền-phức,
Mọi sự nghi-ngờ đều đã dứt sạch;
Sau khi đã đạt tới sự diệt-nghiệp,
Bậc ấy được giải thoát
Trong sự tuyệt-dứt mọi sự thu-nạp (sanh-y tận).
Bậc ấy là đức Thế Tôn, là Đức Phật,
Bậc ấy là sư tử tối thắng,
Trong thế giới này có những thiên thần,
Bậc ấy thiết lập sự chuyển dịch bánh xe của trời Brahmā.
Như vậy là những thiên thần và loài người,
Ai đã quy y theo Phật,
Tề tựu lại, và cùng kính lễ Đức Phật,

Bậc vĩ đại không còn xao động hay nghi ngại:
“Được thuần phục,
Bậc ấy là bậc nhất trong những người thuần phục;
Được bình an,

Bậc ấy là bậc nhìn-thấy trong những người mang lại bình-an;
Được giải thoát,
Bậc ấy là đứng-đầu trong những người (giúp) giải-thoát;
Vượt qua bờ,
Bậc ấy là bậc nhất về sự dẫn-dắt qua bờ."
Thực đúng như vậy, họ kính lễ Đức Phật,
Bậc vĩ đại không còn xao động hay nghi ngại.
Trong thế giới này có những thiên thần,
Không ai có thể đối nghịch với Phật.
(AN 4:23; = It 112)
CHÚ THÍCH

Chương I
TÌNH TRẠNG CON NGƯỜI
1
[Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) là vua của vương quốc Kosala, có kinh đô là
Sāvatthi (Xá-vệ).
- Jetavana: (nghĩa là) Khu Vườn của (thái tử) Jeta (Kỳ-đà), cũng được biết đến là Tịnh Xá Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika) bởi vì khu vườn của thái tử Jeta đã được bán cho ông Cấp Cô Độc, vị thí chủ giàu có đã mua khu vườn này để cúng dường cho Đức Phật làm tịnh xá cho Phật và Tăng Đoàn.

- Các bộ kinh Nikāya mô tả Vua Pasenadi là người đệ tử tại gia nhiệt thành nhất của Đức Phật, mặc dù các bộ kinh không cho biết ông có chứng ngộ bất kỳ tầng thánh đạo hay thánh quả nào cả. Có nguyên một Chương trong Bộ Kinh Liên Kết (SN)—tức Chương 3 (Liên-kết (tương ưng) Kosala" (Kosalasaṃyutta)— ghi lại những bài nói chuyện đàm đạo giữa ông và Đức Phật.] (205) 2 [Khi nói về bậc A-la-hán Phật không nói vận mệnh cuối cùng của vị ấy là "già- chết", nhưng Phật chỉ nói là "khi thân tan rã và bỏ thân". Điều này là bởi vì một A-la-hán, đã không còn những khái niệm về cái 'ta' và cái 'của-ta', cho nên họ không coi sự tàn hoại và tan rã của thân xác là sự già và chết của một cái 'ta' hay 'bản ngã' nào cả.] (206) 3 [Mp giải thích: "Người già, người bệnh, và xác chết được gọi là 'ba vị thiên sứ' (devadūta) bởi vì những hình ảnh đó làm phát khởi một cảm-nhận về sự cấp-bách.] (380) 4 [Theo truyền thuyết đây là thần chết và là quan tòa định tội quyết định vận mệnh của người chết.] (381) 5 [Spk: Sự thoát-khỏi ở đây là sự tu tập thiền-định, đạo và quả. Người phàm phu không biết sự tu tập là giải pháp; họ chỉ nghĩ sự thoát-khỏi khổ đau là khoái-lạc giác quan mà thôi (cho nên khi bị khổ đau, họ tìm tới dục-lạc, như người nghiện

bị đau đớn thì tìm tới ma túy vậy; chỉ là cách tạm bợ, phù du, và tái khổ liên tục).]. (235)

(Ví dụ: nhân loại luôn tìm kiếm vui sướng trong đủ loại dục lạc như: phương tiện tiền của, tiện nghi, nhà cửa, quần áo, xe cộ, ái tình, tính dục, ăn uống, rượu chè, hút chích,

trò chơi, trò giải trí, tiệc tùng, tụ tập …) 6 [Trong kinh MN 138, mục 20, đoạn (3) là hầu như giống hệt với đoạn (1) này trong kinh SN 22:07 này; ngoại trừ rằng trong kinh MN 138 thì ghi các cụm chữ là anupādā paritassanā và anupādāya paritassati. Đó thực ra là cách ghi bị lỗi sai đã được ghi trong kinh từ trước, trước khi có những luận giảng và chú giải về nó, bởi vậy sau đó mới có những chú giải sai và không đúng so với nghĩa thực nghĩa gốc của lời kinh. Những chữ này trong kinh MN 138 do vậy nên được sửa lại cho đúng như trong kinh SN 22:07 này.] (32) 7 [Spk giải nghĩa cụm chữ paritassanādhammasamuppādā là một mệnh đề cặp đồng-đẳng (dvanda): taṇhāparitassanā ca akusaladhammasamuppādā ca (sự khích-động của dục-vọng và một đống/mớ/nhiều trạng thái bất thiện). Cụm kết hợp dài này cũng có thể được hiểu là một chữ kết hợp theo nghĩa chính-phụ (tappurisa) nên được dịch là (một đống/mớ/ nhiều/ những trạng thái của tâm [đã khởi sinh từ, có kết nối với] sự lo-âu). Cả Spk và Spk-pṭ đều hiểu chữ paritassanā theo nghĩa của dục-vọng, nhưng đối với tôi (TKBĐ) thì lời kinh nhấn mạnh nghĩa bhaya-paritassanā (sự âu-lo do sợ-hãi). Về cách mà chữ paritassanā đã mang hai nghĩa, mời coi chú thích 137 ở kinh SN 12:51 (Quyển 2), sau đoạn (2)-(11).] (33) 8 [Thầy Mahākaccāna là một vị đệ tử của Phật rất giỏi trong việc phân tích giảng giải những câu nói ngắn gọn của Đức. Để đọc câu chuyện về cuộc đời của vị thầy ấy, mời quý vị đọc quyển "Những Vị Đại Đệ tử của Đức Phật" do nhà sư Nyanaponika và học giả Hecker biên soạn; Chương 6.] 9 [Vua trời Sakka (Đế-thích), người trị vì các thiên-thần ở cõi trời Tāvatiṃsa (Đao-lợi), là một đệ tử của Đức Phật. Coi thêm Bộ Kinh Liên Kết (SN), Chương 11.] 10 ["Những quan-niệm phức tạp" (papañcasaññāsaṅkhā). Ý-nghĩa của cụm từ kết hợp này không phải có từ kinh điển Nikāya. Thuật ngữ này dường chỉ những nhận-thức và ý-tưởng đã "bị nhiễm" bởi những thiên kiến chủ quan, đã "bị

nhuốm màu" bởi những khuynh hướng dục-vọng (ái), sự tự-ta (ngã mạn), và những quan-điểm sai lạc (tà kiến). Theo những luận giảng, dục-vọng (ái), sự tự- ta (ngã mạn, ta-đây), và những quan-điểm này nọ (tà-kiến) là 03 yếu tố tạo ra những ý tưởng hay sự thổi phồng thuộc khái niệm, tức là những hý-luận (papañca). Một nghiên cứu chi tiết về thuật ngữ này được ghi trong quyển sách "Khái-Niệm và Hiện-Thực trong Tư Tưởng Phật giáo Nguyên thủy" của nhà sư học giả Ñāṇānanda.] 11 [Theo luận giảng [Sv]: sự theo-đuổi (pariyesanā) là sự theo đuổi những đối- tượng như những hình-sắc nhìn thấy được, những âm-thanh … vân vân … cho tới những lợi-lộc (lābha) thu được từ những đối-tượng đó. Sự quyết-định (vinicchaya) là quyết định giữ bao nhiêu cho mình và bao nhiêu cho người khác; tiêu dùng bao nhiêu và tích trữ bao nhiêu, vân vân.] 12 [Tham, sân, si (lobha, dosa, moha) là 03 gốc rễ bất thiện—là 03 gốc rễ gây ra tất cả mọi ô-nhiễm trong tâm và những hành-động bất thiện; đọc thêm phần phụ lục Giới Thiệu Về Chương V, trang thứ ba, chỗ nói về những nghiệp thiện và bất thiện.] 13 ["Vòng luân-hồi là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được/khám phá được" (Anamataggo 'yaṃ bhikkhave saṃsāro). Nghĩa gốc của chữ anamatagga là: không chắc chắn. Spk giải nghĩa chữ anamatagga là anu amatagga, có nghĩa là "có điểm khởi đầu không thể tìm thấy được", và giải thích rằng: "Cho dù có dùng sự hiểu-biết để truy

ngược một trăm hay một ngàn năm thì điểm khởi đầu cũng không thể nghĩ bàn được, điểm khởi đầu là không thể biết được (vassasataṃ vassasahassaṃ nāṇena anugantvā pi amataggo aviditaggo). Không thể nào biết được điểm khởi đầu là từ khi nào, ở đâu; nghĩa là không có một phân định đâu là điểm đầu hay điểm cuối. Vòng luân-hồi là một tiến trình liên tục của năm-uẩn (khandhādinaṃ avicchinnappavattā paṭipāṭi)". Chữ lai Phạn tương đương của chữ anamatagga là anavarāgra [ví dụ trong Mvu Ī 34,7], có nghĩa là "không có giới hạn bên dưới hay bên trên." Để coi thêm nhiều cách giải nghĩa từ này, coi thêm CPD s.v. anamat'agga.] (254) 14 ["Đại kiếp" là dịch chữ "kappa". Rõ ràng ý lời kinh là một đại-kiếp (mahākappa), là chiều dài thời gian cần có để một thế-giới khởi sinh, phát triển, và hoại diệt. Mỗi đại-kiếp gồm có 04 giai đoạn a-tăng-tỳ kiếp

(asaṅkheyyakappa) ứng với mỗi giai đoạn mở-rộng, củng-cố, co-lại, và tan-hoại của thế-giới.] (256) 15 [Một dặm Ấn hay do-tuần (yojana) dài bằng khoảng 7 dặm Anh, khoảng gần 11,3 Km. Miếng vải lụa Kāsi (Kāsikena vatthena). Mặc dù đay đã là lụa nhưng Spk còn giải thích như nó làm từ sợi bông mịn.] (257) 16 [Lời kinh thâm thúy quen thuộc này giống trong các kinh từ SN 15:01 … trong Chương 15 "Liên Kết Vô-Thủy" (Quyển 2).] (203)

17 [Về sự hủy diệt thế giới bằng lửa, coi Vism 414–17 (Ppn 13:32–41).] (204)

18 [Ví dụ con chó bị xích này cũng có trong kinh MN 102, mục 12. Spk: Người phàm phu ngu tối giống như con chó bị xích; cách-nhìn của họ giống như sợi dây xích; cái 'ta' danh-tính (sakkāya) của họ giống như cái cột. Sự chạy quanh cái cột của con chó bởi bị xích dây cũng giống như sự chạy quanh cái 'danh- tính' của con người do bị trói buộc bởi dục-vọng và tà-kiến.] (205)

Chương II NGƯỜI MANG LẠI ÁNH SÁNG 19 [Mp giải thích: "Khi một vị Phật chưa khởi sinh, thì ở đây chính là một vị bồ- tát trong vai trò vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển luân vương) và những người khác cùng chung sự nghiệp với vị vua đó. Rồi khi một vị Phật đã khởi sinh, thì ở đây chính là vị Phật và những đệ tử của vị Phật đó."] (174) 20 ["Không có ai ngang bằng" là dịch chữ asamasamo. Mp giải thích chữ này có nghĩa là "bằng những vị không bằng", nghĩa là ngang bằng với những vị Phật không sánh bằng trong quá khứ và tương lai. Nhưng trong văn cảnh khác chữ samasama cũng có nghĩa là "chính xác bằng nhau" và do vậy chữ asamasamo có lẽ đơn giản có nghĩa là "không thể bằng, không có ai ngang bằng". Coi thêm chữ này trong các kinh DN I 123,12, MN 49 … (?)] (69) (*)

- (*) (Chỉ có một vài số hiệu kinh đã được dẫn chiếu để so sánh (ví dụ như các số hiệu mới ghi trong chú thích này) nhưng người dịch tra không thấy sự tương thích, thì sẽ để nguyên như bản gốc của TKBĐ đã ghi.)

21 [Dvipadānaṃ aggo: là bậc nhất trong những loài hai chân. Mp giải nghĩa là: "là bậc nhất trong loài người và những thiên thần".] (70) 22 [Về "06 điều vô thượng" (cha anuttarīyāni), coi kinh 6:30. Về "04 loại trí- biết mang tính phân tích" (catasso paṭisambhidāyo; bốn loại vô ngại giải trí), coi kinh 4:172. Những thuật ngữ này cũng được thảo luận chi tiết trong Vibh 293305 (Be §71850) và Vism 44042, Ppn 14.2127.
Mp giải thích "sự thâm nhập nhiều yếu-tố" (anekadhātupaṭivedha) chính là thâm nhập 18 yếu-tố [06 đối-tượng cảm nhận (6 trần), 06 căn cảm-nhận (6 căn), và sáu loại thức (6thức)], và "sự thâm nhập nhiều loại yếu-tố" (nānādhātupaṭivedha) là thâm nhập theo cách những bản chất riêng khác nhau của chúng (nānāsabhāvato). Trong câu "thánh quả là trí-biết đích thực và sự giải-thoát" (vijjāvimuttiphala), Mp nhận dạng trí-biết đích thực = minh (vijjā) chính là 'trí-biết về thánh quả', và sự giải-thoát (vimutti) là 'những yếu-tố liên quan thánh quả'. Có lẽ điều này là chỉ về thánh quả A-la-hán.] (72) 23 [Ngài Ānanda là người hầu cận của Đức Phật; thầy được biết đến nhiều vì sự tận tụy của thầy đối với Đức Phật. Trong phần chính của bài kinh, thầy đã kết nối nhiều sự kiện thần diệu xảy ra xung quanh sự thụ thai và đản sinh của Đức Phật; thầy dường như đại diện cho tiếng nói của lòng sùng kính trung thành.] 24 [Câu này chỉ sự tái sinh của vị Bồ-tát (tức Phật Thích-Ca kiếp kế trước) trong cõi trời Đâu-suất (Tusita). Kiếp kế trước của vị Bồ-tát là ở cõi người tên là Vessantara, và kiếp kế sau (và cuối cùng) của vị Bồ-tát là quay lại cõi người là thái tử Tất-đạt-đa Cồ-đàm (Siddhattha Gotama) và giác ngộ thành Phật Thích- Ca.] (1161) 25 [MA giải thích rằng: Giữa mỗi 03 hệ thế giới thì có một khoảng trống không rộng khoảng 8.000 yojana (do-tuần); khoảng trống không đó có hình dạng như khoảng trống giữa 03 bánh xe tiếp giáp nhau hoặc giữa 03 cái bình bát tiếp giáp nhau. Những chúng sinh tái sinh trong những vùng trống không (u minh thăm thẳm) đó ở giữa những hệ thế giới là do họ đã tạo những nghiệp vô cùng xấu ác kinh khủng, như tội bất hiếu với cha mẹ, xúc phạm những tu sĩ và bà-la-môn chân chính, hoặc bởi do những thói tâm ác độc như giết hại và tàn sát chúng sinh người, và sinh vật ...] (1162) 26 [MA đã nhận dạng: Bốn vị thiên thần đó chính là Bốn Vua Trời Lớn (Tứ Đại Thiên Vương), [tức là bốn vị trời trị vì ở cõi trời Tứ Đại Thiên Vương].] (1163)

27 [MA chú giải rằng: Sự việc này đã xảy ra, không phải do hoàng hậu đã bị gì khi sinh đẻ, mà do sự hết hạn sống của bà ở cõi người; bởi vì đối với chỗ [trong bào thai] được hạ nhập vào bởi vị Bồ-tát thì không thể còn được dùng bởi một chúng sinh nào khác để ra đời; chỗ trong bào thai trở thành chỗ thiêng liêng, giống như gian thờ bên trong một đền thờ vậy; (đó là lý do hoàng hậu đã qua đời để kết thúc sứ mạng của thân ở cõi người (để mang thai vị Bồ-tát) và tái sinh trong cõi trời Đâu-suất).] (1164) 28 [MA giải thích rằng: mỗi khía cạnh của sự kiện này là một điềm báo trước về sự giác-ngộ sau đó của Đức Phật. Theo đó, sự đứng trên hai chân (pāda) vững vàng là điềm báo trước về sự sẽ chứng đắc bốn cơ-sở năng lực tâm linh (thần thông; tứ thần túc; iddhipāda); mặt hướng về bắc là sự hướng thượng và vượt trên số đông chúng sinh; bảy bước là sự sẽ tu thành bảy chi giác-ngộ (thất giác chi); chiếc lộng dù màu trắng là dự báo cho sự bao trùm của sự giải-thoát sau này; sự nhìn khắp mỗi bốn phương là dự báo cho sự

hiểu-biết không còn bị chướng ngại của sự toàn-trí; sự cất tiếng nói như một "người dẫn dắt đầu đàn" là sự sẽ thiết lập sự quay chuyển bánh xe Giáo Pháp không thể bị chặn đứng hay đảo ngược; lời tuyên bố "Đây là lần sinh cuối cùng của ta" là điềm báo trước sự Niết-bàn cuối cùng (Bát-niết-bàn) không còn tàn-dư [tức không còn yếu tố nào gây ra sự hiện-hữu] (vô dư y Niết-bàn).] (1165) 29 [Câu này dường như có lẽ là cách Phật muốn kêu gọi sự chú ý tới phẩm-chất này mới thực sự là sự kỳ diệu và tuyệt vời đích thực [đó là sự chánh-niệm và sự rõ-biết (tỉnh giác) về mọi sự xảy ra bên trong thân tâm mình đúng như chúng thực là; nghĩa là sự tu-tập, sự thiền-tập, sự thấy-biết, và sự giác-ngộ mới là những điều thực sự quan trọng và kỳ diệu của đạo Phật).] (1166) 30 [Upadhi: tạm dịch việt là sự thu-nạp (sự thu-nhập, thu-vào, nhận-lấy, tích- vào); (HV) sanh y. Nghĩa gốc của chữ này là: nền tảng, cơ sở, căn cước [PED]. Trong các luận giảng thì nhiều loại upadhi đã được liệt kê, trong số chúng gồm có: năm uẩn, những đối-tượng khoái-lạc giác quan, những ô-nhiễm (lậu hoặc), và nghiệp (là những thứ đưa đến tử, sinh, già, chết ...). Ñm đã dịch chữ này nhất quán từ đầu tới cuối là "những thứ cần thiết của sự sống" (những thứ cần phải có để duy trì sự sống; những thứ thiết yếu của đời sống), cách dịch này đã che lấp cái nghĩa rõ rệt trong ngữ cảnh của nó. Tôi đã cố dịch để 'bắt' được một số hàm-ý của chữ này bằng cách dịch là "những sự thu-nạp" hoặc "những thứ thu- nạp": "những sự thu-nạp" là thể hiện phần hành vi chủ-thể, và "những thứ thu-

nạp" là thể hiện những đối-tượng bị thu nạp. (Tức, chủ thể thì thu nạp những thứ được thu nạp: như năm uẩn, nghiệp, những lậu-hoặc... như đã nói trên). Trong kinh MN 26.19 chúng ta thấy Niết-bàn được gọi là "sự từ-bỏ mọi sự thu- nạp; sự dẹp bỏ sanh-y" (sabb'ūpadhipaṭinissagga), hàm ý cả 02 nghĩa là chỉ hành-vi của chủ thể (sự thu nạp, thu vào, nhận lấy) và chỉ đối-tượng (những thứ bị thu nạp; sanh y).

- (Những sự thu-nạp và những thứ thu-nạp trong tiếng Việt là do người dịch Việt chọn dùng để dịch upadhi theo cách dịch và chú giải của TKBĐ).] (299) 31 [Trong nguyên bản (không giản lược) của bài kinh này thì: vàng và bạc không được ghi trong các mục 8, 9, 10 vì vàng và bạc không được tính là những thứ phải bị bệnh, chết, và buồn sầu; chúng chỉ được ghi trong các mục 6, 7, và 11 vì chúng phải bị sinh (tạo ra), bị già (cũ), và có thể bị ô nhiễm (pha tạp, ô hợp) bởi vì, theo Luận giảng MA, chúng cũng có thể bị pha trộn (hợp kim) với những kim loại rẻ xấu khác.] (300) 32 [MA nói: Ông ta đã dạy cho Phật về 07 tầng chứng đắc của thiền định cảnh xứ không-có-gì (vô sở hữu xứ, akiñcaññāyatana), là tầng chứng đắc vô-sắc thứ ba trong 04 tầng chứng đắc vô-sắc cao hơn 04 tầng thiền định sắc-giới (jhāna). Cho nên nếu tính theo những tầng chứng-định (samāpatti) từ thấp lên cao, thì cảnh xứ không-có-gì này là tầng chứng định thứ bảy. Những tầng chứng đắc thiền định, mặc dù rất đáng quý và cao siêu về mặt tâm linh, những chúng vẫn còn thuộc về thế-tục, và chúng chưa chạm tới phần trí-tuệ thấy-biết (minh sát) và không trực tiếp dẫn tới Niết-bàn, sự giải-thoát viên mãn.] (301) 33 [Tức là, tầng chứng thiền đó dẫn tới tái sinh trong một cảnh giới hiện-hữu được gọi là "cảnh xứ không-có-gì" (cảnh xứ trống không, vô sở hữu xứ), là cảnh giới tương ứng với tầng

chứng thiền thứ bảy. Ở đây tuổi thọ được cho là 60.000 đại kiếp, nhưng khi hết tuổi thọ ở đó cũng phải qua đời và quay lại cảnh giới thấp xấu. Do vậy những người chứng đắc cảnh giới này vẫn chưa thoát khỏi sự già-chết mà 'sẽ còn bị dính bẫy của Ma Vương' [MA]. Nữ tiến sĩ Horner của PTS đã dịch nhầm rằng lời kinh chỗ này nhấn mạnh sự tái-sinh nên cô đã dịch là "chỉ đạt tới cao nhất là cảnh xứ không-có-gì" [MLS 1:209].] (302) 34 [Nữ tiến sĩ Horner trong MLS và Ñm trong Ms đều bị nhầm trong bản dịch của mình: họ nhầm rằng (con) Uddaka và (cha) Rāma là một. Tuy nhiên, như nghĩa cái tên, Uddaka Rāmaputta là con (putta) của Rāma; người cha chắc hẳn

đã qua đời trước khi vị Bồ-tát đến đó. Nên lưu ý rằng mọi sự nói về tên Rāma chỗ này đều thuộc thời quá khứ và ngôi thứ ba, và rằng chính người con Uddaka lúc sau mới đặt vị Bồ-tát ở vị trí của một vị thầy. Mặc dù lời kinh vẫn không rạch ròi đủ để kết luận nhất quyết như vậy, nhưng điều này gợi ý cho thấy bản thân người cha Rāma đã chưa đạt tới tầng chứng đắc vô-sắc thứ tư. (Do chỗ này dễ làm người đọc có cảm tưởng rằng người cha Rāma đã chứng đắc tầng thiền vô-sắc giới đó chứ không phải người con Uddaka Rāmaputta đang là người đồng tu với Phật; nhưng không phải vậy, chính người con là Uddaka Rāmaputta mới chứng đắc. Có lẽ Phật đã gọi tên họ Rāma theo cách đơn giản và trân trọng dành cho người bạn tu Uddaka Rāmaputta.)] (303) 35 [Kinh MN 36 [cũng gồm có phần nói về sự gặp gỡ của vị Bồ-tát với Āḷāra Kālāma và Uddaka Rāmaputta] sẽ tiếp tục từ chỗ này ghi lại (a) những sự hành xác khổ hạnh đã đưa vị Bồ-tát tới bờ vực cái chết và (b) sau đó là sự khám-phá con đường trung-đạo dẫn tới sự giác-ngộ, trước khi vị Bồ-tát đi đến chỗ mục 18 kế dưới đây. (Nghĩa là: kinh MN 36 sẽ ghi lại những diễn biến xảy ra trong thời gian nằm giữa thời điểm cuối mục 17 này và mục 18 kế dưới. Quý vị đọc kinh MN 36 sẽ thấy.)] (304) 36 [Thanh niên Ni-kiền-tử (phái Jain) tên là Saccaka là một người tranh biện, nhưng trong lần tranh luận trước, anh ta đã chịu thua Đức Phật về những lý lẽ của Phật.

- Tên "Aggivessana" mà Phật đã gọi anh ta là gọi tên họ tộc của anh ta.

- Bài kinh này bắt đầu bằng việc nói về cảm-giác sướng và cảm-giác khổ, trong đó Đức Phật gợi ý để thanh niên Saccaka đặt những câu hỏi để Đức Phật trả lời và giải thích.] 37 [Giờ Phật sẽ bắt đầu trả lời những câu hỏi của Saccaka bằng cách chỉ ra những cảm-giác cực kỳ khổ đau (cực khổ) mà Phật đã trải nghiệm trong thời gian tu hành xác khổ hạnh, và sau đó là những cảm-giác cực kỳ sướng (cực lạc) mà Phật đã trải nghiệm trong những tầng thiền định trước khi giác-ngộ.] (385) 38 [PTS chắc chắn đã đọc nhầm ở đây thành chữ avūpakaṭṭho (không rút lui, không lui về, không thu mình). Trong ấn bản đầu tiên tôi đã dịch đoạn này dựa trên phiên bản của BBS, trong đó có ghi là kāyena c'eva cittena ca. Nhưng PTS và SBJ đã bỏ chữ cittena và điều này có lẽ đúng, bởi vì rất khó hiểu theo cách

nào mà những người tu hành xác khổ hạnh lại được mô tả là "đã rút lui về tâm" (đã thu tâm) khỏi những khoái-lạc giác quan khi họ đã chưa làm lắng lặn tham- dục bên trong

họ. Do vậy tôi đã làm theo PTS và SBJ (tức đọc ở đây là chỉ là sự tách-ly về thân).] (386) 39 [Điều khó hiểu là trong những đoạn kinh tiếp theo lại cho thấy vị Bồ-tát đang thực hiện việc tu hành xác khổ hạnh sau khi đã đưa ra những kết luận—trong đoạn kinh này—rằng những cách tu cố chịu đau đớn, nghiến răng ... hành xác như vậy là vô dụng và không thể đạt đến trí-biết và tầm-nhìn (sự-biết và sự- thấy), và sự giác-ngộ. Sự bất thường này khởi lên một sự nghi ngờ rằng: 'thứ tự tường thuật của bài kinh có thể đã bị xáo trộn'! Chẳng hạn, khi nói về các "ví dụ về que mồi lửa" trên đây: đó có lẽ là lần cuối cùng của giai đoạn cố gắng tu hành xác khổ hạnh của vị Bồ-tát, là lúc vị Bồ-tát đã có được cơ-sở đúng đắn để từ bỏ việc tu hành xác khổ hạnh vì cách đó không dẫn tới sự giác-ngộ.] (387) 40 [Câu cuối này, cũng được lặp lại ở cuối những mục 21-25 tiếp theo, đã trả lời cho câu hỏi thứ hai [2] trong 02 câu hỏi của Saccaka ở mục 11 ở trên.] (388) 41 [MA giải thích rằng khi vị Bồ-tát còn là đứa trẻ, vua cha của Người đã đưa Người tới "lễ hội cày ruộng" của những người họ tộc Thích-Ca. Những người hầu giữ trẻ đã vô ý để đứa trẻ thái tử ngồi dưới gốc một mình dưới gốc cây táo- hồng và họ bỏ đi tới chỗ để coi lễ hội cày ruộng. Thấy mình còn lại một mình, vị Bồ-tát đã tự động ngồi thẳng lưng trong tư thế ngồi thiền và đã chứng đắc tầng thiền định thứ nhất bằng "sự chánh-niệm hơi-thở". Cho dù mặt trời di chuyển nhưng bóng mát của cây vẫn luôn phủ che cho Bồ-tát. Khi những người hầu quay lại và nhìn thấy đứa trẻ đang ngồi thiền-định, họ đã báo lại cho vua cha. Sau khi nghe vậy, nhà vua đã đến cúi đầu kính lễ đứa con thân yêu của mình. (Đó là lần thứ hai nhà vua đã kính lễ con trai mình; lần thứ nhất là lúc sau khi sinh và gặp những vị thầy tướng mạng trong cung đình dự đoán về tương lai của đứa bé thái tử).] (389) 42 [Đoạn này đánh dấu một "sự chuyển-đổi" về sự đánh giá của vị Bồ-tát về sự sướng (khoái-lạc, lạc); kể từ giờ nó không còn được coi là thứ nguy-hại đáng-sợ mà những người tu hành xác khổ hạnh đã tránh né, tẩy chay. Bởi vì đây là loại sự sướng (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly; và những trạng thái siêu sướng (an lạc, lạc trú) đó là thứ đồng hành quý giá của những chặng cao hơn của thánh đạo dẫn tới sự giác-ngộ (theo nghĩa trạng thái những tầng thiền định là cơ-sở để

thiền quán và chứng ngộ trí-biết, sự giác-ngộ và sự giải-thoát). (Nói cách khác, những tầng thiền định đó những giai-đoạn bậc cao (của tâm) trên con-đường dẫn tới giác-ngộ). Coi thêm kinh MN 139.9 về sự phân chia 02 loại khoái-lạc.] (390)

[Câu này là câu trả lời cho câu hỏi thứ nhất [1] trong 02 câu hỏi của Saccaka ở 43

mục 11 ở trên.] (391) 44 [Đoạn đầu này giống như trong kinh SN 12:10.] (175) 45 [(a) So sánh với "vòng nhân duyên" (công thức duyên-khởi) là giống hệt nhau khi nói về sự giác-ngộ của Phật Vipassi (Tỳ-bà-thi) trong kinh DN II 32; (b) Đoạn cuối cho thấy sự tùy-thuộc lẫn nhau của "thức" và "phần danh-sắc": chúng vừa là nhân và vừa là duyên của nhau; Phật có giảng giải chỗ này một cách chi tiết trong kinh DN 15.

- Một bản dịch phần chú giải chi tiết ở Sv II 501–3 cộng với trích dẫn từ Sv-pṭ bởi TKBĐ có thể tìm thấy trong tuyển tập Bodhi, có tên là "Đại Kinh Về Nhân Duyên", trang 84–89. Mời quý vị cũng đọc thêm kinh 12:67 bên dưới.

- Spk đã chú giải: Khi có phần danh-sắc, thì có thức: Ở đây lẽ ra nên nói rằng "Khi có những sự tạo-tác cố ý (hành), thì có thức" và "Khi có vô-minh, thì có những sự tạo tác cố ý (hành)." Nhưng cả 02 câu này đã không được Phật nói ra ở đây. Vì sao vậy? Bởi vì vô-minh và hành là thuộc một thứ hiện-hữu thứ ba và sự minh-sát này là không liên kết với chúng (avijjāsaṅkhārā hi tatiyo bhavo, tehisaddhiṃ ayaṃ vipassanā na ghaṭīyati). Bởi vì bậc Vĩ Nhân (tức Phật khi còn là Bồ-tát) đã thực hiện sự minh-sát theo cách (nhìn vào) sự hiện-hữu hiện tại gồm 05 thành phần (pancavūkārabhava = sự hiện-hữu có mặt năm-uẩn).

- (Hỏi:) Có đúng là người tu không thể giác-ngộ khi chưa nhìn thấy vô-minh và hành? (Đáp:) Đúng vậy, không thể. Nhưng những thứ này được nhìn thấy theo cách của dục-vọng (ái) và sự dính-chấp (thủ), và sự hiện-hữu (hữu). Nếu một người theo bắt một con thằn lằn đã được thấy chui vô một cái hang, người đó nên bước xuống, đào ngay chỗ hang mà nó chui vào, bắt nó, và đi khỏi đó; nếu người đó chỗ khác thì đâu tìm thấy nó. Cũng giống như vậy, vị Bồ-tát đang ngồi thiền trên chỗ ngồi để giác-ngộ, bậc ấy đã truy tìm những điều-kiện (nhân duyên) bắt đầu từ sự già-chết (được thấy rõ rệt giữa thế gian). Sau khi đã truy ngược những điều-kiện làm khởi sinh hiện-tượng (già-chết) đó ... cho tới phần danh-sắc, bậc ấy tiếp tục truy ngược và nhìn thấy đó là thức. Rồi, sau khi đã

nhận ra "phạm vi khám phá theo cách (nhìn vào) 'sự hiện-hữu 5 thành phần như vầy là quá nhiều'", nên bậc ấy đã quay trở lại sự minh-sát của mình (vipassanaṃ paṭinivattesi). Vượt quá chỗ này vẫn còn một cặp nhân duyên là vô-minh và dục-vọng, chúng giống như một vùng chưa được đào bể của cái hang trống nói trên (tức cái hang trống sau khi đã đào bắt được con thằn lằn vẫn còn phần nào đó chưa bị đào lên của cái hang trống đó). Nhưng bởi vì chúng có nằm trong sự minh-sát trước đó [dưới tiêu đề dục-vọng ... vân vân?] (ví như phần chưa đào vốn đã nằm thuộc trong cái hang đã đào từ ban đầu để tìm bắt con thằn lằn), cho nên chúng không được (đem ra) khám phá một cách riêng biệt; chính vì vậy nên Phật đã không đề cập tới nó ở đây! (và chỉ nói tới thức).] (176) 46 [Thức này quay lại (paccudāvattati kho idaṃ vinnāṇāṃ). Spk giải thích: Thức nào quay lại? Đó là thức tái-sinh và thức minh-sát. Thức tái-sinh quay lại từ điều-kiện (duyên) của nó; thức minh-sát quay lại từ đối-tượng của nó. Không có thức nào trong đó vượt qua phần danh-sắc, vượt quá phần danh-sắc.

- Spk-pṭ: Từ điều-kiện của nó: nghĩa là, thức tái sinh quay lại từ những sự tạo- tác cố ý (hành)—là nguyên nhân đặc biệt tạo ra thức—chưa được đề cập tới; nó không quay lại từ tất cả các điều-kiện, vì chỉ có phần danh-sắc được cho là điều- kiện của thức, (như vậy là nó quay lại từ phần danh-sắc). Từ đối-tượng của nó: nghĩa là, quay lại từ sự vô-minh và hành là đối-tượng, hoặc từ kiếp-trước là đối tượng của nó.

- Có thể trước đó vị Bồ-tát (tức Phật) đã đang tìm kiếm một 'bản ngã' theo kiểu trong Upanisad (Áo Nghĩa Thư, triết lý về bản ngã của Vệ-đà) như một chủ-thể tự hiện hữu gồm có một cái thức tinh khiết không cần có điều-kiện (duyên) gì để hiện hữu. Nhưng

rồi Phật đã khám phá ra rằng thức cũng là tùy thuộc vào phần danh-sắc mà có, nên sự tìm kiếm đó chỉ là việc vô ích, và điều đó cho thấy: ngay cả thức, cơ sở vi tế nhất cho ý-niệm có 'bản ngã' [coi thêm kinh 12:61] cũng là thứ bị điều-kiện (hữu vi) và do vậy cũng mang bản chất 'vô-thường, khổ, và vô-ngã' mà thôi.] (177) 47 [Spk: Tới ngưỡng mức này là một người có thể được sinh-ra ... (ettāvatā jāyetha vā ...): Với thức là một điều-kiện (duyên) tạo ra phần danh-sắc, và với phần danh-sắc là điều-kiện (duyên) tạo ra thức, tới ngưỡng mức này thì một người có thể được sinh ra và trải qua sự tái-sinh. Thứ gì vượt quá chỗ này mà có

thể được sinh ra hay trải qua sự tái-sinh? Chẳng phải 'chỉ chính chỗ này' mới được sinh ra và trải qua sự tái sinh hay sao?

- Spk-pṭ: Tới ngưỡng mức này: nghĩa là, tới chỗ có thức và phần danh-sắc xảy ra một cách hỗ tương với nhau. Một người có thể được sinh-ra và trải qua sự tái-sinh: Mặc dù câu này đã được dùng, nhưng không có nghĩa là có thực một 'con người' hay một 'ai' ngoài thức và phần danh-sắc. Cho nên nhà luận giảng (Spk) đã nói "Thứ gì vượt quá chỗ này?". 'Chỉ chính chỗ này (etadeva) mới được sinh ra: là chỉ chính cặp "thức và danh-sắc".

- Nên lưu ý rằng chữ jāyetha, jīyetha ... vân vân ... được ghi ở thể thứ ba số ít. Trong KS 2:73, tiến sĩ C.Rh.D có lẽ đã nhầm chúng là ngôi thứ hai số nhiều ..., trong khi trong LDB, trang 211, 226, dịch giả Walshe đã dùng cách dịch kiểu bùng binh để tránh nhận dạng đó là phần sắc-thân. Về vấn đề này, thảo luận chi tiết về sự nhân-duyên tương hỗ của thức và phần danh-sắc, mời đọc bài tham luận của TKBĐ trong tuyển tập Bodhi, có tên là "Đại Kinh Về Nhân Duyên", trang 18–22.] (178) 48 [Sự chấm dứt lẫn nhau của thức và danh-sắc cũng được thấy có nói trong kinh dài DN II 34,21–35,13 (?). Spk không chú giải gì về câu "Ta đã khám phá ra con-đường dẫn tới sự giác-ngộ" (adhigato kho myāyaṃ maggo

bodhāya), nhưng ở câu tương ứng trong kinh DN thì được luận giải trong Sv II 461,5–8 như vầy: "Con-đường [đạo]: là con đường của minh-sát (thiền quán). Dẫn tới sự giác-ngộ: là sự giác ngộ về Bốn Diệu Đế, hay sự giác-ngộ dẫn tới Niết-bàn. Thêm nữa, sự giác-ngộ được gọi như vậy vì nó được giác ngộ (khai sáng) (bujjhatī ti bodhi); đây chính là tên gọi của thánh đạo ...] (179) 49 [Từ chỗ này Spk có chú giải rất chi ly về sự tương ứng của những bước trong ví dụ kinh thành cổ so với những bước trong sự khám phá ra Giáo Pháp và thánh đạo dẫn tới sự giác-ngộ của Đức Phật. (Nhưng lời kinh của Phật đã tự rất dễ hiểu nên những chú giải quá khai mở và diễn dịch thì không cần).] (180) 50 [Tới đoạn này thì chữ những sự tạo-tác cố ý (hành; saṇkhārā), vốn đã bị bỏ đi ở phần trên của bài kinh, cuối cùng cũng đã được đưa vào lại; và cả cái điều- kiện (duyên) tạo ra chúng đó là = nguồn gốc của chúng cũng được đưa vào lại: và nguồn gốc của chúng chính là = vô-minh.] (181)

51 [Nội dung cả câu cuối này cũng có ghi y hệt trong kinh SN 51:10 (Quyển 5), đoạn gần cuối. (Và cũng có trong cấc đoạn song hành mà Ma-vương đã nhắc lại với Phật trong kinh AN 8:70; vì phần (I) của kinh AN 8:70 cho tới hết phần thi kệ là giống tương tự cả kinh SN 51:10).] (182) 52 [MA nhận dạng chữ "Giáo Pháp này" là Bốn Sự Thật (Bốn Diệu Đế). Hai sự- thật hay hai chân-lý (ṭhāna) được nói ra ngay bên dưới—là 'sự khởi-sinh tùy thuộc' và Niết-bàn—là chân-lý về nguồn-gốc khổ (Diệu Đế 2) và sự chấm-dứt khổ (Diệu Đế 3), trong đó mỗi thứ cũng lần lượt hàm nghĩa chân-lý về sự khổ (Diệu Đế 1) và chân-lý về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ (Diệu Đế 4).] (305) 53 [Sự dính-mắc là tạm dịch chữ "ālaya". Khó mà tìm ra chữ nào tương xứng để dịch chữ này. Nữ tiến sĩ Horner dịch nó là "khoái-lạc giác quan" (dục lạc) nhưng cách đó sẽ cướp đi cách dịch nghĩa thông thường của chữ kāma (kāma cũng có nghĩa là dục ái, dục lạc) và dịch như vậy là quá hẹp nghĩa. Trong Ms, và trong những được ấn bản đầu, Ñm đã dịch chữ này là "thứ gì để dựa vào" thì chỉ rút ra được một hàm ý của chữ chứ không phải ý của chủ thể ở đây. MA thì giải thích chữ ālaya là bao gồm cả những khoái-lạc giác quan (là đối tượng) + những ý-nghĩ dục-vọng (của chủ thể) liên quan đến chúng.] (306) 54 [Luận giảng MA đặt nghi vấn: tại sao, từ rất lâu vị Bồ-tát đã ôm ắp hạnh- nguyện chứng quả vị Phật để giúp những chúng sinh khác giải thoát, mà bây giờ thì tâm trí Phật lại ngã theo hướng không-làm-gì? Rồi MA giải thích luôn: (a) Lý do là, chỉ đến lúc-này, chỉ sau khi giác-ngộ, Phật mới nhận biết đầy đủ rằng (i) Giáo Pháp là quá thâm sâu, và (ii) sức mạnh của những ô-nhiễm (lậu hoặc) trong những con người là quá lớn nên họ khó mà hiểu được Giáo Pháp thâm sâu như vậy. (b) Lý do nữa là, Phật muốn Vua Trời Brahmā phải đích thân thỉnh cầu Phật đi truyền dạy Giáo Pháp đó, vì điều đó sẽ làm cho số đông quần chúng vốn luôn tôn kính vua Trời, mà vua Trời thì kính trọng Giáo Pháp của Phật, nên quần chúng sẽ nhận ra giá trị quý báu của Giáo Pháp và sẽ mong muốn học hiểu Giáo Pháp từ Phật. (Sự giải thích này là hữu lý và thú vị! ... bởi vì đến tận thời hiện đại quần chúng ở nhiều nơi vẫn còn tin vào 'ông Trời').] (307) 55 [Đó là 05 vị khổ sĩ (nhóm có thầy Kiều-trần-như) đã theo Phật trong thời gian còn tu khổ hạnh hành xác vì họ đã tin rằng Phật sẽ đạt tới giác-ngộ và sau đó chỉ dạy lại Giáo Pháp cho họ. Tuy nhiên sau đó khi họ nhìn thấy Phật từ bỏ lối tu

khổ hạnh hành xác và bắt đầu ăn uống thức ăn chắc bụng (no bụng) trở lại, họ đã không còn tin vào Phật và tẩy chay Phật, họ kết tội Phật đã hoàn tục quay lại đời sống thụ hưởng. Đọc thêm kinh MN 36.33.] (308) 56 ["Bậc Chiến Thắng Vũ Trụ" nguyên văn là chữ "Anantajina": có lẽ đây là một biểu tượng hay danh xưng được dùng bởi những người theo giáo phái Ni-kiền-tử (những Ajivaka) để chỉ một đấng toàn-thiện về tâm linh.] (309) 57 [Theo luận giảng MA, ông Upaka sau đó đã thương và cưới một cô con gái của một thợ săn. Rồi tới khi hôn nhân của ông ta trở thành bất hạnh, ông đã quay lại gặp Phật, gia nhập Tăng Đoàn, và sau đó trở thành mộ bậc thánh Bất-lai. Rồi ông tái sinh trong cõi trời Avīha, từ cõi đó ông chứng luôn thánh quả A-la-hán.] (310) 58 [Āvuso: 'bạn', 'đạo hữu', là chữ quen thuộc dùng để gọi những người đồng hạng, ngang nhau, hay đồng tu.] (311) 59 [Kinh MN 12 có chú thích 178 chỗ này như vầy: [Những trạng thái siêu nhân (uttari manussadhammā) là những trạng-thái, những đức-hạnh,

hay những sự chứng-đắc cao hơn những đức-hạnh của người thường chỉ gồm có 10 đường nghiệp thiện [coi MN 09.6]; những trạng thái siêu nhân gồm có: những tầng thiền định (jhāna), sáu loại trí-biết (minh), và những thánh đạo và thánh quả. "Sự khác-biệt về trí-biết và tầm-nhìn xứng đáng của những bậc thánh" (alamariyanāṇadassanavisesa) là cụm chữ thường được dùng trong các kinh, để chỉ tất cả những trình độ bậc cao của trí-biết về thiền (thiền trí) là đặc tính của bậc thánh nhân. Ở đây, theo MA, thì cụm chữ này có nghĩa chỉ riêng phần thánh đạo siêu-thế, mà Sunakkhatta đang phủ nhận rằng Đức Phật không có.] (178).] (312) 60 [Ngay chỗ này là sự thay đổi cách xưng hô từ "bạn" (āvuso) thành "ngài" (bhante) cho thấy giờ họ đã tin nhận lời tuyên bố của Phật và chuẩn bị coi Phật là bậc cao thượng hơn họ.] (313) 61 [Ngay lúc này Đức Phật bắt đầu giảng cho họ bài kinh đầu tiên là kinh Thiết Lập Sự Quay Chuyển Bánh Xe Giáo Pháp (Dhammacakkappavattana Sutta, kinh Chuyển Pháp Luân) nói về Bốn Chân-Lý hay Bốn Sự-Thật (Tứ Diệu Đế). Vài ngày sau đó, sau khi họ đã chứng thành những bậc Nhập-lưu, Phật giảng tiếp cho họ bài kinh Đặc Tính Vô-Ngã (Anattalakkhaṇa Sutta, kinh Vô Ngã

Tướng), ngay sau khi nghe bài kinh này, tất cả họ đều chứng thành A-la-hán. Toàn bộ câu chuyện này được đọc thấy trong bộ Quyển Lớn hay Đại Phẩm (Mahāvagga) trong Luật Tạng (Vin i.7–14), cũng có ghi trong quyển Cuộc Đời Của Đức Phật của nhà sư dịch giả Nāṇamoli, trang 42–47.] (314) 62 [Đây là bài kinh đầu tiên của Đức Phật (kinh Chuyển Pháp Luân), có được lưu lại trong ghi-chép về cuộc đời truyền đạo của Phật trong Luật Tạng Vin I 10–12. Bài kinh này được phân tích rõ hơn trong kinh MN 141 và trong Vibh 99–105, và được luận giải Vism 498–510 (Ppn 16:32–83) và trong Vibh-a 93–122. Bài kinh cũng được giảng giải một cách chi tiết, dựa theo phương pháp của các giảng luận kinh điển, trong quyển "Bài Thuyết Giảng Đầu Tiên Của Phật" bởi nhà sư Rewata Dhamma.] (380) 63 [Ở đây tôi làm theo Be và Se. Ee thì có ghi thêm cụm chữ sokaparidevadukkha domanass' upāyāsā (sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng là khổ); cụm chữ này cũng thấy có ghi trong những kinh khác trong những định nghĩa chính thức về Diệu Đế thứ nhất, nhưng nó không có ghi trong hầu hết các phiên bản của bài kinh "Chuyển Pháp Luân" này.] (381) 64 [Ba giai đoạn (tiparivaṭṭa) là: (i) sự hiểu-biết về mỗi Diệu-đế (saccañāṇa); (ii) sự hiểu-biết về trách-nhiệm phải được hoàn thành đối với mỗi Diệu-đế (kiccañāṇa); và (iii) sự hiểu-biết về sự đã hoàn-thành đối với mỗi Diệu-đế (katañāṇa). Mười hai phương diện (dvādasākāra) được đạt được bằng cách áp dụng ba phần nói trên đối với Bốn Diệu Đế; 3x4=12.] (382) 65 [Spk chú giải chữ bánh xe Giáo Pháp (dhammacakka) theo cách diễn đạt của trí-biết nhờ sự thâm-nhập (paṭivedhañāṇa, trí chứng ngộ, trí do tuệ thành, thông đạt trí) và trí-biết về sự chỉ-dạy (desanāñāṇa, trí giáo hóa); coi thêm chú thích ở đầu kinh SN 12:21 (Quyển 2), chú thích số đuôi (57). Rằng, cho đến khi nào Ngài Kiều-trần-như (Koṇḍañña, ở cuối kinh) và 18 koṭi (1 koṭi=10 triệu) vị trời brahmā chưa được thiết lập trong thánh quả Nhập-lưu thì đức Thế Tôn vẫn đang thiết lập sự dịch-chuyển (pavatteti nāma) bánh xe Giáo Pháp; nhưng ngay sau khi bánh xe Giáo Pháp đã được thiết lập trong sự dịch-chuyển (pavattitaṃ nāma) thì họ cũng được thiết

lập trong thánh quả.] (383)

Chương III TIẾP CẬN GIÁO PHÁP 66 (Kinh này ở đây thầy TKBĐ ghi là kinh AN 3:129, nhưng đúng thực kinh AN 3:129 trong bộ kinh AN không phải là vậy. Và lời kinh này ở đây thì gần giống ý nghĩa của kinh AN 3:131, chỉ có khác nhau nhiều ở điều đầu tiên với nghĩa là "chuyện trai gái (với phụ nữ) được hành sự trong bí mật" thì trong kinh AN 3:129 là "phụ nữ phát triển (lớn lên tốt đẹp tự nhiên) khi được che đậy, không công khai".) 67 [Luận giảng [Mp] giải thích rằng thị trấn này nằm bên bìa một khu rừng. Nhiều nhóm du sĩ và ẩn sĩ thường dừng nghỉ qua đêm ở đây trước khi họ băng qua khu rừng. Trong lúc ở lại họ thường nói chuyện với những người Kālāma trong thị trấn, và do đó những người Kālāma được tiếp cận với nhiều loại chủ thuyết, giáo thuyết. Sự mâu thuẫn giữa những giáo thuyết và quan-điểm khác nhau đã gây ra nhiều sự nghi-ngờ và bối-rối cho họ.] (456) 68 [Một loạt 10 nguồn hay cơ sở chưa đầy đủ để kết luận một điều gì là sự thật có thể được phân thành 03 nhóm:

- (1) NHÓM 1: gồm 04 lý-do đầu tiên: là 04 sự giả định mặc nhiên dựa theo sự lưu truyền, sự lan truyền, truyền thống. Gồm có (i) do "lời truyền miệng" (anussava): thường được hiểu ở đây bởi các giảng luận là Phật đang chỉ những kinh chú Vệ-đà đã được truyền miệng; (ii) do "điều đó đã trở thành truyền thống": như những giáo lý, giáo điều đã được truyền dạy của những sư thầy, những tông giáo, tôn môn kế truyền; (iii) do "tin đồn" (tin được lan truyền, điều được kể lại, chuyện được thuật lại; itikirā): là những tin đồn bao gồm cả những tin tức hay ý kiến trào lưu, hay những điều được đa số chấp thuận chung; và (iv) do "có ghi trong kinh sách" (hay trong các tập kinh, bộ kinh (piṭaka-sampadā)): đó là những lời kinh, những câu kinh, những điều được cho là "y kinh" thì không thể nào sai (nhưng thực ra những lời ghi trong kinh sách chưa chắc là sự thật, có thể là sai hoàn toàn, hoặc có thể chỉ là những điều do quy ước dùng để chỉ dạy, hoặc chỉ là sự thật tương đối; giống như Phật nói Giáo Pháp của Phật chỉ như một chiếc bè dùng để qua sống chứ chúng không hẳn là sự thật, chỉ giống như ngón tay chỉ mặt trăng chứ không phải là mặt trăng). Ở đây, theo các giảng luận, ý Phật cũng chỉ những điều được ghi trong những kinh sách cổ xưa

khác hoặc sau này, vì lúc Phật còn sống thì những lời kinh Phật chỉ được truyền dạy bằng miệng chứ chưa được ghi thành những tập kinh hay bộ kinh.

- (2) NHÓM 2: gồm có 04 lý-do kế tiếp có được từ lý giải, suy lý, suy luận, đó là: (v) "do lý giải": bởi vì sự lý giải thì mỗi người hiểu lý lẽ và lý giải khác nhau, không phải ai cũng lý giải đúng theo sự thật; (vi) "do suy luận": sự suy luận cũng vậy, vì suy luận từ những lý do và nguyên nhân đúng giả khác nhau, hoặc suy luận chỉ dựa trên sự phỏng đoán, phán đoán này nọ, và không phải ai cũng suy luận đúng sự thật; (vii) "do tự thấy là hợp lý, hợp với lý thuyết đã học": đây là cách phổ biến gán ghép áp đặt mọi sự đúng hay sai dựa theo khuôn mẫu lý thuyết, mà lý thuyết cũng chỉ là lý thuyết, không phải thấy hợp với lý thuyết thì đó là sự thật, bởi vì không phải mọi lý thuyết đều đúng với sự thật;

(viii) “do chấp nhận điều đó sau khi đã suy tư xem xét kỹ về nó”: sự chấp nhận này là kết quả sau khi đã xem xét suy tư kỹ càng về điều đó, nhưng cũng đâu có gì bảo đảm là đúng sự thật, vì mỗi người xem xét kỹ theo những cách sai đúng khác nhau, và những mức độ xem xét kỹ lưỡng của mỗi người cũng khác nhau; chưa kể sự xem xét dựa trên những cơ sở nào, hay rốt cuộc cũng chỉ dựa trên những 09 cơ sở kia. Chỗ này, theo luận giảng, ý muốn nói rằng những suy luận của con người đều dựa trên giả thuyết mà ra; đó là sự khác nhau so với sự suy luận của Đức Phật: đó là dựa trên sự quán xét thực nghiệm và sự tự thân thấy-biết.

- (3) NHÓM 3: gồm 02 lý-do cuối cùng, đây là 02 loại sự dính líu yếu tố cá nhân người nói: một là (ix) “do vẻ bề ngoài hay tướng mạo của người nói có vẻ cao đạo, xuất sắc nên đáng tin” (bhabbarūpatā): là sự thu hút của người nói [có lẽ gồm cả tướng mạo, oai nghi, biểu hiện, giọng nói, cử chỉ, những tính chất bề ngoài của người đó]; và hai là do thẩm quyền của người nói: (x) “do đó là sư thầy của mình [tiếng Pāli garu là đồng nghĩa chữ guru của tiếng Phạn] nên điều ổng nói chắc chắc đúng sự thật”: cơ sở này không có gì chắc: không phải ‘điều gì do sư thầy, sư phụ, sư ông của chúng ta nói là phải đúng sự thật’; bởi vì trong thực tế không phải sư thầy nào cũng nói, giảng, dạy đúng theo sự thật; chưa kể bối cảnh lời kinh ở đây muốn chỉ những sư thầy khác nhau của những giáo phái khác nhau với những giáo lý khác nhau thường ghé lại ngôi làng này và thuyết giảng. (457)

- (Chú thích này do người dịch diễn dịch thêm bằng tiếng Việt để người đọc có thể nắm bắt ít nôm na ý nghĩa của 10 “cơ sở chưa chắc chắn để kết luận một điều là sự thật” mà Phật đã chỉ ra cho những người dân Kālāma. Ý nghĩa là Phật

khuyên dạy mọi người không nên phụ thuộc vào sự hiểu biết cá nhân có được từ 10 cơ sở đó, vì sự thật cần phải được tự thân chứng ngộ hay tự thấy, tự biết. Và trước mắt Phật chỉ khuyên dạy rằng: chỉ cần biết điều gì thiện lành, được bậc trí hiền khen ngợi thì nên làm, và điều gì ngược lại thì không nên làm, thì sẽ dẫn đến phúc lợi dài lâu; không cần phải vất vả tìm hiểu để biết cho được ai nói là sự thật, ai nói là không sự thật trước khi thực hành.). (457) 69 [Theo Đức Phật, tham, sân, si là ba gốc rễ bất thiện (akusalamūlāni), nó nằm ẩn bên dưới những hành vi bất thiện thất đức và tất cả những trạng thái ô nhiễm của tâm; coi thêm kinh 3:69. Bởi vì mục tiêu của giáo lý của Phật là Niết-bàn, là sự tiêu-diệt tham, sân, si [kinh SN 38:10 (quyển 4)], Đức Phật đã tinh tế dẫn dắt những người Kālāma đồng tình theo giáo lý của Phật một cách đơn giản bằng cách kêu họ tự mình suy xét sự trải nghiệm của chính mình (hơn là tin ở những điều nghe từ bên ngoài); và Phật không cần phải bắt họ tin suông lời của Phật là đúng.] (458) 70 [Điều này chắc chắn chưa phải là hoàn toàn trực quan khách quan, ít nhất là trong kiếp hiện tiền, bởi vì những trường hợp “điều xấu dữ xảy ra với người làm nghiệp tốt” vẫn đầy rẫy, không thể đếm hết.] (459) 71 [Nguyên văn: Idhāhaṃ ubhayen’eva visuddhaṃ attānaṃ samanupassāmi. Nghĩa chính xác của chữ “về cả hai phương diện” vẫn chưa hoàn toàn rõ rệt đối với tôi. Mp diễn dịch đại ý là: “Vì tôi không làm điều xấu ác, và điều xấu ác cũng không được làm bởi người khác đối với tôi”

(yañca pāpaṃ na karomi, yañca karotopi na karīyati).” Tuy nhiên, đối với tôi dường như ý của lời kinh đang nói về 02 loại sự thanh-lọc bản thân, đó là: (1) không làm những điều xấu ác, và (2) tu dưỡng tâm trong sạch bằng cách tu tập bốn trạng thái tâm vô lượng [từ, bi, hỷ, xả]. Nghĩa này cũng giống như nghĩa trong bản Hán tạng tương đương vậy. (Người dịch Việt thấy sự chú giải của Mp cũng có lý phần nào, tức là “Giả sử làm việc xấu không bị quả xấu, thì một người không làm việc xấu (i) cũng là tốt và (ii) cũng không bị người khác làm điều xấu ác với mình. Như vậy được tốt cả 02 phương diện).] (460) 72 [04 sự bảo-an trong phiên bản kinh này trong Hán tạng MĀ 16 [ở T I 439b8– 26] là khác, như sau: (1) “Nếu có thế giới này và thế giới khác, nếu có những nghiệp quả của những nghiệp tốt và xấu, thì tôi tích được nghiệp kết nối (câu hữu) với chánh-kiến này; tôi xiển dương nó và có được nó. Khi thân tan rã, sau

khi chết, tôi chắc chắn sẽ đi tới trạng thái tốt lành, thậm chí được tái sinh trong cõi trời. (2) Nếu không có thế giới này và thế giới khác, và không có những nghiệp quả của những nghiệp tốt và xấu, ngay cả trong kiếp này, thì tôi cũng không bị người khác chê trách về [hành vi của] mình, nhưng tôi sẽ được khen ngợi bởi người trí hiền. Tuy nhiên, những người có chánh tinh-tấn và chánh- kiến thì nói là có [thế giới này, thế giới khác, và những quả của nghiệp]. (3) Nếu làm điều gì, chắc chắn tôi không làm điều xấu gì xấu ác. Vì tôi không làm điều gì xấu ác, thì sao sự khổ đau có thể khởi sinh trong tôi? (4) Nếu làm điều gì, chắc chắn tôi không làm điều xấu gì xấu ác. Tôi không phạm vào điều gì đáng sợ-hãi và điều gì không đáng sợ-hãi trong thế gian. Tôi chỉ luôn có tình thương và bi mẫn đối với toàn thế gian. Tâm tôi không có sự tranh đấu đối với những chúng sinh; điều đó là không sự ố-nhiễm, và hoan hỷ và hạnh phúc.”] (461) 73 [Đây cũng là một đoạn kinh “khuôn mẫu” ở cuối nhiều bài kinh. Đoạn kinh này diễn tả sự “quy y nương tựa” là hành động của người mới gia nhập đạo Phật, họ thừa nhận Phật, Pháp, Tăng là những các lý tưởng hướng dẫn cho mình. Theo truyền thống Phật giáo, ai đọc những câu như trong đoạn kinh này được cho đã chính thức tuyên bố mình là một Phật tử. (Thủ tục quy y trở thành một Phật tử là đơn giản như vậy, chủ yếu là “tâm nguyện thực sự” của mình vào lúc đọc những lời đó. Nếu các chùa có tổ chức các nghi thức quy y trang trọng thì cũng tốt, nhưng điều đó không phải là bắt buộc).] 74 [Thôn trưởng là tạm dịch chữ “Gāmaṇi”: người đứng đầu. Chữ này hàm chỉ ông ta là một trong những người có vai vế, nổi tiếng trong thị trấn.] 75 [Lưu ý rằng ông thôn trưởng đã gán cho Phật đã nói câu ông dẫn trực tiếp trong ngoặc ‘…’, như một khẳng-định chung về mối liên hệ nhân-duyên giữa tham-dục và sự khổ (yaṃ kiñci dukkhaṃ uppajjamā naṃ uppajjati…). Nguyên văn câu này không thấy có trong lời Phật nói ở trên, nhưng rõ ràng nó là cần có như một dẫn chứng cho cái “nguyên-lý này” (iminā dhammena); dường như câu này có trong kinh văn nguyên thủy nhưng có lúc nó đã bị bỏ đi khi đọc. Ngay bên dưới chính Phật đã tổng hợp lại lời của mình đã nói.] (353) 76 [Nguyên văn câu này: Parassa cetopariyāyaṁ ajānantena, ở đây chữ cuối được ghi theo BBS và SBJ, khác với PTS ghi là ājānantena mang một nghĩa tích cực là “sự biết”. Nhưng trong ngữ cảnh này nghĩa nó là phủ định, vì một Tỳ kheo thì không thể bằng sự nhận-biết trực tiếp biết được tâm của Phật, mà người

đó phải để ý những hành-vi bên ngoài là hành-động và lời-nói của Phật [và những chứng cứ khác sẽ được nói trong bài kinh] để có thể suy ra Phật bậc toàn- giác hay không.] (482) 77 ["Những trạng thái nhận biết được bằng mắt" là những hành-động; "những trạng thái nhận biết được bằng tai" là lời-nói. MA: Giống như người ta nhìn thấy gợn sóng và bong bóng thì có thể suy ra cá đang ở bên dưới chỗ nước đó, từ hành-động ô nhiễm hay lời-nói ô nhiễm người ta suy ra nó xuất phát từ một cái tâm còn ô nhiễm.] (483) 78 [MṬ: "Những trạng thái hỗn-hợp" (vītimissā dhammā) là chỉ hành-vi của một người có cố gắng thanh lọc hành-vi của mình nhưng không làm được một cách ổn định trước sau như một. Có lúc hành-vi thì sạch và sáng, có lúc không sạch và tối.] (484) 79 [MA: những mối nguy-hại ở đây là chỉ sự tự cao tự đại. Có một số Tỳ kheo (tu sĩ, nhà sư) rất lặng lẽ và khiêm tốn khi họ chưa được nổi tiếng và chưa được biết nhiều; nhưng khi họ được nổi tiếng và được nhiều người biết đến, thì họ bắt đầu hành xử không đúng đắn, lên mặt tấn công những Tỳ kheo (đồng đạo) khác như con báo chụp cắn đàn hưu hiền vậy.] (485) 80 [MA: (về những loại Tỳ kheo) ngược lại với những Tỳ kheo chỉ dạy một nhóm Tỳ kheo chính là những Tỳ kheo tách khỏi nhóm Tỳ kheo—mặc dù không được đề cập ở đây, nhưng chúng ta nên hiểu như vậy.] (486) 81 [MA: câu này cho thấy phẩm tính "không-còn thiên-vị" (tādibhāva) của Phật đối với chúng sinh. Phật không ngợi khen người này, chê trách người khác.] (487) 82 [Nguyên văn câu này: No ca tena tammayo. MA giải nghĩa là: "Ta không nhận mình với giới-hạnh trong sạch đó, ta không có dục-vọng đối với nó."] (488) 83 [Nguyên văn câu này: So tasmiṃ dhamme abhiññāya idh'ekaccaṃ dhammaṃ dhammesu niṭṭhaṃ gacchati. Để chuyển tải ý nghĩa của lời kinh, tôi đã diễn dịch sự xuất hiện chữ "dhamma" lần thứ hai là "giáo lý" [chẳng hạn như một giáo lý hay học thuyết đã được dạy cho vị ấy], và diễn dịch chữ số nhiều của nó

"dhammesu" là "những giáo lý" và chữ "tasmiṃ dhamme" là "Giáo Pháp đó" có nghĩa là "toàn bộ những giáo lý". (Giáo Pháp = những giáo lý).

- Luận giảng MA và MṬ đều luận giải như vầy: "Khi Giáo Pháp đã được chỉ dạy bởi Vị Thầy, thì vị Tỳ kheo, bằng sự trực-tiếp biết Giáo Pháp thông qua sự chứng nhập thánh đạo và thánh quả, và Niết-bàn, sẽ đi đến kết luận về những giáo lý ban đầu của Giáo Pháp là những phần trợ giúp giác-ngộ (bodhipakkhiyā dhammā)." (tức 37 phần trợ đạo, 37 bồ-đề phần).] (489) 84 [Nguyên văn cụm chữ này: Ākāravatī saddhā dassanamūlikā daḷhā. Cụm chữ này này diễn tả loại niềm-tin của bậc thánh nhân (ariyapuggala), là người đã nhìn thấy Giáo Pháp, và do đó không còn có thể thừa nhận một Vị Thầy nào khác ngoài Phật.] (490) 85 [Ông Cankī là một bà-la-môn có tiếng tăm, ông trị vì vùng Opasāda, một vùng lãnh thổ thuộc hoàng gia nằm ở vương quốc Kosala (Kiều-tất-la) được Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) giao cho ông ta cai quản.] 86 [Rõ ràng đây là tên họ tộc của môn sinh Kāpaṭhika.] 87 [Đó là tên những vị thánh (rishi) cổ mà những bà-la-môn cho là những tác giả ứng truyền của các bài kinh kệ Vệ-đà.] (883) 88 [Nguyên văn 05 chữ này là: saddhā, ruci, anussava, ākāraparivitakka, diṭṭhinijjhānakkhanti. Đây là 05

loại căn cứ để đi đến một kết luận. Căn cứ đầu tiên có vẻ chỉ dựa vào cảm tính; căn cứ thứ ba là sự chấp nhận truyền thống truyền tụng một cách không nghi vấn, và 02 căn cứ cuối cùng là dựa vào sự lý- giải hoặc sự điều-tra suy xét để nhận biết. Trong 05 loại thì 03 loại căn cứ sau cùng {(iii) điều do được truyền bá nhiều … (iv) điều do được nhận biết nhiều … và (v) điều do được xem xét kỹ nhiều} cũng nằm trong 10 loại căn cứ chưa đầy đủ để kết luận một sự-thật hay niềm-tin, như đã được nêu ra trong kinh AN 3:65, coi chỗ đoạn (I) và chú thích ở đó.

- Còn "trở thành hai cách khác nhau" có nghĩa là mỗi điều có thể trở thành (là) đúng hoặc sai.] (884)

89 [Nghĩa là: sẽ không hợp lý hay đúng đắn để một người có trí đi đến kết luận, bởi vì anh ta vẫn chưa tự mình xác thực sự thật đó, bởi anh ta chỉ mới chấp nhận nó dựa trên căn cứ chưa đầy đủ khả năng xác thực chắc chắn về điều đó.] (885) 90 ["Bảo vệ sự thật" (saccānurakkhana): tức sự bảo hộ, duy trì, bảo trì một sự thật hay một điều gì đó (mà mình tin).] (886) 91 ["Sự khám-phá ra sự thật" (saccānubodha): tức sự nhìn ra, sự nhìn thấy sự thật, sự giác ngộ sự thật.] (887) 92 [Tiến trình khám-phá sự thật được nói ra sau đây trong kinh này có vẻ giống như sự lặp lại cách tiếp cận sự thật được mô tả trong kinh MN 47.] (888) 93 ["Người đó soi-xét kỹ (tūleti). MA chú giải nghĩa là: Người đó điều tra xét kỹ các hiện tượng (các pháp) để thấy có đúng là 'vô thường, khổ, và vô ngã'. Chỗ này có lẽ chỉ người tu đang ở giai đoạn thiền quán minh-sát.] (889) 94 [Mặc dù sự áp dụng ý-chí (ussahati) ở đây có vẻ là đồng nghĩa với sự chuyên- cần tu (tinh cần, phấn đấu; padahati), nhưng sự áp dụng ý-chí có thể được hiểu là sự cố-gắng được đảm nhận trước khi thiền quán minh-sát (tuệ), còn sự chuyên-cần tu là sự cố-gắng để đưa sự minh-sát (tuệ) lên trình độ của (thánh) đạo siêu thế.] (890) 95 [MA chú giải là: Người đó chứng ngộ Niết-bàn bằng thân của tâm [của thánh đạo Nhập-lưu], và sau khi đã thâm nhập thấu suốt những ô-nhiễm (lậu hoặc), người đó nhìn thấy Niết-bàn bằng trí-tuệ, làm cho nó rõ ràng và hiển nhiên.] (891) 96 [Trong khi "sự khám-phá ra sự thật" (saccānubodha) trong văn cảnh này có nghĩa là sự chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu, thì "sự đạt-tới cuối cùng tới sự- thật" (saccānuppatti) chắc hẳn có nghĩa là sự chứng ngộ thánh quả A-la-hán cuối cùng. [Ghi nhớ rằng "sự đạt-tới cuối cùng tới sự-thật" không phải diễn ra bằng những cách tu-tập nào khác nữa, mà đó chỉ là sự tiếp-tục, sự lặp-lại các bước [các chi giác-ngộ, thất giác chi] như trước giờ người tu đã tu tập để dẫn tới "sự khám-phá sự -thật".] (Nghĩa là, người tu cứ lặp lại những bước tu-tập cho đến lúc hoàn thiện tất cả những (bảy) chi giác-ngộ đó, cho đến cuối cùng chứng đắc thánh quả cuối cùng là bậc A-la-hán).] (892)

97 [Mời coi lại chú thích số 524 ở mục 13, kinh MN 50, (Quyển 1) như vầy: "Người thân tộc" (bandhu) ở đây là vị trời Brahmā (Phạm thiên), nhưng bà-la- môn gọi trời Brahmā như vậy vì họ coi vị trời đó là tổ tiên nguyên thủy sinh ra họ. MA giải thích rằng: đó chỉ là một đức tin của những bà-la-môn (brahmin), họ cho rằng họ là dòng dõi được sinh

ra từ miệng của Trời Brahmā, những người giai cấp chiến-sĩ (khattiya) là từ ngực, những người giai cấp thương-nông (vessa) là từ bụng, và những người giai cấp bần-lao hạ tiện (sudda) là từ chân, và những tu sĩ sa-môn (samaṇa) là từ dưới bàn chân của trời Brahmā."] (893)

Chương IV HẠNH PHÚC THẤY ĐƯỢC TRONG KIẾP NÀY 98 [Mp giải nghĩa chữ dhamma ở đây có nghĩa là Giáo Pháp (Dhamma) 'Mười đường nghiệp thiện' (dasakusalakammapathadhammo). Cách giải nghĩa này là quá hẹp cho dù rõ ràng đúng là chữ "Dhamma" ở đây không có nghĩa là Giáo Pháp của Phật. Hơn nữa, nguyên lý phổ quát về tính-thiện và chân lý về đức- hạnh là không phụ thuộc vào tôn giáo nào, (đó là lẽ-thật trong thế gian). Dựa trên Giáo Pháp (hiển nhiên) như vậy, vị vua quay chuyển bánh xe cung cấp sự bảo-vệ chân chánh (dhammika) cho tất cả mọi chúng-sinh trong cõi ông ta trị vì.] (346) 99 [Mp giải thích: "Vị vua thiết lập sự quay chuyển bánh xe chỉ bằng phương tiện là Giáo Pháp là 'Mười đường nghiệp thiện'." Ở đây Ce và Be ghi động từ là vatteti, nhưng ở bên dưới khi nói về Đức Phật thì ghi là pavatteti; còn Ee thì ghi động từ pavatteti cho cả hai. Nếu chữ vatteti là chữ nguyên gốc, thì sự thay đổi về những động từ có thể có ý nói rằng: một vị vua quay chuyển bánh xe không phát khởi sự trị-vì chân chính đó mà chỉ nối tiếp kế thừa từ vua cha vua ông trước đó, trong khi đó Phật thì thiết lập và phát khởi sự chuyển dịch bánh xe Giáo Pháp chưa từng được biết trước đó.] (347) 100 [Nguyên văn câu này: Kenaci manussabhūtena paccatthikena pāṇinā. Nghĩa đen theo chữ là: "bởi chúng sinh thù nghịch nào đã trở thành người". Mp chú giải rằng: "Thường nghe nói rằng, những thiên thần có thể làm bất cứ điều gì họ muốn. Bởi vậy họ không nằm trong số này, mà chỉ đề cập 'chúng sinh người'." Sự chú giải này là trái ngược với Đức Phật, vì bánh xe Giáo Pháp (Mười Đường Thiện Nghiệp) cũng thuận theo Giáo Pháp của Phật, và do vậy cũng không thể

bị quay ngược bởi bất cứ chúng sinh nào, kể cả những thiên thần và trời (như lời ở cuối bài kinh).

- (Vậy nghĩa ở đây có thể hiểu là gì? (i) Có thể lời kinh chỉ nói mộc mạc đơn giản theo kiểu 'cái này không thể bị đảo ngược bởi người nào' mà thôi; hoặc (ii) có thể lời kinh chỉ tất cả những chúng sinh (trời, thần, ma, quỷ hay những thế lực thù nghịch với vị vua quay chuyển bánh xe) đang ở trạng thái làm 'người' có thể đến cản phá sự chuyển dịch bánh xe của vị vua đó, thì những 'người' đều không thể cản phá được.).] (348) 101 [Đọc lại và so sánh với tiếng hô vang của các thiên thần trong bài kinh "Thiết Lập Dịch Chuyển Bánh Xe Giáo Pháp" (Chuyển Pháp Luân), đoạn kinh II,5. Các thiên thần cũng hô vang nội dung rằng bánh xe Giáo Pháp đã được dịch chuyển và không thể bị quay ngược bởi bất cứ ai trong thế gian trên dưới.] 102 ["Kẻ bất hạnh, kẻ bạc phận" là dịch chữ "chava": nghĩa gốc là "xác chết". Mp diễn dịch: "Người như vậy được coi như xác chết vì người đó đã chết vì những phẩm chất đức hạnh của họ đã chết."] (739) 103 [Gia chủ Nakulapitā (nghĩa: cha của Nakula) và nữ gia chủ Nakulamātā (nghĩa: mẹ của Nakula) là hai người đệ tử tại gia ưu tú của Đức Phật, họ nổi bật vì niềm-tin vào Đức Phật. Đọc thêm quyển "Những Vị Đại Đệ tử của Đức Phật" bởi nhà sư Nyanaponika và

học giả Hecker, trang 375–378. Về hai vợ chồng này, mời coi thêm các kinh 1:257, 1:266, 6:16.] (740) 104 [Nguyên văn cụm chữ cuối: vadhadaṇḍatajjitā. Mp diễn dịch đó là tình huống đáng sợ kiểu như: “Lúc đó chồng cô ta cầm roi gậy và dọa đánh giết: ‘Tao sẽ giết mày’.” (daṇḍakaṃ gahetvā vadhena tajjitā, “ghātessāmi nan” ti vuttā).] (1559) 105 [Mặc dù Ce dùng cách ghi tên ông này là “Vyagghapajja”, tôi dùng cách ghi tên ông là “Byagghapajja” cho nó đồng nhất với cách ghi tên ông trong kinh 4:194. Đây chính là họ của ông ta, còn Dīghajāṇu là tên riêng.] (1750) 106 [Chỗ này Ce và Ee ghi là: udumbarakhādikaṃ va; Be: udumbarakhādīvāyaṃ. Nghĩa muốn nói ở đây là không rõ ràng. Mp chú giải là: “Một người muôn ăn trái sung thường đẩy lắc mạnh cây sung làm cho nhiều trái rụng xuống. Người đó ăn một vài trái chín và bỏ đi, để lại một đống sung rụng

(tức lãng phí: để thỏa mãn nhu cầu ít của mình mà phung phá cả đống lớn như vậy); cũng giống như vậy, một người tiêu xài phần lớn những thu nhập của mình là thụ hưởng của cải theo kiểu làm tiêu tan nó, do vậy nên mới nói: ‘Người họ tộc này ăn của cải của mình như kiểu một người ăn trái sung.’” Bản tương đương Hán tạng, SĀ 91 [T II 23a22–c17] có ghi chỗ [T II 23b17] là: , (Mọi người gọi ông
ta là một trái sung không có hột. Người ngu dốt, là con mồi của dục-vọng (ái), không biết nghĩ cho những người đến sau.”] (1751) 107 [Ce và Ee ghi là: ajaddhumārikaṃ; Be ghi là: ajeṭṭhamaraṇaṃ. DOP liên hệ chũ ghép này với chữ Phạn là jagdhvā (sau khi đã ăn) và định nghĩa chữ ajaddhumārikā là: “sự chết vì đói, sự chết đói”. Coi thêm PED sv jaddhu, được cho là chỉ xảy ra ở dạng phủ định là ajaddhu (không ăn, kiêng ăn). Mp (của Ce) thì giải nghĩa chữ này là = anāthamaraṇaṃ (sự chết không có người bảo hộ); còn Mp (của Be) thì giải nghĩa = anāyakamaraṇaṃ (sự chết không có người dẫn đầu). Dường như Mp (của Ce) thì giải nghĩa cách ghi được ghi trong Be. Bản Hán tạng [chỗ T II 23b19–20] có ghi: (những người khác đều sẽ nói rằng người ngu dốt
thì giống như một con chó bị đói cho tới chết).] (1752) 108 [Nguyên văn Pāli là: atthisukha, bhogasukha, anaṇasukha, anavajjasukha. Mp: “Thứ nhất là sự hạnh phúc đã khởi sinh ở ý-nghĩ là ‘Có [atthi, như sự giàu có, của cải])’; thứ hai là sự hạnh phúc đã khởi sinh trong sự giàu có; thứ ba là sự hạnh phúc đã khởi sinh ở ý-nghĩ ‘Ta không có nợ nần’; thứ tư sự hạnh phúc đã khởi sinh ở ý-nghĩ ‘Ta không tội lỗi, không bị chê trách’.”] (748) 109 [‘Sự thắng-lợi trong đời này và cuộc sống của cô ấy trong thế gian này là thành-công’ là tạm dịch cụm ngữ “ayaṃ’sa loko āraddho hoti”. Mp giải nghĩa dài dòng cụm ngữ này là: Ayam assa loko idha- loke karaṇamattāya āraddhattā paripuṇṇattā āraddho hoti paripuṇṇo (Đời này là thành-công đối với cô ấy ấy và được thành tựu vì cô ấy thành-công và đạt tới thành-tựu bằng cách làm [những điều cần được làm] trong đời này).] (1724) 110 [Về sự khẳng định này, những luận điểm giải thích về sự khác-nhau giữa các giai-cấp về sự thanh-lọc thân tâm và tâm linh cũng được Phật giải thích trong MN 90, mục 10–12.] (869)

111 [MA chú giải rằng: Họ nói câu này với ý như là: “Sau khi đã học Ba Kinh Vệ-đà, thầy đã được huấn luyện về những chú thuật (mantra) … Thầy đã thực hành cách cư xử của họ. Do vậy, thầy sẽ không bị đánh bại. Chiến thắng là của thầy.”] (870) 112 [Câu nói này được nói ra để cho thấy rằng những bà-la-môn đó được sinh ra từ phụ nữ, và do vậy lời họ nói họ được sinh ra từ miệng của trời Brahmā là không có thực chất gì, (đó chỉ là lời nói sáo rỗng của họ mà thôi).] (871)

[Yona là tiếng Pāli được quy chuyển từ chữ Ionia. Còn Kamboja là một vùng 113

nằm ở phía tây bắc của miền “Trung Phần” (giữa, trung tâm) của Ấn Độ.] (872) 114 [Vua Ajātasattu (A-xà-thế) đã lên ngôi vua bằng cách giết vua cha của mình. Vua cha là vua Bimbisāra (Tần-bà-sa-la), một thí chủ ủng hộ Đức Phật, ông được cho cũng chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu. Vua Ajātasattu sau này rất hối hận về hành động ác độc giết cha của ông, và trong một lần sau khi nghe Phật thuyết giảng kinh “Những Kết Quả Của Đời Sống Xuất Gia” (Kinh Sa-môn Quả; Sāmaññaphala Sutta, DN 2), ông đã trở thành một Phật tử.

Liên bang Vajji (Bạt-kỳ) nằm giáp phía bắc của nước Magadha (Ma-kiệt-đà), bên kia sông Hằng, nơi sinh sống của những người Licchavi có kinh đô là thành Vesāli (Tỳ-xá-ly) và những người Vedehi, thuộc bang Videha—cũng là nơi sinh của mẹ của vua Ajātasattu), có kinh đô là thành Mithilā.] 115 [Lễ rằm Bố-tát (Uposatha) là ngày lễ tôn giáo theo Âm Lịch của Ấn Độ. Dịp lễ đó rơi vào những ngày trăng tròn (tức ngày rằm, là ngày thứ 14 hoặc 15 của tháng), và hai ngày bán-nguyệt của tháng. Trong đoạn kinh này thì nguyên văn là ngày mười lăm lễ Bố-tát thì có lẽ là ngày rằm.] 116 [Tôi có đính chính chỗ này trong bản dịch DN của học giả Walshe. Học giả dịch nghĩa là: những tu sĩ (sa-môn, sư thầy) và bà-la-môn đức hạnh nên đến gặp vị vua để nhờ vua hướng dẫn điều gì là thiện và điều gì là bất thiện. Tuy nhiên trong bản gốc kinh Pāli ghi rõ là: vị vua nên đến gặp những tu sĩ (sa-môn, sư thầy …) và bà-la-môn để được chỉ dạy những điều gì là thiện và những điều gì là bất thiện.] 117 [Nguyên văn chỗ này: yathābhuttañ ca bhuñjatha. Tiếng Pāli có nghĩa là “ăn thức ăn như nó đã từng được ăn”, nhưng có lẽ đây là cách nói mang hàm ý sâu

xa hơn. Tuy nhiên cách dịch của học giả Walshe “biết tiết độ trong ăn uống” là không thể đúng với lời kinh gốc.] 118 [Đó là ông Purohita. Ông ta là một bà-la-môn phụng sự như một người cố vấn cho vua về cả các vấn đề tôn giáo và thời sự.]

Chương V CON ĐƯỜNG DẪN TỚI TÁI SINH PHÚC LÀNH 119 [Ở đây, một “sự tạo-tác cố ý của/bằng thân gây khổ” hay thân hành khổ (sabyāpajjhaṃ kāyasaṅkhāraṃ) có thể hiểu là sự cố-ý (tư, cetana) chịu trách nhiệm cho 03 đường thân-nghiệp bất thiện; “sự tạo-tác cố ý của/bằng lời-nói gây khổ” hay khẩu hành khổ là sự cố-ý chịu trách nhiệm cho 04 đường khẩu- nghiệp bất thiện; và “sự tạo-tác cố ý của/bằng tâm gây khổ” hay tâm hành khổ là sự cố-ý chịu trách nhiệm cho 03 đường ý-nghiệp bất thiện.] (942) 120 [Đây là chỉ: 10 đường nghiệp thiện cùng với sự cố-ý (tư) thuộc những tầng thiền định sắc-giới (jhāna).] (943) 121 [Đây là chỉ: những cõi thiên thần cao hơn.] (944) 122

[Nguyên văn: devā subhakiṇhā. Đây là những thiên thần sống ở hạng cõi trời cao nhất tương ứng với tầng thiền định thứ ba (Tam thiền).] (945) 123 [Mp nói đây là: “Sự cố-ý (tư) của thánh đạo dẫn tới sự chấm-dứt cái vòng (luân hồi) (vivaṭṭagāminī maggacetanā).] (946) 124 [Đây là một quan-điểm của những người theo chủ nghĩa duy-vật và tư tưởng diệt-vong, tức coi ‘chết là hết’, không công nhận có kiếp sau và những nghiệp quả. “Không có gì được cho…” có nghĩa là: không có kết quả gì từ việc cho-đi …; “không thế giới này, không thế giới khác” nghĩa là: không có chuyện tái sinh vào thế giới này hay thế giới khác; “không mẹ, không cha” tức là: không có kết quả hay quả báo gì từ việc đối xử xấu hay tốt đối với cha mẹ. Còn câu “không có tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh nào …” có nghĩa là từ chối sự có mặt của những vị Phật và những vị A-la-hán.] (425)

125 [MA giải thích rằng: “những thiên thần phát quang” không phải là một cấp hạng các thiên thần, mà chỉ là một danh từ chung dùng để gọi chung 03 cấp hạng được liệt kê kế tiếp chữ đó (phát quang ít, phát quang vô lượng, và phát quang thành dòng). Tương tự như vậy, “các thiên thần hào quang tỏa sáng” cũng là một danh từ chung để gọi chung các loại thiên thần được liệt kê kế tiếp chữ đó (hào quang nhỏ, hào quang vô lượng, hào quang chói lọi).]

- Hệ thống phân cấp những cõi trời đã được giải thích trong phần Giới Thiệu, trang 46–48 (bản dịch tiếng Anh của TKBĐ).]

- (Mời coi thêm phần chú thích bổ sung [] của người dịch về các danh sách và sự phân loại những cõi tái sinh ở cuối chú thích 1135, kinh MN 120, mục 19 (Quyển 3).) (426) 126 [Nên lưu ý rằng, trong khi “hành-vi đúng theo Giáo Pháp” được nói trong bài kinh là “điều-kiện cần” (phải có) để giúp dẫn tới sự tái sinh vào những cõi trời cao quý phúc lành và giúp dẫn tới sự tiêu-diệt mọi ô-nhiễm, nhưng đó cũng là điều-kiện-đủ luôn.

- [Mục 18-42]: Nhóm (b) là sự tái sinh trong các (08) cõi trời [bắt đầu từ cõi trời của “những thiên-thần là tùy tùng của Trời Brahmā” (Phạm chúng thiên) … những thiên thần có phúc quả lớn (quảng quả thiên)] đòi hỏi người tu (theo thứ tự) chứng đắc các (04) tầng thiền định sắc-giới (jhāna) từ Nhất Thiền … Tứ Thiền. Nhóm (c) là sự tái sinh trong các (05) cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên) của những bậc thánh Bất-lai [bắt đầu từ cõi của “những thiên-thần cõi trời bền- chắc” (vô đọa thiên) … cõi trời của “những thiên thần cõi trời tối cao” (vô song thiên, sắc cứu kính thiên)] đòi hỏi người tu chứng đắc thánh quả Bất-lai. Nhóm (d) là sự tái sinh trong các (04) cảnh vô-sắc giới đòi hỏi người tu (theo thứ tự) chứng đắc các (04) tầng chứng đắc vô-sắc giới tương ứng (tên cảnh giới tái sinh và tầng chứng đắc là giống nhau tương ứng).

- [Mục 43]: Và sự tiêu-diệt mọi ô-nhiễm (lậu-tận) đòi hỏi người tu phải tu tập hoàn thiện con đường Bát Thánh Đạo và chứng ngộ tới thánh quả A-la-hán.]

- (Các số PHÂN NHÓM những cõi trời (a), (b), (c), (d) và số thứ tự của chúng (i), (ii), (iii) … (viii) là do người dịch Việt đặt ra để người đọc hiểu nhanh chú thích này, và để sau

này có thể học nhớ những nhóm và những bậc cõi trời tương ứng những trình độ tu-tập.) (427)

Chú Thích • 455

127 [Về môn sinh bà-la-môn này, mời coi thêm kinh MN 99 (Quyển 2). Theo MA, cha của anh ta, bà-la-môn Todeyya, đã tái sinh thành một con chó ngay trong nhà anh ta bởi do bản tính cực kỳ keo kiệt của ông ta khi còn sống là người. Đức Phật đã nhận dạng con chó cho Subha bằng cách làm con chó tìm đào lên kho báu mà cha của anh ta đã chôn giấu nó trước khi ông chết. Điều này đã tạo nên niềm-tin của Subha vào Đức Phật, và điều đó đã khiến anh ta đến gặp và vấn hỏi Phật về sự vận hành của nghiệp và nghiệp quả.] (1223) 128 [Nếu nghiệp sát-sinh là nghiệp chính trực tiếp quyết định đường tái sinh thì nó sẽ tạo tái sinh vào cảnh giới đày đọa, thống khổ. Nhưng nếu người đó cũng có những nghiệp tốt, và nếu nghiệp tốt đủ mạnh để quyết định được tái sinh làm người—[chỉ có nghiệp đại thiện mới có thể giúp có được sự tái sinh làm người!]—thì lúc đó nghiệp sát-sinh sẽ vận hành theo cách phản nghịch với nghiệp tạo-ra tái-sinh bằng cách gây ra những nghịch-cảnh (những hiệu lực đối nghịch, tiêu cực, xấu) để cuối cùng dẫn tới sự chết-yểu.

- Nguyên lý này cũng tương tự áp dụng cho những trường hợp tiếp theo, trong đó những nghiệp bất thiện sẽ đi đến chín-muồi trong một kiếp người: trong mỗi trường hợp đó nghiệp bất thiện sẽ đối nghịch với nghiệp thiện chịu trách nhiệm cho sự tái-sinh làm người bằng cách gây ra một loại nạn (sự bất hạnh, họa, vận rủi, tai ương, tai nạn) tương ứng với tính chất đặc thù riêng biệt của nghiệp bất thiện đó người đó đã gây ra trước đó.] (1224) 129 [Trong trường hợp này nghiệp thiện do kiêng cữ sát-sinh có thể trực tiếp chịu trách nhiệm tạo ra sự tái sinh trong cõi trời hoặc sự sống-thọ trong cõi người.

- Nguyên lý này cũng áp dụng cho tất cả những đoạn nói về sự chín-muồi thành quả của những nghiệp thiện.] (1225) 130 [Nguyên văn câu này: Yāvatā bhikkhave dhammā saṅkhatā vā asaṅkhatā vā. Trong các kinh bộ Nikāya, trạng thái (pháp, dhama) duy nhất được gọi là không còn điều-kiện (vô vi) là Niết-bàn. Còn tất cả những trạng thái và hiện tượng (những pháp) khác đều là có điều-kiện (hữu vi). Như vậy những pháp hữu-vi tốt nhất là Bát Thánh Đạo vì chúng dẫn tới trạng thái vô-vi là mục tiêu của chúng.] (691) 131 [Nguyên văn là: Aggassa dātā. Luận giảng It-a II 111,5–7, giải thích chữ aggassa, loại từ vừa chỉ-danh vừa thuộc-cách, có thể được hiểu là chỉ người-

456 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

nhận những thứ cúng dường hoặc chỉ vật-phẩm được cúng dường: “Một người cúng dường cho chỗ bậc nhất: là = một người cúng dường cho Tam Bảo, vốn là chỗ bậc nhất hoặc = người tạo công-đức bằng cách thực hiện một món quà cao quý thuộc loại bậc nhất” (aggassa ratanattayassa dātā, atha vā aggassa deyya hammassa dānaṃ uḷāraṃ katvā tattha puññaṃ pavattetā).] (692) 132 [Nguyên văn cụm chữ: dānavatthūni. Mp giải nghĩa là: dānakāraṇāni: những nguyên nhân hay lý do của việc bố-thí.] (1700) 133 [Tôi đọc theo Be và Ee là bhayā dānaṃ deti; Ce ghi garahā dānaṃ deti: “người bố thí

một món quà do/từ sự chê trách", có lẽ với hàm nghĩa là "do sợ bị chê trách.] (1701) 134 [Trong kinh 1:263 nữ đệ tử này được Phật khen là đệ nhất trong những người cúng dường những vật phẩm tốt nhất cho người nhận.] (741) 135 [Nguyên gốc chỗ này ghi là tassa taṃ cittaṃ, nhưng dịch chữ "khát nguyện" sẽ tốt nghĩa hơn dịch là chữ "tâm" đối với chữ gốc cittaṃ.] (1703) 136 [Tôi đọc theo Ee là hīne 'dhimuttaṃ (= hīne adhimuttaṃ), cũng được ghi như vậy trong phiên bản Xiêm-la (Siam, Thái Lan cổ). Ce và Be ghi là hīne vimuttaṃ, đây chắc hẳn là lấy từ cách ghi trong luận giảng Mp. Luận giảng Mp- ṭ thì giải nghĩa là: "Được buông bỏ giải thoát theo nghĩa là đã được định đoạt theo, nghĩa là đã "hướng về, đổ về, nghiêng về, ngã theo" (vimuttan ti adhimuttaṃ, ninnaṃ poṇaṃ pabbhāranti attho). Mp: "Điều thấp hèn tiểu nhược (hīna) là chỉ năm đối-tượng khoái-lạc giác quan (mà người đó khát nguyện sẽ thụ hưởng trong kiếp tái sinh)."] (1704) 137 [Đoạn (8) này được thêm vào câu "dành cho những người không còn tham- dục, không dành cho những người có tham-dục" (vītarāgassa, no sarāgassa). Câu này được thêm vào là do sự tái-sinh trong cõi trời Brahmā (phạm thiên giới) đòi hỏi nhiều thành-tựu hơn chỉ là sự tu-tập tâm bố-thí. Nó cũng cần phải được phụ trợ thêm bởi sự chứng đắc những tầng thiền định của người tu, những tầng thiền định chính là trạng thái khởi sinh nhờ sự phai biến của dục-vọng khoái-lạc giác quan (dục ái).] (1705)

138 Về ngày lễ Bố-tát và việc giữ tám giới (tám cửa, bát quan) trong ngày lễ Bố- tát, mời đọc lại chỗ hai trang cuối của phần Giới Thiệu Về Chương V (tức chương này). 139 [Loại trí-biết (minh) này thuộc loại thứ ba trong số những năng-lực của Như Lai, đó là biết rõ những cách thức đường lối dẫn tới tất cả mọi nơi-đến (nơi tái sinh). Coi thêm kinh MN 12, mục 12.] (914) 140 [MA chú giải: "nghiệp hạn chế" (pamāṇakataṃ kammaṃ) là nghiệp còn thuộc cõi dục-giới (kāmāvacara). Nó ngược với loại "nghiệp không hạn chế", tức "nghiệp vô lượng", tức là sự chứng đắc các tầng thiền định sắc giới và vô sắc giới. Trong trường hợp này, người tu tu tập các tầng thiền định để được tái sinh vào những cảnh giới an trú cõi trời (phạm trú). Khi một tầng thiền định sắc giới hay tầng chứng đắc vô sắc giới được kiểm soát (được thiện thạo, thuần thục, làm chủ, nắm vững bởi người tu) thì một nghiệp thuộc cõi dục-giới không thể có/tìm cơ hội để tạo ra nghiệp quả. Thay vì vậy, nghiệp thuộc cõi sắc-giới hoặc cõi vô-sắc-giới sẽ lấn át nghiệp dục-giới để tạo ra nghiệp quả của chúng. Một sự an trú cõi trời (tức phạm trú, tức cảnh giới của một trong bốn tâm vô lượng: từ, bi, hỷ, xả) đã được kiểm soát như vậy sẽ dẫn tới sự tái sinh vào cõi trời Brahma.] (915) 141 [Một "người có được chánh-kiến" (diṭṭhisampanna puggala) là đồng nghĩa bậc Nhập-lưu. Bậc Nhập-lưu và những bậc thánh cao hơn sẽ được nói đến trong CHUONG X bên dưới.] 142 [Một vị Phật Duyên Giác hay Độc Giác (paccekabuddha) là người chứng đắc sự giác-ngộ không cần sự chỉ dẫn của một Sư Thầy, về mặt này cũng giống như Phật Toàn Giác. Nhưng Phật Duyên Giác thì không khả năng chỉ dạy giáo hóa cho người khác đi đến giác-ngộ, về mặt này khác với Phật Toàn Giác. Theo truyền thống các luận giảng, những vị Phật Duyên Giác không khởi sinh trong thời gian có giáo pháp của một vị Phật Toàn Giác trong thế gian; họ chỉ khởi sinh trong những thời xen giữa những thời của các vị Phật Toàn Giác.] 143 [Mp luận giải: "Nhận-thức về vô-thường là một sự minh-sát mạnh mẽ đã đạt tới đỉnh cao và đó là

điều-kiện kế trước (duyên kế cận) để đạt tới thánh đạo" (aniccasaññan ti maggassa anantarapaccayabhāvena sikhāpatta- balavavipassanaṃ).] (1883)

Chương VI LÀM SÂU SẮC TẦM NHÌN VÀO THẾ GIỚI 144 [Ālaya: tạm dịch là sự dính-mắc, sự ràng-buộc. Mp đã chú giải chữ này theo nghĩa hẹp là chỉ năm đối-tượng khoái lạc giác quan (năm thứ dục-lạc), hoặc theo nghĩa rộng là chỉ toàn bộ vòng luân-hồi (saṃsāra).] (821) 145 [Anālaye dhamme: Giáo Pháp về sự không dính-mắc. Mp chú giải: đó chính là "Giáo Pháp thánh thiện đối ngược với sự dính-mắc, dựa trên sự chấm-dứt vòng luân-hồi."] (822) 146 [Anupasama: sự phấn khích, sự khích động, tức sự bất an. Nghĩa gốc chữ này là "thiếu bình-an, bất-an".] (823) 147 [Trong Bộ Kinh Liên Kết (SN) thì mẫu lời kinh '03-sự' này và mẫu đoạn kinh tiếp theo cũng được dùng y hệt để nói về bốn yếu-tố lớn (tứ đại) [SN 14:31–33], nói về các uẩn (năm uẩn) [SN 22:26–28], và nói về sáu cơ-sở cảm-nhận (sáu xứ) [SN 35:13–18].] (567) 148 [Theo luận giảng MA [và Ps]: "Sự hoàn-toàn hiểu" (pariññā) ở đây có nghĩa là sự vượt-qua (samatikkama) hay sự dẹp-bỏ (pahāna). Những du sĩ giáo phái khác (ngoại đạo) coi sự hoàn-toàn hiểu những khoái-lạc giác-quan (dục lạc) là đồng nghĩa với sự chứng đắc tầng thiền định thứ nhất (hoàn toàn tách-ly khỏi dục-lạc); sự hoàn-toàn hiểu về thể-sắc (sắc giới) là đồng nghĩa với sự chứng đắc những tầng thiền định vô-sắc [đạt tới những cảnh vô-sắc giới], và sự hoàn-toàn hiểu những cảm-giác đồng nghĩa cảnh giới không còn nhận-thức [phi tưởng; là một cảnh giới trong đó sự nhận-thức tạm thời bị khống chế, không còn có mặt]. Nhưng đối với Đức Phật thì khác: sự hoàn-toàn hiểu những khoái-lạc giác-quan (dẹp bỏ tham-dục) là giai đoạn thánh đạo hướng tới thánh quả Bất-lai (phá bỏ gông cùm tham-dục), và sự hoàn-toàn hiểu thể-sắc và cả sự hoàn-toàn hiểu những cảm-giác là chặng thánh đạo hướng tới thánh quả A-la-hán.] (200) 149 [Trong kinh gốc, chỗ này là một đoạn dài mô tả về những nhục hình đau đớn và khủng khiếp nhất trong những thời phong kiến cổ đại. Tiếp theo liệt kê những hình phạt có những tên lạ khác nhau …]. (Bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu ghi tiếp như vầy: "họ dùng hình phạt bối đồi hình (xẻo đỉnh đầu thành hình con sò), họ dùng hình phạt la hầu khẩu hình... Hỏa man hình (lấy lửa đốt

thành vòng hoa)... chúc thủ hình (đốt tay)... khu hành hình (lấy rơm bện lại rồi siết chặt)... bì y hình (lấy vỏ cây làm áo)... linh dương hình (hình phạt con dê núi)... câu nhục hình (lấy câu móc vào thịt)... tiền hình (cắt thịt thành hình đồng tiền)... khối trấp hình... chuyển hình... cao đạp đài... họ tưới bằng dầu sôi, họ cho chó ăn, họ đóng cọc những người sống, họ lấy gươm chặt đầu. Ở đây họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong.") (201) 150 [Lưu ý chỗ này: những sự nguy-hại trong những khoái-lạc giác-quan (dục lạc) vừa được kể ra ở trên được gọi là "một đống khổ ngay trong kiếp sống này" (sanditṭhiko dukkhakkhandho); còn mục 15. này thì sự khổ này được gọi là "một đống khổ trong kiếp sau" (samparāyiko dukkhakkhandho), tức do sống thiếu đức-hạnh trong ba nghiệp (hành-động, lời-nói, tâm) nên nghiệp xấu sẽ báo ứng thành quả xấu đến tận kiếp sau.] (202) 151 [MA nói rằng Niết-bàn là sự loại-bỏ và sự dẹp-bỏ

tham-muốn và nhục-dục đối với khoái-lạc giác-quan. Chỗ này cũng bao gồm thánh đạo Bất-lai là chặng thánh đạo để hoàn thành sự dẹp-bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với khoái-lạc giác-quan (chặng thánh đạo diệt tham-dục).] (203) 152 [Để phơi bày sự nguy-hại trong những cảm-giác, Phật đã chọn loại 'khoái- lạc thế tục' tinh lọc nhất và cao siêu nhất, đó là niềm hạnh-phúc và bình-an của những tầng thiền định (jhāna), và chỉ ra rằng ngay cả những trạng thái siêu an lạc đó cũng đều là vô-thường, tạm thời, do vậy là bất toại nguyện.] (204) 153 [Nguyên văn: Vohārasamuccheda. Vohāra có nghĩa gộp bao gồm: những việc làm ăn buôn bán, ý định kế hoạch, lời nói và những tâm ý (trong đời sống). Luận giảng [Ps] nói tất cả 04 thứ này đều thích đáng để nói, vì khi đó ông ta nghĩ ông ta đã từ bỏ công việc làm ăn, kế hoạch dự định, lời nói cách nói, và những tâm ý thế tục của một người gia chủ.] 154 [Có mấy ví dụ về những sự nguy-hại trong những khoái-lạc giác quan (dục lạc) cũng được nói trong kinh MN 22, mặc dù trong kinh này không lặp lại những ví dụ đó.] (570) 155 [Theo MA: "sự buông-xả dựa trên sự phân-tán (của tâm)" là sự buông-xả [làm ngơ, thờ ơ, bàng quan] đối với năm dây khoái-lạc giác quan; còn "sự buông-xả dựa trên sự hợp-nhất (của tâm)" là chỉ sự buông-xả của tầng thiền định thứ tư (là sự buông-xả cao, tuyệt vời).] (571)

156 [Ông Māgandiya là một người theo triết lý khoái-lạc, cho rằng con người nên thả cửa năm giác-quan để thụ hưởng những đối-tượng của chúng. Ông ta chỉ trích Phật chủ trương tu tập sự kiềm chế và kiểm soát các giác-quan. Và lúc này Phật đang sắp sửa chứng minh cho ông ta về những khuyết-điểm và sự nguy-hại của việc thụ hưởng những khoái-lạc giác quan (dục lạc).] 157 [MA giải nghĩa chữ nippurisa, nghĩa gốc là "không đàn ông", có nghĩa họ toàn là nữ. Không chỉ những nhạc công mà mọi người làm trong cung điện, kể cả những người gác cổng đều là nữ. Vua cha lúc đó đã chu cấp cho thái tử 03 cung điện và hàng phục vụ toàn nữ để cố giữ thái tử trong đời sống tại gia và làm cho thái tử quên lãng những ý nghĩ xuất gia của thái tử.] (741) 158 [MA diễn dịch rằng: Câu này là đề cập tới sự chứng đắc thánh quả A-la-hán dựa trên cơ sở tầng thiền định thứ tư. (Luận giảng Ps của Ngài Phật Âm cũng chú giải câu này tương tự: "Câu này là chỉ sự chứng định thánh quả A-la-hán (arahatta-phala-samāpatti) dựa trên sự định-tâm tinh khiết của tầng thiền định thứ tư.)] (742) 159 [Chữ "viparıtasaññā" trong kinh ở đây hàm nghĩa chỉ "sự nhận-thức sai lệch" (sannāvipallāsa), nhận thức thứ thực sự khổ là sướng … MṬ nói rằng những khoái-lạc giác quan (dục lạc) là đau khổ vì chúng làm khởi sinh những ô- nhiễm (lậu hoặc) đầy đau khổ và bởi vì chúng tạo ra những quả khổ đau sau đó và trong tương lai. Nữ tiến sĩ Horner đã nhầm khi dịch câu cuối là "[họ có thể] nhận một sự thay đổi về cảm-nhận và nghĩ nó là sướng" [MLS 2:187]. (743) 160 [Lời kinh gốc dùng chữ ratti (đêm) như cách tính khoảng thời gian 24 giờ, là cách tính phổ biến trong văn chương Phật giáo.] (1601) 161 [MA: Khi nói tới vị Tỳ kheo trưởng lão này, nhà vua đã nói lời đề cao trước quân đội và hậu cung của ông như vầy: "Người trẻ tuổi đó đã làm xong điều khó làm—sau khi dẹp bỏ tài sản của cải lớn lao, người đó đã xuất gia không bao giờ quay lại hay thay đổi."] (801) 162 [Nguyên văn: Upanīyati loko addhuvo. MA giải nghĩa là: Nó bị cuốn đi theo hướng già-chết.] (802) 163 [Nguyên văn: Attāṇo loko anabhissaro. MA giải nghĩa là: Không ai có thể cung

cấp cho thế gian nào một nơi trú-ẩn hay có thể an ủi thế gian bằng một chỗ

nương-tựa nào cả. Dĩ nhiên ý câu này muốn nói là không có chỗ nương-tựa nào từ thế gian, ngoài chỗ nương-tựa là Giáo Pháp (mà Đức Phật đã nói trước khi từ giã trần gian).] (803) 164 [Nguyên văn câu này: Ūno loko atitto taṇhādāso.] (805) 165 [Mp nói: "Đây là cách nói để chỉ 62 loại tà-kiến". Mặc dù Mp nói vậy nhưng chữ micchā-diṭṭhi được dùng trong các bộ kinh Nikāya dường như chỉ để chỉ 03 loại tà-kiến là: thuyết không hiện-hữu (hư vô), thuyết không-làm-gì (vô tác), và thuyết phi-nhân-duyên (natthikavāda, akiriyavāda, ahetukavāda) mà thôi. Về 62 loại tà-kiến, quý vị đọc thêm các kinh dài DN 1, mục 1.29 và DN 3, mục 31] (165) 166 Còn theo TKBĐ thì những cách-nhìn sai lạc, quan-điểm sai lầm, hay tà kiến (micchā diṭṭhi) ở đây là muốn chỉ những quan-điểm từ chối và không coi trọng những nền tảng đức hạnh, đặc biệt là những quan điểm không công nhận nguyên lý nhân-quả, và không tin vào kết quả của sự nỗ-lực tu tập. 167 [Trong kinh này, tâm-từ là tương ứng với tầng thiền định thứ nhất, tâm-bi với tầng thiền định thứ hai, tâm-(tùy) hỷ với tầng thiền định thứ ba, và tâm-xả với tầng thiền định thứ tư. Tuy nhiên, theo hệ thống Phật giáo Trưởng Lão Bộ (Theravāda) thì cả 03 tâm từ, bi, hỷ vô lượng đầu tiên đều có thể dẫn tới tất cả 03 tầng thiền định đầu, chỉ trừ tầng thiền định thứ tư; và chỉ có tâm-xả vô lượng mới có thể dẫn tới tầng thiền định thứ tư. Coi thêm Vism 322,5–12, Ppn 9.111.] (817) 168 [Nhóm Tỳ kheo này đến trong dịp lễ dâng y (kaṭhina) cuối kỳ An Cư mùa Mưa (Vassa); coi thêm trong luật tạng Vin Ī 253–54. "Sống tu trong rừng, người ăn thức ăn khất thực, người mặc y-phục làm từ giẻ rách, người chỉ có ba bộ y" là 4 giới tu thuộc 13 giới khổ hạnh hay hạnh đầu-đà (dhutaṅga). Spk: "nhưng tất cả họ đều còn những gông-cùm trói buộc" (sabbe sasaṃyojanā) nghĩa là: một số họ là bậc Nhập-lưu, một số là Nhất-lai, một số là Bất-lai; không có ai còn là người phàm, nhưng cũng chưa ai là A-la-hán.] (262)

Chương VII CON ĐƯỜNG DẪN TỚI SỰ GIÁI-THOÁT

169 [Vị Tỳ kheo này đã nói sẽ bỏ tu nếu Phật không giải thích thỏa đáng cho những vấn-đề thắc mắc siêu hình của mình. Nhưng kinh điển có ghi lại, sau này, khi tuổi đã già, vị ấy đã được Phật thuyết giảng một bài kinh ngắn về sáu cơ-sở cảm-nhận (sáu xứ), rồi vị ấy tu tập một thời gian và chứng ngộ A-la-hán. Những ai quan tâm về hậu vận của vị Tỳ kheo này khi đọc chú giải này sẽ thấy vui lòng. Coi thêm kinh SN 35:95 (Quyển 4). Thi kệ của thầy ấy là Thag 399–404 và 794–817.] (648) 170 [Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) là người anh em họ của Đức Phật (và cũng là anh vợ của Phật trước khi Phật xuất gia), nhưng vị ấy có tham vọng, đã cố ám sát Đức Phật để lên kiểm soát Tăng Đoàn. Sau mấy lần cố giết Phật không thành, vị ấy đã ly khai và lập giáo đoàn riêng của mình để lãnh đạo. Mời đọc câu chuyện nổi tiếng này trong quyển "Cuộc Đời Của Đức Phật" của tác giả dịch giả nhà sư Ñāṇamoli, trang 266–269.] (346) 171 [MA chú giải: "trí-biết và tầm-nhìn" (ñāṇadassana) ở đây là chỉ "con mắt thiên thánh" (thiên nhãn), đây là một năng-lực nhìn thấy những hình-sắc vi tế vốn không thể nhìn thấy được

bằng mắt thường.] (?) (347) 172 [Cách dịch chỗ này (của thầy TKBĐ) là làm theo BBS và SBJ đọc là asamayavimokkhaṁ trong câu trước và asamayavimuttiyā trong câu này. Phiên bản PTS, dựa vào đó tiến sĩ Horner và nhà sư Ñm đã dựa vào đó để dịch chỗ này, rõ ràng là đã nhầm khi đọc chữ samaya thành 02 âm kép, và đã đọc là ṭhānaṁ thay vì đúng là aṭṭhānaṁ. MA trích dẫn từ bộ Paṭisambhidāmagga (Phân Tích Đạo), [ii.40] một định nghĩa của chữ asamayavimokkha [nghĩa gốc là sự giải-thoát không tạm-thời, tức sự giải-thoát vĩnh viễn] chính là 04 thánh đạo, 04 thánh quả, và Niết-bàn, còn định nghĩa chữ samayavimokkha [nghĩa gốc là sự giải-thoát tạm-thời] chính là 04 tầng thiền định sắc-giới và 04 tầng chứng đắc vô-sắc giới. Mời quý vị đọc thêm kinh MN 122, mục 4.] (348) 173 [Theo MA: "Sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm" (akuppā cetovimutti) ở đây là đồng nghĩa với thánh quả A-la-hán. Như vậy, chữ "Sự giải-thoát vĩnh viễn"—gồm có 04 chặng thánh đạo và 04 thánh quả—là có phạm vi nghĩa rộng hơn so với chữ "Sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm". Chữ sau chỉ được dùng để chỉ thẳng cái mục-tiêu cuối cùng của đời sống tu hành.] (349)

174 ['Hành trình': quá trình, đường đi, dòng trôi: chỉ quá trình luân-hồi sinh tử [saṃsāra]. Spk: khi một người chứng Niết-bàn thì đã hoàn-toàn hiểu hành-trình của đường luân-hồi sinh tử mình đã trải qua.] (31) 175 [Những định nghĩa về các phần của Bát Thánh Đạo cũng được ghi trong các kinh DN II 311–13, và kinh MN 141 đã phân tích chi tiết 8 phần thánh đạo theo định nghĩa công thức của Kinh Tạng, và kinh MN 117 thì giảng giải Bát Thánh Đạo từ một góc độ khác dưới tiêu đề là "sự Chánh-Định thánh thiện với những sự trợ-giúp và những điều-kiện thiết yếu của nó". Trong Vi Diệu Pháp Tạng (Abhidhamma Piṭaka) thì chúng được ghép giảng theo cách diễn dịch chính thức của bài kinh Bhājaniya thuộc Kinh Tạng (Suttanta-bhājaniya) trong Vibh 235– 36 [nhưng đọc thêm chú thích 17 kế dưới]. Nhưng trong bản kinh Bhājaniya thuộc Vi Diệu Pháp Tạng (Abhidhamma-bhājaniya) thì các phần Bát Thánh Đạo được xem xét theo nghĩa hoàn toàn siêu-thế.] (16) 176 [Tất cả các phiên bản của bộ kinh SN đều ghi ở đây cụm chữ abrahmacariyā veramañı, nhưng trong các bộ kinh khác thì nó được ghi là kāmesu micchācārā veramañı (sự kiêng cữ tà-dâm tà dục; sự kiêng cữ tính dục bất chính) [ví dụ như trong bộ kinh DN, MN, trong Vibh 235,18–19]. Cách ghi đầu được thấy ghi trong phần giới-luật được tuân thủ bởi những Tỳ kheo và Tỳ kheo ni; cách ghi thứ hai được thấy ghi trong phần giới-luật được đảm nhận bởi những người tại gia. Spk không chú giải về chỗ này, nó chỉ gợi ý rằng cách ghi trong bộ kinh SN là sai do lỗi ghi chép, có thể đã bị ghi sai sau thời của những luận giảng; nếu không tin vậy thì Spk chắc chắn đã giải thích sự biến thể lời kinh chỗ này. Do vậy tôi cũng dịch dựa theo giả định rằng cách ghi đúng là cách ghi thứ hai của các bộ kinh khác: kāmesu micchācārā veramañı.] (17) 177 [Toàn bộ kinh này đã được Phật trích dẫn trong kinh SN 3:18 (Quyển 1), trong cuộc đàm đạo với Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc). Spk đã chú giải về lời kinh trong kinh đó và do vậy họ bỏ qua sự chú giải trong kinh này. Bên dưới tôi đã rút ra một số trích đoạn của các chú giải ở kinh đó của Spk. Trong phiên bản Be và Ee, tên của thị trấn này ghi là Sakkara.] (4) 178 [Nguyên văn 03 cụm chữ này: Kalyāñamittatā kalyāñasahāyatā kalyāñasampavaṅkatā. Cả 3 đều là đồng nghĩa nhau. Spk chú giải

rằng: Khi thầy Ānanda đang ở nơi tách-ly (trú ẩn, ẩn dật), thầy ấy nghĩ: “Sự tu-tập này của một tu sĩ (sa-môn) sẽ thành công đối với người nhờ vào (i) những đạo-hữu tốt và

(ii) sự tự mình nỗ-lực, do vậy một nửa là dựa vào sự có đạo-hữu tốt và một nửa dựa vào sự tự mình nỗ-lực của người tu.” (Do nghĩ như vậy nên thầy đã đến gặp Phật để hỏi lại cho chắc).] (5) 179 [Tiến sĩ C.Rh.D đã dịch cụm chữ kalyāñamitto bhikkhu là “một Tỳ kheo là một đạo-hữu của sự chân chính” [KS 1:113]; học giả Woodward dịch là: “một tu sĩ có một người bạn thân mến” [KS 5:2]; học giả Ireland dịch là: “một Tỳ kheo là một người bạn của điều thiện” [SN-Anth 1:75]. Tất cả những cách dịch này đều dựa trên sự hiểu sai về hình thức ngữ pháp của lời kinh. Chữ kalyāñamitta là một từ thực-chất độc lập, nó có nghĩa là “một người bạn tốt”, tức là một người bạn tâm linh tốt, một đạo hữu tốt, là người cho những lời khuyên bảo, khuyên dạy, hướng dẫn, và khích lệ. Tuy nhiên, khi được dùng như một từ đồng-ghép cho từ bhikkhu, thì chữ kalyāñamitta trở thành một chữ kép là bahubbbıhi, và toàn bộ sự diễn đạt có nghĩa là “một Tỳ kheo là người có một bạn tốt”. Có thể trình bày lời kinh một cách chính quy như vầy: yassa bhikkhuno kalyāñamittaṃ hoti [không phải yo bhikkhu kalyāñassa mittaṃ hoti], so kalyāñamitto bhikkhu ti vuccati [theo sự biết về từ nguyên học của tôi].

- Về sự quan-trọng của sự “có đạo-hữu tốt”, mời coi thêm các kinh 45:49, 63, 77 bên dưới, và kinh AN 6:67 [= Ud 34–37 (?)].

- Spk diễn dịch như vầy: Với trẻ con, không thể nào nói rằng “Rất nhiều có được từ mẹ, rất nhiều có được từ cha”; sự thật tương tự trong trường hợp người tu. Không thể nói rằng: “Rất nhiều chánh-kiến, chánh tư-duy ... vân vân có được từ sự có đạo-hữu tốt, rất nhiều có được từ sự tự mình nỗ-lực.” Đức Thế Tôn đã nói với nghĩa rằng: “04 thánh đạo, 04 thánh quả ... vân vân đều bắt rễ từ sự có đạo-hữu tốt.” (?).] (6) 180 [Công thức (mẫu) “dựa trên/vào sự tách-ly” (vivekanissita) đã được gắn vào các chi của Bát Thánh Đạo trong Vibh 236. Spk giải thích sự tách-ly (viveka) dưới ánh sáng của các luận giảng về 05 sự tách-ly, đó là: (i) sự tách-ly trong hoàn cảnh riêng biệt (tadaṅga, một cách tạm thời, lâm thời, bằng sự đang tu tập thiền quán (minh sát)); (ii) sự tách-ly bằng cách khống-chế (vikkhambhana, một cách tạm thời, lâm thời, bằng sự đang chứng đắc tầng thiền định); (iii) sự tách-ly bằng sự thanh-tẩy (samuccheda, một cách thường hằng, vĩnh viễn, bằng thánh-đạo siêu thế); (iv) sự tách-ly bằng sự lắng-lặn (paṭippassaddhi, thường hằng, vĩnh viễn, trong thánh-quả); và (v) sự tách-ly

bằng cách thoát-khỏi (nissaraṇa, thường hằng, vĩnh viễn, trong Niết-bàn). Về 02 đoạn chú thích tiếp theo sau đây, tôi dịch từ luận giảng Spk.

- “Người đó tu tập chánh-kiến dựa trên sự tách-ly (vivekanissitaṃ): nghĩa là, (i) dựa trên sự tách-ly trong hoàn cảnh riêng biệt, (iii) dựa trên sự tách-ly bằng sự thanh-tẩy (xóa bỏ), (v) dựa trên sự tách-ly bằng sự thoát-khỏi (giải thoát, niết-bàn). Bởi vì (a) vào lúc minh-sát (thiền quán) người thiền này [người tận tâm tu tập con đường thánh đạo] tu tập chánh-kiến dựa trên sự tách-ly trong hoàn cảnh riêng biệt theo cách là như

chức-năng và dựa trên sự tách-ly như sự ngã-hướng [vì người đó ngã hướng về Niết-bàn]; (b) vào lúc thánh đạo, người đó tu tập chánh-kiến dựa trên sự tách-ly bằng sự thanh-tẩy như chức-năng và dựa trên sự tách-ly bằng sự thoát-khỏi như đối-tượng [vì thánh đạo lấy Niết- bàn làm đối-tượng]. Sự giải thích theo cách tương tự đối với những thuật ngữ 'dựa vào sự chán-bỏ' (virāganissita) và 'dựa vào sự chấm-dứt' (nirodhanissita).

- "Sự buông bỏ giải thoát (vossagga) là có 02 phần: sự giải-thoát như/là sự buông-bỏ (pariccāga) và sự giải-thoát như/là sự nhập-vào (pakkhandana). (i) 'Sự giải-thoát như sự buông-bỏ' là sự dẹp-bỏ (pahāna) những ô-nhiễm (lậu hoặc): trong hoàn cảnh riêng biệt (tadaṅgavasena) trong lúc đang thiền-quán (minh sát), bằng sự thanh-tẩy (samucchedavasena) trong lúc đang trong thánh đạo siêu thế. (ii) 'Sự giải-thoát như sự nhập-vào' là sự nhập vào Niết-bàn: bằng cách ngã-hướng về đó (tadninnabhāvena) trong lúc đang thiền-quán (minh sát), và làm cho nó thành đối-tượng (ārammaṇakaraṇena) vào thời-khắc của thánh đạo. Cả 02 phương pháp đều phù hợp trong sự giảng giải này, chúng kết hợp thế-tục (sự minh sát) và siêu-thế (thánh đạo). Thánh đạo là (dần, đang) chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát (vossaggapariṇāmi) bởi vì nó đang chín chắn tới [sự giải-thoát] hoặc đã chín chắn [trong sự giải-thoát], có nghĩa là nó đang chín muồi tới [sự giải-thoát] hoặc đã chín muồi [trong sự giải thoát]. Tỳ kheo đã tham gia vào sự tu tập (thánh) đạo là 'đang làm chín muồi' (thánh) đạo tất cả vì mục-tiêu là buông-bỏ (từ bỏ, dẹp bỏ) những ô-nhiễm và chứng nhập vào Niết-bàn, và người đó tu tập nó cho nên nó 'đã chín muồi' như vậy."

- Khi tôi [TKBĐ] dịch chữ vossagga là "sự buông bỏ giải thoát" (người dịch Việt dịch thoát hàm nghĩa của nó là "sự buông bỏ giải thoát") thì nghĩa này nên được hiểu là 'hành-động buông bỏ giải thoát' hay 'trạng thái đã buông bỏ giải thoát' chứ không phải theo nghĩa là 'sự trải-nghiệm của sự được giải thoát'.

Chữ vossagga và chữ paṭinissagga có liên hệ mật thiết với nhau, cả về mặt từ nguyên học và về mặt chữ nghĩa, nhưng khi chúng được dùng trong Kinh Tạng các Nikāya thì có một 'sự khác nhau rất vi tế' đã tách riêng 02 chữ theo 02 cách dùng. (i) Chữ paṭinissagga, ở đây được dịch là "sự từ-bỏ", chủ yếu thuộc giai đoạn minh-sát (thiền quán) và do vậy nên được hiểu như sự chủ động loại-bỏ những ô-nhiễm thông qua sự minh-sát nhìn thấu bản chất vô-thường trong tất cả mọi thứ có điều-kiện (pháp hữu vi). (ii) Chữ vossagga, là cái sự trong đó thánh đạo chín muồi, có lẽ biểu thị cho trạng thái cuối cùng trong đó tất cả sự ràng- buộc dính-mắc đều đã được buông bỏ hoàn toàn sạch sẽ, và do vậy nó đến gần hơn về nghĩa với Niết-bàn là mục-tiêu của (thánh đạo).

- Paṭinissagga xảy ra như một sự quán-sát riêng biệt, là bước quán-sát cuối cùng trong 16 bước tu tập "sự chánh-niệm hơi-thở" [coi lại (4 đoạn X "4-điều") của kinh 54:01 ngay đầu Chương 54 bên dưới]. Mặc dù Spk giải nghĩa paṭinissagga giống như cách nó giải nghĩa chữ vossagga [coi thêm chú thích số 293 của kinh 54:01], nhưng bản thân trong các kinh thì 02 chữ đã được dùng với 02 sắc thái nghĩa khác nhau (một cách vi tế).] (7)

181 [Theo biên niên sử Tích Lan, đây là bài kinh đầu tiên được thuyết giảng bởi Trưởng Lão Mahinda sau khi ngài đến Tích Lan. (A-la-hán Mahinda (Ma-hi-đà) là thái tử, cùng với em ruột mình là công chúa Sanghamitta (Tăng-già-mật-đa), đã được vua cha của mình là hoàng đế Phật tử Asoka (A-dục vương) cho xuất gia và được phái cử qua Tích Lan trong sứ mạng truyền bá Phật giáo. Nhờ những Tỳ kheo giống như họ mà Phật giáo nguyên thủy [tức Trưởng Lão Bộ] đã được gìn giữ ở Tích Lan mà không bị tiêu hủy ở Ấn Độ bởi quân hồi giáo Thổ Nhĩ Kỳ xâm lược và tàn sát Ấn Độ sau đó.)] (319) 182 [Vacchāyana là tên họ tộc của du sĩ Pilotika đó.] (320) 183 [Ñm đã dịch chữ ekabhattika là "ăn chỉ trong một buổi của ngày" theo ý của luận giảng. Theo Luật Tạng, thời gian phù hợp để các Tỳ kheo ăn từ lúc rạng sáng cho đến giữa trưa. Từ giữa trưa (giờ ngọ) tới rạng sáng ngày hôm sau chỉ được uống nước và những chất lỏng.] (321) 184 [Phần công thức (phòng hộ các căn) này đã được phân tích trong Vsm I, 53– 59. Tóm tắt là: những dấu-hiệu hay những nét chung (nimitta) là những phẩm- chất đặc thù nhất của đối-tượng, mà nếu nắm giữ chúng một cách không chánh- niệm thì có thể làm phát sinh những ý-nghĩ ô nhiễm; những đường-nét hay

những nét riêng (anubyanjana) là những chi-tiết tiếp theo có thể thu hút sự chú- ý nếu sự tiếp-xúc thuộc về nhận-thức đã không được theo dõi bởi sự kiềm-chế.

- "Những trạng thái thèm-muốn (tham) và buồn-bực (ưu) là chỉ những phản ứng của tham và sân, sự thích và sự ghét, sự muốn và sự chê đối với những đối- tượng của giác-quan.] (322) 185 [Sự thèm-muốn (abhijjhā) là đồng nghĩa với tham-dục giác quan, tức nhục dục (kāmacchanda): đây là chướng ngại thứ nhất trong năm chướng-ngại cản trở người tu tu tập. Chỗ này chỉ sự tu tập để vượt qua chướng-ngại "tham-dục" đó.] (323) 186 [TKBĐ: Người đệ tử thánh thiện không vội đi đến kết luận như vậy về Phật, Pháp, Tăng bởi vì trạng thái các tầng thiền định sắc-giới (jhāna), cũng như các tầng chứng đắc vô-sắc giới cao hơn sau đó, không phải là giáo lý 'độc quyền' hay giáo lý 'riêng' [cũng không phải là toàn bộ con-đường đạo] của Phật giáo; (bởi vì những người giáo phái khác trước Phật cũng có thể tu tập thiền định và chứng đắc những tầng thiền định đó).

- MA giải thích: Người đó không đi đến kết luận về Tam Bảo bởi vì những tầng thiền định (jhāna) và những trí-biết trực tiếp [còn thế tục] thì những người ngoài đạo Phật cũng có thể nắm giữ hay có được.] (324) 187 [Theo MA: chỗ này chỉ lúc người tu đang còn ở trong dòng thánh đạo siêu thế. Bởi vì cho tới lúc này vị đệ tử thánh thiện vẫn chưa hoàn thành rốt ráo con- đường tu hành, cho nên người đó vẫn chưa (tự mình thấy biết để) đi đến một kết luận (na tveva niṭṭhaṃ gato hoti) về Phật, Pháp, và Tăng [Tam Bảo]; hơn nữa, lúc này người đó vẫn đang trên tiến-trình đi đến một kết luận (niṭṭhaṃ gacchati). Cụm từ "đi đến kết luận" chỗ này trong bài kinh là một cách chơi chữ tình cờ khả thi trong cả tiếng Pāli và tiếng Anh (và cũng khả thi trong tiếng Việt)—tức nó cũng đồng nghĩa "đi đến kết thúc", "đi đến chung cuộc", tức đi đến đạo quả cuối cùng; và tới lúc đó người tu mới thực sự đi đến kết luận cuối cùng như vậy về Phật, Pháp, Tăng.] (325) 188 [MA: Chỗ này chỉ thời lúc vị một đệ tử thánh thiện đó đã chứng ngộ thánh

quả A-la-hán, và sau khi đã hoàn-thành tất cả những trách-phận tu tập của mỗi ngày, cuối cùng người đó cũng đi đến kết-luận về Tam Bảo như vậy, (và đó

468 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

cũng là sự đi đến chung-cuộc, chung-kết, mục-tiêu cuối cùng của sự tu hành).] (326) 189 [MA đã lặp lại chi tiết mỗi ví dụ này trong luận giảng của mình. Có một bản dịch tiếng Anh kinh này có thể được tìm thấy trong quyển "Năm Chướng Ngại của Tâm", trang 27–34, của nhà sư trưởng lão Nyanaponika Thera.] (418)

Chương VIII LÀM CHỦ CÁI TÂM 190 [Vijjābhāgiyā: những thứ thuộc trí-biết đích thực (minh). Cụm chữ thuật ngữ này cũng được tuyên thuyết trong kinh 1:575.] (249) 191 [Để đọc hiểu thêm mối liên-hệ giữa sự vắng-lặng (thiền định; samatha) và sự minh-sát (thiền quán; vipassanā), mời coi thêm các kinh 4:92–94 và 4:170.] (250) 192 [Mp chú giải rằng: "Cái tâm đang được tu tập là "cái tâm của đạo" (maggacitta, đạo tâm) và trí-tuệ đang được tu tập là "trí-tuệ của đạo" (maggapaññā, đạo tuệ)." Tuy nhiên theo tôi thì dường như lời kinh chỉ đơn giản nói chung về "tâm" và "trí-tuệ", chứ không chỉ riêng về cái tâm và trí-tuệ thuộc những chặng (chứng đắc) thánh đạo. Sự tu-tập tâm thông qua thiền vắng-lặng (samatha, thiền định) và tu tập trí-tuệ thông qua sự minh-sát (vipassanā, thiền quán) sẽ dẫn tới đỉnh-cao là "sự giải-thoát của tâm sạch-nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ" (anāsavā cetovimutti paññāvimutti), đó là mục-tiêu rốt ráo của Phật Pháp. Ở đây, samatha (sự vắng-lặng, thiền định) là điều-kiện (duyên) dẫn tới 'sự giải-thoát của tâm' (cái tâm sạch nhiễm) và vipassanā (sự minh-sát, thiền quán) là điều-kiện (duyên) dẫn tới 'sự giải-thoát nhờ trí-tuệ'.] (251) 193 [Mp giải thích đây chính là con-đường vượt trên thế gian (đạo siêu thế), nhưng Mp-ṭ thì nói rằng: "Đây được nói với sự tham chiếu tới thánh đạo Nhập- lưu (sotāpattimagga), nhưng nghĩa của đoạn này có thể được hiểu một cách đơn giản theo cách là phần đạo thế tục [thuộc bước chuẩn bị]" (lokiyamaggavasen'eva).].] (858)

Chú Thích • 469

194 [Mp và Mp-ṭ đều nói rằng bởi do không có sự tu tập và tu dưỡng [con- đường] đạo siêu thế [nó chỉ kéo dài trong một khoảng-khắc (sát-na) tâm] nên người đó tu tập và tu dưỡng phần đạo thế tục [thuộc bước chuẩn bị] (pubbabhāgiyo lokiyamaggo) cho mục đích chứng đắc những phần đạo siêu thế cao hơn. Rồi những gông-cùm được dẹp bỏ và những khuynh-hướng tiềm-ẩn được bứng bỏ lần lượt bằng những chặng thánh đạo (maggappaṭipāṭiya pahīyanti byantī honti).] (859) 195 [Mp: "Đây là một người một cách tự nhiên đạt được sự minh-sát (tuệ). Dựa trên sự minh-sát, người đó tạo ra sự định-tâm (định)."] (860) 196 [Nguyên văn cụm chữ này: Yuganaddhaṃ bhāveti. Mp nói rằng mỗi lần người tu chứng định (samāpatti), người đó khám phá nó theo cách của hiện- tượng hữu vi [có điều-kiện] của nó. Và sau khi khám phá hiện-tượng hữu vi của nó, người đó chứng nhập trong tầng chứng định kế tiếp. Như vậy là: sau khi (1) chứng đắc tầng thiền định thứ nhất, người đó thoát ra và khám phá hiện-tượng hữu vi của nó là 'vô-thường, khổ, vô-ngã'. Sau đó (2) chứng nhập tầng thiền định thứ hai, và thoát ra, và khám phá hiện-tượng hữu vi của nó … (và tiếp tục như vậy) … (8) chứng nhập phi tưởng phi phi

tưởng xứ. Tuy nhiên, vì chữ yuganaddha có nghĩa gốc là "được gông với nhau, trói với nhau" cho nên có một số người đã dịch thuật ngữ này theo nghĩa rằng: trong cách tu này thì sự vắng-lặng (định) và sự minh-sát (tuệ) xảy ra đồng lúc với nhau. Hệ thống các luận giảng không công nhận có khả năng này, nhưng một số kinh có lời kinh gợi ý và được hiểu như thể rằng sự minh-sát (tuệ, quán) có thể xảy ra bên trong tầng thiền định (jhāna) và không đòi hỏi người thiền phải thoát-ra trước bắt đầu khi thiền quán. Đặc biệt coi kinh AN 9:36; cũng coi thêm kinh MN 52, mục 4–14, MN 64, mục 9–15.] (861) 197 [Chỗ này các phiên bản kinh ghi khác nhau. Ee ghi là dhammuddhacca-viggahītamanā; đuôi chữ -manā nghĩa là ngờ vực, hoài nghi. Be ghi là - viggahītaṃ mānasaṃ. Ce ghi là -viggahītaṃ mānaṃ. Chữ manā và mānasaṃ đều có thể được dịch là "tâm", nhưng chữ mānaṃ thì thường có nghĩa là "sự tự- ta" (ngã mạn). Bản dịch tiếng Sinhala (Tích Lan cổ) hình như cũng ủng hộ nghĩa này, vì nó không dịch mānaṃ là "tâm" mà nó diễn dịch mānaṃ là adhimānaya (Pāli: adhimāna) có nghĩa là "sự đánh giá quá cao bản thân, sự tự cao, tự đắc" như để nói về cái "sự tự-ta" (ngã mạn)—là ngược lại với cái "tâm"—đang "bị nắm giữ bởi sự bất-an" thì không hữu lý hữu nghĩa cho lắm.

Mp giải nghĩa thuật ngữ này mà không xác định chủ-thể là gì: "Bị nắm giữ, bị nắm giữ hoàn toàn, bởi sự bất-an, đó là nằm trong 10 sự sa-sút của sự minh-sát (dasa vipassan'upakkilesā; coi thêm Vism 633–38, Ppn 20.105–28 nói về các pháp (dhamma) là sự vắng-lặng (định) và sự minh-sát (tuệ)." Bản thân lời kinh ở đây thì không có chữ nào nói về thứ gì dính tới những sự sa-sút của sự minh- sát. Tôi thì hiểu người được mô tả ở đây là một người tu có suy xét (quán chiếu) một cách sâu sắc về Giáo Pháp, có được một cảm-nhận về sự cấp-bách, và rồi cuối cùng đã ổn định và đạt được sự minh-sát (tuệ) sau khi đã gặp được những điều-kiện hỗ trợ (trợ duyên). Trong câu kế tiếp của lời kinh, chữ được dịch là "tâm" là chữ cittaṃ.] (862) 198 [Mp diễn dịch là: "Những hiện-tượng có điều-kiện (pháp hữu vi) nên được nhìn thấy là vô thường, nên được phám phá là vô thường, và nên được nhận biết bằng sự minh-sát là vô thường; và tương tự là khổ và vô ngã."] (788) 199 [Mp giải nghĩa là: "Tâm nên được (làm cho) ổn định, được bình tĩnh, và được đạt định theo cách của tầng thiền định thứ nhất; và tương tự ... theo cách của tầng thiền định thứ hai ... ba ... tư.] (789) 200 [Lời bài kinh này cũng giống kinh AN 5:193, chỉ khác là trong AN thì không có đoạn cuối nói về bảy chi giác-ngộ. Coi thêm Ja No. 185 (II 99–101).] (112) 201 [Spk áp dụng 03 cách thoát-khỏi (nissaraṇa) đối với từng mỗi chướng-ngại: [1] bằng cách khống-chế (vikkham-bhananis-saraṇa) thông qua trạng thái các tầng thiền định (jhāna); [2] đặc biệt, bằng cách quán-xét riêng từng trường hợp (tadaṅganis-saraṇa) thông qua sự thiền quán minh-sát; và [3] bằng cách tẩy- sạch (samucchedanis-saraṇa) thông qua các chặng thánh-đạo siêu-thế (tức từ thánh-đạo Nhập-lưu ... thánh đạo A-la-hán).

- Như vậy: (1) Chướng ngại Tham-dục được khống-chế bởi trạng thái tầng thiền định thứ-nhất dựa vào quán xét bản chất không hấp-dẫn (asubha) của thân; và tham-dục được tẩy-sạch bởi chặng thánh-đạo A-la-hán [bởi vì chữ tham-dục (kāmacchanda) ở

đây được diễn dịch đủ rộng là bao hàm tất cả mọi sự tham đối với bất kỳ đối-tượng nào, chứ không chỉ riêng tham-muốn khoái-lạc giác quan (dục lạc), tức nhục-dục.]. (2) Chướng ngại sự ác-ý được khống-chế bởi tầng thiền định thứ-nhất dựa vào quán xét tâm-từ; và được tẩy-sạch bởi chặng thánh- đạo Bất Lai. (3) Chướng ngại sự đờ-đẫn và buồn-ngủ được khống-chế bởi nhận-thức về ánh sáng [ví dụ: sự nhận thức hay quán tưởng về một loại ánh

sáng, một hào quang, như vầng tròn sáng của mặt trời hay của trăng rằm...]; và được tẩy-sạch bởi chặng thánh-đạo A-la-hán. (4) Chướng ngại sự bất-an và hối- tiếc được khống-chế bởi yếu tố tĩnh-lặng; riêng sự hối-tiếc (hối quá) được tẩy- sạch bởi chặng thánh đạo Bất-lai và sự bất-an (trạo cử) được loại bỏ hoàn toàn ở chặng thánh-đạo A-la-hán. (5) Chướng ngại sự nghi-ngờ được khống-chế bởi sự phân-biệt được và định-nghĩa được những hiện-tượng và những trạng-thái, tức là sau khi đã tìm hiểu và phân biệt được các trạng thái (dhammavavatthāna, trạch-pháp) thì sẽ hết nghi-ngờ [coi thêm Vism 587–89; Ppn 18:3–8]; và nó được tẩy-sạch bởi chặng thánh đạo Nhập-lưu.] (113)

- (Mời coi lại thêm chú thích số 1192 của luận giảng Mp trong kinh AN 5:193, ở đầu đoạn (I), (1).) 202 [Tôi đọc theo Ce và Be là ñātivitakko, khác với Ee là jātivitakko: những ý- nghĩ về giai cấp [xã hội].] (556) 203 [Nguyên văn: anavaññattipaṭisaṃyutto vitakko. Nghĩa đen là: "ý-nghĩ liên quan tới sự muốn mình không bị khinh thường". Còn thấy trong luận giảng tương đương của Hán tạng [SĀ 1246, ở T II 341c12–13] thì dịch là "ý nghĩ về sự tái sinh ở cõi trời" ().] (557) 204 [Những ý-nghĩ liên quan Giáo Pháp: Dhammavitakkā. Mp giải thích đây là những ý-nghĩ liên quan tới 10 sự sa sút của sự minh-sát (dasa vipassa- n'upakkilesavitakkā), nhưng dường như ở đây lời kinh chỉ đơn giản nói về sự suy xét hay quán chiếu về giáo lý hay về chủ đề thiền mà thôi.] (558) 205 [Cụm chữ này được ghi khác nhau là nappaṭipassaddhaladdho và nappaṭipassaddhiladdho. Và sự sai khác này thậm chí cũng có trong cùng một kinh. Ee thì nhất quán, chỉ ghi cụm chữ là nappaṭippassaddhaladdho trong câu phủ định và paṭippassaddhaladdho trong câu khẳng định đối lập. Tuy nhiên, Be thì ghi cụm chữ nappaṭippassaddhaladdho trong câu phủ định và paṭippassaddhiladdho trong câu khẳng định. Để làm vấn đề càng thêm khó hiểu, Mp (của Be) còn đảo 02 dạng câu, ghi cụm chữ nappaṭippassaddhiladdho trong bổ đề của chú giải về câu phủ định, nhưng lại ghi cụm chữ paṭippassaddhaladdho trong bổ đề của chú giải về câu khẳng định. Mp (của Be), khi chú giải về kinh này đã giải nghĩa cụm chữ nappaṭippassaddhiladdho là = không đạt được bằng sự làm tĩnh-lặng hoàn toàn những ô-nhiễm (na

kilesapaṭippassaddhiyā laddho) và cụm chữ paṭippassaddhaladdho là = đạt được bằng sự làm tĩnh-lặng hoàn toàn những ô-nhiễm (kilesapaṭippassaddhiyā laddho). Ce ghi 02 cụm chữ này là na paṭippassaddhiladdho và paṭippassaddhiladdho trong kinh, nhưng Mp (của Ce) thì ghi là na paṭippassaddhaladdho và paṭippassaddhaladdho trong 02 bổ

đề khẳng định và phủ định tương ứng. Thêm nữa, trong kinh 5:27 [trong đó chỉ có phần câu khẳng định, không có phần câu phủ định], Ce và Be ghi cụm chữ paṭippassaddhaladdho, khác với Ee ghi là paṭippassaddhiladdho. Mp (của Ce) ở chỗ này thì ghi cụm chữ paṭippassaddhiladdho trong bổ đề, khác với Mp (của Be) thì ghi là paṭippassaddhaladdho. Mp nói rằng cụm chữ paṭippassaddhaṃ và paṭippassaddhi là một về nghĩa (idaṃ atthato ekaṃ), đề nghị có 02 cách hiểu là: (i) "Nó đạt được bằng sự làm tĩnh-lặng hoàn toàn những ô-nhiễm, hoặc (ii) nó đã đạt tới sự làm tĩnh-lặng hoàn toàn những ô-nhiễm (kilesapaṭippassaddhiyā laddhattā kilesapaṭippassaddhibhā-vaṃ vā laddhattā), và do vậy cụm chữ ghi đúng là paṭippassaddhiladdho."] (559) 206 [Ce và Ee ghi là sasaṅkhāraniggayhavāritavato; chỗ đuôi chữ –vato Be ghi là –gato. Tôi dịch chữ sasaṅkhāra là "mạnh, bạo" [nghĩa gốc là "với sự cố- gắng"]; chữ niggayha là "sau khi đã trấn áp"; vārita là "bị thống trị"; và [theo Ce) –vato là "đã được kiểm soát". Một cách dịch dựa trên biến tấu của Be có thể là: "nhưng được đạt tới sau khi [những ô-nhiễm] được khống chế ở trong bằng cách mạnh bạo trấn-áp [chúng]."] (560) 207 [Ce và Ee ghi câu này là: na sasaṅkhāraniggayhavāritavato; Be ghi với đuôi chữ là –gato. Phiên bản Hán tạng là SĀ 1246 [ở T II 341c21–22] thì ghi đại ý là: "Tỳ kheo đó đạt được sự định-tâm vốn không được duy trì bằng sự cố-gắng; người đó đạt được sự bình-an và siêu-phàm, là trạng thái hạnh phúc tịch lặng, trong đó tất cả những ô-nhiễm đều bị tiêu diệt" ( ). (561) 208 [Nguyên văn cả câu cuối
là: Yassa yassa ca abhiññā sacchikaraṇīyassa dhammassa cittaṃ abhininnāmeti abhiññā sacchikiriyāya tatra tatreva sakkhibhabbataṃ pāpuṇāti sati sati āyatane. Mp chú giải "cơ-sở thích hợp" là "những nhân quá khứ và tầng thiền định đắc được trong hiện tại, và những thứ khác, đều là cơ-sở cho những trí-biết trực tiếp" (pubbahetusaṅkhāte ceva idāni ca paṭiladdhabbe abhiññāpādakajjhānā-dibhede ca sati sati kāraṇe). Cách diễn

đạt này cũng có trong Vism 371,26–33, Ppn 11.122, và được luận giảng trong Vism-mht (VRI ed. I 429). Vism 376,28– 378,2, Ppn 12.14–19, giải thích cơ- sở (thích hợp) cho trí-biết trực tiếp chính là cái tâm đạt-định vốn đã chứng đắc 08 phẩm chất, đó là: nó (1) được thanh lọc, (2) được thanh tẩy, (3) không còn dính nhiễm, (4) hết những ô-nhiễm (lậu hoặc), (5) dễ uốn nắn, (6) dễ sử dụng, (7) vững chắc, và (8) đã đạt tới sự bất lay động. Nói cách khác, nói rằng "sự đạt- định" có thể được coi là phẩm chất đầu tiên, và "sự vững-chắc" và "sự đạt tới sự bất lay động" cùng với nhau cấu thành phẩm chất thứ tám.] (562) 209 [Bắt đầu từ (1)-(6) là "đoạn kinh mẫu" nói về sáu loại trí-biết trực tiếp (abhiññā; và (1)-06 cũng được nói đến trong kinh 5:23). 05 loại trí-biết đầu cũng đã được luận giải trong Vism, Chương 12 và 13.] (563)

[Kinh này có bản dịch cộng với phần luận giảng về nó bởi nhà sư trưởng lão 210

Soma Thera; có tên là "Loại Bỏ Những Ý Nghĩ Làm Xao Lãng".] (238) 211 [MA nói: "cái tâm cao hơn", tức "cái tâm bậc cao" (adhicitta) là cái tâm chứng đắc các (08) tầng thiền định được dùng để làm cơ-sở nền tảng cho sự thấy-biết, tức minh-sát); nó còn được gọi là "cái tâm cao hơn" bởi nó cao hơn cái tâm [tốt] bình thường nhờ tu tập 10 nghiệp

thiện lành.

- Sự chú-tâm tới năm "dấu-hiệu" (nimitta; = những hình tướng hay đặc tính của đối-tượng) ở đây có thể được hiểu là những phương pháp tu tập để loại bỏ những ý-nghĩ làm (tâm) xao lãng. Các phương pháp này chỉ được dùng khi những sự xao lãng quấy nhiễu dai dẳng hoặc gây khó chịu; còn những lúc thiền bình thường thì người thiền chỉ cần nên giữ sự chú-tâm vào đối-tượng hay đề- mục thiền chính là được. (Sau khi dùng những phương pháp đó để đối trị xong những ý-nghĩ xao lãng dai dẳng khó trị, thì người thiền hướng tâm trở lại đối- tượng thiền chính ban đầu của mình, ví dụ như hơi-thở hay đề-mục thiền ban đầu).] (239) 212 [MA: (i) khi những ý-nghĩ tham-dục (nhục dục) khởi sinh hướng về chúng sinh hữu tình (con người), thì "dấu-hiệu khác" ở đây là "sự thiền quán về bản chất không sạch ghớm ghiếc của thân thể" để đối trị chúng [coi thêm kinh MN 10.10]; (ii) còn khi những ý-nghĩ tham-dục hướng về những thứ vô tri vô tình, thì "dấu-hiệu khác" ở đây là "sự chú-tâm về tính vô-thường" để đối trị chúng. (iii) Khi những ý-nghĩ sân-ghét khởi sinh hướng về những chúng sinh hữu tình, thì "dấu-hiệu khác" là "thiền quán về tâm-từ" để đối trị chúng; (iv) còn khi

những ý-nghĩ sân-ghét hướng về những thứ vô tri vô tình, thì "dấu-hiệu khác" ở đây là "sự chú-tâm thiền quán những yếu-tố tứ đại" [coi thêm MN 10.12]. (v) Còn giải pháp đối trị những ý-nghĩ liên quan tới sự si-mờ (si) là "sống theo người Thầy hướng dẫn, học hỏi Giáo Pháp, điều tra bên trong ý-nghĩa Giáo Pháp, lắng nghe Giáo Pháp, và đào sâu tìm hiểu những nguyên nhân".] (240) 213 [Phương pháp này có thể được minh họa bằng những sự quán-chiếu của vị Bồ-tát trong kinh MN 19, mục 3–5. Nhắc nhở tâm về sự bậy bạ [không nên, không đáng] của những ý nghĩ xấu ác để tạo ra một cảm-nhận biết xấu hổ (hiri) trong tâm; nhắc nhở tâm về những hệ quả nguy-hại của chúng để tạo ra sự biết sợ-hãi việc làm sai trái (ottappa) trong tâm.] (241) 214 [Nguyên văn: "vitakka-saṅkhāra-saṇṭhānaṃ". MA hiểu nghĩa của chữ "saṅkhāra" (hành; sự tạo-tác cố ý) ở đây là điều-kiện, duyên, nhân duyên, hay gốc rễ; và MA diễn dịch cụm chữ trên có nghĩa là: "chặn/ngăn chặn cái "nhân" tạo nên ý-nghĩ". Điều này có thể làm được bằng cách điều tra truy vấn. Khi có một ý-nghĩ bất thiện khởi sinh thì nên truy vấn: "Nguyên nhân của nó là gì? Nguyên nhân của nguyên nhân của nó là đâu?" … vân vân. Cách truy vấn như vậy, theo MA, sẽ làm chùn xuống và cuối cùng chấm dứt luôn dòng ý nghĩ giúp làm chậm lại sự bất thiện đó.] (242) 215 [MA giải nghĩa là: Người đó đè bẹp nghiền nát trạng thái bất thiện của tâm bằng một trạng thái thiện lành của tâm (lấy thiện đè bẹp bất thiện).] (243) 216 [Chỗ này cho thấy sự chứng ngộ thánh quả A-la-hán. Mời coi thêm chú thích 50 ở cuối kinh MN 2.] (244) 217 [Chữ "bắt đầu với người đó" (tadārammaṇaṃ) có nghĩa gốc là: "với/lấy (người) đó là đối-tượng". MA: Trước tiên người tu tu tập tâm-từ đối với người nói với mình bằng [01 hay nhiều trong] 05 năm cách nói sai trái như đoạn kinh mới liệt kê; sau đó người tu lại hướng tâm-từ tới tất cả chúng sinh, lấy toàn thể thế giới làm đối-tượng.] (247)

Kinh 22

[Nguyên văn câu này: Ariyasāvako āgataphalo viññātasāsano. Mp nói rằng 218

Mahānāma chỉ đang hỏi về những sự trợ-giúp quan trọng nhất (sống còn) của một bậc Nhập-lưu (sotāpannassa nissayavihāraṃ).] (1256)

Chú Thích • 475

[Sáu sự tưởng niệm sau đây cũng được giảng luận chi tiết trong Thanh Tịnh 219

Đạo, Vism, chương 7.] (1257) 220 [Nguyên văn câu cuối này: Visamagatāya pajāya samappatto. Mp chú giải là: "Giữa những chúng sinh đã bị mất cân bằng (visamagatesu) bởi tham, sân, si, người đó chứng đắc sự bình an và bình lặng (samaṃ upasamaṃ patto hutvā)." Từ cách chú giải này cho thấy Mp đã coi chữ Pāli sama là đồng nghĩa với chữ śama [bình an] trong tiếng Phạn. Nhưng do lời kinh có thiết lập sự tương phản giữa trạng thái visama [không cân bằng, mất cân bằng, mất thăng bằng, hoặc không chân chính, không đúng đắn] là bản chất cách sống của người phàm tục và trạng thái sama mà bậc thánh tu chứng được, cho nên sẽ đúng hơn rằng chữ Pāli sama là tương ứng với chữ sama trong tiếng Phạn (không phải śama). Hai bản kinh tương đương trong Hán tạng cũng ủng hộ nghĩa này. Trong luận giảng Hán tạng SĀ² 156, ở T II 432c15–16, có ghi: (Dù đối với kẻ thù hay người thân thuộc, người tu đều không có ý nghĩ hung bạo mà tâm luôn được cân bằng). Luận giảng khác của Hán tạng T 1537.8, chỗ T XXVI 492c13–15, có ghi
 (Giữa những chúng sinh mất cân bằng, người đó đạt được sự cân bằng; giữa những chúng sinh khổ ải, người đó sống không khổ ải). Cho dù trái với cách hiểu của Mp về chữ sama, nhưng cách diễn dịch này cũng xác thực được nghĩa của bài kinh.] (1258)

(Nhân tiện, đoạn kinh người dịch để trong {…} là giống nhau; và kinh gốc ghi đầy đủ trong các đoạn (1)-(6) như vậy chứ không ghi tóm lược từ đoạn (2) … như thường thấy trong các kinh khác; (trong kinh song hành 11:11 cũng ghi đầy đủ vậy). Người dịch Việt nghĩ đó là dụng ý của những thánh tăng kết tập, vì sự tưởng-niệm nào cũng quan trọng và để khi có ai muốn giảng giải về một sự tưởng-niệm nào thì ở đó có sẵn nguyên văn đầy đủ để giảng giải.) 221 [Dhammasotaṃ samāpanno. Mp giải nghĩa là: "Người đó đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp gồm có sự minh-sát". Bởi vì cụm chữ diễn đạt này trong tiếng Pāli có thể dễ dàng được rút gọn lại thành sotāpanna, tôi không hiểu tại sao Mp lại diễn dịch chữ dhammasota là sự minh-sát (vipassanā) thay vì nó là thánh đạo (ariyamagga). Trong kinh SN 55:05 (Quyển 5), chữ sota đã được dùng như một ẩn dụ cho bát thánh đạo.] (1259)

476 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

222 [06 loại đầu là những thiên thần thuộc 06 cõi trời dục-giới. Những thiên thần thuộc đoàn tùy tùng của trời Brahmā (brahmakāyikā devā) là những thiên thần của cõi trời Brahmā (phạm thiên giới) đó. Còn "những thiên thần cao hơn những thiên thần đó" là chỉ những thiên thần bậc cao hơn ở những cõi trời sắc- giới và vô-sắc giới.] (1260) 223 [Đây là một trong những bài kinh quan trọng nhất trong Tam Tạng Kinh Pāli, chứa đựng những lời tuyên thuyết toàn diện nhất về con đường trực-tiếp nhất để chứng ngộ

mục-tiêu của Phật giáo.

Bài kinh này hầu như giống với kinh DN 22, chỉ khác trong DN 22 phần nói về Bốn Diệu Đế được phân tích mở rộng thêm nhiều (do vậy nó mới được kết tập trong Bộ Các Kinh Dài là DN).

- Bài kinh này, cùng với luận giảng về nó, với những trích đoạn phong phú từ "Tiểu luận giảng" khó hiểu nhưng soi sáng ra nhiều ý nghĩa, đã được trình bày trong bản dịch của nhà sư trưởng lão Soma Thera, có tên là "Con đường Chánh- Niệm". Nhà sư trưởng lão Nyanapnika Thera cũng có một bản dịch kinh này cùng với phần chú giải hiện đại cũng giảng giải sáng tỏ và sâu sắc từng giáo lý của bài kinh, trong quyển sách có tên "Trái Tim Của Thiền Phật Giáo".] (133) 224 [Thị trấn này được nhiều học giả nói là nằm gần thủ đô Delhi ngày nay.] (134) 225 (Trước hết, mời quý vị đọc chú thích chỗ này trong quyển "Trích Chọn Các Kinh Theo Những Chủ-Đề Giáo Lý" của TKBĐ được ghi như vầy: [Nguyên văn tiếng Pāli là "ekāyano ayaṃ bhikkhave maggo". Hầu hết các dịch giả đều hiểu câu này như một lời tuyên bố rằng "các nền tảng chánh-niệm" (satipaṭṭhāna) là con đường duy nhất. Nhà sư trưởng lão Soma Thera đã dịch: "Này các Tỳ kheo, đây là con đường duy nhất", và trưởng lão Nyanaponika Thera thì dịch: "Này các Tỳ kheo, đây là con đường độc nhất". Tuy nhiên, trong kinh MN 12.37–42 thì chữ "ekāyana magga" có ngữ nghĩa rõ ràng là "một con đường đi theo một hướng duy nhất", và có lẽ đây cũng là ngữ nghĩa phù hợp nhất so với các diễn dịch khác! Ý nghĩa chỉ đơn giản như là: "các nền tảng chánh-niệm" (satipaṭṭhāna) đi về một hướng, đó là đi về hướng để "làm trong-sạch chúng sinh ..." hay để dẫn tới "sự thanh-lọc của chúng sinh ... cho tới sự chứng ngộ Niết-bàn".])

Chú Thích • 477

[Tiếng Pāli của câu này là "ekāyano ayaṁ bhikkhave maggo", và hầu hết những dịch giả đều hiểu câu này muốn nói Các Nền Tảng Chánh Niệm hay Các Niệm Xứ (satipaṭṭhāna) là một con đường độc nhất. Do vậy nhà sư trưởng lão Soma đã dịch là: "Đây là con đường độc nhất", và trưởng lão Nyanaponika cũng dịch là: "Đây là con đường duy nhất". Tuy nhiên, nhà sư dịch giả từ đầu của bộ kinh này là Ñm đã chỉ ra rằng cụm chữ ekāyana magga như trong kinh MN 12, mục 37–42 theo ngữ cảnh đó có nghĩa rõ rệt không thể nghi ngờ là "một con đường chỉ đi về một hướng", và do đó thầy ấy đã dịch cụm chữ theo nghĩa này. Tuy vậy, trong bản dịch này ở đây [của Ñm và đã được biên tập hiệu đính bởi TKBĐ] thì ghi là "con đường trực tiếp", đó là sự cố gắng bảo lưu ý nghĩa cho được trực-nghĩa hơn (với nghĩa nôm na là 'con đường một hướng trực tiếp dẫn tới Niết-bàn').

- MA giải thích ekāyana magga là con đường duy nhất, không phải con đường được phân nhiều nhánh hay phân nhánh; vì nó là một con đường phải được bước đi bởi chính một mình mình, không thể có người đồng hành trên 'con đường (tu tâm) của mình'; và là con đường đi tới một mục-tiêu, Niết-bàn. Mặc dù không có căn cứ nào từ Kinh Tạng hay các luận giảng để ủng hộ, nhưng ý kiến cho rằng satipaṭṭhāna được gọi là ekāyana magga, con đường trực tiếp hay trực chỉ, là (mục đích) để phân biệt với

cách tu (gián tiếp) khác là thiền-định thông qua sự chứng đắc những tầng thiền định (jhāna) hoặc những phạm-trú (brahmavihāra). Những phần tu gián tiếp đó không nhất nhất sẽ dẫn đến mục- tiêu mà chỉ dẫn người tu tới những đường phụ nằm sát con-đường chính là satipaṭṭhāna, và từ đó satipaṭṭhāna sẽ dẫn người tu đi một hướng trực tiếp tới mục-tiêu cuối cùng.] (135) 226 [Chữ satipaṭṭhāna là một thuật ngữ chữ ghép. Phần đầu là chữ sati, nghĩa gốc của nó là "sự nhớ", nhưng trong cách dùng tiếng Pāli của Phật giáo thì nó thường xuyên có nghĩa rộng hơn nhiều là "sự chú-tâm được hướng vào hiện- tại"—và do vậy một cách dịch khác là "sự chánh-niệm". Phần hai thì được giải thích theo 02 cách: (i) là dạng thu ngắn của chữ upaṭṭhāna, có nghĩa là "sự thiết lập" hay "sự thành lập" [sự chánh-niệm], và (ii) là chữ paṭṭhāna, có nghĩa là "lãnh địa, trú xứ, xứ" hay "nền tảng" [của sự chánh-niệm]. Do vậy bốn satipaṭṭhāna có thể được hiểu là (i) 04 phương-cách để thiết-lập sự chánh-niệm hay (ii) 04 nền-tảng (lãnh địa, trú xứ, cơ sở) của sự chánh-niệm, sẽ được giảng rộng ra trong những phần tiếp theo của bài kinh. Nghĩa thứ nhất (i) có vẻ là nguồn gốc chính xác về mặt từ nguyên [cũng được xác nhận bởi nguồn tiếng

Phạn là smṛtyupasthāna], nhưng những luận sư Pāli, tuy thừa nhận cả 02 nghĩa, vẫn thiên vị theo nghĩa thứ hai (ii) nhiều hơn.] (136) 227 [MA nói rằng trong ngữ cảnh này, chữ "Tỳ kheo" là một thuật ngữ chỉ một người nhất thiết nhiệt thành để hoàn thành sự tu-tập giáo pháp: "Ai nhận lãnh sự tu-tập... thì ở đây được bao gồm dưới danh từ "Tỳ kheo". (Nghĩa là chữ "Tỳ kheo" ở đây là tính gồm cả những người tại gia nhiệt thành tu tập Bốn Nền Tảng Chánh-Niệm; chứ không phải kinh này chỉ được nói cho các Tỳ kheo hay giáo pháp trong kinh này chỉ được dùng và thực hành bởi các Tỳ kheo).] (137) 228 [Sự lặp lại của cụm chữ "quán sát thân trong thân" (kāye kāyānupassī), theo luận giảng MA, có mục-đích là để quyết định rõ ràng về đối-tượng để quán sát (thiền quán, quán niệm) và để tách biệt đối-tượng đó khỏi những đối-tượng khác vốn có thể làm lẫn lộn, rối tâm. Do vậy, (i) trong cách tu này, thân nên được quán sát đúng như nó là vậy, và không để những cảm-giác, ý nghĩ và những cảm-xúc xía vô nó. (ii) Cụm chữ cũng có nghĩa rằng thân nên được quán sát đơn giản chỉ là thân chứ không phải là một người nam, một người nữ, là 'ta', hay 'một chúng sinh'.

Những cách suy-xét tương tự vậy cũng được áp dụng cho những chỗ lặp lại (điệp khúc) trong 03 nền tảng chánh-niệm còn lại (những cảm-giác, tâm, và những đối-tượng của tâm).

- "Sự thèm-muốn và sự buồn-phiền" (tham và ưu) theo MA là chỉ tham-dụcvà sự ác-ý, là 02 chướng-ngại chính trong 05 chướng-ngại cần phải được chinh phục để sự tu-tập được thành công, đã được liệt kê riêng ở mục 36 bên dưới.] (138) 229 [Cấu-trúc của bài kinh này được thấy theo cách đơn giản như vầy. Tiếp theo phần dẫn nhập (mở đầu), toàn bộ bài kinh được phân thành 04 PHẦN là 04 nền tảng chánh-niệm:

I. Quán Sát THÂN, gồm 14 bài thực hành: (1) sự chánh-niệm hơi-thở; (2) sự quán sát bố tư-thế; (3) sự rõ-biết hoàn toàn (tỉnh giác); (4) sự chú-tâm tới sự không-sạch ô-uế của

các bộ phận của thân; (5) sự chú-tâm tới các yếu-tố lớn (tứ đại); (9-14) sự quán sát về 09 giai đoạn tử thi ở nghĩa địa—09 giai đoạn tan rã hư hoại của thân sau khi chết.

II. Quán Sát NHỮNG CẢM-GIÁC, được coi là 01 bài thực hành.

III. Quán Sát TÂM, cũng được coi là 01 bài thực hành.

IV. Quán Sát NHỮNG ĐỐI-TƯỢNG CỦA TÂM, gồm có 05 chi-phần—năm chướng-ngại; năm uẩn; sáu cơ-sở cảm-nhận; bảy chi giác-ngộ; và Bốn Diệu Đế—được coi như 05 bài thực hành.

Như vậy bài kinh nói ra tất cả 21 bài thực hành về sự quán-sát (thiền quán). Mỗi bài thực hành lại có 02 phương-diện: (i) sự thực hành căn bản được giải thích trước và (ii) phần bổ sung thêm về sự minh-sát [không thể thiếu và đều có giống nhau đối với tất cả mọi bài thực hành nói trên] để chỉ ra cách sự quán-sát được tu tập để làm sâu sắc sự-hiểu về những hiện-tượng dưới sự điều tra tìm hiểu (trạch pháp).

Cuối cùng bài kinh kết luận với một lời tuyên bố bảo đảm trong đó Phật đích thân xác nhận hiệu-quả của pháp-tu này bằng cách tuyên bố những kết-quả của sự thực hành liên tục là thánh quả A-la-hán hoặc Bất-lai.] (139) 230 [Sự thực hành 'sự chánh-niệm hơi-thở' (ānāpānasati) là không dính líu sự cố ý để điều tiết hay tác động hơi-thở như kiểu người ta làm trong môn khí công hay yoga kiểm soát hơi-thở (hatha yoga), mà là sự nỗ lực được duy trì để cố định sự ý-thức rõ (để ý biết rõ, 'nhìn') vào hơi-thở khi nó đi vô và đi ra theo nhịp tự nhiên của nó. Sự chánh-niệm được thiết lập ở giữa hai lỗ mũi hay ở giữa môi trên hay chỗ nào có sự tiếp-xúc của hơi-thở được cảm nhận rõ nhất (như bụng); chỉ để-ý đến (nhận biết, ghi nhận) độ ngắn dài của hơi-thở chứ không phải kiểm soát nó một cách có ý thức.

- Toàn bộ phương pháp tu tập thiền "sự chánh-niệm hơi-thở" đã được nói đầy đủ chi tiết trong một kinh riêng là kinh MN 118.

- Có một quyển tuyển chọn các kinh có nói về chủ đề này bởi chính nhà sư Ñāṇamoli có tên là "Chánh-Niệm Về Hơi-Thở". Coi thêm Vsm VIII, 145–244.] (140) 231 [MA giải thích "trải nghiệm toàn thân" (sabbakāyapaṭisaṁvedī) có nghĩa là người thiền trở nên ý thức rõ từng hơi-thở vô và hơi-thở-ra suốt toàn bộ chu kỳ 03-chặng của nó là chặng đầu, giữ, và cuối. Trong ấn bản đầu tiên tôi làm theo sự chú giải này và thêm vào trong ngoặc thành như vầy: "toàn thân [của hơi- thở]", Tuy nhiên, sau này xem xét lại thấy cách dịch nghĩa này dường như mình

ép nghĩa, và do vậy giờ tôi chọn dịch nghĩa theo đúng nghĩa chữ được viết trong kinh gốc. Cũng khó nhìn ra cách nào àm chữ paṭisaṁvedī có thể có nghĩa là "ý- thức rõ về" hay 'để ý biết rõ' khi nó dựa trên một động từ là "trải nghiệm".] (141) 232 ["Sự tạo-tác của thân" hay thân hành (kāyasankhāra) được định nghĩa trong kinh MN 44.13 chính là sự-thở vô-và-ra. Như vậy suy ra, theo MA chú giải, thì khi tu tập đúng đắn và thành

công phương pháp này thì sự-thở của người thiền cành lúc càng trở nên nhẹ đi, tĩnh lặng, và bình an.] (142) 233 [MA chú giải: "ở bên trong" nghĩa là: quán sát hơi-thở trong chính thân mình. Còn "ở bên ngoài": quán sát hơi-thở xảy ra trong thân người khác. "Ở bên trong và bên ngoài": quán sát hơi-thở của chính mình và hơi-thở trong thân người khác lần lượt lẫn nhau, bằng sự chú-tâm liền tục không gián đoạn.

Sự giải thích tương tự cũng áp dụng cho những điệp khúc bên dưới của mỗi phần "nền tảng chánh-niệm" còn lại, ngoại trừ là sự quán-sát những cảm-giác, tâm, và những đối-tượng của tâm "ở bên-ngoài" là không có, nếu có thì chỉ là do suy-luận chứ không phải sự trải-nghiệm của người thiền [trừ khi người thiền có được loại thần thông thần giao cách cảm hay tha-cảm].] (143) 234 [Cụm chữ samudayadhammānupassī kāyasmiṁ viharati thường được dịch là "người đó an trú quán sát trong thân những yếu-tố đang khởi sinh của nó" [như tôi đã biên tập như vậy trong lần ấn bản đầu tiên] với giả định rằng toàn cụm chữ có một chữ số nhiều là samudayadhammā. Tuy nhiên, một nghĩa số nhiều như vậy không phải quyết định, và sẽ phù hợp hơn nếu dịch theo cách dùng đuôi chữ -dhamma ở chỗ khác ở đó nó có nghĩa là "tùy thuộc theo", "bị dính theo" hay "có bản chất của". Sự chú giải của luận giảng về những yếu-tố tác động đối với mỗi "nền tảng chánh-niệm" (mỗi niệm xứ) không hàm nghĩa là luận giảng đã hiểu đuôi chữ -dhamma có nghĩa là những yếu-tố tác động thực sự.

- MA giải thích rằng "bản chất khởi sinh" (samudayadhamma) của thân có thể được quan sát (i) trong chính sự khởi-sinh có điều-kiện (duyên sinh) của nó thông qua vô-minh, dục-vọng, và dưỡng-chất, cũng như trong (ii) sự khởi-sinh của những hiện-tượng trong từng mỗi giây-khắc (sát-na) trong thân. Trong trường hợp "sự chánh-niệm hơi-thở", điều-kiện bổ sung là bộ máy hô hấp sinh vật lý.] (144)

235 [MA giải thích câu này có nghĩa là: Vì mục-đích để có được mức độ của sự- biết và của sự chánh-niệm càng lúc càng rộng hơn và càng lúc càng cao hơn.] (145) 236 [Sự hiểu về những tư-thế của thân được nói đến trong bài thực hành này không phải là sự biết tự nhiên thông thường của chúng ta về hành-vi thân của chúng ta, mà đó là sự ý-thức rõ, sát sao, và kỹ càng về thân trong mọi tư-thế, cùng với sự xem-xét có phân tích nhằm xua tan sự si-mê về một cái 'ta' (ngã) là tác nhân của những động tác của thân; (thiền quán để phá ngã kiến).] (146) 237 [Sự rõ-biết, sự biết rõ ràng, sự ý-thức rõ, sự tỉnh-giác là dịch chữ sampajanna, nó cũng được dịch bởi một số nhà sư là "sự hiểu, sự hiểu-biết rõ ràng" [Soma, Nyanaponika]. Thuật ngữ này được phân tích trong các luận giảng thành 04 loại: (i) sự ý thức hoàn toàn về mục-đích của hành-động của mình; (ii) sự ý thức hoàn toàn về sự phù-hợp của phương-tiện của mình; (iii) sự ý thức hoàn toàn về trú-xứ, đó là: không dẹp bỏ đề-mục thiền trong những việc làm hằng ngày của mình (tức thiền quán trong mọi hành-vi sinh hoạt hàng ngày); và (iv) sự ý thức hoàn toàn về thực-tại, đó là: sự-biết rằng đằng sau những hành-vi hoạt động của mình là không-có cái 'ta' (bản ngã) thường hằng nào cả, (rằng mọi sự là vô ngã). Mời đọc thêm các quyển Con Đường Chánh-Niệm của nhà sư Soma, trang 60–100; Trái Tim Của Thiền

Phật Giáo của nhà sư Nyanaponika, trang 46–55.] (147) 238 [Nguyên thủy danh sách này có 31 bộ phận của thân, trong những kinh sách Pāli về sau có đưa thêm "não" vào danh sách thành 32 bộ phận. Mọi chi tiết về sự thiền quán về những bộ phận của thân này đã được giảng giải một cách chi tiết trong Vsm VIII, 42–144.] (148) 239 [04 yếu-tố lớn (tứ đại) này đã được giảng giải bởi Phật giáo như là những thuộc-tính căn bản của vật chất—đó là: thể cứng, thể lỏng, thể nhiệt, và thể khí, (được gọi nôm na là đất, nước, lửa, gió). Sự giảng giải chi tiết về chúng cũng có trong Vsm XI, 27–117.] (149) 240 [Chữ "như thể" (seyyathāpi), (hay "như thể, giống như"), gợi ý rằng cách thiền này, và những bước tiếp theo sau, khi thiền không cần thiết phải thực tế quan sát một xác chết thật trước mặt, mà có thể thực hiện một cách tưởng tượng (quán tưởng) như thể mình đang nhìn thấy xác chết trước mặt. Chữ "thân y hệt

này" hay "thân này" dĩ nhiên là chỉ thân của người thiền—nó cũng là thân cùng- loại với thân của xác chết đó.] (150) 241 [Mỗi loại trong 04 loại thân (5), (6), (7), và cả 03 loại (7), (8), (9) bên dưới, có thể được coi là mỗi đề-mục thiền riêng biệt và đầy đủ; hoặc cũng có thể coi tất cả chúng là một bộ đề-mục tiến dần để thiền tạo ấn tượng cho cái tâm về sự vô thường biến đổi và sự mong manh tan rã của thân.

- Tiến trình tiếp tục từ mục 26–30. Danh sách xương ở đây được dịch từ phiên bản lặp lại của ấn bản BBS.] (151) 242 [Cảm-giác (vedanā) biểu thị chất lượng ảnh hưởng của sự trải nghiệm; có thể là những cảm-giác thuộc thân và thuộc tâm, dễ chịu, khó chịu, hoặc trung tính (không dễ chịu không khó chịu). Có những ví dụ về những dạng cảm-giác "thế tục" và cảm-giác "phi thế tục" được nói trong kinh MN 137.9–15 dưới những tiêu đề của 06 loại vui, buồn, và buông-xả lần lượt được dựa trên đời sống tại gia và đời sống xuất gia.] (152) 243 [Những điều-kiện (duyên) cho sự khởi-sinh và biến-diệt của cảm-giác là cũng giống như sự khởi-sinh và biến-diệt của những hiện-tượng thuộc thân [coi lại chú thích 144], chỉ khác là thay vì "thức ăn" cho thân giờ được đổi thành "sự tiếp-xúc" cho cảm-giác, vì sự tiếp-xúc chính là điều-kiện (duyên) làm khởi sinh cảm-giác (xúc duyên thọ); [coi thêm kinh MN 9.42].] (153) 244 [Tâm ở đây là citta, là một đối-tượng để thiền quán chỉ tcái trạng-thái chung và mức độ chung của thức. Vì bản thân thức, trong bản chất của nó, là sự thuần- biết hay sự nhận-biết một đối-tượng, tính chất của mỗi trạng thái tâm được quyết định bởi những yếu-tâm (tâm sở) kết nối (câu hữu) với nó, như tham, sân, si hoặc những yếu-tố ngược lại là vô-tham, vô-sân, vô-si đã được nói đến trong bài kinh.] (154) 245 [Những ví dụ về tâm (citta) được nói trong đoạn kinh này là các trạng thái tâm đối ngược nhau—lành mạnh và không lành mạnh, thiện và bất thiện, hoặc đã được tu tập và chưa được tu tập. Tuy nhiên, chỉ có cặp tâm "bị co lại" và "bị xao lãng" tuy đối ngược nhau nhưng cả 02 đều thuộc loại tâm không thiện—tâm "bị co lại" (hay thụ động) là do chướng-ngại thứ ba "buồn ngủ và đờ đẫn" và tâm "bị xao lãng" là do chướng-ngại thứ tư "bất-an và hối-tiếc". Luận giảng MA giải thích tâm "được khuếch đại" và tâm "không thể vượt trên" là trạng thái

tâm thuộc cảnh giới những tầng thiền định sắc-giới và vô-sắc giới; tâm "không được khuếch đại" và tâm "còn có thể vượt trên" là thuộc tâm thức của cảnh dục- giới. Luận giảng MA cũng nói cái "tâm đã được giải thoát" nên được hiểu là một trạng thái tâm "chỉ là tạm thời và phần nào thoát khỏi những ô-nhiễm" bởi vì nhờ nó đang (i) ở trong tiến trình thiền quán minh-sát, hoặc đang (ii) ở trong trạng thái tầng thiền định. Vì sự tu tập "Các Nền tảng Chánh-niệm" (satipaṭṭhāna) là thuộc giai đoạn ban đầu (còn đang tu tập) của con đường đạo, cho nên luận giảng mới nói chúng ta không nên hiểu cái "tâm đã được giải thoát" ở đây là tâm đã được giải thoát rốt ráo bằng sự chứng ngộ các chặng thánh đạo siêu-thế (ví dụ như tâm của bậc thánh A-la-hán) mà đó chỉ là "sự giải thoát lâm thời và phần nào"). Tuy nhiên, dù đúng hay sai, sự diễn dịch giải thích như vậy cũng không nên bị bỏ qua; (tùy quý vị nên suy xét ý kinh chỗ này!).] (155) 246 [Những điều-kiện (duyên) cho sự khởi-sinh và biến-diệt của tâm cũng giống như những điều-kiện đối với thân, chỉ khác là thay vì "thức ăn" cho thân giờ được đổi thành phần "danh-sắc" cho thức, bởi vì phần danh-sắc chính là điều- kiện làm khởi sinh thức (danh-sắc duyên thức); [coi thêm kinh dài DN 152, mục 2/ii.63].] (156) 247 [Chữ "những giáo pháp" ở đây là tạm dịch từ cái chữ nổi tiếng và đa hình thái là chữ dhammā. (Nhiều nhà sư học giả đã dịch luôn là "các pháp", hoặc "những hiện-tượng", hay "những hiện-tượng thuộc tâm"). Trong ngữ cảnh này chữ dhammā có thể được hiểu là bao gồm tất cả những hiện-tượng được xếp loại theo cách những hạng mục của Giáo Pháp [Giáo Pháp là giáo lý về thực tại của Đức Phật]. Sự thiền quán này đạt tới đỉnh cao của nó bằng việc thâm-nhập giáo lý của phần cốt lõi của Giáo Pháp—đó là Bốn Diệu Đế.] (157) 248 [Năm chướng-ngại (pancanīvaraṇā, ngũ cái) là những cản-trở bên trong đối với sự tu tập sự định-tâm (định) và minh-sát (tuệ) của tâm. (i) Tham-dục khởi sinh là do/ thông qua sự chú-tâm (tác ý) không khôn khéo (không kỹ càng; phi như lý tác ý) tới một đối-tượng hấp dẫn nhục dục, và nó sẽ được dẹp-bỏ bằng cách thiền quán về một đối-tượng sự không hấp dẫn không sạch [như trong mục §10 và mục các §14–3]; (ii) sự ác-ý khởi sinh là do/ thông qua sự chú-tâm không khôn khéo tới một đối-tượng đáng chê đáng ghét, và nó sẽ được dẹp-bỏ bằng sự tu tập tâm-từ; (iii) sự đờ-đẫn và buồn-ngủ (hôn trầm thụy miên) khởi sinh là do sự nhàm-chán và lười-biếng, và nó sẽ được dẹp-bỏ bởi sự phát khởi

sự nỗ-lực (tinh tấn); (iv) sự bất-an và hối tiếc (trạo hối) khởi sinh do sự suy-xét không khôn khéo về những ý-nghĩ phiền quấy, và nó sẽ được dẹp-bỏ bởi sự suy- xét khôn khéo về sự tĩnh-lặng; và (v) sự nghi-ngờ khởi sinh do sự suy-xét không khôn khéo về những vấn đề đáng nghi ngờ, và nó sẽ được dẹp-bỏ bằng sự học- hiểu, sự tìm-hiểu, sự điều-tra. Những chướng-ngại sẽ hoàn toàn bị bứng sạch bởi những chặng thánh đạo siêu-thế. Để coi đầy đủ về những cách và những chặng thánh đạo mà những chướng-ngại bị bứng bỏ, mời đọc thêm quyển "Con Đường Chánh-Niệm" của nhà sư Soma, trang 119–130; và quyển "Năm Chướng-Ngại" của nhà sư Nyanaponika Thera; và đọc thêm các kinh bên dưới MN 27.18 và MN 39.13–14.] (158) 249 [Năm-uẩn bị tác động bởi sự dính-chấp, gọi tắt là năm-uẩn bị dính chấp (năm thủ-uẩn; panc'upādānakkhandhā) là năm nhóm yếu-tố tạo nên một cá-thể hiện hữu hay một 'cá

nhân’, hay một ‘con người’. các uẩn đã được thảo luận trong phần Giới Thiệu, trang 26–27, (bản dịch tiếng Anh của TKBĐ) và đã được phân tích và giảng giải dưới dạng sự khởi-sinh và sự biến-diệt (sinh-diệt) trong kinh MN 109, mục 9.] (159) 250 [Những cơ-sở bên trong (sáu nội xứ, sáu giác quan) là sáu cơ-sở cảm-nhận; còn sáu cơ-sở bên ngoài (sáu ngoại xứ) là những đối-tượng của mỗi chúng (sáu đối-tượng giác quan). Gông-cùm khởi sinh tùy thuộc vào những cặp có thể được hiểu theo cách của 10 gông-cùm đã được giải thích trong phần Giới Thiệu, trang 42–43 (bản dịch tiếng Anh của TKBĐ), hoặc đơn giản hơn theo cách của sự hấp-dẫn (tham), sự đáng ghét (sân), và sự ngu-mờ (si) nằm ẩn bên dưới.] (160) 251 [Kinh MN 118.29–40 có giảng giải cách bảy chi giác-ngộ được khai mở theo trình tự tiến dần. Để đọc sự giảng giải chi tiết hơn, mời đọc thêm quyển “Bảy Chi giác-ngộ” của nhà sư trưởng lão Piyadassi Thera.] (161) 252 [“Sự điều-tra những trạng thái” hay “trạch pháp” (dhammavicaya) có nghĩa là sự soi xét kỹ bằng sự chánh-niệm về những những hiện-tượng (giáo pháp) thuộc tâm và thuộc thân được thể hiện đối với tâm của người thiền.] (162) 253 [Các luận giảng đều giải thích chi tiết những điều-kiện đưa đến sự chín chắn trưởng thành của những chi giác-ngộ. Coi thêm quyển Con Đường Chánh-Niệm (The Way of Mindfulness), trang 134–149.] (163)

254 [Phần nền tảng chánh-niệm thứ tư [sự thiền quán về những giáo pháp (quán pháp)] đạt đến đỉnh-cao bằng sự-hiểu Giáo Pháp trong công thức cốt lõi của nó là Bốn Diệu Đế. Phiên bản dài của kinh này là Đại Kinh Các Nền Tảng Chánh- Niệm (Mahāsatipaṭṭhāna), kinh DN 22, đã đưa ra những định nghĩa mở rộng hơn và có thêm những đoạn điệp khúc sau mỗi Diệu Đế. (Coi thêm chú thích 133 ở kinh MN 10).] (164) 255 [Trí-biết cuối cùng (annā) là trí-biết của A-la-hán về sự giải-thoát cuối cùng. Thánh quả Bất-lai (anāgāmitā) dĩ nhiên là trạng thái của bậc thánh Bất-lai, người được tái sinh trong một cõi cao hơn (trong 01 trong 05 cõi trời Trong- Sạch, Tịnh cư thiên) và từ ở đó người đó chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng chứ không còn quay lại thế giới cõi người này nữa.] (165) 256 [Coi thêm kinh SN 46:3. Để nhớ và đối chiếu:

- Phần [I.] [Sự Chánh-Niệm Hơi-Thở] cũng được ghi tương tự giống nhau trong mục 24-27 của “Kinh Chánh-Niệm Hơi-Thở” (Ānāpānasati Sutta, MN 118) như đã nói trong chú thích 307 trong kinh 54:10.

- Phần [II.] chỗ này [Hoàn thành Bảy Chi Giác-Ngộ] thì được ghi trong mục 29-40. Còn Phần [III.] bên dưới [Hoàn thành Trí-Biết Đích Thực và Sự Giải- Thoát] thì có ghi trong mục 41-43.] (316) 257 [Ngài Xá-lợi-phất là một trong hai vị trưởng đại đệ tử của Phật, là người đệ tử xuất sắc đệ nhất về trí-tuệ; (người thứ hai là Ngài Mục-kiền-liên, đệ nhất về thần-thông). Về tiểu sử của các vị đại đệ tử này của Phật, mời đọc quyển “Những Vị Đại Đệ Tử của Đức Phật” của nhà sư trưởng lão Nyanaponika và học giả Hecker, Chương 1.] 258 [“Sự tạo-nên cái ‘ta’” (ahaṅkāra) là chức năng (quan niệm) cho rằng có một cái ‘ta’ hay một bản ngã (ngã chấp); “sự tạo-nên cái ‘của ta’” (mamaṅkāra) là chỉ về dục-vọng tham muốn của cái ‘ta’. “Tính tự-ta” (ngã mạn, ta-đây) có gốc rễ từ cái quan niệm “ta là” (asmimāna) (= ta là này, ta là nọ, ta là như vầy, ta là như vậy…), đây chính là “khuynh-hướng tiềm-ẩn” (HV: tùy miên) nằm ẩn bên dưới tâm thức, nó luôn khởi tạo

ra cái ‘ta’, cái ‘ta-là’, nó chính là nguồn gốc tác nhân của “sự tạo-tác cái ‘ta’”.

486 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

- (Lưu ý: nguyên kinh chữ cuối thầy Ananda xưng hô “Ngài ấy” như ngôi thứ ba một cách tôn kính đối với thầy Xá-lợi-phất).] 259 [“Sự chấm-dứt cảm-giác và nhận thức” (diệt thọ tưởng) nguyên văn Pali là: “saññāvedayitanirodha” (trạng thái không còn cảm-giác và nhận-thức). Thuật ngữ này cũng được biết là đồng nghĩa với thuật ngữ: “nirodhasamāpatti” (diệt định: trạng thái định chấm-dứt tất cả). Đây là trạng thái thiền định chỉ có thể chứng nhập được bởi những người tu đã đạt tới thánh quả Bất-lai hoặc A-la-hán. Đúng như tên gọi của thuật ngữ, đây là trạng thái “đã diệt sạch/không còn những chức năng của nhận-thức và cảm-giác”, và theo như các luận giảng, thì cũng “diệt sạch/không còn những chức-năng của tâm thức và tất cả những yếu- tố liên quan tới tâm”. Phần thảo luận chi tiết về vấn đề này được ghi rõ trong các luận giảng, mời đọc thêm trong Thanh Tịnh Đạo Vism 702–9; Ppn 23:16–52.]

Chương IX CHIẾU SÁNG ÁNH SÁNG TRÍ TUỆ 260 [Mối liên hệ giữa danh từ và động từ là rất rõ ràng trong tiếng Pāli, nhưng đáng tiếc mối liên hệ này sẽ bị mất đi khi chúng ta dịch chữ “paññā” là “trítuệ”, còn động từ “pajānāti” thì lại dịch là “người hiểu biết”. Để tránh mất nghĩa liên hệ của hai từ tương ứng này, nhiều dịch giả khác đã muốn bảo tồn ý-nghĩa tương quan rõ ràng của danh từ và động từ này, cho nên họ đã dịch “paññā” là “sự hiểu biết” (như Bhikkhu Ñāṇamoli) hoặc “sự nhận biết” (như Thānissaro Bhikkhu).] 261 [Điều này đã được nói trong các kinh như SN 22:5, 35:99, 35:160, 56:01.] 262 [Sự tương quan này thường được đưa ra trong các luận giảng khi họ bàn luận về công thức này.] 263 [Phần giảng giải chi tiết và đầy tính kỹ thuật về mười hai nhân duyên có thể tìm thấy trong luận giảng Vism, chương 17.] 264 [Theo các luận giảng Pāli, hai yếu-tố (giới) Niết-bàn được gọi là “kilesa- parinibbāna”: sự tiêu diệt của mọi ô nhiễm (bát-niết-bàn diệt nhiễm, và “khandha-parinibbāna”, sự tiêu diệt của năm uẩn (bát-niết-bàn diệt uẩn).]

Chú Thích • 487

265 [Thực ra 02 chữ này xuất thân từ hai gốc động từ khác nhau. Chữ nibbuta là dạng phân từ quá khứ của “nir + v”; nó có danh từ tương ứng là nibbuti, được dùng như một chữ đồng nghĩa của Nibbāna (Niết-bàn). Còn bản thân chữ Nibbāna thì xuất thân từ gốc từ “nir + vā”.] 266 [Về ví dụ này, mời quý vị đọc kinh SN 44:01.] 267 [Nguyên văn câu này: Ādibrahmacariyikāya paññāya. Mp giải nghĩa câu này rằng: “[Đây là] sự minh-sát, trí-tuệ này vốn là căn bản cho đời sống tâm linh của đạo” (maggabrahma cariyassa ādibhūtāya paññāyā ti vipassanāya).] (1621) 268 [Nguyên văn câu cuối này: Ariyaṃ vā tuṇhībhāvaṃ nātimaññati. Nghĩa gốc của nó là: “hoặc người đó không coi thường sự im-lặng thánh thiện”.] (1622) 269 [MA giải thích: Chánh-kiến [cách-nhìn đúng đắn] có 02 loại: thế tục và siêu thế.

- Chánh-kiến thế tục lại có 02 loại: (i) cách-nhìn (kiến) cho rằng “nghiệp tạo ra nghiệp quả”, lý này được Phật giáo nắm giữ và có thể có cả những người không theo đạo Phật cũng tán thành, và (ii) là cách-nhìn đúng bằng Bốn Diệu Đế, là giáo lý riêng của Giáo

Pháp của Đức Phật.

- Chánh-kiến siêu thế là sự-hiểu Bốn Diệu Đế đạt được bằng cách thâm nhập 04 thánh đạo và thánh quả. Vấn đề thầy Xá-lợi-phất đặt ra ở đây là liên quan đến bậc học-nhân (sekha), là thánh đệ tử vẫn còn đang tu học, là người có được loại chánh-kiến siêu thế dẫn dắt một cách bất thoái chuyển đến sự giải-thoát. Điều này được hàm ý bởi cụm chữ "niềm-tin bất thoái chuyển" và "đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này".] (114) 270 [Ở đây sự bất thiện (akusala) được giảng giải bằng "mười đường nghiệp bất thiện". 03 đường đầu thuộc về hành-động của thân (thân nghiệp), 04 đường giữa là hành-động của lời-nói (khẩu nghiệp), và 03 đường cuối là hành-động của tâm (tâm nghiệp). Mười đường bất thiện này được nói đầy đủ hơn trong kinh MN 41, mục 8–10.] (115) 271 [Những đây được gọi là những gốc-rễ của sự bất thiện bởi vì chúng động cơ cho tất cả những hành-động bất thiện. Một bài nghiên cứu đầy đủ chi tiết và

thông tin về những gốc-rễ này và những gốc-rễ đối-trị của nó đã được viết bởi nhà sự trưởng lão Nyanaponika Thera, có tên là "Những Gốc Rễ Thiện và Ác".] (116) 272 [Mười đường nghiệp thiện này cũng được nói lại trong kinh MN 41, mục 12– 14.] (117) 273 [MA giải thích sự-hiểu của người đệ tử về 04 điều này theo cách diễn đạt bằng Bốn Diệu Đế như vầy: tất cả những đường nghiệp là sự-thật về khổ (Diệu Đế 1); những gốc-rễ thiện và bất thiện là sự-thật về nguồn-gốc khổ (Diệu Đế 2); sự không xảy-ra của những loại nghiệp và những gốc-rễ của chúng là sự-thật về sự chấm-dứt khổ (Diệu Đế 3); và con-đường thánh đạo để chứng ngộ sự chấm- dứt khổ là sự-thật về đạo (Diệu Đế 4). Tới mức độ này là mô tả một thánh đệ tử (học nhân) đang ở trong 03 chặng thánh đạo đầu (từ Nhập-lưu tới Bất-lai)—đó là người đã đạt tới chánh-kiến siêu thế nhưng chưa loại bỏ hết sạch mọi ô- nhiễm.] (118) 274 [Đoạn từ "thì người đó hoàn toàn … làm nên sự diệt-khổ" chỉ ra việc tu đã được hoàn thành bằng các chặng thánh đạo Bất-lai và A-la-hán—đó là sự loại- bỏ những ô-nhiễm vi tế nhất và cứng đầu nhất và sự thành tựu trí-biết cuối cùng. Ở đây, những khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) tạo ra tham và sân đã được loại bỏ bởi thánh đạo Bất-lai, còn khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra quan-điểm này nọ (tà kiến) và sự tự-ta (ngã mạn) và sự vô-minh được loại bỏ bằng thánh đạo A-la-hán. MA giải thích cụm chữ "khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra quan-điểm này nọ (tà kiến) và sự tự-ta (ngã mạn)" (asmī ti diṭṭhimānānusaya) nên được dịch nghĩa là "khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sự tự-ta như một quan-điểm (tà kiến)" bởi vì nó cũng giống như quan-điểm có cái 'ta' (thân kiến), nó cũng xảy ra khi chấp nhận ý niệm có 'cái ta' (ngã chấp) vậy.] (119) 275 [Ở đây tôi coi chữ sambhavesīnam là một trường hợp (hiếm khi) là phân từ chủ động tương lai trong đuôi chữ -esin. [Coi thêm học giả Norman, trong quyển Elders' Verses I : Theragāthā (Trưởng Lão Kệ), chú thích 527, và học giả Gelger, trong quyển A Pāli Grammar (Văn Phạm Tiếng Pāli), 193A.] Những luận sư, là những người tôi làm theo trong lần biên tập thứ nhất của bộ kinh này, đã coi đuôi chữ -esin là một sự thành lập tính từ từ chữ esati (tìm kiếm), và do vậy họ đã giải thích cụm chữ này có nghĩa là "những người đang tìm kiếm sự hiện-hữu mới". Mời coi thêm chú thích 514 bên dưới.

- Dưỡng-chất hay thực-dưỡng (āhāra) ở đây nên được hiểu theo nghĩa rộng là điều-kiện nổi bật (duyên chính, điều-kiện rõ rệt) để liên tục sự-sống cá thể. 04 loại dưỡng-chất là: (i) Thức ăn vật chất (kabalinkāra āhāra; đoàn thực) là điều- kiện quan trọng cho thân thể vật chất; sự tiếp-xúc (xúc thực) là điều-kiện cho cảm-giác, sự cố-ý (tư thực) là điều-kiện cho thức, và thức (thức thực) là điều- kiện cho phần danh-sắc, là cơ chế tâm-sinh lý của toàn thể một 'sự-sống' cá thể.

- Dục-vọng (ái) được gọi là nguồn-gốc của dưỡng-chất theo nghĩa là dục-vọng của kiếp hiện-hữu trước là nguồn gốc của sự hiện-hữu hiện tại với sự phụ thuộc vào và sự liên tục tiêu thụ 04 loại dưỡng-chất trong kiếp này để liên tục 'sự- sống' của nó. Nhà sư trưởng lão Nyanaponika Thera có viết về các kinh, với nhiều chú giải, về 04 loại dưỡng-chất này trong luận văn mang tên Bốn Dưỡng Chất Của Sự Sống (The Four Nutriments of Life).] 276 [Bắt đầu 12 phần kế tiếp (từ [4]–[16]), theo chiều đảo ngược, là sự trình bày và xem xét từng chi phần của vòng 12 nhân-duyên [sự khởi sinh tùy-thuộc, hay vòng duyên khởi]. Những (12) thuật ngữ (tên 12 chi phần) của toàn bộ vòng 12 nhân-duyên đã được giải thích ngắn gọn trong phần Giới Thiệu, trang 30–31 (bản dịch tiếng Anh của TKBĐ). Chú giải chi tiết có trong Vsm XVII. Ở đây, mỗi chi phần cũng đều được nói theo 'khuôn mẫu 04-điều' (sự, nguồn, diệt, đạo) của Bốn Diệu Đế.] (121)

[Chỗ này nói về năm-uẩn. Coi thêm kinh MN 10, mục 38 và kinh MN 44, 277

mục 2.] (122) 278 [Sáu cơ-sở để tiếp-xúc (sáu xứ) ở đây là chỉ sáu giác-quan (sáu nội xứ) sẽ được liệt kê trong mục 50 bên dưới.] (123) 279 [03 loại sự hiện-hữu có được giải thích trong phần Giới Thiệu, trang 46–48 (bản dịch tiếng Anh của TKBĐ), thảo luận về vũ trụ học của Phật giáo.

- Ở đây, "sự hiện-hữu" nên được hiểu theo cả 02 nghĩa là những cõi giới thực của sự tái sinh và những loại nghiệp tạo ra sự tái sinh vào những cõi giới đó.] (124) 280 [(iii) 'sự dính-chấp sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện' (giới-cấm thủ) là quan điểm cho rằng sự thanh-lọc có thể đạt được bằng những tục lệ bên ngoài bản thân mình (ngoại tâm), ví dụ như những

lễ nghi, cúng tụng (cúng sao, cúng tế; cúng cầu, cúng giải, cúng rửa, cúng siêu, cúng ngừa, cúng chặn …), hoặc những nghi luật khắc khe khổ hạnh đối với bản thân; hoặc (iv) sự dính-chấp theo thuyết có 'ngã' (ngã-thuyết thủ) đồng nghĩa với quan-điểm có danh-tánh cái 'ta' (thân kiến), trong 1 hay 20 dạng của nó [được nói trong kinh MN 44, mục 7]; bao gồm cả sự dính-chấp vào tất cả những loại quan-điểm khác [ngoài 02 loại giới-cấm thủ và thân kiến được nói riêng ở trên]. Những sự dính-chấp (thủ) dù là dạng nào cũng thể hiện sự làm tăng thêm dục-vọng, và dục-vọng là điều-kiện (duyên) của nó (sự dính-chấp).] (125) 281 [Dục-vọng vì những đối-tượng của tâm (dhammataṇhā) là dục-vọng vì tất cả những đối-tượng của thức, ngoài những đối-tượng của năm loại thức giác-quan kia (thức mắt… thức thân). Ví dụ như: dục-vọng muốn được những cảnh

tượng mộng tưởng và những hình ảnh của tâm, muốn được những ý tưởng trừu tượng và những hệ luận trí thức, muốn được những cảm-giác và những trạng thái cảm xúc… vân vân.] (126) 282 [Sự tiếp-xúc (phassa) được định nghĩa trong kinh MN 18, mục 16, là sự gặp- nhau của cơ-sở tiếp xúc (nội xứ, giác quan), đối-tượng của nó (ngoại xứ) và thức. Sự gặp nhau của 03 thứ này là sự tiếp-xúc.] (127) 283 [Cơ-sở tâm hay tâm xứ (manāyatana) là danh từ chung để chỉ tất cả những loại thức. Một phần của cơ-sở này—là "thứ liên-tục sự hiện-hữu" (bhavanga) hay siêu thức—là "cửa" để khởi sinh thức của tâm (tâm thức). Coi thêm chú thích 130 bên dưới.] (128) 284 [Phần "tâm-thân" hay "danh-sắc" (nāmarūpa) là một thuật ngữ ô dù bao trùm để chỉ cái cơ-chế tâm lý-sinh lý (của một 'cá thể', một 'chúng sinh'); ngoại trừ thức.

- 05 yếu-tố tâm (tâm sở) được đề cập dưới phần danh (nāma) là không thể thiếu đối với thức, và do vậy chúng thuộc về tất cả sự trải nghiệm có ý thức. Còn 04 yếu-tố lớn (tứ đại) thuộc vật chất thì cụ thể đại diện cho những thể vật chất căn bản như thể cứng, thể lỏng, thể nhiệt, thể khí (đất, nước, lửa, gió). Thể vật chất tức phần sắc là có từ những yếu-tố tứ đại này là gồm có: (i) chất-liệu của 05 căn cảm-nhận (05 giác-quan ở thân); tính luôn 05 đối-tượng giác quan—hình sắc, âm thanh, mùi hương, mùi vị, [những thứ hữu hình là 03 yếu-tố đất, lửa, và khí (?)]; (ii) căn mạng sống thuộc về vật chất (tức căn mạng của sắc thân), những tinh cốt dinh dưỡng, sự quyết định giới tính, và những loại hiện-tượng vật chất

khác. Coi thêm trong phần Giới Thiệu, trang 56 (bản dịch tiếng Anh của TKBĐ).] (129) 285 [Thức (của) tâm hay tâm-thức (manovinnāṇa) gồm tất cả các thức, trừ 05 loại thức kia thuộc thân (thức-mắt … thức-thân). Nó gồm cả thức của những tâm ảnh, những ý tưởng trừu tượng, và những trạng thái bên trong của tâm, và gồm cả thức trong sự quán chiếu về những đối-tượng giác quan.] (130) 286 [Trong phạm vi (ngữ cảnh, giáo lý) 'sự khởi-sinh tùy thuộc' (duyên khởi) thì những sự tạo-tác [hành] (saṅkhārā) là những sự cố-ý (tư) thiện và bất thiện, hoặc nói gọn, đó là nghiệp (kamma). Những sự tạo-tác của thân (thân hành) là sự cố-ý được thể hiện thông qua thân, những sự tạo-tác của lời-nói (khẩu hành) là sự cố-ý được thể hiện thông qua lời-nói, những sự tạo-tác của tâm (tâm hành) là sự cố-ý vẫn còn nằm bên-trong chưa thể hiện ra thành hành-vi của thân hay bằng lời-nói.] (131) 287 [Nên ghi nhớ rằng: Vô-minh là điều-kiện (duyên) làm khởi sinh những ô- nhiễm (lậu hoặc), thì tới phiên những ô-nhiễm—tính luôn cả ô-nhiễm của/do vô- minh (vô minh lậu)—cũng là điều-kiện (duyên) làm khởi sinh vô-minh. (Có vô- minh là có ô-nhiễm; còn ô-nhiễm là còn vô-minh. Hết ô-nhiễm là hết vô-minh; hết vô-minh là hết ô-nhiễm). MA nói rằng "sự tác-động này của vô-minh" nên được hiểu có nghĩa là vô-minh trong mọi kiếp hiện-hữu là do tác động bởi vô- minh của kiếp hiện-hữu trước đó. Bởi do như vậy, nên mới có kết luận (bởi Phật) rằng vô-minh là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được, và do vậy vòng luân-hồi (saṁsāra) là không có điểm khởi thủy có thể nhận biết được.] (132) 288 ["Catuparivaṭṭa" nghĩa gốc là: bốn lượt, bốn phiên chuyển, bốn vòng quay; tức ứng dụng khuôn mẫu 'Bốn Diệu Đế' cho từng mỗi uẩn.] (80) 289 [Lạ thay rằng những bộ kinh Nikāya đã không đưa ra sự

phân-tích về sắc- thân phái sinh từ bốn yếu-tố lớn (tứ đại) (catunnaṃ mahābhūtānaṃ upādāya rūpaṃ). Sự phân-tích này chỉ xuất hiện đầu tiên trong Vi Diệu Pháp Tạng (Abhidhamma Piṭaka), theo đó sắc-thân như vậy gồm có 05 căn cảm-nhận, 04 đối-tượng cảm nhận [đối-tượng chạm xúc được gán cho 03 trong 04 yếu-tố tứ đại, trừ yếu-tố nước], yếu-tố không gian, sự quyết-định về tính dục, và dưỡng- chất thuộc thân [tức = thức ăn] ... vân vân; coi them CMA 6:2–5. Về dưỡng- chất là một điều-kiện (duyên) tạo nên thân thể, mời coi chú thích 18 trong

Quyển 2. Trong kinh này cái điều-kiện kế cận tạo ra sự khởi sinh của mỗi uẩn thuộc năm uẩn đã được chỉ ra, tương phản với kinh 22:5 (kinh này) chỉ ra cái điều-kiện xa chung cho tất cả năm uẩn. Về sự phân biệt 02 loại điều-kiện, mời coi lại chú thích số 58 trong Quyển 2.] (81) 290 [Đoạn (a) này là chỉ bậc học-nhân (sekha), là người đã trực-tiếp biết Bốn Diệu Đế và đang tu tập để chứng ngộ Niết-bàn—đó là sự chấm-dứt rốt ráo của năm-uẩn. Vì lý do này những bậc học-nhân được cho là "đã có-được chỗ-đứng (gādhanti) trong Giáo Pháp và Giới-luật này", chứ chưa phải là những bậc toàn-vẹn đã hoàn thành mục tiêu A-la-hán (như được nói chú thích kế dưới).] (82) 291 [Đoạn (b) này mô tả những bậc vô-học nhân (asekha), tức những A-la-hán. Spk giải thích: Họ đã khéo được giải-thoát (suvimuttā) bằng sự giải-thoát của thánh quả A-la-hán; những người toàn-vẹn (kevalino) là họ đã hoàn thành, đã làm hết toàn bộ những bổn phận (tu) của mình. Không có vòng luân-hồi nào để mô tả họ (vaṭṭaṃ tesaṃ natthi paññāpanāya): là không còn vòng luân-hồi nào nữa [không còn sự tái hữu tái sinh nào] để mô tả về họ. Nói cách khác, "vòng luân-hồi" có nghĩa là cơ-sở (kāraṇa), vậy là không có cơ-sở nào để mô tả. Chỗ này là chỉ cảnh giới của bậc vô-học nhân (asekha-bhūmi, tức A-la-hán).

- Về "người toàn-vẹn" mời coi thêm chú thích số 446 trong Quyển 1. Về ý nghĩa "A-la-hán là vượt trên sự mô-tả hay vượt khỏi sự quy-tính", mời coi lại kinh SN 22:35 và chú thích số 47 của nó. Lời diễn đạt vaṭṭaṃ tesaṃ natthi paññāpanāya cũng có ghi trong kinh SN 44:06 (Quyển 4); coi thêm kinh dài DNII 63,30–64,1 (?). Cụm chữ này cũng có thể được dịch là "Không còn vòng luân-hồi cho sự hiện-thị (hiện thân, thể hiện) của họ".] (83) 292 [Sự tiếp-xúc (phassa) xảy ra với đối-tượng cảm nhận và thức thông qua một căn cảm-nhận (giác quan). Khi điều này xảy ra, những yếu-tố thuộc tâm khác khởi sinh, nổi bật nhất là cảm-giác, nhận-thức, và sự cố-ý.] (84) 293 [Nguyên văn: Cha cetanākāyā. Ở đây chữ "sự cố-ý" (tư) đã được dùng để gọi những sự tạo-tác cố ý (hành)! Ở đây có sự khác nhau giữa tên của uẩn này [những sự tạo-tác cố ý = hành-uẩn (saṅkhāra-kkhandha)] và thuật ngữ "sự cố- ý" (tư; cetanā). Sự cố-ý (tư) đã được dùng trong định nghĩa về hành-uẩn; điều đó cho thấy uẩn này (hành-uẩn) có tầm (phạm vi) rộng lớn hơn 04 uẩn kia. Trong phần Giáo Pháp Cao Học (Vi Diệu Pháp Tạng) và trong các luận giảng

thì hành-uẩn được coi là một "phạm vi bao trùm" cho việc phân loại tất cả những yếu-tố thuộc tâm trong các bài kinh, ngoại trừ cảm-giác (thọ) và nhận- thức (tưởng). Sự cố-ý (tư) đã được nói ra trong định nghĩa này bởi vì nó là thành-tố quan trọng nhất của uẩn này theo định nghĩa này, chứ không phải vì đó là một thành phần riêng biệt của uẩn này.] (85) 294 [Thật ý nghĩa chỗ này là: trong khi sự tiếp-xúc (xúc) là điều-kiện (duyên) kế cận làm sinh ra cảm-giác (thọ), nhận-thức (tưởng), và những sự tạo-tác cố ý (hành) thì chỉ một mình phần danh-sắc là điều-kiện kế cận sinh ra thức. Điều này đã gói gọn thành một ý, như đã được ghi trong kinh SN 22:03 rằng: 04 uẩn kia là "nhà" của thức. Coi thêm sự liên kết này trong kinh SN 12:65 và 12:67 (Quyển 2).] (86) 295 [Toàn bộ lời bài kinh này, cả phần [I] và [II], cũng nằm trong kinh MN 109.] (138) 296 [Ime … pañcupādānakkhandhā chandamūlakā. Spk giải nghĩa chữ chandamūlakā (bắt rễ từ tham muốn) là taṇhā-chandamūlakā (bắt rễ từ tham muốn và dục vọng). Về cách năm-uẩn bắt nguồn từ dục-vọng (ái), coi lại kinh SN 22:05 và chú thích số 30 của nó.] (139) 297 [Phần hỏi đáp này cũng có trong kinh MN 109, mục 6 và MN 44, mục 6; coi thêm kinh SN 22:121.

- Spk: "Sự dính-chấp không phải là một với năm-uẩn bị dính chấp": bởi vì năm- uẩn đơn giản được quy gọn thành 'tham-muốn và nhục-dục'; "nhưng sự dính- chấp cũng không phải khác với năm-uẩn bị dính chấp": bởi vì không có sự dính- chấp nào khác ngoài các uẩn là một yếu-tố đồng sinh hay một đối-tượng. Khi một tâm (citta) có dính dục-vọng xảy ra, thì thể sắc được sinh ra bởi tâm đó là thuộc về sắc-uẩn, và những trạng thái tâm còn lại là thuộc về 4 uẩn kia: như vậy không có sự dính-chấp nào nằm ngoài các uẩn như những yếu-tố đồng sinh (với uẩn). [Ngoại trừ dục-vọng, bởi vì dục-vọng là cái dính chấp theo các uẩn, và một yếu-tố thuộc tâm không thể tự dính chấp vào chính nó]. Rồi, tương tự, cũng không có sự dính-chấp nào nằm ngoài các uẩn như một đối-tượng, bởi vì khi sự dính-chấp khởi sinh nó lấy một uẩn làm đối-tượng, chẳng hạn như sắc-uẩn.] (140) 298 ["Cho sự thể-hiện của uẩn sắc-thân" (rūpakkhandhassa paññāpanāya). Có

lẽ nên dịch câu này là "cho sự mô-tả về sắc uẩn". Chữ paññāpana nghĩa gốc là sự "làm cho biết, làm cho thấy" và thứ "được làm cho biết, được làm cho thấy" bằng cách thể hiện ra hay bằng cách được mô tả (để người ta biết hay thấy). (141) 299 ["Đặc tính vô-ngã" (vô-ngã tướng) là tên bài thuyết giảng thứ hai Phật đã khai giảng (cho nhóm năm người bạn tu khổ hạnh với Phật trước đó, có ngài Kiều-trần-như), theo ghi chép trong luận giảng Vin I 13–14 về sự nghiệp truyền dạy Giáo Pháp của Phật. Năm vị Tỳ kheo đó là năm người đệ tử xuất gia đầu tiên của Đức Phật, những người đó lúc đó vẫn còn là những người đang tu học (học-nhân; sekha). Đức Phật đã giảng bài kinh này để dẫn họ đạt tới sự giác ngộ thánh quả A-la-hán.] (90) 300 [Kinh này đưa ra những "luận cứ" của thuyết vô-ngã (anattā). (i) Luận cứ thứ nhất là bản chất không có cái 'ta' (không có bản ngã) của năm uẩn dựa trên cơ sở chúng là không thể bị điều khiển, không thể bị ảnh hưởng để có thể thực thi sự làm-chủ (avasavattitā) đối với chúng. Nếu thứ gì bản tính là cái 'ta' thì nó phải bị điều khiển bởi chúng ta; tuy nhiên, bởi vì, chúng ta đâu thể

nào uốn ép năm uẩn theo ý muốn của chúng ta, nên chúng cứ bị dính theo sự khổ đau và do vậy chúng không thể nào là cái 'ta' (ngã) của chúng ta. (ii) Luận cứ thứ hai là sự lý giải của Phật bắt đầu từ những câu "Các thầy nghĩ sao? ..." Luận cứ này chứng minh đặc tính vô-ngã dựa trên 02 đặc tính khác là vô-thường và khổ, một cách liên hoàn với nhau.] (91) 301 [Spk: "nhìn thấy bằng trí-tuệ chánh đúng" (sammappaññāya) là trí-tuệ của phần thánh đạo cộng với minh-sát tuệ. Tâm trở nên chán-bỏ (virajjati) trong thời thánh đạo, và được giải-thoát (vimuccati) trong thời thánh quả.] (58) 302 [Spk: Nó ổn định (ṭhitaṃ) bởi vì không còn việc phải làm thêm nữa; và hài lòng (santussitaṃ) bởi vì điều gì cần được chứng ngộ đã được chứng ngộ. Lưu ý rằng đoạn kinh này đã tạo nên sự chuyển đổi bất ngờ từ những danh từ chỉ định vô tính phi cá nhân [mô tả tâm của Tỳ kheo; cittaṃ] thành những động từ chỉ chủ-thể cá nhân [na paritassati, parinibbāyati, pajānāti].] (59) 303 [Spk: lúc này Phật ra khỏi chỗ ẩn cư là 'Hương Thất' và đến ngồi bên bờ sông Hằng. Phật nhìn thấy một đống bọt-nước trên sông và quyết định "Ta sẽ làm một bài giảng Giáo Pháp về năm-uẩn" cho những Tỳ kheo đang ngồi xung quanh Phật. Bài kinh này là một bài giảng 'triệt để tận gốc' nhất về bản chất

rỗng-không của những hiện-tượng có điều-kiện (những pháp hữu vi); hình ảnh của bản chất rỗng-không đó [đặc biệt trong những ví dụ về ảo-ảnh và màn ảo- thuật] đã được vận dụng bởi những nhà tư duy Phật giáo thời sau Phật, nhiều nhất là những người theo Trung Quán Luận (Mādhyamika). Một số hình ảnh ví dụ cũng được thấy trong các kinh khác, chẳng hạn như trong Dhp 46, Dhp 170.

- Trong bối cảnh của Phật giáo tiền thân, những ví dụ này đã được xử trí một cách cẩn thận. Chúng không được nói ra với chủ ý như một 'quan-điểm hư ảo' về thế giới, mà chỉ để chỉ ra rằng: 'những quan-niệm của chúng ta về thế giới' và 'những quan-niệm về sự hiện-hữu của chúng ta' phần lớn là bị méo mó xuyên tạc bởi 'tiến trình nhận-biết' của chúng ta mà thôi. Giống như ảo-ảnh và màn ảo-thuật là dựa trên những thứ có thật trong đời thật—như cát có thật trong sa mạc, những dụng cụ có thật của nhà ảo thuật—cũng tương tự vậy, những quan-niệm sai lầm phát sinh từ một cơ-sở khách quan có thật, đó là năm-uẩn; nhưng khi được nhìn thấy thông qua một cái tâm bị tùy thuộc vào sự méo mó đảo điên thuộc về khái niệm, thì năm-uẩn hiện ra theo một cách sai lệch khác hẳn với "bản chất thực" của chúng". Thay vì được thấy là vô-thường và vô-ngã (đúng như chúng thực là) thì chúng lại được (con người) nhìn thấy như một thực-thể tự tính và như một 'bản ngã' thường hằng.] (188) 304 [Spk chú giải rất dài về cách thể-sắc (sắc-thân) giống như một đống bọt-nước (pheṇapiṇḍa). Tôi chỉ dẫn ra những câu chính: vì đống bọt-nước không có thực chất (sāra) gì, sắc-thân cũng không có thực chất nào là thường hằng, chắc chắn, ổn định, hay một thực ngã; vì đống bọt-nước có đầy lổ rỗng và nứt nẻ và làm nơi trú ẩn cho nhiều vi thứ vi sinh (ấu trùng, vi trùng nằm trong đó), thân người cũng giống vậy; vì đống bọt-nước tới lúc giãn ra cũng là tan vỡ, thân người cũng giống vậy, cũng bị nghiền nát trong miệng của thần chết. Sự chú giải của Spk cũng có trong Vibh-a 32–35.] (189) 305 [Spk: Một bong-bóng nước (bubbuḷa) là yếu ớt mong manh và không thể nắm bắt được, vì nó sẽ vỡ tan ngay

khi đụng vào; cũng giống như cảm-giác là yếu ớt mong manh và không thể nắm bắt được như thứ gì thường hằng và chắc chắn. Khi bong-bóng nước khởi sinh là lập tức vỡ tan khi có giọt mưa rớt xuống nó, cũng giống như cảm-giác: 100,000 koṭi cảm-giác khởi sinh và chấm dứt trong khoảng khắc bằng một cái búng ngón tay [1 koṭi = 10 triệu]. Vì bong-bóng nước khởi-sinh tùy thuộc vào những điều-kiện (duyên), cảm-giác cũng khởi-sinh

tùy thuộc vào một cơ-sở cảm-nhận (giác quan), một đối-tượng, những ô-nhiễm, và sự tiếp-xúc.] (190) 306 [Spk: Nhận-thức giống như ảo-ảnh (marīcikā) theo cái nghĩa nó là không có thực chất, bởi vì không thể nắm lấy một ảo-ảnh để uống hay tắm hay đổ vào bình. Vì ảo-ảnh đánh lừa, nhận-thức cũng đánh lừa gấp bộ lần như vậy, nó dụ dỗ người ta có ý nghĩa đó là một đối tượng đầy màu sắc, đẹp đẽ, đáng thích, và thường (mà thực ra là ngược lại).] (191) 307 [Nguyên văn chữ cuối: akukkukajātaṃ. Spk: Không có lõi cứng phát triển ở bên trong (anto asañjātaghanadaṇḍakaṃ).] (192) 308 [Ví dụ thân-cây-chuối này cũng được dùng trong kinh MN 35, mục 22, nhưng để diễn đạt một giáo-lý khác. Spk: Vì một thân cây-chuối (kadalikkhandha) chỉ là một sự lắp-ráp nhiều lớp lớp vỏ xơ mềm, mỗi lớp mỗi đặc tính, cũng giống như tập-hợp những sự tạo-tác cố ý (hành uẩn) chỉ là một sự lắp-ráp nhiều hiện-tượng, mỗi hiện-tượng mỗi đặc tính.] (193) 309 [Spk: Thức giống như màn ảo thuật (māyā) theo nghĩa nó là không thực, không thực chất, và không thể nắm bắt được. Thức thậm chí còn biến đổi và biến hóa siêu nhanh hơn cả ảo-thuật hay ảo-tưởng. Vì nó tạo cảm-tưởng rằng một người đến đi, đứng ngồi, với cùng một cái tâm, nhưng thực ra trong mỗi hành vi đến, đi, đứng, ngồi với cùng mỗi tâm khác nhau. Thức đánh lừa gấp muôn vàn lần hơn cả màn ảo-thuật.

- Mời đọc thêm một bài luận hiện đại giảng giải một cách song hành như vậy về "bản chất đánh lừa" của thức, cũng được giảng giải dựa trên ví dụ này, bởi nhà sư Ñāṇananda, trong quyển "Ảo Thuật Gia của Cái Tâm", trang 5–7.] (194) 310 [Spk: trong kinh này đang nói về 03 loại sự hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ): (i) sự hoàn-toàn hiểu về những điều đã biết (đã biết bởi nhiều người, hiển nhiên, phổ quát), (ii) sự hoàn-toàn hiểu nhờ sự suy-xét kỹ lưỡng, và (iii) sự hoàn-toàn hiểu là sự dẹp-bỏ. Mời coi lại thêm chú thích số 36 trong Quyển 1 và chú thích số 42 ở kinh SN 22:24 (Quyển 3) về chữ này.] (11) 311 [Kinh này thường được gọi là "Kinh Lửa", là bài thuyết giảng thứ ba của Đức Phật sau khi giác-ngộ, như đã được ghi lại trong Luật Tạng, Vin I 34–35. Theo Luật Tạng, 1.000 Tỳ kheo này trước đó đã từng là những khổ sĩ để tóc búi

(jaṭila) đi tu dưới sự dẫn dắt của 03 anh em nhà Ca-diếp (Kassapa). Phật đã chuyển hóa họ bằng một loạt những điều thần-diệu (bằng thần thông), sau đó giảng cho họ bài kinh này. Bài kinh này được gọi là "kinh lửa" vì những Tỳ kheo này trước kia từng là những khổ sĩ thờ thần lửa (nên Phật đã dùng hình ảnh "lửa đốt cháy" để thuyết giảng cho họ). Toàn bộ câu chuyện này cũng được ghi trong Luật Tạng, Vin I 24–34; mời đọc thêm quyển "Cuộc Đời Của Đức Phật" của nhà sư dịch giả Ñāṇamoli, trang 54–60, 64–69.

- Spk chú giải như vầy: Sau khi dẫn 1.000 Tỳ kheo đến (nơi được gọi là) Đầu Của Gayā (không rõ chữ 'đầu' ở đây là chỉ 'thủ phủ của vùng Gayā' hay là 'đầu núi Gayā'?), đức Thế Tôn đã suy xét: "Loại thuyết Pháp nào sẽ thích hợp với họ?" Rồi đức Thế Tôn nhận ra trước kia họ đã từng thờ cúng thần lửa buổi sáng và buổi tối. Vậy ta sẽ dạy họ 12 cơ-sở cảm-nhận (12 xứ) đang bốc cháy và đốt cháy. Theo cách như vậy họ sẽ có thể chứng quả A-la-hán." Trong kinh này sự đốt-cháy là nói về đặc-tính "khổ".] (13) 312 [Nibbānasappāyaṃ paṭipadaṃ (các đường lối thích hợp để chứng ngộ Niết- bàn). Spk chú giải: (đó là) sự tu-tập (là) hữu ích (upakārapaṭipadā), thích hợp, để đạt được (chứng ngộ, đạt tới) Niết-bàn.] (147) 313 [Giống ví dụ trong kinh SN 22:95 (Quyển 3) (và nhiều kinh khác).] (169) 314 [Spk giải thích: sự đa-dạng của những yếu-tố: là bản chất vốn đa dạng của những hiện-tượng; những hiện-tượng được gọi là "yếu-tố" (giới) theo nghĩa chúng có một bản chất cố hữu bao gồm sự trống-không (tánh không) và sự không có một 'người' nào (nissattaṭṭha-sunnataṭṭhasa okhātena sabhāvaṭṭhena dhātū ti laddhanāmānaṃ dhammānaṃ nānāsabhāvo dhātunānattaṃ).] (223) 315 [Spk: Yếu tố mắt (nhãn giới) là tính cảm nhận của mắt (cakkhupasāda), yếu tố hình-sắc (sắc giới) là đối-tượng vật chất; yếu tố thức-mắt (nhãn-thức giới) là tâm dựa trên tính cảm nhận của mắt (cakkhupasādavatthukaṃ cittaṃ). Tương tự, 04 yếu tố giác-quan kia, những đối-tượng của chúng, và những thức của chúng cũng được giải thích tương ứng theo cách như vậy.

- Yếu tố tâm (tâm giới; manodhātu) là 03 yếu tố tâm [Spk-pṭ: gồm 02 tiếp-nhận (sampaṭicchana) những yếu tố tâm và yếu tố tâm chức năng [= những tâm (citta) hướng ra năm-cửa]. Yếu tố những hiện-tượng thuộc tâm (tâm pháp giới; dhammadhātu) là gồm 03 uẩn—cảm-giác, nhận-thức và những sự tạo-tác cố ý

(thọ, tưởng, hành)—và sắc vi tế, và Niết-bàn. Yếu tố thức-tâm (tâm thức giới) là tất cả thức-tâm [Spk-pṭ: thuộc 76 loại].

- Những định nghĩa chính xác như vậy về những yếu-tố (giới) không được tìm thấy trong các bộ kinh. Có lẽ nguồn xưa nhất của những định nghĩa về 18 yếu-tố là Vibh 87–90. Những thứ này đều chỉ có ghi trong Abhidhamma-bhājaniya, điều đó hàm nghĩa rằng những người kết tập Vibh đã coi 18 yếu-tố là hạng-mục đúng của Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) chứ không phải thuộc về các kinh. Sự thảo luận về những điểm thuộc luận giải cũng có ghi trong Vism 484–90 (Ppn 15:17–43) và Vibh-a 76–82.

- Những "tính cảm-nhận" (pasāda) là những loại hiện-tượng vật chất, nằm trên những bộ phận thô tế, đặc biệt nhạy cảm để tiếp thu những đối-tượng cảm nhận.

- Cả Vibh-a và Vism đều đóng khung những chú-giải của mình về cơ sở lý thuyết theo Vi Diệu Pháp về tiến-trình nhận-biết, chúng mặc dù chỉ nằm trong các luận giảng nhưng dường như đã có sẵn bên dưới sự phân-loại những citta trong Vi Diệu Pháp. Tuy nhiên, mô hình này rõ ràng là có sau các bộ kinh Nikāya, và sự cố gắng của Spk để dung hòa 02 luận điểm nhiều lúc tỏ ra là sự cố ý sắp đặt.

- 05 loại thức giác quan (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân) là những citta thực hiện chức năng thô sơ của tiến-trình nhận-biết về đối-tượng giác quan. Trong 03 yếu-tố tâm thì yếu tố "chức năng" (kiriya) là citta đầu tiên của tiến-trình, nó chỉ hướng tới đối-tượng, và do vậy được gọi là thức hướng ra năm-cửa (pancadvārāvajjana-citta). Thức này được theo sau bởi một thức giác quan phù hợp (như thức-mắt ...), một citta thuộc nghiệp quả có thể là thiện quả hay bất thiện quả; như vậy 05 thức giác quan trở thành 10. Tiếp đến là thức tiếp nhận (sampaṭicchana-citta), nó 'nhặt lấy' đối-tượng để soi xét kỹ thêm; đây là một "yếu tố tâm" (tâm giới) và không thuộc quả thiện hay quả bất thiện. Tiếp sau nó là một thức điều-tra (santīraṇa-citta) khởi sinh, đó là một citta thuộc quả thiện hay quả bất thiện (nó) điều tra đối-tượng; rồi tới một thức quyết-định (votthapana-citta), đó là một citta chức năng (nó) định nghĩa đối-tượng; và rồi tới một chuỗi citta được gọi là javana (tốc hành tâm), nó sẽ tạo nên một phản ứng thuộc quả thiện hay quả bất thiện đối với đối-tượng [hoặc trong trường hợp A-la-hán thì nó chỉ là mọt phản ứng thuộc chức năng mà thôi]. Tiếp theo chuỗi này là một thức đăng ký (tadārammaṇa), đó là một citta thuộc quả (nó) lưu ký

cái cảm tưởng về đối-tượng trên dòng liên-tục của tâm. Tất cả những citta từ thức điều-tra trở đi đều là yếu tố thức-tâm (tâm thức giới), nó có 76 loại.

- Ở cửa tâm thì tiến-trình có khác: nó bắt đầu bằng thức hướng ra cửa-tâm (manodvārāvajjana-citta), lập tức theo sau là một chuỗi javana (tốc hành tâm). Về chi tiết, coi thêm CMA 1:8–10, 4:1–23.

- Yếu tố những hiện-tượng thuộc tâm (pháp giới; dhammadhātu) không nhất thiết là đối-tượng của yếu tố thức-tâm (tâm thức giới), vì một người có thể giả định nó là vậy bằng cách đổ đồng với những giác quan khác. Cùng với đối- tượng của thức-tâm, nó gồm có tất cả cảm-giác, nhận-thức, và những yếu-tố cố- ý (tư) đi kèm theo thức trong tiến-trình nhận-biết. Như vậy nó thuộc về cực chủ- thể của hành vi nhận-biết cũng nhiều như thuộc về cực đối-tượng. Coi riêng chỗ này trong CMA, Bảng 7.4.] (224) 316 [MA: Sự không lơ là trí-tuệ ở đây được giải thích theo cách diễn đạt bằng 'sự thiền về những yếu-tố'. Sự phân tích những yếu-tố ở đây là giống hệt trong kinh MN 28, mục 6, 11, 16, 21 và kinh MN 62, mục 8–12.] (1272) 317 [MA chú giải: Đây là yếu-tố thứ sáu, "chỉ còn lại thức" có nghĩa là nó chưa được giảng giải bởi Phật và chưa được thấu nhập bởi Pukkusāti. Ở đây thức được giảng giải là loại thức hoàn thành cái công việc 'thiền quán minh-sát về những yếu-tố'. Dưới tiêu đề của thức, sự quán sát về cảm-giác (thọ) cũng được đưa vào.] (1273) 318 [Đoạn này chỉ ra sự điều-kiện (nhân duyên) của cảm-giác và sự vô-thường của khi nhân duyên của nó chấm dứt. (còn duyên thì còn, hết duyên thì hết).] (1274) 319 [Luận giảng Spk chú giải rằng: Khi nói: "Do có vô-minh là điều-kiện (duyên) nên có những sự tạo-tác cố ý (hành)" thì nghĩa của nó nên được hiểu theo phương pháp như vầy: "Chính là vô-minh và nó là một điều-kiện (duyên), nghĩa là 'vô-minh-là-điều-kiện' (avijjā ca sā paccayo cā ti avijjāpaccayo). Thông qua 'vô-minh-là-điều-kiện' nên những sự tạo-tác cố ý (hành) đi đến hiện thành (tasmā avijjāpaccayā saṇkhārā sambhavanti)." Sự chú giải này cho thấy rằng động từ

sambhavanti, chỉ nằm ở cuối cùng của toàn bộ vòng duyên-khởi, nên được dùng để kết nối với những phần nhân-duyên nối tiếp nhau. 12 yếu tố nhân- duyên của công thức này sẽ được phân tích kỹ hơn trong kinh tiếp theo. Cuối

đoạn này, Ee ghi là ayaṃ vuccati bhikkhave samuppādo, nhưng đây chắc hẳn là lỗi ghi chép, vì cả Be và Se đều ghi là paṭicca-samuppādo.] (1) 320 [Nguyên văn cả câu này: Thitā va sā dhātu dhammaṭṭhitatā dhammaniyāmatā idappaccayatā. Spk giải thích: Yếu-tố đó (sā dhātu), là bản chất cố hữu của những điều-kiện (paccayasabhāva), vẫn luôn tồn tại; không bao giờ có chuyện sự sinh-ra không phải một là điều-kiện (duyên) dẫn tới sự già- chết (vì không sinh ra thì đâu có già đi và chết). Hai thuật ngữ kế tiếp cũng hàm chỉ cái tính nhân-duyên như vậy. Bởi vì, những hiện tượng đã khởi-sinh tùy thuộc (paccayena hi paccayupppannā dhammā tiṭṭhanti) có mặt là do có điều- kiện (duyên), cho nên bản thân tính điều-kiện (lý nhân-duyên) đó được gọi là sự chắc-chắn của Giáo Pháp (dhammaṭṭhitatā). Điều-kiện cố định [hay quyết định] những hiện-tượng tùy thuộc (paccayo dhammeniyameti); do vậy nó được gọi là đường lối cố-định của Giáo Pháp (dhammaniyāmatā). Tính điều-kiện (nhân duyên) rõ ràng cụ thể là chỉ một những điều-kiện rõ rệt cụ thể dẫn tới sự già- chết …

- Spk-pṭ nói thêm (đại ý như vầy): … đây là nguyên lý (chân lý, lẽ thực, sự thật) cho dù có Như lai khởi sinh hay không, Như Lai không tạo ra điều đó, sự già- chết hiển nhiên sẽ xảy ra sau khi có sự sinh-ra là điều-kiện (duyên) của nó. Như Lai chỉ là người khám phá ra nguyên lý này, và đi tuyên thuyết cho chúng sinh biết, chứ Như Lai không chế tạo ra nó …] (51) 321 [Cụm chữ cuối tỉnh thức (giác ngộ) tới điều này và đột phá tới điều này (abhisambujjhati abhisameti). Động từ trước, được dành cho sự giác-ngộ của Phật, là động từ tha cách. Như vậy tôi dịch là “tỉnh thức tới (đối tượng)”, mặc dù có thể theo cách khác mà tôi thường dịch các chữ từ động từ bujjhati để diễn tả nghĩa “sự giác-ngộ”. Abhisameti là động từ tương ứng với chữ abhisamaya, mời coi lại trong chú thích 13 của kinh 12:10.] (52) 322 [Ngay chỗ này, Se có ghi chú cuối trang để giải thích rằng: (i) câu này [“Vậy đó, này các Tỳ kheo, tính thực-tại trong điều này …”] nên được đưa vào mỗi đoạn (mắc xích) nói về những mối liên-hệ nhân-duyên; và (ii) mỗi đoạn (mắc xích) tiếp theo nên bắt đầu bằng câu [“cho dù có sự khởi sinh của những Như Lai hay không …”]. 323 [Tính thực-tại (tathatā), sự không sai-lầm (avitathatā), sự không-thể khác (anannathatā).] (54)

324 [Bằng trí-tuệ chánh đúng (sammappaññāya). Spk giải nghĩa đó là: bằng trí- tuệ của đạo cùng với sự minh-sát (savipassanāya maggapaññāya).] (55) 325 [16 sự nghi-ngờ đã được đề cập trong kinh MN Ī 8,4–15 (?) (người dịch thấy là kinh MN 2, mục 7). Thảo luận chi tiết về sự dẹp-bỏ chúng, mời coi Vism 599 (Ppn 19:5–6) và Vism 603–605 (Ppn 19:21–27) …]

- (Hai đoạn kết này có nghĩa là: khi người tu đã nhìn thấy rõ ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’ (lý duyên khởi) trong tất cả mọi sự, thì người đó nhìn thấy không có một cái ‘ta’ hay ‘ngã’

hay ‘linh hồn’ cố định hay độc lập nào trong quá khứ và chuyển kiếp từ kiếp quá khứ tới hiện tại và tương lai. Như vậy thì đâu còn những câu hỏi hay nghi vấn như vậy nữa.) (56) 326 [Sự-biết về nguyên-lý: nguyên văn là Dhamme-ñāṇa (sự-biết về Giáo Pháp). Spk giải thích chữ Dhamma (Giáp Pháp, nguyên lý, chân lý) ở đây chính là Bốn Diệu Đế (catusaccadhamma), tức cũng chính là = giáo pháp về sự-biết của đạo (magga-ñāṇa-dhamma).] (102) 327 [Nguyên văn cả đoạn chữ này: Īminā dhammena diṭṭhena viditena akālikena pattena pariyogāḷhena. Lưu ý, một loạt các phân từ ở đây là tương ứng chính xác với công thức mô tả về một người đã đạt tới “sự-thấy của Giáo Pháp” (dhammacakkhu), đó là: diṭṭhadhammo, pattadhammo, viditadhammo, pariyogāḷhadhammo (đã nhìn thấy Giáo Pháp, đã chứng đắc Giáo Pháp, đã hiểu được Giáo Pháp, đã thông thấu Giáo Pháp”; ví dụ này cũng được ghi trong kinh DN I 110,14–15). Điều này hàm ý rằng Giáo Pháp mà bậc thánh Nhập-lưu đã nhìn thấy chính là “sự khởi-sinh tùy thuộc” (lý duyên-khởi). Suy luận này cũng được xác nhận thêm bởi đoạn kết thúc của bài kinh này.

- Spk ở đây coi chữ akālikena là một tính từ độc lập bổ nghĩa cho chữ dhammena và giải thích điều đó có nghĩa con-đường đạo tạo ra đạo quả tức thì ngay sau khi người tu thâm nhập được nguyên-lý này, không cần phải quá giang thời gian nào nữa (kiñci kālaṁ anatikkamitvā paṭivedhānantaraṁ yeva phaladāyakena). Tuy nhiên, khi luận giải về bài kinh SN 42:11, trong đó cũng có ghi những câu kinh này, thì Spk lại giải thích chữ akālikena là một trạng từ chỉ cách thức được dùng để ghép vào chữ pattena [coi thêm chú thích thứ hai trong kinh SN 42:11]. Tôi cũng hiểu chữ akālikena trong đoạn kinh hiện tại theo cách y hệt như vậy; nếu không thì rất khó để nhìn thấy tại sao nó lại nằm ở khúc giữa của một dãy các phân từ quá khứ như vậy. Hơn nữa, do chữ này mô tả mối

quan hệ giữa các sự kiện theo thời gian như sinh và già, nên cách diễn dịch nó chung chung theo nghĩa “phi thời gian” là hoàn toàn không thỏa đáng. Cái nghĩa đáng có trong ngữ cảnh này là “không liên quan (không cần) một đoạn thời gian nào”, tức là “tức thì”, để bổ nghĩa rằng đó là sự hiểu biết về cái mối liên-hệ nhân duyên giữa các yếu-tố nhân duyên, chứ không phải hiểu biết về bản thân các yếu-tố nhân duyên đó. Lý ở đây là: sự-biết là vấn đề của một sự trải nghiệm trực tiếp “nhìn thấy được”, hay “trực quan”, hơn là suy lý hay suy luận.] (103) 328 [Sự-biết về tính kế-thừa: nguyên văn là anvaye ñāṇa. Spk chú giải: sự-biết về tính kế-thừa này là hệ quả của sự-biết về nguyên-lý; đây là một tên gọi cho loại trí-biết nhờ quán chiếu lại [coi lại chú thích số 68 ở kinh 12:23]. Không thể nào áp dụng phương pháp này cho quá-khứ và tương-lai bằng phương tiện giáo-lý (dhamma) Bốn Diệu Đế hay bằng trí-biết của thánh đạo, nhưng khi 04 thánh đạo đã được thâm nhập bởi trí-biết của thánh đạo, thì trí-biết nhờ quán chiếu lại sẽ theo đó xảy ra, và người tu áp dụng phương pháp này bằng phương tiện đó.

- Tuy nhiên, sự chú giải này khó mà tương thích với sự luận giải của Vism 676 và những luận giảng khác về loại trí-biết do quán chiếu lại là sự-biết về thánh đạo và quả đã chứng đắc được, về những ô-nhiễm đã trừ bỏ, những ô-nhiễm còn tồn lại, và

Niết-bàn. Thay vì vậy, lời kinh ở đây chỉ có nghĩa là một sự suy-luận được áp dụng cho quá khứ và tương lai, dựa trên sự thấy-biết tức thời về tính điều-kiện (nguyên lý nhân duyên) vận hành giữa các cặp yếu-tố (mắc xích nhân duyên).

- Đoạn kế sau "… thì người đó được gọi là một đệ tử thánh thiện đã thành tựu về cách-nhìn … là người đang đứng vững chắc ngay trước cửa bước vào sự Bất Tử" cũng có ghi ở đoạn kết của các kinh 12:27, 12:28.

- Spk nói rằng: ở đây là đang nói về trú xứ của học-nhân [trước đó] của một A- la-hán (khīṇāsavassa sekhabhūmi) (là học nhân trước khi thành vô-học nhân), dựa vào đó luận giảng Spk-pṭ đã chỉ ra đây là: khoảng-khắc của thánh đạo tối cao (aggamaggakhaṇa).] (104) 329 [Nguyên văn câu này là: Dvayanissito khvāyaṃ Kaccāna loko yebhuyyena atthitan c' eva natthitan ca. Spk giải thích: "Hầu hết" (yebhuyyena) có nghĩa là phần lớn đại chúng, ngoại trừ những thánh nhân (ariyapuggala). Ý-niệm về sự hiện-hữu (atthitā) là tư tưởng trường tồn (sassata), thường kiến; còn ý-niệm về sự không hiện-hữu (natthitā) là tư tưởng tự diệt hay diệt vong (uccheda), đoạn

kiến. Spk-pṭ giải thích: ý-niệm (quan niệm, khái niệm) hiện-hữu là tư tưởng trường tồn bởi vì nó cho rằng toàn thể thế giới [của sự hiện-hữu cá thể] (như 'chúng sinh', 'con người') là tồn tại mãi mãi. Còn ý-niệm không hiện-hữu là tư tưởng tự diệt hay diệt vong bởi vì nó cho rằng toàn thể thế giới không tồn tại [mãi mãi] mà sẽ bị hủy diệt. Dựa như theo quan-điểm của những chú giải như vầy thì sẽ sai lệch nếu chỉ dịch 02 chữ atthitā và natthitā đơn giản là "sự hiện- hữu" và "sự không hiện-hữu" rồi cứ mặc nhiên [như chuyện đã rồi] rằng Đức Phật đã từ chối tất cả những quan-niệm mang tính bản thể này như vốn dĩ là không hợp lệ và không đúng. Ví dụ, lời Phật nói trong kinh SN 22:94 cho thấy Phật đã không ngần ngại nói những lời tuyên bố với những thông tin rõ ràng về tính bản thể nếu được yêu cầu tuyên bố. Trong đoạn kinh chúng ta đang đọc thì chữ atthitā và natthitā là những danh từ trừu tượng được tạo từ những động từ là atthi và natthi. Như vậy những giả định siêu hình hàm chứa trong những sự trừu tượng đó mới là vấn đề đúng sai, chứ không phải những sự mô tả về sự hiện-hữu hay sự không hiện-hữu. Tôi đã cố gắng chuyển tải nghĩa của sự trừu tượng siêu hình đó, được chuyển tải trong tiếng Pāli bằng đuôi chữ -tā, bằng cách diễn dịch hai chữ lần lượt là "ý-niệm về sự hiện-hữu" và "ý-niệm về sự không hiện-hữu". Về 02 cực đoan đã bị từ chối bởi Đức Phật trong kinh SN 12:48 và bị từ chối bởi giáo lý của Phật về 'sự khởi-sinh và biến-diệt của thế giới' trong kinh SN 12:44. Không may là chữ atthitā và bhava đều phải được dịch giống nhau là "sự hiện-hữu", chỗ này cần chỉ ra rõ sự thật rằng trong tiếng Pāli chúng bắt nguồn từ những gốc từ khác nhau. Chữ atthitā là ý-niệm về sự hiện-hữu theo nghĩa trừu tượng, còn chữ bhava là sự hiện-hữu cá thể cụ thể (theo nghĩa hữu sinh, có mặt, có sống) trong một trong 03 cõi hiện-hữu. Để đánh dấu sự khác biệt của 02 chữ này, chữ bhava đã được dịch là "sự sống, sự có mặt, hay sự hữu sinh".] (29) 330 [Spk: Nguồn-gốc của thế giới: là sự sản sinh của thế giới của những sự tạo- tác. Không còn tư tưởng (ý niệm) về sự 'không-hiện-hữu' đối với thế giới: là không xảy ra trong người đó quan-điểm diệt-vong (đoạn kiến) có thể khởi sinh đối với những

hiện-tượng được sản sinh và được làm cho hiện thị trong thế giới của những sự tạo-tác, họ cứ chấp rằng "chúng không hiện hữu". Spk-pṭ: Quan- điểm diệt vong (đoạn kiến) có thể khởi sinh đối với thế giới của những sự tạo-tác như vầy: 'Do có sự diệt vong và hủy diệt của những chúng sinh ngay tại nơi chúng có mặt, nên sẽ không có sự hiện-hữu trường tồn hay những hiện-tượng trường tồn.' Điều này gồm cả cách-nhìn sai lạc (tà kiến), sau khi những sự tạo- tác đó là đối-tượng của nó, cách-nhìn đó chấp rằng: 'Không có chúng sinh nào là (chúng sinh) được tái sinh.' Cách-nhìn đó không xảy ra trong người tu đúng;

bởi người tu đó đang nhìn thấy bằng sự-hiểu đúng đắn rằng (I) có sự sản sinh và sự bắt nguồn của thế giới của những sự tạo-tác tùy thuộc vào những điều-kiện đủ loại đủ kiểu như: nghiệp, sự vô-minh, dục-vọng ..., cho nên cái quan-điểm diệt-vong đó không còn xảy ra, vì người đó nhìn thấy sự sản sinh liên tục không gián đoạn của những sự tạo-tác.

- Spk: Sự chấm-dứt của thế giới: là sự tan hoại (bhaoga) của thế giới. Không còn tư tưởng (ý niệm) về sự hiện-hữu đối với thế giới: là không xảy ra trong người đó quan-điểm bất-diệt (thường kiến) có thể khởi sinh đối với những hiện- tượng đã được sản sinh và được làm cho hiện thị trong thế giới của những sự tạo-tác, họ cứ chấp rằng "chúng luôn hiện hữu mọi lúc mọi thời". Spk-pṭ: Quan- điểm bất-diệt (thường kiến) có thể khởi sinh đối với thế giới của những sự tạo- tác, coi nó là tồn tại mãi mãi, từ sự sợ-hãi rằng cái 'danh-tính' trong sự liên-tục không gián đoạn (như dạng 'linh hồn') sẽ bị tác động bởi quy luật nhân-quả. Nhưng cái quan-điểm đó không còn xảy ra trong người đó; bởi người đó nhìn thấy (II) có sự chấm-dứt của những hiện-tượng khởi sinh liên tục và sự khởi- sinh liên tục của những hiện-tượng mới, cho nên cái quan-điểm bất-diệt đó không còn xảy ra trong người đó.

- Spk: Thêm nữa, "nguồn-gốc của thế giới" là tính điều-kiện (nhân duyên) theo trình tự trực tiếp (anuloma-paccayākāra); còn "sự chấm-dứt của thế giới" là tính điều-kiện (nhân duyên) theo trình tự đảo ngược (paṭiloma-paccayākāra). [Spk-pṭ: "Tính nhân duyên theo trình tự trực tiếp" [chiều khởi sinh] là sự tác động nhân duyên của những điều-kiện tạo ra hệ quả; còn "tính nhân duyên theo trình tự đảo ngược" [chiều hoàn diệt] là sự chấm-dứt những hệ quả đó bằng cách chấm dứt những nguyên-nhân.] (I) Vì nhìn thấy cái 'sự tùy-thuộc mà-có' (duyên sinh, duyên khởi) của thế giới, người nhìn thấy sự không kết-thúc của những hiện-tượng đã khởi-sinh tùy duyên (những pháp duyên khởi) bởi do sự không kết-thúc của những điều-kiện của chúng, cho nên cái quan-điểm diệt- vong đó, vốn từng khởi sinh trong người đó, giờ không còn xảy ra nữa. Và, (II) vì nhìn thấy có sự chấm-dứt của những điều-kiện (duyên diệt), khi người nhìn thấy sự chấm-dứt của những hiện-tượng đã khởi-sinh tùy duyên (những pháp duyên khởi) bởi vì có sự chấm-dứt của những điều-kiện của chúng, cho nên cái quan-điểm bất-diệt đó, vốn từng khởi sinh trong người đó, giờ không còn xảy ra nữa.

- (Những cách nhìn nhận như (I) và (II) là khoa học, đúng đắn, và hiện thực, nhờ đó một người hiểu và thấy 02 lẽ-thực này sẽ không bị rớt vào cực đoan đoạn- kiến (trước sau gì cũng diệt vọng, chết là hết) và cực đoan thường-kiến (có 'linh hồn' cố định của 'ta' là bất diệt, chỉ di chuyển từ kiếp này sang kiếp khác).] (30) 331 [Tôi chọn câu này theo cách ghi phối ghép của Be và Se là: upayupādān- ābhinivesavinibaddho. Tôi chọn đuôi chữ upay- từ Be [Se và Ee ghi: upāy-] và chọn đuôi chữ -vinibaddho từ Se [Be và Ee ghi: -vinibandho]... Spk giải thích: mỗi trong 03 danh từ—sự dính-líu, sự dính-chấp, và sự cố-chấp—đều xảy ra theo cách của (do) dục-vọng và những tà-kiến (taṇhā, diṭṭhi), vì thông qua những dục-vọng và tà-kiến này nọ một người mới dính líu, dính chấp, và cố chấp theo những hiện-tượng của 03 cõi là (có) cái 'ta' (ngã) và 'của-ta' (ngã sở).] (31) 332 [Nguyên văn cả cầu này: Tan cāyaṃ upayupādānaṃ cetaso adhiṭṭhānaṃ abhinivesānusayaṃ na upeti na upādiyati nādhiṭṭhāti "attā me" ti. Tôi đã được giải tỏa khỏi sự khó khăn về cú pháp của câu này nhờ sự trợ giúp của luận giảng Spk; Spk đã giải nghĩa chữ ayaṃ là "người thánh đệ tử này" (ayaṃ ariyasāvako, thánh thinh văn này). Spk nói dục-vọng (ái) và những quan-điểm này nọ (tà kiến) cũng được gọi là những quan-điểm này nọ của tâm (adhiṭṭhāna) bởi chúng là nền tảng cho cái tâm [bất thiện] và cũng được gọi là "những sự cố- chấp và những khuynh-hướng tiềm ẩn" (abhinivesānusaya) bởi chúng cố chấp theo cái tâm và nằm tiềm ẩn (tùy miên) trong cái tâm. Spk kết nối động từ adhiṭṭhāti với chữ theo sau là "attā me" và tôi cũng làm theo cách diễn dịch này trong bản dịch của tôi.] (32) 333 [Spk giải thích sự khổ (dukkha) ở đây đơn giản là chỉ "năm-uẩn bị dính- chấp" (năm-uẩn chấp thủ, năm thủ uẩn); (pancupādānakkhandhamattam eva). Như vậy cái mà người thánh đệ tử nhìn thấy, khi người đó quán chiếu về sự hiện-hữu cá thể của mình, không phải là cái 'ta' hay 'bản ngã của ta' hay 'một người có thực chất tự tính' mà đó chỉ là một sự lắp-ráp của những hiện-tượng có điều-kiện (sự kết hợp của những thứ hữu-vi) khởi sinh và biến diệt thông qua tiến trình tùy-duyên được chi phối bởi (lý) 'sự khởi-sinh tùy thuộc' Ý này có trong phần thi kệ của Tỳ kheo ni Vajirā (trong SN, Quyển 1) là: "Chỉ bấy nhiêu vầy—sự dẹp bỏ cái tư tưởng có một 'chúng sinh' (sattasannā)—là có sự nhìn- thấy đúng đắn (chánh kiến)." — Sự hiểu-biết không phụ thuộc vào người khác (aparappaccayā ñāṇaṃ) được giải thích bởi Spk là sự-biết trực tiếp của cá nhân

không tùy thuộc vào người khác (annassa apattiyāyetvā attapaccakkhanāṇaṃ). Điều này là do người thánh đệ tử, từ bậc Nhập-lưu trở lên, đã nhìn thấy chân-lý cốt lõi của Giáo Pháp, và do vậy không cần dựa vào người khác, ngay cả đó là Phật, để minh sát nhìn thấu Giáo Pháp. Tuy nhiên, khi chưa chứng A-la-hán, một thánh đệ tử như vậy vẫn đến gặp Phật (hay một Tỳ kheo khác đã giác-ngộ) để được chỉ dẫn về phần thiền tập.] (33) 334 [Spk chú giải: Ở đây: (i) người ý-định (ceteti) là chỉ bao gồm tất cả sự cố-ý (tư) thiện và bất thiện trong 03 cõi (hiện hữu); (ii) người dự-tính (pakappeti) là chỉ những sự bịa-đặt sự đặt-nên điều này điều nọ trong tâm của dục-vọng (ái) và quan-điểm này nọ (tà-kiến) [taṇhādiṭṭhikappā] trong 08 loại tâm (citta) nối kết với tham-dục [Spk-pṭ thì chú giải là: những sự bịa-đặt của những quan-điểm này nọ (tà kiến) chỉ xảy ra trong 04 tâm (citta) nối kết với tà-kiến]; và bất cứ điều gì (iii) người có

khuynh-hướng về đó (anuseti) là hàm nghĩa có những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên; anusaya) nằm bên dưới những điều-kiện (duyên) trực tiếp và chính trợ đối với 12 sự cố-ý [bất thiện]. [Về 12 loại tâm bất thiện, coi CMA 1:4–7]. Điều này trở thành một cơ-sở (ārammaṇam etaṃ hoti) nghĩa là: những trạng thái khác nhau như sự cố-ý (tư) trở thành một điều-kiện (duyên); vì ở đây chữ ārammaṇa được nói ra như một điều-kiện (duyên; paccaya) [tức là, chỗ này chữ ārammaṇa không biểu thị một đối-tượng của thức theo nghĩa thông thường như trong Vi Diệu Pháp]. Cho sự liên-tục [duy-trì] của thức (vinñāṇassa ṭhitiyā): nghĩa là cho mục đích duy trì thức của nghiệp (nghiệp thức). Khi có điều-kiện này, thì có sự trợ-giúp cho sự lập thành của thức (patiṭṭhā vinñāṇassa hoti), tức là sự lập thành thức của nghiệp (nghiệp thức). [Spk-pṭ nói: nó có một khả năng để tạo ra quả trong sự liên-tục của tâm thức của một người]. Khi thức [của nghiệp] đó được lập thành và đã đi đến tăng- trưởng (tasmiṃ patiṭṭhite vinnāṇe … virūḷhe): khi, sau khi đã thúc đẩy nghiệp, nó đã tăng trưởng, tạo gốc rễ, thông qua năng lực của nó để kết tạo sự tái-sinh, thì có sự sản-sinh ra sự tái hiện-hữu tương lai, tức là sự sản-sinh thành sự tái hiện-hữu.

- So sánh kinh SN 12:64 (Quyển 1) và kinh SN 22:53–54 (Quyển 3). Kinh AN 3:77 có giảng giải tiến trình tái hiện-hữu bằng những thuật ngữ giống vậy [mời coi thêm chú thích số 24 kinh SN 12:12 (Quyển 2)]. Tôi thấy các động từ ceteti và pakappeti là ám chỉ nghĩa là saṇkhārā [chữ này, khi có nghĩa là những hành- vi của nghiệp, thì nó được diễn tả là cetanā (sự cố-ý, tư)—coi thêm kinh AN 6:63, đoạn (5). Chữ anuseti (có khuynh-hướng) rõ ràng là đề cập theo nghĩa chữ

anusaya (những khuynh-hướng tiềm ẩn, tùy miên), nó gồm có khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra si (tùy miên vô-minh, avijjānusaya) [si ở đây là = yếu tố vô-minh trong chuỗi 12 nhân-duyên)] và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra tham (rāgānusaya) [tham ở đây là = yếu tố dục-vọng (ái) trong chuỗi 12 nhân duyên]. Cách mà nó duy trì (sự liên tục của) thức như vậy là khác với cách của những sự tạo-tác cố ý (hành), vốn được bơm nhiên liệu bởi vô-minh và dục-vọng, có vai trò là điều-kiện (duyên) đối với thức: cùng với nhau, chúng nằm bên dưới dòng chảy của thức, bơm vào thức những tiềm-năng của nghiệp để tạo ra sự tái hiện- hữu, và hoạch định nó thành một sự hiện-hữu mới (hữu), và qua đó kích hoạt tiến trình dẫn tới kết quả là sự sinh-ra (sinh).

- Tôi không hoàn toàn đồng ý với Spk trong việc coi thức (vinñāṇa) là được "duy trì" và được "lập thành" như thức của nghiệp. Tôi chỉ diễn dịch đó đơn giản là một tiến trình tiếp diễn của thức, bao gồm những giai đoạn chủ động theo nghiệp và những giai đoạn do quả. Ở các kinh SN 22:53–54 (Quyển 3) thì 04 uẩn kia (sắc, thọ, tưởng, hành) được nói tới như những ārammaṇa và patiṭṭhā của thức (vinñāṇa) nhưng tôi nghi cách áp dụng này sẽ không đúng. Nếu dùng những sự phân loại của Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) thì hình như trong kinh này những chữ như ārammaṇa và patiṭṭhā có nghĩa là điều-kiện (duyên) trợ giúp quyết định (upanissayapaccaya) cho thức; trong khi trong 02 kinh trong Chương "Năm Uẩn" (Khandhasaṃyutta, Tương ưng uẩn) thì chúng có nghĩa là sự đồng- khởi-sinh và những điều-kiện trợ giúp (sahajātapaccaya,

nissayapaccaya). Tôi dùng chữ "sự cố-ý" để dịch chữ cetanā (tư) và chữ "ý-định" để dịch chữ ceteti (HV: tư niệm?). Tôi dùng chữ "sự ý-định" để dịch cái danh từ không liên quan là saṇkappa. Tôi chứng minh sự không nhất quán (mâu thuẫn) dựa trên cơ sở rằng trong tiếng Pāli động từ saṇkappeti [tương ứng với danh từ saṇkappa] rất hiếm khi được dùng, trong khi đó tiếng Anh để dịch thì thiếu một động từ đơn giản tương tứng với chữ "sự cố-ý". Cụm chữ "một trợ giúp cho sự lập-thành của thức" là dịch cụm chữ patiṭṭhā vinñāṇassa. Tôi thấy chữ "được lập thành" là chữ tốt nghĩa hơn dùng để dịch phân từ patiṭṭhita, nhưng "trợ giúp" thì dùng để dịch danh từ patiṭṭhā: làm như vậy sẽ nối cầu hòa hợp phân từ và danh từ đó trong đoạn kinh này [và cả trong các kinh SN 22:53, 22:54, (Quyển 3)]. Và tôi đã đặt ra (sáng chế) luôn cách diễn đạt kết-hợp này.] (112) 335 [Spk chú giải: Chỗ này đề cập tới một thời-lúc (i) không xảy ra sự cố-ý (tư) [thiện và bất thiện] của 03 cõi (hiện hữu) và (ii) không có xảy ra những sự bịa- đặt trong tâm của dục-vọng và tà-kiến. Nhưng người vẫn có một khuynh-hướng:

câu này là bao gồm những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) bởi vì chúng chưa được dẹp bỏ ở đây (a) trong những hệ quả của 03 cõi, (b) trong những trạng thái chức năng hữu hạn [tức những tâm (thức, citta) hướng ra năm-cửa và những tâm (thức) hướng ra cửa-tâm] và (c) trong sắc-thân. Chừng nào những khuynh- hướng tiềm ẩn còn, thì chúng còn là điều-kiện (duyên) tạo ra thức của nghiệp, bởi vì không có cách nào để ngăn cản sự khởi sinh của chúng.

- Spk-pṭ thì chú giải: Phần thứ hai này cho thấy rằng (i) nghiệp thiện và bất thiện [có khả năng tạo ra sự tái-sinh] đã tích lũy trong đoạn đầu [của con đường tu tập], và rằng (ii) ngay cả khi không có dự-tính [thông qua dục-vọng và tà- kiến] thì những sự cố-ý (tư) của sự minh-sát trong người thiền là người đã nhìn thấy những sự nguy-hại trong sự hiện-hữu vẫn còn bị điều-kiện (duyên) bởi những tùy-miên và có khả năng tạo ra sự tái-sinh. Điều này cũng được nói ra để cho thấy rằng (iii) ngay cả khi những trạng thái thiện và bất thiện đang không xảy ra thì vẫn có sự lập-thành của nghiệp thức với những ô-nhiễm tiềm ẩn (lậu miên) là điều-kiện (duyên); bởi vì chừng nào chúng chưa được từ bỏ thì chúng vẫn nằm ẩn trong những hệ quả đang có trong những cõi hiện hữu … vân vân.] (113) 336 [Spk chú giải: Khi một người không ý-định … vân vân: (i) Bằng câu đầu [không ý-định] người đó cho thấy rằng những sự cố-ý (tư) thiện và bất thiện thuộc 03 cõi đã chấm dứt; (ii) bằng câu thứ hai [không dự-tính] người đó cho thấy dục-vọng và tà-kiến trong 08 loại tâm (kết nối tham-dục) đã chấm dứt; (iii) bằng câu thứ ba [không có khuynh-hướng] người đó cho thấy rằng những tùy- miên nằm ẩn trong những trạng thái đã được nói ra ở trên đã chấm dứt. Vậy cái gì đang được thảo luận ở đây? Đó là vai trò của thánh đạo A-la-hán (arahattamaggassa kiccaṃ). Nó có thể được dịch là "sự thực thi trách phận của một A-la-hán" (khīṇāsavassa kiccakaraṇaṃ) và 09 trạng thái siêu thế (navalūkuttaradhammā) [gồm 04 thánh đạo, 04 thánh quả, và Niết-bàn].

- Spk-pṭ thì chú giải: Trong phần thứ ba này là thảo luận vai trò của thánh đạo A-la-hán, bởi vì thánh đạo đã hoàn toàn chặn đứng sự tạo ra những tùy-miên. Có thể

nói đó là "sự thực thi trách phận của một A-la-hán" bởi nhờ sự đã loại bỏ cảm-giác ... vân vân. [nghĩa không rõ]. Có thể nói đó là 09 trạng thái siêu thế bởi vì những tùy-miên đã được dần triệt tiêu bởi loạt những thánh đạo, và các thánh quả lập tức có sau các thánh đạo, và Niết-bàn là đối-tượng của của cả hai (đạo và quả).

- Tôi [TKBĐ] hiểu chữ "thức không được lập-thành" (appatiṭṭhita vinñāṇa) ở đây có nghĩa là một thức không có triển vọng có sự tái-sinh tương lai thông qua nguồn lực thúc đẩy từ vô-minh, dục-vọng, và những sự tạo-tác cố-ý (vô minh, ái, hành). Một A-la-hán được cho là đã hết hạn bằng thức "không được lập- thành", như đã được nói trong kinh SN 4:23 (Quyển 1) và ở cuối kinh SN 22:87 (Quyển 3).] (114) 337 [Spk: Thế giới ở đây chính là thế giới của những sự tạo-tác (saṅkhāralūka). Về bản chất của thế giới theo giáo lý của Phật, mời coi lại chú thích số 182 ở cuối kinh SN 1:26 (Quyển 1).] 338 [Nguyên văn câu này: Tathāni avitathāni anaññathāni. Coi thêm kinh SN 12:20 (Quyển 2) và chú thích 54 của nó. Spk: "Thực là theo nghĩa không xa rời bản chất thực của những hiện-tượng (mọi pháp); bởi vì sự khổ được nói ra đơn giản đúng là sự khổ. Không sai là không sai giả, bởi đó không có sự sai lầm hay sai giả so với bản chất thực của nó; bởi vì sự khổ không trở thành hay đồng nghĩa sự không-khổ. Không khác, bởi không phải bản chất khác, không khác thực". Tôi thì hiểu chữ "anaññatha" theo nghĩa đơn giản và trực chỉ hơn, đó là: những sự-thật đó là "không khác" với cách của mọi sự như chúng thực là (tức chúng là những thực-tại, những chân-lý).] (385) 339 [Đoạn kinh này giống như một "đoạn vắn-tắt" về giáo lý "sự khởi-sinh tùy thuộc" (paṭicca-samuppāda). Sự không hiểu biết về Bốn Diệu Đế được gọi là vô- minh (avījjā; coi kinh SN 56:17 (Quyển 5)). Câu "họ cứ thích thú" (abhiramanti) những sự tạo-tác cố ý (các hành) dẫn tới sự sinh ..." là ám chỉ dục-vọng (ái), bởi vì chính dục-vọng mới làm khởi sinh sự thích-thú (rati, abhirati) khi dục-vọng được đáp ứng thỏa thích. Còn câu "họ tạo ra những sự tạo-tác cố ý dẫn tới sự sinh ..." (jātisaṃvattanike saṅkhāre abhisaṅkharonti) là rõ ràng chỉ thẳng những sự tạo-tác cố ý (các hành). Và sự tuột rớt hay ngã rớt xuống "vực núi của sự sinh, già, chết" là rõ ràng chỉ 02 mắc-xích cuối cùng của vòng "khởi sinh tùy thuộc". Vậy, ở đây chúng ta tìm thấy vô-minh và dục-vọng, cùng dính với những sự tạo-tác cố ý (các hành), gây ra sự sinh, già, chết [được trải nghiệm bởi thức cùng với phần danh-sắc]. (402) 340 [Tất cả các lá này đều thuộc loại lá nhỏ, lá kim, yếu, không chắc, không kín. Tôi làm theo Be ghi tên loại lá thứ hai là saralapatta, mà nhà sinh học

Liyanaratne [trong quyển "Những Loài Hoa Vùng Nam Á", trang 170] đã dịch là cây thông Ấn Độ lá dài.] (391) 341 [Tôi đọc chữ này theo Se là tālapakkaṃ. Tất cả những lời kinh khác, gồm cả SS, đều ghi là tālapattaṃ (một lá cọ dừa), một lá thì nghe có vẻ không hợp lý lắm. Chữ tālapakkaṃ cũng có ghi trong kinh It 84,20.] (392) 342 [Mặc dù palāsa thường có nghĩa là lá cây, nhưng ở đây nó chỉ một loại cây cụ thể. Học giả Liyanaratne [trang 44] đã nhận dạng đây là một loài của cây kiṃsuka, nhưng dường như khác với cây kiṃsuka đã được nói đến trong kinh SN 35:245 (Quyển 4) [đã được

liệt kê bởi Liyanaratne ở trang 43]. Tên tiếng Anh của cây này là palāsa là cây kino hoặc cây Dhak. Còn māluvā là cây dây leo có lá to rộng, như đã được nói đến trong chú thích số 810 của Quyển 1; coi thêm chú thích số 568 trong Quyển 1.] (393) 343 [So sánh với kinh có đoạn dẫn nhập giống vầy là SN 12:23 (Quyển 2) và SN 22:101 (Quyển 3).] (388) 344 [Spk: người này thực ra là cháu ruột của Ngài Xá-lợi-phất, tên Jambukhādaka của ông có nghĩa: 'người ăn táo hồng'.] (270) 345 [Spk tranh luận bất đồng với ý tưởng cho rằng Niết-bàn chỉ là sự tiêu diệt ô- nhiễm (kilesakkhayamattaṃ nibbānaṃ), và cho rằng Niết-bàn được gọi là sự tiêu diệt những ô-nhiễm như tham, sân, si theo cái nghĩa tham, sân, si được tiêu diệt phụ thuộc vào (chỉ khi có) Niết-bàn (yaṃ āgamma rāgādayo khıyanti, taṃ nibbānaṃ). Để đọc đầy đủ về sự biện luận này, mời coi thêm Vism 507–9 (Ppn 16:67–74). Điểm mấu chốt trong quan-điểm của luận giảng là: Niết-bàn là yếu tố không còn điều-kiện (vô vi giới) đạt được cùng với sự chứng đắc thánh đạo siêu thế. Bởi vì sự trải nghiệm trạng thái vô vi này tác động tạo ra sự tiêu diệt những ô-nhiễm, nên Niết-bàn mới đi đến được gọi là sự tiêu diệt tham, sân, si, nhưng Niết-bàn không thể bị thu hẹp chỉ là sự tiêu diệt tham, sân, si.] (271) 346 [Kāyagatā sati: 'sự chánh niệm hướng vào thân' hay 'sự chánh-niệm về thân'. Nghĩa của kinh này là tương đồng với toàn bộ phương pháp tu tập được ghi trong PHẦN "Quán niệm về Thân" (Kāyānupassanā) của bài kinh Các Nền Tảng Chánh Niệm (Satipaṭṭhāna Sutta, kinh Niệm Xứ) [tức kinh DN 22, kinh MN 10]. Và tất cả phần "Quán niệm về thân" này cũng được tách ra thành 01 bài kinh riêng, đó là kinh "Chánh Niệm về Thân" (Kāyagatāsati Sutta) [tức kinh

MN 119]. Các giảng luận thường gọi nôm na phần tu tập này là "Thiền quán về 32 bộ phận của thân", chẳng hạn như trong Vism 240 [Ppn 8:44].] (366) 347 [Sự không còn tăng-phóng: nippapañcaṃ. Spk giải thích: đó là nhờ sự không-có (sự vắng mặt) sự tăng-phóng (phóng tâm) bởi dục-vọng (ái), sự tự-ta (ngã mạn), và những quan-điểm này nọ (tà kiến).] (371) 348 Sự phủ định các yếu-tố vật chất có thể coi như phủ nhận sự có mặt của vật chất trong trạng thái Niết-bàn, và phủ nhận luôn sự có mặt của các yếu-tố vật chất trong trạng thái các tầng thiền định sắc-giới (jhāna), nhưng trạng thái các tầng thiền định đó vẫn không phải là Niết-bàn, vì đó vẫn thuộc về cảnh sắc-giới. Còn năm vế tiếp theo đó là phủ định những đối-tượng của các tầng chứng đắc vô-sắc-giới, đó cũng chưa phải là cảnh giới Niết-bàn. (Chỉ có câu sau đoạn này Phật mới nói ra định nghĩa của "cảnh xứ đó", đó là Niết-bàn). 349 [Ở đây trong tiếng Pāli có một sự chơi chữ liên quan giữa chữ diṭṭhigata (quan-điểm do suy đoán) mà Như Lai đã dẹp bỏ đi, và chữ diṭṭha (cái đã được nhìn thấy bởi Như Lai bằng sự-thấy trực tiếp; và "cái đã được nhìn thấy" chính là sự lên và xuống của năm uẩn đang được nói ra.] (720) 350 [MA nói rằng đúng ra phải áp dụng chữ "không tái hiện", theo cái nghĩa A- la-hán không còn đi tái sinh hay tái hiện hữu ở đâu. Nhưng nếu Vacchagotta mà nghe điều này thì ông ta sẽ hiểu lầm đây là 'sự diệt-vong sau khi chết', và do vậy Đức Phật đã từ chối vì nếu theo cái nghĩa diệt-vong thì đó là điều không thể biện hộ hay bảo vệ được (vì Niết-bàn không có nghĩa là sự diệt-vong).] (721) 351 [MA nói đây là sắc-thân (thân thể vật chất) qua đó người ta dùng để mô tả Như Lai như một chúng sinh [hay một bản

ngã] sở hữu sắc-thân. MṬ nói thêm rằng sắc-thân đã được dẹp bỏ bởi sự dẹp-bỏ những gông-cùm dính líu với nó, và nhờ vậy nó đã thành không còn khả năng khởi sinh lại trong tương lai.] (722)

Chương X
NHỮNG CẢNH GIỚI GIÁC-NGỘ
352
[Đoạn này nên được nối kết với 'ví dụ ngọn lửa bị tắt đi' mới nói trên. Giống như một ngọn lửa tắt đi không thể được mô tả là đã đi về hướng nào; cũng giống

như vậy, Như Lai sau khi đã bát Niết-bàn (thân chết) không thể được mô tả theo kiểu 04 trường hợp (của 04 câu hỏi đó). Ví dụ này chỉ liên quan tính hợp lệ của cách dùng thuộc ngôn ngữ và thuộc khái niệm, chứ không có ý tả thực rằng Như Lai đã đạt tới một trạng thái thần bí trong cõi Tuyệt Đối nào cả, như một số học giả đã cho rằng như vậy. Chữ "thâm sâu, không thể đo lường, khó thể đo đạt" là muốn chỉ cái phạm vi siêu việt của sự giải-thoát đã được chứng ngộ bởi bậc Tu Thành (A-la-hán, Phật), điều đó là không thể thấu đạt được bằng những ý nghĩ suy lý.

- Dường như tại điểm này trong cuộc đối thoại, Phật phải nhờ cách dùng hình ảnh để giải thích cho những khái niệm không thể chuyển tải ý nghĩa. 02 hình ảnh là—ngọn lửa bị tắt đi và đại dương sâu—đã thiết lập một sự bất cập (bất tương đồng, khó hiểu, khó bào chữa) về mặt biện chứng, và do vậy cả 02 đều không nên bị chấp riêng để tránh rớt vào những quan-điểm một mặt phiến diện. (i) Hình ảnh ngọn lửa đã tắt đi, nếu tính riêng, là ngã theo hướng 'hoàn toàn tắt bặt', và do vậy cần được cân bằng bởi hình ảnh đại dương; hình ảnh đại dương, nếu tính riêng, đã gợi tả 'một phương thức bất diệt của chúng sinh', và do vậy cần phải được cân bằng bởi hình ảnh ngọn lửa đã tắt đi. Thêm nữa, sự-thật nằm ở chính giữa, vượt trên cả hai thái cực khó hiểu đó.] (723) 353 Thuật ngữ "đạo" và "quả" là cách phân biệt của các luận giảng sau kinh. Các kinh bộ không dùng khuôn mẫu bốn chặng thánh "đạo" như vậy, các kinh bộ chỉ nói về một con đường đạo, đó là con đường Bát Thánh Đạo dẫn tới chấm dứt khổ đau mà thôi. Con đường đạo này cũng còn được gọi là con đường "A-la-hán đạo", tức con đường tu tập dẫn tới thánh quả A-la-hán, nhưng với một ý-nghĩa rộng lớn là con đường đạo dẫn tới mục tiêu cao nhất chứ không phải với nghĩa hẹp là chặng thánh đạo để chứng đắc thánh quả A-la-hán. Tuy nhiên, các kinh bộ có phân biệt giữa một người đang tu tập để chứng đắc một thánh quả nào đó (phala-sacchikiriyāya paṭipanna) và người đã đạt tới thánh quả là kết quả tu tập chặng thánh đạo [coi đoạn kinh X,1(1)]. Dựa trên sự phân biệt người tu thánh đạo và người chứng thánh quả như vậy, các luận giảng đã giảng luận thành các thuật ngữ "đạo" và "quả" để giúp ích cho việc làm rõ các chặng tu và kết quả của chúng. 354 Sự giải thích chỗ này của tôi về bậc thánh Nhất-lai là dựa theo các giảng luận. Ngoài những điều tiêu chuẩn đó, các kinh nói rất ít về các đặc điểm của bậc thánh Nhất-lai.

355 Điều quan trọng đáng lưu ý là các kinh bộ đã hàm ý rằng những người tu trì giáo pháp (dhammānusārı) và người tu trì niềm-tin (saddhānusārı) trải qua (tồn tại) một thời gian tu tập kéo dài như vậy. Quan điểm của các kinh bộ dường như ngược lại với những ý tưởng của các giảng luận, các giảng luận cho rằng người chứng đắc thánh đạo chỉ trong một khoảng khắc tâm (sát-na) duy nhất. Nếu đúng như vậy thì điều đó có nghĩa một người căn trí hay căn tín chỉ là (tồn tại) trong một sát-na tâm, vậy điều này khó mà phù hợp với những lời khẳng định trong các kinh miêu tả hình ảnh những người tu căn trí hay căn tín cũng nhận đồ cúng dường, lui về ở trong những chỗ an trú trong rừng, vân vân. 356 Theo các giảng luận, thì phương pháp thiền tập theo đạo Phật là người thiền sau khi thoát ra khỏi trạng thái một tầng thiền định (jhana) sẽ bắt qua thiền quán minh sát với một cái tâm đã được làm sắc bén, dẻo dai, và hùng mạnh bởi trạng thái tầng thiền định sắc giới đó. Tuy nhiên, các kinh không hề nói gì về việc thoát ra khỏi tầng thiền định như các giảng luận đã nói. Nếu chúng ta chỉ đọc các kinh không thôi, không đọc các luận giảng, thì có lẽ chúng ta phải tin rằng người thiền sẽ quán xét các yếu tố từ bên trong tầng thiền định luôn (chứ không có sự thoát ra khỏi tầng thiền định rồi mới thiền quán sát). 357 [Spk: Trong kinh này thì các căn được nói là hoàn toàn thuộc siêu-thế. Mặc dù lời kinh ở đây giới hạn các căn tới mức tối thiểu là bậc Nhập-lưu, nhưng theo kinh điển Pāli, bắt đầu bằng Vi Diệu Pháp (Abhidhamma), vẫn coi các căn là những 'khả-năng' thiện lành cũng có được bởi những người phàm phu thế tục. Một số trường phái thời Phật giáo tiền thân thì nghiêm ngặt hơn về chỗ này. Coi thêm sự thảo luận về chỗ này trong quyển "Đạo Phật Đi Đến Giác-Ngộ" (The Buddhist Path to Awakening), trang 126–38, của học giả Gethin.] (202) 358 [MA: "Nguyên văn là chinna-pilotika: pilotikā nghĩa là miếng giẻ rách được chấp vá chỗ này chỗ nọ; không có điều gì [trong Giáo Pháp này] bị chấp vá như vậy—bằng những ngụy thuyết hay những sự giả dối lừa."] (271) 359 [Nghĩa là, những A-la-hán đã thành tựu sự giải-thoát khỏi vòng luân-hồi hiện-hữu, nên đâu thể nào chỉ ra một cảnh giới nào trong vòng luân-hồi mà họ còn xuất hiện (tái sinh) trong đó; do vậy mới nói họ không còn vòng luân-hồi nào để hiện thị (trong đó).] (272) 360 [Đây là 02 loại người đang đứng trong chặng thánh đạo Nhập-lưu. "Người tu trì Giáo Pháp" (dhammānusārin; người căn trí) là những đệ tử trong họ có căn

trí-tuệ (pannindriya) là nổi trội và tu tập thánh đạo với trí-tuệ là dẫn đầu; khi chứng thánh quả họ được gọi là người "đã đạt tới cách-nhìn" (diṭṭhipatta; đắc chánh kiến). Còn "người tu trì niềm-tin" (saddhānusārin; người căn tín) là những đệ tử trong họ có căn niềm-tin (saddhindriya) là nổi trội và tu tập thánh đạo với niềm-tin là dẫn đầu; khi chứng thánh quả họ được gọi là người "được giải-thoát bằng niềm-tin" (saddhāvimutta; tín giải thoát). Coi thêm kinh MN 70.20, 21; và Pug 1:35–36/15 và Vsm XXI, 75.] (273) 361 [MA nói rằng câu này chỉ những người hết mình tu tập thiền minh-sát nhưng chưa đạt tới sự chứng-ngộ siêu thế. Lưu ý, ở đây họ chỉ tu hướng tới cõi trời (tu tiên) chứ không hướng tới sự sự giác-ngộ (tu giải thoát), tuy nhiên khi sự tu tập của họ chín muồi thì họ cũng có thể chứng thánh đạo Nhập-lưu và do vậy cũng có cửa hướng tới sự giác-ngộ (chứ không phải dù tu cỡ nào thì kết quả tối đa của họ cũng

chỉ là tái sinh cõi trời). Cụm chữ saddhāmattaṁ pemamattaṁ có lẽ được dịch là "chỉ là niềm-tin, chỉ là sự mến-mộ" hay "chỉ có niềm-tin, chỉ có sự mến-mộ" [như nhiều lúc nhiều người tu chỉ có vậy], nhưng điều này không thể lý giải là có được sự bảo đảm được tái sinh trong cõi trời. Thành thử có lẽ buộc chúng ta phải coi đuôi chữ matta ở đây đã ngụ ý rằng phải có một 'số lượng' niềm-tin và sự mến-mộ cần thiết, chứ không phải chỉ có chút ít 02 phẩm chất đó là được, (vì vậy cho nên thầy TKBĐ mới thêm chữ "có đủ" vào câu này).] (274) 362 [Câu hỏi này và câu hỏi kế tiếp đề cập tới thánh quả A-la-hán, mà [theo MA] Vacchagotta đã nghĩ đó là một đặc quyền riêng của Phật (chứ các đệ tử không chứng được).] (724) 363 [Câu hỏi này đề cập tới thánh quả Bất-lai. Nếu một bậc thánh Bất-lai là người sống tại gia, thì người đó chắc chắn chắn chắn sống giữ giới độc-thân, bởi vì bậc Bất-lai là bậc đã cắt bỏ gông-cùm tham-dục.] (725) 364 [Câu hỏi này đề cập tới thánh quả Nhất-lai và Nhập-lưu, người tu này có thể vẫn còn thụ hưởng dục-lạc nếu người đó vẫn còn sống đời sống tại gia (cư sĩ).] (726) 365 [Chỗ này bắt đầu xếp loại 07 hạng thánh nhân, nhưng không chỉ dựa vào cơ sở những thánh đạo và thánh quả của họ [như trong cách xếp loại 08 hạng thánh nhân thường làm] mà còn dựa vào những căn trội của họ. Một cách định nghĩa khác về 07 hạng thánh nhân cũng được ghi trong Pug 1:30–36/14–15.] (701)

366 [Ubhatobhāgavimutta: người được giải-thoát bằng cả hai cách. MA giải nghĩa là: Người đó "được giải-thoát bằng các hai cách" bởi vì người đó được giải thoát khỏi thân-sắc (thân thể) bằng những tầng chứng đắc vô-sắc và được giải thoát khỏi thân-tâm (tức tâm) bằng thánh đạo [A-la-hán]. Pug thì định nghĩa là: "Người đó tiếp xúc bằng thân và an trú trong 08 sự giải-thoát, và những ô- nhiễm của người đó bị tiêu diệt bằng sự nhìn-thấy bằng trí-tuệ."

- MA nói rằng chữ ubhatobhāgavimutta này bao gồm (i) những người chứng quả A-la-hán sau khi thoát ra khỏi một hay mấy tầng chứng đắc vô-sắc, và (ii) những người chứng quả A-la-hán sau khi thoát ra khỏi trạng thái chấm-dứt cảm- giác và nhận-thức (diệt thọ tưởng định).] (702) 367 [Pannāvimutta: người được giải-thoát bằng trí-tuệ. MA giải thích chữ này bao gồm (i) những người chứng quả A-la-hán là những người tu thiền minh-sát 'khô' (sukkha-vipassaka: chỉ tu thiền minh-sát, không bị 'dính ướt' bởi thiền- định = không tu thiền-định), và (ii) những người chứng quả A-la-hán sau khi thoát ra khỏi một hay mấy tầng thiền định sắc-giới (jhāna).

- Pug thì định nghĩa như lời kinh, chỉ thay cụm chữ "trong những sự giải-thoát (là) bình an và vô sắc giới, vượt trên những thể sắc" bằng cụm chữ "trong 08 sự giải-thoát".] (703) 368 [Kāyasakkhin: người thân chứng. MA giải thích: Loại này bao gồm 06 hạng thánh nhân—từ người đã được thiết lập trong thánh quả Nhập-lưu cho tới người đang trên thánh đạo A-la-hán—là người trước tiên tiếp xúc những tầng chứng đắc [vô sắc] và sau đó chứng ngộ Niết-bàn.

- MṬ nhấn mạnh rằng: cần phải có một hay mấy tầng chứng đắc vô-sắc, gồm cả trạng thái diệt-định (diệt thọ tưởng), thì mới làm nên một kāyasakkhin.

- Pug định nghĩa như lời kinh, chỉ thay bằng “trong 08 sự giải-thoát” (như trong chú thích kế trên).] (704) 369 [Diṭṭhipatta: người đạt tới cách-nhìn; người đắc chánh-kiến. MA nói loại người này cũng nằm trong 06 hạng thánh nhân thuộc loại người thân chứng (kāyasakkhin) trong chú thích kế trên—(từ người đã được thiết lập trong thánh quả Nhập-lưu cho tới người đang trên thánh đạo A-la-hán)—nhưng người này không đạt được những tầng chứng đắc vô-sắc.

- Pug định nghĩa người này là người đã hiểu Bốn Diệu Đế và đã ôn-lại và xem- xét bằng trí-tuệ những giáo lý được tuyên thuyết bởi Như Lai.] (705) 370 [Saddhāvimutta: người được giải-thoát nhờ niềm-tin. MA nói rằng loại người này cũng nằm trong 06 hạng thánh nhân trong chú thích kế trên—(từ người đã thiết lập trong thánh quả Nhập-lưu cho tới người đang trên thánh đạo A-la-hán). Pug cũng định nghĩa loại người này y hệt cách nó định nghĩa loại người đã đạt tới cách-nhìn (diṭṭhipatta), nhưng bổ sung rằng người này đã chưa ôn-lại và xem-xét bằng trí-tuệ những giáo lý được tuyên thuyết bởi Như Lai bằng mức-độ mà loại người diṭṭhipatta kế trên đã làm được.] (706) 371 [Dhammānusārin: người tu trì theo Giáo Pháp. MA nói loại người này, và loại người tiếp theo saddhānusārin (người tu trì theo niềm-tin) đều là những hạng người đang trên thánh đạo Nhập-lưu, loại người trước thì trội về trí-tuệ (người căn trí), người sau thì trội về niềm-tin (người căn tín). Để đọc chi tiết thêm về 02 loại người này, mời coi lại chú thích 273, kinh MN 23, mục 46, (Quyển 1).] (707) 372 [Lưu ý: đây là những yếu-tố căn bản để đạt được thánh quả Nhập-lưu, không phải 04 yếu-tố định nghĩa một bậc Nhập-lưu, mặc dù nó cũng được ghi đồng một chữ là “sotāpattiyaṅga” [yếu tố Nhập-lưu]. (Mặc dù chữ Pāli là giống nhau, nhưng để tránh hiểu lầm tôi đã dịch là những “yếu-tố để đạt tới Nhập-lưu” (để phân biệt với 04 “yếu tố Nhập-lưu” là: niềm tin vào Phật, Pháp, Tăng, và Giới- Hạnh được những bậc thánh quý trọng).] (325) 373 [Người tu theo niềm-tin hay người căn-tín (saddhānusārī) và người tu theo Giáo Pháp hay người căn-trí (dhammānusārī) là hai loại đệ tử đang tu tập để chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu. Hai loại người tu này là hàng thấp nhất trong cách phân loại chính thức về 07 hàng đệ tử, như trong kinh MN 70, mục 20-21. Tất cả 07 hàng đệ tử cũng được định nghĩa, hơi khác một chút, trong Pp 14–15 (§30–36) và trong Vism 659–60 (Ppn 21:74–78). Người căn-tín và người căn- trí thì cũng được phân biệt trong kinh SN 55:24 và SN 55:25 (Quyển 5) mặc dù không được phân biệt trong kinh này. Trong các kinh SN 48-1217 (Quyển 5) thì 02 loại người tu này đứng cuối danh sách những thánh nhân, ở hàng những đệ tử đang tu tập để chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu. Và trong đó người căn-tín xếp dưới người căn-trí vì lý do căn-tín là thấp hơn căn-trí. Nói gọn, người căn-tín và người căn-trí chỉ khác nhau ở chỗ những trọng căn (căn chính, căn trội)

của họ: người căn-tín dựa vào niềm-tin (tín) làm cỗ xe tu tiến; còn người căn-trí vào sự hiểu-biết (trí). Rồi khi họ chứng ngộ Nhập-lưu, người căn-tín được gọi là “người được giải thoát nhờ niềm-tin” (saddhāvimutta; coi thêm MN 70, mục 19 và MN 65, mục 11), và người căn-trí thì được gọi là “người đã đạt tới cách- nhìn” (diṭṭhippatta); (coi thêm

MN 70, mục 18 và MN 65, mục 11).

- Về cụm chữ 'đạo lộ chân chính đã được định xong', có thể dịch nguyên văn là: 'đạo lộ đã được định xong của sự chân chính' (sammattaniyāma). Spk giải nghĩa sammattaniyāma đơn giản chính là thánh đạo (ariyamagga).

- Về câu "người đó không thể chết đi mà chưa chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu": Spk cho rằng một khi thánh đạo đã khởi sinh thì không còn trở ngại nào tới thánh quả. Trong Pp 13 (§20) có ghi câu này: "Người này phải là người đang tu tập để chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu, và phải đến lúc một đại kiếp cũng cháy rụi, (nhưng) một đại kiếp sẽ không cháy rụi cho đến khi người đó chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu." (Ý nói người này là đã chắc chắn sẽ chứng thánh quả Nhập-lưu!)] (268) 374 [Chỗ này trong phần Giới Thiệu Chương X này, TKBĐ có ghi chú thích số 20 như sau: [Các luận giảng thì cho rằng người chứng thánh đạo (Nhập-lưu) sẽ lập tức chứng luôn thánh quả ngay sau khi chứng thánh đạo. Trái với điều đó, các bộ kinh Nikaya thì chỉ nói rằng người đạt tới giai đoạn của người tu theo Giáo Pháp hay người tu theo niềm-tin [tương ứng với quan niệm và phân loại của các luận giảng về người chứng thánh đạo] sẽ chứng thánh quả trong kiếp này—không nhất thiết là trong khoảng-khắc (sát-na) tâm tiếp theo (ngay sau chứng thánh đạo). Hai lập trường này có thể được hòa giải nếu chúng ta nhìn thấy người căn-trí và người căn-tín là được nới rộng về mặt thời gian nhưng đều đạt tới đỉnh-điểm trong một sự đột-phát tức thời và ngay lập tức sau đó là sự chứng thánh quả.]] (20) 375 [Về người tu theo Giáo Pháp, coi lại chú thích 268 kế trên. Các luận giảng đã không làm rõ cú pháp diễn đạt của câu ime dhammā evaṃ paññāya mattaso nijjhānaṃ khamanti. Chữ nijjhānam là thuộc chữ đối cách (có đối tượng).] (269) 376 [Câu này đã àm rõ cách mà bậc Nhập-lưu khác biệt với những người tu khác đang trên đường tới Nhập-lưu. Người căn-tín chấp nhận những giáo lý dựa theo niềm tin của mình [cộng với ít nhiều sự hiểu chúng], người căn-trí thì thông qua

sự điều-tra tìm hiểu để biết; nhưng bậc Nhập-lưu thì đã biết và thấy một cách trực tiếp. Chỗ này tôi cũng đọc theo Se ghi là: evaṃ jānāti evaṃ passati.] (270) 377 [Chữ diṭṭhisampanna (người đã thành tựu về cách-nhìn) là chỉ về người đã nhìn thấy chân-lý (sự thật) của Giáo Pháp, bắt đầu từ bậc Nhập-lưu (sotāpanna). (Trong nhiều kinh thuật ngữ 'đã thành tựu chánh-kiến là chỉ bậc Nhập-lưu)

- Spk giải nghĩa chữ abhisametāvino (đã làm nên sự đột-phá) là mô tả "đối với người an trú sau khi đã làm nên sự đột-phá (chứng ngộ) những diệu-đế bằng phương tiện trí-tuệ" (paññāya ariyasaccāni abhisametvā ṭhitassa) ...]

- (Spk có giải thích hơi khó hiểu, nhưng người dịch Việt giải thích luôn như vầy: Lời kinh là dễ hiểu và đơn giản: Những khổ đau đã bị tiêu diệt là gì? Đó là đống khổ đau đã bị tiêu diệt sau khi người tu đã chứng thánh quả Nhập-lưu, (bao gồm những khổ đau ắt đã có trong kiếp này và ắt sẽ có trong ít nhất 07 kiếp kế tiếp nếu một người không đi tu và không chứng thánh quả Nhập-lưu). Những khổ đau còn lại là gì? Đó đơn giản là những khổ đau còn lại mà bậc thánh đó sẽ tiêu diệt trong những chặng thánh đạo cao

hơn trước khi chứng thánh quả A-la- hán.) (218) 378 [Cả 02 cụm chữ dhammābhisamaya và dhammacakkhupaṭilābha đều biểu thị sự chứng ngộ quả Nhập-lưu. Về ích-lợi của quả Nhập-lưu, mời coi thêm kinh Dhp 178.] (219) 379 [Đây là những công thức kính lễ Phật, và 2 đoạn kế dưới là kính lễ Giáo Pháp, và kính lễ Tăng Đoàn, như cũng đã được giảng giải trong Thanh Tịnh Đạo Vism 198–221 (Ppn 7:2–100).

- Về chữ niềm-tin xác thực (aveccappasāda), mời coi lại chú thích 120 trong kinh SN 12:41 (Quyển 2). Luận giảng [Spk] giải thích đây là loại niềm-tin bất lay chuyển, có được nhờ chứng ngộ được thánh quả Nhập-lưu.] (319) 380 [Những thuật ngữ này mô tả đức-hạnh của thánh nhân cũng được nói trong Vism 221–22 (Ppn 7:101–6). Spk nói rằng những bậc thánh thì không còn phạm vào (na kopenti) Năm Giới ngay cả khi họ chuyển qua sự hiện-hữu mới (kiếp sau); do vậy những giới-hạnh này là thứ quý giá đối với họ.] (320)

381 [“Vị vua quay chuyển bánh xe” (chuyển luân vương) là một người vua ‘lý tưởng, đáng có’ theo truyền thuyết Phật giáo; coi lại kinh SN 22:96 (Quyển 3) và 46:42 (Quyển 5), và coi chi tiết về ‘chuyển luân vương’ trong kinh DN 26 và MN 129, từ mục 32 trở đi. “Bốn châu lục” ở đây là gồm Jambudīpa (Diêm-phù- nề), Aparagoyāna, Uttarakuru, và Pubbavideha tương ứng nằm ở phía nam, tây, bắc, và đông của Núi Sineru (Tu-di) được coi là trục tâm của thế giới. Coi thêm kinh AN 3:80 về bức tranh vũ trụ theo kinh điển Phật giáo. Còn “bốn điều” sẽ được nói ra ngay bên dưới.] (317) 382 [Thực ra những cảnh địa ngục, súc sinh, và ngạ quỷ cũng đều thuộc “cảnh giới đày đọa, những nơi-đến xấu dữ, và cõi dưới”.] (318) 383 [So sánh lời kinh chỗ này với kinh Pháp Cú, Dhp 178.] (321) 384 [Nguyên văn cụm chữ cuối này: upadhivivekā. MA giải nghĩa chữ upadhi (sự thu-nạp; (HV) sanh y) ở đây là chỉ năm dây khoái-lạc giác quan (ngũ dục lạc). Mặc dù 03 mệnh đề đầu [hiếm khi được dùng trong kinh điển] dường như cũng diễn tả ý cũng giống như 02 mệnh đề sau [thường được dùng trong các kinh để diễn tả về tầng thiền định thứ nhất], nhưng MṬ thì cho rằng 03 mệnh đề đầu là chỉ cái phương tiện trước khi trở thành “hoàn toàn tách-ly khỏi những khoái-lạc giác quan, tách-ly khỏi những trạng thái bất thiện”; (điều này nghe cũng có lý).]

- (Nhân tiện, trong quyển “Trích Chọn Những Kinh Theo Các Chủ Đề Giáo Lý”, nhà sư TKBĐ có chú giải thêm về chữ này như sau: [“sự thu-nạp, sự thu-nhập; (HV) sanh y)” là dịch chữ “upadhi”. Trong bối cảnh này hầu như diễn tả những sự thu-nạp về vật-chất, sự đắc-được, sự sở-hữu về vật chất, tiện nghi, hay về sắc-thân của ‘ta’ (sắc sanh y); chứ không phải chỉ sự thu-nạp về cách-nhìn hay quan-điểm (kiến sanh y).]) (654) 385 [Đoạn này cho thấy sự tu tập thiền quán minh-sát (vipassanā) dựa trên cơ sở trạng thái định-tâm (samatha), dùng trạng thái tầng thiền định (jhāna) làm cơ sở tu tập sự minh-sát và tầng thiền định đó làm đối-tượng thiền quán minh-sát. Coi thêm kinh MN 52.4 và chú thích 552 ở mục 4 đó.

- Ở đây, trong 11 tính chất đó, 02 thuật ngữ “vô thường” và “đang tan rã” là mô tả đặc tính của sự “vô-thường”; 02 thuật ngữ “như kẻ lạ”, “trống không”, và “vô ngã” là đặc

tính của sự “vô-ngã”; 06 thuật ngữ còn lại là đặc tính của sự “khổ”.] (655)

386 [MA giải nghĩa là: Người đó “chuyển hướng tâm mình” khỏi năm uẩn nằm trong tầng thiền định (jhāna) mà trong đó người đó nhìn thấy nó được ấn chứng bởi 03 đặc tính ‘vô-thường, khổ, vô-ngã’. Yếu tố bất-tử (amatā dhātu) ở đây là chỉ Niết-bàn. Đầu tiên “người đó hướng tâm mình vào yếu tố nó” bằng tâm thức thấy-biết (minh sát), sau khi đã từng được nghe/học rằng nó được đề cao và mô tả là “bình an và siêu phàm”…vân vân. Rồi, bằng thánh đạo siêu thế, “người đó hướng tâm mình nó” bằng cách coi nó là một đối-tượng và thâm nhập nó là trạng thái “bình an và siêu phàm” … vân vân.] (656) 387 [“Sự mong-muốn có được Giáo Pháp, sự thích-thú Giáo Pháp” là dịch cụm chữ “Dhammarāgena dhammanandiyā”. Dường như sự mong-muốn có được Giáo Pháp và sự thích-thú Giáo Pháp làm cùng lúc 02 việc như sau: (1) bởi vì cả 02 sự đó đều được hướng về Giáo Pháp, cho nên chúng thúc đẩy người tu đi tới tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử); (2) bởi vì cả 02 sự đó vẫn là dạng mong-muốn và vui-thích (= tham muốn, vui thích đều thuộc dạng tham-dục), cho nên chính chúng lại ngăn cản người tu chứng đắc thánh quả A- la-hán (vì còn tham-dục cho dù đó là tham-dục thiện. Chừng nào người tu tiêu diệt luôn các dạng vi-tế nhất của tham-dục và các gông-cùm cao hơn còn lại (thượng phần kiết sử) thì người tu mới có thể chứng đắc mục-tiêu cuối cùng, đó là sự tiêu-diệt sạch sẽ tham, sân, si theo như định nghĩa sơ đẳng nhất của Niết- bàn).

- Kinh MN 52 mục 4 cũng có chú thích 553 về nghĩa của đoạn này, mời đọc thêm.] (657) 388 [Ở đây, từ những tầng thiền vô-sắc giới, lời kinh chỉ còn nói về năm uẩn thuộc tâm (thọ, tưởng, hành, thức). Uẩn sắc không còn được nói đến (vì đây là những trạng thái vô-sắc giới).

- Lưu ý: từ mục 13 này cho tới mục 15 chỉ kể ra 03 tầng chứng đắc vô-sắc giới đầu tiên, chứ không đề cập tới tầng chứng đắc thứ tư là ‘Phi tưởng phi phi tưởng xứ’ vì nó là quá vi tế … Mời coi thêm chú thích 554 trong kinh MN 52, mục 14.] (658) 389 [Trong kinh này, cụm chữ kāyassa bhedā (khi thân tan rã, hay với sự tan rã của thân) không được theo sau bởi cụm chữ paraṃ maraṇā (sau khi chết) như chúng ta thường thấy trong rất nhiều kinh khác. Sự bỏ bớt này dường như do cố ý. Có lẽ mục đích để chỉ rằng người được mô tả như vậy có thể chứng ngộ Niết-

bàn ngay thời khắc chết, chứ không phải (sau khi ‘chết rồi’ và) tiếp tục qua một sự hiện-hữu khác thì mới Niết-bàn.] (855) 390 [Theo như nội dung của bài kinh này, sự phân biệt giữa việc dùng ‘những đối-tượng đáng ghê-tởm’ và ‘những tầng thiền định’ sẽ quyết định người tu sẽ chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm (sasaṅkhāraparinibbāyī) hay không cần sự cố-gắng thêm (asaṅkhāraparinibbāyī). Sự phân biệt giữa ‘năm-căn là yếu ớt’ và ‘năm-căn là nổi trội’ sẽ quyết định người tu chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này (diṭṭh’eva dhamme) hay khi thân tan rã (kāyassa bhedā). Mp nói rằng: loại người (1) và (2) là những người tu thiền minh-sát

khô (sukkhavipassakā) (tức không tu thiền định), là những người lấy 'những hiện-tượng có điều-kiện' (pháp hữu vi) làm đối-tượng thiền (saṅkhāranimittaṃ upaṭṭhapenti) để chú-tâm vào đó (thiền quán). Chữ sasaṅkhārena được giải nghĩa là = sappayogena, điều này cũng ủng hộ cách diễn dịch của tôi là: "nhờ sự cố-gắng, thông qua sự cố-gắng". Hai loại người còn lại (3) và (4) là những người chọn 'thiền-định là cỗ xe tu tập (tu thừa)' (samathayānikā) của họ. (Tương tự giống 04 loại người được nói trong kinh 4:163 ở trên).] (856) 391 [Sáu loại nhận-thức này cũng có ghi trong các kinh khác là SN 46:7176. Như là một nhóm, sáu điều này góp phần tạo nên trí-biết đích thực (chân trí, minh) (cha vījjābhāgiyā dhammā), cũng như sáu sự nhận-thức được nói trong kinh AN 6:35 là thuộc trí-biết đích thực.] (324) 392 [05 loại thánh Bất-lai này [(iii)-(vii)] cũng được nói trong các kinh SN 48:15, 48:24, 48:66; 51:26; 54:5; và 55:25 (Quyển 5).

[1] - Theo Spk chú giải rằng: (iii) "Người sẽ chứng ngộ Niết-bàn trong khoảng- giữa" (antarāparinibbāyī) là người (bậc thánh Bất-lai) được tái sinh vào một trong 05 cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên), và ở đó người đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn trong khoảng giữa "từ sau tái-sinh cho đến giữa-kiếp sau" (tức = trong nửa-đầu kiếp ở cõi đó). Chữ "antarā" trong tiếng Pali có nghĩa: "trong khoảng- giữa, ở giữa một khoảng thời gian (cả nghĩa không gian), trong tiến trình, trong khoảng trung-gian". Cũng theo Spk chú giải thêm rằng: như vậy loại đầu này được phân thành 03 hạng, tùy theo lúc-nào chứng ngộ Niết-bàn: có thể là (i) ngay sau lúc tái sinh vào cõi đó; (2) sau 100 hay 200 đại-kiếp ở cõi đó; hoặc (3) sau 400 đại-kiếp ở cõi đó. Còn (iv): "người chứng ngộ Niết-bàn ngay khi đáp- xuống" (upahacca-parinibbāyī) thì Spk chú giải có nghĩa là người chứng ngộ

Niết-bàn trong khoảng "từ giữa-kiếp sau cho đến hết-kiếp sau" (tức = trong nửa-sau kiếp sau ở cõi đó). (Đây chỉ là sự luận giải và diễn dịch của luận giảng Spk).

(Ở đây, người dịch Việt dịch đúng theo nghĩa chữ của lời kinh là (iii) "người sẽ chứng ngộ Niết-bàn trong khoảng-giữa" (antarāparinibbāyī) và (iv): "người chứng ngộ Niết-bàn ngay khi đáp-xuống" (upahacca-parinibbāyī). Chữ "upahacca" thì: (a) theo thầy TKBĐ dịch là "ngay khi đáp-xuống", và thầy chỉ ra rằng các luận giảng như Spk thì giải nghĩa đó là "người chứng ngộ Bát-niết- bàn ngay sau khi hết nửa-đầu của kiếp ở cõi trời đó, tức nửa-sau kiếp sau". Còn (b) theo tự điển Wisdom Library thì: 'chữ "upahacca" có nghĩa: làm tổn hại, làm tổn thương (nghĩa gốc là đúng vậy); nhưng đã giải thích "upahacca- parinibbāyī là người chứng ngộ Niết-bàn trong nửa-đầu của kiếp ở cõi trời đó", thiết nghĩ đây là sự nhầm lẫn trong biên tập kinh điển (đúng ra chỉ đơn giản dịch là "ngay khi đáp-xuống, tức là lập tức ngay sau khi tái-sinh"). (c) Người dịch cũng thấy HT. Thích Minh Châu cũng dịch là "chứng được Tổn Hại Bát-niết- bàn" nhưng nghĩa 'tổn hại' này, {theo (b) và (c)}, thực sự không rõ ràng đối với người dịch.)

- (v) "Người chứng ngộ Bát-niết-bàn không cần sự cố-gắng thêm" là dịch chữ "asaṅkhāraparinibbāyī" và (vi) "người chứng ngộ Bát-niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm" là chữ "sasaṅkhāraparinibbāyī". Như vầy là cho thấy có thêm 02 kiểu chứng ngộ

Niết-bàn, trong đó 02 loại thánh Bất-lai đầu [(iii), (iv)] chứng đắc mục-tiêu cuối cùng một cách dễ dàng, và các loại thánh Bất-lai còn lại [(v), (vi)] thì chứng đắc một cách khó hơn và cần có thêm sự cố-gắng mạnh mẽ.

[2] (Phần chú giải thêm của thầy TKBĐ về các thuật ngữ như sau:)

- (iii) Nếu chúng ta hiểu chữ "antarā-parinibbāyī" theo ngữ nghĩa gốc của nó là "người chứng bát niết-bàn trong khoảng-giữa", như chúng ta nên làm, thì nó có nghĩa là "người chứng Bát-niết-bàn trong khoảng-giữa (trung-gian) giữa 02 kiếp sống", có lẽ là ngay trong khi còn ở trong một thân vi-tế trong trạng thái trung-gian.

- (iv) Như vậy chữ "upahacca-parinibbāyī" có nghĩa gốc là "người chứng bát niết-bàn ngay khi đáp-xuống (ngay khi chạm đất)" sẽ được hiểu là "chứng bát niết-bàn ngay khi sang kiếp mới, tức là hầu như lập tức ngay sau khi tái-sinh."

(v), (vi) Hai chữ tiếp theo này là chỉ 02 loại người chứng ngộ bát niết-bàn trong tiến trình của kiếp sau, họ chỉ khác nhau ở số lượng sự cố-gắng thêm mà họ phải thực hiện để chứng đắc được mục-tiêu cuối cùng.

(vii) Còn loại cuối cùng là "uddhaṃsota-akaniṭṭha-gāmı": nghĩa gốc là "người hướng thượng lưu tới cõi trời Akaniṭṭha cao nhất" (tạm dịch nghĩa là "người sẽ cuối cùng chứng ngộ bát niết-bàn ở cõi trời cao nhất Akaniṭṭha"). Nghĩa là, người đó được tái sinh lần lượt từ thấp tới cao qua 05 cõi trời trong-sạch đó, sống hết tuổi thọ trong mỗi cõi trời đó, và cuối cùng sẽ chứng thánh quả A-la- hán khi ở trong cõi trời Akaniṭṭha—là cõi trời cao nhất, đại thọ nhất trong 05 cõi trời trong-sạch đó (05 cõi Tịnh cư thiên, sudhavasa); (HV dịch cõi này là 'cõi sắc cứu kính thiên'; bản dịch Việt ở đây giữ nguyên tên "Akaniṭṭha" và mở ngoặc giải thích là 'cõi trời cao nhất thọ nhất trong năm cõi Tịnh cư thiên dành cho các bậc thánh Bất-lai'.)

- Thầy TKBĐ tiếp tục giải thích: Cách diễn dịch này mặc dù trái khác với sự chú-giải trong các luận giảng Pāli, nhưng có lẽ nó đã được xác nhận bởi kinh Purisagati Sutta (Những Nơi-Đến Của Những Người Tu), tức kinh AN 7:55, trong đó có ví dụ về đống que củi đang cháy hàm ý chỉ rằng: 07 loại thánh Bất- lai [07 là do riêng loại đầu "chứng Bát-niết-bàn trong khoảng-giữa" (antarāparinibbāyī) có chứa tới 03 hạng [(1), (2), và (3)] là khác biệt nhau, chúng tạo thành một dãy xếp hạng từ mức độ tinh-nhạy hơn xuống mức độ chậm-trễ hơn của các căn tâm linh của họ.]

- Phần xác nhận thêm nữa là kinh AN 4:131, trong đó giải thích antarāparinibbāyī là người đã loại bỏ gông-cùm tái-sinh (upapattisaṃyojana) nhưng vẫn chưa loại bỏ được gông-cùm hiện-hữu (bhavasaṃyojana). Mặc dù những người theo trường phái Trưởng Lão Bộ (những Theravādin) đã phản bác cách diễn dịch chữ antarāparinibbāyī theo cách như vậy [như coi trong Kv 366], nhưng bằng chứng từ các bài kinh này đã xác thực mạnh mẽ cho cách diễn dịch này. Để đọc chi tiết hơn, mời đọc thêm quyển "Cái Tâm Vô Ngã" (The Selfless Mind) của học giả Herney, trang 98–108.

- Kinh AN 4:169 thì rút ra thêm một cách phân biệt khác nữa, giữa 02 chữ sasaṅkhāraparinibbāyī và asaṅkhāraparinibbāyī, như vầy: (i) chữ đầu là người chứng A-la-hán thông qua sự thiền-quán về các chủ-đề thiền "khắc khổ", ví dụ như: nhận-thức về sự không-sạch ô-uế của thân, hay sự nhận-thức về sự gớm-

ghiếc của thức ăn, hay nhận-thức về sự bất-mãn đối với thế giới, hay nhận-thức về tính vô-thường trong mọi sự tạo-tác, và sự chánh-niệm về cái chết. (ii) Còn chữ thứ hai là chỉ người chứng A-la-hán thông qua sự thiền-định bốn tầng thiền sắc giới (jhana).] (65)

- (Nhân tiện, mời quý vị nên đọc thêm kinh AN 7:55 và các chú thích số từ 1535-1539 trong kinh đó.) 393 [Khi tuyên bố rằng mình không nhận biết một cái 'ta' (ngã) hay thứ gì thuộc về cái 'ta' (ngã sở) trong số năm uẩn, là thầy đã ngầm ý tuyên bố rằng mình đã chứng ngộ ở mức tối thiểu cũng là Nhập-lưu. Nhưng những Tỳ kheo kia không nhận ra rằng tất cả các bậc thánh nhân đều có chung sự hiểu-biết này và họ đã cho rằng sự hiểu-biết này là sự chứng ngộ của riêng bậc A-la-hán mà thôi. Do vậy họ đã hiểu lầm lời tuyên bố của thầy Khemaka giống như thầy đã có ý nói rằng thầy đã chứng ngộ thánh quả A-la-hán vậy.] 394 [Đoạn này nêu rõ sự khác-nhau cốt lõi giữa bậc học-nhân (sekha) và A-la- hán. Bậc học-nhân đã loại bỏ cái quan-điểm có danh-tính (thân kiến) và do vậy không còn nhìn nhận bất kỳ uẩn nào là cái 'ta', nhưng họ vẫn chưa loại bỏ vô- minh, vô-minh còn duy trì tàn dư hơi hướng của sự tự-ta (ngã mạn) và sự tham muốn cái 'ta' (anusahagato asmı ti māno asmı ti chando) trong liên quan với năm-uẩn. Ngược lại, bậc A-la-hán thì đã bứng sạch vô-minh, là gốc rễ của mọi quan niệm sai lầm, và do vậy không còn dung dưỡng ý tưởng nào về cái 'ta' hay 'của-ta'. Những trưởng lão kia rõ ràng chưa chứng ngộ tầng giác-ngộ nào và do vậy không hiểu được sự khác-nhau này; nhưng Ngài Khemaka chắc chắn đã chứng ngộ ít nhất thánh quả Nhập-lưu [Spk-pṭ: một số người cho rằng ngài đã là bậc thánh Bất-lai, số khác cho rằng ngài là Nhất-lai] và do vậy ngài đã biết rõ sự loại bỏ quan-điểm về danh-tính chưa hẳn là đã loại bỏ hết cái cảm-nhận về 'danh-tính cá nhân' của mình. Ngay cả đối với bậc thánh Bất-lai thì "cái mùi chủ-thể" dựa trên năm-uẩn vẫn còn phảng phất trong khắp sự trải nghiệm của mình.] (176) 395 [Spk: Tiến trình tâm của người phàm phu giống như một tấm vải dính đất bụi, dơ bẩn. Ba phần tu thiền quán [về tính vô thường, khổ, vô ngã] thì giống như ba loại chất tẩy giặt tẩy những thứ dơ bẩn ô nhiễm đó. Tiến trình tâm của bậc thánh Bất-lai thì giống như tấm vải đã được giặt tẩy bằng ba loại chất tẩy [và bậc ấy đang tu tiếp chặng thánh đạo A-la-hán để tiến tới chứng ngộ thánh

quả A-la-hán]. Toàn bộ ô-nhiễm đã được tẩy sạch bởi chặng thánh đạo A-la-hán, chỉ còn lại chút tàn dư hơi hướng giống như mùi của nước tẩy hay xà bông còn phảng phất trên tấm vải đã sạch. Còn trí-biết ở chặng thánh đạo A-la-hán thì giống như một ngăn tủ thơm tho mùi thơm, và tiến trình diệt sạch mọi ô-nhiễm bằng chặng thánh đạo này giống như sự phai biến dần dần và sạch mất cái mùi của các chất tẩy còn vương trên tấm vải; sau một thời gian nó được đặt vào ngăn tủ nó sẽ dần dần biến sạch luôn.". (Sự

biến-sạch cái tàn dư của "cảm-nhận về cái 'ta'" chính là sự chứng đắc thánh quả A-la-hán).] (178) 396 [Nguyên văn: Ito bahiddhā (ngoài kia, bên ngoài chỗ này). Nghĩa là ngoài Tăng Đoàn của Phật. Chữ này cũng được ghi trong các kinh Dhp 254–255.] (237) 397 [Nguyên văn cả câu này: Yaṃgatikāni yamparamāni yamphalāni yampariyosānāni nah' eva kho kāyena phusitvā viharati paññāya ca ativijjha passati. Một cấu trúc câu giống vầy [đích-đến của nó, tuyệt-đỉnh của nó, kết-quả của nó, mục-tiêu cuối cùng của nó] cũng có trong kinh SN 46:54 (Quyển 5).

- Học giả Woodward đã dịch cả câu trên như thể từ phủ định là na áp dụng cho cả 02 cụm chữ như vầy: "Người đó an trú không phải trong sự trải nghiệm của chính mình, cũng không chọc thủng thấu và thấu suốt bằng sự minh-sát và nhìn thấy chúng rõ thực" [KS 5:205]. Nhưng cách dịch này đã làm mất đi sự khác- biệt giữa bậc học nhân và vô học nhân: bậc học nhân nhìn-thấy Niết-bàn, mục- tiêu cuối cùng mà 05 căn đạt đỉnh chung-cuộc tới đó [coi thêm ý này trong kinh SN 48:57 (Quyển 5)], nhưng không thể chứng nhập trong sự trải-nhiệm tròn đầy viên mãn về nó; còn bậc A-la-hán thì vừa nhìn-thấy mục-tiêu vừa có thể trải nghiệm nó ngay trong ngay tại đây và bây giờ. Chữ kết nối là ca nên được hiểu theo nghĩa phi kết nối, như Spk đã xác nhận cách diễn dịch của họ: "Người đó (thực sự) an trú sau khi đã tiếp xúc (trạng thái) đó, sau khi đã chứng đắc, bằng thân-danh [nāmakāya: thân của những yếu-tố của tâm (của thân tâm-sở)]; nhưng [pana là chữ giải nghĩa cho chữ ca] người đó hiểu được, bằng trí-tuệ quán xét lại: 'Vượt trên chỗ có một căn—là quả A-la-hán.' Trên cảnh giới của A-la-hán người đó an trú sau khi đã chứng đắc điều này, và người đó hiểu được bằng trí- tuệ quán xét lại: 'Có một căn—đó là quả A-la-hán.'"] (238) 398 [Nguyên văn câu cuối này: Abhabbo khīṇāsavo bhikkhu sikkhaṃ paccakkhātuṃ. Có nghĩa là, vị A-la-hán không còn khả năng từ bỏ 'sự tu-hành

trong Tăng Đoàn' và quay lại 'đời sống tại gia phàm tục' nữa. Ở đây tôi làm theo nguyên bản của Ce. Phiên bản Be và Ee thì ghi 04 điều cuối của kinh 9:08 ở đây; còn kinh 9:08 của phiên bản Be và Ee thì có ghi 04 điều cuối của kinh 9:07 này. Vì vậy trong bản Ee, trang 371 rớt vào kinh 9:08 của bản Ce tiếp theo sau điều "vị đó không còn khả năng bước vào một đường-sai bởi vì sự sợ-hãi."] (1849) 399 [Đoạn kinh chỗ này giống kinh 6:55 (và chú thích 1373 ở đó), nhưng dùng ví dụ khác.] (1894) 400 [Nguyên văn lời kinh là: silāyūpo soḷasakukkuko (một trụ-đá cao 16 kukku). Theo như DOP chú giải: 01 kukku là cỡ = 45 cm, cỡ = ½ thước. Do vậy trụ-đá cao cỡ 8 thước (phần chôn dưới đất 4 thước và phần trên đất 4 thước).] (1895) 401 (Chữ này trong kinh song hành là AN 8:28 có chú thích như vầy: [Chữ này đọc theo Ce là vavakaṭṭhaṃ, khác với Be và Ee ghi là vivekaṭṭhaṃ với chữ vavakaṭṭha là quá khứ phân từ của vavakassati. PED thì nói thẳng nghĩa là "rút lui, lánh đi, lui về, lánh trần, tách ly, tách khỏi.]. (1687).) 402 [Có 37 phần/pháp trợ giúp giác-ngộ (37 bồ-đề phần); nguyên văn: "bodhipakkhiyā dhammā", nghĩa chữ là "những trạng thái thuộc về giác-ngộ", nhưng dịch cho thoát nghĩa là: "những sự trợ giúp giác-ngộ".

- Về "Bốn nền tảng chánh-niệm", quý vị đọc thêm lại đoạn kinh VII,2 và đoạn kinh VIII,8 để biết rõ thêm chi tiết, và chương 47, (Liên-kết (tương ưng) Các nền tảng chánh-niệm), Bộ Kinh Liên Kết (SN).

- "Bốn sự phấn-đấu đúng đắn" (tứ chánh cần) là tương đương với phần "sự nỗ- lực đúng đắn" (chánh tinh tấn) trong Bát Thánh Đạo; chỗ cũng mời quý vị đọc lại thêm đoạn kinh VII,2 và chương 49, (Liên-kết (tương ưng) Bốn nỗ lực đúng đắn), Bộ Kinh Liên Kết (SN).

- "Bốn cơ-sở (tạo ra) thần-thông" (tứ thần túc) bao gồm: sự định-tâm do (1) sự mong-muốn, hoặc do (2) sự nỗ-lực, hoặc do (3) tâm, hoặc do (4) điều-tra (trạch pháp) bằng với những nguồn lực nỗ lực ý chí; mời quý vị đọc thêm chương 51 của Bộ Kinh Liên Kết (Bốn Cơ-Sở Năng-Lực Tâm Linh hay Thần Thông).

- "Năm căn" (ngũ căn) như được ghi trong đoạn kinh X,1,(2); mời đọc thêm chương 48, (Liên-kết (tương ưng) Năm Căn), Bộ Kinh Liên Kết (SN) để nắm thêm chi tiết.

- "Năm năng-lực" là đồng nghĩa với năm yếu tố cũng được gọi là các căn (trong bảy chi giác-ngộ), nhưng năm năng-lực ở đây mạnh mẽ hơn. Xin coi lại thêm phần "bảy chi giác-ngộ" ở đoạn kinh VIII,9; và mời đọc thêm chương 46, Bộ Kinh Liên Kết (SN), (Liên-kết (tương ưng) Năm Năng-lực Tâm Linh).

- "Bát Thánh Đạo" đã được nói rõ ở đoạn kinh VII,2; mời đọc thêm chương 45, Bộ Kinh Liên Kết (Liên-kết Bát Thánh Đạo).] 403 [Nghĩa là: Nếu người đó chứng đắc không vô biên xứ và qua đời khi (tâm thức) vẫn đang dính-mắc theo cảnh xứ đó, thì người đó sẽ được tái sinh trong không vô biên xứ và sẽ sống hết tuổi thọ ở đó là 20.000 đại-kiếp đã được định cho cảnh giới đó. Trong 03 tầng chứng đắc vô-sắc cao hơn là thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ và phi tưởng phi phi tưởng xứ thì tuổi thọ lần lượt là 40.000, 60.000 và 84.000 đại-kiếp.] (1276) 404 [MA: Câu này được Phật nói ra để chỉ ra sự nguy-hại trong những tầng chứng đắc vô-sắc. Bằng cụm chữ "thì (cảnh xứ) này là có điều-kiện (hữu vi)", Phật đã chỉ ra rằng: "Ngay cả khi tuổi thọ ở đó tới 20.000 đại-kiếp, đó vẫn là (trạng thái) có điều-kiện (hữu vi), được tạo lập, được tạo dựng mà có. Và do nó là hữu-vi, nên nó là vô-thường, không thường hằng chắc chắn, không trường tồn, còn biến đổi (vẫn còn sự hiện-hữu, vẫn còn trong vòng luân-hồi). Nó sẽ bị tiêu vong, tan rã, và tan hoại; nó còn dính trong "sinh, già, chết", và còn dính gốc của sự khổ. Đó chưa phải là một nơi nương-nấu, một chỗ an-toàn, một chỗ tị-nạn vĩnh hằng (khỏi sự khổ đau). Sau khi hết kiếp qua đời ở đó như một người phàm, người đó vẫn có thể bị tái sinh trong một trong 04 cảnh giới đày đọa thống khổ."] (1277) 405 [Nguyên văn cả câu này là: So n'eva abhisankharoti nābhisancetayati bhavāya vā vibhavāya. Hai động từ gợi ý cái khái niệm về sự cố-ý (tư) là một động lực tạo-tác sẽ tạo dựng sự liên-tục của sự hiện-hữu có điều-kiện (kiếp sống hữu vi). Sự chấm-dứt đối với ý-chí muốn được hiện-hữu hay ý chí không hiện- hữu là chỉ ra sự dập tắt dục-vọng muốn được hiện-hữu bất diệt (hữu ái) và dục- vọng muốn diệt-vong (phi hữu ái), đỉnh cao của sự chấm-dứt này là sự chứng đắc A-la-hán.] (1278)

406 [MA nói rằng: tới lúc này Pukkusāti đã thâm nhập (chứng ngộ) 03 thánh đạo và thánh quả, trở thành một bậc thánh Bất-lai. Và lúc này anh ta đã nhận ra người đang dạy cho anh chính là Đức Phật, nhưng do Phật vẫn đang tiếp tục thuyết giảng nên anh ta không thể hiện ra mặt hoặc làm gián đoạn lời Phật.]

- (Lưu ý: Thầy Ananda do căn cứ theo lời Phật ở cuối kinh rằng Pukkusāti khi chết là một bậc thánh Bất-lai, nên khi kết tập kinh này thầy mới gọi Pukkusāti ngay từ đầu kinh là "ngài, thầy ấy". Tuy nhiên, để cho đúng với thực tế theo thời gian, từ đầu kinh tới giờ người dịch Việt vẫn dịch là "anh ta" để người đọc dễ hiểu, thay vì gọi ngay một người chưa thụ giới và chưa là Tỳ kheo và chưa gặp Phật là "ngài, thầy ấy, tôn giả" thì người đọc có thể thấy khó hiểu). (1279) 407 [Đoạn này (mục 23, 24) cho thấy sự an-trú của bậc A-la-hán trong yếu-tố Niết-bàn còn tàn dư [tức còn những yếu-tố của sự hiện-hữu có điều-kiện] (Hữu dư y Niết-bàn giới; sa-upādisesa nibbānadhātu). Mặc dù người đó tiếp tục trải nghiệm những cảm-giác nhưng người đó không còn nhục-dục (tham) đối với cảm-giác sướng, không còn phiền-bực (sân) đối với cảm-giác khổ, và không còn ngu-mờ (si) về cảm-giác trung tính.]

- (Nhân tiện, lời đoạn kinh mẫu như mục 23 và 24 này cũng có trong các kinh: SN 12:51 (Quyển 2; đoạn (1)-(3) phần (II)) chỉ khác ví dụ; kinh SN 22:88 (Quyển 3), SN 36:07 (Quyển 4) và SN 54:08 (Quyển 5) với cùng ví dụ). (1280) 408 [Nghĩa là: người đó tiếp tục nếm trải cảm-giác cho đến khi nào thân cùng với các căn mạng sống (mạng căn) của nó còn tiếp tục, nhưng không vượt xa hơn đó (tức là, chừng nào còn thân thì còn nếm trải cảm-giác; thân chết là hết cảm giác).] (1281) 409 [Câu này chỉ sự chứng ngộ yếu-tố Niết-bàn không còn tàn dư (vô dư y Niết- bàn giới; anupādisesa nibbānadhātu)—đó là sự chấm-dứt tất cả sự hiện-hữu có điều-kiện (hữu vi) cùng với sự qua-đời cuối cùng (lần chết cuối cùng, vì không còn sinh-tử hay hiện-hữu nữa. Niết-bàn khi chết cũng được gọi là Niết-bàn cuối cùng hay Bát-niết-bàn (parinibbana).)] (1282) 410 [Chỗ này (hết mục 25) là đã hoàn thành phần phân-giải (giảng giải, phân tích) về nền-tảng thứ nhất [(A) Trí-Tuệ] bắt đầu từ mục 13. MA nói rằng trí-biết về sự đã tiêu diệt tất cả mọi sự khổ (về sự diệt-khổ hoàn toàn) là loại trí-tuệ thuộc thánh quả A-la-hán (có lẽ bởi vì chỉ bậc A-la-hán, bậc đã tiêu diệt mọi sự

khổ, mới tự mình có được sự-biết hay trí-biết hay trí-tuệ về trạng thái đó; còn những bậc thánh thấp hơn hay người phàm thì chỉ biết thông qua sự học hiểu chứ chưa phải biết bằng sự tự chứng).] (1283) 411 [Ở đây MA đã đề cập tới 04 loại sự thu-nạp (upadhi; (HV) sanh y): mời coi lại chú thích 674 ở kinh MN 66, mục 14 như vầy: [Upadhi: sự thu-nạp, sự thu- nhập, sự thu-vào; (HV) sanh y. MA giải thích câu này nghĩa là: Để dẫn tới sự dẹp bỏ 04 thứ thu-nạp (upadhi)—đó là: năm uẩn (ngũ uẩn), những ô-nhiễm (lậu hoặc), những sự tạo-tác cố-ý (các hành), và năm dây khoái-lạc giác quan (ngũ dục-lạc) (khandh'upadhikiles'upadhi abhisankhār'upadhi kāmaguṇ'upadhi).].] (1284) 412 [Chữ "những làn sóng nhìn-nhận" (hay làn sóng vọng-tưởng) là dịch chữ mannussavā: giống

như đoạn kinh này sẽ cho thấy, những ý-nghĩ và những ý- niệm (sự nghĩ-tưởng, sự nhận-lầm, quan-niệm này nọ) xuất phát từ 03 gốc-rễ của sự nhìn-nhận này nọ (vọng tưởng)—đó là dục-vọng (ái), sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây), và những quan-điểm này nọ (tà kiến). Để coi thêm sự giảng giải đầy đủ hơn về "sự nhìn-nhận", mời coi lại chú thích 6 ở kinh MN 1, mục 3.

- Trí giả bình an hay trí giả trầm mặc, bậc mâu-ni [muni santo] ở đây là chỉ một A-la-hán.] (1285) 413 [Thứ không còn bên trong bậc ấy, (nguyên nhân mầm móng của sự tái-sinh), chính là dục-vọng muốn được hiện-hữu (hữu ái), chính loại dục-vọng này dẫn dắt những người chưa tẩy sạch nó sẽ còn bị tái-sinh lại sau khi chết.] (1286) 414 [Sự quấy-động = dục-vọng, vì vậy "bất-động" ở đây = không còn bị quấy động bởi dục-vọng.] (100) 415 [Bảy phẩm-hạnh, gồm: niềm-tin, sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức, sự biết sợhãi việc làm sai trái, sự học-hiểu, sự nỗ-lực (tinh tấn), sự chánh-niệm, và trí-tuệ. Coi thêm kinh MN 53, mục 11-17.] (101) 416 [Bảy châu-báu: bảy chi giác-ngộ (thất giác chi); coi thêm SN 46:42. Ba-phần tu-tập gồm: phần giới-hạnh bậc cao, phần (định-)tâm bậc cao, và phần trí-tuệ bậc cao [giới, định, tuệ].] (102)

417 [Mười yếu-tố: gồm tám phần Bát Thánh Đạo đã hoàn thiện cộng với sự hiểu- biết đúng đắn, và sự giải-thoát đúng đắn. Đặc biệt chúng được gọi là "mười" (phẩm chất) của một người tu đã vượt trên sự tu-học và đã thành bậc vô-học nhân [asekha]. Lời kinh mô tả như vầy cũng có ghi trong các kinh MN 65, mục 34, MN 78, mục 14. Về chữ 'con rồng' [nāga], coi chú thích chi tiết ở kinh SN 1:37, thi kệ 122.] (103) 418 [Spk: ba sự phân-biệt đối đãi: ba ý niệm này nọ về cái 'ta' như: "Tôi tốt hơn", "Tôi bằng", "Tôi kém hơn".] (104) 419 [TKBĐ: Ở đây, chữ 'người được giải-thoát nhờ trí-tuệ' ở cuối câu này có lẽ là nghĩa chung để chỉ tất cả những A-la-hán chứ không phải để phân biệt với những A-la-hán được giải thoát bằng 'sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm' hay 'sự giải-thoát về cả hai phương diện' (vừa sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm + sự giải-thoát nhờ trí-tuệ). Không như kinh MN 70, mục 15, chú thích số 702 thì giảng giải về sự khác-biệt của 03 loại giải-thoát đó. Coi thêm chú thích số 210 ở kinh SN 12:58 (Quyển 2).] (89) 420 [Lời bài kinh này cũng nằm trong Đại Kinh Bát-niết-bàn (Mahāparinibbāna Sutta, DN 16), nhưng chỉ khác là không có đoạn cuối; một phiên bản giống hơn của nó tạo thành kinh DN 28. Trong DN 16 thì vị trí thời gian có vẻ đáng nghi vấn; coi chú thích 157 của kinh 47:13 bên dưới.] (151) 421 [Spk: Āsabhı vācā (một lời thốt lên, một lời cất lên): giống như [sự cất lên lời] của một con bò đực đầu đàn (usabha), bất lay chuyển, không rung động. Ekaṃso gah (dõng dạc, dứt khoát = nhất định, rành rành) nghĩa là: không được nói ra theo kiểu hùa theo lời đồn, lời truyền ... mà theo cách như chính mình đã thâm nhập bằng sự-biết của mình, do vậy đó là "dứt khoát, dõng dạc". Nghĩa là điều đó đã được tuyên bố như một kết luận chắc chắn (sannitṭhānakathā va).] (152) 422 [Spk giải thích đây là evaṃdhammā as samādhipakkhā dhammā (những trạng thái thuộc sự định-tâm) và nói rằng chữ evaṃvihārino được thêm vào để bao gồm cả 'sự chứng đắc sự chấm-dứt' (diệt định).] (153) 423 [Nguyên văn câu cuối này: Api ca dhammanvayo vidito. Spk luận giải rằng: Sự-biết nhờ suy luận (anumānañāña) đã khởi sinh đúng theo

những hàm-nghĩa của sự-biết của thầy ấy về Giáo Pháp; phương-pháp luận (nayaggāha) đã được

Chú Thích • 531

hiểu. Ý thầy ấy nói rằng: "Khi con chỉ đứng trên sự-biết của những sự hoàn- thiện (ba-la-mật) của một đệ tử, con biết được từ góc nhìn này, thưa đức Thế Tôn."] (154) 424 [Spk: Ở đây 'bốn nền tảng chánh-niệm' là sự minh-sát (thiền quán), 'bảy chi giác-ngộ' là con-đường (đạo), và sự giải-thoát toàn thiện vô thượng là quả A-la- hán. Hoặc nói cách khác, 'bảy chi giác-ngộ' là hợp chứa cả hai [thiền-quán và đạo]. (155) 425 [Câu kết này cũng là câu kết của kinh DN 28.] (156) 426 [Về sự "cất lên tiếng gầm sư tử" của Phật, mời coi thêm kinh SN 22:78 (Quyển 3, 84–86). Bánh xe của Trời Brahmā là tối thượng, là bậc nhất, là bánh xe siêu xuất nhất, chính là bánh xe Giáo Pháp (dhammacakka; pháp luân xa) với 02 ý nghĩa của nó là: (i) trí-biết thâm nhập sự-thật (trí chứng ngộ) và (ii) trí-biết về cách thuyết giảng Giáo Pháp (trí thuyết pháp), theo MA.] (181) 427 (Để biết thêm chi tiết, xin đọc lại kinh MN 115, các mục 12–19.) [Trong Vbh §809 đã giải nghĩa loại trí-biết này bằng cách trích dẫn một đoạn dài từ kinh MN 115.12–17. Tuy nhiên, MA thì giải thích khác, coi đây là trí-biết về mối tương quan giữa những nhân và những quả của chúng (trí về lý nhân-quả).] (182)

[Loại trí-biết này có thể được minh họa bằng "sự phân-giải về nghiệp" bởi 428

Đức Phật trong các kinh MN 57, MN 135, và MN 136.

- MA giải thích "tiềm-năng xảy ra" hay "khả năng xảy ra" (ṭhāna) là cảnh giới, những tình huống hoàn cảnh, thời gian, và sự nỗ lực; tức là chỉ những yếu-tố có thể ngăn chặn hoặc xúc tác tạo ra kết quả (nghiệp quả). Còn "những nguyên- nhân" (hetu) chính là hành-động đã làm, chính là nghiệp (kamma). (Nghiệp là nhân).] (183) 429 [Loại trí-biết này sẽ được nói rõ trong các mục 35–42 bên dưới của kinh này.] (184) 430 [Sự hiểu-biết của Như Lai về nhiều loại yếu-tố (giới; thành tố, thành phần) cấu thành nên thế giới, được thấy có ghi trong kinh MN 115, mục 4–9.] (185)

532 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

431 [Luận giảng [Vibh §813] giải thích rằng Như Lai hiểu biết rõ rằng những chúng sinh có những khuynh-hướng hướng lên (tốt hơn, cao hơn) hoặc hướng- xuống (xấu hơn, nhược hơn), và rằng những chúng sinh có xu-hướng giao lưu với những người thuộc cùng loại người như mình (như kiểu: áo đen thường đi với áo đen, áo trắng thường đi với áo trắng; người xấu ác thường giao lưu người xấu ác, người tốt thiện thường giao lưu người tốt thiện).] (186) 432 [Vbh §§814–27 có phân tích chi tiết. MA thì chỉ nói một cách ngắn gọn rằng Phật hiểu biết rõ về sự bố-trí cao-thấp của năm căn (cao hơn và thấp hơn) của những chúng sinh khác nhau như: căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ.] (187) 433 [Theo Vibh §828: sự ô-nhiễm (saṅkilesa) là một yếu tố gây ra sự suy đồi; còn sự thanh-tẩy (vodāna) là yếu tố tạo nên sự tốt đẹp, siêu xuất; còn sự thoát- ra (vuṭṭhāna) thì có nghĩa bao gồm cả sự thanh tẩy ô-nhiễm và sự thoát-ra khỏi trạng thái các tầng thiền định sắc-giới hay tầng chứng đắc vô-sắc nào đó.

- Còn 08 sự giải-thoát (vimokkha) thì có được ghi trong các đoạn kinh DN 15, mục 35, DN 16, mục 3.33, MN 77, mục 22, MN 137, mục 26…v.v…

- 09 tầng chứng-định (samāpatti) là bao gồm: 04 tầng thiền định sắc giới (jhana), 04 tầng chứng đắc vô-sắc giới, và tầng chấm-dứt cảm-giác và nhận- thức (diệt thọ tưởng định); coi thêm kinh MN 25, mục 12–20.] (188) 434 [Cụm chữ thành ngữ yathābhataṁ nikkhitto evaṁ niraye là hơi bị tối nghĩa; cách dịch nghĩa này là theo sự giải nghĩa của luận giảng như vầy: "Người đó sẽ bị đọa trong địa ngục như thể bị lôi đi và đưa xuống đó bởi những giám ngục của địa ngục".] (189) 435 [Spk chú giải: sư tử ra khỏi hang và gầm lên được ví dụ với hình ảnh Phật xuất hiện trong thế gian và tuyên dạy Giáo Pháp vậy. Tiếng gầm của sư tử được ví dụ với "sự thiết lập sự quay chuyển" Bánh Xe Giáo Pháp của Phật trong khu Vườn Nai, và sự sợ hãi của những con thú nhỏ giống như "sự khởi sinh sự sợ- hãi của sự-biết" (ñāṇasantāsassa uppatti) trong những thiên thần sống đại thọ sau khi họ nghe Đức Phật tuyên thuyết về Bốn Diệu Đế; (tức sau khi họ nghe được Bốn Diệu Đế, họ thấy sợ hãi vì biết rằng sự sống của họ cũng là vô thường và sẽ bị biến diệt, chứ không phải thường hằng mãi mãi như họ đã tưởng).] (105)

436 [Đoạn này cũng có ở kinh SN 12:21 (Quyển 1), coi thêm chú thích trong đó. Spk tham chiếu theo kinh SN 22:56 để chú giải về sự sinh và diệt của năm-uẩn.] (106) 437 [Spk: "hầu hết họ" (yebhuyyena) nghĩa là tất cả họ ngoại trừ những thiên thần là những thánh đệ tử (như Nhất-lai, Bất-lai) … "Bị nằm trong cái danh-tính này" (sakkāyapariyāpannā): tức nằm trong năm-uẩn này. Như vậy Đức Phật đã dạy cho họ Giáo Pháp được ấn chứng bởi ba đặc-tính (vô thường, khổ, vô ngã), chỉ ra cho thấy những nhược điểm của vòng luân-hồi hiện-hữu, và sự sợ-hãi và khiếp-sợ khi biết rằng mình đang ở trong cái vòng đó.] (107) 438 [Mp nhận dạng chữ "thế giới" (loka) ở đây là đồng nghĩa sự thật về khổ (Diệu đế 1). Bốn trách phận (việc phải làm, phải tu; bổn phận) Như Lai đã hoàn thiện ở đây là tương ứng với bốn trách phận đối với Bốn Diệu Đế, đó là—hoàn- toàn hiểu sự thật về khổ, dẹp-bỏ sự thật về nguồn-gốc khổ, chứng ngộ sự thật về sự chấm-dứt khổ, và tu tập con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ—nhưng ở đây chữ "hoàn toàn tỉnh thức" (abhisambuddha) đã được dùng để thay thế chữ "hoàn-toàn hiểu" (pariññāta) đối với Diệu đế 1. Coi thêm kinh SN 56:11 (Quyển 5).] (655) 439 [Mp, giống như những luận giảng khác, đã giải thích thứ được nhìn thấy (diṭṭha) là cơ sở hình-sắc nhìn thấy được (sắc xứ); thứ được nghe thấy (suta) là cơ sở âm-thanh (thanh xứ); thứ được cảm thấy hay cảm nhận (muta) là những cơ sở mùi-hương, mùi-vị, và những cảm-nhận chạm xúc; và thứ được nhận biết hay nhận thức (viññātaṃ) là cơ sở những hiện-tượng thuộc tâm (pháp xứ). Ba chữ "được đạt đến, được tìm cầu, được suy xét bởi cái tâm" (pattaṃ pariyesitaṃ anuvicaritaṃ manasā) chỉ đơn giản là lặp lại đồng nghĩa với chữ "được nhận biết" mà thôi. Mp cũng giải thích đuôi chữ –gata [nghĩa gốc là "đã đi"] trong chữ "Tathāgata" trong kinh này là đồng nghĩa với chữ "đã hoàn toàn tỉnh thức hay giác ngộ" (abhisambuddha).] (656)

++++

534 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

Chú Thích • 535

536 • Trích chọn Các Kinh theo các chủ đề giáo lý

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.